

MICHAEL CRICHTON

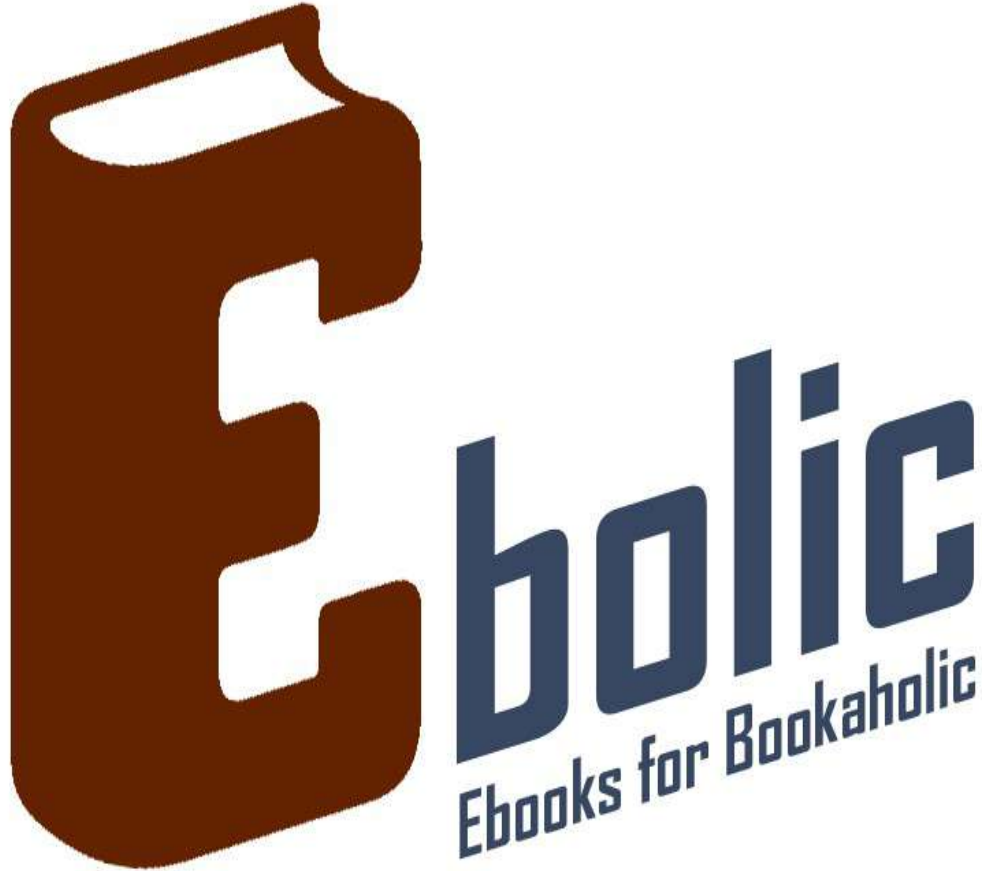


D Ò N G  
THỜI GIÀN



TRƯỜNG BẠN  
CAMPUS

Tác phẩm: **Dòng thời gian**  
Nguyên tác: **Timeline**  
Tác giả: **John Michael Crichton**  
Vẽ minh họa: **Catherine Kanner**  
Thể loại: **Tiểu thuyết khoa học viễn tưởng**  
Dịch giả: **Nguyễn Vĩnh Hằng**  
Nhà phát hành: **Nhã Nam**  
Nhà xuất bản: **Lao Động**  
Năm xuất bản: **31/03/2015**



**Dự án Ebolic #29**

Shooting: **Ấn danh**

Typing: **MaiAnh, Ngọc Thủy, Lemontree123, Amy, Goby, Tornad, Rylpee**

Checking: **Tornad**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **6/7/2017**

**Ebolic** là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho

cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

**Liên hệ với Ebolic qua:**

**Email:** [ebook@bookaholic.vn](mailto:ebook@bookaholic.vn)

**Group:** [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

**Fanpage:** [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

# MỤC LỤC

[GIỚI THIỆU: Khoa học cuối thế kỷ](#)

[CORAZÓN](#)

[DORDOGNE](#)

[BLACK ROCK](#)

[CASTELGARD](#)

[37:00:00](#)

[36:50:22](#)

[36:49:19](#)

[36:30:42](#)

[36:30:00](#)

[36:28:04](#)

[36:13:17](#)

[35:31:11](#)

[35:25:18](#)

[34:25:54](#)

[33:12:51](#)

[32:16:01](#)

[36:02:00](#)

[31:40:44](#)

[31:15:58](#)

[30:51:09](#)

[30:40:39](#)

[30:21:02](#)

[30:10:55](#)  
[29:10:24](#)  
[29:10:00](#)  
[28:57:32](#)  
[28:12:39](#)  
[27:27:22](#)  
[26:12:01](#)  
[26:12:01](#)  
[16:12:23](#)  
[15:12:09](#)  
[14:52:07](#)  
[11:01:59](#)  
[09:57:02](#)  
[09:57:02](#)  
[09:27:33](#)  
[09:25:12](#)  
[09:10:23](#)  
[09:04:01](#)  
[07:34:49](#)  
[07:34:49](#)  
[07:24:33](#)  
[06:40:27](#)  
[06:40:22](#)  
[05:19:55](#)  
[03:10:12](#)

[02:55:14](#)

[02:22:13](#)

[01:33:00](#)

[01:22:12](#)

[01:13:52](#)

[01:01:52](#)

[00:59:20](#)

[00:54:00](#)

[00:36:02](#)

[00:33:09](#)

[00:21:52](#)

[00:15:02](#)

[00:09:04](#)

[00:05:30](#)

[00:01:44](#)

[PHẦN KẾT](#)

[LỜI CẢM ƠN](#)

## **GIỚI THIỆU: Khoa học cuối thế kỷ**

Một trăm năm trước, vào giai đoạn cuối thế kỷ mười chín, các nhà khoa học khắp thế giới đã thỏa mãn khi vẽ nên được một bức tranh chính xác về thế giới vật chất. Theo lời nhà vật lý Alastair Rae, “Đến cuối thế kỷ mười chín, có vẻ như những định luật nền tảng quy định sự vận động của thế giới vật chất đều đã được biết đến.” Quả thực là nhiều nhà khoa học đã khẳng định rằng nghiên cứu vật lý đã gần như hoàn thiện: Không có những khám phá lớn nữa mà chỉ còn những nghiên cứu chi tiết hơn nhằm hoàn thiện một vấn đề nào đó.

Nhưng đến cuối thập kỷ cuối cùng, một vài vấn đề gây tò mò đã xuất hiện. Roentgen phát hiện ra những tia có thể xuyên qua da thịt; vì không thể giải thích được nên ông đã gọi chúng là tia X. Hai tháng sau, Henri Becquerel vô tình phát hiện ra rằng một mẫu quặng uranium phát ra thứ gì đó làm mờ phim. Và electron, hạt vật chất mang điện, được phát hiện năm 1897.

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quan, các nhà vật lý vẫn giữ thái độ bình thản và chờ đợi những trường hợp cá biệt này rồi cuối cùng sẽ được giải thích thông qua các lý thuyết sẵn có. Không ai có thể tiên đoán được rằng chỉ trong vòng năm năm cái nhìn tuyệt đối của họ về thế giới sẽ bị đảo lộn một cách đáng kinh ngạc, tạo ra một khái niệm hoàn toàn mới về vũ trụ và những công nghệ hoàn toàn mới có thể đem lại thay đổi ngoài sức tưởng tượng cho cuộc sống thường nhật của thế kỷ hai mươi.

Nếu bạn nói với một nhà vật lý tại thời điểm năm 1899 rằng vào năm 1999, tức là một trăm năm sau, những hình ảnh động sẽ được truyền đến từng gia đình trên khắp thế giới từ vệ tinh vũ trụ; rằng những quả bom với sức mạnh không thể tưởng tượng nổi sẽ đe dọa hệ sinh thái; rằng kháng sinh sẽ tiêu diệt bệnh truyền nhiễm nhưng bản thân những căn bệnh đó cũng sẽ phát triển cơ chế kháng thuốc; rằng phụ nữ sẽ có quyền bầu cử, và có thuốc



giúp họ kiểm soát quá trình sinh sản; rằng hàng triệu người sẽ bay lên không trung mỗi giờ trong những chiếc máy bay có khả năng cất cánh và hạ cánh mà không cần đến tác động trực tiếp của con người; rằng con người có thể vượt qua Đại Tây Dương với tốc độ 3.200 ki lô mét trên giờ; rằng nhân loại sẽ du hành lên mặt trăng, và rồi cũng chẳng hứng thú với chuyện đó nữa; rằng kính hiển vi sẽ đủ mạnh để thấy được từng nguyên tử riêng rẽ; rằng con người sẽ mang bên mình những chiếc điện thoại nặng vài chục gam, và nói chuyện ở bất kỳ đâu trên thế giới mà không cần dây nối; hoặc rằng hầu hết những điều kỳ diệu trên đều phụ thuộc vào những thiết bị với kích cỡ chỉ bằng một con tem, ứng dụng một lý thuyết mới với tên gọi là cơ học lượng tử – nếu như bạn nói tất cả những điều đó thì nhà vật lý đó gần như chắc chắn sẽ khẳng định rằng bạn bị điên.

Hầu hết những tiến bộ đó là không thể tiên đoán được trong bối cảnh năm 1899, vì lý thuyết khoa học phổ biến thời đó cho rằng chúng là bất khả thi. Và với một số ít còn lại được cho rằng không bất khả thi như máy bay thì mức độ ứng dụng rộng lớn của chúng sẽ bị coi là không thể lý giải được. Người ta có thể đã tưởng tượng ra một chiếc máy bay nhưng đồng thời mười nghìn chiếc trên không trung sẽ là ngoài sức tưởng tượng.

Do đó, không hề quá lời khi nói rằng ngay cả những nhà khoa học am hiểu nhất, đứng ở ngưỡng cửa của thế kỷ hai mươi, cũng chẳng đoán được điều gì rồi sẽ đến trong tương lai.

\*

\*

Vào thời điểm hiện tại khi chúng ta đứng ở ngưỡng cửa thế kỷ hai mươi mốt, thì hoàn cảnh lại giống khi đó đến kỳ lạ. Một lần nữa, các nhà vật lý lại tin rằng thế giới vật chất đã được giải thích, và rằng sẽ chẳng có cuộc cách mạng tiến bộ nào ở trước mắt nữa. Vì đã từng có tiền lệ nên họ không còn công khai nêu ra các quan điểm này, nhưng suy nghĩ của họ thì vẫn không

thay đổi. Một số nhà quan sát thậm chí còn đi xa hơn khi cho rằng khoa học với tư cách là một lĩnh vực riêng rẽ đã hoàn thành sứ mệnh của mình; rằng chẳng còn gì quan trọng để khoa học khám phá nữa.

Nhưng cũng như giai đoạn cuối thế kỷ mười chín từng đưa ra những gợi ý về những điều rỗi sẽ xảy ra, bối cảnh cuối thế kỷ hai mươi cũng cung cấp những đầu mối cho tương lai. Một trong những vấn đề quan trọng nhất là mối quan tâm đến cái gọi là công nghệ lượng tử. Đây là một nỗ lực trên nhiều lĩnh vực để tạo ra một công nghệ mới có thể tận dụng được đặc tính cơ bản của thế giới ở cấp hạ nguyên tử, và điều này hứa hẹn sẽ tạo ra cuộc cách mạng trong tư tưởng của chúng ta về điều được cho là khả thi.

Công nghệ lượng tử hoàn toàn mâu thuẫn với những ý niệm thông thường của chúng ta về sự vận động của thế giới. Nó thừa nhận một thế giới nơi máy tính hoạt động mà không cần bật lên và chẳng cần tìm cũng có thể thấy bất kỳ đồ vật gì. Một máy tính với sức mạnh không thể tưởng tượng có thể được tạo ra từ một phân tử. Thông tin dịch chuyển tức thời giữa hai điểm mà không cần dây dẫn hay mạng lưới nào. Những vật thể ở xa có thể được nghiên cứu mà không cần tiếp xúc trực tiếp. Máy tính có thể thực hiện các tính toán đối với những hệ thống thiên hà khác. Và dịch chuyển tức thời – “*Phát tôi lên đó, Scotty!*”<sup>1</sup> – là bình thường và được sử dụng theo rất nhiều cách khác nhau.

Vào những năm 1990, nghiên cứu về công nghệ lượng tử bắt đầu cho thấy kết quả. Năm 1995, những thông điệp lượng tử bảo mật cao đã được gửi qua khoảng cách dài gần mười ki lô mét, gợi ra viễn cảnh về sự ra đời của mạng Internet lượng tử vào thế kỷ sau. Tại Los Alamos<sup>2</sup>, các nhà vật lý đã đo được độ dày của tóc người bằng cách sử dụng tia laser chiếu trực tiếp vào sợi tóc. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện thí nghiệm, hình ảnh thu được của tia laser trên màn chắn lại cho thấy dường như ánh sáng đã không bị sợi tóc cản lại. Kết quả “mâu thuẫn với thực tế” này khởi nguồn cho một lĩnh vực mới về định trạng phi tương tác: cái đã được nói đến qua khái niệm “chẳng cần tìm cũng có thể thấy”.

Và vào năm 1998, dịch chuyển tức thời lượng tử đã được tiến hành tại ba phòng thí nghiệm trên thế giới – tại thành phố Innsbruck, tại Rome và tại Cal Tech<sup>3</sup>. Nhà vật lý Jeff Kimble, người đứng đầu nhóm nghiên cứu Cal Tech, khẳng định dịch chuyển tức thời lượng tử có thể áp dụng được cho vật thể rắn:

“Trạng thái lượng tử của một thực thể có thể được truyền cho một thực thể khác... Chúng tôi nghĩ mình biết cách thực hiện điều đó.” Kimble đã để ngỏ khả năng có thể dịch chuyển tức thời con người, nhưng ông tin rằng sẽ có ai đó có thể thử nghiệm trên vi khuẩn.

Những vấn đề kỳ lạ liên quan đến lượng tử này, vốn đi ngược lại logic thông thường, lại nhận được rất ít sự quan tâm của công chúng, nhưng chắc chắn trong tương lai nó sẽ là tâm điểm chú ý. Theo một số dự đoán, trong những thập kỷ đầu của thế kỷ mới, mối quan tâm chính của các nhà vật lý trên thế giới sẽ ít nhiều liên quan đến công nghệ lượng tử.

\*

\*

Và do đó, chẳng có gì bất ngờ khi vào giữa những năm 1990, một vài tập đoàn đã tiến hành những nghiên cứu lượng tử. Dự án Lượng tử Fujitsu đã được lập ra vào năm 1991. IBM lập ra một nhóm nghiên cứu lượng tử vào năm 1993, dưới sự chỉ đạo của Charles Bennett. ATT và những công ty khác không lâu sau đó cũng đi theo hướng phát triển này, cùng với các trường đại học như Cal Tech, và các cơ quan của chính quyền như Los Alamos. Và cũng tương tự như vậy là ITC, một công ty nghiên cứu tại New Mexico. Có vị trí chỉ cách Los Alamos một giờ lái xe, ITC đã có những bước tiến đáng ghi nhận vào ngay đầu thập kỷ chín mươi. Có thể nói rằng ITC là công ty đầu tiên có được những ứng dụng thực tiễn và hoạt động tốt sử dụng công nghệ lượng tử tân tiến vào thời điểm năm 1998.

Nhìn lại thời điểm đó, một sự kết hợp giữa bối cảnh đặc biệt – và sự may mắn đáng kể – đã giúp ITC đi đầu trong một lĩnh vực công nghệ mới đầy ẩn tượng. Mặc dù công ty này khẳng định những phát hiện của mình hoàn toàn vô hại, cái mà họ gọi là hành trình tìm lại cho thấy sự nguy hiểm là quá rõ ràng. Hai người chết, một biến mất, và một người khác bị thương nặng. Hiển nhiên, với những nghiên cứu sinh trẻ tuổi, những người thực hiện cuộc hành trình đó, công nghệ lượng tử mới mẻ này, một sự báo trước của thế kỷ hai mươi mốt, đem lại cho họ mọi thứ trừ chuyện vô hại.

Một sự kiện điển hình của tình trạng chiến tranh với mục đích cá nhân diễn ra vào năm 1357. Ngài Oliver de Vannes, một hiệp sĩ quý tộc danh tiếng người Anh, đã chiếm đóng các thị trấn Castelpard và La Roque, dọc theo con sông Dordogne. Theo như sử sách ghi lại, vị “lãnh chúa vay mượn” này đã trị vì với phẩm cách trung thực, và được người dân yêu mến. Vào tháng Tư, lãnh địa của ngài Oliver đã bị xâm lược bởi một đội quân dữ tợn gồm hai ngàn tên cướp vốn là hiệp sĩ biến chất dưới sự chỉ huy của Arnaut de Cervole, một thầy tu bị rút phép thông công được biết đến với cái tên “Đại Tư tế”. Sau khi thiêu rụi Castelpard, Cervole tiếp tục san bằng tu viện Sainte-Mère ở gần đó, giết hại các thầy tu và phá hủy cối xay nước lừng danh ở Dordogne. Cervole sau đó đã truy đuổi ngài Oliver đến pháo đài La Roque, và một trận chiến khùng khiếp đã diễn ra ở đó.

Oliver cố thủ thành trì của ông với kỹ năng và lòng quả cảm của mình. Những nghiên cứu đương thời cho rằng sự thành công mà Oliver có được là nhờ vào cố vấn quân sự của ông, Edwardus de Johnes. Rất ít tư liệu nói đến người đàn ông này. Một huyền thoại giống như phù thủy Merlin đã được dựng lên xung quanh ông: người ta nói rằng ông có thể đã tan biến vào hư không. Nhà chép sử Audreim cho rằng Johnes đến từ Oxford nhưng những nghiên cứu khác lại nói ông là người Milan. Vì ông chu du với một nhóm những tùy tùng trẻ tuổi, nên ông có nhiều khả năng là một chuyên gia đánh thuê, làm việc cho bất kỳ ai sẵn sàng trả tiền công cho mình. Ông được đào tạo để sử dụng thành thạo thuốc súng và pháo, những công nghệ mới vào thời điểm đó...

Cuối cùng thì Oliver cũng đánh mất thành trì vững chắc của mình khi một tên gián điệp mở một lối đi ở trong thành để lính của Đại Tư tế tràn vào. Kiểu phản trắc như vậy là điển hình cho bối cảnh phức tạp của thời điểm đó.

Trích cuốn *Cuộc chiến một trăm năm trong lòng nước Pháp*

Tác giả M. D. Backes, 1996



# CORAZÓN

“Ai không bị sốc trước thuyết lượng tử thì chẳng hiểu gì về nó hết.”

NIELS BOHR, 1927

“Chẳng ai hiểu thuyết lượng tử hết.”

RICHARD FEYNMAN, 1967

Lẽ ra anh không bao giờ nên đi cái lối tắt ấy.

Dan Baker nhăn mặt khi chiếc xe Mercedes S500 mới cóng của mình chồm lên chồm xuống trên đoạn đường bần thiủ, tiến sâu vào khu định cư của người da đỏ Navajo ở vùng Bắc Arizona. Quanh họ, quang cảnh càng lúc càng cô quạnh: những vùng núi mặt bàn đỏ quạch xa xa về phía Đông, sa mạc phẳng lì kéo thẳng về hướng Tây. Một giờ trước, họ đã đi qua một ngôi làng – những ngôi nhà bụi bặm, nhà thờ và một ngôi trường nhỏ, co cụm lại trước vách đá – nhưng từ đó tới giờ, họ chẳng thấy gì hết, thậm chí một hàng rào cũng không. Chỉ có sa mạc đỏ vắng lặng. Họ không nhìn thấy bất cứ chiếc xe nào trong một giờ qua. Bây giờ đã là giữa trưa và mặt trời đang rọi thẳng xuống đầu họ. Baker, một nhà thầu xây dựng bốn mươi tuổi ở Phoenix, bắt đầu cảm thấy không thoải mái. Đặc biệt khi vợ anh, một kiến trúc sư, là típ người có đầu óc nghệ sĩ nhưng lại không có khả năng tính toán thực tế đối với những thứ như xăng và nước. Bình xăng của anh đã vơi một nửa. Và chiếc xe bắt đầu nóng lên.

“Liz,” anh nói, “em có chắc chúng ta đang đi đúng đường không?”

Ngồi bên cạnh anh, người vợ cúi rạp xuống tấm bản đồ, lấy ngón tay dò đường. “Chắc mà,” cô nói. “Sách hướng dẫn viết là bốn dặm sau khi ngoặt hướng thung lũng Corazon.”

“Nhưng chúng ta đã đi qua Corazon hai mươi phút trước. Chắc đi quá mất rồi.”

“Sao chúng ta có thể không nhìn thấy một trạm mật dịch nào cơ chứ?” cô nói.

“Anh không biết.” Baker nhìn chăm chăm vào đoạn đường trước mặt. “Nhưng chẳng có gì ở đây hết. Em có chắc mình muốn làm việc này không? Anh muốn nói là, chúng ta có thể kiếm được những tấm thảm Navajo tuyệt vời ở Sedona. Họ có tất cả các loại thảm ở Sedona.”

“Ở Sedona,” cô khịt mũi, “không phải hàng xịn.”

“Dĩ nhiên là xịn, em yêu. Thảm nào chả là thảm.”



“Thảm dệt.”

“Được rồi,” anh thở dài. “Thảm dệt.”

“Không, chúng không giống nhau đâu,” cô nói. “Những cửa hàng Sedona đó chỉ bán toàn những thứ vớ vẩn dành cho khách du lịch – chúng là sợi tổng hợp chứ có phải len thật đâu. Em muốn những tấm người ta dệt bán ở khu định cư. Và có vẻ như ở trạm mậu dịch có một tấm thảm cổ họa tiết tranh cát từ những năm hai mươi, của Hosteen Klah. Em muốn có nó.”

“Được rồi, Liz.” Baker thì chẳng hiểu họ cần thêm một tấm thảm Navajo nữa – loại dệt tay – để làm gì cả. Họ đã có hai tá cái như thế rồi. Cô ấy trải nó ra khắp nhà. Và cả những cái gói ghém cất trong tủ nữa chứ.

Họ tiếp tục lái xe, không ai nói với ai câu gì. Con đường trước mặt như một mặt hồ bằng bạc lấp lánh trong cái nóng. Và ảo giác xuất hiện, nhà cửa hay người hiện ra trên đường, nhưng cứ lại gần là sẽ chẳng còn gì hết.

Dan Baker lại thở dài lần nữa. “Chắc chúng ta đã đi quá mất rồi.”

“Thêm vài cây nữa đi,” vợ anh nói.

“Bao nhiêu cây nữa?”

“Em không biết. Một chút nữa.”

“Bao nhiêu cây hả Liz? Em quyết xem chúng ta sẽ phải đi bao xa vì cái thứ đó đi nào.”

“Mười phút nữa,” cô nói.

“Được,” anh nói, “mười phút.”

Anh đang nhìn vào cái đồng hồ đo xăng thì Liz bịt tay lên miệng và nói, “Dan!” Baker ngẩng lên nhìn đường vừa kịp lúc anh nhìn một cái bóng vụt qua – một người đàn ông, mặc đồ nâu, ở bên lề đường – và nghe thấy một tiếng huých mạnh bên sườn xe

“Ôi Chúa ơi!” cô nói. “Chúng ta đâm vào anh ta mất rồi!”

“Cái gì?”

“Chúng ta đâm vào anh chàng đó rồi “

“Không, có đâm đâu. Chúng ta vừa đi vào ổ gà đấy.”

Từ gương chiếu hậu, Baker có thể nhìn thấy người đàn ông đó vẫn đang đứng bên lề đường. Một người mặc toàn đồ nâu, nhanh chóng biến mất trong đám mây bụi phía sau xe khi họ phóng vụt đi.

“Chúng ta không thể đâm vào người đó được,” Baker nói “Anh ta vẫn đang đứng kia.”

“Dan, chúng ta đã đâm vào anh ta mà. Em thấy thế mà.”

“Anh không nghĩ vậy đâu, em yêu.”

Baker lại nhìn vào tấm gương chiếu hậu lần nữa. Nhưng giờ anh chẳng thấy gì trừ đồng bụi mù ở phía sau chiếc xe.

“Chúng ta nên quay lại đi,” cô nói.

“Tại sao?”

Baker khá chắc chắn rằng vợ mình đã nhầm và họ không hề đâm vào người đàn ông bên đường kia. Nhưng nếu họ thực sự đã đâm vào anh ta, và dù anh ta chỉ bị sây sát thôi – một vết rách ở đầu, một vết trầy xước – thì điều đó có nghĩa là hành trình của họ sẽ bị trì hoãn một lúc lâu. Họ sẽ không thể về tới Phoenix trước hoàng hôn được. Chắc chắn kẻ nào ở chốn này đều là người Navajo; họ sẽ phải đưa anh ta tới bệnh viện, hay ít nhất cũng tới thị trấn gần nhất, Gallup, và nơi đó thì lại không nằm trong lộ trình của hai người...

“Em nghĩ anh muốn quay lại,” cô nói.

“Anh có muốn thật.”

“Vậy quay lại thôi.”

“Anh chỉ không muốn gặp phải bất cứ rắc rối nào thôi, Liz.”

“Dan, em không thể tin nổi anh lại thế đấy.”

Anh thở dài, cho xe chạy chậm lại. “Được rồi, anh đang quay xe đây. Anh đang quay xe đây.”

Anh vòng xe một cách cẩn thận để không bị kẹt vào đống cát đỏ bên vệ đường và quay lại chỗ họ vừa đi qua.

\*

\*

“Ôi Chúa ơi.”

Baker tấp vào lề, nhảy vào giữa đám bụi mù mịt bốc lên từ chiếc xe của mình. Anh thở hắt ra khi hứng luồng gió nóng kinh người phả vào mặt và người mình. Ngoài này phải 50 độ mất, anh nghĩ.

Khi bụi tan đi, anh nhìn thấy người đàn ông đang nằm bên lề đường, cổ dùng khuỷu tay nâng người dậy. Người đàn ông khoảng bảy mươi tuổi đang run lẩy bẩy, đầu hói và râu ria lởm chởm. Da ông ta trắng, trông không giống người Navajo chút nào. Trang phục nâu của ông ta là kiểu áo thụng dài. Có lẽ ông ta là tu sĩ, Baker nghĩ.

“Ông không sao chứ?” Baker vừa nói vừa đỡ người đàn ông ngồi dậy trên đoạn đường đầy bụi cát.

Ông lão húng hắng ho. “Ừ. Tôi không sao.”

“Ông có muốn thử đứng dậy không?” anh hỏi. Anh nhẹ cả người khi không thấy máu me gì hết.

“Một phút nữa.”

Baker nhìn quanh. “Xe của ông đâu?” anh hỏi.

Người đàn ông lại ho. Đầu lơ dờ ngúc ngắc, ông ta nhìn chăm chăm vào con đường bụi đất.

“Dan, em nghĩ ông ấy bị thương rồi,” Liz nói.

“Ừ,” Baker nói. Ông lão thực sự trông rất bối rối. Baker lại nhìn quanh lần nữa: chẳng có gì ngoài sa mạc phẳng lặng tỏa ra bốn phía, cứ thế kéo dài mãi thành những lớp bụi mờ ảo.

Không có xe cộ. Không có gì hết.

“Sao ông ấy có thể đến đây được nhỉ?” anh hỏi.

“Thôi nào,” Liz nói, “chúng ta phải đưa ông ấy tới bệnh viện.”

Baker luồn tay xuống nách đỡ ông lão đứng dậy. Quần áo của ông ta rất nặng, làm bằng thứ gì như vải nỉ, nhưng ông ta lại không hề đổ mồ hôi vì nóng. Hóa ra người ông ta lại mát, có khi còn hơi lạnh.

Ông lão nặng nhọc tựa vào Baker khi họ băng qua đường. Liz mở cánh cửa xe phía sau. Ông lão nói, “Tôi đi được. Tôi đi được.”

“Được rồi. Tốt rồi.” Baker giúp ông ta ngồi vào băng ghế sau.

Ông lão nằm xuống tấm nệm da, cuộn tròn người lại, tư thế của một bào thai. Dưới lớp áo chùng, ông ta mặc đồ rất bình thường: quần bò, áo kẻ ca rô, giày Nike. Ông ta đóng cánh cửa lại, và Liz ngồi lại vào ghế trước. Baker lưỡng lự, ở lại bên ngoài giữa cái nóng như thiêu như đốt. Làm sao ông lão này lại có thể ra đây một mình được cơ chứ? Mặc cả đồng đồ mà không hề đổ mồ hôi?

Cứ như ông ta vừa mới bước ra khỏi ô tô vậy.

Vậy có thể trước đó ông ta đang lái xe, Baker nghĩ thế. Có thể ông ta đã ngủ thiếp đi. Có thể chiếc xe của ông ta đã đi chệch đường và bị tai nạn. Có thể vẫn còn người đang bị kẹt trong xe.

Anh nghe tiếng ông lão lẩm bẩm, “Bỏ nó đó, nhắc nó lên. Quay lại mau, đem đi mau, và ra sao.”

Baker băng qua đường để nhìn cho rõ. Anh bước qua một cái ổ gà rất lớn, định chỉ cho vợ xem nhưng rồi lại quyết định không nói gì cả.

Anh không thấy có vết bánh xe ngoài lề đường nhưng có thể nhìn thấy rõ dấu chân của ông lão trên cát. Những vết chân từ mặt đường chạy ngược về phía sa mạc. Cách đó gần ba mươi mét, Baker nhìn thấy gờ một con lạch nhỏ, một khe suối cắt ngang. Những vết chân dường như xuất phát từ đó.

Thế là anh đi theo dấu chân về phía con lạch, đứng bên mép và nhìn xuống đáy. Chẳng có chiếc xe nào cả. Anh không thấy gì hết ngoại trừ một con rắn đang trườn ra khỏi đám đất đá chỗ anh đứng. Anh rùng mình.

Có gì đó trắng trắng phía dưới sườn dốc vài mét đang lấp lóe trong nắng. Baker trèo xuống để nhìn rõ hơn. Nó là một mảnh sứ trắng khoảng 6,5 xăng ti mét vuông. Nó giống một phần của tấm cách điện. Baker nhặt lên, ngạc nhiên khi thấy nó rất mát. Có lẽ nó là một trong những loại vật liệu mới không hấp thụ nhiệt.

Sau khi xem xét mảnh sứ kỹ hơn, anh thấy ba chữ cái ITC được đóng dấu vào một bên mép. Và có cái gì đó như nút bấm thụt vào một bên. Anh băn khoăn không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu mình ấn nút. Đứng giữa trời nắng, với những tảng đá lăn không lồ tròn nhẵn bao quanh, anh ấn nút.

Chẳng có gì xảy ra.

Anh ấn lần nữa. Cũng chẳng có gì hết.

Baker trèo ra khỏi khe suối và quay lại chỗ chiếc xe. Ông lão đang ngủ và ngáy vang. Liz đang ngồi nhìn bản đồ. “Thị trấn lớn gần nhất là Gallup.”

Baker khởi động máy. “Gallup thẳng tiến.”

\*

\*

Quay lại trục đường cao tốc chính, họ đi nhanh hơn, thẳng hướng Nam tới Gallup. Ông lão vẫn đang ngủ. Liz nhìn ông ta và nói, “Dan...”

“Gì cơ?”

“Anh nhìn thấy tay ông ấy chưa?”

“Chúng thì có gì?”

“Đầu ngón tay ấy.”

Baker thôi nhìn đường, liếc nhanh ra phía ghế sau. Những ngón tay của ông lão đỏ tới tận đốt thứ hai. “Thì sao em? Ông ấy bị cháy nắng,”

“Chỉ đầu ngón tay thôi à? Sao không phải là cả bàn tay?”

Baker nhún vai.

“Những ngón tay của ông ấy lúc trước không thế đâu,” cô nói. “Chúng đâu có đỏ khi chúng ta gặp ông ấy.”

“Em yêu, có lẽ lúc ấy em chưa để ý thôi.”

“Em có để ý mà, vì ông ấy có tĩa móng tay. Và em nghĩ một ông lão giữa sa mạc lại còn tĩa móng tay cũng là một chuyện khá thú vị đấy.”

“Ừ hứ.” Baker liếc nhìn đồng hồ. Anh băn khoăn không biết rồi họ sẽ phải ở lại bệnh viện tại Gallup trong bao lâu. Có lẽ phải mất vài tiếng.

Anh thở dài.

Con đường vẫn thẳng tắp trước mặt

Nửa đường tới Gallup, ông lão tỉnh dậy. Ông ta húng hắng ho và nói, “Chúng ta đã tới nơi chưa? Chúng ta đang... ở đâu vậy?”

“Ông cảm thấy sao?” Liz hỏi.

“Cảm thấy sao à? Tôi đang thấy nhiều sao lắm. Ồn, tôi khá ổn.”

“Tên ông là gì?” Liz hỏi.

Người đàn ông chớp mắt nhìn cô. “Điện thoại dở hơi khiến ta rong chơi.”

“Nhưng tên ông là gì?”

Người đàn ông lại nói, “Tên như nhau, đồ lỗi thật mau.”

Baker nói, “Ông ấy nói mọi thứ thành vần điệu hết.”

Cô nói, “Em có để ý thấy mà, Dan.”

“Anh đã xem một chương trình ti vi về chủ đề này,” Baker nói “Nói vần mọi thứ kiểu này tức là ông ta bị tâm thần phân liệt rồi.”

“Vần nhịp đang bắt kịp,” ông lão nói. Và rồi ông ta bắt đầu hát tương lên, gần như đang gào lên giai điệu một bài hát của John Denver:

“Điện thoại dở hơi khiến ta rong chơi,  
tới nơi ta thuộc về,  
đến dãy Black Rocky xưa, đường mòn chốn cũ,  
điện thoại dở hơi, nó đang rong chơi.”<sup>4</sup>

“Ôi trời,” Baker nói.

“Thưa ông,” Liz nói lại, “ông có thể cho chúng tôi biết tên được không?”

“Niobi nguyên tố có thể gây tui hỏ. Những gián đoạn khủng khiếp, công bằng không đất diễn.”

Baker thở dài. “Em yêu, lão này điên rồi.”

“Một tên điên có gọi thế nào thì cũng vẫn bốc mùi thôi.”

Nhưng vợ anh vẫn chưa chịu thua. “Thưa ông, ông có biết tên mình không?”

“Gọi Gordon,” ông lão nói, giờ gần như hét lên. “Gọi Gordon, gọi Stanley. Giữ cho gia đình mê li.”

“Nhưng thưa ông...”

“Liz,” Baker nói, “kệ ông ta đi. Cứ kệ ông ta, được không? Chúng ta còn phải đi xa lắm đấy’.”

Ông lão hát rống lên: “Nơi chốn tôi thuộc về, ma thuật xưa hắc ám, nỗi đau như đũa đám, đất nước sục sôi, tiếng kêu rền rĩ đã vang lên rồi.” Và ngay lập tức, ông ta ca lại cái bài ấy.

“Còn bao xa nữa?” Liz nói.

“Đừng hỏi anh.”

\*

\*

Do đã gọi điện trước nên lúc anh đỗ chiếc xe Mercedes dưới cái ô đỏ cam ở khu cấp cứu của Bệnh viện McKinley, hộ lý đã khiêng cáng đợi sẵn. Ông lão nằm yên khi được chuyển lên cáng, nhưng ngay khi bắt đầu bị nẹp lại, ông ta lập tức nổi điên và quát tháo ầm ĩ, “Cởi trói cho ta, cởi trói cho ta!”

“Chúng tôi làm thế vì sự an toàn của ngài thôi, thưa ngài.” Một trong những hộ lý nói.

“Nói nữa đi, biến khỏi đường ta đi! An toàn là chỗ trú ẩn cuối cùng của bọn côn đồ!”



Baker rất ấn tượng với cách đội ngũ nhân viên xử lý ông lão, nhẹ nhàng nhưng vẫn rất cứng rắn, họ nẹp chặt ông ta xuống. Anh cũng ấn tượng không kém một người phụ nữ tóc đen nhỏ nhắn mặc áo khoác trắng đang bước vào cùng với họ. “Tôi là Beverly Tso sie,” cô nói và bắt tay với họ. “Tôi là bác sĩ trực.” Cô rất bình tĩnh, dù người đàn ông đang nằm trên cáng vẫn tiếp tục gào thét khi họ cố đẩy ông ta vào phòng cấp cứu. “Điện thoại dở hơi khiến ta rong chơi...”

Tất cả mọi người trong phòng chờ đều nhìn chăm chăm vào ông ta. Baker thấy một cậu bé khoảng mười, mười một tuổi gì đó, tay đeo băng, ngồi trên ghế với mẹ, tò mò nhìn ông lão. Cậu bé thì thầm gì đó với mẹ mình.

Ông lão hát, “Tới nơ sơ sơ ta thuộc thuộc vềeeeeeeee...”

Bác sĩ Tso sie nói, “Ông ấy bị thế này bao lâu rồi?”

“Ngay từ lúc đầu. Từ khi chúng tôi đón ông ấy.”

“Trừ lúc ông ấy ngủ,” Liz nói.

“Ông ấy có bị bất tỉnh lúc nào không?”

“Không.”

“Có buồn nôn, nôn mửa gì không?”

“Không.”

“Và hai người đã tìm thấy ông ấy ở đâu? Đã qua thung lũng Corazon chưa?”

“Qua khoảng mười, mười mấy cây.”

“Không xa lắm nhỉ?” cô nói.

“Cô biết chỗ đó à?” Baker nói.

“Tôi lớn lên ở gần đấy mà.” Cô nhướn miệng cười. “Chinle.”

Họ đẩy ông lão vẫn đang gào thét qua một cánh cửa xoay. Bác sĩ Tso sie nói, “Mọi người đợi ở đây, tôi sẽ quay lại ngay khi có thông tin gì đó. Có lẽ sẽ khá lâu đấy. Chắc hai người sẽ muốn đi ăn trưa cái đã.”

\*

\*

Beverly Tsosie thuộc biên chế Bệnh viện Đại học ở Albuquerque, nhưng gần đây mỗi tuần cô lại đến Gallup hai ngày để chăm bà ngoại mình, và trong hai ngày đó cô làm ca ở khu cấp cứu của Bệnh viện McKinley để kiếm thêm chút tiền. Cô thích McKinley với ngoại thất hiện đại sơn đỏ chói và sọc màu kem. Bệnh viện này rất tận tụy phục vụ cộng đồng. Và cô cũng thích Gallup, một thành phố nhỏ hơn Albuquerque, nơi cô cảm thấy thoải mái với góc gác bộ lạc của mình.

Hầu hết các ngày trong tuần, khu cấp cứu luôn yên tĩnh. Chính vì thế, sự có mặt của ông lão tức tối và quát tháo này đã gây ra sự huyên náo. Cô đi xuyên qua rèm vào trong căn phòng nhỏ, hộ lý đã cởi chiếc áo chùng nâu và đôi giày Nike của ông lão ra. Nhưng ông ta vẫn tiếp tục vùng vẫy, đánh lại họ, nên họ vẫn phải nép chặt ông ta lại. Họ đang cố cắt cái quần bò và cái áo kẻ ca rô của ông ta ra.

Nancy Hood, y tá trưởng, nói rằng cũng chẳng vấn đề gì vì áo ông ta cũng đã rách to rồi; đọc túi áo có một đường dích dắc lờm chờm chẳng ăn nhập gì hết. “Ông ta đã xé nó ra và khâu lại. Nếu ai có hỏi thì tôi cũng nói luôn, làm chẳng ra đâu vào đâu hết.”

“Không,” một nhân viên y tế nói, giơ chiếc áo lên. “Nó không hề được khâu lại, nó là một mảnh vải nguyên đấy. Kỳ cục nhỉ, đường sợi vải không liền mạch vì một bên lớn hơn bên còn lại...”

“Gì cũng được, ông ta cũng chẳng tiếc nó đâu,” Nancy Hood nói, ném nó lên sàn nhà. Cô quay sang Tsosie. “Cô có muốn thử kiểm tra ông ta không?”

Ông lão quá điên cuồng. “Chưa cần. Tiêm tĩnh mạch vào hai cánh tay đã. Và soát túi ông ấy. Xem xem ông ấy có thứ gì để nhận dạng được không.

Nếu không có gì, lấy mẫu vân tay của ông ấy và fax đến Washington; có lẽ sẽ có dữ liệu về ông ấy ở đó.”

Hai mươi phút sau, Beverly Tsosie ngồi kiểm tra một cậu bé bị gãy tay khi trượt về chốt ba<sup>5</sup>. Cậu bé đeo kính, trông như một sách và có vẻ rất tự hào về chấn thương thể thao của mình.

Nancy Hood tới và nói, “Chúng tôi đã lục soát ông già.”

“Và?”

“Chẳng có gì hết. Không ví, không thẻ tín dụng, không chìa khóa. Thứ duy nhất trên người ông ta là thứ này.” Cô đưa cho Beverly một mẫu giấy được gập lại. Nó trông giống một bản in từ máy tính, trên đó là những dấu chấm kỳ lạ sắp xếp như một lưới tọa độ. Phía dưới viết ‘mon.ste.mere’.

“ ‘Monstemere’? Cô có hiểu nó có nghĩa gì không?”

Nancy lắc đầu: “Cô hỏi thì tôi trả lời luôn là ông ta bị thần kinh.”

Beverly Tsosie nói, “Chẹp, tôi không thể gây mê ông ta trước khi chúng ta biết được chuyện gì đang diễn ra trong cái đầu đó. Tốt nhất là chụp sọ để kiểm tra chấn thương và tụ máu não.”

“Hệ thống chụp X-quang đang được sửa chữa, nhớ chứ, Beverly? Chờ chụp được X-quang là hết đời luôn ấy. Sao không chụp MRI? Quét toàn thân, ta sẽ có thông tin tổng thể.”

“Được,” Tsosie nói.

Nancy Hood quay ra cửa. “Ô, ngạc nhiên chưa. Jimmy bên cảnh sát đến rồi này.”

\*

\*

Dan Baker đang rất sốt ruột. Đúng như anh đã dự đoán, họ sẽ phải ngồi quanh quần cái phòng chờ của Bệnh viện McKinley hàng giờ. Sau khi ăn trưa – bánh bột nhân thịt burrito rưới tương ớt – họ quay lại và gặp một viên cảnh sát ở bãi đậu xe, đang kiểm tra xe mình, lướt những ngón tay lên cánh cửa bên. Chỉ nhìn thấy anh ta thôi, Baker đã rùng mình. Anh định đi ra chỗ anh cảnh sát nhưng lại thôi. Thay vào đó, họ cùng nhau quay trở lại phòng chờ. Anh gọi cho con gái nói rằng họ sẽ về muộn; thực tế, khả năng cao là phải mai họ mới về Phoenix được.

Và họ cứ đợi. Cuối cùng, đến khoảng bốn giờ, khi Baker ra chỗ bàn làm việc hỏi về tình hình ông lão, người phụ nữ nói, “Anh có phải người thân của ông ấy không?”

“Không, nhưng...”

“Vậy xin hãy ngồi kia đợi. Bác sĩ sẽ ra tiếp anh ngay thôi.”

Anh quay lại và ngồi xuống, thở dài. Anh lại đứng dậy, đi ra chỗ cửa sổ, nhìn về phía chiếc xe của mình. Viên cảnh sát đã đi, nhưng giờ có một tấm giấy bay phấp phới bên dưới cần gạt nước trên kính chắn gió. Baker gõ ngón tay lên bậu cửa sổ. Ở những thị trấn bé nhỏ kiểu này, một khi anh dính vào rắc rối rồi thì chuyện gì cũng có thể xảy ra cả. Càng đợi lâu, tâm trí anh càng quay cuồng với đủ thứ viễn cảnh. Ông lão bị hôn mê; họ sẽ không thể rời thị trấn cho đến khi ông ta tỉnh lại. Ông lão chết; họ bị kết tội giết người. Họ không bị kết tội nhưng bị thẩm tra trong vòng bốn ngày nữa.

Cuối cùng cũng có người ra nói chuyện với họ, không phải là cô bác sĩ bé nhỏ mà là viên cảnh sát. Một anh cảnh sát trẻ tuổi khoảng ngoài hai mươi, mặc bộ cảnh phục chín chu gọn ghẽ. Anh ta tóc dài, và trên tấm bảng tên ghi JAMES WAUNEKA. Baker băn khoăn không biết tên thế là kiểu gì. Có lẽ cậu ta là người Navajo hay Hopi gì đó.

“Ông bà Baker?” Wauneka rất lịch sự, tự giới thiệu bản thân. “Tôi vừa ở chỗ cô bác sĩ. Cô ấy đã kiểm tra xong, và kết quả chụp MRI đã có rồi. Hoàn toàn không hề có dấu hiệu là ông ấy đã bị xe tông. Và tôi cũng đã ra

kiểm tra xe của ông. Không có vết đụng. Tôi nghĩ ông đã đi vào ổ gà nhưng lại tưởng là tông trúng ông ấy. Đường ngoài đó khá xấu.”

Baker liếc vợ nhưng cô không chịu nhìn vào mắt anh. Liz nói, “Ông ấy sẽ ổn chứ?”

“Có vẻ thế, vâng.”

“Thế chúng tôi có thể đi được rồi chứ?” Baker nói.

“Anh yêu,” cô nói, “anh không định đưa cho cậu ấy thứ anh tìm được à?”

“Ồ, có chứ.” Baker lôi mảnh sứ vuông nhỏ bé ấy ra. “Tôi đã tìm thấy thứ này, gần chỗ gặp ông ấy.”

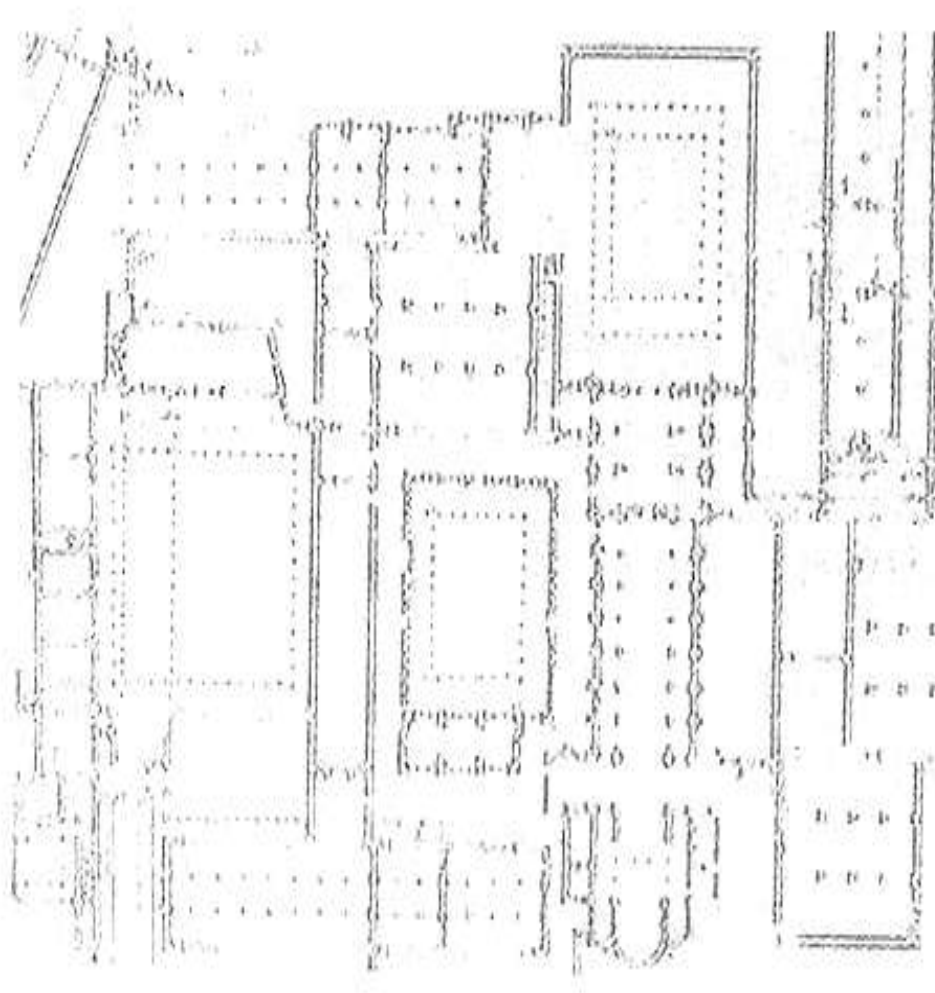
Viên cảnh sát lật lật mảnh sứ trên tay. “ITC,” anh ta đọc chữ khắc trên mặt. “Chính xác là ông đã tìm được thứ này ở đâu?”

“Cách đường gần ba mươi mét. Tôi đã nghĩ có lẽ ông ta đã ở trong một chiếc xe nào đó bị trệch đường nên tôi ra xem thử. Nhưng ở đó chẳng có chiếc xe nào hết.”

“Còn gì khác nữa không?”

“Không. Hết rồi.”

“Vâng, cảm ơn ông,” Wauneka nói, cho miếng sứ vào túi. Và rồi anh ta dừng lại, “Ôi, suýt nữa tôi quên mất.” Anh ta lấy một mẫu giấy ra khỏi túi áo và cẩn thận mở nó ra. “Chúng tôi đã tìm thấy thứ này trong chỗ quần áo của ông ấy. Tôi không biết ông đã thấy nó chưa?”



Baker liếc nhìn tờ giấy: một đồng những dấu chấm được sắp xếp giống như lưới tọa độ. “Không,” anh nói. “Tôi chưa thấy nó bao giờ.”

“Ông không đưa nó cho ông ấy đây chứ?”

“Không.”

“Ông có nghĩ ra thứ này là gì không?”

“Không,” Baker nói. “Tôi chẳng biết nó là cái gì nữa”

“Ồ, tôi nghĩ là tôi biết,” cô vợ nói.

“Bà biết ạ?” viên cảnh sát nói.

“Phải,” cô nói. “Cảm phiền anh, ừm...” Và cô lấy mẫu giấy từ tay anh cảnh sát.

Baker thở dài. Giờ Liz nhập vai cô kiến trúc sư chớp chớp mắt quan sát tờ giấy, xem xét nó một cách thận trọng, lật đi lật lại, nhìn những cái chấm từ trên xuống dưới rồi từ hai bên. Baker biết tại sao. Cô đang cố lảng tránh sự thật rằng cô đã sai, rằng xe anh đã đi vào ổ gà, rằng họ đã phí phạm cả ngày trời ở đây. Cô đang cố làm việc lãng phí thời gian ấy thành ra có ích, cố cho nó chút ít giá trị gì đó.

“Phải rồi,” cuối cùng cô nói, “tôi biết đây là cái gì rồi. Đây là một nhà thờ.”

Baker nhìn những cái chấm trên giấy và nói, “Nhà thờ sao?”

“À, thiết kế sàn của nó đấy,” cô nói. “Thấy không? Đây là trục dọc của thập tự, gian chính trong nhà thờ... Thấy không? Rõ ràng đây là một nhà thờ lớn, Dan. Và phần còn lại của hình này, những hình vuông trong những hình vuông, tất cả đều thẳng hàng, có vẻ như... có vẻ như đây là một tu viện.”

Viên cảnh sát nói. “Tu viện sao?”

“Tôi nghĩ vậy,” cô nói. “Và cái chữ ở dưới thì sao nhỉ: ‘mon.ste.mere.’ ‘Mon’ chẳng phải là viết tắt của monastery<sup>6</sup> sao? Tôi cá đấy. Tôi muốn nói, tôi nghĩ rằng đây là một tu viện.”

Cô đưa bức tranh lại cho viên cảnh sát.

Baker cố ý liếc nhìn đồng hồ, “Chúng ta thực sự phải đi rồi.”

“À vâng,” Wauneka nói khi nhận ra được ẩn ý trong câu nói. Anh ta bắt tay họ. “Cảm ơn sự giúp đỡ của ông bà. Xin lỗi vì đã làm trễ chuyến đi của hai người. Chúc hai người có một chuyến đi vui vẻ.”

Baker quàng chặt tay ra eo vợ mình và dẫn cô ra giữa ánh trời chiều. Giờ đã mát hơn; những chiếc khinh khí cầu đang bay về phía Đông. Gallup là trung tâm của khinh khí cầu. Anh đi ra chỗ chiếc xe. Mảnh giấy dán trên kính chắn gió là mẫu quảng cáo hạ giá trang sức ngọc lam của một cửa hiệu địa phương. Anh giật nó ra khỏi cái cần gạt nước, vò nát nó rồi ngồi vào sau tay lái. Vợ anh ngồi khoanh tay trước ngực, nhìn chăm chăm về phía trước. Anh khởi động máy.

Cô nói, “Em xin lỗi.” Giọng cô nghe khó chịu nhưng anh biết đấy là tất cả những gì anh có thể nhận được.

Anh quay sang hôn lên má cô. “Không sao đâu,” anh nói. “Em làm đúng mà. Chúng ta đã cứu mạng ông ấy.”

Vợ anh mỉm cười.

Anh lái xe ra khỏi bãi đỗ xe và hướng ra đường cao tốc.



Trong bệnh viện, ông lão đã ngủ, mặt nạ ô xy che mất một phần khuôn mặt. Giờ ông ta đã nằm yên; cô đã tiêm cho ông ta một liều thuốc gây mê nhẹ, ông ta đang rất thanh thản, nhịp thở nhẹ nhàng. Beverly Tsosie đứng ở chân giường, bàn về bệnh án với Joe Nieto, một người da đỏ Mescalero Apache, một bác sĩ nội khoa tài năng và cũng rất giỏi chẩn đoán bệnh. “Đàn ông da trắng, khoảng bảy mươi tuổi. Nhập viện trong tình trạng hoảng loạn, mất cảm giác, mất phương hướng cấp độ ba. Có triệu chứng trụ tim nhẹ, men gan hơi cao, ngoài ra không có gì khác thường.”

“Có đúng là họ không đâm xe vào ông ta không?”

“Rõ ràng là không. Nhưng kỳ cục thật. Họ nói thấy ông ta lang thang ở phía Bắc Corazón. Trong vòng bán kính mười dặm thì chẳng có gì ở đó hết.”

“Vậy thì sao?”

“Người này không có dấu hiệu bị bỏ lại ngoài sa mạc, Joe ạ. Chẳng có triệu chứng mất nước, nhiễm xeton<sup>z</sup> nào hết. Ông ta thậm chí còn chẳng bị cháy nắng nữa cơ.”

“Cô có nghĩ ai đó đã bỏ rơi ông ta không? Quá ngán một cụ ông cứ ở nhà giành giật điều khiển từ xa tivi?”

“Phải. Tôi đoán thế đấy”

“Thế còn mấy ngón tay của ông ta thì sao?”

“Tôi không biết.” cô nói. “Ông ta có vài triệu chứng rối loạn tuần hoàn. Những đầu ngón tay của ông ta rất lạnh, tím tái cả đi, thậm chí còn có khả năng bị hoại tử nữa kia. Chẳng biết là bệnh gì nhưng từ khi vào bệnh viện, tình trạng của ông ta càng lúc càng xấu đi.”

“Ông ta có bị tiểu đường không?”

“Không.”

“Xơ cứng tứ chi Raynaud thì sao?”

“Không.”

Nieto đến bên giường bệnh nhìn vào mấy ngón tay. “Chỉ đầu ngón tay mới bị. Và tất cả mọi thương tổn đều ở vùng ngoại biên.”

“Phải,” cô nói. “Nếu không phải ông ta được tìm thấy ở sa mạc thì tôi sẽ cho đó là thương tổn do lạnh giá đấy.”

“Cô đã kiểm tra kim loại nặng cho ông ta chưa, Beverly? Vì có thể đây là nhiễm độc kim loại nặng. Cadimi hoặc thạch tín. Nó có thể giải thích vụ mấy ngón tay và cả chứng mất trí nhớ của ông ta nữa.”

“Tôi đã lấy mẫu. Nhưng kim loại nặng thì phải chuyển tới Đại học New Hampshire ở Albuquerque. Báo cáo phải bảy mươi hai tiếng nữa mới có cơ.”

“Cô có giấy tờ tùy thân, bệnh án, hay bất cứ cái gì tương tự không?”

“Chẳng có gì hết. Chúng tôi đã thông báo nhận dạng người mất tích và đã gửi mẫu vân tay của ông ta đến Washington để đối chiếu với cơ sở dữ liệu, nhưng cái đó có lẽ phải mất một tuần.”

Nieto gật đầu. “Và ông ta đã tỏ ra kích động, nói năng lảm nhảm đúng không? Ông ta đã nói gì?”

“Toàn vắn điệu, toàn những thứ y hệt nhau. Gì đó về Gordon và Stanley. Rồi ông ta nói đi nói lại mãi, ‘Điện thoại dờ hơi khiến ta rong chơi’<sup>8</sup>.”

“Quondam? Chẳng phải tiếng Latin sao?”

Cô nhún vai. “Lâu lắm rồi tôi không đến nhà thờ.”

“Tôi nghĩ quondam là một từ tiếng Latin,” Nieto nói.

Và rồi họ nghe thấy tiếng nói, “Cháu xin lỗi?” Đó là giọng của cậu bé đeo kính ở giường đối diện, cậu đang ngồi với mẹ mình.

“Các cô chú đang đợi bác sĩ phẫu thuật tới, Kevin,” Beverly nói với cậu ấy. “Rồi mọi người sẽ bó cánh tay cho cháu.”

“Ông ấy không nói ‘quondam phone’,” cậu bé nói. “Ông ấy nói là ‘quantum foam’<sup>9</sup>.”

“Gì cơ?”

“Bọt lượng tử. Ông ấy đã nói là ‘bọt lượng tử’.”

Họ đi về phía cậu. Nieto có vẻ thích thú với câu chuyện. “Chính xác thì bọt lượng tử là cái gì vậy?”

Cậu bé nghiêm túc nhìn họ, mắt chớp chớp phía sau cặp kính, “Ở quy mô hạ nguyên tử siêu nhỏ, cấu trúc không-thời gian trở nên dị thường. Nó không bằng phẳng mà giống kiểu bong bóng và có dạng bọt. Và vì nó ở tận cấp độ lượng tử nên được gọi là bọt lượng tử.”

“Cháu mấy tuổi vậy?” Nieto nói.

“Mười một ạ.”

Mẹ cậu bé nói. “Nó đọc nhiều lắm. Cha thằng bé làm ở Los Alamos.”

Nieto gật đầu. “Thế cái bọt lượng tử này để làm gì vậy, Kevin?”

“Chẳng để làm gì hết,” cậu bé nói. “Nó chỉ là trạng thái của vũ trụ ở cấp độ hạ nguyên tử thôi.”

“Sao ông lão này lại nói đến thứ đó nhỉ?”

“Vì ông ấy là một nhà vật lý nổi tiếng,” Wauneka vừa nói vừa đi về phía họ. Anh ta liếc nhìn vào tờ giấy trên tay mình. “Thông tin vừa đến từ Sở Cảnh sát Thủ đô. Joseph A. Traub, bảy mươi một tuổi. Nhà vật lý vật liệu. Chuyên gia về kim loại siêu dẫn. Được công ty ông ấy làm việc, ITC Research ở Black Rock thông báo mất tích khoảng trưa nay.”

“Black Rock? Nó ở tận đặng Sandia đấy!” Nó nằm ở trung tâm New Mexico, cách đó vài giờ lái xe. “Thế quái nào ông ấy lại có thể tới Corazon ở Arizona được cơ chứ?”

“Tôi không biết,” Beverly nói. “Nhưng ông ấy...”

Chuông báo động vang lên.

\*

\*

Sự việc xảy ra nhanh đến nỗi khiến Jimmy Wauneka giật mình. Đang nằm trên giường, ông lão nhòm đầu dậy, nhìn chăm chăm vào họ, mắt dại đi, rồi ông nôn ra máu. Mặt nạ ô xy của ông chuyển sang màu đỏ ối; máu bắn cả ra khỏi mặt nạ, chảy thành vệt xuống má và cằm, tung tóe lên gối, lên tường. Ông phát ra những âm thanh òng ọc ghê người: ông đang ngập trong máu của chính mình.

Beverly liền chạy vội qua phòng. Wauneka chạy theo cô. “Quay đầu ông ấy lại!” Nieto nói, bước vội ra phía chiếc giường. “Quay đi!” Beverly giật cái mặt nạ ô xy ra và đang cố xoay đầu ông lão nhưng ông ta cứ giãy giụa liên tục, đánh lại cô, tiếp tục ọc máu ra, mắt trợn tròn vì kinh hãi. Wauneka đẩy cô ra, túm lấy đầu ông lão bằng cả hai tay và xoay mạnh, vặn người ông ta sang một bên. Ông lão lại nôn tiếp; máu bắn lên hết các màn hình theo dõi, lên khắp người Wauneka. “Ổng hút!” Beverly thét lên, chỉ về phía một cái ống trên tường.

Wauneka cố giữ ông lão và với tay lấy cái ống nhưng sàn nhà đã trở nên trơn nhẫy đầy máu. Anh bị trượt chân nên vội bám lấy thành giường để giữ thăng bằng.

“Nhanh nào, mọi người!” Tsosie thét lên. “Tôi cần mọi người! Ông hút!” Cô quỳ gối, thọc tay vào miệng ông lão, kéo lưỡi ông ta ra. Wauneka lao đảo đứng dậy, nhìn thấy Nieto đang giơ cái dây dẫn hút ra. Anh túm lấy nó bằng bàn tay trơn nhẫy máu của mình, nhìn Nieto vặn cái van gắn trên tường. Beverly lấy cái thông ống cao su, bắt đầu hút miệng và mũi ông lão. Máu đỏ tươi chảy dọc theo ống. Ông lão thở hắt ra, húng hắng ho, càng lúc càng yếu dần đi.

“Tôi không thích thế này đâu,” Beverly nói, “chúng ta nên...” Báo động trên màn hình theo dõi bỗng đổi kiểu, tiếng kêu chói tai và đều đều. Trục tim.

“Chết cha,” cô nói. Máu bắn đầy trên áo khoác, áo blouse. “Máy sốc điện! Lấy cái máy sốc điện đi!”

Nieto đang đứng ở đầu giường, cầm máy sốc điện, hai cánh tay dang rộng hết cỡ. Wauneka lùi lại khi Nancy Hood cố chen qua; giờ mọi người vây quanh ông lão. Wauneka ngửi thấy một mùi khá nồng và biết ruột ông lão đã xổ ra. Anh đột ngột nhận ra ông ta đang hấp hối.

“Thông,” Nieto vừa nói vừa ấn cái máy sốc điện xuống. Ông lão giật nảy lên trên bàn. Những chai thuốc trên tường rung bần bật. Tiếng báo động trên màn hình vẫn tiếp tục kêu.

Beverly nói, “Kéo rèm lại đi, Jimmy.”

Anh quay lại và nhìn thấy cậu bé đeo kính ở bên kia phòng mắt mở trừng trừng, miệng há hốc. Anh giật mạnh tấm rèm lại.

\*

\*

Một giờ sau, Beverly Tsosie mệt nhoài ngồi vào một chiếc bàn trong góc để viết tường trình. Nó phải được hoàn thiện một cách thật bất thường vì bệnh nhân đã chết. Khi Beverly còn đang mài rà qua biểu đồ thì Jimmy đã đi tới với một tách cà phê dành cho cô. “Cảm ơn,” cô nói. “Nhân tiện, anh có số điện thoại của công ty ITC đó không? Tôi phải gọi cho họ.”

“Tôi sẽ gọi giùm cô,” Wauneka nói, chạm nhẹ lên vai cô. “Hôm nay cô vất vả rồi.”

Cô còn chưa kịp nói gì, Wauneka đã đi về phía chiếc bàn ở cạnh đó, lật mở cuốn sổ tay và bắt đầu bấm số. Anh vừa mỉm cười với cô vừa chờ thông máy.

“Công ty ITC Research xin nghe”

Anh tự giới thiệu rồi nói tiếp. “Tôi gọi để báo tin về nhân viên bị mất tích của công ty, Joseph Traub.”

“Xin chờ một chút, tôi sẽ nối máy cho anh gặp người quản lý nhân sự.”

Anh chờ khoảng vài phút. Tiếng nhạc chờ. Anh khum tay che ống nghe và nói với Beverly, giọng điệu tự nhiên hết mức, “Cô có rảnh thì ăn tối cùng tôi nhé. Hay cô định đi thăm bà?”

Cô vẫn tiếp tục ngồi viết, không hề ngẩng đầu khỏi biểu đồ, “Tôi sẽ tới thăm bà.”

Anh hơi nhún vai. “Ừ, tôi cũng chỉ hỏi vậy thôi,” anh nói.

“Nhưng bà đi ngủ sớm lắm. Khoảng tám giờ.”

“Thật không?”

Cô mỉm cười, vẫn cúi nhìn tờ giấy. “Thật.”

Wauneka tươi cười, “Tốt rồi.”

“Ừ.”

Máy kêu cạch một cái và anh nghe thấy giọng phụ nữ, “Xin giữ máy, tôi đang nối máy cho anh với phó chủ tịch công ty chúng tôi, Tiến sĩ Gordon.”

“Cảm ơn cô.” Anh trầm nghĩ, *Phó chủ tịch sao?*

Một tiếng cạch nữa rồi một giọng trầm cất lên: “John Gordon xin nghe.”

“Tiến sĩ Gordon, tôi là James Wauneka ở Sở Cảnh sát Gallup. Tôi đang gọi cho ông từ Bệnh viện McKinley ở Gallup,” anh nói. “Tôi e là đã có chuyện không hay xảy ra.”

Qua cửa sổ phòng họp của công ty ITC, trời chiều vàng óng tỏa ánh rực rỡ lên năm tòa nhà thí nghiệm toàn thép và kính của tổ hợp nghiên cứu Black Rock. Đắng xa, những đám mây giông đang hình thành trên nền trời sa mạc. Nhưng trong phòng, mười hai thành viên hội đồng quản trị ITC đang quay lưng lại với cảnh vật bên ngoài. Họ đang dùng cà phê ở một chiếc bàn nhỏ, nói chuyện với nhau trong khi chờ cuộc họp bắt đầu. Những cuộc họp hội đồng bao giờ cũng kéo dài đến đêm vì chủ tịch ITC, Robert Doniger là một người mắc chứng mất ngủ kinh niên và gã đã xếp lịch cho họ như thế. Nhưng nhờ tài năng tuyệt vời của Doniger mà toàn bộ hội đồng quản trị, tất cả giám đốc điều hành và các nhà đầu tư chính đều đã phải có mặt.

Lúc này, Doniger vẫn chưa xuất hiện. John Gordon, phó chủ tịch vạm vỡ của Doniger, nghĩ rằng mình biết vì sao. Vẫn tiếp tục nói chuyện qua di động, Gordon tiến về phía cửa ra vào. Gordon có thời là giám đốc dự án của Không quân Mỹ và anh vẫn mang phong thái nhà binh. Bộ vét doanh nhân màu xanh nước biển được là ủi phẳng lì, đôi giày đen sáng bóng. Áp chiếc di động vào một bên tai, anh nói, “Tôi hiểu, thưa anh cảnh sát,” rồi đi ra khỏi cửa.

Đúng như anh đoán, Doniger đang nhảy chồm chồm ngoài hành lang y như một cậu nhóc bị tăng động trong khi Diane Kramer, luật sư trưởng của ITC đứng một bên lắng nghe. Gordon nhìn thấy Doniger chỉ thẳng ngón tay về phía cô một cách giận dữ. Rõ ràng là gã đang chửi mắng cô.

\*

\*

Ba mươi tám tuổi, Robert Doniger là một nhà vật lý tài ba kiêm một tỷ phú. Dù bụng bia và tóc muối tiêu, phong thái của gã vẫn rất trẻ trung – hay thậm chí là chưa trưởng thành nữa, điều đó còn phụ thuộc vào việc gã nói chuyện với ai. Rõ ràng là tuổi tác chẳng làm gã trầm tĩnh hơn. ITC là công ty khởi nghiệp thứ ba của gã; gã đã trở nên giàu có nhờ hai công ty kia, nhưng cách

quản lý thì vẫn cứ luôn cay nghiệt và nóng nảy như vậy. Gần như tất cả mọi người trong công ty đều sợ gã.

Tôn trọng cuộc họp hội đồng quản trị, Doniger đã mặc vét xanh da trời, bỏ quần kaki và áo len vẫn mặc hằng ngày đi. Nhưng nhìn gã đóng bộ trông rất không thoải mái, giống như một cậu bé bị bố mẹ bắt mặc quần áo chỉnh tề vậy.

“Vâng, cảm ơn anh rất nhiều, cảnh sát Wauneka,” Gordon nói vào điện thoại. “Chúng tôi sẽ sắp xếp. Vâng. Chúng tôi sẽ làm ngay lập tức. Một lần nữa, xin cảm ơn anh.” Gordon dập điện thoại và quay về phía Doniger. “Traub chết rồi, họ vừa xác định nhân dạng của ông ấy xong.”

“Ở đâu?”

“Gallup. Một viên cảnh sát vừa gọi từ phòng cấp cứu đến.”

“Họ nghĩ ông ấy chết vì lý do gì?”

“Họ không biết. Họ nghĩ là trụy tim cấp. Nhưng có chút vấn đề với mấy ngón tay của ông ấy. Tuần hoàn máu. Họ định khám nghiệm tử thi. Luật yêu cầu như thế.”

Doniger phẩy tay, một cử chỉ rất không tán thành. “Làm trò vớ vẩn. Khám nghiệm tử thi chẳng được tích sự gì hết. Traub bị lỗi dịch chuyển. Họ sẽ chẳng tìm được cái gì đâu. Sao anh lại lãng phí thời gian của tôi bằng câu chuyện vớ vẩn này thế?”

“Một trong những nhân viên của anh vừa mới chết, Bob ạ,” Gordon nói.

“Đúng,” Doniger lạnh lùng nói. “Và anh biết sao không? Tôi chẳng làm được cái mẹ gì hết. Tôi rất lấy làm tiếc. Ôi trời ơi ôi đất ơi. Gửi ít hoa. Xử lý đi, được chưa?”

\*

\*



Vào những lúc như thế này, Gordon lại hít một hơi thật sâu, tự nhắc mình nhớ rằng Doniger không khác gì những chủ doanh nghiệp trẻ năng nổ khác. Anh tự nhắc mình nhớ rằng phía sau vẻ mĩa mai ngạo nghễ kia, Doniger gần như lúc nào cũng đúng. Và anh cũng nhắc mình nhớ rằng kiểu gì thì kiểu Doniger cũng đã cư xử thế này cả đời rồi.

Robert Doniger đã có dấu hiệu thần đồng từ rất sớm, gã đọc sách kỹ thuật từ hồi tiểu học. Lên chín tuổi, gã đã có thể sửa được bất cứ thứ đồ điện nào – đài, ti vi – táy máy nghịch đèn chân không và dây nhợ cho tới khi gã làm nó hoạt động thì thôi. Khi mẹ gã nói bà lo rằng gã có thể sẽ bị điện giật thì câu trả lời là thế này, “Mẹ đừng có dở hơi đi.” Và khi người bà yêu dấu của gã mất, Doniger mắt ráo hoảnh ra thông báo với mẹ rằng bà cụ vẫn còn nợ gã hai mươi bảy đô la và mong mẹ mình sẽ giải quyết chuyện đó ổn thỏa.

Sau khi tốt nghiệp thủ khoa vật lý của Đại học Stanford lúc mười tám tuổi, Doniger đã tới làm việc ở Phòng Thí nghiệm Máy Gia tốc Quốc gia Fermi gần Chicago. Gã bỏ việc sau sáu tháng, nói với giám đốc phòng thí nghiệm rằng “vật lý phân tử chỉ dành cho bọn ngu”. Gã quay lại Stanford, làm việc trong một lĩnh vực mà bản thân cho rằng hứa hẹn hơn nhiều: vật lý siêu dẫn.

Đây là lúc các nhà khoa học trên mọi lĩnh vực đồng loạt rời trường đại học để lập công ty riêng nhằm khai thác tất cả những khám phá của mình. Doniger rời đi sau một năm để thành lập TechGate, một công ty chế tạo các bộ phận phục vụ kỹ thuật khắc trên con chip siêu chính xác mà gã đã tình cờ phát minh được. Khi Stanford phản đối vì cho rằng gã đã phát minh ra chúng khi đang làm việc tại phòng thí nghiệm của trường, Doniger nói, “Nếu thấy có vấn đề thì đi kiện đi. Không thì ngậm mồm lại nhé.”

TechGate là nơi phong cách quản lý khắc nghiệt của Doniger trở nên nổi tiếng. Trong những buổi họp với các nhà khoa học của mình, gã ngồi một góc, ngả người rung ghế, bắn liên thanh những câu hỏi. “Thế này thì sao? Sao ông không làm thế kia? Lý do làm thế này là gì?” Nếu câu trả lời

làm gã thỏa mãn, gã sẽ nói, “Có lẽ thế...” Đó là lời khen nồng nhiệt nhất người ta có thể có được từ Doniger. Nhưng nếu gã không thích câu trả lời – và thường thì là như thế – gã sẽ gất lên, “Ông bị nhũn não rồi à?” “Ông có *khát khao* được làm một thằng ngu à?” “Ông có muốn chết vì ngu không?” “Ông thậm chí còn chẳng được coi là tối dạ đâu.” Còn khi thực sự cáu lên, gã sẽ ném bút chì và sổ sách lung tung và gào thét âm ỉ, “Cút thôi! Bọn mày chỉ toàn là một lũ cút thôi!”

Nhân viên ở TechGate chịu đựng những cơn thịnh nộ của “Thần Chết Đạo Phố Doniger” vì gã là một nhà vật lý tài năng, tài năng hơn bất kỳ ai trong số họ; vì gã biết những vấn đề mà nhóm của mình đang gặp phải; và vì những chỉ trích của gã thì thường là có lý. Dù khó chịu thế, chế độ làm việc nhứt như kim châm này thực sự mang lại hiệu quả: TechGate đã đạt được những tiến bộ đáng kể chỉ trong vòng hai năm.

Vào năm 1984, gã bán công ty được một trăm triệu đô la. Cùng năm ấy, tạp chí *Time* đã bình chọn gã là một trong năm mươi người dưới tuổi hai lăm “sẽ định hình phần còn lại của thế kỷ”. Danh sách cũng bao gồm cả Bill Gates và Steve Jobs.

\*

\*

“Khốn kiếp,” Doniger nói, quay sang phía Gordon. “Tôi có phải tự tay làm tất cả mọi thứ không? Chúa ạ. Họ tìm thấy Traub ở đâu vậy?”

“Ở sa mạc. Trong khu định cư của người Navajo.”

“Chính xác là ở đâu?”

“Tất cả những gì tôi biết là, cách Corazón mười dặm về phía Bắc. Rõ ràng là ngoài đó chẳng có gì nhiều đâu.”

“Được rồi,” Doniger nói. “Thế bảo Baretto ở phòng bảo vệ lái xe của Traub ra Corazón rồi vớt nó ở ngoài sa mạc đi. Chọc thủng một lốp rồi

biến.”

Diane Kramer hăng giọng. Cô mới ngoài ba mươi, mái tóc sẫm màu và mặc một bộ vét đen. “Tôi không biết thế có ổn không, Bob ạ,” cô nói bằng giọng đúng kiểu luật sư nhất có thể. “Anh đang nguy tạo bằng chứng đấy...”

“Dĩ nhiên là tôi đang nguy tạo bằng chứng! Vấn đề là ở đây! Ai đó sẽ hỏi là tại sao Traub lại ra được đó. Thế nên cứ để xe ông ta lại đó cho chúng nó tìm.”

“Nhưng chúng ta không biết đích xác chỗ nào là...”

“Chính xác hay không không quan trọng. Cứ làm thế đi.”

“Thế có nghĩa là Baretto và thêm một người nào đó sẽ biết việc này...”

“Ai thềm quan tâm đến việc khốn nạn đó chứ? Chẳng ai hết. Cứ làm thế đi, Diane.”

Có một khoảng lặng ngắn. Kramer nhìn chăm chăm xuống nền nhà, chau mày, rõ ràng là đang rất không vui.

“Anh nghe này,” Doniger nói, quay về phía Gordon. “Anh có nhớ khi Garman sắp có được hợp đồng còn công ty cũ của tôi thì không chứ? Anh có nhớ vụ bản tin cho bọn báo chí không?”

“Tôi có nhớ,” Gordon nói.

“Anh đã rất lo lắng về việc đó,” Doniger cười mỉa. Gã giải thích với Kramer, “Garman là một con lợn béo ị. Rồi hẳn ta sụt hàng đồng cân vì bị bà vợ bắt ăn kiêng. Chúng ta đã bản tin rằng Garman bị ung thư không chữa được và công ty của hẳn ta sắp sập. Hẳn ta chối nhưng chẳng ai tin vì cái vẻ ngoài ấy, Chúng tôi có được hợp đồng. Tôi gửi một giỏ hoa quả đại tướng tới cho bà vợ.” Gã cười. “Nhưng vấn đề là, chẳng ai lần ra vụ bản tin là từ chỗ chúng ta hết. Mọi thứ đều rất đúng luật, Diane. Kinh doanh là kinh doanh thôi. Mang cái xe khốn kiếp ấy ra sa mạc đi.”

Cô gật đầu nhưng vẫn nhìn xuống sàn nhà.

“Rồi nữa”, Doniger nói, “trước hết, tôi muốn biết thế quái nào mà Traub vào được phòng dịch chuyển. Vì lão đã đi quá nhiều rồi, và đã tích lũy quá nhiều lỗi dịch chuyển. Lão đã vượt quá giới hạn cho phép rồi. Lão không được phép đi thêm lần nào nữa. Lão không được cấp giấy phép dịch chuyển. Chúng ta có rất nhiều hệ thống an ninh quanh cái phòng ấy. Thế nào mà lão lại vào đó được chứ?”

“Chúng tôi nghĩ là ông ta có giấy phép bảo dưỡng máy cỡ máy đó,” Kramer nói, “Ông ta đã đợi đến tối, giữa hai phiên trực, và lấy một cái. Nhưng chúng tôi sẽ kiểm tra ngay bây giờ.”

“Tôi không muốn cô *kiểm tra*,” Doniger nói một cách mỉa mai. “Tôi muốn cô *khắc phục* nó, Diane.”

“Chúng tôi sẽ khắc phục, Bob.”

“Tốt hơn là thế đi, khốn kiếp thật,” Doniger nói. “Vì cái công ty này giờ đang phải đối mặt với ba vấn đề rất quan trọng. Và Traub là thứ ít quan trọng nhất trong số ấy. Hai cái kia mới là chính. Tối, tối thượng, tối quan trọng.”

\*

\*

Doniger luôn có tài nhìn xa trông rộng. Hồi năm 1984, gã bán TechGate vì đã thấy trước rằng chip máy tính sắp sửa “đi vào ngõ cụt”. Vào thời điểm đó, điều này có vẻ rất vô lý. Cứ sau mười tám tháng chip lại mạnh lên gấp đôi còn giá thành thì lại giảm một nửa. Nhưng Doniger nhận ra rằng những tiến bộ này có được là nhờ việc ép các bộ phận càng ngày càng sát lại trên một con chip. Chuyện này chẳng thể kéo dài mãi được. Cuối cùng, mật độ trong mạch sẽ dày đặc đến nỗi các con chip bị tan chảy ra vì quá nóng. Điều này dẫn đến một kết luận rằng sức mạnh của máy tính cuối cùng vẫn có giới

hạn trần. Doniger biết rằng xã hội sẽ đòi hỏi máy tính có khả năng xử lý cao hơn nữa nhưng gã đã không nhìn ra hướng nào để đạt được nó.

Nản lòng, gã liền quay lại với niềm đam mê trước kia, vật lý siêu dẫn. Gã thành lập công ty thứ hai, Từ Trường Tiên Tiến, sở hữu vài bằng sáng chế cần thiết từ những chiếc máy chụp cộng hưởng từ (MRI) hiện đại và bắt đầu công cuộc cách mạng ngành y. Từ Trường Tiên Tiến được trả hai trăm năm mươi nghìn đô la tiền bản quyền cho mỗi máy MRI được sản xuất ra. Đó là một “con bò sữa vắt ra tiền”, Doniger từng nói, “và cũng hấp dẫn ngang với vắt sữa bò.” Chán nản và muốn kiếm tìm thử thách mới, gã lại bán nó đi vào năm 1988. Lúc đó gã hai tám tuổi và công ty đáng giá một tỷ đô la. Nhưng trong suy nghĩ của mình, gã vẫn chưa thấy thế là đủ.

Năm tiếp theo, 1989, gã lại thành lập ITC.

\*

\*

Một trong những thần tượng của Doniger là nhà vật lý Richard Feynman. Vào đầu những năm tám mươi, Feynman đã tiên đoán rằng có thể chế tạo một chiếc máy tính sử dụng những đặc tính lượng tử của nguyên tử. Trên lý thuyết, một chiếc “máy tính lượng tử” có thể mạnh hơn hàng tỷ tỷ lần so với bất cứ chiếc máy tính nào từng được chế tạo. Nhưng ý tưởng của Feynman cần một công nghệ hoàn toàn mới – một công nghệ phải được tạo nên từ con số không, một công nghệ thay đổi tất cả mọi định luật. Vì chẳng ai nhìn thấy khả năng chế tạo được máy tính lượng tử trong thực tiễn nên ý tưởng của Feynman nhanh chóng bị lãng quên.

Nhưng Doniger thì không quên.

Vào năm 1989, Doniger bắt tay vào chế tạo chiếc máy tính lượng tử đầu tiên. Ý tưởng thật đột phá – và cũng thật liều lĩnh – đến nỗi gã không hề công khai dự định của mình. Gã lạng lẽ đặt tên công ty là ITC, Tập đoàn

Công nghệ Quốc tế<sup>10</sup>. Gã đặt trụ sở chính tại Geneva, chiêu mộ các nhà vật lý làm việc tại Tổ chức Nghiên cứu Hạt nhân châu Âu về đầu quân cho mình.

Trong nhiều năm sau đó, người ta chẳng hề nhận được tin tức gì từ Doniger hay công ty của gã hết. Nếu còn nghĩ tới gã thì người ta cũng chỉ nghĩ rằng gã đã giải nghệ. Nói chung thì việc các doanh nhân công nghệ cao rời khỏi thương trường sau khi đã kiếm được những khoản tiền kếch xù cũng là chuyện bình thường.

Vào năm 1994, tạp chí *Time* lập ra danh sách hai mươi lăm người dưới bốn mươi tuổi đang định hình thế giới. Robert Doniger không ở trong số đó. Chẳng ai quan tâm; chẳng ai thèm nhớ.

Cùng năm ấy, gã chuyển ITC về Mỹ, thành lập một trung tâm nghiên cứu tại Black Rock, New Mexico, cách Albuquerque một giờ lái xe về phía Bắc. Một nhà quan sát tinh tế có thể sẽ nhận ngay ra rằng gã đã lại chuyển đến một nơi vốn đầy rẫy các nhà vật lý. Nhưng lúc ấy chẳng có nhà quan sát nào, có tinh tế hay không cũng vậy.

Thế là chẳng ai nhận ra ITC đã vừng vàng phát triển trong suốt những năm 90. Có thêm nhiều phòng thí nghiệm được xây dựng ở New Mexico; thêm nhiều nhà vật lý học đến đó làm việc. Hội đồng quản trị của Doniger tăng từ sáu lên mười hai người. Tất cả đều là giám đốc điều hành các công ty đã đầu tư vào ITC hoặc là những nhà đầu tư mạo hiểm. Tất cả đều đã ký những hợp đồng bảo mật thông tin cực kỳ hà khắc quy định họ phải ký quỹ một khoản tiền lớn do bên thứ ba nắm giữ, phải làm những bài kiểm tra trắc nghiệm nói dối, và phải cho ITC ghi âm điện thoại của mình mà không được báo trước. Thêm vào đó, Doniger còn đòi một khoản đầu tư ít nhất là ba trăm triệu đô la. Đó, theo như gã giải thích một cách trịch thượng, là cái giá của một ghế trong ban quản trị. “Các anh muốn biết tôi định làm gì, các anh muốn là một phần của những gì chúng tôi đang thực hiện ở đây, thì xùy ra một phần ba của một tỷ đô la. Chấp nhận hoặc không thì bỏ đi. Thế nào cũng được, tôi không quan tâm.”

Nhưng dĩ nhiên là gã có quan tâm. ITC có một tốc độ tiêu tiền đầu tư khủng khiếp: họ đã làm bay ba tỷ đô la trong vòng chín năm vừa rồi. Và Doniger biết mình sẽ cần thêm tiền.

\*

\*

“Vấn đề thứ nhất,” Doniger nói. “Vốn đầu tư. Chúng ta phải có thêm một tỷ nữa trước khi có thể nhìn thấy kết quả.” Gã hất hàm về phía phòng hội đồng. “Họ sẽ không chịu đâu. Tôi sẽ phải thuyết phục họ kết nạp thêm ba thành viên mới nữa.”

Gordon nói, “Sẽ có một cuộc chiến khó khăn trong căn phòng kia đấy.”

“Tôi biết,” Doniger nói. “Họ đã thấy tốc độ tiêu tiền đầu tư, và họ muốn biết khi nào thì cái tốc độ ấy sẽ bằng không. Họ muốn thấy kết quả cụ thể. Và đó là thứ tôi sẽ cho họ thấy hôm nay đây.”

“Kết quả cụ thể nào vậy?”

“Một chiến thắng,” Doniger nói. “Bọn đầu đất ấy đang cần chiến thắng. Một vài thông tin lý thú về một trong những dự án kia.”

Kramer hít một hơi thật sâu. Gordon nói, “Bob, đó toàn là mấy dự án dài hạn thôi.”

“Phải có dự án nào sắp hoàn thành rồi chứ. Mới xem nào, Dordogne thì sao?”

“Vẫn chưa. Tôi không nghĩ đây là ý kiến hay đâu.”

“Còn tôi thì cần một chiến thắng,” Doniger nói. “Giáo sư Johnston đã sang Pháp với lũ học trò thường Yale trong ba năm bằng tiền của chúng ta rồi. Phải có gì để xem chứ.”

“Chưa được đâu, Bob. Gì thì gì, chúng ta đã có tất cả vùng đất đó đâu.”

“Chúng ta có đủ đất rồi.”

“Bob...”

“Diane sẽ đi. Cô ấy sẽ đốc thúc họ một cách nhẹ nhàng.”

“Giáo sư Johnston không thích thế đâu.”

“Tôi chắc chắn là Diane sẽ xử lý được Johnston.”

Một trợ lý ra mở cửa phòng hội đồng và ngó ra. Doniger nói, “Một phút nữa!” Nhưng gã đã đi ngay về phía cửa phòng.

Gã ngoái nhìn lại chỗ họ và nói, “Cứ làm thế đi!” Rồi đi vào phòng và đóng cửa lại.

\*

\*

Gordon cùng với Kramer bước xuống cuối hành lang. Gót giày cao của cô đập cồm cộp trên sàn nhà. Gordon nhìn xuống và thấy dưới bộ vét chìn chu đúng kiểu doanh nhân Jil Sander kia, cô ấy đang đi giày buộc dây màu đen. Đúng chất Kramer: vừa quyến rũ vừa thật khó với tới.

Gordon nói, “Cô đã biết chuyện này từ trước à?”

Cô gật đầu, “Nhưng cũng không lâu lắm đâu. Anh ta mới vừa nói cho tôi một giờ trước thôi.”

Gordon không nói gì. Anh cố nén cơn giận dữ. Gordon đã làm việc cùng Doniger mười hai năm nay, từ hồi ở công ty Từ Trường Tiên Tiến kia. Tại ITC, anh điều hành một đơn vị nghiên cứu công nghiệp lớn trên hai lục địa, thuê hàng tá nhà vật lý, nhà hóa học, nhà khoa học máy tính. Anh đã phải tự tìm hiểu về các kim loại siêu dẫn, nén ảnh dữ liệu đồng dạng, bit lượng tử<sup>11</sup>, truyền dẫn ion dòng cao. Anh đã có quá đủ các nhà vật lý lý thuyết – loại tệ không để đâu cho hết tệ – nhưng các mốc chỉ tiêu đều được hoàn thành; tiến độ vẫn theo kế hoạch; chi phí phát sinh vẫn nằm trong tầm



kiểm soát. Nhưng dù thành công như vậy, Doniger vẫn chẳng bao giờ thực sự tin tưởng anh.

Kramer, trái lại, vẫn luôn có mối quan hệ khá đặc biệt với Doniger. Bắt đầu sự nghiệp, cô là luật sư tại một văn phòng luật bên ngoài, có làm ít việc cho công ty. Doniger nghĩ cô rất thông minh và xuất chúng, thế là gã thuê cô. Cô trở thành bạn gái của gã trong năm tiếp theo, và dù chuyện đó đã qua từ lâu lắm rồi, gã vẫn luôn nghe lời cô. Cô đã giúp chặt đứt vài thảm họa tiềm tàng trong suốt những năm vừa qua.

“Trong suốt mười năm qua,” Gordon nói, “chúng ta đã giữ kín bí mật công nghệ này. Nghĩ mà xem, đây quả thực là một điều kỳ diệu. Traub là trường hợp hy hữu đầu tiên vượt khỏi tầm kiểm soát của chúng ta. May là mọi chuyện rơi vào tay tên cảnh sát gà mờ nào đó nên sẽ không đáng lo đâu. Nhưng nếu Doniger bắt đầu đẩy mạnh ở Pháp, mọi người có lẽ cũng sẽ bắt đầu nghi ngờ đấy. Chúng ta đã bị tay phóng viên ấy rượt như ma ở Paris rồi. Bob có thể làm chuyện này vỡ lở mất.”

“Tôi biết anh ấy đã tính hết rồi. Đó là vấn đề nghiêm trọng thứ hai.”

“Tiết lộ cho báo giới?”

“Phải. Công bố hết.”

“Anh ta không lo à?”

“Có, anh ấy có lo chứ. Nhưng anh ấy dường như đã có kế hoạch đối phó rồi.”

“Tôi cũng hy vọng thế,” Gordon nói. “Vì chúng ta không thể lúc nào cũng hy vọng kẻ sục sạo chỗ đồ bán của mình chỉ là một tên cớm gà mờ được.”

Sáng hôm sau, cảnh sát James Wauneka tới Bệnh viện McKinley tìm Beverly Tsosie. Anh nghĩ mình sẽ kiểm tra bản giám định khám nghiệm tử thi của ông lão mới chết. Nhưng họ nói với anh rằng Beverly đã lên phòng chẩn đoán hình ảnh trên tầng ba rồi. Thế là anh cũng lên đó.

Anh thấy cô trong một căn phòng nhỏ sơn màu be cạnh cái máy quét màu trắng. Cô đang nói chuyện với Calvin Chee, kỹ thuật viên MRI. Anh ta đang ngồi bên bàn máy tính, mở mấy bức ảnh đen trắng lên, hết cái này đến cái kia. Trong ảnh là năm vòng tròn xếp thành một hàng. Khi Chee lướt qua những bức ảnh, những vòng tròn càng lúc càng nhỏ dần.

“Calvin,” cô nói. “Không thể nào. Đó chắc chắn là lỗi thôi.”

“Cô nhờ tôi kiểm tra dữ liệu,” anh ta nói, “rồi cô lại không tin tôi? Tôi nói cô nghe này, Beverly, không phải là lỗi đâu; nó là đồ thật đấy. Đây này, nhìn cái tay kia mà xem.”

Chee nhấn bàn phím, giờ một hình ô van nằm ngang xuất hiện trên màn hình với năm vòng tròn mờ bên trong. “Thấy chưa? Đây là lòng bàn tay trái, nhìn vào mặt cắt.” Anh ta quay sang chỗ Wauneka. “Khá giống với thứ anh sẽ nhìn thấy nếu anh đặt tay lên cái thớt thái thịt và chặt đứt lìa ra.”

“Hay lắm, Calvin.”

“Ồ, tôi muốn tất cả mọi người đều hiểu rõ.”

Anh ta quay lại phía màn hình. “Được rồi, những điểm quan trọng này. Năm vòng tròn là năm cái xương lòng bàn tay. Đây là dây chằng nối đến các ngón tay. Nhớ nhé, những cơ làm bàn tay hoạt động hầu hết đều nằm ở cẳng tay. Cái vòng tròn nhỏ đó là động mạch quay, dẫn máu qua cổ tay tới bàn tay. Ừm. Giờ chúng ta sẽ chuyển từ cổ tay ra phía ngoài, theo những đường cắt.” Những hình ảnh biến dạng dần. Hình ô van càng lúc càng hẹp hơn, và từng cái từng cái một, những chiếc xương tách dần ra, y như quá trình phân bào amip. Giờ có bốn vòng tròn. “Nào. Giờ chúng ta ra ngoài lòng bàn tay rồi và chỉ còn nhìn thấy những ngón tay thôi. Những tiểu động mạch giữa những ngón tay, tỏa nhánh khi đi ra phía ngoài, càng lúc càng nhỏ hơn, nhưng mọi người vẫn có thể nhìn thấy. Thấy chưa, đây với đây này? Được

rồi. Giờ đi về phía các đầu ngón tay, xương lớn dần lên, đó là ngón gàn nhất, cái đốt ngón tay... và giờ... nhìn các động mạch nào, nhìn xem chúng tẽ ra đầu... từng phần từng phần một... và giờ thì coi thử đi.”

Wauneka nhú mào. “Nó giống như bị lỗi. Như thế có cái gì vừa trật ra ấy.”

“Có cái gì đó thực sự đã bị trật ra,” Chee nói. “Những tiểu động mạch bị đứt gãy. Chúng không liền mạch. Tôi sẽ cho mọi người xem lại lần nữa.” Anh ta quay lại vùng trước đó, rồi vùng tiếp theo. Thật rõ ràng – những vòng tròn của các tiểu động mạch dường như nhảy hết sang một bên. “Đó là lý do tại sao ông ta lại bị hoại tử ngón tay. Không hề có máu tuần hoàn đến đó vì những tiểu động mạch của ông ta không liền mạch. Chúng giống như bị lỗi hay sao ấy.”

Beverly lắc đầu. “Calvin.”

“Tôi nói mọi người nghe. Và không chỉ thế thôi đâu. Ở các phần khác trên người ông ta nữa cơ. Như ở chỗ tim ấy. Chết vì nhồi máu cơ tim? Chẳng lạ gì, vì thành tâm thất cũng không hề liền mạch.”

“Từ những mô sẹo cũ,” cô nói, lắc đầu. “Calvin, thôi nào. Ông ấy bảy mươi một tuổi rồi. Tim ông ấy có vấn đề gì nữa, thì nó cũng đã làm việc được hơn bảy mươi năm rồi. Tay ông ấy cũng thế. Nếu thực sự có tình trạng tiểu động mạch đứt gãy như vậy, những ngón tay của ông ấy đã rụng hết ra từ hàng năm trước rồi. Nhưng chúng có rụng đâu. Dù sao thì đây là một vết thương mới; nó trở nên trầm trọng khi ông ấy vào viện.”

“Thế cô định nói với tôi là máy sai à?”

“Chắc thế thôi. Chẳng phải phần cứng có thể gặp lỗi do đặc à? Và thi thoảng phần mềm mô phỏng cũng trục trặc đấy thôi?”

“Tôi đã kiểm tra máy rồi, Beverly. Nó ổn.”

Cô nhún vai. “Tôi xin lỗi, tôi không tin đâu. Chắc là phải có trục trặc đâu đó. Nghe tôi này, nếu anh chắc chắn là mình đúng thì đi luôn xuống khoa bệnh học và tự kiểm tra ông ta đi.”

“Tôi đã thử rồi,” Chee nói. “Cái xác đã bị đem đi mất rồi.”

“Thế à?” Wauneka nói. “Khi nào vậy?”

“Năm giờ sáng nay. Ai đó ở công ty ông ta.”

“Ồ, cái công ty đó ở tận bên núi Sandia đấy,” Wauneka nói. “Có lẽ họ vẫn đang trên đường chờ cái xác...”

“Không.” Chee lắc đầu. “Đã hỏa táng sáng nay rồi.”

“Thật à? Ở đâu?”

“Nhà xác Gallup.”

“Họ hỏa táng ông ta ngay ở đây à?” Wauneka nói.

“Tôi nói với anh từ nãy tới giờ rồi mà,” Chee nói, “rõ ràng là ông lão này có gì đó rất lạ lùng.”

Beverly Tsosie khoanh tay trước ngực. Cô nhìn hai người đàn ông. “Chẳng có gì lạ lùng ở đây hết,” cô nói. “Công ty ông ấy làm thế vì họ có thể thu xếp mọi thứ từ xa, qua điện thoại. Gọi cho nhà xác, họ qua và hỏa táng ông ta. Chuyện xảy ra suốt, đặc biệt là khi không có họ hàng gì. Giờ thì hãy thôi nói linh tinh đi,” cô nói, “và gọi kỹ thuật viên tới sửa máy. Cái máy MRI đấy bị trục trặc – tất cả vấn đề là vậy đấy.”

Jimmy Wauneka muốn kết thúc vụ Traub càng nhanh càng tốt. Nhưng quay lại phòng cấp cứu, anh thấy một chiếc túi nhựa đầy quần áo cũ của ông lão và các đồ dùng cá nhân khác. Chẳng có cách nào khác ngoài việc gọi lại cho ITC lần nữa. Lần này anh nói chuyện với một phó chủ tịch khác, cô Kramer nào đó. Tiến sĩ Gordon đang họp và không rảnh để nói chuyện.

“Tôi muốn trao đổi về Tiến sĩ Traub,” anh nói.

“À vâng,” một tiếng thở dài nãy nẽ. “Thật tội nghiệp Tiến sĩ Traub. Một người đàn ông tốt bụng.”

“Thi thể của ông ấy được hỏa táng hôm nay. Nhưng chúng tôi vẫn còn giữ một ít đồ dùng cá nhân của ông ấy. Tôi không biết mọi người muốn

chúng tôi làm gì với những thứ đó.”

“Tiến sĩ Traub không còn họ hàng thân thích nào hết,” Kramer nói. “Tôi không chắc là có ai ở đây muốn giữ quần áo hay tư trang của ông ấy. Anh đang nói về thứ tư trang gì vậy?”

“À, có một tấm bản đồ trong túi áo ông ấy. Nó trông giống một nhà thờ hay một tu viện gì đó.”

“Ừ hử.”

“Cô có biết sao ông ấy lại có bản đồ tu viện không?”

“Không, tôi thực sự không biết. Nói thật là, vài tuần nay, Tiến sĩ Traub có biểu hiện hơi lạ. Ông ấy xuống tinh thần khá nhiều từ khi vợ mất. Anh có chắc đó là một tu viện không?”

“Không, tôi không chắc lắm. Tôi không biết nó là cái gì nữa. Cô có muốn lấy lại tấm bản đồ đó không?”

“Nếu không phiền thì anh hãy gửi nó cho chúng tôi.”

“Thế còn thứ đồ sứ này?”

“Thứ đồ sứ?”

“Ông ấy có một mảnh sứ. Khoảng 6,5 xăng ti mét vuông, và nó có chữ ‘ITC’.”

“Ừ. Không có vấn đề gì đâu.”

“Tôi đang băn khoăn không biết nó là cái gì.”

“Nó là cái gì ư? Một thẻ căn cước thôi.”

“Nó chẳng giống tấm thẻ căn cước nào tôi từng nhìn thấy.”

“Đó là loại mới. Chúng tôi dùng nó ở đây để qua các cửa an ninh, đại loại thế.”

“Cô có muốn nhận lại nó không?”

“Nếu không quá phiền anh. Anh này, tôi sẽ cho anh số dịch vụ chuyển phát nhanh của công ty chúng tôi, anh chỉ cần cho nó vào phong bì và thả

vào thùng thư là xong.”

Jimmy Wauneka đập máy và nghĩ, *Vớ vẩn.*

\*

\*

Anh gọi cho cha Grogan, vị linh mục ở giáo xứ Công giáo trong vùng và nói với ông về tấm bản đồ, và dòng viết tắt ở bên dưới: mon.ste.mere.

“Đó có thể là tu viện Sainte-Mère.” ông nói ngay lập tức.

“Thế nó là một tu viện thật à?”

“Ồ, chắc chắn rồi.”

“Ở đâu ạ?”

“Ta không biết. Đó không phải tên Tây Ban Nha. ‘Mère’ nghĩa là ‘Mẹ’ trong tiếng Pháp. Đức Mẹ ở đây là Mẹ Đồng Trinh Maria. Có lẽ nó ở Louisiana.”

“Con phải tìm nó ở đâu?” Wauneka nói.

“Ta có danh sách các tu viện đâu đó quanh đây. Con chờ khoảng một, hai tiếng để ta tìm nhé.”

\*

\*

“Tôi xin lỗi, Jimmy. Tôi không thấy có gì bí ẩn ở đây hết.”

Carlos Chavez là trợ lý của cảnh sát trưởng Gallup, sắp nghỉ hưu, và là cố vấn cho Jimmy từ trước đến nay. Giờ ông đang ngồi ngả người ra sau với đôi ủng đặt chễm chệ trên bàn, lắng nghe Wauneka với vẻ mặt đầy ngờ vực.

“Ừm, vấn đề là,” Wauneka nói. “Họ tìm thấy ông lão này ở Corazon, điên khùng và hoảng loạn, nhưng không hề có dấu hiệu bị cháy nắng, mất nước hay dãi nắng dầm mưa.”

“Thế là ông ấy đã bị tổng cổ. Gia đình ông ấy đã đẩy ông ấy ra khỏi xe.”

“Không. Chẳng có họ hàng thân thích nào còn sống hết.”

“Ờ, thế chắc ông ấy tự lái xe ra.”

“Chẳng ai thấy cái xe nào hết.”

“Chẳng ai là ai thế?”

“Những người tìm thấy ông ấy.”

Chavez thở dài, “Anh có tự đi ra Corazón tìm cái xe ấy không?”

Wauneka lưỡng lự. “Không.”

“Anh đã lấy lời ai đó để làm bằng chứng.”

“Phải. Tôi nghĩ mình đã làm thế. “

“Anh nghĩ? Nghĩa là có một cái xe nào đó vẫn còn ở ngoài kia?”

“Có lẽ. Phải rồi.”

“Được. Thế tiếp theo anh đã làm gì?”

“Tôi đã gọi cho công ty của ông ta, ITC.”

“Và họ đã nói gì với anh?”

“Họ nói là ông ta bị trầm cảm vì vợ chết.”

“Hợp lý đấy.”

“Tôi không biết,” Wauneka nói. “Vì tôi đã gọi cho tòa nhà nơi ông Traub từng sống, tôi đã nói chuyện với quản lý tòa nhà. Người vợ mất một năm trước rồi.”

“Vậy chuyện xảy ra gần ngày giỗ người vợ, đúng không? Đó là lúc mọi chuyện thường xảy ra, Jimmy.”

“Tôi nghĩ mình phải đến nói chuyện với một số người ở công ty ITC.”

“Tại sao? Họ ở cách nơi ông này được tìm thấy hai trăm năm mươi dặm đấy.”

“Tôi biết, nhưng...”

“Nhưng gì? Bao nhiêu lần chúng ta gặp cảnh du khách mắc kẹt trong khu định cư rồi? Ba, bốn lần một năm? Và nửa trong số đó là chết rồi, có phải không? Hoặc chết sau đó, đúng chứ?”

“Vâng...”

“Và lúc nào cũng vì một trong hai lý do sau. Họ là bọn ngố theo thuyết Thời đại mới từ Sedona muốn tới trò chuyện với thần đại bàng và bị kẹt lại, xe hỏng. Hoặc họ bị trầm cảm. Một trong hai thôi. Và ông này bị trầm cảm.”

“Đấy là họ nói thế...”

“Vợ ông ấy chết. Này, tôi tin thế đấy.” Carlos thở dài. “Vài ông rất dễ trầm cảm, vài người thì quá phờn.”

“Nhưng có những câu hỏi vẫn chưa có lời đáp,” Wauneka nói. “Có thứ gì đó như bản đồ, và một mảnh sứ...”

“Jimmy. Lúc nào chẳng có những câu hỏi không có lời đáp.” Chavez liếc anh. “Chuyện gì đang xảy ra thế này? Có phải anh đang cố gây ấn tượng với cô bác sĩ nhỏ nhắn xinh xắn kia không?”

“Bác sĩ nhỏ nhắn nào cơ?”

“Anh biết tôi đang muốn nói ai mà.”

“Ồ không. Cô ấy nghĩ chuyện này chẳng có gì hết.”

“Cô ấy nói đúng đấy. Bỏ đi.”

“Nhưng...”

“Jimmy.” Carlos lắc đầu. “Nghe tôi. Bỏ đi.”

“Được rồi.”

“Tôi nghiêm túc đấy.”



“Được rồi mà,” Wauneka nói. “Tôi sẽ từ bỏ vụ này.”

\*

\*

Ngày hôm sau, cảnh sát ở Shiprock tìm thấy một lũ nhóc mười ba tuổi đang sung sướng lái một chiếc ô tô với biển số New Mexico. Đăng ký xe trong ngăn đựng găng tay có tên Joseph Traub. Bọn trẻ nói chúng đã tìm thấy cái xe ở ngay bên đường, cách không xa Corazón, chìa khóa vẫn cắm trong ổ. Lũ trẻ đã say túy lúy, và trong xe rất lộn xộn, nhầy nhụa những bia tung tóe vương vãi khắp nơi.

Wauneka chẳng buồn tới xem nữa.

\*

\*

Ngày hôm sau, Cha Grogan gọi lại cho anh. “Ta đã xem hộ con,” ông nói, “và chẳng có tu viện Sainte-Mère nào ở bất cứ đâu trên thế giới.”

“Vâng,” Wauneka nói. “Cảm ơn cha.” Dù gì đó cũng là điều anh đã nghĩ tới. Lại một ngõ cụt nữa.

“Cũng từng có một tu viện có tên như thế ở Pháp nhưng nó đã bị thiêu trụi vào thế kỷ mười bốn rồi. Giờ chỉ còn là phế tích thôi. Thực ra thì các nhà khảo cổ học từ Đại học Yale và Đại học Toulouse đang khai quật ở đó. Nhưng ta nghĩ cũng chẳng có nhiều thứ còn sót lại ở đó đâu.”

“Ừm...” Nhưng rồi anh nhớ ra một vài điều ông lão đã nói trước khi chết. Vài vần thơ vô nghĩa nào đó. “Yale ở Pháp, tầm xàm bá láp.” Đại loại thế.

“Nó ở đâu ạ?” anh hỏi.

“Đâu đó ở Tây Nam nước Pháp, gần sông Dordogne.”

“Dordogne? Cha đánh vần từ đó đi ạ!” Wauneka nói.

## **DORDOGNE**

“Vinh quang quá khứ chỉ là ảo ảnh. Vinh quang hiện tại cũng vậy.”

EDWARD JOHNSTON

Chiếc trực thăng bay phành phạch xuyên qua màn sương xám dày đặc. Phía hàng ghế sau, Diane Kramer nhấp nhồm không yên. Cứ khi nào sương mỏng đi một chút, cô lại thấy những ngọn cây rừng ngay sát bên dưới máy bay. Cô nói, “Chúng ta có bắt buộc phải bay thấp thế không?”

Ngồi ở hàng ghế trước cạnh phi công, André Marek cười. “Đừng lo, cực kỳ an toàn đấy.” Nhưng Marek chẳng giống kiểu người lo lắng về bất cứ thứ gì. Anh ta hai mươi chín tuổi, cao và rất mạnh mẽ; cơ bắp cuộn lên bên dưới chiếc áo phông. Chắc chắn bạn sẽ không tài nào nghĩ nổi anh ta lại là giáo sư dự khuyết sử học ở Đại học Yale. Hay nhân vật số hai của dự án Dordogne, nơi họ đang tới.

“Màn sương này sẽ tan ngay trong một phút nữa thôi mà,” Marek nói, giọng vẫn còn lưu lại chút khẩu âm Hà Lan. Kramer biết mọi chuyện về anh ta: tốt nghiệp Đại học Utrecht, Marek thuộc tốp nhà sử học mới ưa “trải nghiệm”, người luôn sẵn sàng tái tạo lại từng phần của quá khứ, sẵn sàng trải nghiệm quá khứ để có thể hiểu nó rõ hơn. Marek là một gã cuồng quá khứ: anh ta đã nghiên cứu trang phục, ngôn ngữ, và những phong tục thời Trung Cổ cực kỳ kỹ lưỡng; có khi anh ta còn biết cưỡi ngựa đấu thương nữa ấy chứ. Nhìn anh ta, cô có thể tin thế lắm.

Cô nói, “Tôi rất ngạc nhiên là Giáo sư Johnston không đi cùng chúng ta.” Kramer đã thực sự mong được nói chuyện với chính Giáo sư Johnston. Cô, gì thì gì, cũng là một quản lý cấp cao của cái công ty đã cấp tiền cho dự án của họ. Điều khoản ghi rõ là chính bản thân Johnston phải đứng ra hướng dẫn chuyến đi này. Và cô đã dự định sẽ tìm cách tác động đến ông trên máy bay.

“Tiếc quá, Giáo sư Johnston đã có hẹn trước mất rồi.”

“Ồ?”

“Với François Bellin, Bộ trưởng Bộ Di tích và Cổ vật. Ông ta sẽ từ Paris ghé thăm.”

“Tôi hiểu rồi.” Kramer cảm thấy dễ chịu hơn. Dĩ nhiên Johnston phải nói chuyện với các nhà chức trách trước. Dự án Dordogne phải phụ thuộc

hoàn toàn vào mối quan hệ với chính phủ Pháp. Cô nói, “Có vấn đề gì không vậy?”

“Tôi nghĩ không có vấn đề gì đâu. Họ là bạn cũ của nhau. À, ta tới rồi đây.”

Chiếc trực thăng xuyên qua màn sương, bay vào ánh mặt trời buổi sớm rực rỡ. Những ngôi nhà trong nông trại xây bằng đá đổ bóng dài trên mặt đất.

Khi họ bay qua một trang trại, những con ngỗng trong sân đập cánh phần phật, và một người phụ nữ đeo tạp dề giơ giơ nắm đấm về phía họ.

“Bà ấy chẳng vui về gì với sự có mặt của chúng ta nhỉ,” Marek nói đồng thời hướng cánh tay lực lưỡng của anh ta về phía đó.

Ngồi ở băng ghế phía sau anh ta, Kramer đeo cặp kính râm lên và nói, “Ồ, giờ mới sáu giờ sáng. Sao chúng ta phải đi sớm thế chứ?”

“Để có ánh sáng,” Marek nói “Bóng buổi sớm giúp ta thấy được hết những đường đồng mức, chỉ dấu khảo cổ<sup>12</sup> và tất cả những thứ kiểu như thế.” Anh ta chỉ xuống dưới chân mình. Ba chiếc hộp màu vàng nặng nề được gắn vào thanh chống trước của trực thăng. “Giờ chúng ta đang mang theo dụng cụ vẽ địa đồ lập thể, ra đa hồng ngoại, tử ngoại và quét mặt cắt.”

Kramer chỉ về phía cửa sổ phía sau, một cái ống bạc dài gần một mét tám lủng lẳng bên dưới phần cuối trực thăng. “Và nó là cái gì vậy?”

“Từ kế proton.”

“Vậy à? Cái đó dùng để làm gì?”

“Tìm kiếm những dị thường của từ trường dưới lòng đất, từ những dị thường này có thể chỉ ra được vị trí của những bức tường, mảnh sứ hay kim loại bị chôn vùi.”

“Có thứ dụng cụ nào cần thiết mà anh chưa có không?”

Marek mỉm cười. “Không, thưa cô Kramer. Chúng tôi đã có tất cả những thứ cần thiết rồi, cảm ơn cô.”

Chiếc trục thẳng đang bày là ở bìa khu rừng rậm rạp. Nhưng giờ cô thấy những khối đá xám, những vách đá trải dài trước mặt. Cô nhận ra Marek đang hướng dẫn mình một cách rất chuyên nghiệp, anh ta nói gần như không ngừng.

“Những vách đá vôi kia là những thứ còn sót lại của một bờ biển cổ,” anh ta nói. “Hàng triệu năm trước, phần này của nước Pháp bị biển bao phủ. Nước rút đi đã để lại bờ biển này. Bị ép nén qua hàng niên kỷ, bờ biển đã trở thành đá vôi. Đá rất mềm. Vách đá lỗ chỗ những hang động lớn nhỏ.”

Kramer thực sự có thể nhìn thấy rất nhiều cửa hang, những lỗ sâu hoắm trong lòng đá. “Nhiều hang động quá,” cô nói.

Marek gật đầu. “Khu vực ở miền Nam nước Pháp này là một trong những nơi định cư lâu đời nhất trên trái đất. Con người đã sống ở đây ít nhất bốn trăm nghìn năm rồi. Lịch sử đã được ghi nhận trải dài từ thời người Neanderthal tới tận thời hiện đại mà không bị ngắt quãng.”

Kramer sốt ruột gật đầu. “Còn cái dự án đó thì tiến hành ở đâu vậy?”

“Sắp tới rồi.”

Khu rừng kết thúc ở chỗ những nông trại rải rác, những cánh đồng trải dài. Giờ họ đang hướng về phía một ngôi làng trên đỉnh đồi; cô nhìn thấy những ngôi nhà đá, những con đường hẹp, và tòa tháp đá của một lâu đài nào đó vươn lên trên nền trời.

“Đó là Beynac,” Marek nói mà không quay lại nhìn cô. “Và đây là tín hiệu Doppler của chúng ta.” Kramer nghe thấy mấy tiếng bíp bíp trong tai nghe của mình, càng lúc càng nhanh hơn.

“Sẵn sàng nhé,” viên phi công nói.

Marek gạt nút những dụng cụ của mình. Nửa tá đèn chuyển sang màu xanh.

“Được rồi,” viên phi công nói. “Cắt ngang lần một nào. Ba... hai... một.”

Ngọn đồi um tùm cây cối đổ xuống một miệng vực dựng đứng, và Diane Kramer nhìn thấy thung lũng Dordogne trải rộng ra dưới chân họ.

\*

\*

Sông Dordogne uốn lượn như một con rắn nâu trong cái thung lũng mà nó đã cắn nát từ hàng trăm nghìn năm trước. Sáng sớm thế này mà đã có những người chèo xuồng trên sông.

“Vào thời Trung Cổ, Dordogne từng là giới tuyến quân sự ở khu vực này,” Marek nói. “Phần sông này là của người Pháp và phần bên kia là của người Anh. Cứ đánh qua lại như thế. Ngay phía dưới chúng ta là Beynac, một pháo đài của Pháp.”

Kramer nhìn xuống một thị trấn du lịch đẹp như tranh với những tòa nhà bằng đá lạ lùng và những mái nhà đá sẫm màu. Những con phố ngoằn ngoèo, chật hẹp chẳng có lấy một bóng du khách. Thị trấn Beynac được xây tựa vào vách đá, bắt nguồn từ bờ sông và kéo dài tới chỗ tường thành của một lâu đài cổ.

“Và ở đằng kia,” Marek nói, chỉ tay về phía sông, “cô sẽ thấy thị trấn Castelnau ở phía đối diện. Một pháo đài của Anh.”

Tít phía trên ngọn đồi đằng xa, Kramer thấy tòa lâu đài thứ hai, được xây hoàn toàn bằng đá vàng. Lâu đài tuy nhỏ nhưng được phục chế lại rất đẹp, ba tòa tháp tròn được liên kết bằng những bờ tường cao duyên dáng nổi bật giữa trời. Dưới chân lâu đài cũng có một thị trấn độc đáo được xây dựng cho khách du lịch.

Cô nói, “Nhưng đây có phải dự án của chúng ta đâu...”

“Phải,” Marek nói “Tôi chỉ đang cho cô xem địa thế chính ở đây thôi. Dọc sông Dordogne, cô sẽ thấy những cặp lâu đài đối chọi nhau như thế này.

Dự án của chúng ta cũng bao gồm hai tòa lâu đài đối địch, nhưng đó là xuôi xuống hạ nguồn vài dặm nữa. Chúng ta sẽ tới đó ngay bây giờ.”

\*

\*

Chiếc trực thăng chao nghiêng, hướng thẳng về phía Tây, vượt qua những ngọn đồi uốn lượn. Họ bỏ khu du lịch lại phía sau; Kramer rất hài lòng khi thấy phía dưới mình hầu như chỉ toàn rừng. Họ bay qua một thị trấn nhỏ có tên là Envaux ở gần sông rồi lại bay lên đồi. Khi họ bay qua một triền đồi, cô bất ngờ nhìn thấy một cánh đồng xanh rộng mở. Giữa cánh đồng là phế tích của những ngôi nhà đá đổ nát, những bức tường tựa vào nhau tạo ra những góc kỳ quái. Nơi đây rõ ràng đã từng là một thị trấn, nhà cửa đều được xây dưới chân tường thành một tòa lâu đài. Những bức tường giờ chỉ còn là một đồng gạch vụn nối tiếp nhau, và hầu như chẳng còn chút tàn tích nào của tòa lâu đài hết; cô chỉ thấy duy nhất nền của hai tòa tháp tròn và một phần của bức tường đổ nát nối liền chúng lại với nhau. Đó đây là những túp lều căng bạt trắng được dựng lên giữa đồng phế tích. Cô cũng thấy vài chục người đang làm việc quanh đó.

“Tất cả chỗ này thuộc sở hữu của một người nuôi dê, cho tới cách đây ba năm,” Marek nói. “Người Pháp gần như đã quên mất sự tồn tại của di tích bị rừng che phủ này. Chúng tôi đang phát quang và xây mới một ít. Thứ cô đang nhìn thấy là pháo đài Castलगard nổi tiếng một thời của người Anh.”

“Đây là Castलगard sao?” Kramer thở dài. Hầu như chẳng còn sót lại thứ gì. Vài bức tường còn đứng đó như cho thấy ở đây từng có một thị trấn. Và phần chính của lâu đài, gần như chẳng còn gì hết.

“Tôi đã nghĩ là sẽ có nhiều thứ hơn thế,” cô nói.

“Rồi sẽ có mà. Vào thời hoàng kim của nó, Castलगard từng là một thị trấn lớn với một tòa lâu đài rất đồ sộ,” Marek nói. “Nhưng cũng phải mất vài



năm mới phục dựng hoàn toàn lại được.”

Kramer đang băn khoăn không biết phải giải thích thế nào cho Doniger. Dự án Dordogne chưa tiến xa được như gã nghĩ. Bắt tay thực hiện những công đoạn tái thiết hoành tráng là việc cực kỳ khó khăn khi khu vực này vẫn còn quá đổ nát. Và cô chắc chắn rằng Giáo sư Johnston cũng sẽ từ chối mọi đề xuất hòng bắt đầu khôi phục lại di tích này.

Marek nói, “Chúng tôi đã dựng đại bản doanh tại nông trại đằng kia.” Anh ta chỉ tay về phía một trang trại có vài tòa nhà bằng đá, không xa khu phế tích là mấy. Một chiếc lều xanh đứng cạnh một tòa nhà. “Cô có muốn lượn vòng nhìn Castelgard thêm nữa không?”

“Không,” Kramer nói, cố gắng giấu vẻ thất vọng trong giọng nói. “Đi tiếp đi.”

“Được thôi, vậy chúng ta sẽ đi tới chỗ cối xay nhé.”

Chiếc trực thăng quay đầu về phía Bắc, bay về phía dòng sông. Đồi thoai thoải đổ xuống, rồi phẳng lì dọc hai bên bờ dòng Dordogne. Họ vượt qua con sông rộng có màu nâu thẫm và tới một hòn đảo cây cối rậm rì gần bờ bên kia. Giữa hòn đảo và bờ Bắc là một dòng chảy hẹp và xiết hơn, có lẽ rộng khoảng bốn mét rưỡi. Và ở đây cô lại thấy phế tích của một công trình khác – quá đổ nát đến nỗi khó có thể biết được nó đã từng là cái gì. “Còn cái này?” cô nói trong khi nhìn xuống. “Nó là cái gì vậy?”

“Đó là cối xay nước. Đã từng có một cây cầu bắc ngang qua sông, với bánh xe nước phía dưới. Họ đã dùng sức nước để xay thóc, thổi ống bễ rèn thép.”

“Chưa có gì được phục dựng ở đây hết,” Kramer nói. Cô lại thở dài.

“Chưa,” Marek nói. “Nhưng chúng tôi đang nghiên cứu. Chris Hughes, một trong những nghiên cứu sinh trường chúng tôi đã xem xét nó khá kỹ. Giờ Chris đang ở dưới đó với giáo sư.”

Kramer nhìn thấy một thanh niên tóc đen, dáng người săn chắc, đang đứng bên cạnh bóng người cao to mà cô nhận ra là Giáo sư Johnston. Chẳng

người nào ngược lên nhìn chiếc trực thăng đang bay qua đầu mình hết, họ còn đang bận tập trung cho công việc.

Giờ chiếc trực thăng đã bỏ dòng sông lại phía sau, hướng về phía vùng đất bằng phẳng phía Đông. Họ bay qua một tổ hợp những bức tường thấp vuông vắn, hiện lên như những đường nét sẫm màu giữa ánh sáng chiếu xiên trên nền trời lúc mờ sáng. Kramer đoán rằng mấy bức tường ấy chẳng cao được đến chục xăng ti mét đâu. Nhưng nó rõ ràng đã phác họa hình ảnh của một thành phố nhỏ.

“Còn cái này? Một thị trấn khác à?”

“Gần như thế. Đây là tu viện Sainte-Mère,” Marek nói. “Một trong những tu viện giàu có và có ảnh hưởng lớn nhất ở Pháp. Nó bị cháy ra tro vào thế kỷ mười bốn.”

“Dưới ấy đào xới nhiều quá,” Kramer nói.

“Phải, đó là khu quan trọng nhất.”

Khi họ bay qua, cô có thể nhìn thấy những hố vuông lớn mà họ đã đào dẫn xuống những hầm mộ dưới chân tu viện. Kramer biết đội nghiên cứu đã dành rất nhiều công sức ở đây vì họ hy vọng có thể tìm được thêm vài bản ghi chép bị chôn giấu của tu viện; họ cũng đã tìm được kha khá rồi.

Chiếc trực thăng lượn đi, tiến tới những vách đá vôi bên phía người Pháp và rồi tiếp cận một thị trấn nhỏ. Chiếc trực thăng vút lên đỉnh vách đá.

“Chúng ta đã tới địa điểm thứ tư và cũng là địa điểm cuối cùng,” Marek nói. “Pháo đài trên thị trấn Bezenac. Vào thời Trung Cổ nó được gọi là La Roque. Trên sông thì nó nằm bên phía người Pháp nhưng thực ra người Anh đã xây dựng nó. Họ đã định cố thủ lâu đài trong lãnh địa của người Pháp. Như cô cũng thấy đấy, nó khá là rộng.”

Và thực sự là thế: một tổ hợp quân sự khổng lồ trên đỉnh đồi, với hai vòng tường thành đồng tâm bao lấy nhau, trải rộng trên hơn hai mươi héc ta. Cô thở phào nhẹ nhõm. Pháo đài La Roque còn tương đối nguyên vẹn so với

các địa điểm khác trong dự án, số lượng các bức tường đứng đó vẫn còn nhiều, giúp người ta di dằng nhận ra nó đã từng là gì.

Nhưng du khách cũng đang nườm nượp ra vào khu vực này.

“Các anh để khách du lịch vào đây à?” cô hỏi với vẻ khó chịu.

“Không hẳn là quyết định của chúng tôi,” Marek nói. “Cô biết đấy, đây là một địa điểm mới và chính phủ Pháp muốn mở cửa cho dân chúng. Nhưng dĩ nhiên là chúng tôi sẽ cho đóng cửa khi bắt đầu tái thiết.”

“Khi nào thì các anh sẽ tiến hành tái thiết?”

“À... trong khoảng hai đến năm năm nữa.”

Cô không nói gì. Chiếc trực thăng lượn vòng tròn và bay lên cao hơn.

Marek nói: “Thế là chúng ta đã đi hết rồi. Từ trên đây cô có thể nhìn được toàn cảnh dự án: pháo đài La Roque, tu viện ở vùng bình nguyên, cối xay nước, và bên kia sông là pháo đài Castalgard. Có muốn xem lại nữa không?”

“Không,” Kramer nói. “Chúng ta có thể quay về. Tôi đã xem đủ rồi.”

Edward Johnston, giáo sư sử học của Đại học Yale do Hoàng gia Anh bổ nhiệm, neho mắt nhìn chiếc trực thăng đang phành phạch trên đầu. Nó đang bay theo hướng Nam về phía Domme, ở đó có chỗ hạ cánh. Johnston ngó qua chiếc đồng hồ đeo tay và nói, “Tiếp tục thôi, Chris.”

“Vâng,” Chris Hughes nói. Anh quay lại phía chiếc máy tính kết nối với hệ thống định vị toàn cầu đặt trên một cái chạc ba chân trước mặt họ và bật máy. “Phải mất một phút mới khởi động xong.”

Christopher Stewart Hughes là một trong những nghiên cứu sinh của Johnston. Giáo sư – ông thường được gọi bằng cái tên ấy, có năm nghiên cứu sinh đang làm việc tại đây, cùng với hai tá sinh viên đại học đã đem lòng ái mộ ông sau những bài giảng của môn Văn minh phương Tây.

Chris nghĩ, rất dễ yêu quý Edward Johnston. Dù đã trên sáu mươi, Johnston có bờ vai rộng và nom rất khỏe mạnh; ông di chuyển lanh lẹ, tạo cảm giác tràn đầy năng lượng và sức sống. Da rám nắng, mắt thâm màu và cách ứng xử thì đầy tính mỉa mai châm biếm, ông trông giống ác quỷ Mephistopheles<sup>13</sup> hơn là giáo sư đại học.

Nhưng ông vẫn mặc đồ khá đúng phong cách giáo sư: thậm chí cả ở đây, giữa cánh đồng này thì hằng ngày ông vẫn mặc một chiếc áo sơ mi cài cúc và thắt cà vạt. Sự nhân nhượng duy nhất cho công việc ngoài đồng là chiếc quần jean và đôi giày thể thao.

Điều khiến Johnston được học trò rất yêu quý là cách ông hòa mình vào cuộc sống của họ: ông mời họ đến nhà mình dùng bữa mỗi tuần một lần; ông quan tâm tới họ; nếu bất cứ ai có khó khăn gì với chuyện học hành, tài chính, hay gia đình, ông luôn sẵn sàng hỗ trợ họ giải quyết vấn đề, nhưng bản thân thì lại chẳng bao giờ tỏ vẻ là mình đang giúp đỡ gì.

Chris cẩn thận tháo chiếc hộp kim loại dưới chân ra, đầu tiên lấy ra một màn hình tinh thể lỏng trong suốt, dựng thẳng nó lên, lắp nó vào giá đỡ phía trên chiếc máy tính. Rồi anh khởi động lại máy tính để nó nhận màn hình.

“Chỉ còn vài giây nữa thôi,” anh nói. “Thiết bị định vị toàn cầu GPS đang đọc dữ liệu.”

Johnston gật đầu với vẻ kiên nhẫn và mỉm cười.

Chris là nghiên cứu sinh ngành lịch sử khoa học – một lĩnh vực vốn có nhiều luồng ý kiến trái chiều gay gắt – nhưng anh đã khéo léo tránh được tranh cãi khi bỏ qua khoa học hiện đại, và tập trung vào khoa học và kỹ thuật của thời kỳ Trung Cổ. Thế là anh đã trở thành chuyên gia về kỹ thuật luyện kim, chế tạo vũ khí, luân canh ba cánh đồng<sup>14</sup>, thuộc da, và hàng tá các lĩnh vực khác vào thời đó. Anh đã quyết định sẽ viết luận án tiến sĩ về chủ đề kỹ thuật của những nhà máy xay thời Trung Cổ – một lĩnh vực hấp dẫn nhưng vẫn chưa được nhiều người quan tâm.

Và dĩ nhiên, anh đặc biệt chú ý đến cối xay nước của Sainte-Mère.

Johnston bình tĩnh đứng đợi.

Khi Chris còn một năm nữa là tốt nghiệp thì cha mẹ anh mất vì tai nạn ô tô. Là con một, Chris cực kỳ tuyệt vọng; anh suýt nữa định bỏ học. Johnston chuyển cậu sinh viên trẻ đến ở nhà mình trong vòng ba tháng, ông làm cha nuôi của Chris trong suốt những năm sau đó, tư vấn cho anh mọi thứ từ giải quyết vấn đề tài sản của bố mẹ cho tới chuyện bạn gái. Và quả thật Chris có rất nhiều vấn đề với các cô bạn gái.

Sau khi cha mẹ mất, Chris đã quan hệ với rất nhiều phụ nữ. Hậu quả của việc này là vô số những rắc rối nảy sinh trong cuộc sống của anh – cái nhìn đầy khinh bỉ từ cô người yêu bị đá trong một nhóm nghiên cứu chuyên đề; những cuộc gọi điện hoảng loạn lúc nửa đêm vì lỡ kỳ kinh khi anh đang trên giường với một người khác; những cuộc gặp gỡ vụng trộm trong khách sạn với một phó giáo sư triết học đang chuẩn bị ly hôn – tất cả những thứ này đã thành một phần quen thuộc trong cuộc sống của anh. Chẳng lạ gì khi điểm số của anh tụt dốc thảm hại. Rồi Johnston lôi Chris ra nói chuyện riêng, dành vài buổi tối để thông tư tưởng cho chàng trai trẻ.

Nhưng Chris nào có chịu nghe; không lâu sau, anh bị nhắc tên trong vụ ly hôn đó. Phải nhờ sự can thiệp riêng của Giáo sư thì anh mới không bị

đuổi khỏi Yale. Phản ứng của Chris trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc bất ngờ đổ ụp xuống đầu này là lao vào học; điểm số nhanh chóng vọt lên; cuối cùng, anh tốt nghiệp với điểm số cao thứ năm trong lớp. Nhưng trong quá trình đó, anh đã trở nên bảo thủ. Giờ đây, hai mươi tư tuổi, anh ta dần có xu hướng màu mè kiểu cách và trở nên khó tính. Chỉ có với phụ nữ là anh vẫn hấp tấp mà thôi.

\*

\*

“Rồi.” Chris nói. “Đang hiện lên rồi.”

Màn hình tinh thể lỏng hiện những nét phác trên nền xanh lá cây tươi sáng.

Trên màn hình trong suốt, họ có thể nhìn thấy phế tích cối xay nước, với đường viền màu xanh được xếp chồng lên trên. Đây là công nghệ mới nhất giúp tái hiện những cấu trúc khảo cổ. Trước đây, họ phải dựa vào những mô hình khảo cổ thông thường, làm từ đá bọt, được cắt gọt và gắn lại bằng tay. Nhưng kỹ thuật đó rất mất thời gian và chỉnh sửa thì cũng rất khó khăn.

Giờ đây, tất cả các mẫu đều được thực hiện bằng máy tính. Chúng có thể được gắn kết nhanh chóng và dễ dàng sửa chữa. Bên cạnh đó, phương pháp này cho phép nhìn thấy vật mẫu trên thực địa. Máy tính được nhập những dữ liệu tọa độ theo dạng biểu đồ của phế tích; sử dụng hệ thống định vị toàn cầu đặt chắc trên giá ba chân, hình ảnh hiện lên trên màn hình hoàn toàn chính xác đến từng chi tiết.

Họ nhìn đường màu xanh đầy dần lên, hiện ra thành những hình dạng rõ ràng. Nó thể hiện một chiếc cầu vững chắc, xây toàn bằng đá tảng, với ba bánh xe nước bên dưới. “Chris,” Johnston nói, “em đã gia cố nó rồi đấy à.” Ông có vẻ rất hài lòng.

“Em biết cũng có rui ro...” anh nói.

“Không, không,” Giáo sư nói, “thầy nghĩ làm thế hợp lý đây.”

Sách vở cũng có nhiều lần nói tới những cối xay đã qua gia cố, và chắc chắn rằng đã có nhiều ghi chép về những trận chiến vì cối xay và các quyền đối với cối xay. Nhưng có rất ít cối xay đã gia cố thực sự được biết tới: một cái ở Buerge và một mới được phát hiện ở gần Montauban trong thung lũng kế bên. Hầu hết các nhà sử học chuyên nghiên cứu về thời kỳ Trung Cổ đều tin rằng những kết cấu cối xay kiên cố như thế là rất hiếm.

“Những đế cột ở sát mép nước đều rất lớn.” Chris nói. “Giống như tất cả mọi thứ xung quanh đây, một khi cối xay đã bị bỏ hoang, dân địa phương sẽ coi nó như một mỏ đá. Họ lấy đá từ đó để xây nhà. Nhưng đá ở đế cột thì bị bỏ lại, đơn giản là vì chúng quá lớn nên người ta không khênh đi được. Em nghĩ rằng đây là một cây cầu thực sự đồ sộ. Có lẽ đã được gia cố.”

“Có thể thế,” Johnston nói. “Và thầy nghĩ...”

Chiếc điện đàm giắt ở thắt lưng anh kêu lên. “Chris? Giáo sư có ở cùng cậu không? Ngài bộ trưởng đến rồi.”

Johnston nhìn sang bên kia chỗ đào bờ của tu viện, về phía con đường đất chạy dọc bờ sông. Một chiếc xe Land Rover màu xanh lá cây với chữ trắng trên hai kính bên đang chạy thẳng tới chỗ họ, làm tung bụi mù mịt. “Phải, chắc là ông ấy rồi,” ông nói. “François đấy. Lúc nào cũng vội vã.”

“Edouard! Edouard!” François Bellin chộp lấy vai Giáo sư, hôn lên hai má ông. Bellin là một người đàn ông vạm vỡ, to con và hói đầu. Ông nói tiếng Pháp nhanh như gió. “Bạn thân mến của tôi, lâu lắm mới gặp. Vẫn khỏe chứ?”

“Vẫn, François,” Johnston nói, lùi lại một bước trước sự nồng nhiệt quá khích này. Bất cứ khi nào Bellin nhiệt tình thái quá là y như rằng lại có vấn đề. “Còn anh thì sao, hả François?” Johnston hỏi. “Mọi chuyện thế nào?”

“Vẫn thế, vẫn thế. Nhưng ở tuổi tôi, thế là đủ tốt rồi.” Ông nhìn quanh quất một lát rồi đặt tay lên vai Johnston đầy vẻ bí hiểm, “Edouard, tôi muốn

nhờ anh một chút. Tôi có một rắc rối nho nhỏ.”

“Ồ?”

“Anh biết cô phóng viên này chứ, từ tờ *L'Express*...”

“Không,” Johnston nói. “Hoàn toàn không.”

“Nhưng Edouard...”

“Tôi đã nói chuyện điện thoại với cô ta rồi. Cô ta là một trong những người theo học thuyết âm mưu. Cái kiểu coi chủ nghĩa tư bản là xấu xa, tất cả các tập đoàn chỉ rất một lũ ác quỷ ấy...”

“Phải, phải, Edouard, anh nói rất đúng.” Ông ngả người gần hơn. “Nhưng cô ta ngủ với Bộ trưởng Bộ Văn hóa.”

“Thế cũng chẳng làm phạm vi hẹp lại đâu,” Johnston nói.

“Edouard, xin đấy. Người ta bắt đầu để ý những gì cô ta nói rồi. Cô ta có thể gây rắc rối lớn đấy. Cho tôi. Cho anh. Cho dự án này.”

Johnston thờ dài.

“Anh cũng biết là có những xì xào bàn tán rằng người Mỹ hủy diệt mọi nền văn hóa, và bản thân nước Mỹ thì chẳng có bản sắc văn hóa gì hết. Phim ảnh và âm nhạc đã gây nhiều vấn đề rồi. Và cũng đã có những thảo luận về việc cấm người Mỹ đào xới ở những địa điểm văn hóa của người Pháp. Sao nào?”

Johnston nói, “Đó là tin cũ rồi.”

“Và nhà tài trợ của chính anh, ITC, cũng đã đề nghị anh nói chuyện với cô ta.”

“Họ làm thế à?”

“Phải. Cô Kramer nào đó đề nghị anh nói chuyện với cô ta.”

Johnston lại thờ dài thườn thượt.

“Chỉ mất vài phút quý giá của anh thôi, tôi hứa đấy,” Bellin nói, vẫy tay về phía chiếc Land Rover. “Cô ta đang trong xe kia kìa.”



Johnston nói, “Anh tự đưa cô ta đến đây à?”

“Edouard, tôi đang muốn nói với anh,” Bellin nói. “Phải nghiêm túc với người phụ nữ này. Cô ta tên là Louise Delvert.”

Khi cô ta ra khỏi xe, Chris thấy một người phụ nữ trên bốn mươi tuổi, thanh mảnh, da hơi ngăm, nét mặt sắc sảo, với những đường nét rất mạnh mẽ. Cô ta ăn mặc đúng kiểu phụ nữ châu Âu trưởng thành, quyến rũ một cách tinh tế và ý nhị: đồ thám hiểm, áo kaki và quần dài, đeo túi đựng camera, máy ghi hình và ghi âm quanh cổ. Cô ta cầm cuốn sổ tay và rảo bước về phía họ, quá chuyên nghiệp.

Nhưng khi đã tiến lại đủ gần, cô ta bắt đầu bước chậm lại.

Delvert chìa tay ra. “Giáo sư Johnston,” cô ta nói, với giọng Anh không chút pha tạp. Nụ cười chân thật và ấm áp. “Tôi hết sức cảm kích vì ông đã dành cho tôi chút thời gian.”

“Có gì đâu,” Johnston nói, bắt tay cô ta. “Cô đã đi cả một đoạn đường dài rồi, cô Delvert. Tôi rất sẵn lòng giúp cô trong khả năng của mình.”

Johnston tiếp tục nắm tay cô ta. Cô ta tiếp tục mỉm cười với ông. Việc này kéo dài thêm độ mười giây nữa, trong khi đó cô ta nói rằng ông thật tốt và ông đáp lại rằng đó là việc nhỏ nhất nhất ông có thể làm cho cô ta.

\*

\*

Họ đi qua bãi đào xới bên tu viện, một nhóm nhỏ đi sát nhau: Giáo sư và cô Delvert đi trước, Bellin và Chris theo sau, không quá gần, nhưng cũng đủ để nghe được câu chuyện. Bellin cười thầm mãn nguyện; Chris nhận ra rằng có nhiều hơn một cách để xử lý một ngài Bộ trưởng Bộ Văn hóa rắc rối.

Về phần Giáo sư, vợ ông đã mất nhiều năm trước, và dù có rất nhiều lời đồn đại, Chris chưa bao giờ thấy ông qua lại với bất cứ người phụ nữ nào hết. Anh rất thích thú nhìn ông lúc này. Johnston không hề thay đổi cách ứng xử; ông chỉ đơn giản là chú tâm hoàn toàn đến cô phóng viên mà thôi. Ông làm người khác có ấn tượng rằng cả thế giới này chẳng có gì quan trọng hơn cô ta hết. Và Chris có cảm giác rằng những câu hỏi của Delvert có vẻ kém sắc nhọn hơn những gì cô ta dự định hỏi.

“Như ông biết đấy, thưa Giáo sư,” cô ta nói, “tòa soạn của chúng tôi vẫn đang hoàn thành bài viết về công ty ITC của Mỹ.”

“Phải, tôi có biết chuyện đó.”

“Có đúng ITC tài trợ cho dự án này không, thưa Giáo sư?”

“Phải.”

Cô ta nói, “Chúng tôi nghe nói họ tài trợ một triệu đô la vào đây mỗi năm.”

“Cái đó cũng đúng.”

Họ đi tiếp một lúc. Cô ta dường như đang lên khung cho câu hỏi tiếp theo một cách cẩn thận.

“Có vài người ở tòa soạn,” cô ta nói, “nghĩ rằng đó là một số tiền khá lớn cho một dự án khảo cổ học thời Trung Cổ.”

“Ồ, cô có thể nói với mọi người ở tòa báo,” Johnston nói, “là không phải đâu. Thực tế, với một khu vực lớn như thế này thì là bình thường thôi. ITC đã trả thẳng cho chúng tôi hai trăm năm mươi nghìn đô la, một trăm hai mươi nghìn cho các chi phí gián tiếp đóng cho trường đại học, thêm tám mươi nghìn nữa cho học bổng, lương tháng, chi phí đi lại và ăn ở, cùng với năm mươi nghìn nữa cho các chi phí thí nghiệm và lưu trữ.”

“Nhưng chắc chắn là phải còn nhiều hơn thế chứ,” cô ta nói, tay lấy bút nghịch ngợm mái tóc của mình, và chớp mắt liên tục. Chris nghĩ, cô ta đang nháy mắt với ông. Anh chưa bao giờ thấy một phụ nữ làm thế. Chắc chỉ người Pháp mới làm nổi cái trò đó.

Giáo sư có vẻ không để ý đến chuyện đó. “Phải, hiển nhiên là còn phải thêm nữa,” ông nói, “nhưng không phải là chi cho chúng tôi. Phần còn lại là chi phí tái thiết chính di chỉ này. Nó được tính riêng, vì cô cũng biết đấy, chi phí tái thiết được chia sẻ với chính phủ Pháp.”

“Dĩ nhiên.” cô ta nói. “Thế nửa triệu đô la cấp cho nhóm của ông thì theo ông có bình thường không?”

“Ồ, chúng ta có thể hỏi François,” Johnston nói. “Nhưng có hai mươi bảy di chỉ khảo cổ đang được khai quật ở cái góc nhỏ này của nước Pháp. Chúng trải dài từ khu thời kỳ Đồ đá cũ mà Đại học Zurich đang hợp tác với Carnegie-Mellon, tới những trại lính La Mã, pháo đài, mà Đại học Bordeaux đang liên kết thực hiện với Oxford. Chi phí trung bình hằng năm cho mỗi dự án thế này là khoảng nửa triệu đô la.”

“Tôi không biết điều đó.” Cô ta đang chăm chú nhìn vào mắt ông, ngưỡng mộ một cách không giấu giếm. Quá lộ liễu ấy chứ, Chris nghĩ. Đột nhiên, anh nghĩ rằng mình đã đánh giá sai mọi chuyện. Có lẽ đây đơn thuần chỉ là cách cô ta làm để có được bài báo mình cần mà thôi.

Johnston liếc lại về phía Bellin đang đi ngay phía sau. “François? Anh thấy sao?”

“Tôi tin là anh biết mình đang làm gì – ý tôi là, đang nói gì,” Bellin nói. “Ngân sách dao động từ bốn tới sáu trăm nghìn đô la. Những thứ liên quan đến Scandinavi, Đức, Mỹ tốn kém hơn. Thời kỳ Đồ đá cũ tốn kém hơn. Nhưng, đúng thế, nửa triệu có lẽ là con số trung bình.”

Delvert vẫn tiếp tục tập trung chú ý vào Giáo sư Johnston: “Và với số tiền tài trợ này, thưa ông Johnston, ông có cần phải liên hệ với ITC nhiều không?”

“Gần như không.”

“Gần như không? Thật vậy ư?”

“Chủ tịch công ty họ, Robert Doniger, xuất hiện từ hai năm trước. Anh ta là một con nghiện lịch sử, và cực kỳ nhiệt tình, cứ y như một đứa trẻ vậy.

Cứ khoảng một tháng thì ITC lại cử một phó chủ tịch tới kiểm tra. Một người đang ở đây rồi. Nhưng nói chung thì họ cứ để kệ chúng tôi làm việc của mình.”

“Thế ông biết gì về bản thân công ty ITC không?”

Johnston nhún vai. “Họ tiến hành những nghiên cứu về vật lý lượng tử. Họ chế tạo các chi tiết cho các máy MRI, thiết bị y tế, vân vân. Và họ đang phát triển một số công nghệ xác định niên đại dựa trên lý thuyết lượng tử, để biết chính xác niên đại của bất kỳ cổ vật nào. Chúng tôi đang giúp họ trong nghiên cứu đó.”

“Tôi hiểu rồi. Thế những công nghệ đó, chúng hoạt động tốt chứ?”

“Chúng tôi có những thiết bị mẫu trong văn phòng ở trang trại đằng kia. Tới giờ thì chúng vẫn còn quá sơ sài, chưa thể sử dụng ngoài thực địa được. Chúng toàn hỏng thôi.”

“Nhưng đây có phải là lý do ITC tài trợ cho các vị – để thử nghiệm các thiết bị của họ?”

“Không,” Johnston nói. “Ngược lại thì đúng hơn. Lý do ITC chế tạo máy xác định niên đại cũng là lý do ITC tài trợ cho chúng tôi – vì Bob Doniger rất hứng thú với lịch sử. Chúng tôi là một sở thích cá nhân của anh ta.”

“Một sở thích tốn kém quá.”

“Với anh ta thì không,” Johnston nói. “Anh ta là tỷ phú mà. Anh ta đã mua quyển Kinh Thánh của Gutenberg với giá hai mươi ba triệu đô. Anh ta đã mua tấm thảm thêu Rouen trong một buổi đấu giá với giá mười bảy triệu đô. Dự án của chúng tôi chỉ là chút tiền lẻ thôi.”

“Có lẽ thế. Nhưng ông Doniger cũng là một doanh nhân rất cứng rắn.”

“Phải.”

“Ông có thực sự nghĩ anh ta tài trợ cho mình chỉ vì sở thích cá nhân thôi không?” Giọng cô ta khá nhẹ nhàng, gần như trêu đùa.

Johnston nhìn thẳng vào cô ta. “Thưa cô Delvert, cô chẳng bao giờ biết được lý do thực sự của một người là gì đâu.”

Chris nghĩ, *Bản thân ông ấy cũng đang nghi ngờ.*

Delvert dường như cũng cảm nhận được điều đó, và cô ta ngay lập tức đổi giọng sang kiểu công việc. “Dĩ nhiên là thế rồi. Nhưng tôi hỏi là có lý do. Không phải là ông không được sở hữu thành quả nghiên cứu của mình hay sao? Tất cả những gì ông tìm thấy, tất cả những gì ông khám phá được, đều sẽ thuộc quyền sở hữu của ITC.”

“Đúng, chính xác là thế.”

“Điều này không làm ông phiền lòng sao?”

“Nếu tôi có làm việc cho Microsoft, Bill Gates cũng sẽ sở hữu thành quả nghiên cứu của tôi. Tất cả những gì tôi tìm được, tất cả những gì tôi khám phá ra, cũng đều sẽ thuộc quyền sở hữu của Bill Gates.”

“Phải. Nhưng hai chuyện này thực sự không giống nhau cho lắm.”

“Sao lại không? ITC là một công ty công nghệ, và Doniger lập ra quỹ này theo cách những công ty công nghệ khác đang làm. Tôi không thấy phiền lòng với thỏa thuận đó. Chúng tôi có quyền xuất bản những phát hiện của mình – họ thậm chí còn phải trả tiền xuất bản nữa ấy chứ.”

“Sau khi họ đã thông qua.”

“Phải. Chúng tôi gửi báo cáo đến cho họ trước. Nhưng họ chẳng bao giờ nhận xét gì hết.”

“Ông không thấy bất cứ kế hoạch nào lớn hơn của ITC ẩn sau chuyện này phải không?” cô ta hỏi.

Johnston nói, “Cô có thấy không?”

“Tôi không biết,” cô ta nói. “Đó là lý do tại sao tôi lại hỏi ông. Vì dĩ nhiên là có những khía cạnh rất khó giải đáp cho những hành động của ITC với tư cách là một công ty.”

“Khía cạnh gì cơ?”

“Ví dụ,” cô ta nói, “họ là một trong những công ty tiêu thụ xenon lớn nhất thế giới.”

“Xenon? Cô muốn nói tới khí xenon à?”

“Phải. Nó được dùng trong laser và các ống electron.”

Johnston nhún vai, “Họ có thể có tất cả lượng xenon họ muốn. Tôi không thấy sao mình lại phải quan tâm đến chuyện đó hết.”

“Việc họ có hứng thú với những kim loại hiếm thì sao? ITC gần đây đã mua một công ty Nigeria để bảo đảm nguồn cung niobi.”

“Niobi.” Johnston lắc đầu. “Niobi là cái gì?”

“Đó là kim loại tương tự như titan.”

“Nó được dùng để làm gì?”

“Nam châm siêu dẫn và các lò phản ứng hạt nhân.”

“Và cô bản khoản không biết ITC dùng nó để làm gì?” Johnston lại lắc đầu. “Cô phải hỏi họ chứ, cô Delvert.”

“Tôi đã hỏi rồi. Họ nói nó là cho ‘nghiên cứu từ trường cao cấp’.”

“Thế đó. Cô có lý do gì để không tin họ không?”

“Không,” cô ta nói. “Nhưng như ông cũng vừa nói, ITC là một công ty chuyên về nghiên cứu. Họ thuê hai trăm nhà vật lý làm việc ở trụ sở chính của mình tại Black Rock, New Mexico. Nó rõ ràng là một công ty công nghệ cao. Chuyện đó chẳng cần phải bàn cãi.”

“Phải...”

“Thế nên tôi bản khoản: tại sao một công ty công nghệ cao lại phải cần nhiều đất thế?”

“Đất ư?”

“ITC đã mua những lô đất lớn ở những khu vực hẻo lánh trên khắp thế giới: những rặng núi ở Sumatra, miền Bắc Campuchia, Đông Nam Pakistan, rừng rậm ở miền Trung Guatemala, cao nguyên ở Peru.”

Johnston chau mày. “Cô chắc chứ?”

“Chắc. Họ cũng đã mua đất ở cả châu Âu nữa. Phía Tây Rome, năm trăm héc ta. Ở Đức gần Heidelberg, bảy trăm héc ta. Ở Pháp, một nghìn héc ta chỗ những ngọn đồi đá vôi trên sông Lot. Và cuối cùng là ở ngay đây.”

“Ở đây?”

“Phải. Dùng các công ty cổ phần của Thụy Điển và Vương quốc Anh, họ đã lặng lẽ mua năm trăm héc ta quanh khu khảo cổ của ông. Hầu như đều là rừng và đất canh tác, hiện tại là thế.”

“Công ty cổ phần?” ông nói.

“Làm thế để cố lần ra cũng khó. Dù ITC có đang làm gì đi nữa thì họ đều thực hiện một cách hết sức bí mật. Nhưng tại sao công ty này lại tài trợ cho nghiên cứu của ông và mua luôn cả toàn bộ chỗ đất xung quanh nữa?”

“Tôi không biết,” Johnston nói. “Đặc biệt là khi ITC cũng chẳng sở hữu di tích này. Cô nên nhớ rằng họ đã trao trả toàn bộ khu vực này – Castelgard, Sainte-Mère và La Roque – cho chính phủ Pháp năm ngoái rồi.”

“Dĩ nhiên. Để được miễn thuế.”

“Tuy thế, ITC cũng đâu có sở hữu khu này. Sao họ lại phải mua chỗ đất bao quanh nó?”

“Tôi rất sẵn lòng cho ông xem qua tất cả những gì tôi thu thập được.”

“Có lẽ,” Johnston nói, “cô nên làm thế.”

“Những nghiên cứu của tôi ở ngay trong xe.”

Họ cùng nhau đi về phía chiếc Land Rover. Nhìn họ đi, Bellin chặc lưỡi. “Ôi trời ơi. Tin người thời nay thật khó.”

Chris vừa định dùng thứ tiếng Pháp dở tệ của mình để trả lời thì điện đàm của anh nháy, “Chris?” Đó là David Stern, kỹ thuật viên của dự án. “Chris, Giáo sư có ở chỗ anh không? Hỏi ông ấy xem ông ấy có biết ai tên là James Wauneka không?”

Chris ấn cái nút trên chiếc điện đàm. “Ngay lúc này thì Giáo sư đang bận. Có chuyện gì thế?”

“Anh ta ở Gallup. Anh ta đã gọi hai lần rồi. Muốn gửi cho chúng ta bức tranh về tu viện mà anh ta nói tìm được trong sa mạc.”

“Gì cơ? Trong sa mạc á?”

“Anh ta có lẽ hơi khùng một chút... Anh ta nói mình là cảnh sát và cứ lái nhài mãi về một nhân viên đã chết nào đó của ITC ấy.”

“Bảo anh ta gửi nó vào địa chỉ hòm thư của chúng ta,” Chris nói. “Anh xem qua nó nhé.”

Anh tắt máy. Bellin đang nhìn đồng hồ, lại tặc lưỡi, rồi nhìn về phía chiếc xe ô tô, nơi Johnston và Delvert đang đứng, đầu gần như chạm vào nhau khi xem xét đồng giấy tờ. “Tôi còn có hẹn nữa,” ông nói một cách thật thiếu não. “Ai biết chuyện này sẽ kéo dài tới bao giờ chứ?”

“Tôi nghĩ là,” Chris nói, “có lẽ cũng không lâu đâu.”

\*

\*

Hai mươi phút sau, Bellin lái xe đi cùng với Delvert còn Chris đứng đó với Giáo sư, vẫy tay chào tạm biệt. “Thầy nghĩ mọi chuyện diễn ra khá tốt đẹp,” Johnston nói.

“Cô ta đã cho thầy xem gì vậy ạ?”

“Vài hồ sơ mua đất ở khu vực quanh đây. Nhưng nó không thuyết phục lắm. Bốn lô được một nhóm đầu tư ít người biết tới của Đức mua lại. Hai lô được một luật sư người Anh mua, nói rằng ông ta sẽ nghỉ hưu ở đây; một lô khác được một chủ ngân hàng người Hà Lan mua cho cô con gái lớn, vân vân.”



“Người Anh và người Hà Lan đã mua đất ở vùng Périgord hàng năm nay rồi. Có gì mới đâu.”

“Chính xác. Có vẻ như cô ấy nghĩ rằng tất cả mọi vụ mua bán đều dẫn tới ITC. Nhưng chuyện đó khá là mong manh. Anh phải là một người có niềm tin cơ.”

Chiếc xe đã đi khuất. Họ quay lưng lại và đi về phía sông. Mặt trời đã lên cao hơn, và không khí đang ấm dần lên.

Một cách thận trọng, Chris nói, “Một phụ nữ thật quyến rũ.”

“Thầy nghĩ,” Johnston nói? “là cô ấy dành quá nhiều sức cho công việc của mình.”

Họ lên chiếc thuyền con buộc bên sông và Chris chèo thuyền sang Castelpard.

\*

\*

Họ để chiếc thuyền lại và trèo lên đỉnh đồi Castelpard. Họ thấy dấu hiệu đầu tiên của những bức tường thành. Ở phía bên này, tất cả những gì còn lại của chúng là những vạt cỏ trải dài tới những tảng đá lộ thiên vỡ nát. Sau sáu trăm năm, nó trông gần như một nơi hoàn toàn tự nhiên. Nhưng thực tế, nó lại là phần còn lại của một bức tường thành.

“Em biết đấy,” Giáo sư nói, “thứ cô ấy thực sự không thích là nguồn tài trợ từ những tập đoàn. Nhưng những nghiên cứu khảo cổ luôn phải dựa vào những nhà hảo tâm bên ngoài. Một trăm năm trước, những nhà hảo tâm đều là các cá nhân: Carnegie, Peabody, Stanford. Nhưng giờ đây, mọi nguồn vốn đều là từ các tập đoàn, thế nên Nippon TV tài trợ cho nhà nguyện Sistine, British Telecom tài trợ cho York, Philips Electronics tài trợ cho pháo đài Toulouse, và ITC tài trợ cho chúng ta.”

“Thiên quá, vừa nhắc đã thấy rồi,” Chris nói. Khi đi qua bên kia đồi, họ thấy bóng của Diane Kramer, cô đang đứng với André Marek.

Giáo sư thờ dài. “Hôm nay thế là mất toi cả ngày rồi. Cô ta định ở đây bao lâu nữa chứ?”

“Máy bay của cô ta ở Bergerac. Cô ta định đi lúc ba giờ chiều.”

\*

\*

“Tôi rất lấy làm tiếc vì chuyện người phụ nữ đó,” Diane Kramer nói khi Johnston đến gần chỗ cô. “Cô ta khiến tất cả mọi người khó chịu nhưng chúng tôi chẳng có cách nào ngăn cô ta lại được hết.”

“Bellin nói với tôi là cô muốn tôi gặp cô ấy.”

“Chúng tôi muốn tất cả mọi người nói chuyện với cô ta,” Kramer nói. “Chúng tôi đang cố hết sức để cô ta thấy là chúng tôi chẳng có bí mật gì hết.”

“Cô ấy có vẻ rất quan tâm,” Johnston nói, “đến việc ITC đang mua đất ở khu này.”

“Mua đất? ITC ư?” Kramer cười. “Tôi chưa hề nghe thấy có chuyện như thế. Cô ta có hỏi gì về niobi và các lò phản ứng hạt nhân không?”

“Thực tế là có. Cô ấy nói công ty cô đã mua một công ty ở Nigeria để đảm bảo đủ nguồn cung ứng.”

“Nigeria,” Kramer lặp lại và lắc đầu. “Ôi trời. Nguồn niobi của chúng tôi là từ Canada. Niobi, chính xác ra, không phải là một thứ kim loại quý hiếm gì đâu, ngài biết đấy. Nó có giá một trăm sáu bảy đô một cân thôi.” Cô lắc đầu. “Chúng tôi đã mời cô ta tham quan trụ sở của chúng tôi, phòng vấn chủ tịch của chúng tôi, cho cô ta mang theo thợ ảnh, các chuyên gia riêng,

bất cứ thứ gì cô ta muốn. Nhưng không. Nghề báo hiện đại là thế: không để cho sự thật ngáng chân bạn.”

Kramer quay người lại, chỉ tay về phía phế tích Castalgard xung quanh họ. “Gì thì gì,” cô nói. “Tôi đã được vinh hạnh đi theo tua hướng dẫn tuyệt vời của Tiến sĩ Marek, cả bằng trực thăng lẫn đi bộ. Không có gì phải bàn cãi rằng mọi người đang thực hiện một công việc quá sức tuyệt vời. Tiến triển rất tốt, tất cả đều rất hàn lâm khoa học, phương thức lưu trữ hiện đại, mọi người trong đội ngài đều rất vui vẻ, di tích được quản lý tốt. Hoàn hảo. Tôi không thể hạnh phúc hơn. Nhưng Tiến sĩ Marek đã nói với tôi rằng anh ấy sẽ bị muộn – gì ấy nhỉ?”

“Buổi tập kiểm<sup>15</sup> của tôi,” Marek nói.

“Buổi tập kiểm của anh ấy. Phải. Tôi nghĩ anh ấy chắc chắn phải đi tập thôi. Đó có vẻ không phải là thứ ta có thể thay đổi được, như một buổi tập piano vậy. Lúc này thì, chúng ta có nên cùng nhau đi vòng quanh khu này một lúc không nhỉ?”

“Dĩ nhiên là được,” Johnston nói.

Điện đàm của Chris kêu bíp một cái. Một tiếng nói cất lên, “Chris? Sophie muốn gặp cậu.”

“Tôi sẽ gọi lại cho cô ấy.”

“Không, không,” Kramer nói. “Anh cứ đi đi. Tôi nói chuyện một mình với Giáo sư được rồi.”

Johnston vội nói, “Tôi thường đi với Chris, cậu ấy ghi chép hộ tôi mà.”

“Tôi không nghĩ hôm nay chúng ta cần ghi chép gì đâu.”

“Được rồi. Tốt,” Ông quay sang Chris. “Nhưng đưa thầy cái điện đàm. Nhớ có chuyện gì.”

“Không sao đâu ạ,” Chris nói. Anh tháo chiếc điện đàm khỏi thắt lưng và đưa cho Johnston. Khi Johnston cầm nó trong tay, ông gạt nút kích hoạt phát giọng nói rồi mới luồn nó vào thắt lưng.

“Cảm ơn em.” Johnston nói. “Giờ, em nên đến chỗ Sophie ngay đi. Em biết cô ấy không thích phải chờ đợi mà.”

“Vâng,” Chris nói.

Khi Johnston và Kramer bắt đầu bước vào khu phế tích, anh chạy vội qua cánh đồng về phía ngôi nhà bằng đá trong trang trại, là văn phòng quản lý dự án.

\*

\*

Ngay bên ngoài những bức tường thành đổ nát của thị trấn Castelgard, đội khảo cổ đã mua một nhà kho bằng đá tồi tàn và dựng lại mái, cũng như sửa những phần khung đá. Ở đây, họ cất giữ tất cả những đồ điện tử, thiết bị thí nghiệm và máy tính lưu trữ dữ liệu. Những bản ghi chép chưa được xử lý và những hiện vật các loại được trải ra khắp trên nền đất phía dưới chiếc lều to tướng màu xanh lá cây bên cạnh ngôi nhà chính.

Chris đi vào trong nhà kho, một căn phòng lớn được chia làm hai. Ở bên trái, Elsie Kastner, chuyên gia ngôn ngữ và chữ tượng hình, đang ngồi trong phòng riêng của mình, cúi rạp phía trước những tài liệu bằng giấy da. Chris phớt lờ cô và đi thẳng tới căn phòng chật ních những thiết bị điện tử. Ở đó, David Stern, chuyên gia kỹ thuật bốn mắt gầy gò của dự án, đang nói chuyện qua điện thoại.

“Ồ,” Stern đang nói, “anh sẽ phải scan tài liệu của mình với độ phân giải khá cao và gửi cho chúng tôi đấy. Anh có máy scan ở đó không?”

Chris vội vàng lục tung đồng thiết bị trên bàn làm việc, cố tìm một chiếc điện đàm dự phòng. Anh chẳng thấy cái nào hết; tất cả những hộp sạc điện đều trống không.

“Sở cảnh sát không có máy scan sao?” Stern nói, đầy vẻ ngạc nhiên. “Ồ, anh không ở – thật ra, sao anh không đến đó và dùng máy scan của cảnh

sát ấy?”

Chris chạm nhẹ vào vai Stern. Anh mấp máy môi, *điện đàm*.

Stern gật đầu và tháo chiếc điện đàm của mình ra khỏi thắt lưng.

“Ồ được, máy scan của bệnh viện cũng tốt. Có lẽ ở đó sẽ có người có thể giúp anh. Chúng tôi cần cỡ 1280×1024 pixel, định dạng JPEG. Rồi anh gửi nó cho chúng tôi...”

Chris chạy ra ngoài, vừa chạy vừa chuyển kênh trên điện đàm liên tục.

Từ cánh cửa nhà kho, anh có thể nhìn thấy toàn bộ khu khảo cổ. Anh thấy Johnston và Kramer đang đi dọc bình nguyên nhìn xuống tu viện. Cô đang mở một cuốn sổ tay và cho ông xem cái gì đó.

Và rồi anh tìm được họ trên kênh tám.

“... đẩy nhanh tốc độ nghiên cứu,” cô đang nói dở.

Giáo sư liền nói, “Cái gì cơ?”

\*

\*

Giáo Sư Johnston nhìn người phụ nữ đang đứng trước mặt mình qua cặp kính gọng thép. “Điều đó là không thể,” ông nói.

Cô hít một hơi dài. “Có lẽ tôi vẫn chưa giải thích rõ ràng cho lắm. Mọi người đang tiến hành vài công đoạn tái thiết rồi. Điều Bob muốn,” cô nói, “là phát triển nó thành một chương trình tái thiết hoàn chỉnh.”

“Phải. Và đó là điều không thể.”

“Nói tôi biết lý do đi.”

“Vì chúng tôi chưa có đủ thông tin, đó là lý do,” Johnston giận dữ nói. “Cô nhìn xem: tất cả những công đoạn tái thiết chúng tôi thực hiện đến giờ này chủ yếu là vì an toàn. Chúng tôi dựng lại tường để chúng không đổ ụp

xuống đầu các nhà nghiên cứu. Nhưng chúng tôi chưa sẵn sàng để thực sự xây dựng lại toàn bộ khu này.”

“Nhưng một phần thì chắc là được,” cô nói. “Tôi muốn nói là, nhìn vào tu viện đằng kia. Ngài rõ ràng là có thể xây lại nhà thờ và hành lang bên cạnh nó chứ, nhà ăn, và...?”

“Cái gì cơ?” Johnston nói. “Nhà ăn?” Nhà ăn dành cho các tăng lữ dùng bữa. Johnston chỉ xuống khu di tích, nơi những bức tường thấp và những hệ thống cống rãnh chằng chịt tạo thành một mạng lưới kỳ dị. “Ai nói hành lang đó nằm cạnh phòng ăn?”

“Thật ra, tôi...”

“Cô thấy chưa? Ý tôi chính xác là vậy đấy,” Johnston nói. “Chúng ta vẫn còn chưa thực sự chắc chắn là phòng ăn ở đâu hết. Chỉ gần đây chúng tôi mới bắt đầu nghĩ rằng nó ở gần hành lang, nhưng chúng tôi không chắc.”

Cô nói một cách khó chịu, “Giáo sư, những nghiên cứu học thuật có thể kéo dài vô tận, nhưng kết quả thực tiễn...”

“Tôi đang làm tất cả để có kết quả,” Johnston nói. “Nhưng ý nghĩa thực sự của toàn bộ việc đào xới này là để chúng ta không lặp lại những sai lầm trong quá khứ. Một trăm năm trước, một kiến trúc sư tên là Viollet-le-Duc đã cho xây lại những đài tưởng niệm trên khắp nước Pháp. Một số thì ông ấy làm rất tốt. Nhưng khi không có đủ thông tin thì ông ấy cứ thế là tự nặn ra thôi. Những công trình đó hoàn toàn là sản phẩm tưởng tượng của ông ấy.”

“Tôi hiểu là ngài muốn mọi thứ được chính xác...”

“Nếu tôi biết ITC muốn Disneyland thì tôi đã không bao giờ đồng ý.”

“Chúng tôi không muốn Disneyland.”

“Nếu giờ cô cho xây lại, đó sẽ là thứ cô nhận được đấy, thưa cô Kramer. Cô sẽ chỉ có một xứ sở Trung cổ trong tưởng tượng mà thôi.”

“Không,” cô nói. “Tôi có thể đảm bảo với ngài một cách chắc chắn nhất có thể. Chúng tôi không hề muốn một thứ ảo tưởng. Chúng tôi muốn tái thiết khu di tích này đúng như nó vốn có trong lịch sử.”

“Nhưng điều đó không thể thực hiện được.”

“Chúng tôi tin là có thể.”

“Bằng cách nào?”

“Với tất cả lòng kính trọng, thưa Giáo sư, ngài đang quá cẩn thận rồi. Ngài biết nhiều hơn là ngài nghĩ đấy. Ví dụ, thị trấn Castelgard, ngay bên dưới chân lâu đài. Nơi đó chắc chắn có thể dựng lại được.”

“Tôi đoán... một phần của nó, có thể được.”

“Và đó là tất cả những gì chúng tôi cần. Chỉ cần dựng lại một phần.”

\*

\*

David Stern lững thững đi ra khỏi nhà kho thì thấy Chris đang áp điện đàm vào tai, lắng nghe một cách chăm chú. “Nghe trộm hả, Chris?”

“Suyttt,” Chris nói. “Chuyện quan trọng đấy.”

Stern nhún vai. Anh ta luôn có cảm giác hơi xa cách với thứ nhiệt tình thái quá của mấy cậu nghiên cứu sinh quanh mình. Những người khác là nhà sử học nhưng Stern được đào tạo để trở thành một nhà vật lý học, và anh ta có khuynh hướng nhìn mọi việc theo một cách khác. Anh ta không thể quá ư phấn khích khi tìm thêm được một cái lò sưởi thời Trung Cổ, hay vài khúc xương ở một nơi chôn cất nào đó. Trong bất cứ trường hợp nào, Stern chỉ làm công việc này – chạy các thiết bị điện, làm các phân tích hóa học, xác định niên đại dựa vào hàm lượng các bon, vân vân và vân vân – để được ở gần bạn gái mình, cô đang theo một khóa học hè ở Toulouse. Anh ta bị hấp dẫn bởi ý tưởng chế tạo những máy xác định niên đại dựa vào công nghệ lượng tử nhưng cho tới bây giờ thì các thiết bị đó đều thất bại.

Trên điện đàm, Kramer đang nói, “Và nếu có thể xây lại một phần thị trấn thì ngài sẽ có thể xây lại một phần của lớp tường thành bên ngoài, nơi

gần thành phố nhất. Cái phần kia kia.” Cô chỉ tay về phía một bức tường thấp, nứt nẻ chạy theo hướng Bắc-Nam dọc khu di tích.

Giáo sư nói, “Ồ, tôi nghĩ là chúng tôi có thể.”

“Và,” Kramer tiếp tục. “ngài có thể kéo dài bức tường sang hướng Nam, chạy vào khu rừng đằng kia. Ngài có thể phát quang khu rừng, và xây lại tháp.”

Stern và Chris nhìn nhau.

“Cô ta đang nói cái gì vậy?” Stern nói “Tháp nào cơ?”

“Chưa có ai đi khảo sát khu rừng hết,” Chris nói. “Chúng ta định sẽ phát quang nó vào cuối hè và khảo sát nó vào mùa thu cơ mà.”

Qua điện đàm, họ nghe thấy tiếng Giáo sư nói, “Đề nghị của cô rất hấp dẫn, thưa cô Kramer. Để tôi thảo luận với những người khác và chúng ta sẽ gặp lại nhau vào bữa trưa.”

Và rồi, trên cánh đồng bên dưới, Chris thấy Giáo sư quay lại, nhìn thẳng về phía họ và trỏ ngón tay về phía khu rừng.

\*

\*

Bỏ lại đằng sau cánh đồng đầy những di tích đổ nát, họ trèo lên một bờ đê xanh thẫm và tiến vào rừng. Cây cối khăng khiu, nhưng lại đan khít vào nhau, và dưới vòm lá mọi thứ đều tối tăm, ẩm ướt. Chris Hughes đi dọc theo bức tường cổ bao ngoài thành cho tới khi nó dần biến mất: từ một bức tường cao tới ngang thắt lưng rồi chỉ còn lại một đồng đá lổn ngổn, và cuối cùng chẳng còn gì hết, hoàn toàn biến mất vào những bụi cây thấp.

Từ đó trở đi, anh phải vừa đi vừa cúi, lấy tay rẽ những bụi dương xỉ và cây nhỏ để có thể thấy hướng tường chạy.



Khu rừng càng lúc càng dày đặc xung quanh họ. Anh cảm thấy ở đây thật thanh bình. Anh nhớ lại lần đầu tiên mình được nhìn thấy Castelpard, gần như toàn bộ khu di tích đã chìm trong rừng y như thế này. Những bức tường ít ỏi còn sót lại đều bị rêu và nấm mốc bao phủ, và chúng dường như trôi lên khỏi mặt đất như những thực thể hữu cơ. Lúc ấy khu di tích thật bí ẩn. Nhưng tất cả đã mất đi khi họ phát quang khu đất và tiến hành đào xới.

Stern lê bước bám theo anh. Không mấy khi ra khỏi phòng thí nghiệm nên anh ta đang thực sự rất thích thú. “Sao cây cối đều bé tí thế này?” anh ta hỏi.

“Vì đây là một khu rừng mới,” Chris nói. “Hầu như tất cả các khu rừng trong vùng Périgord đều dưới một trăm tuổi. Tất cả khu đất này từng được phát quang để trồng nho.”

“Rồi sao?”

Chris nhún vai. “Sâu bệnh. Rệp phylloxera đã khiến nho lụi sạch trong khoảng đầu thế kỷ. Và rồi khu rừng lại mọc trở lại.” Anh nói thêm, “Ngành công nghiệp rượu vang của Pháp gần như biến mất. Họ thoát nạn nhờ nhập khẩu giống nho chống được phylloxera từ California, điều mà họ thà quên đi còn hơn.”

Vừa nói, anh vừa tiếp tục nhìn xuống mặt đất, tìm một mảnh đá ở chỗ này chỗ kia để có thể lần theo đường chạy của bức tường cổ.

Nhưng bất thành linh, bức tường biến mất. Anh đã hoàn toàn mất dấu nó. Giờ anh lại phải lần lại, tìm kiếm lần nữa.

“Khốn kiếp.”

“Gì thế?” Stern nói.

“Tôi không tìm thấy bức tường. Nó đang chạy thẳng theo hướng này mà” – anh xòe lòng bàn tay ra chỉ – “và giờ nó biến mất rồi.”

Họ đang đứng giữa một khu vực dày đặc những bụi cây thấp, dương xỉ cao vút xen lẫn với một loại dây leo gai góc cào hết vào căng chân trần của

anh, Stern đang mặc quần dài, anh ta đi thẳng về phía trước, vừa đi vừa nói, “Tôi không biết đâu, Chris, nó phải ở đâu đó quanh đây...”

Chris biết mình sẽ phải quay lại. Anh vừa mới xoay người lại để lần theo vết chân mình thì nghe thấy tiếng Stern la thất thanh.

Chris nhìn lại.

Stern không còn ở đó nữa. Anh ta đã biến mất.

Chris đang đứng một mình giữa rừng.

\*

\*

“David?”

Có tiếng rên, “A... khốn nạn thật.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Tôi ngã dập gối rồi. Đau thấy mẹ luôn.”

Chris không nhìn thấy anh ta đâu cả. “Anh đang ở đâu thế?”

“Trong hố đây,” Stern nói. “Tôi vừa ngã. Cẩn thận đấy, nếu anh đi theo đường này. Thực ra thì...” Một tiếng rên hừ hừ. Chửi thề. “Đừng bận tâm. Tôi có thể đứng lên được. Tôi ổn. Thực ra thì... *này.*”

“Gì thế?”

“Đợi chút.”

“Cái gì thế?”

“Đợi chút, được chứ?”

Chris thấy bụi cây chuyển động, những đám dương xỉ chuyển động khi Stern xoay sang trái. Rồi anh ta nói. Giọng nghe rất kỳ cục. “Ừm, Chris?”

“Gì đây?”

“Một khoảnh tường này. Cong.”

“Anh đang nói gì đấy?”

“Tôi nghĩ mình đang đứng dưới chân của một cái tháp tròn từ thời xưa đấy, Chris ạ.”

“Đừng đùa chứ,” Chris nói. Anh nghĩ, làm sao Kramer có thể biết về điều đó được?

\*

\*

“Kiểm tra máy tính xem,” Giáo sư nói. “Xem liệu chúng ta có bản quét khảo sát bằng trực thăng nào – hồng ngoại hoặc ra đa – cho thấy hình ảnh một tòa tháp không. Có thể nó đã được ghi lại, nhưng chúng ta lại chưa bao giờ để ý tới.”

“Những bản quét hồng ngoại lúc chiều muộn là khả quan nhất,” Stern nói. Anh ta đang ngồi trên ghế với một bọc đá chườm chân.

“Sao lại là chiều muộn?”

“Vì loại đá vôi này giữ nhiệt. Đó là lý do tại sao những người thời tiền sử lại thích ở đây đến thế. Thậm chí trong mùa đông, một hang đá vôi ở Périgord vẫn ấm hơn mười độ so với nhiệt độ bên ngoài.”

“Nên vào buổi chiều...”

“Bức tường vẫn giữ nhiệt khi nhiệt độ trong rừng hạ xuống. Và nó sẽ hiện lên trên lưới hồng ngoại.”

“Thậm chí cả khi đã bị chôn vùi?”

Stern nhún vai.

Chris ngồi bên bàn máy tính, bắt đầu nhấn các nút. Chiếc máy tính kêu bíp một cái. Hình ảnh trên đó vụt biến đổi.

“Úi. Chúng ta có email.”

Chris nhấp chuột vào hòm thư. Chỉ có duy nhất một thư, và tải nó xuống thì lâu thật là lâu. “Gì thế?”

“Tôi cá đó là thư của cái anh Wauneka kia,” Stern nói. “Tôi đã dặn anh ta gửi một cái ảnh cỡ lớn. Anh ta hẳn là đã không nén nó lại.”

Rồi bức ảnh hiện lên trên màn hình: một chuỗi những chấm nhỏ được sắp xếp theo dạng hình học. Tất cả bọn họ đều nhận ra nó ngay lập tức. Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là tu viện Sainte-Mère. Khu khảo cổ của chính họ.

Với những chi tiết rõ ràng hơn bản trắc đạc của chính họ.

Johnston liếc nhìn bức hình. Ông gõ ngón tay trên mặt bàn. “Thật kỳ lạ,” cuối cùng ông cũng lên tiếng, “là cả Bellin và Kramer xuất hiện ở đây cùng trong một ngày.”

Hai nghiên cứu sinh nhìn nhau. “Thế thì có gì là lạ ạ?” Chris nói.

“Bellin không hề đòi được gặp cô ấy. Và ông ta thì luôn muốn gặp các nguồn gây quỹ.”

Chris nhún vai. “Ông ấy có vẻ rất bận.”

“Phải. Ông ta luôn có vẻ thế.” ông quay về phía Stern. “Dù sao thì cũng phải in bản vẽ ấy ra,” ông nói. “Chúng ta sẽ xem xem kiến trúc sư của ta nói gì.”

\*

\*

Katherine Erickson – tóc vàng xám tro, mắt xanh da trời, và da ngăm ngăm – đang treo người cách mặt đất hơn mười lăm mét, mặt chỉ cách trần nhà đổ nát được xây theo kiến trúc Gothic của nhà nguyện Castलगard có vài phân. Cô nằm ngửa trên dây an toàn, bình tĩnh ghi chép những thông tin về công trình ở phía trên đầu.

Erickson là nghiên cứu sinh mới nhất của khu khảo cổ; cô mới tham gia vào dự án vài tháng trước. Lúc đầu, cô đến Yale để học kiến trúc, nhưng rồi thấy chán ghét cái ngành mình đã chọn, cô chuyển sang khoa sử học. Ở đó, Johnston đã tìm ra cô, thuyết phục cô tham gia theo cùng cách ông đã thuyết phục những người khác: “Sao không vứt mấy cuốn sách cũ mốc ấy sang một bên và tận hưởng vài trải nghiệm lịch sử thực tế nhỉ? Vài trải nghiệm lịch sử nhìn tận mắt, bắt tận tay ấy?”

Nhìn tận mắt, bắt tận tay là thế này đây – lơ lửng tí trên này. Chẳng phải là cô phiền muộn gì: Kate lớn lên ở Colorado và là một vận động viên leo núi đầy nhiệt huyết. Chủ nhật nào cô cũng trèo lên những vách núi ở Dordogne. Hầu như chẳng có ai xung quanh hết, quá tuyệt: ở quê nhà cô, bạn phải xếp hàng chờ đến lượt ở những khu nổi tiếng.

Dùng cái dùi nhỏ, cô đục một ít mảng tường ở các vùng khác nhau để mang về phân tích dưới kính quang phổ. Cô thả mỗi loại vào từng khoang nhựa khác nhau như những chiếc hộp đựng phim máy ảnh, đeo chúng trên vai và vắt ngang ngực như một băng đạn quấn quanh người.

Cô đang dán nhãn các hộp thì nghe thấy có tiếng nói: “Em xuống khỏi đó được không? Thầy có cái này muốn em xem.”

Cô liếc qua vai và nhìn thấy Johnston đang đứng bên dưới. “Dễ thôi ạ,” cô nói. Kate thả dây ra và nhẹ nhàng tụt xuống đất. Cô phủi những sợi tóc vương ra khỏi mặt. Kate Erickson không phải một cô gái xinh xắn như mẹ mình, hoa khôi của trường Đại học California; bà thường nói với cô như vậy— nhưng cô lại có những nét đặc trưng cực kỳ sống động và hoạt bát của con gái Mỹ mà đàn ông thấy rất hấp dẫn.

“Thầy nghĩ em có thể trèo lên được bất cứ thứ gì,” Johnston nói.

Cô tháo dây an toàn ra. “Chỉ có cách này mới lấy được dữ liệu thôi ạ”

“Em cứ nói thế.”

“Thật đấy ạ,” cô nói. “Nếu thầy muốn biết về lịch sử kiến trúc của nhà nguyện này thì em sẽ phải trèo lên đó và lấy vài mảnh vữa làm mẫu. Vì cái trần đó đã được xây đi xây lại rất nhiều lần rồi – có thể là do người ta xây

không ra gì nên nó cứ bong ra, hai là có thể nó bị chiến tranh tàn phá, bị những thiết bị công thành phá hỏng.”

“Chắc chắn là thiết bị công thành rồi,” Johnston nói.

“Thật ra, em không chắc lắm,” Kate nói. “Cấu trúc chính của lâu đài – đại sảnh, các phòng trong – đều rất vững chãi, nhưng một vài bức tường lại không được kiên cố lắm. Ở vài chỗ, nó trông giống như tường được gắn thêm vào để làm những lối đi bí mật. Tòa lâu đài này có nhiều chỗ như vậy. Thậm chí có cả lối đi tới nhà bếp nữa! Người làm việc này, dù có là ai đi nữa, thì chắc chắn thần kinh cũng không bình thường. Và có lẽ họ đã làm việc đó một cách quá vội vã.” Cô lau tay lên chiếc quần soóc. “Thế thầy có gì cho em xem vậy ạ?”

Johnston đưa cho cô một mảnh giấy. Đó là một bản in máy tính, hàng loạt những chấm nhỏ được sắp xếp theo một cấu trúc hình học đều đặn. “Cái này là gì vậy ạ?” cô hỏi.

“Nói thầy nghe thử xem nào.”

“Nó trông giống như Sainte-Mère vậy.”

“Thật không?”

“Có thể là nó, vâng. Nhưng vấn đề là...?”

Cô đi ra khỏi nhà nguyện, nhìn xuống khu đào bới quanh tu viện, trải dài khoảng một dặm trên bình nguyên phía dưới. Nó mở ra gần như chính xác và rõ ràng như bản vẽ cô đang cầm trên tay vậy.

“Ừm.”

“Như thế nào em?”

“Có những điểm mà chúng ta vẫn còn chưa phát hiện ra,” cô nói. “Một nhà nguyện ngay cạnh nhà thờ, có hành lang thứ hai ở góc phần tư Đông Bắc, và... đây trông giống như một khu vườn bên trong những bức tường... Thầy có được bản vẽ này từ đâu vậy?”

\*

\*

Nhà hàng ở Marqueyssac tọa lạc bên rìa một cao nguyên, với tầm nhìn rộng khắp thung lũng Dordogne. Kramer ngược lên khỏi bàn ăn và ngạc nhiên khi thấy Giáo sư đang đi tới cùng cả Marek và Chris. Cô chau mày. Cô đã trông đợi một bữa trưa riêng tư. Và bản thân cũng đang ngồi bàn cho hai người.

Họ cùng nhau ngồi xuống. Marek mang thêm hai chiếc ghế từ bàn bên cạnh. Giáo sư ngả người về phía trước và đăm đăm nhìn cô.

“Cô Kramer,” ông nói, “sao cô lại biết được vị trí của nhà ăn?”

“Nhà ăn?” Cô nhún vai, “Ồ, tôi không biết. Không phải nó ở trong bản báo cáo hằng tuần sao? Không à? Vậy chắc Tiến sĩ Marek đã nói điều đó với tôi.” Cô nhìn vào những gương mặt nghiêm trang đang chăm chăm nhìn mình. “Thưa các vị, tu viện thực sự không phải chuyên môn của tôi, Tôi chắc đã nghe nó ở đâu thôi.”

“Còn chuyện tòa tháp trong rừng?”

“Chắc chắn là nó ở trong một bản trắc đạc nào đó. Hay những tấm ảnh cũ.”

“Chúng tôi đã kiểm tra rồi. Không hề có.”

Giáo sư đẩy bản vẽ trên bàn về phía cô. “Và tại sao một nhân viên ITC có tên Joseph Traub lại có bản vẽ của tu viện rõ ràng và hoàn thiện hơn cả chúng tôi?”

“Tôi không biết... Ngài có thứ này từ đâu vậy?”

“Từ một cảnh sát ở Gallup, New Mexico, người cũng có cùng câu hỏi tôi đang hỏi đây.”

Cô không nói gì hết. Cô chỉ nhìn chăm chăm vào ông.

“Cô Kramer,” cuối cùng, ông nói. “Tôi nghĩ cô đang có chuyện giấu chúng tôi. Tôi nghĩ công ty cô đã tự tiến hành nghiên cứu sau lưng chúng tôi

và không hề chia sẻ những gì mọi người đã tìm được. Và tôi nghĩ lý do là vì cô và Bellin đã thỏa thuận khai thác khu di tích này trong trường hợp tôi không hợp tác. Và chính phủ Pháp sẽ rất mừng khi tổng khứ được những người Mỹ ra khỏi di sản văn hóa của họ.”

“Giáo sư, đó hoàn toàn không phải sự thật. Tôi có thể đảm bảo với ngài...”

“Không, thưa cô Kramer. Cô không thể đảm bảo gì cả.” Ông nhìn đồng hồ. “Kế hoạch của cô là bay về ITC vào lúc mấy giờ nhỉ?”

“Ba giờ.”

“Tôi sẵn sàng đi rồi.”

Ông đẩy ghế ra và đứng dậy.

“Nhưng tôi đang chuẩn bị tới New York.”

“Thế thì tôi nghĩ cô nên thay đổi kế hoạch và đi tới New Mexico đi.”

“Ngài muốn gặp Bob Doniger nhưng tôi không biết lịch của anh ấy...”

“Cô Kramer.” Ông ngả người qua chiếc bàn. “Sắp xếp đi.”

\*

\*

Khi giáo sư đi khỏi, Marek nói: “Con cầu Chúa ban phước lành cho chuyến đi của thầy và đưa thầy trở lại an toàn”. Đó là điều anh ta luôn nói khi chia tay bạn bè. Đó từng là câu nói ưa thích của bá tước Geoffrey de la Tour sáu trăm năm trước.



Một số người nghĩ Marek đam mê lịch sử đến mức mê muội. Nhưng thực ra, đối với anh ta thì điều đó lại hết sức tự nhiên: ngay từ khi còn bé, Marek đã bị thời Trung cổ cuốn hút, và trên nhiều khía cạnh dường như bây giờ anh ta đang sống trong nó nữa. Trong một nhà hàng, anh ta có lần đã từng nói với bạn mình rằng anh ta sẽ không để râu vì nó không hợp thời. Cực kỳ bất ngờ, người bạn phản ứng, “Dĩ nhiên là rất hợp thời chứ, cậu thử nhìn tất cả bạn bè quanh mình mà xem.” Thế là Marek đã đáp lại thế này, “Không, không, tớ muốn nói là nó không hợp *thời đại của tớ*.” Thời đại anh ta muốn nói tới ở đây là khoảng thế kỷ mười ba, mười bốn cơ.

Rất nhiều học giả nghiên cứu thời Trung cổ có thể đọc được các ngôn ngữ cổ, nhưng Marek còn *nói* được kia: tiếng Anh thời Trung cổ, tiếng Pháp cổ, tiếng Occitan<sup>16</sup>, và tiếng Latin. Anh ta là chuyên gia trong lĩnh vực thời trang và cung cách ứng xử thượng lưu. Và với thể hình cường tráng cùng khả năng thể thao tuyệt vời của mình, anh ta đặt mục tiêu phải thành thạo các kỹ năng chiến đấu của thời đại đó. Gì thì gì, anh ta nói, đó cũng là thời của những cuộc chiến tranh kéo dài liên miên. Anh ta đã có thể cưỡi được cả những con ngựa Percheron<sup>17</sup> khổng lồ từng được dùng làm ngựa chiến. Và anh ta cũng rất thành thạo kỹ thuật đánh thương trên ngựa, anh ta dành hàng giờ tập luyện với những cây cột xoay gắn hình nộm mà người ta hay gọi là những cột hình nhân gỗ. Marek giỏi dùng cung dài đến nỗi anh ta đã bắt đầu dạy lại kỹ thuật đó cho những người khác. Và giờ anh ta đang học cách chiến đấu bằng kiếm.

Nhưng sự hiểu biết đến từng chi tiết về quá khứ đã làm anh ta trở nên lạc lõng với hiện tại. Chuyển đi bất ngờ của Giáo sư đã làm tất cả mọi người trong dự án cảm thấy thiếu thiếu một điều gì đấy và không thoải mái chút nào; những lời đồn đại không căn cứ cứ thế lan đi, đặc biệt là giữa những sinh viên đại học: ITC đang rút vốn. ITC đang chuyển dự án thành xây dựng một khu Xứ sở Trung cổ. ITC đã thủ tiêu ai đó trong sa mạc và đang gặp rắc rối. Mọi việc ngừng trệ; mọi người cứ đi loanh quanh bàn tán.

Cuối cùng, Marek quyết định rằng mình sẽ tổ chức một cuộc gặp gỡ để dập tắt những lời đồn thổi đó. Thế là vào đầu giờ chiều, anh ta đã gọi tất cả

mọi người tới cái lều xanh khổng lồ đặt bên ngoài nhà kho. Marek giải thích rằng giữa Giáo sư và ITC đã xảy ra bất đồng và Giáo sư đã quay lại trụ sở ITC để giải quyết. Marek nói rằng đó chỉ là sự hiểu nhầm và tất cả sẽ xong xuôi trong vài ngày tới. Anh ta nói rằng họ sẽ được liên lạc thường xuyên với Giáo sư; ông đã hứa, cứ sau mười hai tiếng, ông sẽ liên lạc với họ qua điện thoại một lần; anh ta tin rằng Giáo sư sẽ quay về sớm thôi, và tất cả mọi chuyện sẽ lại bình thường như cũ.

Chẳng ăn thua gì. Tâm trạng bứt rứt cứ ám ảnh mọi người. Vài sinh viên đại học bóng gió rằng buổi chiều nóng quá không làm việc được, và thời tiết đó phù hợp với việc chèo xuồng trên sông hơn; cuối cùng, Marek hiểu tình hình lúc này và anh ta bảo đám sinh viên đó cứ đi cũng được.

Từng người một trong nhóm nghiên cứu sinh quyết định nghỉ buổi chiều. Kate xuất hiện với vài cân kim loại linh kính quanh thắt lưng và thông báo rằng cô sẽ leo lên vách đá phía sau Gageac. Cô hỏi Chris có muốn đi cùng mình không (để giữ dây hộ – cô biết là anh chẳng chịu leo núi bao giờ), nhưng anh nói sẽ đi cưỡi ngựa với Marek. Stern thông báo anh ta sẽ lái xe tới Toulouse ăn tối. Rick Chang tới Les Eyziès để thăm đồng nghiệp đang làm ở khu khảo cổ thời kỳ Đồ đá cũ. Chỉ có Elsie Kastner, chuyên gia nghiên cứu văn tự vẫn còn ở lại trong nhà kho, kiên nhẫn xem xét các tài liệu. Marek hỏi cô có muốn đi cùng với anh ta không, Nhưng cô đã nói với anh ta, “Đừng có ngốc thế, André,” và tiếp tục làm việc.

\*

\*

Trung tâm cưỡi ngựa bên ngoài Souillac cách đó bốn dặm và đây là nơi mà Marek đến tập hai lần một tuần. Ở góc xa nơi cánh đồng ít có người lai vãng, anh ta đã dựng một cây cột hình chữ T kỳ cục xoay trên một cái trụ đứng. Một đầu chữ T là một khung hình vuông được bọc đệm cẩn thận, đầu kia, một bao da hình giọt nước trông giống bao cát tập dấm bốc.

Đây là hình nhân gỗ, một dụng cụ cổ đến mức một nghìn năm trước nó đã được các thầy tu vẽ vào lề những cuốn sách chép tay. Thực tế là phải nhờ vào những bức vẽ ấy thì Marek mới có thể tự tạo một phiên bản riêng cho mình.

Làm hình nhân gỗ thì khá dễ; kiếm được một cây thương tử tế mới là việc khó. Đây là loại khó khăn Marek thường gặp trong quá trình thực nghiệm của mình. Ngay cả những thứ đồ đơn giản và phổ biến nhất trong quá khứ cũng không thể tái tạo lại được trong thế giới hiện đại. Kể cả khi tiền bạc không thành vấn đề, nhờ vào nguồn tài trợ nghiên cứu từ ITC.

Vào thời Trung cổ, thương đầu được tiện gỗ dài tới hơn ba mét theo đúng độ dài tiêu chuẩn. Nhưng kỹ thuật tiện gỗ theo kích cỡ đó gần như không còn tồn tại nữa. Sau khi mất rất nhiều công sức nghiên cứu, Marek đã tìm được một xưởng chế tác gỗ đặc chủng ở miền Bắc nước Ý, gần biên giới với Áo. Họ có thể tiện gỗ thông theo kích thước anh ta yêu cầu, nhưng rất ngạc nhiên khi biết anh ta muốn đặt trước hai mươi cây liền. “Thương dễ gãy lắm,” anh ta nói với họ vậy. “Tôi sẽ cần rất nhiều.” Để tránh những mảnh vỡ, anh ta đã lồng một màn chắn vào lưới sắt của chiếc mũ bảo hiểm đội khi chơi bóng bầu dục. Khi đội cái mũ này cưỡi ngựa, anh ta đã thu hút được khá nhiều sự chú ý. Anh ta trông giống như một gã nuôi ong bị điên vậy.

Cuối cùng Marek cũng đầu hàng trước tiến bộ khoa học, và anh ta đã liên hệ với một công ty chế tạo gậy đánh bóng chày để làm những cây thương nhôm. Những cây thương nhôm giữ thẳng bằng tốt hơn và có vẻ thật hơn dù chúng rất không phù hợp với thời đại đó. Và vì những mảnh thương gãy đã không còn là vấn đề, giờ anh ta chỉ cần đội một chiếc mũ bảo hiểm cưỡi ngựa thông thường.

Chính là thứ bây giờ anh ta đang đội.

Đứng ở cuối bãi, anh ta vẫy tay về phía Chris đang đứng cạnh hình nhân gỗ. “Chris? sẵn sàng chưa?”

Chris gạt đầu và chỉnh thanh chữ T vuông góc với Marek. Anh vẫy tay. Marek hạ thấp chiếc thương xuống, và thúc ngựa phóng về trước.

Luyện tập với hình nhân gỗ trông cứ tưởng là dễ. Người kỵ sĩ phóng nước đại về phía thanh chữ T, cố gắng đâm mũi thương vào cái bọc đệm hình vuông. Nếu thành công, anh ta sẽ làm thanh chữ T xoay tít nhưng nó buộc anh ta phải thúc ngựa phóng thật nhanh qua trước khi chiếc túi da quật lại vào đầu mình. Marek biết rằng, thời xưa, cái túi nặng có thể quật ngã một tay kỵ sĩ trẻ khỏi lưng ngựa nhưng anh ta chỉ làm nó đủ nặng để tạo nên một cú phản đòn tê tê mà thôi.

Lần chạy đầu tiên, anh ta đã đâm trúng cái bọc hình vuông nhưng lại không đủ nhanh để né cái túi, nó đã quật trúng tai trái anh ta. Anh ta giật cương lên và lùi lại. “Sao cậu không thử một lần xem sao, Chris?”

“Có lẽ là để sau đi,” Chris nói, tay chỉnh lại thanh chữ T cho lần chạy tiếp theo.

Một hoặc hai lần trong những những ngày gần đây, Marek đã bắt Chris phải cưỡi ngựa chạy về phía hình nhân gỗ. Nhưng Marek ngờ rằng Chris nhượng bộ chẳng qua là do sự hứng thú đột ngột gần đây của anh đối với thuật cưỡi ngựa nói chung mà thôi.

Marek xoay ngựa, giật cương cho nó đứng bằng hai chân, rồi lại phóng về trước lần nữa. Khi mới bắt đầu, việc ngả người phóng nước đại nhằm trúng mục tiêu hình vuông có kích cỡ ba mươi xăng ti mét vuông kia dường như khó khăn một cách vô lý. Giờ anh ta đã nắm được phương pháp. Nói chung anh ta sẽ đâm trúng mục tiêu bốn trên năm lần.

Con ngựa phóng âm âm về phía trước. Anh ta hạ thấp cây thương xuống.

“Chris! Xin chào!”

Chris quay người lại và vẫy tay về phía cô gái đang cưỡi ngựa. Đúng lúc ấy, cây thương của Marek đâm trúng cái bọc; cái túi da văng ra và đập thẳng vào mặt Chris.

\*

\*

Chris nằm đó choáng váng, lắng nghe những tràng cười lạnh lẽo của cô gái. Nhưng cô đã nhanh chóng xuống ngựa và đỡ anh dậy. “Ôi Chris, em xin lỗi vì đã cười,” cô nói giọng Anh thật thanh lịch. “Gì thì gì, tất cả là lỗi tại em. Lẽ ra em không nên làm anh phân tâm.”

“Anh không sao,” anh nói, có chút dẫn dỗi. Anh phải dất dính trên cằm, quay mặt về phía cô, cố nở nụ cười.

Như mọi khi, anh luôn bị vẻ đẹp của cô hấp hồn, đặc biệt là vào lúc này, khi mái tóc vàng óng của cô sáng lên trước ráng trời chiều và làm làn da hoàn hảo của cô dường như lấp lánh, làm rạng ngời thêm đôi mắt long lanh ánh tím của cô. Sophie Rhys-Hampton là cô gái đẹp nhất anh từng gặp trong đời Và cũng là người thông minh nhất. Người thành đạt nhất. Người quyến rũ nhất.

“Ôi, Chris, Chris,” cô nói, lấy những đầu ngón tay mát lạnh của mình phủi mặt cho anh. “Em thực sự xin lỗi. Đây nào. Có đỡ hơn không anh?”

Sophie là sinh viên trường Cheltenham, hai mươi tuổi, kém anh bốn tuổi. Cha cô, Hugh Hampton là một luật sư ở London; ông là chủ ngôi nhà mà dự án đã thuê vào mùa hè. Sophie đã xuống ở với bạn trong một ngôi nhà gần đó từ trước. Một ngày kia, cô tới để lấy ít đồ từ phòng làm việc của cha mình. Chris chỉ vì nhìn thấy cô mà đã đắm chìm vào một gốc cây.

Điều đó dường như đã tạo tiền đề cho mối quan hệ của họ, anh nghĩ một cách buồn bã. Giờ cô ấy nhìn vào anh và nói, “Em rất hạnh diện khi thấy có thể gây ảnh hưởng đến thế với anh, Chris. Nhưng em thực sự lo cho sự an toàn của anh đấy.” Cô cười khúc khích và hôn nhẹ lên má anh. “Hôm nay em đã gọi cho anh.”

“Anh biết, anh bận quá. Bọn anh dính vào một cuộc khủng hoảng.”

“Khủng hoảng? Thứ gì có thể gây ra một cuộc khủng hoảng khảo cổ được có chứ?”

“Ồ! em biết đấy, vấn đề vốn ấy mà.”

“À phải. Cái bọn ITC ấy. Từ New Mexico.” Cô nói nghe như chỗ đó ở tận cùng thế giới vậy. “Anh biết không, chúng dám hỏi mua trang trại của cha em đấy.”

“Thế à?”

“Chúng nói rằng chúng cần phải thuê nó trong nhiều năm nữa, vậy thì thà mua đứt luôn. Dĩ nhiên là cha em không đồng ý.”

“Dĩ nhiên rồi.” Chris mỉm cười. “Ăn tối với anh nhé?”

“Ôi, Chris. Tối nay thì không được. Nhưng chúng ta có thể cùng nhau cười ngựa vào ngày mai. Được chứ?”

“Dĩ nhiên rồi em.”

“Sáng nhé? Mười giờ nhé?”

“Được,” anh nói. “Gặp em lúc mười giờ.”

“Em không chen ngang vào công việc của anh đấy chứ?”

“Em biết là em đang chen ngang mà.”

“Để hôm khác cũng được.”

“Không, không,” anh nói. “Mười giờ sáng mai.”

“Nhất trí,” cô nói, mỉm cười rạng rỡ.

Thực tế, Sophie Hampton quá xinh, hình thể quá đỗi hoàn hảo, cách ứng xử duyên dáng. Cô có vẻ không thực đến nỗi Marek thấy hơi dị ứng với cô.

Còn Chris thì thực sự bị cô hấp hồn.

Sau khi cô phóng ngựa đi, Marek lại thúc ngựa lần nữa. Lần này Chris tránh được cú ra đòn của cái túi da. Khi Marek phóng lại, anh ta nói, “Cậu đang bị người ta phỉnh phờ đấy, bạn tôi ạ.”

“Có lẽ,” Chris nói. Nhưng thật sự là, anh chẳng quan tâm.

Ngày hôm sau Marek lại ở trong tu viện, giúp Rick Chang đào xới chỗ khu hầm mộ. Họ đã đào ở đây được một tuần rồi. Và mọi việc tiến triển rất chậm chạp vì họ cứ liên tục tìm thấy xác người. Cứ khi nào đào thấy xương, họ lại phải ngừng dùng xẻng, đổi sang dùng bay và bàn chải đánh răng.

Rick Chang là nhà nhân chủng học hình thể của đoàn khảo cổ. Được đào tạo để xử lý các hiện vật liên quan đến cơ thể con người, anh ta có thể nhìn vào một mẫu xương bé tí bằng hạt đậu và nói cho bạn biết đó là xương từ cổ tay phải hay cổ tay trái, đàn ông hay phụ nữ, trẻ con hay người lớn, cổ đại hay đương đại.

Nhưng những phần hài cốt họ tìm được ở đây đều rất bí ẩn. Đầu tiên, chúng đều là xương đàn ông; và trên vài mảnh xương dài có dấu vết bị thương trọng chiến trận khá rõ ràng. Vài hộp sọ có vết tên bắn. Do dẫn đến cái chết của hầu hết các binh lính vào thế kỷ mười bốn, vì tên bắn. Nhưng lại chẳng có một ghi chép gì về bất cứ trận đánh nào trong tu viện hết. Ít nhất là trong những tài liệu mà họ đã biết đến.

Họ vừa mới tìm ra một thứ trông giống một mảnh mũ trụ gỉ sét thì di động của Marek rung lên. Là Giáo sư.

“Mọi chuyện thế nào rồi ạ?” Marek nói.

“Ồn, tới giờ là như thế.”

“Thầy đã gặp được Donigbr chưa ạ?”

“Rồi. Gặp chiều nay.”

“Rồi thì sao ạ?”

“Vẫn chưa biết được.”

“Họ vẫn muốn tái thiết đến cùng ạ?”

“Ừm, thầy không chắc lắm. Mọi chuyện ở đây không như thầy đã nghĩ.” Giọng Giáo sư nghe mơ hồ, dường như đang bận suy nghĩ gì đó.



“Sao thế ạ?”

“Thầy không thể nói qua điện thoại được,” Giáo sư nói. “Nhưng thầy muốn dặn em điều này: trong vòng mười hai tiếng nữa thầy sẽ không gọi cho em được. Cũng có lẽ là phải trong vòng hai mươi tư tiếng nữa đấy.”

“Không sao đâu thầy. Mọi chuyện vẫn ổn chứ ạ?”

“Mọi chuyện đều ổn cả, André ạ.”

Marek thì không chắc chắn như thế. “Thầy có cần aspirin không ạ?” Đó là một trong những mật hiệu của họ, một cách hỏi xem liệu mọi chuyện có ổn không, trong trường hợp người kia không được nói một cách thoải mái.

“Không, không. Không cần đâu em.”

“Thầy có vẻ không được tập trung cho lắm.”

“Sửng sốt, thầy có thể nói thế. Nhưng tất cả mọi chuyện đều ổn, ít nhất thì, thầy cũng nghĩ là mọi chuyện đều ổn.” Nói đến đó, ông ngừng lại, “Thế còn khu khảo cổ thì thế nào rồi? Mọi người thế nào rồi?”

“Em đang ở trong tu viện với Rick. Bọn em đang đào các hầm mộ ở khu thứ tư. Em nghĩ chúng em sẽ đào tới nơi vào tối muộn hôm nay, hoặc chậm nhất là ngày mai.”

“Tuyệt. Cứ tiếp tục phát huy nhé, André. Thầy sẽ nói chuyện với em trong một, hai ngày tới.”

Rồi ông dập máy.

Marek cài chiếc điện thoại lại vào thắt lưng và nhíu mày. Tất cả những điều này là cái quái gì chứ?

Chiếc trực thăng bay ngay trên đầu, những chiếc hộp cảm ứng của nó treo bên dưới. Stern đã giữ nó lại thêm một ngày nữa, để thực hiện một buổi kiểm tra vào lúc sáng và chiều; anh ta muốn kiểm tra những chi tiết mà Kramer đã đề cập tới, muốn xem chính xác nếu kiểm tra với thiết bị chuyên dụng thì kết quả sẽ thế nào.

Marek bản khoản không biết mọi chuyện đang diễn ra như thế nào, nhưng để nói chuyện với Stern, anh ta phải có một bộ điện đàm. Cái gần nhất là ở trong nhà kho.

\*

\*

“Elsie,” Marek nói khi đi vào nhà kho. “Bộ điện đàm để nói chuyện với David đâu rồi ấy nhỉ?”

Dĩ nhiên là Elste Kastner không trả lời. Cô tiếp tục nhìn chăm chăm vào đồng tài liệu trước mặt mình. Elsie là một người phụ nữ xinh xắn, hơi mập một chút, có khả năng tập trung cực kỳ cao độ. Cô ngồi lì trong cái nhà kho này hàng giờ liền, giải mã những chữ viết trên các tấm giấy da. Công việc này đòi hỏi cô không chỉ biết sáu ngôn ngữ chính của thời Trung cổ, mà còn phải biết những thổ ngữ, những cách nói tắt, và tiếng lóng đã rơi vào quên lãng từ lâu. Marek thấy thật may mắn khi có được cô, dù cho cô có luôn xa cách với các thành viên khác trong đoàn đi chằng nữa. Và dù cho thỉnh thoảng cô cư xử cũng hơi kỳ lạ. Anh ta gọi, “Elsie?”

Cô đột ngột ngẩng lên. “Gì cơ? Ôi tôi xin lỗi, André. Tôi chỉ, ừm, tôi muốn nói là, tôi hơi...” Cô chỉ về phía mảnh giấy da trước mặt mình. “Đây là một bản thư của tu viện gửi tới một bá tước Đức. Về việc lo liệu chỗ nghỉ đêm cho đội hộ tống riêng của ông ta: hai mươi chín người và ba mươi lăm ngựa. Đó là những thứ mà ông bá tước này mang theo bên mình để rong ruổi qua khắp các vùng lãnh địa. Nhưng nó lại được viết bằng thứ ngôn ngữ trộn lẫn giữa tiếng Latin và tiếng Occitan, và chữ viết thì thật là kinh khủng.”

Elsie cầm tấm giấy da lên và mang nó tới trước cái máy chụp đặt trong góc phòng. Một chiếc camera được dựng trên cái giá bốn chân đặt trên bàn, với ánh sáng nhấp nháy chiếu vào từ bốn phía. Cô đặt mảnh giấy xuống, vuốt phẳng nó ra, sắp xếp mã vạch nhận dạng xuống dưới cùng, đặt một

chiếc thước chia độ rộng khoảng sáu phân xuống để làm chuẩn, rồi chụp lại toàn bộ.

“Elsie? Cái điện đàm dùng để nói chuyện với David đâu?”

“Ôi, xin lỗi. Nó ở trên cái bàn đằng kia kìa. Nó có dán mẫu giấy ghi chữ DS ấy.”

Marek đi lại chỗ cái bàn, ấn nút. “David à? André đây.”

“Chào, André.” Marek gần như không thể nghe được David nói gì giữa những âm thanh ồn ào của trực thăng.

“Anh tìm được cái gì chưa?”

“Không. Không có gì. Hoàn toàn chẳng có gì hết,” Stern nói. “Bọn tôi đã kiểm tra tu viện, kiểm tra khu rừng rồi. Chẳng có khu nào như Kramer đã nói hết: không thấy trên SLS, chẳng thấy trên ra đa, hồng ngoại hay tử ngoại gì cả. Tôi chẳng biết họ phát hiện ra chúng bằng cách nào nữa.”

\*

\*

Họ rạp người trên lưng ngựa và phi nước đại dọc theo một thảm cỏ nhìn ra sông, ít nhất là Sophie cũng đang phi nước đại; Chris cứ xốc lên nảy xuống liên hồi, bầu chặt lấy dây cương vì sợ. Thường thì cô chẳng bao giờ phi nước đại những dịp họ đi chơi với nhau thế này, vì nghĩ cho khả năng hơi kém của anh, nhưng hôm nay cô vừa phi qua cánh đồng vừa reo hò vì vui sướng.

Chris cố bắt kịp cô, cầu mong sao cho cô sẽ sớm dừng lại, và cuối cùng thì cô cũng dừng lại thật, ghì cương con ngựa đen đang thở phì phò và mồ hôi nhễ nhại của mình lại, vỗ vỗ vào cổ nó, đợi anh bắt kịp.

“Tuyệt đấy chứ?” cô nói.

“Phải,” anh vừa nói vừa thở hỗn hển. “Hiển nhiên là thế rồi.”

“Anh giỏi lắm, thật đấy, Chris ạ. Thế ngồi của anh càng lúc càng vững.”

Tất cả những gì anh có thể làm là gật gật đầu. Mông anh đau nhói sau những cú nảy lên hụp xuống điên cuồng vừa rồi, đùi thì nhức nhối vì kẹp quá chặt vào hai bên hông ngựa.

“Ở đây đẹp quá,” cô nói, chỉ tay về phía dòng sông, về phía những tòa lâu đài sẫm màu trên vách đá phía xa. “Chẳng phải là rất tuyệt vời sao?”

Rồi cô liếc nhìn đồng hồ; điều đó làm anh thấy khó chịu. Nhưng đi nước kiệu hóa ra lại rất dễ chịu. Cô cười ngựa rất gần anh, hai con ngựa gần như chạm vào nhau, và cô nhoài người sang để thì thầm vào tai anh; có lần cô còn quàng tay sang ôm vai và hôn lên môi anh nữa trước khi quay mặt đi chỗ khác, rõ ràng là xấu hổ trước giây phút táo bạo của mình.

Từ vị trí hiện tại, họ phóng tầm mắt nhìn về toàn bộ khu di tích: phế tích Castलगard, tu viện và La Roque trên ngọn đồi phía xa. Mây trôi nhanh trên đầu, và trái bóng lên cảnh vật. Không khí thật ấm áp, dễ chịu và tĩnh lặng, ngoại trừ tiếng động cơ của một chiếc ô tô từ đằng xa.

“Ôi, Chris,” cô nói, và lại hôn anh lần nữa. Khi họ dứt nhau ra, cô lại nhìn vào khoảng không và đột nhiên vẫy tay.

Một chiếc xe mui trần màu vàng đang phóng nhanh về phía họ. Đó là một chiếc xe đua thể thao gầm thấp, động cơ gầm rú liên hồi. Khi còn cách một đoạn ngắn, chiếc xe dừng lại, người lái xe đứng nhóm dậy sau tay lái rồi ngồi lên lưng ghế. “Nigel!” cô reo lên hạnh phúc.

Người đàn ông trong ô tô uể oải vẫy tay đáp lại, tay anh ta tạo thành một đường cong lừ đừ chậm chạp.

“Ôi Chris, anh có thể giúp em một chút được không?” Sophie trao dây cương con ngựa của mình cho Chris, nhảy xuống đất, chạy xuống đồi về phía chiếc ô tô rồi vòng tay ôm người lái xe. Hai người bọn họ vào trong xe. Khi xe phóng đi, cô quay lại nhìn Chris và trao cho anh một nụ hôn gió.



Sarlat, thị trấn Trung cổ được phục dựng lại trông cực kỳ quyến rũ vào ban đêm, khi những tòa nhà chen chúc nhau và những con hẻm chật hẹp trở nên huyền ảo trong ánh đèn. Trên đường Toumy, Marek và những nghiên cứu sinh khác đang ngồi trong một nhà hàng ngoài trời dưới những chiếc ô lớn màu trắng, vừa uống rượu vang đỏ đậm Cahors vừa đắm chìm vào màn đêm.

Thường thì Chris Hughes rất thích những buổi tối như thế này, nhưng tối nay dường như chẳng có thứ gì vừa ý anh. Trời đêm quá ối bức; cái ghế kim loại của anh không thoải mái. Anh đã gọi món thịt gà trộn nấm ưa thích nhưng thịt gà thì khô không khốc, nấm thì nhạt nhẽo. Thậm chí cả cuộc nói chuyện cũng làm anh ức chế: bình thường, các nghiên cứu sinh hay nói về ngày làm việc của mình, nhưng hôm nay kiến trúc sư trẻ của họ, Kate Erickson, vừa gặp vài người bạn từ New York tới, hai cặp đôi người Mỹ gặp ghé tuổi ba mươi – hai tay buôn bán cổ phiếu với các cô bạn gái của họ. Anh ghét họ gần như ngay lập tức.

Mấy người đàn ông đó liên tục đứng lên để nghe điện thoại. Những người phụ nữ đều là chuyên viên quan hệ công chúng cho một công ty PR; họ vừa mới tổ chức một bữa đại tiệc chúc mừng cuốn sách mới của Martha Stewart. Thái tự cao tự đại bằng những của họ nhanh chóng làm Chris nóng mặt; và, như các doanh nhân thành công khác, họ có cái thói hay coi những người lắm chữ là một bọn hâm hâm, không thể sống được trong thế giới thực, không thể hòa nhập vào trò chơi thực của cuộc sống. Anh nghĩ cũng có thể họ chỉ thấy không thể lý giải nổi tại sao lại có người chọn cái nghề mà không thể làm cho mình trở thành triệu phú ở tuổi hai tư.

Nhưng anh cũng phải thừa nhận rằng họ cực kỳ vui tính; họ uống rất nhiều rượu, và hỏi rất nhiều về dự án. Đáng tiếc, đó đều là những câu hỏi thông thường, những câu mà khách du lịch hay hỏi: *Nơi đó có gì đặc biệt vậy? Sao anh biết cần đào ở đâu? Sao anh biết mình cần tìm cái gì? Anh đào sâu đến đâu và sao anh biết lúc nào thì cần phải dừng lại?*

“Sao các cậu lại làm ở đây? Nơi này có gì đặc biệt vậy?” một người phụ nữ hỏi.

“Khu vực này có những nét rất đặc trưng của thời kỳ đó,” Kate nói, “với hai tòa lâu đài đối diện nhau. Nhưng thứ làm nó trở thành một phát hiện thực sự nằm ở chỗ nó đã từng là nơi ít người để ý tới và trước giờ chưa từng được ai khai phá cả.”

“Thế mà tốt à? Ít người để ý ấy?” Người phụ nữ đó chau mày; cô ta đến từ một thế giới mà không được quan tâm đến là một việc rất xấu.

“Nó rất đáng khao khát đấy,” Marek nói. “Trong ngành chúng tôi, những cơ hội thực sự chỉ đến khi thế giới bỏ quên một vùng đất nào đó. Ví dụ như Sarlat. Thành phố này này.”

“Ở đây rất tuyệt,” một người phụ nữ nói. Những người đàn ông lại bước ra chỗ khác để nói chuyện điện thoại.

“Nhưng cái chính,” Kate nói, “việc thành phố này tồn tại không phải là chuyện ngẫu nhiên. Ban đầu, Sarlat là thánh địa cho người hành hương bao quanh một tu viện với nhiều di tích cổ; cuối cùng nó trở nên lớn đến nỗi tu viện phải dời đi, tìm sự yên ả và thanh bình ở một nơi khác. Sarlat tiếp tục là một trung tâm buôn bán phồn thịnh của vùng Dordogne. Nhưng ảnh hưởng của nó đã mất dần theo năm tháng, và vào thế kỷ mười hai, thế giới đã bỏ rơi Sarlat. Thành phố mờ nhạt và nghèo nàn đến nỗi chẳng có đủ tiền để xây lại những khu cũ nữa. Những tòa nhà cũ kỹ vẫn cứ đứng trơ trơ ở đó, không có hệ thống điện, nước hiện đại. Hầu hết đều đã bị bỏ hoang.”

Kate giải thích rằng vào những năm 1950, thành phố định cho phá sập khu nhà cũ và xây mới toàn bộ. “André Malraux đã ngăn việc đó lại. Ông ta đã thuyết phục chính phủ Pháp huy động đầu tư tái thiết nó. Người ta nghĩ ông ta bị điên. Giờ, Sarlat là thành phố Trung cổ chuẩn nhất trên toàn nước Pháp, là một trong những điểm thu hút khách du lịch lớn nhất trong cả nước.”

“Hay thật đấy,” người phụ nữ nói một cách băng quơ. Thành linh, cả hai người đàn ông cùng lúc quay lại bàn, ngồi xuống, và cho điện thoại vào trong túi với điệu bộ rất quả quyết.

“Chuyện gì vậy?” Kate hỏi.

“Thị trường đóng cửa rồi,” một người giải thích. “Anh đang nói về Castलगard nhĩ? Nó có gì đặc biệt vậy?”

Marek nói, “Chúng ta đang nói chuyện trước đây nó chưa từng được khai quật. Nhưng nó cũng cực kỳ quan trọng với chúng tôi vì Castलगard là một thành phố đặc trưng của thế kỷ mười bốn với những bức tường thành bao quanh. Thị trấn còn cổ hơn thế, nhưng khoảng giữa những năm 1300 và 1400 hầu hết các kết cấu của nó đều đã được xây lại, chỉnh sửa, để phòng thủ vững chắc hơn: những bức tường dày hơn, những lớp tường đồng tẩm, hào và cổng phức tạp hơn.”

“Thế đó là thời nào đấy? Đêm trường Trung cổ à?” một người đàn ông vừa hỏi vừa rót rượu.

“Không,” Marek nói, “Chính xác thì, đó là thời kỳ Trung Cổ Thịnh Vượng.”

“Không thịnh vượng được như tôi đâu,” người đàn ông nói. “Thế cái gì có trước nó vậy, thời kỳ Trung cổ Suy Thoái<sup>18</sup> à?”

“Đúng đấy,” Marek nói.

“Này,” người đàn ông nói, nâng ly rượu lên. “Lần đầu tiên nói đúng!”

\*

\*

Bắt đầu vào khoảng những năm 40 trước Công Nguyên, châu Âu nằm dưới sự cai trị của La Mã. Vùng đất thuộc nước Pháp mà họ đang ngồi đây, Aquitaine, có nguồn gốc là vùng Aquitania thuộc địa của La Mã. Dọc khắp châu Âu, người La Mã xây đường, giám sát việc giao thương, duy trì luật lệ và trật tự. Châu Âu phồn thịnh phát triển.

Rồi, khoảng năm 400 Công Nguyên, La Mã bắt đầu rút lính và để mặc các khu vực đồn trú của mình. Sau khi đế chế La Mã sụp đổ, châu Âu rơi



vào tình trạng không luật lệ, kéo dài tới tận năm trăm năm sau. Dân số giảm mạnh, thương mại trì trệ, các thành phố co lại. Đất nước bị bọn rợ xâm lược: bọn Goth và Vandal, Hung Nô và Viking. Giai đoạn đen tối đó được gọi là thời kỳ Trung cổ Suy Thoái.

“Nhưng về thiên niên kỷ gần nhất – tôi muốn nói là năm 1000 Công Nguyên, mọi chuyện đã bắt đầu trở nên tốt đẹp hơn.” Marek nói. “Một thể chế mới được hình thành mà chúng ta gọi là chế độ phong kiến – dù ở thời ấy thì người ta không dùng từ đó.”

Dưới chế độ phong kiến, những lãnh chúa hùng mạnh giúp duy trì trật tự từng địa phương. Thể chế mới rất có hiệu quả. Nông nghiệp phát triển mạnh. Thương nghiệp và các thành phố đua nhau nở rộ. Đến khoảng những năm 1200 sau Công Nguyên, châu Âu lại phồn hoa trở lại, với dân số đông hơn nhiều so với thời Đế chế La Mã.

“Vậy là năm 1200 đánh dấu mốc đầu tiên của thời kỳ Trung Cổ Thịnh Vượng – thời đại của phát triển, khi văn hóa bắt đầu nảy nở.”

Những người Mỹ có thái độ đầy ngờ vực. “Nếu nó vĩ đại thế, sao ai cũng xây thêm thành lũy phòng thủ làm gì?”

“Vì cuộc chiến một trăm năm,” Marek nói, “Pháp và Anh đánh nhau.”

“Gì thế, thánh chiến à?”

“Không,” Marek nói. “Tôn giáo chẳng liên quan gì ở đây hết. Hồi ấy tất cả mọi người đều theo Công giáo.”

“Thật à? Thế mấy người Tin Lành thì sao?”

“Không có người theo đạo Tin Lành.”

“Thế họ ở đâu?”

Marek nói, “Lúc ấy họ vẫn chưa tự tạo ra bản thân mình.”

“Thật à? Thế cuộc chiến ấy là về cái gì vậy?”

“Chủ quyền,” Marek nói. “Nó liên quan đến thực tế rằng Anh sở hữu một phần lớn đất của Pháp.”

Một trong hai người đàn ông chau mày đầy nghi hoặc. “Anh đang định nói gì với tôi vậy? Nước Anh từng sở hữu một phần nước Pháp á?”

Marek thở dài.

\*

\*

Anh ta có một thuật ngữ dành riêng cho những người loại này: phạm phu tục tử – những người không biết tí gì về quá khứ, và tự hào về cái sự không biết gì ấy.

Những kẻ phạm phu tục tử tin rằng hiện tại là khoảng thời gian duy nhất có ý nghĩa, và tất cả những thứ xảy ra trước đó đều có thể an tâm mà lờ đi cũng không vấn đề gì. Thế giới hiện đại đầy thách thức và thật mới mẻ, và quá khứ chẳng có chút dấu ấn nào lên nó hết. Học sử cũng vô ích y như học mã Morse, hay là học lái xe ngựa vậy. Và cái thời Trung Cổ ấy – mấy cái anh hiệp sĩ giáp trụ leng keng và các cô mặc váy chùng và đội mũ chóp nhọn ấy – hiển nhiên là không đáng quan tâm.

Nhưng sự thật là thế giới hiện đại được hình thành dựa trên thời kỳ Trung Cổ. Tất cả mọi thứ từ hệ thống pháp luật, tới quốc gia dân tộc, tới sự phụ thuộc vào công nghệ, tới những khái niệm về tình yêu lãng mạn đẹp đẽ đều đã được hình thành đầu tiên ở thời Trung cổ. Những nhà đầu tư chứng khoán này đã nợ cái ý tưởng về kinh tế thị trường của thời Trung Cổ. Và nếu họ không biết điều đó, thì họ sẽ chẳng biết được cả những điều cơ bản nhất về việc họ là ai. Tại sao họ lại làm những điều họ đã làm. Từ đâu mà họ lại xuất hiện ở đây được.

Giáo sư Johnston thường nói rằng nếu anh không biết lịch sử, anh sẽ chẳng biết điều gì hết. Anh sẽ như một chiếc lá vốn không hề biết mình chỉ là một phần của cái cây.

\*

\*

Những kẻ kinh doanh cổ phiếu cứ tiếp tục, ngoan cố đẩy chủ đề theo cái cách một số người hay làm khi bị buộc phải đối mặt với sự ngu dốt của chính mình: “Thật à? Nước Anh từng sở hữu một phần của nước Pháp à? Vô lý quá. Bọn Anh với bọn Pháp lúc nào chẳng ghét nhau.”

“Không phải lúc nào cũng thế,” Marek nói. “Chuyện này là sáu trăm năm trước rồi. Lúc ấy đó là một thế giới hoàn toàn khác. Người Anh và người Pháp khi đó gắn bó với nhau nhiều hơn bây giờ nhiều. Từ khi lính Normandy tới chinh phục nước Anh vào năm 1066, tất cả những quý tộc Anh ở đó về cơ bản hầu như đều là người Pháp. Họ nói tiếng Pháp, ăn đồ Pháp, chạy theo thời trang kiểu Pháp. Chẳng lạ gì khi họ sở hữu các vùng lãnh thổ của Pháp. Ở hướng Nam này, họ đã thống trị Aquitaine hơn một thế kỷ đấy.”

“Thế á? Vậy cuộc chiến ấy là về cái gì? Người Pháp quyết là họ muốn có lại tất?”

“Ít nhiều thì đúng là vậy.”

“Hiểu,” người đàn ông đó nói, với một cái gật đầu có vẻ như đã nắm được vấn đề.

\*

\*

Marek tiếp tục giảng giải. Chris giết thời gian bằng cách ngồi cố dỗi theo ánh mắt của Kate. Những đường nét góc cạnh trên khuôn mặt của cô, khi ở dưới ánh mặt trời có vẻ rất thô, thậm chí còn khó nhìn, thì lúc này dưới ánh

nên lại trở nên mềm mại lạ thường. Anh chợt nhận ra cô cuốn hút đến không ngờ.

Nhưng cô không nhìn lại anh. Mọi sự chú ý của cô đang tập trung hết lên đám bạn cổ phần cổ phiếu kia. Bản chất mà, Chris nghĩ. Dù họ có nói thế nào đi nữa, phụ nữ cũng vẫn cứ bị các tay lăm tiền nhiều quyền hấp dẫn. Kể cả có tâm thần và đáng ghét như hai thằng cha này đi nữa.

Anh thấy mình ngồi chăm chú soi mấy cái đồng hồ của bọn họ. Cả hai người đàn ông đều đeo đồng hồ to nặng hiệu Rolex, nhưng cái dây kim loại chỉ được gài lỏng lẻo, thế là mấy cái đồng hồ cứ thông xuống và lủng lẳng quanh cổ tay họ như vòng đeo tay của phụ nữ. Đó là dấu hiệu của sự thờ ơ và giàu có, thói quen luộm thuộm thể hiện rằng bọn họ vĩnh viễn đang đi nghỉ. Nó làm anh thấy khó chịu.

Khi một trong hai người đàn ông bắt đầu ngồi nghịch đồng hồ, lật lật nó quanh cổ tay mình, Chris cuối cùng cũng không thể chịu thêm được nữa. Anh vùng mình đứng dậy. Lăm bẫm vài câu xin lỗi vì có việc phải đi kiểm tra những phân tích của mình ở khu di tích, anh đi thẳng ra đường Joumy xuống cuối bãi đậu xe bên rìa khu nhà cũ.

Đọc khắp con phố, dường như đập vào mắt Chris chỉ toàn là những đôi yêu nhau, tay trong tay dạo bước, phụ nữ ngả đầu vào vai đàn ông. Họ rất thoải mái dễ chịu với nhau, chẳng cần phải nói câu nào, chỉ thư thái tận hưởng cảnh vật xung quanh. Mỗi người đi qua lại càng làm anh cảm thấy khó chịu hơn, và khiến anh phải rảo bước nhanh hơn.

Thật thanh thản khi cuối cùng cũng ra được chỗ chiếc ô tô và lái về nhà.

Nigel!

Thế loại ngớ ngẩn nào lại có tên là Nigel cơ chứ?

Sáng hôm sau, Kate lại đang treo người trên trần nhà nguyện ở Castलगard thì chiếc điện đàm của cô kêu một tiếng bíp và có tiếng người gào lên “Thịt băm trộn ngô Mexico nóng hồi này! Thịt băm trộn ngô Mexico nóng hồi này! Khu số 4. Đến lấy đi này. *Bữa trưa được rồi.*”

Đó là tín hiệu của đoàn khảo cổ khi có phát hiện mới được tìm thấy. Họ dùng ám hiệu cho tất cả những thông tin quan trọng của mình, vì họ biết các nhà chức trách địa phương thỉnh thoảng cũng theo dõi họ. Ở những khu khác, các quan chức chính phủ thậm chí còn thỉnh thoảng mời người đến tịch thu những phát hiện chỉ ngay khi chúng vừa được tìm thấy, trước khi những nhà khảo cổ kịp ghi lại và định mức giá trị của chúng. Dù chính phủ Pháp có cách nhìn thoáng hơn về các cổ vật – tốt hơn nhiều so với chính phủ Mỹ – thì các thanh tra hiện trường cũng luôn khét tiếng khó lường. Và dĩ nhiên, luôn có những cảm giác không hay về việc mấy kẻ ngoại quốc dám chiếm đóng những nơi thiêng liêng cao quý của nước Pháp.

Khu số 4, mà cô đã biết, là ở chỗ tu viện. Cô bản khoản không biết nên ở lại trong nhà nguyện hay cất công đi ra đây, nhưng rồi cuối cùng cô cũng quyết định là sẽ đi. Sự thật là hầu hết những công việc hằng ngày của họ đều rất nhàm chán và chẳng có gì nổi bật hết. Họ luôn cần đến sự phấn khích trước những phát hiện mới để nhóm lên ngọn lửa nhiệt tình.

Cô đi qua phế tích của thị trấn Castलगard. Không giống với rất nhiều người khác, Kate có thể dựng lại phế tích đó trong tâm trí, và nhìn thị trấn một cách tổng thể. Cô thích Castलगard; đây là một thị trấn nghiêm trọng đứng đắn, được hình thành và xây dựng giữa thời chiến. Nó có tất cả những nét chân thực dứt khoát đến tuyệt vời mà cô không thể nào tìm được trong bất kỳ khóa học nào ở trường kiến trúc.

Cô cảm nhận ánh mặt trời nóng nực chiếu xuống cổ, xuống chân mình và nghĩ đến niềm vui không gì tả nổi khi bản thân đang được ở Pháp chứ không phải đang ngồi ở New Haven, trong cái chỗ làm việc bé tí chật như nêm trên tầng sáu của tòa nhà A&A<sup>19</sup>, với những ô cửa sổ phản chiếu xuống công trình giả kiến trúc thuộc địa của Đại học Davenport và nhà tập đa năng

giả kiến trúc Gothic Payne Whitney. Kate thấy thất vọng về trường kiến trúc, thấy A&A thực sự là rất đáng thất vọng, và cô chưa bao giờ hối tiếc với quyết định chuyển sang ngành sử học của mình.

Dĩ nhiên, mùa hè ở miền Nam nước Pháp thì khỏi phải bàn. Cô thích nghi với đội khảo cổ ở Dordogne đây khá tốt. Cho tới giờ thì đây đúng là một mùa hè thú vị.

Đương nhiên là cũng có vài người đàn ông phải né tránh. Marek ngay từ đầu đã có chút đong đưa, rồi Rick Chang, và rất chóng thôi cô sẽ phải xử lý anh chàng Chris Hughes nữa. Chris đã rất khó khăn trong việc đối mặt với lời từ chối của cô bạn người Anh – anh ta hiển nhiên là người duy nhất trong cả Périgord không thấy được chuyện đó chắc chắn sẽ tới và giờ anh ta đang cư xử cứ y như một con cún bị thương. Anh ta đã nhìn chăm chăm vào cô tối hôm qua, trong suốt bữa ăn. Đàn ông không chịu nhận ra rằng cách xử sự hậu chia tay kiểu ấy khá là xúc phạm người khác.

Cứ mãi chìm đắm trong suy nghĩ, cô đi dọc xuống cuối sông, nơi nhóm nghiên cứu neo chiếc thuyền nhỏ dùng để đi lại.

Và đang ở đó, mỉm cười chào cô, là Chris Hughes.

\*

\*

“Tôi sẽ chèo,” anh đề nghị khi hai người leo lên thuyền. Cô để anh làm thế. Anh bắt đầu đẩy thuyền qua sông với những cú sải thật dễ dàng. Cô không nói gì hết, chỉ nhắm mắt lại, quay mặt về phía ánh mặt trời. Thật ấm áp và dễ chịu.

“Hôm nay đẹp quá,” cô nghe anh nói thế.

“Ừm, rất đẹp.”

“Cô biết đấy, Kate,” anh bắt đầu, “tôi thực sự rất thích bữa tối hôm trước. Tôi đang nghĩ là có lẽ...”

“Anh quá khen rồi, Chris,” cô nói. “Nhưng tôi phải thành thật với anh.”

“Thật à? Về chuyện gì?”

“Tôi vừa mới chia tay một người.”

“Ồ. Ừm hừm...”

“Và tôi muốn có chút thời gian để suy nghĩ.”

“Ồ,” anh nói. “Chắc chắn rồi. Tôi hiểu mà. Nhưng có lẽ chúng ta vẫn có thể...”

Cô trao cho anh nụ cười dịu dàng nhất có thể. “Tôi không nghĩ vậy đâu,” cô nói.

“Ồ. Được.” Cô thấy rằng anh bắt đầu muốn trề môi hờn dỗi. Rồi anh nói, “Cô biết không, cô nói đúng đấy. Tôi thực sự nghĩ rằng chúng ta cứ là đồng nghiệp là tốt nhất.”

“Đồng nghiệp nhé,” cô nói và bắt tay anh.

Chiếc thuyền đã cập bến bờ bên kia.

\*

\*

Tại tu viện, một đám đông đang đứng quanh đỉnh của khu số bốn và nhìn xuống khu vực khai quật phía dưới.

Khu vực khai quật là một hình vuông hoàn hảo, hơn sáu mét mỗi cạnh, đâm sâu xuống khoảng ba mét. Ở phía Bắc và phía Đông, các nhà khảo cổ đã khai quật được những phần dẹt của các mái vòm đá, dấu hiệu chỉ ra rằng phạm vi đào xới giờ nằm trong khu vực hầm mộ, ngầm phía dưới chân tu viện chính. Những mái vòm đá được lèn đầy những tảng đất cứng. Tuần

trước, họ đã đào một hệ thống cống ngầm qua mái vòm phía Bắc, nhưng nó dường như chẳng đi đến đâu hết. Được chống đỡ bởi những cột gỗ cứng, nó giờ đã bị lờ đi không thương tiếc.

Giờ mọi sự hồi hộp phấn khích đều đổ dồn về phía vòm Đông, nơi gần đây người ta đã đào được một đường cống khác. Tiến độ khá chậm vì họ cứ liên tục phát hiện thấy hài cốt mà Rick Chang có thể xác định cụ thể đó là của binh lính.

Nhìn xuống phía dưới, Kate thấy những bức tường bao quanh đường cống đều đã đổ nát ở cả hai phía, đất cứ lở vào trong, phủ lên đường cống. Ở đó giờ là một ụ đất tương, giống như một vụ lở đất vậy; chặn đứng mọi nỗ lực đào bới sâu hơn. Và khi đất cứ đổ xuống, những cái sọ người phủ màu đất và những khúc xương dài cũng theo đó mà rơi ra.

Cô nhìn thấy Rick Chang đang ở dưới đó, cả Marek, và Elsie, người đã chịu rời ỗ để đi ra đây. Elsie đặt chiếc máy ảnh kỹ thuật số lên một cái chạc ba chân, chụp lia lịa. Những tấm này sau đó sẽ được đưa vào máy tính để tạo ra một bức hình toàn cảnh ba trăm sáu mươi độ. Thường thì cứ cách một giờ chúng lại được chụp một lần, để ghi lại đầy đủ mọi giai đoạn khai quật.

Marek ngược lên và thấy Kate đang đứng bên rìa. “Ê này,” anh ta nói. “Tôi tìm cô mãi. Xuống dưới đây đi.”

Cô trèo cầu thang xuống mặt nền đầy đất của cái hố. Dưới ánh nắng nóng nực giữa trưa, cô ngửi rõ mùi đất ẩm, và mùi ngai ngái của hài cốt mục rữa. Một trong những cái sọ người rời ra và lăn về phía chân cô. Nhưng cô không hề chạm vào nó; cô biết những phần di hài đó phải được ở nguyên như thế cho tới khi Chang chuyển chúng đi.

“Đây có lẽ là khu hầm mộ,” Kate nói, “nhưng những phần xương này không hề được chôn cất cẩn thận. Có phải đã từng có một trận đánh ở đây không?”

Marek nhún vai. “Đánh nhau ở khắp mọi nơi. Tôi có hứng thú với *cái đó* hơn.” Anh ta chỉ về phía mái vòm, chẳng có trang trí gì hết, tròn và hơi dẹt.



Kate nói, “Hội thánh Citeaux, thậm chí là có thể vào khoảng thế kỷ mười hai...”

“Ừ, chắc chắn rồi. Thế còn *cái kia* thì sao?” Ngay bên dưới phần chính của mái vòm, chỗ đổ nát của đường cống đã để lại một cái hố đen ngòm rộng gần một mét rưỡi.

Cô nói, “Anh đang nghĩ gì vậy?”

“Tôi đang nghĩ là chúng ta nên vào trong đó. Ngay lập tức.”

“Tại sao?” cô hỏi. “Sao phải vội thế?”

Chang nói với cô: “Trông có vẻ là sau lỗ hổng ấy cũng khá rộng đấy. Một phòng, có thể là một vài phòng.”

“Thế thì sao?”

“Giờ nó đã tiếp xúc với không khí. Lần đầu tiên trong, có lẽ là khoảng, sáu trăm năm đấy.”

Marek nói. “Và trong không khí thì có ô xy.”

“Mấy người, nghĩ là có cỗ vật trong đấy à?”

“Tôi không biết trong đấy có gì,” Marek nói. “Nhưng chúng có thể bị hư hại nặng chỉ trong vài giờ.” Anh ta quay về phía Chang. “Chúng ta có cái ống rỗng không nhỉ?”

“Không, nó ở Toulouse, đang sửa.” Ống rỗng là một đoạn cáp sợi quang có thể gắn với một cái máy quay camera. Họ dùng chúng để quay những nơi không thể tiếp cận được.

Kate nói, “Sao mọi người không bơm đầy ni tơ vào phòng đó?” Ni tơ có đặc tính khá trơ, lại nặng hơn không khí. Nếu họ bơm nó qua lỗ hổng đó, nó sẽ lấp đầy các khoảng trống, y như nước vậy. Và ngăn tất cả những cỗ vật khỏi bị ô xy hóa.

“Tôi sẽ làm thế.” Marek nói, “nếu tôi có đủ lượng khí. Thể tích của cái bình khí lớn nhất chúng ta có chỉ là năm mươi lít thôi.”

Và như thế thì không đủ.

Cô chỉ về phía những cái sọ. “Tôi biết, nhưng nếu anh định làm gì lúc này thì sẽ là động...”

“Tôi chẳng bận tâm gì về mấy cái xương,” Chang nói. “Chúng đã bị dời chỗ rồi. Và trông giống như là mộ tập thể sau một trận chiến ấy. Nhưng cũng chẳng tìm hiểu được gì nhiều từ chúng đâu.” Anh quay người lại và ngược nhìn lên, “Chris, ai cầm cái đèn chiếu ấy nhỉ?”

Phía trên cao, Chris nói, “Không phải tôi. Tôi nghĩ lần cuối cùng chúng được dùng là ở đây mà.”

Một trong những sinh viên nói, “Không, nó ở khu số ba ấy.”

“Đi lấy thôi. Elsie, cô sắp xong chỗ ảnh đấy chưa?”

“Chút nữa, chút nữa.”

“Sắp xong, hay là còn lâu mới xong?”

“Một phút nữa.”

Chang đang gọi với lên những sinh viên ở phía trên, nhờ họ mang mấy cái đèn chiếu xuống. Bốn người trong số họ đã hớn hờ chạy vội đi tìm.

Marek nói với những người còn lại, “Được rồi, mọi người, tôi cần đèn pin cầm tay, túi đựng dụng cụ khai quật, bình ô xy mang theo người, tai nghe, dây dẫn, tất cả các thứ cần thiết – *ngay bây giờ*.”

Xuyên suốt khung cảnh khẩn trương ấy, Kate vẫn tiếp tục đưa mắt nhìn vào cái lỗ bên dưới mái vòm. Mái vòm trông rất mỏng manh, những tảng đá chỉ được gắn hờ với nhau. Thông thường, một vòm mái giữ được hình nhờ sức nặng của những tảng đá ngoại biên ép lên phiến đá trung tâm, phiến đá đỉnh của mái vòm. Nhưng ở đây, toàn bộ phần phía trên cái lỗ ấy trông có vẻ như sẽ đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Phần gờ đất đắp bên dưới cái lỗ thì cực kỳ lỏng lẻo. Cô nhìn những viên sỏi cứ thế rơi rụng hết chỗ này đến chỗ khác. Trông chẳng hay chút nào.

“André, tôi không nghĩ là trèo ra đó lại an toàn đâu...”

“Ai bảo là trèo ra nào? Mọi người sẽ thả cô xuống.”

“Tôi á?”

“Dĩ nhiên. Cô treo người lên trên mái vòm, rồi đi vào trong.” Cô chắc hẳn trông rất khổ sở, vì anh ta đã không thể nhịn nổi cười, “Đừng lo, tôi sẽ đi với cô.”

“Anh có nghĩ là, nếu chúng ta tính sai...” Cô đang nghĩ là, Chúng ta sẽ có thể bị chôn sống ở đây đây.

“Gì thế?” Marek nói. “Sợ mất mật rồi à?”

Anh ta chỉ cần nói có thể.

\*

\*

Mười phút sau, cô đã treo người lơ lửng trên rìa mái vòm lộ thiên. Cô đeo cái ba lô đựng dụng cụ khảo cổ phía sau, gồm một bình ô xy trên lưng và hai chiếc đèn pin lưng lẳng như hai quả lựu đạn cầm tay giắt ở thắt lưng. Cô đẩy bộ lọc ra trước trán. Dây điện chạy từ chiếc đèn đàm tới một bộ pin bỏ trong túi quần. Với quá nhiều đồ đạc linh tinh thế này, cô cảm thấy thật lóng ngóng và không thoải mái. Marek đứng phía trên cô, giữ lấy sợi dây an toàn. Và dưới đáy hố, Rick và các sinh viên đang căng thẳng dõi theo họ.

Cô ngược nhìn Marek. “Cho tôi mét rưỡi nào.” Anh ta thả một mét rưỡi dây ra, và cô trượt xuống cho tới khi chân chạm nhẹ vào đồng đất bên dưới. Đất vụn rơi xuống dưới chân. Cô ngã người về phía trước.

“Thêm một mét nữa.”

Cô hạ xuống bằng cả tay và chân, dồn toàn trọng lực xuống gò đất. Nó vẫn cứng. Nhưng cô vẫn nhìn lên trên trần vòm với vẻ đầy cảnh giác. Rìa phiến đá đỉnh mái vòm đang vỡ ra.

“Mọi thứ ổn cả chứ?” Marek gọi.

“Ổn,” cô nói. “Giờ tôi sẽ vào trong đây.”

Cô bò lại chỗ cái lỗ hổng phía mái vòm. Ngược lên nhìn Marek, cô tháo chiếc đèn ra. “Tôi không biết liệu anh có thể làm được không, André. Đất có thể không chịu nổi sức nặng của anh đâu.”

“Vui tính nhỉ. Cô không làm việc này một mình đâu, Kate.”

“Ừ thì, ít nhất cũng để tôi vào đó trước.”

Cô bật đèn, bật điện đàm lên, kéo cái bộ lọc xuống để có thể thở qua đầu lọc, và bò qua cái lỗ, xuyên thẳng bóng tối phía trước.

\*

\*

Không khí mát mẻ đến bất ngờ. Ánh đèn vàng từ chiếc đèn pin của cô hắt lên những bức tường đá trơ trọi, lên mặt sàn đá trống trơn. Chang nói đúng; đây là không gian mở ngầm phía dưới tu viện. Và nó dường như kéo dài khá xa, trước khi đất và gạch vụn bịt kín lối đi. Bằng cách nào đó căn hầm này lại không hề bị ngập đầy đất như những căn hầm khác. Cô chiếu đèn lên trần, cố nhìn hiện trạng của nó. Cô không thể nói chính xác được. Không tốt lắm.

Cô bò lên phía trước bằng hai tay và đầu gối, rồi bắt đầu tụt xuống dưới, trượt dần xuống mặt đất. Vài giây sau, cô đã đứng trong hầm mộ.

“Tôi ở đây rồi.”

Quanh cô chỉ toàn bóng tối, còn không khí thì thật ẩm ướt. Mùi ngai ngái khó chịu vẫn xộc lên, dù đã có ống lọc. Những cái ống đó như mặt nạ phòng độc loại bỏ hết các vi khuẩn và vi rút. Ở hầu hết các khu khai quật khác, chẳng ai thèm đoái hoài gì đến mặt nạ, nhưng ở đây là bắt buộc, vì bệnh dịch đã hoành hành tới vài lần trong suốt thế kỷ mười bốn, giết tới một phần ba dân số. Có loại bệnh thì lây truyền qua chuột nhiễm bệnh, có loại khác thì lại lây lan qua đường không khí, khi hắt hơi và sổ mũi, và do đó bất

cứ ai phải đi vào một nơi cổ xưa, bị niêm kín cũng đều phải phòng ngừa cẩn thận cả...

Cô nghe thấy một tiếng cạch từ phía sau mình. Marek đang tới qua cái lỗ phía trên. Anh ta bắt đầu trượt, rồi nhảy xuống đất. Trong khoảng lặng kéo theo sau đó, họ nghe thấy tiếng sỏi và đất lạo xạo đổ xuống.

“Anh cũng thấy,” cô hỏi, “là chúng ta sẽ có thể bị chôn sống ở đây chứ.”

“Lúc nào cũng phải nhìn mọi thứ một cách lạc quan chứ,” Marek nói. Anh ta tiến về phía trước, giữ chắc ánh đèn huỳnh quang rực rỡ từ chiếc đèn chiếu phát ra. Nó rọi sáng cả gian phòng. Giờ khi họ đã thấy rõ, căn phòng trông trở trối đến đáng thất vọng. Bên trái là cổ quan tài đá của một hiệp sĩ; hình anh ta được tạc trên cái nắp đã bị tháo ra. Khi họ nhìn vào bên trong cổ quan tài thì thấy nó trống rỗng. Rồi có một cái bàn gỗ sần sùi tựa vào một bức tường. Chẳng có gì trên đó hết. Một hành lang mở chạy dọc xuống bên trái họ, dừng lại ở chân một hàng cầu thang đá, dẫn thẳng lên trên cho tới khi nó bị chặn đứng lại trước một ụ đất. Thêm nhiều ụ đất nữa xuất hiện trong căn hầm này, về phía bên phải, chúng lại chặn trước một lối đi khác, một mái vòm khác.

Marek thở dài, “Phấn khích đến thế mà rồi công cốc.”

Nhưng Kate vẫn đang lo lắng về chuyện đất đá sẽ vỡ vụn ra và đổ sụp xuống đầu họ. Điều đó khiến cô chăm chú nhìn vào ụ đất phía bên phải.

Và đó là lý do tại sao cô lại nhìn thấy thứ đó.

“André,” cô nói. “Lại đây đi.”

\*

\*

Đó là một chỗ thò ra màu đất. Màu nâu của nó lẫn với màu ụ đất, nhưng bề mặt lại có ánh lấp lánh mờ mờ. Cô lấy tay phui phui. Nó là vải dầu. Cô làm lộ ra một góc nhọn. Vải dầu, bọc một thứ gì đó.

Marek nhìn qua vai cô. “Rất tốt, rất tốt.”

“Hồi ấy họ đã có vải dầu chưa?”

“Ồ rồi chứ. Vải dầu là phát minh của người Viking, có lẽ khoảng thế kỷ thứ chín. Khá phổ biến ở châu Âu trong thời đại chúng ta khảo cứu. Dù tôi không nghĩ chúng ta đã từng tìm được thứ gì trong tu viện mà lại được bọc bằng vải dầu cả.”

Anh ta giúp cô đào nó lên. Họ tiến hành một cách cẩn trọng, không muốn ụ đất đổ xuống người mình, chẳng mấy chốc họ đã lôi được nó ra. Đó là một bọc hình chữ nhật độ gần 0,4 mét vuông, được buộc lại bằng dây tằm dầu.

“Tôi đoán đó là tài liệu cổ,” Marek nói. Những ngón tay của anh ta cứ giật giật trên chiếc đèn huỳnh quang, anh ta cực kỳ muốn mở nó ra, nhưng đã cố kìm bản thân lại. “Chúng ta sẽ mang nó về.”

Anh ta luồn nó dưới nách rồi đi thẳng về phía cửa ra. Cô nhìn lại lần cuối ụ đất, băn khoăn không biết mình có để sót thứ gì không. Nhưng chẳng thấy gì hết. Cô lia đèn đi và...

Cô dừng lại.

Qua khoeo mắt, cô đã liếc thấy thứ gì đó lấp lánh. Cô quay lại, nhìn lại lần nữa. Trong thoáng chốc, cô đã không thể tìm ra nó. Nhưng rồi cuối cùng cô cũng tìm được.

Đó là một mảnh thủy tinh nhỏ, nhô ra từ lòng đất.

“André?” cô nói. “Tôi nghĩ là còn nữa đấy.”

\*

\*

Mảnh thủy tinh rất mỏng, và cực kỳ trong. Cạnh được làm cong lại và tròn nhẵn, gần như đạt chất lượng của thủy tinh hiện đại. Cô lấy mấy đầu ngón tay phải dặt đi và nhận ra đó là một bên mắt kính.

Nó là một mảnh kính hai tròng.

“Gì thế?” André vừa nói vừa đi về phía cô.

“Anh nói tôi biết đi.”

Anh ta liếc nhìn nó, chiếu đèn lại gần. Mặt anh ta gần miếng kính đến nỗi gần như chạm mũi vào nó. “Cô tìm thấy cái này ở đâu thế?” Anh ta có vẻ lo lắng.

“Ngay đây này.”

“Năm lộ ra, y như bây giờ á?” Giọng anh ta rất nghiêm trọng, gần như có ý kết tội.

“Không, chỉ có một góc lộ ra thôi. Tôi mới lau nó đi đấy.”

“Lau thế nào?”

“Bằng ngón tay.”

“Thế cô định nói với tôi là cái này đã bị vùi một phần à?” Anh ta nói cứ như không hề tin cô vậy.

“Này, kiểu gì đấy?” :

“Chỉ cần trả lời thôi, có được không?”

“Không, André. Nó gần như là bị vùi hẳn đi. Tất cả trừ cái cạnh ấy thôi.”

“Giá mà cô không động vào nó.”

“Tôi cũng ước vậy lắm, nếu tôi biết anh sẽ xử sự như là...”

“Cái này phải có cách giải thích,” Marek nói. “Quay người lại xem nào.”

“Gì cơ?”

“Quay người lại.” Anh ta bấu lấy vai cô, xoay thật mạnh để cô phải quay ra đối mặt với mình.

“Chúa ơi,” Cô hơi ngoái đầu lại để nhìn xem anh ta đang làm gì. Anh ta gí chiếc đèn pin sát vào ba lô của cô, chậm rãi di chuyển chiếc đèn pin và kiểm tra bề mặt ba lô kỹ lưỡng, rồi xuống đến chiếc quần soóc của cô. “Ừm, anh có định nói với tôi...”

“Yên lặng chút đi.”

Mất cả phút thì anh ta mới xong. “Cái khóa trái ở túi dưới của cô mở đấy. Cô mở nó ra à?”

“Không.”

“Thế chắc nó đã bị hở suốt? Từ lúc cô đeo cái túi lên?”

“Chắc thế...”

“Cô có quệt vào tường lúc nào không?”

“Không có đâu.” Cô đã rất cẩn thận với mấy bức tường vì luôn sợ chúng sẽ nứt ra bất cứ lúc nào.

“Cô chắc chứ?” anh ta hỏi.

“Vì Chúa. Không, André. Sao tôi chắc được.”

“Được rồi. Giờ cô kiểm tra tôi nhé.” Anh ta đưa cây đèn cho cô, và quay lưng lại.

“Kiểm tra anh thế nào?” cô nói.

“Mảnh thủy tinh ấy là dị vật đấy,” anh ta nói. “Chúng ta phải xem xem nó vào đây bằng cách nào. Xem xem có phần nào trên ba lô của tôi bị hở không?”

Cô nhìn. Chẳng có chỗ nào như thế hết.

“Cô có xem cẩn thận không đấy?”

“Có, cẩn thận lắm rồi đấy,” cô nói, đầy vẻ bực dọc.

“Tôi nghĩ là cô chưa dành đủ thời gian đâu.”



“André. Tôi có dành đủ đấy.”

Marek nhìn chăm chăm vào đồng đất trước mặt họ. Những viên sỏi nhỏ cứ vãi xuống khi anh ta đứng nhìn. “Nó chắc là đã rơi từ một trong những cái túi của chúng ta rồi bị vùi đi...”

“Chắc thế, tôi đoán vậy.”

“Nếu cô có thể dùng đầu ngón tay lau sạch nó thì nó cũng không được chôn chặt lắm đâu...”

“Ừ ừ, nông choèn ấy.”

“Được rồi. Vậy thì, có lẽ đây sẽ là cách giải thích.”

“Là gì?”

“Thế nào đó, chúng ta đã mang cái mắt kính này theo cùng, và trong khi chúng ta đang xem xét chỗ vãi dầu kia, nó rơi ra khỏi túi, và bị đất phủ lên. Rồi cô nhìn thấy nó, phủi sạch nó. Đó là cách giải thích duy nhất.”

“Ừm...”

Anh ta lấy một chiếc máy quay ra, chụp mảnh thủy tinh từ các khoảng cách khác nhau – rất gần, rồi từ từ ra xa dần. Chỉ khi đó anh ta mới lấy một cái túi nhựa ra, dùng kẹp cẩn thận gấp mảnh thủy tinh lên, thả nó vào trong túi. Anh ta lấy ra một cuộn băng dính trong loại nhỏ, kẹp cái túi lại, dính chặt miệng, và đưa nó cho cô. “Cô mang cái này ra. cẩn thận đấy!” Anh ta có vẻ đã dụi đi và đang tỏ ra tử tế hơn với cô.

“Được,” cô nói. Họ lại trèo lên gò đất lần nữa, quay ra ngoài.

\*

\*

Họ được các sinh viên đại học đón chào nồng nhiệt, và cái gói vãi dầu được trao cho Elsie, cô nhanh chóng mang nó về ngôi nhà chính của nông trại. Tất cả mọi người đều cười nói ồn ào, trừ Chang và Chris Hughes. Họ đeo tai

nghe, và đã nghe thấy tất cả mọi chuyện xảy ra trong cái hang ấy. Họ trông có vẻ ủ dột và buồn bã.

Có dị vật ở khu khai quật là một việc cực kỳ nghiêm trọng, và tất cả họ đều biết điều đó. Vì nó có nghĩa là kỹ thuật khai quật không đảm bảo và sẽ có những câu hỏi được đặt ra cho những khám phá chính thức khác của đoàn. Ví dụ điển hình là một vụn bê bối nhỏ ở Les Eyzies năm ngoái.

Les Eyzies là một khu khai quật di tích thời kỳ Đồ đá cũ, một nơi cư ngụ của người thượng cổ ở dưới vách núi. Những nhà khảo cổ học đang đào ở địa tầng hóa thạch cách đây 320.000 năm thì một trong số họ tìm thấy một cái bao cao su được chôn một nửa. Nó vẫn còn đang ở trong gói bọc kim loại, và chẳng ai nghĩ dù chỉ một giây là nó thuộc cái tầng ấy hết. Nhưng cái việc là nó đã bị chôn ở đó – chôn một nửa – đã cho thấy rằng họ đã không hề cẩn thận chút nào. Nó gần như đã tạo ra trong nhóm nghiên cứu một cuộc khủng hoảng, một cuộc khủng hoảng kéo dài cho đến sau khi một nghiên cứu sinh bị gửi trả về Paris trong nhục nhã.

“Miếng thấu kính thủy tinh ấy đâu?” Chris nói với Marek.

“Kate cầm.”

Cô đưa nó cho Chris. Trong khi tất cả những người khác đang hò reo, anh chỉ quay người đi, mở cái bọc ra, và giơ cái gói lên trước ánh sáng.

“Rõ ràng là đồ hiện đại.” anh nói. Anh lắc đầu, không lấy gì làm vui vẻ cho lắm. “Tôi sẽ kiểm tra lại. Nhớ ghi lại nó trong báo cáo nhé.”

Marek nói anh ta sẽ làm.

Rồi Rick Chang quay ra và vỗ tay. “Được rồi, tất cả mọi người. Phấn khích thế đủ rồi. Giờ quay lại làm việc đi!”

Buổi chiều, Marek lên kế hoạch luyện bắn cung. Những sinh viên đại học rất thích thú với việc đó, và họ chưa bao giờ bỏ lỡ buổi tập nào, gần đây Kate cũng tham gia. Mục tiêu hôm nay là một con bù nhìn nhồi đầy rơm, được đặt cách chỗ họ gần năm mươi mét. Tất cả đều đứng xếp hàng, giương cung lên, và Marek tiến tới phía sau họ.

“Khi muốn giết một ai đó,” anh ta nói, “mọi người phải nhớ: anh ta gần như chắc chắn sẽ đeo giáp trụ che ngực. Khả năng che chắn phần đầu và cổ của anh ta là rất thấp, hay chân cũng thế. Thế nên để chắc chắn giết được, phải bắn vào đầu, hoặc vào hai bên mạng sườn, nơi tấm giáp không che chắn được.”

Kate lắng nghe Marek, mỉm cười thích thú. André nói tất cả những câu đó một cách khá nghiêm túc. *Khi muốn giết một ai đó*. Cứ như là anh ta thực sự có ý như thế vậy. Đứng giữa ánh trời chiều vàng rực của miền Nam nước Pháp, nghe tiếng còi ô tô từ xa vọng lại, cái nghĩ đó có vẻ gì khá kỳ cục.

“Nhưng nếu mọi người muốn ngăn ai đó lại,” Marek tiếp tục, “thì chỉ cần bắn vào chân anh ta. Anh ta sẽ khụy xuống ngay. Hôm nay chúng ta sẽ dùng bộ cung hai mươi hai cân.”

Hai mươi hai cân là muốn nói tới lực kéo cần để giương cung. Những cây cung này rõ ràng là rất nặng và khó giương. Những mũi tên dài gần một mét. Hầu hết các học viên đều gặp khó khăn với chúng, đặc biệt là lúc đầu. Marek thường kết thúc mỗi buổi tập với vài bài tập tạ, để tăng sức chịu đựng cho các bắp cơ của họ.

Bản thân Marek có thể giương được một cây cung nặng tới gần bốn mươi lăm cân. Dù rất khó tin, nhưng anh ta cứ khẳng định rằng đó là kích thước chuẩn của những vũ khí thế kỷ mười bốn – chúng vượt xa khả năng sử dụng của tất cả thành viên trong nhóm.

“Được rồi,” Marek nói, “đặt tên vào dây cung, ngắm, và thả nào.” Những mũi tên bay vút đi trong không trung. “Không, không, không, David, đừng có kéo đến lúc run lên như thế. Duy trì kiểm soát nào. Carl, chú ý thế đứng. Bob, cao quá. Deanna, nhớ cẩn thận mấy ngón tay. Rick, tốt hơn

nhiều rồi đấy. Được rồi, làm lại nào, đặt tên vào dây cung, ngắm, và thả nào...”

\*

\*

Chiều muộn, Stern gọi vào điện đàm của Marek, và nhắn anh tới nhà chính. Anh ta nói mình có tin tốt. Marek thấy anh ta ở bên chiếc kính hiển vi, đang kiểm tra miếng mắt kính.

“Gì đấy?”

“Đây. Tự nhìn đi này.” Anh ta bước qua một bên và Marek nhìn vào. Anh thấy miếng mắt kính, và đường cắt bén ngọt của cái tròng đôi. Ở vài chỗ, miếng kính có những vòng trắng mờ, có vẻ là dấu vết của vi khuẩn.

“Tôi phải nhìn ra cái gì nhỉ?” Marek nói.

“Cạnh trái.”

Anh ta di chuyển ống kính, đưa góc trái vào tầm nhìn. Bị khúc xạ trong ánh sáng, cạnh trái sáng trắng lên. Rồi anh nhận thấy màu trắng tràn lên khắp cạnh, lên cả bề mặt của bản thân cái thấu kính ấy.

“Đây là vi khuẩn mọc trên thấu kính,” Stern nói. “Nó giống như là men đá ấy.”

Men đá là thuật ngữ chỉ các loại vi trùng và nấm mốc mọc ở mặt dưới của tảng đá. Vì tính chất hữu cơ của mình nên men đá có thể xác định được niên đại.

“Cái này xác định được niên đại chứ?” Marek hỏi.

“Được,” Stern nói “nếu có đủ mẫu để sử dụng C-14. Nhưng giờ tôi có thể nói cho anh biết, chẳng có đủ đâu. Anh không thể có được niên đại đúng với chỉ một nhúm đó. Chẳng nên cố thử làm gì.”

“Thế thì?”

“Vấn đề là, đó là phần lộ ra của miếng kính, có phải không? Cái phần Kate nói là trời lên khỏi mặt đất ấy?”

“Đúng rồi...”

“Thế nên nó cũng cổ lắm đấy, André. Tôi không biết nó cổ đến đâu, nhưng nó không phải là dị vật ở khu khảo cổ đâu. Rick đang xem xét tất cả chỗ xương được khai quật vào hôm nay, và anh ta nghĩ là một số trong chỗ ấy có vẻ có niên đại hiện đại hơn thời kỳ chúng ta đang nghiên cứu, có thể là thế kỷ mười tám, hoặc thậm chí là thế kỷ mười chín. Có nghĩa là một trong số họ có thể đeo kính hai tròng.”

“Tôi không biết. Miếng kính này trông có vẻ rất tinh xảo...”

“Không có nghĩa là nó mới,” Stern nói. “Kỹ thuật cắt gọt đã phát triển từ suốt hai trăm năm qua rồi. Tôi đang sắp xếp để đem mảnh kính này cho một người chuyên về kính ở New Haven kiểm tra. Tôi đã nhờ Elsie ngó trước chỗ đóng tài liệu bằng vải dậu kia rồi, chỉ để xem xem có gì bất thường trong đồng đó không. Hiện tại thì, tôi nghĩ tất cả chúng ta đều có thể thư giãn được rồi.”

“Tin tốt đấy nhỉ,” Marek nói, cười toe toét.

“Tôi nghĩ là anh muốn biết mà. Chút nữa ăn tối gặp lại nhé.”

Họ đã sắp xếp dùng bữa tối ở khu nhà cổ Domme, ngôi làng trên đỉnh một vách đá cách chỗ khai quật của họ chừng vài dặm. Tối đến, Chris, dù đã cau có suốt cả ngày, thì giờ cũng đã hết ức chế và đang rất háo hức chờ tới bữa tối. Anh băn khoăn không biết Marek đã nghe được tin gì từ Giáo sư chưa, và nếu không thì họ sẽ phải làm gì trước tình huống đó. Trong anh có một chút gì đó chờ mong.

Tâm trạng hưng phấn của anh tan biến khi tới nơi và rồi lại nhìn thấy hai cái đôi cổ phần cổ phiếu đó đang ngồi sẵn bên bàn ăn. Rõ ràng là họ đã được mời thêm một đêm nữa. Chris đang chuẩn bị quay người lại và bỏ đi thì Kate đã đứng lên và nhanh chóng quàng tay quanh thắt lưng anh, dẫn anh tới chỗ cái bàn.

“Tôi không có hứng đâu,” anh nói thềm. “Tôi không chịu nổi mấy người này.” Nhưng rồi cô ôm nhẹ lấy anh, rồi chỉ chỗ cho anh ngồi. Anh thấy rằng mấy tay kinh doanh cổ phiếu đã bao rệu cho bữa tối nay – Château Lafite-Rothschild ‘95, dễ đến hai nghìn franc một chai ấy chứ.

Và anh nghĩ, *Chơi thì chơi.*

“Ồ, đây quả là một thị trấn thơ mộng,” một trong hai người phụ nữ đó nói. “Chúng tôi đã đi xem những bức tường thành ngoài kia. Chúng cũng khá là dài đấy. Cao nữa. Và cái cổng cực kỳ xinh xắn dẫn vào trong thị trấn ấy, mọi người biết đấy, với hai cái tháp tròn hai bên.”

Kate gật đầu. “Khá là mĩa mai,” cô nói, “khi rất nhiều trong số những ngôi làng mà giờ chúng ta thấy thật là thơ mộng đây thực ra là trung tâm mua sắm ở thế kỷ mười bốn.”

“Trung tâm mua sắm? Nói thế là có ý gì?” người phụ nữ hỏi.

Lúc đó, cái điện đàm của Marek, đang được giắt vào thắt lưng, chợt kêu lên.

“André? Anh có ở đó không?”

Là Elsie. Cô chẳng bao giờ đi ăn với mọi người, mà chỉ tập trung vào công việc sắp xếp tài liệu của mình cho tới tận khuya. Marek trả lời điện

đàm. “Ừ, gì đấy Elsie?”

“Tôi mới phát hiện một điều rất kỳ cục, ở đây này.”

“Ừm...”

“Anh bảo David qua đây được không? Tôi cần anh ấy giúp kiểm tra lại. Nhưng tôi muốn nói với các anh – nếu đây chỉ là một trò đùa thì tôi không thích đâu đấy.”

Với một tiếng cạch, chiếc điện đàm tắt ngúm.

“Elsie?”

Không có tiếng trả lời nào nữa.

Marek nhìn quanh bàn. “Có ai ở đây trên cô ấy không?”

Tất cả đều lắc đầu.

Chris Hughes nói, “Có lẽ cô ấy đang hơi hâm. Chẳng lạ gì đâu, hàng tiếng ngồi chăm chăm vào đồng giấy da ấy.”

“Tôi sẽ đi xem cô ấy cần gì,” David Stern nói rồi đứng dậy. Anh ta đi thẳng vào màn đêm tối.

Chris nghĩ đến việc đi cùng, nhưng Kate lại nhìn anh một cái và mỉm cười. Thế là anh ngồi lại vào ghế và với tay ra lấy ly rượu của mình.

\*

\*

“Cô đang nói là – những thị trấn này từng giống như những trung tâm mua sắm?”

“Rất nhiều trong số chúng là thế,” Kate Erickson nói. “Những thị trấn này là nơi đầu cơ tích trữ để kiếm tiền cho những nhà đầu tư đất. Cũng giống như những trung tâm mua sắm ngày nay thôi. Và giống như những

trung tâm mua sắm, chúng cũng đều được xây dựng dựa trên một kiểu mẫu chung.”

Cô xoay ghế và chỉ tay vào quảng trường của thị trấn Domme ở phía sau lưng họ. “Nhìn thấy khu chợ rào gỗ ở trung tâm của quảng trường thị trấn chứ? Mọi người sẽ thấy rất nhiều khu chợ rào gỗ tương tự ở trong rất nhiều thị trấn quanh đây. Điều đó cho thấy thị trấn này là một ngôi làng mới đã được gia cố. Gần một nghìn thị trấn đã qua gia cố được lập ra ở Pháp trong suốt thế kỷ mười bốn. Một số trong đó được xây để củng cố lãnh địa. Nhưng rất nhiều trong đó chỉ đơn giản là để kiếm tiền.”

Điều đó đụng trúng mỗi quan tâm của các nhà kinh doanh chứng khoán.

Một trong hai người đàn ông ngược nhìn lên đột ngột và nói, “Đợi chút nào. Làm sao xây dựng một ngôi làng lại kiếm ra tiền được chứ?”

Kate mỉm cười. “Nền kinh tế của thế kỷ mười bốn,” cô nói.

“Nó có cơ chế như thế này này. Cứ cho anh là một nhà quý tộc sở hữu rất nhiều đất đai nhé. Nước Pháp vào thế kỷ mười bốn hầu hết được bao phủ trong rừng rậm, có nghĩa là đất đai của anh hầu hết đều là rừng, là nơi chó sói trú ngụ. Có thể sẽ có vài người nông dân sống rải rác trong vùng của anh chịu trả một chút tiền thuê đất rẻ mạt. Nhưng đó không phải cách làm giàu. Và vì anh là một nhà quý tộc, anh luôn luôn cần tiền, để chinh chiến và để thưởng thức những xa hoa mà người ở giai cấp như anh phải có.

Thế nên anh sẽ phải làm gì để tăng thu nhập từ đất của mình? Anh sẽ dựng một thị trấn mới. Anh thu hút người dân đến sống ở thị trấn mới của mình bằng cách mời chào họ những gói giảm thuế hấp dẫn, quyền tự do buôn bán ở khu đặc quyền của thị trấn, về cơ bản, giải phóng người dân khỏi những áp đặt của thể chế phong kiến.”

“Tại sao lại phải cho bọn người đó các gói giảm thuế?” Một người đàn ông nói.

“Vì chẳng mấy chốc anh sẽ có các thương nhân và chợ trong thị trấn, và thuế cùng các chi phí khác sẽ sản sinh cho anh nhiều tiền hơn. Anh thu



phí mọi thứ. Từ quyền sử dụng con đường dẫn tới thị trấn của mình. Quyền được đi qua những bức tường bao quanh thị trấn của mình. Cho đến quyền được dựng một gian hàng trong chợ. Rồi thì chi phí để binh lính giữ trật tự. Chi phí cho dịch vụ cho vay tiền ở chợ.”

“Không tệ lắm nhỉ?” một người đàn ông nói.

“Không tệ chút nào luôn. Và thêm vào đó, anh cũng có một phần trong số tiền lãi mà các khu chợ thu được.”

“Thật à? Tỷ lệ thế nào?”

“Tùy từng chỗ, và những hình thức kinh doanh riêng biệt. Nói chung là một tới năm phần trăm. Thế nên khu chợ thực sự là lý do sống còn của thành phố. Mọi người có thể thấy rõ điều đó, trong cách bố trí mọi thứ trong thị trấn. Nhìn ra phía nhà thờ đằng kia kia,” cô nói và chỉ tay về phía bên cạnh. “Vào những thế kỷ đầu, nhà thờ là trung tâm của thị trấn. Hầu như ngày nào người ta cũng đi lễ. Cuộc sống dưới mọi hình thức đều xoay quanh nhà thờ. Nhưng ở Domme này, nhà thờ bị đẩy sang một bên. Khu chợ giờ là trung tâm của cả thị trấn.”

“Thế là tất cả các nguồn tiền đều đến từ khu chợ à?”

“Không hoàn toàn là thế, vì thị trấn được gia cố đã giúp bảo vệ cả vùng, có nghĩa là nông dân có thể phát quang vùng đất quanh đó và lập những trang trại mới. Thế là anh cũng có thể tăng giá thuê đất lập trang trại nữa. Gì thì gì, một thị trấn mới là cả một sự đầu tư đáng tin cậy. Đó chính là lý do tại sao lại có nhiều thị trấn kiểu này được xây dựng đến thế.”

“Đó có phải là lý do duy nhất để những thị trấn này được dựng lên hay không?”

“Không, rất nhiều thị trấn được dựng lên vì lý do quân sự như là...”

Điện đàm của Marek bỗng kêu lên. Lại là Elsie. “André?”

“Ừ,” Marek nói.

“Anh nên lại đây ngay đi. Vì tôi không biết phải xử lý vụ này thế nào.”

“Tại sao? Chuyện gì thế?”

“Cứ về đây đi. *Ngay bây giờ.*”

Cái máy phát điện phát ra những tiếng bình bịch âm ì, và ngôi nhà trong trang trại dường như được thắp sáng rực rỡ giữa cánh đồng tối mịt, dưới một bầu trời đầy sao.

Tất cả bọn họ đều chen chúc trong ngôi nhà đó. Elsie đang ngồi bên chiếc bàn của mình đặt ngay giữa nhà, nhìn chăm chăm về phía mọi người nhưng ánh mắt thì lại xa xăm.

“Elsie?”

“Chuyện đó không thể xảy ra,” cô nói.

“Chuyện gì mà không thể? Ở đây đã xảy ra chuyện gì?”

Marek nhìn qua chỗ David Stern, nhưng anh ta vẫn đang cặm cụi phân tích gì đó ở trong góc phòng.

Elsie thở dài. “Tôi không biết, tôi không biết...”

“Nào,” Marek nói, “nói từ đầu đi nào.”

“Được rồi,” cô nói. “Từ đầu.” Cô đứng dậy và đi sang đầu kia phòng, chỉ vào một chồng giấy da đang được đặt trên một tấm bạt nhựa trên nền nhà. “Đây là điểm bắt đầu. Chỗ tài liệu tôi ký hiệu là M-031, được đào lên từ dưới tu viện lúc nãy. David đã nhờ tôi kiểm tra nó càng sớm càng tốt.”

Không ai nói gì hết. Họ chỉ nhìn cô.

“Được rồi,” cô nói. “Tôi đã xem xét cái đồng này. Đây là cách tôi vẫn làm. Tôi lấy khoảng mười tờ giấy da một lúc và mang chúng lại chỗ bàn của tôi.” Cô mang mười tờ ra. “Giờ, tôi ngồi xuống cái bàn này, tôi xem xét đồng tài liệu, từng tờ một. Rồi, sau khi tóm tắt nội dung của một tờ giấy, và đã nhập bản tóm tắt đó vào máy tính, tôi mang tờ giấy đi chụp, ở đằng kia kia.” Cô đi về phía cái bàn tiếp theo, luồn một tờ giấy da xuống dưới cái camera.

Marek nói, “Chúng tôi đã quá quen với...”

“Không, mọi người không quen đâu,” cô gắt gỏng. “Mọi người chẳng quen một chút nào hết.” Elsie quay lại chỗ bàn làm việc của mình, lấy tờ

giấy da tiếp theo khỏi chồng. “Được rồi. Thế là tôi cứ lần lượt kiểm tra từng tờ một. Chồng giấy cụ thể này gồm có đủ loại giấy tờ: đơn từ, các bản chép thư, trả lời những yêu cầu của giáo chủ, bản ghi chép mùa vụ, danh sách tài sản của tu viện. Tất cả đều được định niên đại là từ khoảng năm 1357.”

Cô lấy từng tờ trên chồng giấy đó, lần lượt từng tờ một. “Và rồi” – cô lấy tờ cuối cùng ra – “tôi thấy cái này.”

Tất cả đều chăm chú nhìn.

Chẳng ai nói gì hết.

Tờ giấy da cùng cỡ y hệt với những tờ khác trong chồng giấy đó, nhưng thay vì được viết chi chít tiếng Latin hay tiếng Pháp cổ, nó chỉ có đúng hai từ, nguệch ngoạc bằng tiếng Anh phổ thông:

CỨU TÔI<sup>20</sup>

7/4/1357

“Trong trường hợp mọi người còn băn khoăn” cô ấy nói, “đây là nét chữ của giáo sư.”

Cả căn phòng lặng đi. Chẳng ai nhúc nhích gì hết. Họ cứ chết lặng mà nhìn.

Marek đang điên đảo nghĩ ngợi, gọi ra tất cả những khả năng có thể. Nhờ vào kiến thức chi tiết như một cuốn bách khoa toàn thư về thời Trung cổ, trong nhiều năm anh ta đã làm cố vấn về cổ vật thời Trung cổ cho Bảo tàng Nghệ thuật Trung tâm ở New York. Kết quả là Marek đã nắm được khá khá kinh nghiệm trong việc phân định đồ giả các loại. Đúng là anh ta hiếm khi được cho xem những tài liệu giả thời Trung cổ – những thứ đồ giả thường là mặt đá của một chiếc vòng tay có niên đại mười năm tuổi, hay một bộ giáp cổ hóa ra lại được làm ở Brooklyn – nhưng kinh nghiệm dày dặn luôn giúp anh ta tỉnh táo để suy nghĩ một cách kỹ lưỡng.

Marek nói, “Được rồi. Bắt đầu từ đâu nào. Cô có chắc đó là chữ viết của thầy không?”

“Có,” Elsie nói. “Không phải hỏi.”

“Sao cô biết chắc thế?”

Cô khịt mũi. “Tôi là một nhà nghiên cứu văn tự mà, André. Nhưng này. Tự nhìn mà xem.”

Cô mang ra một mảnh giấy mà Johnston đã viết vội mấy ngày trước, một mảnh giấy viết những chữ hoa, được dính vào một tờ hóa đơn: “KIỂM TRA KHOẢN TIỀN NÀY GIÙM.”<sup>21</sup> Cô đặt tờ giấy bên cạnh tấm giấy da. “Chữ in hoa dễ phân tích hơn rất nhiều. Chữ *H* của thầy, ví dụ nhé, có nét hơi chéo ở bên dưới. Thầy vạch một đường thẳng, nhấc bút lên, viết đường thẳng thứ hai, rồi kéo bút lại để kẻ đường ngang, làm nên nét chéo ở dưới. Hay nhìn vào chữ *P*. Thầy đã làm một đường kẻ dọc xuống dưới, rồi vút lên và quay lại để tạo thành đường bán nguyệt. Hay chữ *E*, thầy đã viết như chữ *L* rồi viết nốt hai nét cuối bằng một đường dích dắc. Chẳng có gì phải bàn cãi. Đây là nét chữ của thầy.”

“Nhờ ai đó giả mạo thì sao?”

“Không. Giả mạo thì sẽ có nét nhấc bút và các dấu hiệu khác. Đây là nét chữ của thầy.”

Kate nói, “Liệu thầy có đùa chúng ta không?”

“Nếu thầy làm thế thật thì chẳng hay ho gì đâu.”

“Thế còn tờ giấy da có dòng chữ đó thì sao?” Marek nói. “Nó có cỡ như những tờ giấy khác trong chồng kia không?”

“Có,” David Stern nói, tiến lại gần. “Không cần giám định niên đại bằng các bon tôi cũng nói được là có – nó cùng tuổi với những tờ giấy kia.”

Marek nghĩ: *Sao có thể thế được chứ?* Anh ta nói, “Anh có chắc không? Mảnh giấy này trông khác lắm. Bề mặt có vẻ ráp hơn đây.”

“Nó ráp hơn,” Stern nói. “Vì nó được cạo không kỹ. Giấy da là vật phẩm rất có giá trị trong thời Trung cổ. Thường thì nó sẽ được đem ra dùng, cạo đi, rồi lại dùng tiếp. Nhưng nếu chúng ta soi tấm giấy này dưới tia tử ngoại... Ai đó tắt đèn hộ với nhĩ?” Kate tắt chúng đi, và trong bóng tối Stern quét một chiếc đèn phát ánh sáng tím lên mặt bàn.

Marek ngay lập tức thấy nhiều dòng chữ hơn hiện lên, mờ nhạt nhưng rõ ràng vẫn có tồn tại trên miếng giấy.

“Cái này lúc đầu là một mảnh giấy tính tiền trọ,” Elsie nói. “Nó đã được cạo sạch, nhanh và rất mạnh tay, như thể bởi ai đó đang rất vội vã.”

Chris nói, “Cô định nói là Giáo sư đã cạo nó à?”

“Tôi chẳng biết ai cạo nó hết. Nhưng nó không hề được làm một cách bài bản và chuyên nghiệp.”

“Được rồi,” Marek nói. “Có một cách chuẩn xác để xác định chuyện này, một lần là xong.” Anh ta quay về chỗ Stern. “Mực thì sao, David? Nó có phải đồ thật không?”

Stern lưỡng lự. “Tôi không chắc lắm.”

“Không chắc? Sao lại không chắc?”

\*

\*

“Về mặt hóa học thì,” Stern nói, “nó chính xác là những gì mọi người đã nghĩ: sắt ở dạng ô xít sắt, trộn với mật đắng làm chất kết dính hữu cơ. Vài người còn thêm các bon để tạo độ đen, cùng với năm phần trăm đường mía saccarôzơ. Hồi ấy họ dùng đường để làm mực có thêm độ bóng sáng. Nên nó là loại mực sắt-mật thông thường, hay gặp trong thời đó. Nhưng bản thân cái việc đó thì cũng không có ý nghĩa gì nhiều lắm trong chuyện này.”

“Phải,” ý Stern là nó có thể là đồ giả.

“Thế là tôi trộn mật với thuốc thử độ sắt,” Stern nói, “cách tôi thường làm trong những trường hợp có vấn đề. Chúng cho ta biết lượng chất chính xác tồn tại trong mực. Chất chuẩn độ cho thấy là loại mực cụ thể này tương tự nhưng lại không đồng nhất với loại mực được dùng cho các tài liệu kia.”

“Tương tự nhưng không đồng nhất,” Marek nói. “Tương tự đến đâu?”

“Như mọi người đều biết, mực thời Trung cổ thường được trộn bằng tay trước khi đem ra sử dụng, vì chúng không có khả năng bảo quản lâu. Mật đắng là chất hữu cơ – nó là hạt sồi được tán nhuyễn – có nghĩa là mực ấy kiểu gì thì cũng sẽ hỏng. Thỉnh thoảng họ thêm rượu vào mực để làm chất bảo quản. Gì thì gì, thường luôn có chênh lệch khá lớn trong lượng mật và sắt ở tài liệu này khác với tài liệu khác. Mọi người sẽ thấy là giữa các tài liệu khác nhau thì lượng chất này sẽ chênh tới hai mươi đến ba mươi phần trăm đấy. Dùng tỷ lệ này để đoán định xem hai tài liệu có được viết vào cùng một ngày, cùng một nguồn mực hay không, thì khá chính xác. Loại mực này khác loại mực trên những tài liệu khác khoảng hai mươi chín phần trăm.”

“Chẳng có nghĩa gì hết,” Marek nói. “Những con số đó chẳng chứng minh được thật giả gì. Anh có phân tích bằng máy chụp quang phổ không?”

“Có, vừa xong rồi đấy. Đây là quang phổ của ba tài liệu, tài liệu của Giáo sư ở giữa.” Ba đường với một dãy các đường gai lên xuống liên tục và đường biến thiên mạnh. “Lại nữa, tương tự nhưng không đồng nhất.”

“Không tương tự đến thế,” Marek nói, nhìn vào dãy những đường lên xuống. “Vì cùng với tỷ lệ phần trăm khác nhau về lượng sắt, anh còn có rất nhiều nhân tố giúp xác định dấu tích mực của Giáo sư, bao gồm – mà ví dụ nhé, cái đường gai này là gì vậy?”

“Crôm.”

Marek thở dài. “Có nghĩa là hiện đại rồi.”

“Không nhất thiết là thế đâu.”

“Những tài liệu trước và sau đều chẳng có chút crôm nào trong mực hết.”

“Đúng là thế. Nhưng crôm vẫn được tìm thấy ở trong mực để viết bản thảo. Khá là phổ biến đấy.”

“Có crôm trong thung lũng này không?”

“Không.” Stern nói “nhưng crôm được nhập trên khắp châu Âu, vì nó được dùng để nhuộm vải cũng như làm mực nữa.”

“Nhưng còn những thứ tạp chất khác này thì sao?” Marek nói, chỉ vào những đường gai lên xuống khác. Anh ta lắc đầu, “Tôi xin lỗi. Chỉ là tôi không bị mấy thứ này thuyết phục thôi.”

Stern nói: “Tôi đồng ý. Đây chắc chắn chỉ là một trò đùa thôi.”

“Nhưng chúng ta sẽ không thể biết chắc nếu không giám định các bon.” Marek nói. Các bon-14 có thể giúp họ xác định tuổi của cả mực lẫn giấy da trong vòng năm mươi năm. Thế là đủ để giải quyết vấn đề có giả mạo hay không.

“Tôi cũng muốn giám định nhiệt quang, và có lẽ nên kích hoạt cả laser khi chúng ta làm nữa,” Stern nói.

“Anh không làm thế ở đây được đâu.”

“Không, tôi sẽ mang nó lại chỗ Les Eyzies.” Les Eyzies, thị trấn ở thung lũng kế bên là trung tâm nghiên cứu thời tiền sử ở miền Nam nước Pháp, có một phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị để thực hiện các giám



định các bon-14 và phóng xạ ka li-ác gông, cũng như kích hoạt phản ứng nơ tron và các kiểm tra phức tạp khác. Kết quả thực tế không chính xác được như ở các phòng thí nghiệm tại Paris hay Toulouse, nhưng các nhà khoa học có thể có câu trả lời trong vài giờ.

“Có khả năng xong được trong tối nay không?” Marek nói.

“Tôi sẽ cố.”

Chris quay lại nhập hội với cả nhóm; anh đã gọi di động cho Giáo sư. “Chẳng có gì hết,” anh nói. “vẫn chỉ là hộp thoại trả lời tự động của thầy thôi.”

“Được rồi,” Marek nói. “Ngay lúc này thì chúng ta chẳng thể làm gì hơn được đâu. Tôi nghĩ tin nhắn chỉ là một trò đùa vớ vẩn nào đó thôi. Tôi không thể hình dung ra được ai đã chơi trò này với chúng ta – nhưng rõ ràng là có ai đó đã làm. Ngày mai chúng ta sẽ giám định các bon và xác định tuổi của thông điệp đó. Tôi không nghi ngờ gì là nó chỉ mới gần đây thôi. Và với tất cả sự tôn trọng chân thành nhất có thể dành cho Elsie, nó có lẽ chỉ là đồ giả mạo thôi.”

Elsie bắt đầu húng hắng.

“Nhưng nói gì thì nói,” Marek tiếp tục, “theo đúng lịch thì ngày mai Giáo sư sẽ gọi điện; và chúng ta sẽ hỏi thầy. Còn bây giờ, tôi nghĩ chúng ta nên đi về phòng mình và ngủ một giấc thật thoải mái đi.”

Ở căn nhà chính của nông trại, Marek nhẹ nhàng đóng cánh cửa ra vào lại trước khi bật đèn lên. Rồi anh ta nhìn quanh.

Căn phòng cực kỳ ngăn nắp, như anh ta đã nghĩ. Nó có cái nét gọn gàng đơn sơ của phòng một thầy tu. Cạnh chiếc giường là một chõng khoảng năm hay sáu tập tài liệu nghiên cứu, được xếp gọn gàng. Trên cái bàn ở bên phải, thêm nhiều chõng tài liệu nghiên cứu nữa được đặt cạnh chiếc máy tính xách tay đã gập gọn ghẽ. Chiếc bàn có một cái ngăn kéo, anh ta mở ra và lục qua.

Nhưng anh ta không tìm thấy thứ mình muốn.

Anh ta đi tới bên chiếc tủ tiếp theo. Quần áo của Giáo sư được xếp gọn bên trong, giữa các bộ được treo lại có một khoảng trống nho nhỏ. Marek đi hết cái này đến cái kia, kiểm tra túi, nhưng anh ta vẫn không thấy nó. Có lẽ nó không có ở đây, anh ta nghĩ thế. Có lẽ thầy đã mang nó tới New Mexico.

Có một chiếc bàn làm việc nằm đối diện cửa ra vào. Anh ta mở ngăn kéo trên cùng ra: những đồng xu đặt trong những chiếc đĩa nhỏ, những tập đô la Mỹ buộc bằng dây thun, và vài thứ đồ cá nhân khác, gồm một con dao, một chiếc bút và một chiếc đồng hồ dự trữ – chẳng có gì bất thường cả.

Rồi anh ta nhìn thấy một cái hộp nhựa, được đút vào một góc. Anh ta lấy cái hộp và mở nó ra. Trong đó đựng kính. Anh ta đặt cặp kính lên mặt tủ.

Mắt kính là loại hai tròng, hình ô van.

Anh ta thọc tay vào túi áo và lấy một cái túi nhựa ra. Nghe thấy một tiếng cạch phía sau lưng, anh quay đầu lại và thấy Kate Erickson đang vào.

“Xem đồ lót của thầy à?” cô nói, nhướn mày. “Tôi thấy đèn hắt lên từ dưới khe cửa. Thế là tôi qua ngó thử.”

“Mà không hề gõ cửa?” Marek nói.

“Còn anh thì đang làm gì ở đây thế?” cô nói. Rồi cô nhìn thấy chiếc túi nhựa. “Đây có phải là thứ ấy không?”

“Đúng rồi đấy.”

Marek lấy miếng kính hai tròng duy nhất ra khỏi chiếc túi nhựa, dùng nhíp kẹp lấy nó, và đặt lên mặt bàn, bên cạnh cặp kính của Giáo sư.

“Không giống hết,” cô nói. “Nhưng tôi có thể nói chắc rằng mắt kính ấy là của thầy.”

“Tôi cũng vậy.”

“Nhưng đây không phải điều anh vẫn nghĩ sao? Tôi muốn nói, thầy là người duy nhất trong đoàn đeo kính hai tròng. Vật rơi ra chắc chắn phải là từ cặp kính của thầy.”

“Nhưng chẳng hề có vật rơi ra nào hết,” Marek nói. “Mắt kính này cổ lắm rồi.”

“Gì cơ?”

“David nói rằng phần rìa màu trắng là do vi khuẩn gây ra. Mắt kính này không phải đồ hiện đại đâu, Kate. Nó là đồ cổ đấy.”

Cô nhìn lại gần hơn. “Không thể nào,” cô nói. “Nhìn cái cách nó được cắt mà xem. Kính của Giáo sư và cái mắt kính này y như nhau. Nó chắc chắn phải là đồ hiện đại.”

“Tôi biết, nhưng David cứ khẳng định rằng nó là đồ cổ.”

“Cổ thế nào?”

“Anh ta không nói được.”

“Anh ta không xác định được tuổi của nó à?”

Marek lắc đầu. “Không đủ vật liệu hữu cơ.”

“Thế trong trường hợp đó,” cô hỏi, “anh vào phòng thầy là vì...”

Cô ngừng lại, nhìn chăm chăm vào cặp kính rồi lại nhìn anh ta. Cô cau mày. “Tôi nhớ anh đã nói dòng chữ ấy là đồ giả, André.”

“Đúng, tôi có nói thế.”

“Nhưng anh cũng đã hỏi liệu David có thể thực hiện xét nghiệm các bon ngay *tối nay* được không, có phải không?”

“Đúng...”

“Và rồi anh đến đây, với miếng kính, vì anh lo lắng...” Cô lắc lắc đầu như thể muốn xua ý nghĩ đó đi, “Về điều gì? Anh nghĩ chuyện gì đang xảy ra vậy?”

Marek nhìn cô. “Tôi hoàn toàn không biết gì hết. Chẳng hiểu được cái gì cả.”

“Nhưng anh đang lo.”

“Phải,” Marek nói. “Tôi lo.”

Rạng sáng ngày hôm sau trời nắng và nóng kinh khủng, mặt trời chói chang, không một gợn mây. Sáng nay Giáo sư không hề gọi điện. Marek đã gọi cho ông hai lần, nhưng vẫn chỉ là hộp thoại trả lời tự động: “Xin để lại lời nhắn, tôi sẽ gọi lại cho bạn.”

Cũng chẳng có thêm tin gì từ phía Stern. Khi gọi cho phòng thí nghiệm ở Les Eyzies họ được thông báo là anh ta đang bận. Một kỹ thuật viên đã nói đầy bực tức, “Anh ta lại lặp lại các xét nghiệm lần nữa! Ba lần rồi đấy!”

Tại sao? Marek băn khoăn. Anh ta đã nghĩ đến chuyện tự đi tới Les Eyzies để xem xem thế nào – chỉ là một quãng đường ngắn – nhưng quyết định ở lại nhà kho để phòng Giáo sư gọi lại.

Ông chẳng hề gọi.

Gần trưa, Elsie nói: “Này.”

“Gì thế?”

Cô ấy đang nhìn vào một tờ giấy da khác. “Tờ này được đặt ngay trên tờ giấy của Giáo sư trong cái chõng ấy.”

Marek tiến lại gần. “Nó là cái gì vậy?”

“Nó trông như là dính vết mực từ bút của Giáo sư ấy. Nhìn này, đây và đây thấy chưa?”

Marek nhún vai. “Thầy có lẽ đã nhìn vào cái này ngay trước khi viết lời nhắn kia.”

“Nhưng chúng ở bên lề,” cô ấy nói, “gần như một lời ghi chú ấy.”

“Ghi chú cái gì chứ?” anh ta nói: “Tài liệu này là về cái gì vậy?”

“Nó là một bản viết về lịch sử tự nhiên,” cô nói. “Một bài viết của thầy tu nào đó về một dòng sông ngầm. Nói là anh phải thận trọng ở rất nhiều điểm, chú ý bước chân, cứ thế cứ thế.”

“Một dòng sông ngầm...” Marek chẳng quan tâm. Các thầy tu là học giả của vùng, và họ thường viết những bài ngắn về địa lý địa phương, hay nghề mộc, thời điểm thích hợp để chiết cây ăn quả, làm thế nào để trữ hạt

giống tốt vào mùa đông, vân vân và vân vân. Chúng toàn những trò gậy tò mò, và thường chẳng đúng gì hết.

“ ‘Marcellus giữ chìa khóa’,” cô nói trong khi đọc bản viết ấy. “Không biết nó có ý nghĩa gì nhỉ. Nó ở ngay chỗ Giáo sư đặt dấu ghi chú. Rồi... gì đó về... chân khổng lồ... không... chân của người khổng lồ?... Cái chân của người khổng lồ? Và nó viết là *vivix*, là tiếng Latin của... để xem nào... Đó là một từ mới...”

Cô tra từ điển.

Đầy vẻ bồn chồn, Marek bỏ ra ngoài, cứ hết đi lên rồi lại đi xuống. Anh ta thực sự rất băn khoăn, lo lắng.

“Thật kỳ,” cô nói, “chẳng hề có từ *vivix*. Ít nhất là cũng không trong cuốn từ điển này.” Cô ghi chép lại một cách rất cẩn thận.

Marek thở dài.

Thời gian cứ chậm chạp trôi qua.

Giáo sư không hề gọi lại.

Rốt cuộc cũng tới ba giờ: các sinh viên đang đi về phía lều lớn để nghỉ giữa buổi. Marek đứng bên cánh cửa và nhìn họ. Họ đầy vẻ vô tư lự, cười cười nói nói, huých lẫn nhau, trêu chọc nhau.

Chuông điện thoại reo. Anh ta lập tức quay vào trong. Elsie đang cầm máy. Anh ta nghe thấy cô nói “Phải, anh ấy hiện đang ở chỗ tôi...”

Anh ta chạy vội vào phòng. “Giáo sư à?”

Cô lắc đầu. “Không. Ai đó từ ITC ấy.”

Và cô đưa điện thoại cho anh.

“André Marek xin nghe,” anh ta nói.

“Ồ vâng. Xin hãy giữ máy, anh Marek. Tôi được biết là ngài Doniger rất muốn được nói chuyện với anh.”

“Ông ấy muốn thế à?”

“Vâng. Chúng tôi đã cố gọi cho anh vài giờ rồi. Xin giữ máy đợi tôi tìm ông ấy.”

Một hồi dài chờ đợi. Một bản nhạc cổ điển nào đó được phát. Marek đặt tay lên che ống nghe rồi nói với Elsie, “Doniger đấy.”

“Này,” cô nói. “Anh lột mắt xanh rồi đấy. Đích thân ông ta gọi đấy nhé.”

“Sao Doniger lại phải gọi cho tôi nhỉ?”

Năm phút sau, anh ta vẫn đang giữ máy thì Stern phóng vào phòng, lắc đầu quày quật. “Mọi người không tin nổi chuyện này đâu.”

“Hả? Cái gì cơ?” Marek nói, giữ lấy ống nghe.

Stern chỉ dúm vào tay anh ta một mảnh giấy. Nó ghi:

638 ± 47 BP<sup>22</sup>

“Cái này là cái gì?” Marek nói

“Tuổi của mực.”

“Anh đang nói cái gì vậy?”

“Mực trên tấm giấy da ấy.” Stern nói. “Nó sáu trăm ba mươi tám năm tuổi đấy, sai số khoảng bốn mươi bảy năm.”

“Cái gì?” Marek nói.

“Đúng mà. Mực này là từ năm 1361 Công Nguyên.”

“Gì cơ?”

“Tôi biết, tôi biết,” Stern nói. “Nhưng bọn tôi đã làm xét nghiệm ba lần rồi đấy. Chẳng có lẫn tẩn gì hết. Nếu Giáo sư đã thực sự viết cái đó thì thầy đã viết nó sáu trăm năm trước đấy.” Marek lật tờ giấy lên. Ở mặt bên kia, nó viết:

AD 1361 ± 47 năm

Trên điện thoại, bản nhạc tắt phụt với một tiếng cạch, và một giọng nói khá căng thẳng cất lên: “Tôi là Bob Doniger. Anh Marek đấy phải không?”

“Vâng,” Marek nói.

“Anh có thể không nhớ, nhưng chúng ta đã gặp nhau vài năm trước khi tôi tới thăm khu khai quật.”

“Tôi nhớ rất rõ,” Marek nói.

“Tôi gọi về chuyện Giáo sư Johnston. Chúng tôi đang rất lo lắng cho sự an toàn của ông ấy.”

“Thầy bị mất tích sao?”

“Không, ông ấy không bị mất tích. Chúng tôi biết đích xác ông ấy đang ở đâu.”

Có gì đó trong giọng nói của gã làm Marek lạnh cả sống lưng. Marek nói, “Thế tôi có thể nói chuyện với thầy được không?”

“Lúc này thì không được, tôi e là thế.”

“Giáo sư đang gặp nguy hiểm sao?”

“Khó nói lắm. Tôi hy vọng là không. Nhưng chúng tôi sẽ cần tới sự giúp đỡ của anh và đoàn khảo cổ. Tôi đã cho máy bay đến đón mọi người rồi.”

\*

\*

Marek nói, “Ông Doniger, chúng tôi nhận được một tin nhắn của Giáo sư Johnston mà có vẻ được viết từ sáu trăm năm trước...”



“Không nên nói chuyện qua di động,” Doniger ngắt lời anh ta. Nhưng Marek nhận thấy rằng gã chẳng có vẻ gì là ngạc nhiên hết. “Giờ ở Pháp là ba giờ chiều, đúng không?”

“Mới vừa quá một chút, đúng.”

“Được rồi,” Doniger nói. “Chọn ba người nắm rõ vùng Dordogne nhất trong đội của anh. Lái xe tới sân bay ở Bergerac. Không phải chuẩn bị gì hết. Chúng tôi sẽ cung cấp tất cả những gì cần thiết khi mọi người đến đây. Máy hay hạ cánh lúc sáu giờ chiều, theo giờ chỗ các anh, và sẽ đưa mọi người về lại New Mexico. Thế là rõ rồi chứ nhỉ?”

“Phải, nhưng....”

“Tôi sẽ gặp anh sau.”

Và Doniger cúp máy.

\*

\*

David Stern nhìn Marek. “Tất cả chuyện này là gì vậy?”

Marek nói, “Đi lấy hộ chiếu đi.”

“Gì cơ?”

“Đi lấy hộ chiếu đi. Rồi quay lại mang theo xe nhé.”

“Chúng ta định đi đâu à?”,

“Ừ, phải,” Marek nói.

Và anh ta đi ra lấy điện đàm.

\*

\*

Từ thành lũy của lâu đài La Roque, Kate Erickson nhìn xuống khu sân trong, khu vực trung tâm rộng rãi cỏ dại mọc đầy của tòa lâu đài, sáu mét phía dưới. Bãi cỏ ngập đầy du khách với đủ các quốc tịch, tất cả đều mặc đồ chóc và quần soóc. Máy ảnh tanh tách từ mọi hướng.

Phía bên dưới, cô nghe thấy tiếng một cô bé nói, “Lại một tòa lâu đài khác. Sao chúng ta cứ phải đi xem hết mấy tòa lâu đài ngu ngốc này vậy, mẹ?”

Người mẹ nói, “Vì cha thích.”

“Nhưng chúng y hết nhau mà mẹ.”

“Mẹ biết, con yêu...”

Người cha, ở cách đó một quãng ngắn, đang đứng bên trong những bức tường thấp bao lấy nơi đã từng là một căn phòng. “Và đây,” ông ta nói với gia đình mình, “từng là đại sảnh đấy.”

Nhìn xuống, Kate thấy ngay lập tức là không phải thế. Người đàn ông đó đang đứng trong phế tích của một căn phòng bếp. Rõ ràng từ ba cái bếp lò vẫn còn đang lộ đứng cạnh tường bên trái. Và cái ống cống bằng đá đưa nước vào vẫn có thể được thấy rõ phía sau nơi người đàn ông đó đang đứng.

“Xưa người ta thường làm gì ở đại sảnh vậy ạ?” cô bé hỏi.

“Đây là nơi họ tổ chức các bữa tiệc, và nơi những hiệp sĩ đến chúc mừng và tỏ lòng thành kính với đức vua.”

Kate thờ dài ngao ngán. Chẳng có bằng cứ nào chứng tỏ là có một vị vua nào đó đã từng đến thăm La Roque. Ngược lại, các tài liệu chứng tỏ rằng nó đã luôn là một lâu đài tư nhân, được xây vào thế kỷ mười một bởi một người nào đó tên là Armand de Cléry, và sau đó được xây lại gần hết vào đầu thế kỷ mười bốn, với một vòng tường ngoài nữa, và thêm vài cây cầu kéo. Phần làm thêm đó là tác phẩm của một hiệp sĩ tên là François le Gros, hoặc Francis Béo, khoảng năm 1302.

Tên như vậy nhưng François lại là một hiệp sĩ người Anh, và ông ta đã xây lâu đài La Roque theo lối cách tân kiểu Anh của Vua Edward đệ nhất. Những tòa lâu đài được xây dựng theo kiểu thời Vua Edward đều rất rộng, với những khu sân trong bao la và những khu thư giãn tuyệt diệu cho chủ nhân của nó. Điều này làm hài lòng François, một người rõ ràng là rất yêu cái đẹp, đồng thời lại khá lười biếng, và đầy khả năng gặp rắc rối về vấn đề tiền bạc. François đã bị buộc phải thế chấp tòa lâu đài của mình, và sau đó phải bán tháo nó đi. Trong Cuộc chiến một trăm năm, La Roque bị một loạt các hiệp sĩ kiểm soát. Nhưng sự vững chãi của nó thì không hề bị suy yếu: tòa lâu đài không bao giờ bị chiếm đóng mà chỉ bị đem ra đổi chác.

Về phần đại sảnh, cô thấy nó ở xa xa bên phía tay trái, đổ nát thảm hại, nhưng vẫn còn có những dấu hiệu rất rõ ràng của một căn phòng lớn hơn nhiều, phải dài tới ba mươi mét. Lò sưởi khổng lồ – cao gần ba mét và rộng hơn ba mét rưỡi – vẫn còn rất rõ ràng. Kate biết rằng bất cứ đại sảnh nào với kích cỡ lớn thế này đều có tường đá và mái vòm gỗ. Và đúng thế, khi nhìn quanh, cô thấy những vết cắt vào đá ở tít trên cao, để giữ những thanh cột gỗ khổng lồ nằm ngang. Rồi sẽ phải có những thanh ngang đặt phía trên nữa, để đỡ cho phần mái.

Một nhóm du khách người Anh chen qua cô trên bờ thành chật hẹp. Cô nghe tiếng người hướng dẫn viên du lịch nói, “Thành lũy này được Hiệp sĩ Francis Xấu Xa cho xây vào năm 1363. Francis là một kẻ cực kỳ xấu xa tệ hại. Hắn thích tra tấn đàn ông và phụ nữ, thậm chí cả trẻ con, trong những căn hầm tối tăm rộng lớn. Giờ nhìn sang trái, mọi người sẽ thấy nơi phu nhân de Renaud đã rơi xuống mà chết vào năm 1292, nhục nhã vì đã mang thai đứa con của người trông coi chuồng ngựa. Nhưng bà ấy tự ngã hay là bị ông chồng cuồng nộ đẩy xuống thì vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi...”

Kate thở dài. Họ lấy những thứ như thế này từ đâu vậy? Cô quay lại với cuốn sổ phác thảo, cô đã vẽ vào đó những nét bao quát của khu tường thành. Tòa lâu đài này cũng có những lối đi bí mật Nhưng Francis Béot là một kiến trúc sư đại tài. Những đường hầm của ông ta hầu hết là để phòng thủ. Một đường hầm chạy từ thành xuống sau bức tường xa của đại sảnh, qua mặt sau

của lò sưởi. Một đường hầm khác chạy theo các lỗ chân mai ở thành lũy phía Nam.

Nhưng đường hầm quan trọng nhất vẫn còn đang lẫn khuất đâu đó. Theo Froissart, một học giả thế kỷ mười bốn, lâu đài La Roque chưa bao giờ bị đánh chiếm vì những kẻ tấn công không thể tìm được đường hầm bí mật dẫn thức ăn và nước uống vào thành. Người ta đồn rằng đường hầm bí mật này dẫn tới mạng lưới hang động ở khu đá vôi bên dưới tòa lâu đài; nó cũng dẫn đến một nơi nào đó và kết thúc ở một lối ra bị che khuất đâu đó trên vách đá.

Nơi nào đó.

Cách dễ nhất để tìm ra nó bây giờ là xác định xem nó kết thúc ở đâu trong tòa lâu đài và từ đó lần ngược lại. Nhưng để tìm được cái lối đó, cô cần có trợ giúp về mặt kỹ thuật. Có lẽ phương pháp tốt nhất là dùng ra đa ngầm. Nhưng để làm được điều đó, cô cần tòa lâu đài phải hoàn toàn trống rỗng. Nó đóng cửa vào các thứ Hai; họ có thể làm thế vào thứ Hai tới, nếu...

Điện đàm của cô bỗng kêu lên, "Kate?"

Là Marek.

Cô đưa chiếc điện đàm lên gần mặt, ấn nút trả lời. "Ừ, Kate đây."

"Quay về nhà chính ngay. Khẩn cấp."

Và anh ta tắt máy.

\*

\*

Ba mét dưới mặt nước, Chris Hughes nghe thấy tiếng máy điều áp ầm ầm trong khi anh đang chinh dây giữ mình cố định trên dòng chảy của sông Dordogne. Nước hôm nay khá trong, sâu khoảng bốn mét, và anh có thể thấy toàn bộ cột tháp dừng lại trước một chuỗi những tảng đá mặt cắt lớn

chạy thẳng cắt ngang lòng sông. Những tảng đá này là phần sót lại của nhịp cầu.

Chris lườn theo dải đá này, chậm rãi xem xét các phiến đá. Anh đang tìm những rãnh cắt hoặc khía có thể giúp mình xác định xem gỗ đã được dùng ở đâu. Thỉnh thoảng, anh lại thử lật một tảng đá lên, nhưng rất khó làm thế dưới nước vì anh không có điểm tựa.

Trên mặt nước, anh có một cái bè nổi bằng nhựa với một cái đuôi nheo sọc đỏ của thợ lặn. Nó ở đó để giúp anh tránh mấy người đi dạo bằng xuồng. Ít nhất thì, ý tưởng cũng là thế.

Anh đột nhiên thấy mình bị giật lại, kéo lên từ đáy sông. Anh trôi lên trên mặt nước và đập đầu vào mạn một chiếc xuồng. Người chèo xuồng đang để chiếc xuồng trôi xuôi dòng, quất vào mặt anh tiếng gì đó như tiếng Đức.

Chris giật cái ống thở ra và nói, “Để cái đó yên có được không?”

Anh được trả lời bằng một tràng tiếng Đức liến thoắng. Người chèo xuồng chỉ tay một cách tức giận về phía bờ.

“Nghe này, ông bạn, tôi không biết là ông định...”

Người đàn ông cứ tiếp tục la hét và chỉ tay về phía bờ, ngón tay chọc thẳng vào không khí.

Chris quay lại nhìn.

Một trong những sinh viên đang đứng trên bờ, cầm một cái điện đàm. Cậu ta đang gào lên. Mất một lúc Chris mới hiểu được. “Marek gọi anh lại vào trại. Ngay bây giờ.”

“Chúa ạ, nửa tiếng nữa được không, chờ tôi xong...”

“Anh ấy nói là *ngay bây giờ*.”

Những đám mây xám xịt lơ lửng trên dãy núi mặt bàn, và trời trông có vẻ như sắp mưa vậy. Trong văn phòng của mình, Doniger đập máy và nói, “Họ đã đồng ý đến rồi.”

“Tốt quá,” Diane Kramer nói. Cô đang đứng đối diện với gã, quay lưng về phía những ngọn núi. “Chúng ta cần họ giúp.”

“Không may là,” Doniger nói, “đúng vậy.” Gã đứng dậy khỏi bàn làm việc và bắt đầu đi đi lại lại. Gã luôn đứng ngồi không yên khi phải nghĩ ngợi.

“Tôi chỉ không hiểu tại sao khi ấy chúng ta lại để lạc Giáo sư thế,” Kramer nói. “Ông ta chắc là đã bước vào thế giới đó. Anh đã nói ông ta không được làm thế. Anh đã bảo ông ta ngay từ đầu là không được đi. Thế mà rồi ông ta lại lọt vào cái thế giới đó.”

“Chúng ta đều không biết chuyện gì đã xảy ra,” Doniger nói. “Chúng ta chẳng biết cái quái gì hết.”

“Trừ việc là ông đã viết lời nhắn đó,” Kramer nói.

“Phải. Theo lời Kastner. Cô nói chuyện với cô ấy khi nào vậy?”

“Tối hôm qua,” Kramer nói. “Cô ấy gọi cho tôi ngay khi biết tin. Cô ấy đã luôn là một mối tin cậy của chúng ta, và cô ấy...”

“Đừng bận tâm,” Doniger nói, xua tay với vẻ khó chịu. “Đấy không phải việc chính.”

Đó là cụm từ gã luôn sử dụng khi có việc gì đó làm mình thấy không thỏa đáng. Kramer nói, “Thế việc chính là gì?”

“Đưa ông ta trở lại,” Doniger nói. “Chúng ta nhất thiết phải đưa người đàn ông đó quay trở lại. Việc chính đấy.”

“Không phải bàn rồi,” Kramer nói. “Nhất thiết.”

“Nói thật nhé, tôi nghĩ lão khảm già ấy là một thằng bựa,” Doniger nói. “Nhưng nếu chúng ta không đưa lão về lại được, thì đó sẽ là một cơn ác mộng PR đấy.”

“Phải. Một cơn ác mộng.”

“Nhưng tôi có thể giải quyết được,” Doniger nói.

“Anh có thể giải quyết được, tôi chắc chắn mà.”

Suốt những năm qua, Kramer đã hình thành một thói quen là lặp lại tất cả những gì Doniger nói khi gã đang trong “tâm trạng đi đi lại lại”. Với người ngoài cuộc, đây có vẻ như là nịnh nọt vậy, nhưng Doniger thấy nó rất có ích. Thường thì, khi Doniger thấy cô nói lại, gã sẽ phản đối ngay. Kramer hiểu rằng trong quá trình này, cô chỉ là một người ngoài cuộc. Nó có vẻ như là một cuộc nói chuyện của hai người, nhưng thực ra không phải vậy. Doniger chỉ đang độc thoại thôi.

“Vấn đề,” Doniger nói, “là chúng ta đang gia tăng số lượng người ngoài biết về công nghệ này, nhưng chẳng thu lại được gì tương xứng cả. Cứ theo tất cả những điều chúng ta biết, những nghiên cứu sinh đó cũng chẳng đưa ông ta về được đâu.”

“Cơ hội của họ lớn hơn đấy.”

“Chỉ là giả thuyết thôi.” Gã lại đi tiếp. “Thấp lắm.”

“Tôi đồng ý, Bob. Thấp lắm.”

“Còn đội tìm kiếm cô gửi đi thì sao? Cô gửi những ai?”

“Gomez và Baretto. Họ chẳng thấy Giáo sư đâu hết.”

“Họ đi được bao lâu rồi?”

“Tôi nghĩ là một tiếng.”

“Họ không tiến vào thế giới đó à?”

Kramer lắc đầu. “Sao phải mạo hiểm thế? Chẳng để làm gì. Họ là một đội cựu lính thủy đánh bộ, Bob. Họ cũng chẳng biết phải tìm ở đâu nếu có vào đó đi chẳng nữa. Họ thậm chí còn chẳng biết phải sợ cái gì. Đó là một thế giới hoàn toàn khác.”

“Nhưng những nghiên cứu sinh đó có thể biết phải tìm ở đâu.”

“Đấy là mình nghĩ thế,” Kramer nói.

Sấm ầm vang phía xa. Giọt mưa nặng hạt đầu tiên trượt lên những tấm kính cửa sổ. Doniger nhìn chăm chăm vào cơn mưa. “Nếu như chúng ta cũng mất cả những nghiên cứu sinh kia thì sao?”

“Một cơn ác mộng PR.”

“Có lẽ,” Doniger nói. “Nhưng chúng ta phải chuẩn bị cho mọi tình huống.”



Động cơ máy bay vẫn rền vang khi chiếc Gulfstream V lăn về phía họ, dòng chữ “ITC” viết hoa màu bạc nổi lên ở phần đuôi. Cầu thang hạ xuống, và một tiếp viên mặc đồng phục trải một cuộn thảm đỏ chạy xuống tận chân cầu thang.

Mấy nghiên cứu sinh cứ đứng nhìn.

“Không đùa chứ,” Chris Hughes nói. “Đó thực sự là một tấm thảm đỏ đấy.”

“Đi nào,” Marek nói, Anh ta quàng chiếc ba lô qua vai và dẫn họ lên máy bay.

Marek đã từ chối trả lời mọi câu hỏi của họ, coi như không biết gì hết. Anh ta nói với họ kết quả của mẫu giám định các bon. Anh ta nói với họ là mình chẳng thể giải thích được vì sao lại thế. Anh ta cũng nói với họ là ITC muốn họ tới giúp Giáo sư, và việc đó rất cấp thiết. Ngoài ra thì anh ta chẳng nói gì thêm nữa. Và anh ta nhận thấy rằng cả Stern cũng cứ im thin thít.

Vào bên trong, chiếc máy bay toàn màu xám và bạc. Cô tiếp viên hỏi họ muốn uống gì. Tất cả những thứ xa hoa sang trọng này đối nghịch với người đàn ông trông rảnh rỗi với mái tóc hoa râm cắt gọn đang đi tới chào họ. Dù người đàn ông đó mặc một bộ vét thương gia, Marek vẫn nhận ra vẻ quân nhân khi anh ta bắt tay mỗi người bọn họ.

“Tên tôi là Gordon,” anh ta nói. “Phó chủ tịch của ITC. Chào mừng lên máy bay. Thời gian bay tới New Mexico là chín tiếng bốn mươi phút. Tốt hơn là nên thắt dây an toàn nhé.”

Họ vừa ngồi phịch xuống ghế thì đã cảm thấy chiếc máy bay bắt đầu chuyển động trên đường băng. Một lát sau, động cơ đã rú lên, Marek nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy vùng đồng quê nước Pháp đã ở lại phía sau.

\*

\*

Tình hình có thể còn tệ hơn ấy chứ, Gordon nghĩ khi đang ngồi ở phía đuôi máy bay và nhìn vào đội khảo cổ. Đúng thật, họ đều là những học giả. Họ có hơi bối rối một chút. Và chẳng hề có cảm giác gì về một nhóm hay sự hợp tác giữa họ.

Nhưng mặt khác, tất cả họ dường như đều có thể trạng khá tốt, đặc biệt là anh chàng ngoại quốc, Marek. Anh ta trông rất cường tráng. Và người phụ nữ cũng không tệ. Bắp tay khá rắn chắc, bàn tay chai sạn. Cách ứng xử đầy tự tin. Nên có lẽ cô ta có thể chịu được áp lực, anh nghĩ thế.

Nhưng cái cậu nhóc trông bắt mắt thì có vẻ khá vô dụng. Gordon thờ dãi khi thấy Chris nhìn ra ngoài cửa sổ, bắt gặp hình ảnh phản chiếu của mình trên tấm gương và lấy tay vuốt ngược mái tóc.

Và Gordon cũng không thể đoán định được cậu nhóc thứ tư, cậu một sách. Cậu ta rõ ràng là có dành thời gian ra ngoài; quần áo bạc phếch và kính thì rạn. Nhưng Gordon cũng nhận ra rằng cậu ta là một người thạo công nghệ. Biết tất cả mọi thứ về trang thiết bị và mạch điện, nhưng chẳng biết chút gì về thế giới. Khó nói được là cậu ta sẽ hành xử thế nào khi có chuyện.

Người to cao, Marek nói, “Anh có định nói cho chúng tôi biết là có chuyện gì đang xảy ra không?”

“Tôi nghĩ anh đã biết rồi, anh Marek,” Gordon nói. “Không phải sao?”

“Tôi có một mảnh giấy có niên đại sáu trăm năm với chữ viết của Giáo sư trên đó. Bằng loại mực sáu trăm năm tuổi.”

“Phải. Đúng là các anh có nó đấy.”

Marek lắc đầu. “Nhưng nó khó tin quá.”

“Vào lúc này,” Gordon nói, “nó đơn giản là một hiện thực công nghệ mà thôi. Nó có thật đấy. Nó có thể xảy ra thật đấy.” Anh đứng khỏi ghế và đi ra ngồi cùng cả nhóm.

“Anh muốn nói về chuyện du hành vượt thời gian,” Marek nói.

“Không,” Gordon nói. “Tôi không ám chỉ gì đến du hành vượt thời gian hết. Du hành thời gian là không thể. Tất cả mọi người đều biết chuyện đó.”

\*

\*

“Bản thân khái niệm du hành vượt thời gian chẳng có ý nghĩa gì hết, vì thời gian không trôi đi. Việc chúng ta nghĩ rằng thời gian có trôi chỉ là một sự lầm lẫn trong hệ thống thần kinh của chúng ta mà thôi – về cái cách mọi thứ diễn ra trong mắt chúng ta. Thực tế, thời gian không hề trôi đi; chúng ta mới trôi đi. Bản thân thời gian là bất biến. Bản chất nó vẫn là thế. Vì thế, quá khứ và tương lai không phải là những địa điểm cách biệt, New York và Paris mới là những địa điểm cách biệt. Và vì quá khứ không phải là một địa điểm cụ thể, nên chúng ta không thể du hành đến đó được.”

Tất cả đều im lặng. Họ chỉ nhìn chăm chăm vào anh ta,

“Phải thật rõ ràng về việc này,” Gordon nói. “Công nghệ của ITC chẳng liên quan gì đến du hành vượt thời gian hết, ít nhất là không theo cách trực tiếp. Thứ chúng tôi đang nghiên cứu phát triển là một dạng du hành vượt không gian. Nói chính xác, chúng tôi dùng công nghệ lượng tử để tạo sự biến đổi tọa độ đa vũ trụ trực giao.”

Họ dần mặt nhìn anh.

“Nghĩa là,” Gordon nói, “chúng ta có thể du hành tới một địa điểm khác ở trong vùng không gian đa vũ trụ.”

“Và đa vũ trụ là gì vậy?” Kate nói.

“Vùng không gian đa vũ trụ là thế giới được định nghĩa bởi thuyết cơ học lượng tử.”

“Thuyết cơ học lượng tử?” Chris nói. “Cơ học lượng tử là cái gì?”

Gordon ngừng lại. “Khá là khó giải thích. Nhưng vì mọi người là các nhà sử học,” Gordon nói, “để tôi giải thích nó theo kiểu lịch sử nhé.”

\*

\*

“Một trăm năm trước,” Gordon nói. “Các nhà vật lý nghĩ rằng năng lượng – như ánh sáng, từ trường hay điện – được truyền dưới dạng sóng liên tục. Chúng ta vẫn hay nói tới sóng vô tuyến và sóng ánh sáng. Trên thực tế, việc nhận ra rằng tất cả các dạng năng lượng đều có cùng bản chất sóng là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của vật lý học thế kỷ mười chín.

Nhưng có một vấn đề nhỏ. Hóa ra là nếu anh chiếu đèn lên một mặt kim loại, anh sẽ có một dòng điện. Nhà vật lý học Max Planck đã nghiên cứu mối liên hệ giữa lượng ánh sáng chiếu lên lá kim loại và lượng điện được tạo ra, và ông ta đã rút ra kết luận rằng năng lượng không có dạng sóng truyền liên tục. Thay vào đó, năng lượng dường như được cấu tạo từ những hạt đơn lẻ riêng biệt, ông gọi mỗi hạt đó là một hạt lượng tử. Khám phá ra năng lượng có dạng hạt lượng tử là khởi nguồn của vật lý lượng tử. “Vài năm sau, Einstein chỉ ra rằng ta có thể giải thích được các hiện tượng quang điện bằng việc giả thiết rằng ánh sáng được tạo nên từ các hạt, mà ông gọi là các photon. Các photon ánh sáng này đập vào lá kim loại và đánh bật các hạt electron ra, tạo thành dòng điện. Xét về mặt toán học thì các đẳng thức đều đúng. Chúng ứng với cách nghĩ là ánh sáng được tạo thành từ các hạt. Đến giờ vẫn hiểu cả chứ?”

“Ừm...”

“Và chẳng mấy chốc, các nhà vật lý bắt đầu nhận ra rằng không chỉ ánh sáng, mà tất cả các loại năng lượng đều có cấu tạo dạng hạt. Thực tế, tất cả các dạng vật chất trong vũ trụ đều có cấu tạo dạng hạt. Nguyên tử cấu tạo từ các hạt nặng trong hạt nhân nguyên tử, các hạt electron nhẹ thì chuyển động

xung quanh ở phía ngoài. Do đó, theo như cách nghĩ mới thì, vạn vật đều được cấu tạo từ các hạt. Được chứ?”

“Được rồi...”

“Các hạt ở đây là những đơn vị rời rạc, gọi là lượng tử. Và lý thuyết mô tả sự vận động của những hạt này được gọi là thuyết lượng tử. Một phát hiện quan trọng của vật lý thế kỷ hai mươi.”

Tất cả đều gập đầu.

“Các nhà vật lý học tiếp tục nghiên cứu những hạt này, và bắt đầu nhận ra rằng chúng là những thực thể rất kỳ lạ. Anh không thể biết chắc được chúng ở đâu, anh không thể đo đạc chúng một cách chính xác được, và anh càng không thể dự đoán được chúng sẽ làm gì. Thỉnh thoảng chúng hoạt động như các hạt, thỉnh thoảng như sóng. Thỉnh thoảng hai hạt lại tương tác với nhau dù chúng ở cách nhau tới hàng triệu dặm, và chẳng có mối liên hệ nào giữa chúng hết. Và cứ thế cứ thế. Lý thuyết này bắt đầu có vẻ đã trở nên kỳ cục.

Và giờ, có hai vấn đề xảy đến với lý thuyết lượng tử. Đầu tiên là nó đã được thừa nhận, rất nhiều lần. Nó là lý thuyết được chứng minh nhiều nhất trong lịch sử khoa học. Các máy quét ở siêu thị, laser và chip máy tính đều dựa vào ứng dụng thuyết lượng tử. Thế nên chẳng có nghi ngờ gì rằng thuyết lượng tử là cách mô tả toán học chính xác nhất về vũ trụ.

Nhưng vấn đề là, nó *chỉ* là một cách mô tả toán học mà thôi. Nó chỉ là một tập hợp các phương trình. Và các nhà vật lý học không thể hình dung ra cái thế giới được mô tả từ các phương trình kia – nó quá kỳ cục, quá mâu thuẫn. Einstein là một minh chứng cụ thể, ông không hề thích chuyện đó. Ông nghĩ rằng như thế có nghĩa là lý thuyết đó chưa hoàn hảo. Nhưng lý thuyết lại cứ được thừa nhận liên tục, và mọi sự cứ càng ngày càng xấu đi. Cuối cùng, thậm chí cả những nhà khoa học đã đoạt giải Nobel vì những thành tựu cống hiến cho thuyết lượng tử cũng phải thừa nhận rằng họ chẳng hiểu gì về nó hết.

Thế là, chuyện này đã tạo nên một tình huống rất quái lạ. Trong gần như suốt thế kỷ hai mươi, đã tồn tại một lý thuyết về vũ trụ mà tất cả mọi người đều dùng, mà tất cả mọi người đều đồng ý là đúng – nhưng chẳng ai có thể nói cho anh biết là nó đang nói gì về thế giới hết.”

“Tất cả những điều này thì có liên quan gì đến đa vũ trụ không?”

“Tôi sắp nói đến đoạn đó rồi,” Gordon nói.

\*

\*

Gordon nói rằng đã có rất nhiều nhà vật lý học cố diễn giải các phương trình. Mỗi cách diễn giải lại thất bại không vì lý do này thì cũng vì lý do khác. Rồi vào năm 1957, một nhà vật lý học tên là Hugh Everett đã nêu ra một lời giải đáp mới mẻ và đầy táo bạo, Everett tuyên bố rằng vũ trụ của chúng ta – vũ trụ mà chúng ta thấy đây, vũ trụ của đá và cây cỏ và con người và các hệ ngân hà ngoài không gian đây – chỉ là một trong vô số những vũ trụ khác nhau, tồn tại bên cạnh nhau mà thôi.

Mỗi vũ trụ này lại liên tục phân chia, thế nên sẽ có một vũ trụ mà Hitler thất trận, và một vũ trụ khác mà hắn ta thắng; một vũ trụ nơi Kennedy chết, và một vũ trụ khác nơi ông ta sống. Và cũng có một thế giới nơi bạn đánh răng buổi sáng và, một thế giới nơi bạn không làm thế. Và cứ thế, cứ thế, cứ thế. Vô hạn các thế giới.

Everett gọi đây là cách diễn giải “đa thế giới” ứng dụng thuyết lượng tử. Cách giải thích của ông ta hợp với các phương trình lượng tử, nhưng các nhà vật lý học thấy rất khó chấp nhận nó. Họ chẳng thích cái ý tưởng là tất cả các thế giới cứ liên tục phân chia như thế. Họ thấy hiện thực mà lại có cái dạng ấy thì thật không thể tưởng tượng nổi.

“Hầu hết các nhà vật lý học giờ vẫn còn chưa chịu thừa nhận nó,” Gordon nói. “Dù chưa ai chứng minh được là nó sai hết.”

Bản thân Everett cũng chẳng có chút kiên nhẫn nào trước sự phản đối của mấy đồng nghiệp của mình. Ông ta khẳng định là lý thuyết đó đúng, dù anh có thích nó hay không. Nếu anh không tin lý thuyết của ông ta, anh cũng chỉ là kẻ thiếu trí tưởng tượng và cổ hủ lạc hậu y như bọn khoa học gia không tin thuyết nhật tâm của Copernicus – vốn cũng là điều không tưởng vào thời đó. “Vì Everett đã khẳng định rằng khái niệm nhiều thế giới cùng song song tồn tại *thực sự* là đúng. Thực sự *đã có* nhiều vũ trụ. Và chúng chuyển động ngay bên cạnh vũ trụ của chúng ta. Tất cả những vùng vũ trụ này cuối cùng đều được gọi là ‘đa vũ trụ’.”

“Đợi chút,” Chris nói. “Anh đang định nói với chúng tôi rằng chuyện đó là có thật à?”

“Phải,” Gordon nói. “Nó có thật đấy.”

“Sao anh biết được?” Marek nói.

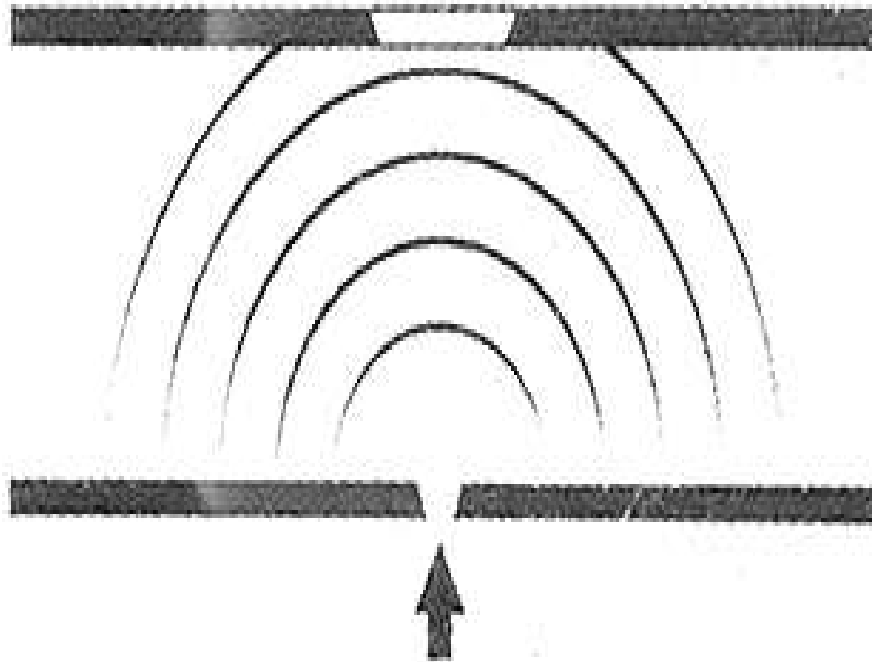
“Tôi sẽ cho mọi người xem,” Gordon nói. Và anh vội lấy một cặp giấy màu nâu có ghi “ITC/Công nghệ CTC”.

\*

\*

Anh lấy ra một tờ giấy trắng trơn, bắt đầu vẽ. “Thí nghiệm rất đơn giản. Nó đã được thực hiện từ hai trăm năm nay rồi. Dựng hai bức tường, bức này trước bức kia. Bức đầu tiên có một đường cắt dọc.”

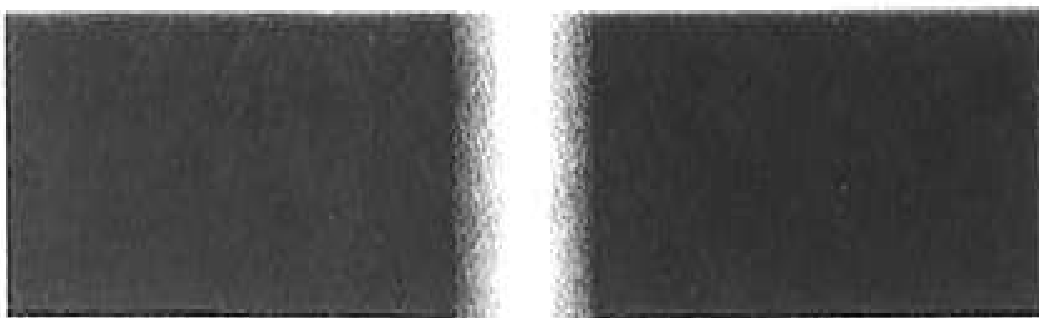
Anh chỉ cho họ bức tranh.



“Giờ ta sẽ chiếu đèn vào giữa đường cắt. Trên bức tường phía sau chúng ta sẽ thấy...”

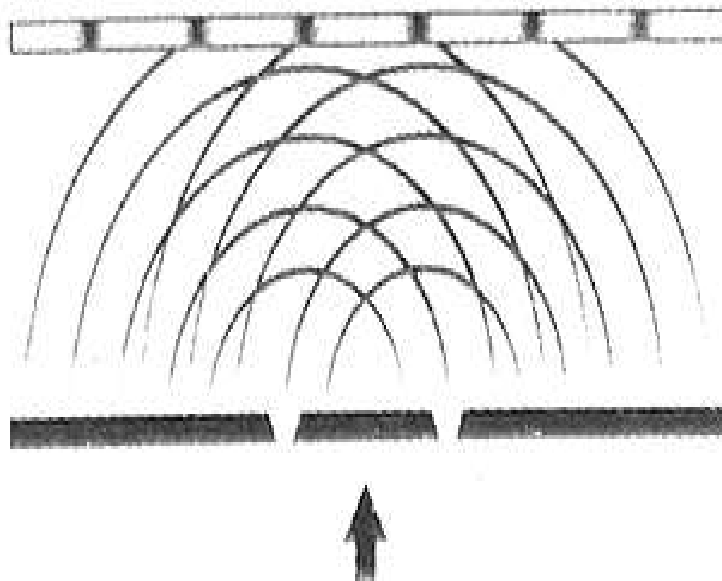
“Một sọc thẳng màu trắng,” Marek nói. “Đến từ ánh sáng đã đâm xuyên qua đường cắt.”

“Chính xác. Nó sẽ trông dạng dạng như thế này.” Gordon lấy một bức ảnh vẽ trên một tấm bìa cứng ra.



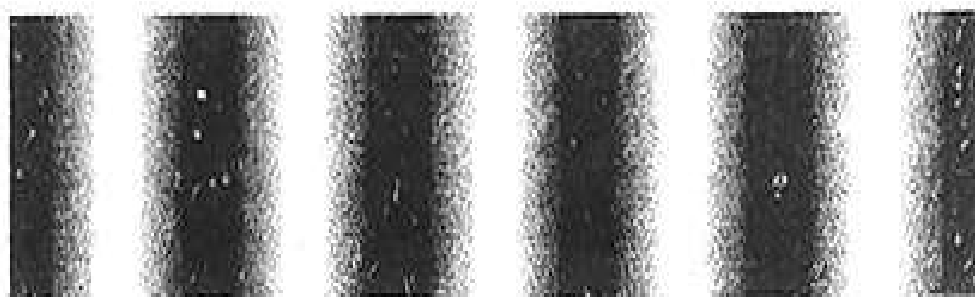


Gordon lại tiếp tục phác thảo. “Giờ, thay vì chỉ có một đường cắt, ta sẽ có một bức tường với *hai* đường cắt. Chiếu đèn lên nó, và trên bức tường phía sau, ta sẽ thấy...”



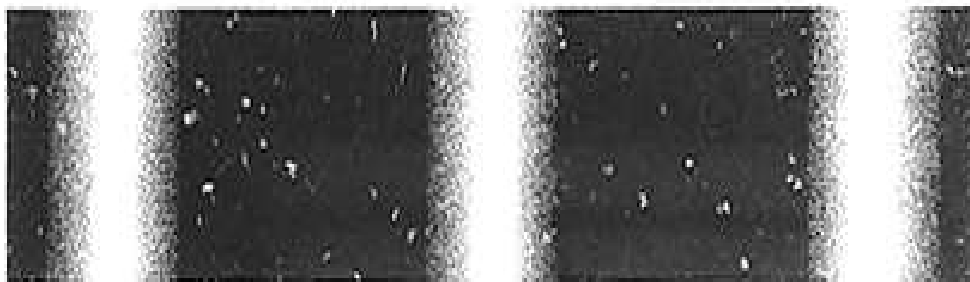
“Hai sọc thẳng dựng đứng,” Marek nói.

“Không. Ta sẽ thấy một chuỗi các sọc sáng và sọc tối.” Anh chỉ cho họ xem.



“Và,” Gordon tiếp tục. “Nếu ta chiếu đèn qua *bốn* đường cắt, ta sẽ chỉ được một nửa số sọc so với lúc trước thôi. Vì những sọc ở vị trí giữa đều

chuyển thành màu đen hết cả rồi.”



Marek chau máy. “Thêm khe thì lại bớt vạch sao? Tại sao lại thế?”

“Lời giải thích thông thường là thứ tôi vừa vẽ – ánh sáng xuyên qua những đường cắt có nguyên lý giống như hai con sóng gối lên nhau. Ở vài chỗ thì chúng hợp lại với nhau, và ở vài chỗ khác thì chúng triệt tiêu nhau. Thế là đã có một chuỗi những sọc sáng tối xen kẽ nhau hiện lên trên bức tường. Chúng ta nói rằng hai sóng đó giao thoa, và đây là một mẫu giao thoa.”

Chris Hughes nói: “Thì sao? Chuyện đó có gì không ổn à?”

“Thứ không ổn,” Gordon nói, “là tôi chỉ mới cho mọi người xem cách lý giải của người thế kỷ mười chín thôi. Nó hoàn toàn có thể chấp nhận được khi tất cả mọi người đều tin rằng ánh sáng có dạng sóng. Nhưng từ thời Einstein, chúng ta đều biết ánh sáng được cấu tạo từ các hạt gọi là photon. Sao ta có thể giải thích được việc một chùm các hạt photon có thể tạo nên mẫu hình này?”

Im lặng. Tất cả đều lắc đầu.

David Stern giờ mới bắt đầu cất tiếng. “Các hạt không đơn giản như anh vừa miêu tả đâu. Các hạt có một vài đặc tính dạng sóng, phụ thuộc vào từng trường hợp. Các hạt cũng có thể giao thoa với nhau. Trong trường hợp này, các photon trong tia sáng giao thoa với nhau để tạo nên cùng một mẫu như trên.”

“Nói thế nghe thì rất logic,” Gordon nói. “Gì thì gì, một tia sáng là tập hợp của hàng tỷ tỷ photon. Chẳng khó hình dung ra là chúng sẽ giao thoa với nhau theo cách này hay cách kia, và tạo ra các mẫu giao thoa.”

Tất cả đều gật đầu. Phải, không quá khó để hình dung ra đâu.

“Nhưng có thật là thế không?” Gordon nói. “Có thật đó là những gì đang diễn ra không? Có một cách để tìm ra, đó là triệt tiêu mọi liên kết giữa các photon. Hãy thử chỉ nghiên cứu một photon một lúc thôi. Việc này đã được thử tiến hành. Ta tạo ra một tia sáng yếu đến nỗi chỉ có duy nhất một photon xuất hiện một lúc. Và ta có thể đặt những thiết bị dò cực nhạy vào phía sau đường cắt – thật nhạy, nhạy đến nỗi chúng có thể nhận ra sự va chạm của một photon. Được chứ?”

Họ gật đầu, lần này chậm hơn một chút.

“Giờ, chẳng còn có giao thoa gì từ những photon khác nữa, vì chúng ta đang chỉ giải quyết có một photon một lúc thôi. Thế nên: những photon cứ đâm xuyên qua, mỗi lần một hạt. Các máy dò ghi lại nơi photon đã dừng lại. Và sau vài giờ, chúng ta đã có được kết quả, một thứ gì đó kiểu thế này.



“Thứ chúng ta đang thấy là các hạt photon riêng biệt chỉ hạ xuống một vài nơi nhất định, và không bao giờ hạ xuống những nơi khác. Chúng hoạt động y hệt như lúc ở trong cả một chùm sáng thông thường. Nhưng chúng đang tiến vào lần lượt từng hạt một. Chẳng có hạt photon nào giao thoa với chúng hết. Nhưng có gì đó đang giao thoa với chúng, vì chúng vẫn đang tạo

ra mẫu giao thoa giống như bình thường. Thế thì cái gì đang giao thoa với những hạt photon đơn lẻ này đây?”

Im lặng.

“Anh Stern?”

Stern lắc đầu. “Nếu ta tính toán tất cả các khả năng...”

“Đừng trốn vào toán học. Cứ ở lại với hiện thực đi. Gì thì gì, thí nghiệm này đã được tiến hành – các photon thật sự, va chạm với những máy dò thật sự. Và có một cái gì đó đã thực sự giao thoa với chúng. Câu hỏi đặt ra, nó là cái gì?”

“Nó hẳn phải là các photon khác,” Stern nói.

“Phải,” Gordon nói, “nhưng chúng ở đâu? Chúng ta có máy dò, và chúng ta không thể phát hiện được bất cứ một photon khác nào. Vậy những photon giao thoa từ đâu mà ra?”

Stern thở hắt ra, “Được rồi,” anh ta nói. Rồi vung hai tay lên.

Chris nói, “Ý anh là sao, Được rồi? Được cái gì?”

Gordon gật đầu với Stern. “Nói cho họ đi.”

“Điều anh ta đang muốn nói là hiện tượng giao thoa đơn photon chứng minh rằng thực tế còn vĩ đại hơn những gì chúng ta thấy trong vũ trụ của mình nhiều. Sự giao thoa vẫn đang diễn ra, nhưng chúng ta không thể nhìn thấy bất cứ nguyên nhân nào trong vũ trụ của mình có thể gây ra nó. Vì thế, các hạt photon gây giao thoa phải nằm ở vũ trụ khác. Và điều đó chứng minh rằng có tồn tại những vũ trụ khác.”

“Chính xác,” Gordon nói. “Và chúng thỉnh thoảng có tương tác với vũ trụ của chính chúng ta.”

\*

\*

“Tôi xin lỗi,” Marek nói. “Anh có thể nói lại được không? Tại sao lại có một vũ trụ nào đó khác tương tác với vũ trụ của chúng ta chứ?”

“Đó là bản chất của đa vũ trụ,” Gordon nói. “Nhớ rằng, trong đa vũ trụ, các vũ trụ liên tục chia tách, có nghĩa là sẽ có rất nhiều vũ trụ khác có điểm tương đồng với vũ trụ của chúng ta. Và những vũ trụ tương đồng thì sẽ tương tác với nhau. Mỗi lần chúng ta tạo một tia sáng trong vũ trụ của chúng ta, những tia sáng khác sẽ đồng thời được tạo ra ở các vũ trụ tương đồng khác, và những photon từ các vũ trụ kia sẽ giao thoa với các photon trong vũ trụ của chúng ta và tạo ra mẫu hình chúng ta vừa thấy đây.”

“Anh đang nói với chúng tôi rằng đó là sự thật phải không?”

“Hoàn toàn thật. Thí nghiệm đó đã được thực hiện rất nhiều lần rồi.”

Marek nhú mào. Kate nhìn chăm chăm vào mặt bàn. Chris gãi gãi đầu.

Cuối cùng David Stern nói, “Không phải tất cả các vũ trụ khác đều tương đồng với vũ trụ của chúng ta chứ?”

“Và tất cả chúng đều *diễn ra cùng lúc* với vũ trụ của chúng ta chứ?”

“Không phải tất cả, không.”

“Thế có nghĩa là sẽ có vài vũ trụ tồn tại ở một giai đoạn thời gian sớm hơn?”

“Phải. Thực tế thì, vì các vũ trụ vô hạn về số lượng, ở mọi điểm thời gian sớm hơn đều có một vũ trụ đang tồn tại.”

Stern nghĩ một thoáng. “Và anh đang định nói với chúng tôi rằng ITC có những công nghệ giúp du hành tới các vũ trụ kia?”

“Phải,” Gordon nói. “Đó là điều tôi đang muốn nói với các bạn.”

“Bằng cách nào?”

“Chúng tôi tạo những hố không-thời gian được nối với nhau bằng bọt lượng tử.”

“Anh muốn nói tới bọt Wheeler<sup>23</sup>? Những biến thiên hạ nguyên tử của không-thời gian?”

“Đúng.”

“Nhưng việc đó là không thể.”

Gordon mỉm cười. “Mọi người sẽ tự tay kiểm chứng được mà. Nhanh thôi. “

“Chúng tôi sẽ? Anh nói thế là có ý gì?” Marek nói.

“Tôi nghĩ là anh đã hiểu,” Gordon nói. “Giáo sư Johnston đang ở thế kỷ mười bốn. Chúng tôi muốn các bạn quay lại đó, đưa ông ấy trở về.”

\*

\*

Chẳng ai nói gì hết. Nữ tiếp viên ấn nút và tất cả các ô cửa sổ trong khoang đều đồng loạt đóng kín lại, chặn hết ánh nắng. Cô đi vòng quanh cabin, đặt chăn và mền lên những chiếc ghế dài, biến chúng thành giường. Mỗi chiếc ghế được đặt một bộ tai nghe với chụp tai lớn ở bên cạnh.

“Chúng ta sẽ quay lại quá khứ à?” Chris Hughes nói. “Bằng cách nào?”

“Chỉ cho mọi người xem thì sẽ dễ hơn nhiều,” Gordon nói. Anh đưa cho mỗi người bọn họ một túi giấy bóng kính đựng viên con nhộng. “Ngay bây giờ, tôi muốn mọi người uống thứ này.”

“Chúng là gì thế?” Chris nói.

“Ba loại thuốc an thần,” anh nói. “Rồi tôi muốn tất cả mọi người nằm xuống và nghe tai nghe. Cứ ngủ nếu mọi người thích. Chuyến bay chỉ kéo dài mười tiếng, nên mọi người cũng chẳng tiếp thu được nhiều lắm đâu. Nhưng ít nhất thì cũng có thể quen được với ngôn ngữ và cách phát âm.”

“Ngôn ngữ gì cơ?” Chris nói, cầm lấy mấy viên thuốc.

“Tiếng Anh cổ, và tiếng Pháp thời Trung cổ.”

Marek nói, “Tôi đã biết những ngôn ngữ đó rồi.”

“Tôi ngờ là anh không biết được cách phát âm chuẩn đâu. Đeo tai nghe vào đi.”

“Nhưng chẳng ai biết cách phát âm chuẩn hết,” Marek nói. Ngay khi nói thế, anh ta nhận ra mình đã nói hớ.

“Tôi nghĩ anh sẽ nhận ra,” Gordon nói, “là *chúng tôi* có biết.”

Chris nằm xuống một chiếc giường. Anh kéo chăn lên và đeo tai nghe vào. Ít nhất chúng cũng át đi tiếng ồn ào của động cơ máy bay.

Những viên thuốc này chắc chắn phải rất mạnh, anh nghĩ, vì anh đột ngột cảm thấy rất thư thái. Anh không thể mở mắt ra được. Anh chăm chú lắng nghe khi băng bắt đầu chạy. Một giọng nói cất lên, “Hít thật sâu. Tưởng tượng bạn đang ở trong một khu vườn ẩm áp và thật tươi đẹp. Mọi thứ đều rất thân thuộc và dễ chịu với bạn. Thẳng trước mặt, bạn thấy một cánh cửa dẫn xuống tầng hầm. Bạn mở cánh cửa. Bạn biết tầng hầm rất rõ, vì đó chính là tầng hầm trong nhà bạn. Bạn bắt đầu bước xuống những bậc đá, tiến vào trong căn hầm ẩm áp và dễ chịu. Từng bước một, bạn nghe thấy những tiếng nói. Bạn thấy chúng thật dễ thương, thật dễ nghe.”

Rồi tiếng nam nữ bắt đầu luân phiên nhau.

“Đưa mũ cho tôi nào, *Yiff may mean haht.*”

“Mũ của anh đây. *Hair baye thynhatt.*”

“Cảm ơn. *Grah mersy.*”

“Không có gì. *Ayeppray thee.*”

Các câu bắt đầu dài hơn. Chẳng mấy chốc Chris đã thấy khó theo kịp họ rồi.

“Tôi lạnh quá. Có áo khoác không? *Ayem chillincold, ee wolld leifer half a coot?*”

Chris từ từ, nhẹ nhàng thả lỏng người vào giấc ngủ với cảm giác rằng mình vẫn đang bước xuống cầu thang máy bay, ngày càng sâu vào một nơi thoải mái, giống như hang động, với những âm thanh vang vang. Anh cảm

thấy thanh thân, mặc dù hai câu cuối cùng nghe được khiến anh thoáng lo lắng:

“Sẵn sàng chiến đấu. *Dicht theesely to ficht.*”

“Gươm của tôi đâu? *Whar beest mee swearde?*”

Nhưng rồi anh thở mạnh ra và chìm vào giấc ngủ.



# **BLACK ROCK**

“Được ăn cả ngã về không.”

GEOFFREY DE CHARNY, 1358

Đêm lạnh và bầu trời tràn ngập ánh sao khi họ từ trong máy bay bước ra đường băng ẩm ướt. Về phía Đông, Marek thấy những đường đen ngòm của núi mặt bàn bên dưới những đám mây chỉ chực sà xuống. Một chiếc Land Cruiser đang đứng đợi bên đường.

Chẳng mấy chốc họ đã lái xe trên đường cao tốc, dọc xuống những hàng cây dày đặc ở cả hai bên đường. “Chính xác là chúng ta đang ở đâu vậy?” Marek nói.

“Khoảng một giờ về phía Bắc Albuquerque,” Gordon nói. “Thành phố gần nhất là Black Rock. Đó là nơi chúng tôi đặt viện nghiên cứu.”

“Có vẻ là một nơi đồng không mông quạnh,” Marek nói.

“Chỉ vào đêm thôi, Thực ra có tới mười lăm công ty phát triển công nghệ cao tại Black Rock cơ. Và dĩ nhiên, Sandia ở ngay cuối đường. Los Alamos cách khoảng một giờ, Xa hơn nữa thì có White Sands.”

Họ tiếp tục đi dọc con đường thêm khoảng vài dặm nữa. Họ tới một biển chỉ đường cao tốc xanh-trắng nổi bật có ghi PHÒNG THÍ NGHIỆM ITC BLACK ROCK. Chiếc Land Cruiser rẽ phải, phóng thẳng lên con đường ngoằn ngoèo để tới những ngọn đồi cây cối um tùm.

\*

\*

Từ hàng ghế sau, Stern nói, “Anh đã nói với chúng tôi lúc trước rằng các anh có thể kết nối đến các vũ trụ khác.”

“Đúng.”

“Bằng bọt lượng tử.”

“Đúng thế.”

“Nhưng nó chẳng có logic gì hết,” Stern nói.

“Tại sao? Bọt lượng tử là gì?” Kate nói, cổ ngấn một tiếng ngáp.

“Nó là phần còn sót lại của thời kỳ vũ trụ được sinh ra,” Stern nói. Anh ta giải thích rằng vũ trụ khởi nguồn là một khối vật chất đơn nhỏ, cực kỳ đặc. Rồi, khoảng mười tám tỷ năm trước, nó nổ tung khỏi khối vật chất điểm đó – trong cái mà người ta vẫn gọi là vụ nổ Big Bang.

“Sau vụ nổ, vũ trụ bành trướng ra thành hình khối cầu. Có điều nó không phải là một khối cầu thực sự hoàn hảo. Bên trong khối cầu đó, vũ trụ không hoàn toàn đồng nhất – đó là lý do tại sao bây giờ chúng ta lại có các thiên hà trong vũ trụ dính và co kết với nhau không theo bất cứ quy luật gì hết, thay vì được phân bố một cách đồng nhất. Dù vậy, vấn đề là, khối cầu không ngừng bành trướng kia có một số điểm không hoàn hảo nhỏ, rất nhỏ bên trong nó. Và những phần không hoàn hảo đó không bao giờ được giải quyết. Chúng cứ mãi là một phần của vũ trụ.”

“Chúng là gì? Ở đâu?”

“Ở các chiều không gian hạ nguyên tử. Bọt lượng tử chỉ là một cách nói rằng ở những chiều không gian cực kỳ nhỏ, không gian-thời gian có những bọt bong bóng và gợn sóng siêu nhỏ. Nhưng bọt thì nhỏ hơn cả một nguyên tử đơn nữa. Có thể có hoặc không có các lỗ thông trong khối bọt đó.”

“Có đấy,” Gordon nói.

“Nhưng làm sao các anh có thể dùng nó để du hành được? Anh không thể cho một người qua cái lỗ nhỏ như thế. Anh không thể cho *bất cứ cái gì* qua cái lỗ nhỏ như thế.”

“Chính xác,” Gordon nói. “Chúng ta cũng không thể cho một mảnh giấy qua một đường dây điện thoại. Nhưng chúng ta có thể gửi fax.”

Stern chau mày, “Đó là chuyện hoàn toàn khác.”

“Sao lại thế?” Gordon nói. “Ta có thể truyền bất cứ thứ gì, miễn là chúng ta có cách nén và mã hóa nó. Chẳng phải vậy sao?”

“Về mặt lý thuyết, đúng,” Stern nói. “Nhưng anh đang nói đến việc nén và mã hóa thông tin của cả một con người.”

“Đúng.”

“Không thể làm thế được.”

Gordon mỉm cười, và giờ đã tỏ ra rất thích thú. “Sao lại không chứ?”

“Vì bản mô tả hoàn chỉnh của một con người – hàng tỷ những tế bào như thế, cách chúng liên kết với nhau, tất cả những chất hóa học và phân tử chúng nắm giữ, trạng thái sinh hóa của chúng – bao gồm quá nhiều thông tin để cho bất cứ cỗ máy tính nào có thể xử lý được.”

“Chỉ là thông tin thôi mà,” Gordon nói, nhún vai.

“Phải. Quá nhiều thông tin.”

“Chúng tôi nén nó bằng cách sử dụng thuật toán hình phân dạng bảo toàn dữ liệu đầu vào.”

“Thậm chí thế đi nữa, nó vẫn quá lớn...”

“Xin lỗi,” Chris nói. “Có phải anh đang nói là anh có thể nén cả một con người được không?”

“Không. Chúng tôi chỉ nén những thông tin tương đương với một con người.”

“Và nó được thực hiện thế nào vậy?” Chris nói.

“Bằng các thuật toán nén các phương thức để gói gọn dữ liệu vào máy tính, để chúng bớt tốn diện tích. Như định dạng JPEG và MPEG cho các dữ liệu hình ảnh vậy. Anh rõ những thứ đó chứ?”

“Tôi có các phần mềm xử lý việc đó, nhưng cũng chỉ đến thế mà thôi.”

“Được rồi,” Gordon nói. “Tất cả các chương trình nén đều có cùng một nguyên tắc hoạt động. Chúng tìm những điểm tương đồng trên hệ dữ liệu. Giả sử là anh có một bức tranh vẽ một bông hồng, được tạo nên từ một triệu điểm ảnh. Mỗi điểm ảnh lại có vị trí và một màu sắc riêng biệt. Vậy sẽ có tới ba triệu mẫu thông tin, rất nhiều dữ liệu nhỉ. Nhưng hầu hết các điểm ảnh đó

sẽ có màu đỏ, được bao quanh bởi các điểm ảnh màu đỏ khác. Thế là chương trình quét tấm ảnh đó từng đường từng đường một, và xem xem liệu các điểm ảnh gần nhau có cùng một màu hay không. Nếu chúng cùng màu, nó sẽ viết chỉ thị cho máy tính là biến điểm ảnh này thành màu đỏ, và cả năm mươi điểm ảnh tiếp theo trong cùng một hàng ấy nữa. Rồi chuyển tới màu xám, và biến mười điểm ảnh tiếp theo thành màu xám. Và cứ thế mãi. Nó không lưu trữ thông tin của mỗi điểm đơn lẻ. Nó lưu trữ các chỉ dẫn để làm thế nào có thể tái tạo lại bức tranh. Và dữ liệu được cắt còn bằng một phần mười lúc đầu.”

“Dù thế đi nữa,” Stern nói, “anh không nói về một bức tranh hai chiều, anh đang nói về một sinh vật sống ba chiều, và cấu tạo của nó đòi hỏi quá nhiều dữ liệu...”

“Cái đó anh sẽ phải cần đến cả một hệ thống với số lượng lớn máy tính chạy song song với nhau,” Gordon nói, gật đầu. “Đúng là thế.”

Chris chau mày. “Chạy song song là thế nào?”

“Anh nối vài chiếc máy tính lại với nhau và chia nhỏ công việc ra cho chúng, để chúng có thể thực hiện được nhanh hơn. Một hệ thống máy tính song song lớn cần phải có tới mười sáu nghìn bộ vi xử lý được nối lại với nhau. Với một cái thực sự lớn, cần có tới ba mươi hai nghìn bộ vi xử lý. Chúng tôi có *ba mươi hai tỷ* bộ vi xử lý được gắn với nhau.”

“Tỷ?” Chris nói.

Stern nhòai người về phía trước. “Điều đó là không thể. Dù anh có cố thử tạo ra một cái...” Anh ta nhìn chăm chăm vào nóc ô tô, nhắm tít.

“Nói xem, giả sử mỗi bo mạch chủ cách nhau hai phân rưỡi... như thế sẽ thành một chồng... ừm... cao tám trăm mét. Dù có được sắp xếp thành một khối lập phương, nó cũng phải có kích cỡ của một tòa nhà khổng lồ. Anh không thể tạo ra nó được. Anh không thể làm mát nó được. Và kiểu gì thì nó cũng chẳng hoạt động được đâu, vì các bộ vi xử lý sẽ ở cách nhau quá xa.”

Gordon ngồi xuống và mỉm cười. Anh đang nhìn về phía Stern, chờ đợi.

“Cách duy nhất để có thể làm được chu trình lớn như thế,” Stern nói, “là phải dùng tới các đặc tính lượng tử của các electron đơn. Nhưng như thế tức là anh đang nói tới một chiếc máy tính lượng tử: Và chưa ai làm được một chiếc như thế hết.”

Gordon chỉ mỉm cười.

“Phải không?” Stern nói.

\*

\*

“Để tôi giải thích những gì David đang nói tới,” Gordon nói với những người kia. “Các máy tính thông thường xử lý các phép toán với hai trạng thái electron, được gọi là một và không. Đó là phương thức hoạt động của tất cả các máy tính, bằng việc xoay quanh một và không. Nhưng hai mươi năm trước, Richard Feynman đã nêu ra giả thuyết rằng ta có thể chế tạo được một cỗ máy tính tối tân sử dụng được toàn bộ ba mươi hai trạng thái lượng tử của một electron. Rất nhiều phòng thí nghiệm bây giờ đang cố chế tạo những chiếc máy tính lượng tử như thế. Lợi thế của chúng là khả năng lớn đến không thể tưởng tượng được – lớn đến mức chúng thực sự có thể tóm được và nén lại một vật thể sống có dạng ba chiều vào một dòng electron. Y hệt như một chiếc máy fax. Rồi anh sẽ có thể truyền dòng electron đó qua một lỗ thông bọt lượng tử và tái tạo nó trong một vũ trụ khác. Và đó là những gì chúng tôi đang làm. Nó không phải là di chuyển tức thời bằng công nghệ lượng tử. Nó không phải là hiện tượng rối hạt. Nó là sự vận chuyển trực tiếp tới một vũ trụ khác.”

\*

\*

Cả nhóm lặng đi, nhìn chăm chăm vào anh. Chiếc Land Cruiser đi tới một khu đất trống. Họ thấy một dãy các tòa nhà hai tầng, gạch cùng kính. Chúng trông bình thường đến đáng ngạc nhiên. Đây có thể là bất cứ một khu công nghiệp nhỏ nào đặt tại ngoại ô những thành phố lớn trên khắp nước Mỹ. Marek nói, “Đây là ITC sao?”

“Chúng tôi muốn tránh dư luận,” Gordon nói. “Thực ra, chúng tôi chọn địa điểm này là vì ở đây có một khu mỏ cũ. Những khu mỏ tốt giờ rất khó kiếm. Rất nhiều dự án vật lý đòi hỏi phải có chúng.”

Dạt về một phía, làm việc dưới những ngọn đèn pha, vài người đàn ông đang chuẩn bị phóng một chiếc khinh khí cầu dự báo thời tiết. Chiếc khinh khí cầu có đường kính gần hai mét, màu trắng nhạt. Họ dõi theo khi nó nhanh chóng vút lên trời, một thiết bị nhỏ được gắn bên dưới. Marek nói, “Cái đó để làm gì vậy?”

“Chúng tôi rà soát hình mây hàng giờ, đặc biệt là khi có bão. Đó là một dự án nghiên cứu đang trên đà phát triển, để xem thời tiết có ảnh hưởng gì đến sự giao thoa không.”

“Giao thoa tới cái gì?” Marek nói.

Chiếc xe dừng lại trước một tòa nhà lớn. Một nhân viên bảo vệ ra mở cửa. “Chào mừng mọi người tới ITC,” anh ta vừa nói vừa cười rất hồ hởi. “Ngài Doniger đang chờ mọi người.”

Doniger bước vội trên hành lang với Gordon. Kramer theo sau. Vừa đi, Doniger vừa liếc qua tờ giấy đề họ tên và tiểu sử của mọi người. “Họ trông thế nào vậy, John?”

“Khá hơn tôi nghĩ. Họ đều có thể trạng tốt. Họ biết vùng này. Họ biết thời kỳ đó.”

“Và có cần phải thuyết phục họ thêm nữa không?”

“Tôi nghĩ họ đã sẵn sàng rồi. Ta chỉ cần phải cẩn thận khi nói về những bất trắc có thể xảy ra thôi.”

“Anh đang muốn nói là tôi không nên thành thật hết lòng với họ chứ gì?”

“Chỉ là nên cẩn thận cách nói thôi,” Gordon nói. “Họ rất thông minh đấy.”

“Thật không? Nào, xem qua chút nào.”

Và gã mở tung cánh cửa ra.

\*

\*

Kate và những người khác đang ngồi đợi trong một phòng họp trống trải, có vẻ giản dị – chiếc bàn formica đầy vết xước, những chiếc ghế gập xếp xung quanh. Ở một bên là một tấm bảng nguệch ngoạc đầy những công thức. Những công thức đó dài đến nỗi chúng chạy hết cả chiều dài của tấm bảng. Đó hoàn toàn là một bí ẩn đối với cô. Cô đang định hỏi Stern những công thức ấy là về cái gì, thì Robert Doniger bước nhanh vào phòng.

Kate thực sự bất ngờ khi thấy anh ta trẻ đến vậy. Anh ta trông chẳng già hơn họ gì hết, đặc biệt là lại đi giày thể thao, quần jean và mặc một chiếc áo phông có chữ Quicksilver. Dù là đã tối muộn, anh ta trông vẫn tràn đầy sinh lực, nhanh chóng đi vòng quanh chiếc bàn, bắt tay từng người trong bọn họ,



gọi họ bằng tên. “Kate,” anh ta nói, mỉm cười với cô. “Rất hân hạnh được gặp cô. Tôi đã đọc những nghiên cứu sơ bộ của cô về nhà nguyên. Nó rất ấn tượng.”

Thực sự bất ngờ, cô trả lời, “Cảm ơn,” nhưng Doniger đã tiến sang bên cạnh rồi.

“Và Chris. Rất vui được gặp lại anh. Tôi thích cách tiếp cận mô phỏng-máy tính cho cây cầu cối xay kia; tôi nghĩ nó sẽ có kết quả tốt đấy.”

Chris chỉ có đủ thời gian để gật đầu trước khi Doniger nói, “Và David Stern. Chúng ta chưa gặp nhau. Nhưng tôi được biết rằng anh cũng là một nhà vật lý học, như tôi đây.”

“Đúng thế...”

“Chào mừng nhập hội. Và André. Không hề thấp đi chút nào hết! Nghiên cứu của anh về những cuộc đấu thương của Edward đệ nhất thực sự đã dạy ngài Contamine một bài học. Rất tuyệt. Vậy thì: xin mời, tất cả mọi người, mời ngồi.”

Họ ngồi xuống, và Doniger đi ra phía đầu bàn.

“Tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề,” Doniger nói. “Tôi cần sự giúp đỡ của các bạn. Và tôi sẽ nói cho các bạn biết tại sao. Trong vòng mười năm qua, công ty của tôi đã tiến hành phát triển một công nghệ mới mang tính cách mạng. Nó không phải công nghệ để phục vụ chiến tranh. Nó cũng chẳng phải một công nghệ mang tính thương mại, để đem bán vì lợi nhuận. Ngược lại, nó là một công nghệ hoàn toàn lành mạnh và hòa bình có thể mang lại lợi ích cực kỳ lớn lao cho loài người. Một lợi ích vĩ đại. Nhưng tôi cần sự giúp đỡ của mọi người.”

\*

\*

“Thử cân nhắc một chút,” Doniger nói, “Về việc công nghệ đã ảnh hưởng không đồng đều đến các lĩnh vực tri thức trong thế kỷ hai mươi như thế nào. Vật lý học đã ứng dụng những tiến bộ khoa học hiện đại nhất – bao gồm những vòng gia tốc có đường kính hàng dặm. Hóa học và sinh học cũng vậy. Một trăm năm trước, Faraday và Maxwell chỉ có những phòng thí nghiệm tí hon. Darwin làm việc với cuốn sổ tay và chiếc kính hiển vi. Nhưng ngày nay, chẳng phát kiến khoa học nào có thể được thực hiện với những dụng cụ đơn giản như thế hết. Khoa học hoàn toàn phụ thuộc vào công nghệ. Nhưng thế còn các ngành khoa học nhân văn thì sao? Cùng trong suốt khoảng thời gian này, chuyện gì đã xảy ra với chúng?”

Doniger ngừng lại, kiểu như đang hùng biện. “Câu trả lời là, chẳng có gì hết. Chẳng có công nghệ nào đáng kể cả, Các học giả lịch sử hay văn học làm việc *y hết* các bậc tiền bối một trăm năm về trước. Ồ, cũng có chút thay đổi nho nhỏ về việc xác thực tài liệu, và việc ứng dụng đĩa CD-ROM, và cứ thế cứ thế. Nhưng công việc cơ bản, hằng ngày của học giả đó thì *hết như cũ*.”

Gã lần lượt nhìn về phía từng người bọn họ. “Thế nên chúng ta có một sự bất cân đối ở đây. Các lĩnh vực tri thức của con người không hề cân bằng. Các học giả về thời Trung Cổ tự hào rằng trong thế kỷ hai mươi thì cách nhìn của họ đã trải qua một cuộc cách mạng vĩ đại. Nhưng vật lý học đã trải qua *ba* cuộc cách mạng cùng trong thế kỷ đó. Một trăm năm trước đây, các nhà khoa học đã tranh luận về tuổi của vũ trụ và nguồn của năng lượng mặt trời. Chẳng ai trên thế giới biết câu trả lời hết. Ngày nay, tất cả những học sinh tiểu học đều biết. Ngày nay, chúng ta đã thấy được chiều dài chiều rộng của cả vũ trụ, chúng ta hiểu được nó từ cấp thiên hà tới cấp hạt hạ nguyên tử. Chúng ta đã nghiên cứu được nhiều đến nỗi chúng ta có thể nói một cách chính xác về những gì đã xảy ra trong vòng vài phút đầu tiên hình thành nên vũ trụ bùng nổ này. Liệu các học giả Trung Cổ có gì sánh được với những tiến bộ như thế này trong lĩnh vực của chính họ không? Một từ thôi, không. Sao lại không? Vì chẳng có công nghệ hiện đại nào hỗ trợ cho họ hết. Chẳng

ai thềm phát triển một công nghệ mới để trợ giúp cho các nhà sử học – cho tới tận bây giờ.”

\*

\*

Một màn trình diễn bậc thầy, Gordon nghĩ. Một trong những màn tuyệt vời nhất của Doniger – cuốn hút, đầy nhiệt huyết, thậm chí đôi lúc còn hơi cường điệu. Nhưng sự thật là, Doniger vừa mới cho họ một lời giải thích thú vị về dự án – mà không nói một lời đến mục đích thực sự của mình. Còn chẳng buồn nói cho họ biết chuyện gì đang thực sự diễn ra.

“Nhưng tôi đã nói với các bạn rằng tôi cần các bạn giúp đỡ. Và tôi thực sự rất cần.”

Thái độ của Doniger thay đổi. Gã giờ nói thật chậm rãi, nghiêm túc, đầy lo âu. “Mọi người biết là Giáo sư Johnston tới gặp chúng tôi ở đây vì ông ấy nghĩ chúng tôi đang che giấu thông tin. Và theo một cách nào đó, đúng là chúng tôi có làm thế thật. Chúng tôi có những thông tin nhất định mà không hề muốn chia sẻ, vì chúng tôi không thể giải thích vì sao lại có chúng được.”

Và, Gordon nghĩ, là vì Kramer đã làm rối tung hết lên.

“Giáo sư Johnston đã thúc chúng tôi,” Doniger nói. “Tôi chắc là mọi người cũng biết cách làm việc của ông ấy rồi. Ông ấy thậm chí còn dọa sẽ nói chuyện với giới báo chí. Cuối cùng chúng tôi đã cho ông ấy xem thứ công nghệ tôi sắp cho mọi người xem đây. Và ông ấy đã rất hứng thú y như mọi người sắp tới sẽ thế. Nhưng ông ấy cứ đòi đi ngược trở lại quá khứ, để tự mình kiểm chứng.”

Doniger ngừng lại. “Chúng tôi không hề muốn ông ấy đi. Ông ấy lại đe dọa lần nữa. Cuối cùng chúng tôi chẳng còn cách nào khác là phải để ông ấy đi. Chuyện đó là từ ba ngày trước. Ông ấy vẫn đang ở đó. Ông ấy đã gọi mọi

người tới cứu bằng lời hứa ông ấy biết mọi người sẽ tìm thấy. Mọi người biết khu khảo cổ và thời đại đó rõ hơn bất cứ ai khác trên cả thế giới. Mọi người phải quay lại đó và đưa ông ấy về. Mọi người là cơ may duy nhất của ông ấy.”

\*

\*

“Chính xác là đã có chuyện gì xảy ra với thầy khi thầy quay trở lại quá khứ vậy?” Marek hỏi.

“Chúng tôi không biết,” Doniger nói. “Nhưng ông ấy đã phá luật.”

“Luật?”

“Mọi người phải hiểu cho là công nghệ này vẫn còn rất rất mới mẻ. Chúng tôi đã rất thận trọng trong việc sử dụng nó. Chúng tôi đã gửi đặc phái viên quan sát về lại quá khứ trong vòng hai năm trở lại đây – dùng những cựu lính thủy đánh bộ, các quân nhân được đào tạo bài bản. Nhưng dĩ nhiên họ không phải là các nhà sử học, và chúng tôi đã giám sát họ rất sát sao.”

“Nghĩa là sao?”

“Chúng tôi vẫn chưa cho những người quan sát đó bước vào thế giới quá khứ ấy. Chúng tôi chưa bao giờ để ai được ở lại đó quá một giờ. Và chúng tôi chưa bao giờ để ai được đi quá năm mươi mét khỏi cỗ máy. Chưa có ai bỏ máy lại và bước vào thế giới đó hết.”

“Nhưng Giáo sư đã làm thế?” Marek nói.

“Ông ấy hẳn là đã làm thế, phải.”

“Và chúng tôi cũng sẽ phải đi nữa, nếu chúng tôi muốn tìm được thầy ấy. Chúng tôi sẽ phải tiến vào thế giới đó.”

“Phải,” Doniger nói.

“Thế anh đang nói rằng chúng tôi sẽ là những người đầu tiên làm việc này. Những người đầu tiên bước vào quá khứ?”

“Phải. Mọi người, và Giáo sư trước mọi người.”

Im lặng.

Bất thành linh, Marek bật cười toét. “Tuyệt,” anh ta nói. “Tôi không thể đợi lâu hơn được nữa.”

Nhưng những người khác chẳng nói gì hết. Họ trông không hề thoải mái và rất bồn chồn.

Stern nói, “Thế còn người đàn ông họ tìm thấy trong sa mạc...”

“Joe Traub,” Doniger nói. “Ông ấy là một trong những nhà khoa học giỏi nhất của chúng tôi.”

“Ông ấy làm gì trong sa mạc vậy?”

“Hiển nhiên là ông ấy đã lái xe đến đó. Họ đã tìm thấy chiếc xe của ông ấy. Nhưng chúng tôi không biết tại sao ông ấy lại đến đó nữa.”

Stern nói, “Người ta nói là người ông ấy lung tung hết cả lên, và còn có gì đó với mấy đầu ngón tay của ông ấy nữa...”

“Cái đó không có trong bản khám nghiệm tử thi,” Doniger nói. “Ông ấy chết vì bị đau tim.”

“Thế tức là cái chết của ông ấy chẳng liên quan gì đến công nghệ của các anh à?”

“Chẳng hề,” Doniger nói.

\*

\*

Lại có thêm một khoảng lặng nữa. Chris trượt người lại vào ghế. “Theo ngôn ngữ của những người không chuyên thì công nghệ này an toàn đến

đâu?”

“An toàn hơn lái xe ô tô nhiều,” Doniger nói không chút do dự. “Mọi người sẽ được hướng dẫn cẩn thận, và chúng tôi sẽ cho những quan sát viên giàu kinh nghiệm nhất đi cùng. Chuyển đi sẽ kéo dài tối đa là hai giờ đồng hồ. Mọi người chỉ phải quay lại và đưa ông ấy về.”

Chris Hughes gõ gõ ngón tay lên mặt bàn. Kate cắn môi. Chẳng ai nói gì hết.

“Nhìn này, chuyện này hoàn toàn là tự nguyện thôi,” Doniger nói. “Có đi hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào mọi người, Nhưng Giáo sư đã gửi lời cầu cứu đến cho mọi người. Và tôi không nghĩ mọi người sẽ làm ông ấy thất vọng.”

“Sao anh không gửi những người giám sát đi?” Stern nói.

“Vì họ không biết đủ, David ạ, Như mọi người cũng nhận thấy, ở đó là một thế giới hoàn toàn khác. Mọi người có lợi thế tri thức. Mọi người biết khu di tích, và mọi người biết thời đại đó, cực kỳ chi tiết. Mọi người biết ngôn ngữ và phong tục thời đó.”

“Nhưng kiến thức của chúng tôi chỉ là hàn lâm mà thôi,” Chris nói.

“Không chỉ còn là thế nữa đâu,” Doniger nói.

\*

\*

Cả nhóm rời khỏi phòng, cùng Gordon đi tới chỗ những cỗ máy. Doniger nhìn họ đi, rồi quay người lại khi Kramer bước vào. Cô đã quan sát mọi thứ từ camera an ninh.

“Cô nghĩ gì, Diane?” Doniger nói. “Họ có đi không?”

“Có. Họ sẽ đi đấy.”

“Liệu họ có thể thành công không?”

Kramer ngừng lại. “Tôi sẽ nói là năm mươi-năm mươi.”

Họ đi xuống một cái dốc bê tông rộng mênh mông, đủ cho cả một cái xe tải đi vào. Ở phía cuối là một đôi cửa thép nặng trĩu. Marek thấy gần chục camera an ninh cắm ở các góc khác nhau xung quanh dốc. Các camera chuyển động, bám lấy họ khi họ bước tới bên những cánh cửa. Ở chân dốc, Gordon ngược nhìn lên những chiếc camera an ninh, và đợi.

Những cánh cửa bật mở.

Gordon dẫn họ đi qua một cánh cửa nhỏ ở phía trước. Những cánh cửa thép đóng sập lại phía sau lưng. Gordon tiến tới chỗ những cánh cửa ở phía trong, rồi lại chờ đợi.

Marek nói, “Anh không thể tự mở cửa được à?”

“Không.”

“Tại sao? Họ không tin anh à?”

“Họ không tin ai hết,” Gordon nói. “Tin tôi đi, không ai vào đây được trừ khi chúng tôi cho họ vào.”

Những cánh cửa bật mở.

Họ bước vào một cái lồng thép công nghiệp. Không khí thật lạnh, có mùi hơi mốc. Những cánh cửa đóng lại phía sau họ. Vài tiếng vù vù, cái lồng bắt đầu hạ xuống.

Marek nhận ra họ đang đứng trong một cái thang máy.

“Chúng ta sẽ đi xuống ba trăm mét dưới lòng đất,” Gordon nói. “Hãy kiên nhẫn.”

\*

\*

Thang máy dừng lại và cánh cửa bật mở. Họ đi dọc một đường hầm bê tông dài dằng dặc, những tiếng bước chân vang vọng khắp nơi. Gordon nói, “Đây



là tăng điều khiển và bảo dưỡng. Các cỗ máy chính nằm ở tầng dưới cách chúng ta một trăm năm mươi mét nữa.”

Họ tới trước một đôi cửa nặng nề màu xanh đậm và trong suốt. Lúc đầu, Marek nghĩ rằng chúng được làm từ một loại kính cực kỳ dày. Nhưng khi những cánh cửa tự động trượt mở, anh ta thấy có những chuyển động rất khẽ bên dưới bề mặt. “Nước,” Gordon nói. “Chúng tôi sử dụng rất nhiều màng chắn bằng nước ở đây. Công nghệ lượng tử rất nhạy cảm với những ảnh hưởng từ bên ngoài – tia vũ trụ, trường điện từ nhân tạo, tất cả những thứ ấy. Đó là lý do tại sao từ đầu chúng tôi lại ở dưới đây.”

Phía trên đầu, họ thấy thứ trông có vẻ như là những cánh cửa dẫn mở vào hành lang dẫn tới các phòng thí nghiệm rất bình thường. Đi qua một cánh cửa thủy tinh nữa. Họ bước vào một hành lang được sơn trắng chống khuẩn, với những cánh cửa mở cả hai phía. Cánh cửa đầu tiên ở bên trái viết ĐÓNG GÓI TRƯỚC. Cánh cửa thứ hai, CHUẨN BỊ TRANG PHỤC. Và đi xuống cuối hành lang, họ thấy một tấm bảng chỉ đề đơn giản là CHUYỂN.

Gordon xoa hai tay vào nhau. Anh nói, “Đi thẳng tới khu đóng gói nào.”

\*

\*

Căn phòng khá nhỏ làm Marek liên tưởng tới một phòng thí nghiệm trong bệnh viện; nó làm anh ta cảm thấy không thoải mái. Ở giữa phòng có một ống dài thẳng đứng, cao khoảng hơn hai mét một và có đường kính độ một mét rưỡi. Các khớp nối được mở. Ở bên trong là những dải xám xịt. Marek nói, “Máy làm râm nắng à?”

“Thực ra nó là một máy tạo ảnh cộng hưởng tiên tiến, về cơ bản, nó là một chiếc máy MRI công suất cao. Nhưng mọi người sẽ thấy đây là cách tập

dượt tốt trước khi vào máy dịch chuyển. Có lẽ anh nên vào trước, Tiến sĩ Marek.”

“Vào trong đó?” Marek chỉ vào cái ống. Nhìn gần hơn, trông nó giống như một cỗ quan tài màu trắng vậy.

“Chỉ cần bỏ phục trang và trèo vào đó. Nó y hệt như một máy MRI vậy – anh sẽ không cảm thấy gì hết. Cả quá trình chỉ kéo dài trong một phút. Chúng tôi sẽ ở ngay phòng bên.”

Họ đi qua một cánh cửa phụ với một ô cửa sổ nhỏ, bước vào một căn phòng khác. Marek không thể thấy có gì đang ở trong đó. Cánh cửa đóng sập lại.

Anh ta thấy một chiếc ghế ở trong góc. Anh ta tiến lại gần và cởi quần áo ra, rồi bước đến chỗ chiếc máy quét. Có một tiếng cách của hệ thống liên lạc các trung khu điều khiển và anh ta nghe tiếng Gordon nói, “Tiến sĩ Marek, anh hãy nhìn xuống dưới chân mình đi.”

Marek nhìn xuống dưới chân.

“Anh thấy vòng tròn trên nền nhà chứ? Cố làm sao để chân anh hoàn toàn ở trong vòng tròn ấy.” Marek chuyển vị trí.

“Cảm ơn, được rồi. Cửa sẽ đóng lại bây giờ.”

Với một tiếng rì rầm của máy móc, cánh cửa gắn bản lề được đóng sập lại. Marek nghe thấy một tiếng rít khi nó đóng kín lại. Anh ta nói, “Kín hơi?”

“Đúng, bắt buộc phải thế. Anh sẽ cảm thấy có chút không khí lạnh tràn vào bây giờ. Chúng tôi sẽ cấp thêm ô xy trong khi cân chỉnh lại các thông số. Anh không mắc chứng sợ không gian hẹp đấy chứ?”

“Không, cho tới bây giờ,” Marek đang nhìn quanh căn phòng. Những dải xám xịt, giờ anh ta đã thấy rõ, là những miệng hở dài che nhựa bên ngoài. Phía sau lớp nhựa anh ta thấy những ngọn đèn, những cỗ máy đang gầm rú. Không khí mát hơn một cách đáng kể.

“Chúng tôi đang cân chỉnh thông số đây,” Gordon nói, “cố đừng chuyển động nhé.”

Đột ngột, những cái dải đơn lẻ xung quanh anh ta bắt đầu xoay, các cỗ máy kêu lạch cạch. Những dải ấy xoay càng lúc càng nhanh hơn, rồi đột ngột dừng khựng lại.

“Tốt rồi. Vẫn ổn chứ?”

“Giống như là ở trong một cái cối xay hạt tiêu ấy,” Marek nói.

Gordon phá lên cười. “Cân chỉnh đã xong. Còn lại thì đòi hỏi tính thời gian chính xác, nên phần sau là tự động. Chỉ cần vừa nghe vừa làm theo những chỉ dẫn là xong. Được chứ?”

“Được.”

Một tiếng cách. Marek chỉ còn một mình.

Một giọng nói thu sẵn cất lên, “Quá trình quét bắt đầu. Chúng tôi đang bật laser lên. Nhìn thẳng về phía trước. Và đừng nhìn lên.”

Ngay lập tức, phần trong cái ống ngập đầy thứ ánh sáng xanh da trời rực rỡ, chói lọi. Bản thân không khí cũng có vẻ như đang phát sáng.

“Laser đang phân cực khí xenon được bơm vào phòng. Năm giây.”

Marek nghĩ: Khí xenon à?

Màu da trời rực rỡ xung quanh anh ta càng lúc càng đậm. Anh ta nhìn xuống tay mình và hầu như không thấy vì bầu không khí lấp lánh đang bao trùm khắp mọi nơi.

“Chúng ta đã đạt tới ngưỡng tập trung xenon. Giờ chúng tôi muốn anh hít một hơi thật sâu.”

Marek nghĩ, Hít thật sâu? Hít xenon á?

“Giữ nguyên vị trí ấy và không di chuyển trong vòng ba mươi giây, sẵn sàng chưa? Đứng yên – mở mắt – hít thật sâu – giữ nguyên thế... Rồi!”

Những dải dài đột ngột xoay một cách điên loạn, rồi từng cái từng cái một, chúng bắt đầu rung lắc liên tục. Gần như thể nó đang nhìn vậy, và thỉnh

thoảng nó lại quay lại để nhìn lần thứ hai. Marek có một cảm giác kỳ lạ là mình đang bị hàng trăm cặp mắt sẫm soi.

Giọng nói được thu sẵn lại cất lên, “Xin hãy đứng thật yên lặng. Còn hai mươi giây nữa.”

Xung quanh anh ta, các dải rì rầm và rung lắc liên tục. Rồi tất cả đột ngột dừng lại. Vài giây tĩnh lặng. Cái máy kêu cách một tiếng. Giờ các dải bắt đầu chuyển động về trước rồi giật lùi lại và cả sang hai phía.

“Xin hãy đứng thật yên lặng. Mười giây.”

Các dải bắt đầu xoay tròn, dần dần đồng bộ cho tới khi cuối cùng tất cả đều xoay thành một khối. Rồi chúng dừng lại.

“Quy trình quét đã xong. Cảm ơn vì đã hợp tác.”

Ánh sáng xanh tắt ngấm, và cánh cửa bật mở. Marek bước ra ngoài.

\*

\*

Trong phòng kế bên, Gordon đang ngồi trước bàn điều khiển máy tính. Những người khác đã lôi ghế ra ngồi xung quanh anh.

“Hầu hết mọi người,” Gordon nói, “không nhận ra rằng chiếc máy quét MRI bình thường ở các bệnh viện hoạt động bằng cách thay đổi trạng thái lượng tử của các nguyên tử trong cơ thể ta – nói chung là mô men góc của các hạt trong hạt nhân nguyên tử. Các trải nghiệm với MRI cho chúng tôi biết rằng thay đổi chỉ số lượng tử trong cơ thể ta sẽ không gây ra phản ứng xấu nào hết. Thực tế, ta thậm chí còn chẳng cảm thấy rằng nó đã xảy ra cơ.”

“Nhưng các máy MRI thông thường thực hiện việc này với một trường từ cực mạnh – 1,5 tesla, mạnh gấp hai mươi lăm nghìn lần trường lực từ của trái đất. Chúng ta không cần nhiều đến thế. Chúng tôi sử dụng các thiết bị

giao thoa lượng tử siêu dẫn nhạy đến nỗi có thể đo được độ cộng hưởng chỉ nhờ trường từ trái đất. Chúng tôi chẳng có cục nam châm nào ở đây hết.”

Marek bước vào phòng. “Trông tôi thế nào?”

Hình ảnh trên màn hình cho thấy một bức tranh trong suốt của tứ chi Marek, giữa những đốm sáng đỏ. “Mọi người đang nhìn vào phần tủy, bên trong những xương dài, vào cột sống, vào hộp sọ,” Gordon nói. “Giờ nó phát triển hướng ra ngoài, đến các cơ quan nội tạng. Đây là phần xương” – họ nhìn thấy một bộ khung xương hoàn chỉnh – “và giờ chúng ta sẽ thêm các cơ...”

Nhìn các tổ chức nội tạng xuất hiện, Stern nói, “Máy tính của anh nhanh quá sức tưởng tượng.”

“Ồ, chúng tôi đã làm nó chậm lại rồi đấy,” Gordon nói. “Nếu không thì mọi người sẽ chẳng nhìn thấy cái gì đang xảy ra đâu. Thời gian xử lý thực sự về cơ bản là bằng không thôi.”

Stern mở to mắt. “Không?”

“Thế giới khác mà,” Gordon nói, gật đầu. “Những cách suy nghĩ cổ hủ không áp dụng được đâu.” Anh quay về phía những người khác. “Ai sẽ tiếp nào?”

\*

\*

Họ đi xuống cuối hành lang, tới căn phòng có chữ CHUYỂN. Kate nói, “Sao chúng ta phải làm hết mấy cái đó?”

“Chúng tôi gọi nó là đóng gói trước,” Gordon nói. “Nó giúp chúng ta dịch chuyển nhanh hơn, vì hầu hết thông tin của các bạn đều đã được tải vào máy. Chúng tôi chỉ làm công đoạn cuối cùng là quét các điểm khác biệt, và rồi chúng ta sẽ dịch chuyển.”

Họ bước vào một cái thang máy khác, và đi qua một đôi cổng nước khác. “Được rồi,” Gordon nói. “Chúng ta tới rồi đây.”

\*

\*

Họ bước vào nơi trông như một cái động khổng lồ được chiếu sáng rực rỡ. Âm thanh vang vọng khắp nơi. Không khí khá lạnh lẽo. Họ đang đi trên một hành lang kim loại, lơ lửng ba mươi mét phía trên nền nhà. Nhìn xuống dưới, Chris thấy ba bức tường bán nguyệt chứa nước được xếp lại để tạo thành một vòng tròn, với những khoảng trống ở giữa đủ lớn để một người có thể đi qua. Bên trong vòng tròn lớn này là ba hình bán nguyệt nhỏ hơn, tạo nên bức tường thứ hai. Mỗi hình bán nguyệt nối tiếp nhau này lại được xoay sao cho các khoảng trống không bao giờ thẳng hàng, làm cả khối đó trông như một mê cung.

Ở giữa những đường tròn đồng tâm ấy là một khoảng không rộng khoảng sáu mét. Ở đây có nửa tá thiết bị dạng lồng, mỗi cái có kích thước bằng khoảng một cái bột điện thoại công cộng. Chúng được sắp xếp chằng theo trật tự khuôn mẫu nào hết. Chúng có những phần đỉnh kim loại màu sắc trông thật âm đạm. Những màn sương trắng lửng lơ trôi qua khoảng không ấy. Những chiếc thùng được đặt trên nền nhà, và những cuộn cáp điện nặng nề màu đen lổn nhổn khắp nơi. Nó trông giống như một phòng thí nghiệm vậy. Và thực tế là cũng có vài người đang thao tác trên một trong những cái lồng ấy.

“Đây là khu chuyển dịch của chúng tôi,” Gordon nói. “Được che chắn cẩn thận, như mọi người cũng thấy. Chúng tôi đang cho xây khu thứ hai ở đằng kia nhưng phải vài tháng nữa mới đi vào sử dụng được.” Anh chỉ qua vùng không gian sâu như hang động ấy, về phía chuỗi các bức tường đồng tâm thứ hai đang mọc lên. Những bức tường này vẫn trong suốt; chúng chưa được đổ nước vào.

Từ hành lang kim loại, một chiếc thang máy dây cáp chạy xuống khoảng trống giữa các bức tường kính.

Marek nói, “Chúng ta đi xuống đó được chứ?”

“Chưa được đâu.”

Một kỹ thuật viên ngược nhìn lên và vẫy tay. Gordon nói, “Kiểm tra ghi dữ liệu mất bao lâu vậy, Norm?”

“Độ vài phút. Gomez sắp tới rồi.”

“Tốt quá.” Gordon quay về phía những người kia. “Đi lên phòng điều khiển để quan sát nhé.”

\*

\*

Tắm trong ánh sáng màu xanh đậm, những cỗ máy đứng sừng sững trên một bệ cao. Chúng có màu xám mờ đục và kêu rì rì. Hơi nước trắng xóa cứ túa ra khắp nơi, che khuất nền nhà, đế và máy. Hai kỹ thuật viên mặc áo khoác da kiểu của người Eskimo màu xanh da trời quỳ rạp xuống, chỉnh sửa bên trong một cái chân đế.

Những cỗ máy về cơ bản là những ống trụ mở, với những tấm kim loại gắn ở đỉnh và đáy. Mỗi cỗ máy được đặt trên một đế kim loại dày. Ba chân chống dựng xung quanh đế chống cho mái kim loại.

Các kỹ thuật viên đang kéo một chuỗi các cuộn dây cáp màu đen xuống khỏi một lưới điện mắc trên đầu và nối các cuộn cáp vào nóc của một cỗ máy, như các nhân viên trạm xăng đang đổ xăng vào một chiếc ô tô vậy.

Khoảng không giữa đế và trần máy hoàn toàn trống rỗng.

Trên thực tế, các cỗ máy dường như trông đơn giản đến đáng thất vọng. Những cái chân chống trông rất kỳ cục, có hình tam giác, và được đóng đinh

tán dọc trên thân. Dường như có những luồng khói màu xanh nhạt không ngớt bay ra từ dưới phần mái của cỗ máy.

Cỗ máy trông chẳng giống những gì Kate tưởng tượng chút nào. Cô nhìn chăm chăm lên những màn hình khổng lồ bên trong cái phòng điều khiển chật hẹp. Đằng sau cô, hai kỹ thuật viên mặc áo cộc tay đang ngồi bên hai chiếc bàn máy tính. Màn hình trước mặt làm cô có ấn tượng rằng mình đang nhìn ra ngoài cửa sổ, dù sự thật là phòng điều khiển chẳng có cái cửa sổ nào hết.

“Mọi người đang nhìn thấy phiên bản mới nhất của công nghệ CTC,” Gordon nói. “Nó là viết tắt của Closed Timelike Curve<sup>24</sup> – lý thuyết tôpô về không-thời gian mà chúng tôi sử dụng để quay về quá khứ. Chúng tôi đã phát triển những công nghệ hoàn toàn mới để tạo nên những cỗ máy này. Thứ các bạn nhìn ở đây thực ra đã là phiên bản thứ sáu, từ bản mẫu đầu tiên được chế tạo cách đây ba năm.”

Chris nhìn chăm chăm vào những cỗ máy và chẳng nói gì hết. Kate Erickson đang nhìn quanh phòng điều khiển. Stern đang bồn chồn và cọ cọ môi trên của mình. Marek đang nhìn Stern.

“Tất cả những kỹ thuật tiên tiến này,” Gordon tiếp tục, “được đặt ở phần đế, có bộ nhớ lượng tử indi-gali-ácxen, laser máy tính, và pin. Các bộ laser gây bốc hơi dĩ nhiên là ở trong những tấm kim loại. Thứ kim loại có màu xám xịt kia là niobi; những chiếc thùng áp suất kia làm bằng nhôm; các chất bảo quản là polymer.”

Một người phụ nữ trẻ có mái tóc ngắn đỏ sẫm và phong cách cứng cõi đi vào phòng. Cô mặc một chiếc áo kaki, quần soóc và đi ủng; như chuẩn bị đi thám hiểm rừng rậm vậy. “Gomez sẽ là một trong những người hỗ trợ cho các bạn khi lên đường. Cô ấy sẽ quay lại ngay bây giờ để làm thứ chúng tôi gọi là một cuộc kiểm tra ghi dữ liệu. Cô ấy đã ghi xong các dữ liệu định hướng của mình, chỉnh thời điểm đến, và giờ cô ấy sẽ đi kiểm tra xem nó đã thực sự chính xác chưa.” Anh ấn nút liên lạc. “Sue? Cho chúng tôi xem bộ định hướng của cô có được không?”



Người phụ nữ giơ một con chip hình chữ nhật màu trắng lên, nó chỉ lớn hơn một cái tem thư một chút. Cô dễ dàng khum khum nó lại trong lòng bàn tay.

“Cô ấy sẽ dùng cái đó để trở lại quá khứ. Và để gọi cỗ máy đến khi quay trở về – cho chúng tôi xem cái nút được không, Sue?”

“Có hơi khó nhìn đấy,” cô nói, xoay cạnh của con chip lên. “Có một cái nút nhỏ ở đây, mọi người lấy móng tay cái ấn vào nó. Nó sẽ gọi cho cỗ máy khi các bạn đã sẵn sàng trở lại.”

“Cảm ơn, Sue.”

Một trong những kỹ thuật viên nói, “Nhảy trường.”

Họ quay lại nhìn. Trên bàn điều khiển, một màn hình hiện lên mặt phẳng ba chiều có dạng sóng với một đường răng cưa ở chính giữa vọt lên trên, như một đỉnh núi. “Đẹp lắm,” Gordon nói. “Rất kinh điển.” Anh giải thích với những người còn lại. “Vì các thiết bị cảm ứng của chúng tôi được thiết kế dựa trên công nghệ giao thoa lượng tử siêu dẫn, chúng tôi có thể dò tìm những gián đoạn cực kỳ nhỏ trong trường từ lân cận – chúng tôi gọi nó là ‘nhảy trường’. Chúng tôi sẽ ghi nhận sự bắt đầu của chúng hai giờ trước khi xảy ra. Và thực tế là chúng đã bắt được tín hiệu từ cách đây hai giờ rồi. Có nghĩa là một cỗ máy khác sắp trở lại đây.”

“Cỗ máy nào?” Kate nói.

“Cỗ máy của Sue.”

“Nhưng cô ấy đã đi đâu.”

“Tôi biết,” anh nói. “Nó có vẻ chẳng hợp lý gì. Các biến cố lượng tử vẫn luôn trái ngược với các logic thông thường mà.”

“Anh đang nói là anh có tín hiệu là cô ấy đang quay trở lại trước cả khi cô ấy rời đi à?”

“Phải.”

“Sao thế được?” Kate nói.

Gordon thở dài. “Khá phức tạp. Trên thực tế, những gì chúng ta đang nhìn trên trường từ đây là một hàm phân phối xác suất – nghĩa là khả năng một cỗ máy sẽ quay về. Chúng ta thường không nghĩ theo cách ấy. Chúng ta chỉ nói là nó sẽ quay về mà thôi. Nhưng để nói một cách chính xác, nhảy trường thực ra cho chúng ta biết rằng có một xác suất rất lớn là cỗ máy đó sẽ quay lại.”

Kate lắc đầu. “Tôi không hiểu.”

Gordon nói, “Hãy cứ nói rằng trong thế giới thông thường chúng ta vẫn có những niềm tin vào mối quan hệ nhân quả. Nguyên nhân xảy ra trước, kết quả xảy ra sau. Nhưng trật tự hành động đó không phải lúc nào cũng xảy ra trong thế giới lượng tử. Kết quả có thể xảy ra đồng thời với nguyên nhân, và kết quả cũng thể xảy ra trước nguyên nhân. Đây là một ví dụ nhỏ của điều đó.”

\*

\*

Người phụ nữ tên Gomez bước vào một trong những cỗ máy ở đó. Cô ấn con chip trắng vào một cái khe trên chiếc bệ kim loại trước mặt. “Cô ấy vừa mới cài bộ định hướng của mình đấy, thứ sẽ hướng cho cỗ máy đi và về.”

“Và sao anh biết là anh có thể quay lại được?” Stern nói.

“Một chu trình di chuyển giữa các đa vũ trụ,” Gordon nói, “tạo ra một dạng năng lượng tiềm ẩn, như một chiếc lò xo bị kéo dãn ra chỉ muốn được bật lại như cũ. Thế là cỗ máy có thể trở lại một cách khá dễ dàng. Bắt đầu hành trình là một phần khá hóc. Đó là thứ được mã hóa trong con chip ấy.”

Anh nhào người về trước để ấn vào một cái nút liên lạc. “Sue? Cô định đi bao lâu thế?”

“Tôi sẽ quay lại trong khoảng một, có lẽ là hai phút nữa.”

“Được. Đồng bộ đã xong.”

Giờ các kỹ thuật viên bắt đầu nói, ấn nút trên bảng điều khiển, nhìn vào thông tin trên màn hình video trước mặt họ.

“Kiểm tra khí heli.”

“Đã đủ,” một kỹ thuật viên nói, nhìn vào bảng điều khiển của cô.

“Kiểm tra EMR<sup>25</sup>”

“Xong.”

“Chuẩn bị máy chiếu tia laser.”

Một kỹ thuật viên nhấn nút, và từ những tấm kim loại, một chùm những tia laser dày đặc bắn vào giữa cổ máy, tạo nên hàng tá những đốm xanh lá cây trên mặt và người Gomez trong khi cô đứng yên bất động, hai mắt nhắm chặt.

Các thanh kim loại bắt đầu chậm chậm xoay. Người phụ nữ ở chính giữa vẫn tiếp tục đứng yên. Những tia laser tạo những đường sọc xanh lá cây lên khắp người cô. Rồi những thanh kim loại ngừng lại.

“Tia laser đã thẳng hàng.”

Gordon nói, “Gặp lại trong một phút nữa nhé, Sue.” Anh quay lại với những người kia. “Được rồi. Bắt đầu đây.”

\*

\*

Các tường chắn nước cong bao xung quanh chiếc lồng bắt đầu phát ra một luồng ánh sáng xanh nhạt. Cổ máy lại chậm chậm xoay thêm một lần nữa. Người phụ nữ đứng chính giữa vẫn bất động; cổ máy chuyển động xung quanh cô.

Tiếng rì rì càng lúc càng to hơn. Vòng quay càng lúc càng nhanh hơn. Người phụ nữ vẫn đứng, bình thản và thoải mái.

“Để thực hiện chuyến đi này,” Gordon nói, “Cô ấy sẽ chỉ tốn một hoặc hai phút thôi. Nhưng cô ấy thực ra có tới ba mươi bảy giờ năng lượng trong pin đây. Đó là giới hạn cho những cỗ máy này có thể duy trì tại một địa điểm nào đó mà không bị quay trở lại.”

Những thanh kim loại xoay vun vút. Giờ họ nghe thấy một chuỗi tiếng động chát chúa, như tiếng súng máy.

“Đó là bài kiểm tra khoảng trống: cảm ứng hồng ngoại xác định khoảng không xung quanh cỗ máy. Chúng sẽ không hoạt động nếu không có ít nhất hai mét trống ở các hướng. Chúng kiểm tra cả hai chiều. Đó là cách đảm bảo an toàn. Chúng tôi không muốn cỗ máy hiện ra giữa một bức tường đá. Được rồi. Chúng đang xả xenon đây. Cô ấy đi đây.”

Tiếng rì rì giờ trở nên cực kỳ lớn. Vòng xoay nhanh đến nỗi những dải kim loại mờ hết cả đi. Họ có thể nhìn thấy người phụ nữ bên trong khá rõ.

Họ nghe thấy một giọng nói thu sẵn cất lên, “Đứng yên – mở mắt – hít thật sâu – giữ nguyên thế... Rồi!”

Từ đỉnh cỗ máy, một vòng tròn duy nhất hạ xuống, nhanh chóng quét xuống chân cô.

“Giờ nhìn kỹ nhé, nhanh lắm đây,” Gordon nói.

Kate nhìn thấy những tia laser màu tím đậm bắn về chính giữa từ những thanh kim loại xung quanh. Người phụ nữ ở trong đó dường như trở nên sáng nóng lên trong giây lát, và rồi một nguồn ánh sáng trắng chói đến mờ mắt từ bên trong cỗ máy bắn ra. Kate nhắm mắt lại, quay mặt đi. Khi cô nhìn lại lần nữa, có những đốm sáng hiện ra trước mắt, và trong giây lát cô chẳng thể thấy chuyện gì xảy ra. Rồi cô nhận ra rằng cỗ máy đang nhỏ dần lại. Nó đã bị giật ra khỏi những cuộn cáp trên đỉnh, giờ đang treo lủng lẳng.

Một chớp sáng laser khác.

Cỗ máy lại nhỏ hơn. Người phụ nữ bên trong cũng nhỏ dần lại. Giờ cô chỉ còn cao có một mét, và thu nhỏ lại trước mắt họ giữa một chuỗi những tia laser sáng rực.

“Chúa ơi,” Stern vừa nhìn vừa nói. “Cảm giác thế nào nhỉ?”

“Chẳng gì hết,” Gordon nói. “Ta chẳng cảm thấy gì hết. Xung thần kinh chạy từ da tới não chỉ mất xấp xỉ một phần mười giây. Sự bốc hơi nhờ laser chỉ mất năm phần tỷ giây. Mọi người đã đi lâu rồi.”

“Nhưng cô ấy vẫn ở đó mà.”

“Không. Cô ấy có còn ở đó nữa đâu. Cô ấy đã đi từ chuỗi laser đầu tiên rồi. Máy tính giờ chỉ đang xử lý dữ liệu thôi. Thứ mọi người nhìn thấy chỉ là sót lại từ bước nén dữ liệu thôi. Mức độ nén giờ khoảng ba mũ âm hai...”

Có một tia chớp khác nữa. Chiếc lồng giờ vùn vụt nhỏ lại. Nó còn một mét, rồi hơn nửa mét. Giờ nó đã gần tới nền nhà – chỉ chưa tới ba mươi xăng ti mét. Người phụ nữ bên trong trông như một con búp bê xíu mặc áo kaki.

“Âm bốn,” Gordon nói. Lại có một quầng sáng nữa, gần sàn nhà. Giờ Kate chẳng còn nhìn thấy cái lồng nữa.

“Chuyện gì đã xảy ra với nó vậy?”

“Nó vẫn ở đó. Gần như là thế.”

Một luồng sáng nữa và giờ chỉ còn một đốm sáng lóe lên trên nền nhà.

“Âm năm.”

Những luồng sáng xuất hiện nhanh chóng hơn nữa, nhấp nháy như một con đom đóm, nhạt nhòa dần. Gordon đứng đếm.

“Và âm mười bốn... Đi rồi.”

Chẳng còn chút ánh sáng nào nữa.

Chẳng có gì hết.

Chiếc lồng đã biến mất. Nền nhà tối đen, trống trơn.

Kate nói, “Chúng tôi sẽ phải làm *cái đó* à?”

\*

\*

“Đó không phải một trải nghiệm gì khó chịu đâu,” Gordon nói. “Các bạn sẽ hoàn toàn tỉnh táo trong suốt quá trình, một điều chúng tôi chưa thể lý giải. Tới các quy trình nén dữ liệu cuối cùng, các bạn sẽ ở trong những vùng cực kỳ nhỏ – những vùng hạ phân tử – và tỉnh táo là một điều đáng lý không thể nào xảy ra. Nhưng nó vẫn xảy ra. Chúng tôi nghĩ nó có thể là một hệ quả của quá trình thực nghiệm, một thứ ảo giác vượt qua sự truyền dẫn. Nếu thật là thế, nó sẽ tương tự với cái chân giả mà những người bị cụt cảm nhận được, dù chi đó không hề tồn tại. Đây có thể là một dạng não giả. Dĩ nhiên chúng ta đang nói về những khoảng thời gian rất ngắn ngủi, phần tỷ giây. Nhưng chưa có ai hiểu được nói chung ý thức là gì cả.”

Kate đang chau mày. Suốt một lúc, cô đã nhìn vào thứ mà cô xem xét dưới góc độ kiến trúc, một dạng tiếp cận “chức năng định dạng cấu trúc”: những cấu trúc khổng lồ dưới lòng đất có dạng đối xứng đồng tâm này trông không tuyệt sao – làm cô thoáng nhớ tới những tòa lâu đài thời Trung cổ – dù những kiến trúc hiện đại này được xây dựng chẳng với một mục đích thẩm mỹ nào. Chúng chỉ được dựng lên để giải quyết một vấn đề khoa học. Cô nhận thấy kết quả hiện ra thật quá hấp dẫn.

Nhưng giờ cô đang phải đối mặt với mục đích mà những cỗ máy này được tạo ra, cô cố hết sức để hiểu những thứ mình vừa nhìn thấy. Và khóa học kiến trúc hoàn toàn chẳng có chút hỗ trợ gì cho cô hết. “Nhưng cái này, ừm, cái phương pháp thu nhỏ một con người này, nó bắt mọi người phải đập nhỏ cô ấy ra...”

“Không. Chúng tôi tiêu hủy cô ấy,” Gordon nói cộc lốc. “Ta phải tiêu hủy bản gốc, để nó có thể tái tạo lại được ở đâu kia. Ta không thể có cái này mà thiếu cái kia được.”

“Thế cô ấy chết thật à?”

“Tôi sẽ không nói vậy, không. Mọi người xem...”

“Nhưng nếu anh tiêu hủy một người ở một đâu,” Kate nói, “chẳng phải họ sẽ chết à?”

Gordon thở dài. “Nghĩ theo cách thông thường thì khó hiểu lắm,” anh nói. “Vì các bạn sẽ được tái tạo lại *ngay chính thời khắc* các bạn bị tiêu hủy, thì làm sao có thể nói là các bạn đã chết được. Chỉ là các bạn vừa chuyển tới một địa điểm khác mà thôi.”

Stern cảm thấy chắc chắn linh cảm được rằng Gordon không hoàn toàn thành thật khi nói về công nghệ đó. Chỉ việc nhìn vào những màn chắn nước uốn cong, vào tất cả những thứ máy móc đặt trên sàn nhà kia, anh ta cũng có cảm giác rằng còn kha khá điều cần được giải thích. Anh ta quyết tìm cho bằng được.

“Thế là giờ cô ấy đã ở trong vũ trụ khác rồi à?” anh ta hỏi.

“Đúng.”

“Anh dịch chuyển cô ấy, và cô ấy tới một vũ trụ khác? Giống như máy fax ấy à?”

“Chính xác.”

“Nhưng để tái tạo cô ấy, anh cần có một cái máy fax ở đâu bên kia chứ.”

Gordon lắc đầu. “Không, không cần đâu,” anh nói.

“Sao lại không?”

“Vì cô ấy đã ở đó rồi.”

Stern chau mày. “Cô ấy đã ở đó rồi? Sao thế được?”

“Ở thời điểm dịch chuyển, người đó đã ở vũ trụ khác rồi. Và vì thế người đó không cần phải được chúng tôi tái tạo.”

“Sao thế được?” Stern nói.

“Hiện tại, cứ gọi nó là một đặc tính của đa vũ trụ. Chúng ta có thể thảo luận về chuyện đó sau nếu anh thích. Tôi không chắc là những người khác cần phải băn khoăn về những chi tiết này,” anh nói, hất hàm về phía những người kia.

Stern nghĩ, *Có gì đó khác nữa. Có gì đó anh ta không muốn nói với chúng ta. Stern nhìn lại chỗ khu dịch chuyển. Cố tìm chi tiết không bình thường, cố tìm thứ không phù hợp. Vì anh ta chắc chắn rằng ở đây có gì đó không bình thường.*

“Không phải anh vừa nói với chúng tôi rằng các anh mới chỉ đưa vài người về quá khứ thôi à?”

“Đúng, phải.”

“Hơn một người một lần?”

“Gần như không bao giờ. Hiếm khi hai người lắm.”

“Thế tại sao các anh lại cần nhiều máy thế?” Stern nói. “Tôi đếm thấy có tới tám chiếc đấy. Không phải hai là đủ rồi sao?”

“Anh chẳng qua đang thấy kết quả chương trình nghiên cứu của chúng tôi,” Gordon nói. “Chúng tôi vẫn đang cố gắng hoàn chỉnh các thiết kế.”

Gordon đã trả lời khá trơn tru, nhưng Stern chắc chắn rằng mình đã thấy gì đó – một tia khó chịu lóe lên trong mắt Gordon.

*Chắc chắn là có gì đó nữa.*

“Tôi cứ nghĩ là,” Stern nói, “các anh cải tiến cùng trên mấy cỗ máy ấy.”

Gordon lại nhún vai, nhưng không trả lời.

*Chắc chắn thế.*

“Những thợ máy kia làm gì ở đây vậy?” Stern nói, vẫn tiếp tục vặn hỏi. Anh ta chỉ về phía những người đang chống cả tay lẫn chân xuống đất, chỉnh sửa để một cỗ máy. “Tôi muốn nói tới cỗ máy ở trong góc ấy. Chính xác là họ đang sửa cái gì vậy?”

“David,” Gordon nói. “Tôi thực sự nghĩ là...”



“Thứ công nghệ này có thực sự an toàn không?” Stern nói.

Gordon thở dài. “Anh tự xem đi.”

Trên màn hình lớn, một chuỗi những chớp sáng vùn vụt hiện ra trên nền của phòng dịch chuyển.

“Cô ấy về rồi,” Gordon nói.

Những chùm sáng càng lúc càng rực rỡ hơn. Họ lại nghe thấy những tiếng chát chúa, lúc đầu nhỏ, rồi to dần lên. Và rồi chiếc lồng lại trở về kích cỡ bình thường; tiếng rì rầm nhạt đi; màn sương bao trên nền nhà xoáy cuộn lên, người phụ nữ bước ra, vẫy tay chào khán giả.

Stern liếc về phía cô. Cô trông hoàn toàn bình thường. Bề ngoài của cô hoàn toàn trùng khớp với trước đây.

Gordon nhìn anh ta. “Tin tôi đi,” anh nói. “Tuyệt đối an toàn.” Anh quay về phía màn hình. “Chỗ đó thế nào vậy, Sue?”

“Tuyệt vời,” cô nói. “Điểm dịch chuyển là ở đoạn phía Bắc sông. Riêng biệt, giữa rừng. Và thời tiết cũng khá tốt, so với tháng Tư.” Cô liếc nhìn đồng hồ. “Tập trung đội của anh đi, Tiến sĩ Gordon. Tôi sắp cho ghi dữ liệu lên con chip định hướng còn dư kia rồi. Rồi quay lại đó và đưa ông lão ấy ra trước khi ông ấy bị ai đó làm hại.”

“Xin hãy nằm nghiêng về bên trái.” Kate xoay người trên bàn và nhìn một cách rất không thoải mái vào người đàn ông đứng tuổi mặc đồng phục thí nghiệm màu trắng đang giơ một thứ trông như khẩu súng bắn keo lên và đặt nó trên tai cô. “Thứ này ấm lắm.”

Ấm? Cô thấy nóng rực cả tai lên. “Cái đó là gì vậy?”

“Đó là polymer hữu cơ,” người đàn ông nói. “Không độc và không gây dị ứng. Để thế tám giây nhé. Được rồi, giờ hãy nhai nào. Chúng tôi muốn các cơ phải được thoải mái. Rất tốt, cứ tiếp tục nhai nhé.”

Cô nghe thấy ông ta đi xuống cuối dãy. Chris đang nằm trên chiếc bàn phía sau cô, rồi Stern, rồi Marek. Cô nghe tiếng người đàn ông đó nói, “Nằm nghiêng sang bên trái nhé. Thứ này sẽ ấm lắm...”

Chẳng mấy chốc ông ta đã quay lại. Ông ta giúp cô nghiêng người, và tiêm thứ polymer nóng ấy vào bên tai còn lại. Gordon đang đứng nhìn từ trong góc phòng. Anh nói, “Đây vẫn hơi mang tính thử nghiệm một chút nhưng tới giờ thì mọi thứ vẫn diễn ra khá tốt đẹp. Nó được làm từ một loại polymer sẽ tự phân hủy sau một tuần.”

Sau đó, ông ta bảo họ đứng dậy. Ông ta lấy miếng cấy bằng nhựa ra khỏi tai họ một cách rất chuyên nghiệp và đi sang người kế tiếp.

Kate nói với Gordon, “Thính giác của tôi rất ổn, tôi không cần máy trợ thính đâu.”

“Đây không phải máy trợ thính,” Gordon nói.

Ở phía đối diện, người đàn ông đó đang khoan phần chính giữa của những miếng gắn vào tai kia và gài những vi mạch điện tử vào. Ông ta làm nhanh đến kinh ngạc. Khi các vi mạch đã vào vị trí, ông ta trám lỗ hổng bằng một ít nhựa nữa.

“Đó là máy dịch và tai nghe điện đàm. Trong trường hợp các bạn cần phải hiểu người ta muốn nói gì với mình.”

“Nhưng thậm chí nếu tôi có hiểu được những gì họ nói đi nữa,” cô nói, “sao tôi đáp lại họ được?”

Marek huých nhẹ cô. “Đừng lo. Tôi nói được tiếng Occitan. Và cả tiếng Pháp Trung cổ nữa.”

“Ồ, tốt quá,” cô nói một cách mỉa mai. “Anh sẽ dạy cho tôi trong vòng mười lăm phút nữa đấy à?” Cô đang rất căng thẳng vì sắp sửa bị tiêu hủy, bị tan thành hơi hay thành bất cứ thứ gì họ làm trong cái máy ấy, và những từ đó cứ thế là thoát ra khỏi miệng cô.

Marek trông đầy vẻ ngạc nhiên. “Không,” anh ta nói một cách rất nghiêm trang. “Nhưng nếu cô đi cùng với tôi, tôi sẽ giúp cô.”

Có gì đó trong sự chân thành của anh ta làm cô thấy an tâm. Anh ta đúng là một chính nhân quân tử. Cô nghĩ, anh ta sẽ chăm sóc cho mình. Cô thấy thật nhẹ nhõm.

Chẳng bao lâu sau họ đều đã được trang bị những miếng găng tay có màu da người. “Giờ chúng đã được tắt,” Gordon nói. “Để bật chúng lên, chỉ cần lấy ngón tay đập nhẹ vào tai là được. Giờ, mời mọi người lại đây...”

\*

\*

Gordon đưa cho mỗi người một cái túi da. “Chúng tôi đang phát triển một bộ đồ sơ cứu; đây là bản mẫu. Các bạn là những người đầu tiên trở về thế giới quá khứ đó, nên có lẽ các bạn sẽ cần chúng. Các bạn có thể giấu chúng đi, dưới lớp quần áo.”

Anh đưa cho mỗi người một chiếc túi xách và lấy ra một chiếc hộp nhôm cao khoảng mười xăng ti mét và có đường kính gần ba xăng ti mét. Nó trông khá giống một chiếc hộp nhỏ đựng kem cạo râu. “Đây là thứ tự vệ duy nhất chúng tôi có thể cung cấp cho các bạn. Nó chứa mười hai liều ethylene dihydride với chất nền protein. Chúng tôi có thể ví dụ cho các bạn thấy với con mèo này, H.G. Mày đâu rồi, H.G.?”

Một con mèo đen nhảy lên bàn. Gordon vuốt ve nó, rồi bắn một chùm khí vào mũi nó. Con mèo hấp háy mắt, cất tiếng khịt khịt, và ngã ra một bên.

“Bất tỉnh trong vòng sáu giây,” Gordon nói, “và làm nó mất trí nhớ trong thời gian đó. Nhưng phải nhớ là nó chỉ có tác dụng ngắn hạn thôi. Và các bạn phải bắn thẳng vào mặt đối tượng nếu muốn đảm bảo nó có tác dụng.”

Con mèo đã kịp xoay người và tỉnh lại khi Gordon quay về phía cái túi và lấy ba chiếc hộp đồ hình lập phương, chỉ bé tương đương cục đường cà phê, mỗi chiếc được bọc trong một lớp sáp mờ. Chúng trông như những viên pháo hoa vậy.

“Nếu mọi người cần lửa,” anh nói, “những thứ này sẽ rất có ích đấy. Kéo sợi dây mảnh này lại, và chúng sẽ bắt lửa. Chúng được đánh số mười lăm, ba mươi, sáu mươi – số giây trước khi bén lửa. Sáp, để chống thấm nước. Cảnh báo một chút: thỉnh thoảng không có tác dụng đâu.”

Chris Hughes nói, “Bật lửa Bic thì có vấn đề gì vậy?”

“Không hợp với thời đó. Mọi người không thể mang nhựa về lại đó được.” Gordon quay lại chỗ cái hộp cứu thương. “Chúng ta có đồ sơ cứu cơ bản, chẳng có gì lạ lắm hết. Thuốc chống viêm, thuốc chống tiêu chảy, thuốc chống co thắt, thuốc giảm đau. Mọi người sẽ không muốn nôn mửa trong lâu đài đâu,” anh nói. “Và chúng tôi cũng không thể đưa viên con nhộng cho mọi người được vì chuyện thấm nước.”

Stern nhìn vào tất cả những thứ đó với vẻ không tin. “Nôn mửa trong lâu đài?” anh ta nghĩ. “Nghe này, ừm...”

“Và cuối cùng, dụng cụ đa năng bỏ túi, gồm dao và cái bẻ khóa.” Nó giống như một con dao gấp Thụy Sĩ. Gordon cho mọi thứ vào lại trong cái hộp. “Có lẽ mọi người sẽ chẳng bao giờ phải dùng đến những thứ này đâu, nhưng cứ mang đi. Giờ hãy đi ăn vận chỉnh tề nào.”

\*

\*

Stern vẫn chưa thể giữ bỏ cái cảm giác không thoải mái của mình đi được. Một người phụ nữ đôn hậu, dịu dàng như bà ngoại đứng dậy khỏi chiếc máy khâu và đưa cho họ tất cả những trang phục cần thiết: đầu tiên là quần trong màu trắng bằng vải lanh – một dạng quần hộp, nhưng không có chun – rồi một chiếc thắt lưng da, và rồi quần tất len màu đen.

“Những thứ này là gì vậy?” Stern nói. “Quần tất?”

“Chúng được gọi là quần chèn đấy, con ạ.”

Cũng chẳng có chun gì hết. “Mặc chúng kiểu gì đây ạ?”

“Luồn nó xuống dưới thắt lưng, phía dưới lần áo chèn. Hoặc buộc nó vào đầu nút của cái áo ấy.”

“Đầu nút?”

“Đúng đấy, con ạ. Của cái áo chèn ấy.”

Stern liếc nhìn những người khác. Họ đang bình lặng chất quần áo thành đống khi được đưa cho. Họ dường như biết tất cả mọi thứ là để làm gì; họ bình tĩnh cứ như đang ở trong một cửa hiệu tạp hóa vậy. Nhưng Stern đang rất lúng túng, và anh ta có cảm giác hơi hoảng loạn. Giờ anh ta được đưa cho một chiếc áo vải lanh màu trắng dài tới trên đầu gối, và một chiếc áo ngoài dài rộng hơn, gọi là áo chèn ngoài, làm bằng nỉ chần. Và cuối cùng là một con dao găm gắn vào một sợi xích thép. Anh ta nhìn nó với vẻ đầy ngờ vực.

“Thời ấy ai cũng mang một con. Mọi người sẽ cần để cắt đồ ăn đấy, ít nhất cũng là thế.”

Anh ta hờ hững đặt nó lên đống đồ, xọc vào giữa chỗ quần áo, và vẫn đang cố tìm “đầu nút”.

Gordon nói, “Những bộ quần áo được thiết kế sao cho trông thông thường nhất, không giàu cũng chẳng nghèo. Chúng tôi muốn chúng giống

với trang phục của một thương nhân hạng trung, một người giúp việc trong cung điện, hoặc một quý tộc nghèo xác xơ.” Stern được trao cho một đôi giày, trông giống như một đôi hài da mũi nhọn, trừ việc chúng có thêm đai thắt. Như giày của mấy anh hề trong cung, anh ta nghĩ với tâm trạng chẳng mấy vui vẻ.

Người phụ nữ đôn hậu mỉm cười: “Đừng lo, chúng có lỗ thông hơi đấy, y như đôi giày Nike của cậu thôi.”

“Sao mọi thứ trông cứ bần bần thế?” Stern nói, cau mày nhìn vào cái áo chùng.

“Ồ, cậu muốn hòa nhập mà, phải không?”

\*

\*

Họ thay đồ trong phòng thay quần áo. Stern nhìn những người đàn ông còn lại. “Chính xác là làm thế nào để chúng ta, ừm...”

“Anh muốn biết chúng ta mặc đồ thể kỷ mười bốn thế nào chứ gì?” Marek nói. “Đơn giản ấy mà.” Marek đã cởi hết quần áo, đi quanh một cách rất thoải mái. Cơ bắp cuộn cuộn. Stern thấy hơi không thoải mái khi anh ta từ từ cởi chiếc quần dài ra.

“Đầu tiên,” Marek nói, “mặc quần trong vào. Đây là loại vải lanh chất lượng rất tốt. Hồi đó họ có vải lanh chất lượng tốt lắm. Để giữ cái quần này, buộc dây lưng quanh vùng thắt lưng và cuộn phần đầu của chiếc quần quanh thắt lưng khoảng vài lần, thế là nó sẽ chắc thôi. Được chứ?”

“Thắt lưng của anh nằm ở dưới quần với áo à?”

“Đúng rồi đấy. Kéo cao quần đùi lên. Tiếp, mặc quần chèn vào.” Marek bắt đầu kéo cái quần tất len màu đen của mình lên. Chiếc quần chèn có cả

phần tất chân nữa, như quần ngủ của trẻ em. “Chúng có mấy cái dây ở trên đầu này, thấy chưa?”

“Cái quần chèn của tôi lụng thụng quá,” Stern nói, kéo nó lên, giật mạnh chỗ đầu gối.

“Ồn mà. Nó không phải quần chèn hẳn nên không bó sát vào người đâu. Tiếp, áo thụng vải lạnh. Chỉ cần chui qua đầu và kệ cho nó tuột xuống. Không, không, David. Phần cắt sâu ở cổ phải ra trước chứ.”

Stern rút hai tay ra và quờ quạng xoay chiếc áo ra trước.

“Và cuối cùng,” Marek nói, nhặt một chiếc áo chui đầu bằng ni lên, “mọi người mặc áo chèn vào. Kết hợp với áo khoác ngoài và áo gió. Mọi người mặc nó cả lúc trong nhà và khi ra đường, không bỏ nó ra trừ khi trời cực kỳ nóng. Thấy đầu nút chưa? Chúng là phần diềm, phía dưới lớp ni. Giờ, buộc quần tất vào phần đầu nút của áo chèn, qua những vết cắt trên áo ngoài ấy.”

Marek làm hết những việc này chỉ trong chốc lát; cứ như là ngày nào trong đời anh ta cũng làm thế hết vậy. Chris mất lâu hơn, Stern gật gù thỏa mãn. Bản thân Stern phải vật lộn mãi mới xoay người và buộc những nút thắt sau lưng lại được.

“Anh nói thế này là đơn giản à?” anh ta càu nhàu.

“Chỉ là anh không chú ý lắm đến quần áo của chính mình thôi,” Marek nói. “Những người phương Tây trung lưu ở thế kỷ hai mươi mặc từ chín tới mười hai món quần áo hằng ngày đấy. Này, ở đây có mỗi sáu thôi đấy.”

Stern kéo cái áo chèn lên, thả nó xuống thắt lưng, cho nó tuột xuống đùi. Làm như thế khiến cái áo trong của anh ta bị kéo nhăn nhún lại và cuối cùng Marek phải giúp anh ta kéo thẳng nó ra, tiện thể làm cho cái quần chèn của anh ta được khít hơn.

Cuối cùng, Marek buộc lỏng con dao và sợi xích quanh thắt lưng Stern, lúi lũi để ngắm nghía.

“Đấy,” Marek nói, gật gật đầu. “Anh thấy thế nào?”

Stern lắc lắc vai với vẻ không thoải mái. “Cứ như một con gà bị bó chân ấy.”

Marek cười. “Anh sẽ quen nhanh thôi.”

\*

\*

Kate mặc sắp xong thì Susan Gomez, người phụ nữ trẻ vừa đi ngược về quá khứ tiến vào. Gomez đã mặc quần áo của thời đại đó và có đội thêm một bộ tóc giả nữa. Cô ném một bộ tóc giả khác cho Kate.

Kate nhăn mặt.

“Cô phải đội đấy,” Gomez nói. “Tóc ngắn đối với phụ nữ là điều ô nhục, hoặc còn là bị coi là theo dị giáo đấy. Không được để bất cứ ai ở thời đó thấy tóc thật của cô.”

Kate đội bộ tóc giả lên, tóc vàng sẫm xoắn xuống vai. Cô quay lưng lại nhìn vào gương, và nhìn thấy khuôn mặt của một người xa lạ. Cô trông trẻ hơn, dịu dàng hơn, yếu đuối hơn.

“Một là thế,” Gomez nói, “hoặc là cắt tóc cô thật ngắn đi, như đàn ông ấy. Tùy cô chọn.”

“Tôi sẽ đội tóc giả,” Kate nói.

\*

\*

Diane Kramer nhìn Victor Baretto và nói, “Nhưng luật đã luôn là thế rồi, Victor. Anh biết thế mà.”



“Phải, nhưng cái chính,” Baretto nói, “là mọi người đang giao nhiệm vụ mới cho chúng tôi.” Baretto là một người đàn ông mảnh người, răn rỏi hơn ba mươi tuổi, một lính biệt kích xuất ngũ đã làm ở đây được hai năm. Trong khoảng thời gian đó, anh ta đã được tiếng là nhân viên bảo vệ có năng lực, nhưng cũng hay tự ái vặt. “Giờ mọi người bảo chúng tôi trở lại quá khứ, nhưng lại không cho chúng tôi đem theo vũ khí.”

“Đúng rồi đấy, Victor. Không làm gì sai với lịch sử hết. Không một đồ vật của thế giới hiện đại nào được quay trở lại. Từ đầu luật đã thế rồi mà.” Kramer cố giấu sự bức tức.

Những người trong quân đội này rất khó chịu, đặc biệt là bọn đàn ông. Những người phụ nữ, như Gomez, thì còn được. Nhưng mấy người đàn ông cứ cố, như họ vẫn thường nói, “áp dụng những gì họ được rèn” cho những chuyến quay về quá khứ của ITC, và nó chẳng bao giờ thực sự được việc gì hết. Kramer thầm nghĩ rằng đó chỉ là một cách để những người đàn ông đó cố giấu đi sự lo lắng của mình, nhưng dĩ nhiên là cô chẳng bao giờ nói ra. Gì thì gì, ngay từ đầu, việc phải nghe lệnh từ một người phụ nữ như cô cũng đã là đủ khó khăn cho họ rồi.

Những người đàn ông cũng gặp vấn đề khi phải giữ bí mật về công việc của mình. Phụ nữ thì dễ hơn, nhưng đàn ông cứ thích khoe khoang về chuyện trở về quá khứ. Dĩ nhiên họ bị cấm bởi tất cả các thể loại hợp đồng có thể, nhưng hợp đồng sẽ bị quên ngay chỉ sau vài châu rượu ở quán bar. Đó là lý do vì sao Kramer đã thông báo với họ tất cả mọi chuyện về sự tồn tại của vài con chip được ghi dữ liệu đặc biệt. Những con chip này đã đi vào huyền thoại của công ty, cùng với tên của chúng nữa: Tunguska, Vesuvius, Tokyo. Chip Vesuvius đưa bạn trở lại vịnh Naples vào lúc 7 giờ sáng ngày 24 tháng Tám năm 79 trước Công Nguyên, ngay trước khi bụi tro núi lửa Vesuvius giết sạch tất cả mọi người. Tunguska đưa bạn trở lại Siberia vào năm 1908, ngay trước khi sao chổi khổng lồ rơi xuống, tạo ra sóng xung kích có thể giết chết tất cả mọi sinh vật trong bán kính hàng trăm dặm. Tokyo đưa bạn trở lại thành phố đó vào năm 1923, ngay trước khi trận động đất khủng khiếp san phẳng nó. Mục đích là nếu thông tin về dự án bị đưa ra

báo giới, bạn sẽ có thể dùng nhằm con chip cho lần du hành tới. Chẳng người lính nào chắc được chuyện này có đúng không, hay chỉ là truyền thuyết.

Đó chính là thứ Kramer thích.

“Đây là một nhiệm vụ mới,” Baretto lại nói, cứ như là cô chưa hề nghe thấy anh ta nói gì vậy. “Cô đang đề nghị chúng tôi trở lại quá khứ – đi vào giữa lòng địch, có thể nói là như vậy – mà không được mang theo vũ khí.”

“Nhưng tất cả các anh đều được đào tạo chiến đấu tay không hết. Anh, Gomez, tất cả mọi người.”

“Tôi không nghĩ thế là đủ đâu.”

“Victor...”

“Với tất cả sự tôn trọng có thể, cô Kramer, cô không chịu đối diện với sự thật gì hết,” Baretto ngoan cố nói. “Các vị đã mất hai người rồi. Ba, nếu tính cả Traub.”

“Không đâu, Victor. Chúng ta chưa mất ai hết.”

“Cô rõ ràng là đã để mất Traub.”

“Chúng ta không hề mất Traub,” cô nói. “Traub tự ý đi, và Traub còn bị khủng hoảng nữa.”

“Cô chỉ nghĩ là ông ta bị khủng hoảng thôi.”

“Chúng ta đều biết là ông ấy bị thế, Victor. Sau khi vợ chết, ông ấy cực kỳ suy sụp, và chỉ muốn tự sát. Dù đã quá giới hạn được quay lại, ông ấy vẫn cứ quay lại, để xem liệu mình có thể cải tiến công nghệ được không. Ông ấy nghĩ rằng mình có thể biến đổi các cỗ máy sao cho có ít lỗi dịch chuyển hơn. Nhưng rõ ràng là ý tưởng của ông ấy đã sai. Đó là lý do tại sao ông ấy lại ở trong sa mạc Arizona. Tôi thì không hề nghĩ là ông ấy thực sự có ý định quay về đâu. Tôi nghĩ đó là tự sát.”

“Và cô đã mất Rob,” Baretto nói. “Anh ta chẳng có dự định tự tử nào hết.”

Kramer thở dài. Rob Deckard là một trong những quan sát viên đầu tiên trở lại quá khứ, gần hai năm trước. Và anh ta là một trong những người đầu tiên gặp lỗi. “Lúc đó dự án mới chỉ bắt đầu, Victor. Công nghệ còn chưa ổn định. Và anh biết chuyện gì xảy ra rồi mà. Sau khi du hành vài lần, Rob bắt đầu có dấu hiệu chịu tác dụng phụ. Anh ta cứ đòi được đi tiếp. Chứ chúng ta có mất anh ta đâu.”

“Anh ta ra đi, và anh ta chẳng bao giờ quay lại,” Baretto nói. “Đó là vấn đề chính đấy.”

“Rob biết chính xác mình đang làm gì.”

“Và giờ là vị Giáo sư.”

“Chúng ta vẫn chưa mất Giáo sư,” cô nói. “Ông ấy vẫn còn sống.”

“Cô hy vọng thế thôi. Và cô thậm chí còn chẳng biết vì sao ông ta không quay lại được mà.”

“Victor...”

“Tôi chỉ đang nói là,” Baretto nói, “trong vụ này kế hoạch hậu cần chẳng ăn nhập gì với nhiệm vụ đặt ra hết. Cô đang bắt chúng tôi phải chịu mạo hiểm không cần thiết.”

“Anh không bắt buộc phải đi mà,” Kramer nhẹ nhàng nói.

“Không, trời ạ. Tôi chẳng bao giờ nói thế hết.”

“Anh không phải làm đâu.”

“Không. Tôi sẽ đi.”

“Vậy, đấy là luật đấy. Không công nghệ hiện đại nào được trở lại quá khứ hết. Hiểu rồi chứ?”

“Hiểu rồi.”

“Và không được nói chuyện này cho mấy vị học giả biết.”

“Không, không. Không đời nào. Tôi chuyên nghiệp mà.”

“Được rồi,” Kramer nói.

Cô dỗi theo khi anh ta rời đi. Anh ta đang dối, nhưng anh ta sẽ chịu theo thôi. Họ lúc nào cũng thế mà, kiểu gì rồi cuối cùng cũng thế. Và quy định này luôn quan trọng, theo như cô nghĩ. Dù Doniger có thích cho vài bài diễn thuyết nhỏ xinh về chuyện đảng nào ta cũng chẳng thể làm thay đổi lịch sử, sự thật là chẳng ai thực sự biết – và cũng chẳng ai muốn mạo hiểm hết. Họ không muốn các thứ vũ khí, đồ vật, hay nhựa tổng hợp từ hiện tại trở lại quá khứ.

Và họ chưa bao giờ để chuyện đó xảy ra hết.

Stern ngồi với những người khác trên những chiếc ghế tựa cứng trong một căn phòng đầy rẫy bản đồ. Susan Gomez, người phụ nữ vừa trở về từ chiếc máy du hành quá khứ, nói bằng một giọng lạnh lạnh, nhanh đến mức Stern thấy là có hơi vội quá mức.

“Chúng ta sẽ tới,” cô nói, “tu viện Sainte-Mère, trên sông Dordogne, ở miền Tây Nam nước Pháp. Chúng ta sẽ tới đó vào lúc 8 giờ 4 phút sáng ngày thứ Năm, mùng 7 tháng Tư năm 1357 – đó là ngày có tin nhắn của Giáo sư. Rất may cho chúng ta là hôm đó có một cuộc đấu thương ở Castelpard, và việc đó sẽ hút cả đám đông từ các vùng lân cận về, nên chúng ta sẽ không bị chú ý.”

Cô gõ nhẹ lên một tấm bản đồ. “Chỉ để định hướng thôi, tu viện nằm ở đây. Castelpard ở đằng này, bên kia sông. Và thành La Roque ở trên vách đá này, phía trên tu viện. Có thắc mắc gì không?”

Họ đều lắc đầu.

“Được rồi. Tình hình ở vùng này không được ổn định lắm. Như mọi người đều biết, tháng Tư năm 1357 đặt chúng ta vào khoảng năm thứ hai mươi của Cuộc chiến một trăm năm. Bảy tháng sau chiến thắng của Anh tại Poitiers, nơi họ cầm tù vua Pháp. Vua nước Pháp giờ bị giam lại để đòi tiền chuộc. Và nước Pháp, không vua, đang là một nơi cực kỳ hỗn loạn.

Ngay lúc này, Castelpard đang trong tay ngài Oliver de Vannes, một hiệp sĩ người Anh sinh ra tại Pháp. Oliver cũng đã chiếm La Roque, ông ta đang củng cố khả năng phòng ngự của lâu đài. Hiệp sĩ Oliver là một người chẳng mấy dễ chịu gì và nổi tiếng là nóng tính. Họ gọi ông ta là ‘Đồ tể thành Crécy’, vì màn tắm máu trong trận chiến ấy.”

“Vậy Oliver quản cả hai thành phố đó?” Marek nói.

“Tại thời điểm này thì đúng vậy. Tuy thế một nhóm các hiệp sĩ phe đối lập, dẫn đầu bởi một thầy tu bị rút phép thông công tên là Arnaut de Cervole...”

“Đại Tư tế,” Marek nói.

“Đúng, chính xác, Đại Tư tế – đang tới khu này, và chắc chắn là với mục đích cố chiếm tòa thành từ tay Oliver. Chúng tôi tin là Đại Tư tế còn vài ngày nữa mới tới. Nhưng chiến trận có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nên chúng ta phải làm thật nhanh.”

Cô đi tới chỗ tấm bản đồ khác, với tỷ lệ lớn hơn. Nó vẽ các khối nhà của tu viện.

“Chúng ta sẽ tới gần chỗ này, ở mé bìa rừng Sainte-Mère. Từ điểm này, chúng ta có thể nhìn thẳng xuống tu viện. Vì lời nhắn của Giáo sư đến từ tu viện, chúng ta sẽ đến thẳng đó trước. Như mọi người cũng biết, tu viện dùng bữa chính vào lúc mười giờ sáng, và Giáo sư có nhiều khả năng là đang ở đó vào lúc ấy. Nếu may mắn, chúng ta có thể tìm thấy ông ấy ở đó và đưa ông ấy về.”

Marek nói, “Sao cô biết mọi chuyện này? Tôi đã nghĩ là chưa hề có ai khác đi vào quá khứ mà?”

“Đúng là thế. Chưa từng có ai hết. Nhưng những quan sát viên ở gần máy vẫn có thể mang về đủ dữ liệu về thời điểm đặc biệt này. Còn câu hỏi nào khác không?”

Họ lắc đầu.

“Được rồi. Đưa Giáo sư về khi ông ấy còn trong tu viện là rất quan trọng. Nếu ông ấy dời tới Castलगard hay La Roque, sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Chúng ta có một nhiệm vụ khá vất vả đây. Tôi mong là ở đó khoảng hai đến ba giờ. Chúng ta sẽ ở bên cạnh nhau mọi lúc. Nếu ai đó trong chúng ta bị tách khỏi những người còn lại, hãy dùng tai nghe để gọi nhau. Chúng ta sẽ đi tìm Giáo sư, và trở lại ngay lập tức. Được chứ?”

“Được.”

“Các bạn sẽ có hai người hỗ trợ, tôi và Victor Baretto, ở trong góc đằng kia. Chào nào, Vic.”

Người đi cùng thứ hai là một người đàn ông có dáng dấp cựu lính thủy đánh bộ và có vẻ không thân thiện – một người đàn ông cứng cỏi và có năng

lực. Quần áo quá khứ của Baretto trông nông dân và chùng hơn, làm từ loại vải như vải bao bố. Anh ta gật đầu và vẫy nhẹ tay. Anh ta dường như đang không vui.

“Được chứ?” Gomez nói. “Còn câu hỏi nào không?”

Chris nói, “Giáo sư Johnston đã ở đó được ba ngày rồi à?”

“Đúng thế.”

“Người ở đó nghĩ thầy là gì vậy?”

“Chúng tôi không biết,” Gomez nói. “Chúng tôi không biết tại sao lúc đầu ông ấy lại rời chỗ máy nữa. Ông ấy chắc phải có lý do gì đó. Nhưng vì ông ấy đang ở thời đại đó, việc dễ dàng nhất cho ông ấy có lẽ là đóng giả làm một thầy tu hoặc một học giả đến từ London, hoặc làm một người hành hương tới Santiago de Compostela ở Tây Ban Nha. Sainte-Mère nằm trên lộ trình của chuyến hành hương, và cũng chẳng có gì là bất thường khi những người hành hương có dừng lại, nghỉ một ngày hay một tuần, đặc biệt nếu họ đánh bạn được với cha tu viện trưởng, người có phẩm chất khá tốt. Giáo sư có thể đã làm thế. Hoặc không. Chúng ta không thể biết được.”

“Nhưng đợi chút đã,” Chris Hughes nói. “Không phải sự xuất hiện của thầy ở đó đã thay đổi lịch sử của vùng rồi hay sao? Không phải thầy sẽ tác động đến kết cục sau này sao?”

“Không. Ông ấy không thay đổi được đâu.”

“Sao cô biết?”

“Vì ông ấy không thể.”

“Nhưng còn chuyện nghịch lý thời gian thì sao?”

“Nghịch lý thời gian?”

“Đúng đấy,” Stern nói. “Cô cũng biết đấy, như việc quay lại quá khứ và giết chết ông cố của mình vậy, thế là ta cũng sẽ không được sinh ra và cũng chẳng thể quay lại và giết ông cố của mình được...”

“Ồ, *cái đó*,” Cô lắc đầu với vẻ thiếu kiên nhẫn. “Chẳng có nghịch lý thời gian nào hết.”

“Cô nói thế là ý gì? Dĩ nhiên là có chứ.”

“Không, không có đâu,” một giọng nói chắc nịch cất lên từ phía sau họ. Họ quay người lại; Doniger đang đứng ở đó. “Nghịch lý của thời gian không hề tồn tại.”

\*

\*

“Anh nói thế là sao?” Stern nói. Anh ta cảm thấy câu hỏi của mình đang bị xem thường.

“Thứ gọi là nghịch lý thời gian ấy,” Doniger nói, “thực ra chẳng hề liên quan gì đến thời gian hết. Chúng bao hàm những ý tưởng về lịch sử nghe rất hấp dẫn nhưng hoàn toàn sai lầm. Hấp dẫn, vì chúng dụ các bạn vào cái suy nghĩ rằng các bạn có thể có tác động nào đó tới dòng chảy thời gian. Và rất sai, vì dĩ nhiên là, các bạn không thể.”

“Ta không thể tác động đến dòng sự kiện sao?”

“Không.”

“Dĩ nhiên là ta có thể chứ.”

“Không. Ta không thể. Sẽ dễ hơn nếu ta lấy một ví dụ trong thời hiện đại. Giả sử anh đến xem một trận đấu bóng chày. Đội Yankee và đội Mets – đội Yankee sắp thắng đến nơi, hiển nhiên là thế. Anh muốn thay đổi kết quả để đội Mets có thể thắng. Anh có thể làm gì? Anh chỉ là một người đơn độc trong cả đám đông mà thôi. Nếu anh cố lẩn ra khu đường hầm vào sân, anh sẽ bị cản lại. Nếu anh cố nhào vào sân, anh sẽ bị đuổi ra. Hầu hết các hành động thông thường anh có thể làm được đều sẽ thất bại và chẳng thể thay đổi kết quả trận đấu được.



“Hãy thử chọn một hành động có vẻ cực đoan hơn xem: anh sẽ bắn vào người ném bóng của đội Yankee. Nhưng cái giây phút anh rút súng, khả năng cao là anh sẽ bị đám cổ động viên cuồng nhiệt kia đè bẹp. Thậm chí nếu anh có bắn được đi nữa, anh cũng gần như là sẽ trượt. Và thậm chí nếu anh có bắn trúng người ném bóng đi chăng nữa, kết quả sẽ là gì? Một người ném bóng khác sẽ thế vị trí của anh ta. Và đội Yankee sẽ vẫn thắng trận đấu đó.

“Hãy thử chọn một hành động thậm chí còn cực đoan hơn. Anh sẽ xịt khí độc và giết tất cả mọi người trong sân vận động. Một lần nữa, anh lại khó có khả năng thành công, với cùng tất cả những lý do có thể làm cho anh bắn trượt. Nhưng thậm chí anh có thể giết được tất cả mọi người, anh cũng chẳng thể có cơ hội thay đổi kết quả trận đấu. Anh có thể tranh luận rằng anh đã đẩy lịch sử đi theo một hướng khác – và có lẽ là thế thật – nhưng anh vẫn không thể làm cho đội Mets thắng trận đấu. Thực tế là anh chẳng làm được gì để giúp đội Mets thắng hết. Anh sẽ cứ mãi ở vai trò của anh thôi: một khán giả.

“Và cái định luật này cũng sẽ ứng dụng đối với phần lớn các sự kiện khác trong lịch sử. Một con người đơn thuần chẳng làm được mấy để thay đổi mọi sự theo một cách có ý nghĩa được. Dĩ nhiên là số đông quần chúng có thể ‘thay đổi được dòng chảy của lịch sử’. Nhưng với chỉ một người? Không.”

“Có lẽ thế,” Stern nói, “nhưng tôi có thể giết được ông cố của mình. Và nếu ông cụ chết thì tôi sẽ không được sinh ra nữa, thế nên tôi sẽ không tồn tại, và thế là tôi sẽ không thể bắn được ông ấy. Và đó là một nghịch lý.”

“Phải, đúng thế – cứ cho là anh thực sự có thể giết được ông cố của mình. Nhưng chuyện đó thực tế có thể rất là khó khăn đấy. Quá nhiều thứ không như ý luôn xảy ra. Anh có thể sẽ không gặp được ông ấy vào đúng thời điểm. Anh có thể sẽ bị xe buýt tông trên đường. Hay anh có thể rơi vào bẫy tình. Anh có thể bị cảnh sát bắt. Anh có thể giết ông ấy quá muộn, sau khi cha mẹ anh đã được thụ thai. Hay anh có thể mặt đối mặt với ông ấy, và nhận ra rằng mình không thể bóp cò.”

“Nhưng về lý thuyết...”

“Khi chúng ta giải quyết các vấn đề lịch sử, lý thuyết chẳng có giá trị gì hết,” Doniger vừa nói vừa vẫy tay đầy khinh khi. “Lý thuyết chỉ có giá trị khi nó có khả năng dự đoán kết quả tương lai. Nhưng lịch sử là bản ghi chép các hành động của con người – và chẳng lý thuyết nào có thể dự đoán được hành động của con người hết.”

Gã xoa hai tay vào nhau.

“Thế giờ chúng ta có nên kết thúc tất cả những giả thiết này và lên đường không nhỉ?”

Những tiếng xì xầm cất lên giữa những người còn lại.

Stern hăng giọng. “Thực ra thì,” anh ta nói, “tôi không nghĩ là mình sẽ đi đâu.”

\*

\*

Marek đã dự đoán trước chuyện này. Anh ta đã quan sát Stern suốt lúc báo cáo, nhận thấy cái cách anh ta cứ đổi vị trí ngồi liên tục, như thể anh ta không thoải mái nổi vậy. Sự lo âu của Stern cứ tăng dần đều từ lúc chuyển đi bắt đầu.

Bản thân Marek chẳng lẫn tẩn gì chuyện mình sẽ đi hết. Từ thời niên thiếu, anh ta đã sống và hít thở thế giới Trung Cổ, tưởng tượng mình đang ở Warburg và Carcassonne, Avignon và Milan. Anh ta đã gia nhập những cuộc chiến chống người xứ Wales với vua Edward đệ nhất. Anh ta đã thấy những người dân thành Calais đầu hàng, và cũng đã tham dự hội chợ sâm banh. Anh ta đã sống ở những cung điện lộng lẫy của Eleanor xứ Aquitaine và Công tước xứ Berry. Marek sẽ đi chuyển này, dù thế nào đi nữa. Còn Stern thì...

“Tôi xin lỗi,” Stern nói, “nhưng đây không phải việc của tôi. Tôi chỉ nhập đội của Giáo sư vì bạn gái tôi đang học trường mùa hè ở Toulouse thôi. Tôi không phải một nhà sử học. Tôi là một nhà khoa học. Và gì đi nữa, tôi cũng không nghĩ việc này lại an toàn đâu.”

Doniger nói, “Anh không nghĩ máy an toàn à?”

“Không, cái nơi đó kia. Cái năm 1357 ấy. Có nội chiến ở Pháp sau trận Poitiers. Những nhóm lính lang bạt cướp phá khắp vùng đồng quê. Trộm cướp, giết người, hỗn loạn xảy ra khắp nơi.”

Marek gật đầu. Nói thế hẳn còn là nhẹ so với tình hình. Thế kỷ mười bốn là một thế giới điêu tàn, và rất nguy hiểm. Đó là một thế giới của tôn giáo; hầu hết người dân đều đến nhà thờ mỗi ngày một lần. Nhưng đó lại là một thế giới khủng khiếp tàn bạo, nơi những đội quân xâm lăng tàn sát không trừ một ai, nơi cảnh phụ nữ và trẻ em bị chém chết diễn ra hằng ngày, nơi phụ nữ có mang bị moi ruột làm trò tiêu khiển. Đó là một thế giới đầy những mỹ từ chót lưỡi đầu môi về tinh thần hiệp sĩ cao thượng trong khi cướp phá và giết chóc không từ chỗ nào, nơi phụ nữ được coi là chẳng có quyền lực gì và thật mong manh, nhưng họ lại cai quản của cải, ra lệnh cho cả lâu đài, kiểm tình nhân tùy hứng và đứng sau những âm mưu ám sát cũng như tạo phản. Đó là một thế giới mà chuyện thay đổi biên giới cũng như đồng minh diễn ra như cơm bữa, ngày qua ngày. Đó là một thế giới đầy rẫy chết chóc, dịch bệnh lan tràn, chiến tranh liên miên.

Gordon nói với Stern, “Tôi thực sự không muốn ép anh.”

“Nhưng nhớ là,” Doniger nói, “anh sẽ không phải một mình đâu. Chúng tôi sẽ cho người hỗ trợ đi cùng với các anh.”

“Tôi xin lỗi,” Stern cứ nói mãi. “Tôi xin lỗi.”

Cuối cùng Marek nói, “Để cậu ấy ở lại đi. Cậu ấy nói đúng đấy. Đó không phải thời của cậu ấy, và đây cũng không phải chuyện của cậu ấy.”

“Giờ anh đề cập đến việc đó,” Chris nói, “tôi cũng đang nghĩ: đó cũng không phải thời của tôi. Tôi hợp với cuối thế kỷ mười ba hơn là đúng vào giữa thế kỷ mười bốn. Có lẽ tôi nên ở lại với David...”

“Quên đi,” Marek nói, quàng tay qua vai Chris. “Cậu sẽ ổn thôi.” Marek coi đó cứ như một câu nói đùa, dù anh ta biết Chris không hoàn toàn đùa.

Không hoàn toàn.

Căn phòng rất lạnh. Màn sương lạnh buốt bao lấy bàn chân và mắt cá chân họ. Họ tạo nên những lớp cuộn sóng giữa màn sương khi bước dần về phía những cỗ máy.

Bốn chiếc lồng đã được nối sẵn phần đế vào nhau, và chiếc lồng thứ năm đứng riêng biệt. Baretto nói, “Cái này là của tôi,” và bước vào trong chiếc lồng riêng kia. Anh ta đứng thẳng, nhìn về phía trước, chờ đợi.

Susan Gomez bước vào một chiếc lồng trong cụm kia, và nói, “Những người còn lại đi cùng với tôi.” Marek, Kate và Chris trèo vào trong những chiếc lồng bên cạnh cô. Cỗ máy dường như được đặt trên những cái lò xo; chúng rung lên nhẹ nhàng khi mọi người bước vào.

“Tất cả mọi người đã sẵn sàng rồi chứ?”

Những người kia xì xào rồi gật đầu.

Baretto nói, “Các quý cô trước.”

“Anh đúng rồi đây,” Gomez nói. Dường như chẳng có chút may mắn chí nào giữa họ hết. “Được rồi,” cô nói với những người còn lại. “Chúng ta đi thôi.”

Đầu Chris bắt đầu lắc lư. Anh cảm thấy chóng mặt và hơi hoảng loạn. Anh nắm chặt tay lại.

Gomez nói, “Thư giãn đi. Tôi nghĩ anh sẽ thấy nó khá thú vị đấy.” Cô luôn miến chip vào cái khe phía dưới chân, và đứng lù lùi lại một chút.

“Ta đi. Nhớ này: tất cả mọi người phải đứng thật yên khi thời điểm đó đến.”

Cỗ máy bắt đầu rì rì kêu. Chris thấy phần nền dưới chân mình hơi rung lên. Tiếng rì rì của những cỗ máy càng lúc càng lớn hơn. Màn sương cuộn xoáy khỏi sàn máy. Những cỗ máy bắt đầu phát ra những tiếng răng rắc chát chúa, như thể kim loại đang bị vặn xoắn lại vậy. Tiếng âm tăng lên nhanh chóng, cho tới khi nó ổn định lại và to như xé tai vậy.

“Tiếng đó là từ heli hóa lỏng đấy,” Gomez nói. “Lạnh hóa kim loại tới nhiệt độ siêu dẫn.”

Thình lình tiếng rú rít im bật và tiếng chát chúa bắt đầu.

“Quét bằng tia hồng ngoại,” cô nói. “Đến lúc rồi.”

Chris cảm thấy dường như cả người mình bắt đầu run lên không cưỡng lại được. Anh cố kìm nó lại, nhưng hai chân vẫn đang rung lên. Anh cảm thấy hoảng loạn trong giây lát – có lẽ anh nên hủy – nhưng rồi lại nghe thấy giọng nói thu sẵn cất lên, “Đứng yên – mở mắt...”

Quá muộn rồi, anh nghĩ. Quá muộn rồi.

“... hít thật sâu – giữ nguyên thế. *Rồi!*”

Vòng tròn hạ xuống từ phía trên đầu anh, di chuyển thật nhanh xuống chân. Nó kêu cách một tiếng khi chạm đến sàn. Và một vài giây sau, một luồng sáng chói lòa vụt ra sáng hơn cả ánh mặt trời đến từ khắp mọi nơi xung quanh anh – nhưng anh chẳng cảm thấy gì hết. Thực tế, anh đột ngột có cảm giác lạnh lùng chẳng quan tâm khá kỳ lạ, cứ như là giờ anh đang quan sát một khung cảnh nào đó xảy ra ở đằng xa vậy.

Thế giới xung quanh anh hoàn toàn tuyệt đối yên lặng.

Anh thấy cỗ máy bên cạnh đang chứa Baretto càng lúc càng trở nên lớn hơn, bắt đầu trùm bóng lên anh. Baretto, một người khổng lồ, khuôn mặt to đùng với những lỗ chân lông khủng khiếp, đang cúi người xuống, nhìn về phía họ.

Thêm nhiều luồng sáng nữa.

Khi cỗ máy của Baretto trở nên lớn hơn, nó cũng có vẻ như bắt đầu chuyển động ra xa họ, để lộ ra một khu nền nhà rộng lớn: một nền đồng bằng bao la làm bằng cao su đen, trải ra tận phía xa.

Thêm nhiều luồng sáng nữa.

Nền nhà cao su có những họa tiết vòng tròn đập nổi. Bây giờ thì những vòng tròn đó bắt đầu chuyển dựng lên phía trên họ như những vách màu

đen. Rồi ngay sau đó những vách màu đen ấy mọc lên cao và trở thành những tòa nhà chọc trời màu đen, tất cả hội tụ lại ở phía trên, che đi mọi ánh sáng từ phía trên chiếu xuống. Cuối cùng thì những tòa nhà chọc trời chạm vào nhau và toàn bộ thế giới chìm vào bóng tối.

Thêm nhiều luồng sáng nữa.

Họ chìm vào bóng tối đen như mực trong một thoáng trước khi anh nhìn thấy những đốm sáng nhỏ lập lòe, được sắp xếp theo dạng mạng, tỏa ra khắp mọi hướng. Như thể chúng đang ở trong một kiểu cấu trúc tinh thể phát sáng khổng lồ nào đó. Khi Chris quan sát, những đốm sáng càng lúc càng trở nên rạng rỡ và lớn hơn, cạnh của chúng mờ dần đi, cho tới khi mỗi đốm sáng trở thành một quả cầu phát sáng mờ ảo. Anh băn khoăn không biết chúng có phải là những hạt nguyên tử hay không.

Anh chẳng còn nhìn thấy mạng sáng nữa, chỉ còn vài khối cầu gần đó. Chiếc lồng của anh di chuyển thẳng về phía một khối cầu phát sáng, thứ có vẻ như đang đập thành thịch, vừa lập lòe vừa thay hình đổi dạng.

Rồi họ đã ở trong quả cầu đó, chìm vào trong một màn sương rục rờ dường như đang đập thành thịch đầy năng lượng.

Rồi ánh sáng mờ dần và biến mất.

Họ bị nhốt giữa bóng tối vô định. Chẳng có gì hết.

Bóng tối.

Nhưng rồi anh nhận thấy rằng họ vẫn đang chìm dần thẳng xuống bề mặt dầy sóng của một mặt biển đen ngòm giữa màn đêm tăm tối. Biển dầy sóng liên hồi, tạo nên những lớp bọt xanh thẫm sủi lên khắp nơi. Khi họ hạ dần xuống mặt biển, lớp bọt càng lúc càng trở nên lớn hơn. Chris thấy một chiếc bong bóng đơn lẻ phát ra một luồng sáng xanh da trời đậm cực kỳ rục rờ.

Cỗ máy của anh di chuyển về phía quầng sáng ấy với tốc độ tăng dần, bay càng lúc càng nhanh hơn, và anh có cái cảm giác kỳ cục là họ sẽ đâm

vào lớp bột kia, rồi họ tiến vào bên trong chiếc bong bóng đó và anh nghe thấy một tiếng rít xé tai.

Rồi im lặng.

Bóng tối.

Chẳng có gì hết.



Trong phòng điều khiển, David Stern ngồi nhìn những tia sáng trên nền nhà cao su càng lúc càng nhỏ lại và yếu dần đi, cuối cùng hoàn toàn biến mất. Những cỗ máy đã đi rồi. Những kỹ thuật viên ngay lập tức quay về phía Baretto và bắt đầu đếm ngược thời điểm dịch chuyển của anh ta.

Nhưng Stern cứ nhìn chăm chăm vào cái điểm trên nền nhà nơi Chris và những người khác vừa ở đó.

“Thế giờ họ đang ở đâu vậy?” anh ta hỏi Gordon.

“Ồ, họ đến nơi rồi,” Gordon nói. “Giờ họ đã đến đó rồi.”

“Họ đã được tái tạo rồi à?”

“Ừ.”

“Mà không hề có một cái máy fax ở đầu bên kia?”

“Đúng đấy.”

“Nói tôi biết đi,” Stern nói. “Nói tôi biết những chi tiết những người khác không cần biết đi.”

“Được rồi,” Gordon nói. “Cũng chẳng có gì là xấu hết. Tôi chỉ nghĩ là những người khác sẽ thấy chuyện đó, thật ra là, *khá khó chịu*.”

“Ừ hử.”

“Quay lại với hiện tượng giao thoa,” Gordon nói, “thứ anh vẫn còn nhớ, đã cho chúng ta thấy rằng các vũ trụ khác có thể tác động tới vũ trụ của chúng ta. Chúng ta không phải làm gì để các hiện tượng giao thoa xảy ra hết. Chúng cứ tự xảy ra thôi.”

“Ừ.”

“Và sự tác động lẫn nhau này rất đáng tin cậy; nó lúc nào cũng xảy ra, bất cứ khi nào anh tạo ra một cặp khe sáng.”

Stern gật đầu. Anh ta đang cố nghĩ xem chuyện này sẽ đi tới đâu, nhưng anh ta không thể đoán trước được Gordon sẽ đi hướng nào.

“VẬY là chúng ta biết rằng trong một số trường hợp nào đó, chúng ta có thể tin chắc những vũ trụ khác sẽ làm một chuyện gì đó xảy ra. Chúng ta tạo ra những khe sáng, và những vũ trụ khác tạo nên những mẫu giao thoa mà chúng ta có thể thấy, mọi lúc.”

“ĐƯỢC rồi...”

“Và, nếu chúng ta dịch chuyển qua một hố không gian-thời gian, người được di chuyển sẽ luôn luôn được tái tạo lại ở đầu bên kia. Chúng ta cũng có thể tin chắc chuyện đó nữa.”

Một khoảng lặng.

Stern cau mày.

“ĐỢI chút,” anh ta nói. “Có phải anh đang nói rằng khi anh dịch chuyển, người đó sẽ được tái tạo bởi một vũ trụ khác phải không?”

“VỀ thực tế, đúng vậy, tôi muốn nói là, nó phải vậy. Chúng ta thật sự là không tái tạo họ được, vì chúng ta không ở đó. Chúng ta ở trong vũ trụ này.”

“Thế tức là *các anh* không tái tạo...”

“Ừ.”

“VÌ các anh không biết phải làm thế nào,” Stern nói.

“VÌ chúng tôi thấy rằng nó chẳng cần thiết,” Gordon nói. “Cũng như là chúng ta thấy rằng không cần phải dán mấy cái đĩa vào bàn để làm chúng nằm yên. Chúng tự nằm yên được. Chúng ta có thể lợi dụng được một đặc tính của Vũ trụ, là trọng lực. Và trong trường hợp này, chúng ta đang lợi dụng một đặc tính của đa vũ trụ.”

Stern chau mày. Anh ta lập tức nghi ngờ cái phép so sánh đó; nó quá hời hợt, quá đơn giản.

“Thế này,” Gordon nói, “cốt lõi của công nghệ lượng tử là nó gói lên các vũ trụ khác nhau. Khi một chiếc máy tính lượng tử tính toán – khi cả ba mươi hai trạng thái lượng tử của electron được đem ra dùng – về mặt kỹ

thuật thì cỗ máy đó đang làm những phép tính đó trong những vũ trụ khác, đúng chứ?”

“Phải, về mặt kỹ thuật thì là thế, nhưng...”

“Không, không chỉ là về mặt kỹ thuật thôi đâu. Thật sự là thế đấy.”

Một khoảng lặng.

“Có thể sẽ dễ hiểu hơn,” Gordon nói, “nếu xem xét nó từ góc nhìn của vũ trụ kia. Vũ trụ đó sẽ thấy có một con người đột ngột xuất hiện. Một con người đến từ một vũ trụ khác.”

“Phải...”

“Và chuyện xảy ra là như thế. Người đó *vừa mới* đến từ một vũ trụ khác. Không phải là vũ trụ của chúng ta.”

“Anh bảo sao cơ?”

“Người đó không hề đến từ vũ trụ của chúng ta,” Gordon nói.

Stern hấp háy mắt. “Thế thì từ đâu?”

“Họ đến từ một vũ trụ nào đó gần như giống hệt vũ trụ của chúng ta – giống hệt trong mọi phương diện – trừ việc là họ biết làm cách nào để tự tái tạo được ở đâu bên kia.”

“Anh đang đùa đấy à.”

“Không.”

“Cô Kate đi tới đó không phải là cô Kate đã rời khỏi đây sao? Cô ấy là một cô Kate đến từ một vũ trụ khác à?”

“Phải.”

“Thế cô ấy gần như là Kate à? Đại loại là Kate? Nửa-Kate?”

“Không. Cô ấy là Kate. Qua các thử nghiệm của mình, chúng tôi có thể nói rằng cô ấy hoàn toàn tương đồng với Kate của chúng ta. Vì vũ trụ của chúng ta và vũ trụ của họ gần như hoàn toàn tương đồng.”

“Nhưng cô ấy vẫn không phải cô Kate đã rời đây.”

“Sao cô ấy có thể là thế được? Cô ấy đã bị tiêu hủy, và được tái tạo rồi.”

“Người ta có thấy khác biệt gì khi chuyện này xảy ra không?” Stern nói.

“Chỉ một hoặc hai giây mà thôi,” Gordon nói.

Tối đen.

Im ắng, và rồi đằng xa, ánh sáng trắng lóe lên.

Đến gần hơn. Rất nhanh.

Chris rùng mình khi một một dòng điện cực mạnh đột ngột chạy qua người anh, làm những ngón tay của anh co giật. Trong giây lát, anh đột ngột *cảm nhận được* cơ thể mình, như người ta cảm nhận được quần áo khi mới mặc chúng lên; anh có thể cảm nhận được thịt da đang bao lấy người mình, cảm nhận được sức nặng của nó, trọng lực, áp lực của cơ thể đè nặng lên gan bàn chân. Rồi một cơn đau đến vánh hết đầu, tiếng mạch đập, rồi nó qua đi và anh bị bao quanh bởi một luồng ánh sáng tím đậm đặc. Anh rúm lại, hấp háy mắt.

Anh đang đứng giữa ánh nắng mặt trời. Không khí mát và ẩm. Chim hót ríu rít trên những tán cây cao rộng. Những tia nắng xuyên qua vòm cây sum suê, lốm đốm tỏa ánh xuống đất. Anh đang đứng giữa một chùm nắng. Cổ máy ở bên cạnh một lối đi hẹp đầy bùn ngoằn ngoèo đâm qua rừng. Thẳng trước mặt, qua một lỗ hổng giữa những tán cây, anh nhìn thấy một ngôi làng Trung Cổ.

Đầu tiên là một cụm các lô đất và lều trại, khói xám cuộn lên từ những mái nhà tranh. Rồi một bức tường đá và những mái nhà đá đen thẫm của thị trấn, và cuối cùng, ở phía xa, là tòa lâu đài với những tháp canh hình tròn.

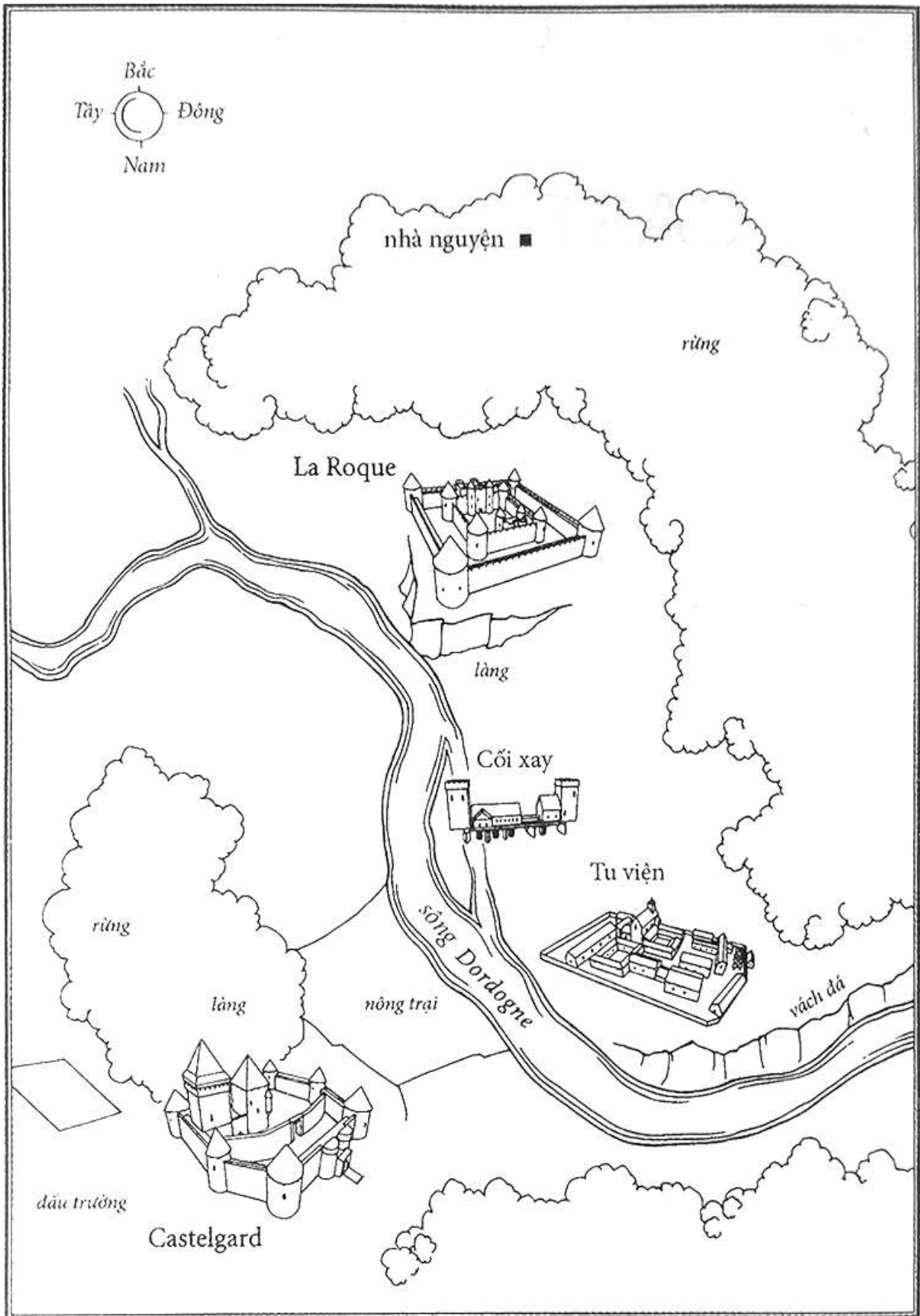
Anh nhận ra ngay lập tức: thị trấn và pháo đài Castलगard. Và nó chẳng còn là một phế tích nữa. Những bức tường đều hoàn hảo.

*Anh đã đến nơi đó rồi.*

## **CASTELGARD**

“Chẳng thứ gì trên thế giới này lại chắc chắn bằng cái chết. “

JEAN FROISSART, 1359







37:00:00

Gomez nhẹ nhàng nhảy ra khỏi cỗ máy. Marek và Kate chậm rãi bước ra khỏi mấy cái lồng, nhìn quanh với vẻ bất ngờ. Chris cũng trèo ra ngoài luôn. Chân anh chạm xuống nền đất đầy rêu. Đất dưới chân thật mềm.

Marek nói, “Tuyệt!” và đi khỏi cỗ máy ngay lập tức, bước qua lối đi bùn đất để nhìn thành phố được rõ hơn. Kate đi theo sau anh ta. Cô dường như vẫn sốc.

Nhưng Chris muốn ở gần cỗ máy. Anh xoay người một cách từ từ, nhìn vào khu rừng. Anh có cảm giác nó rất tối tăm, hoang sơ và dày đặc. Những thân cây, anh để ý, đều rất lớn. Một vài thân cây lớn đến nỗi ba bốn người trốn sau nó cũng được. Chúng vươn thẳng lên nền trời, trải một vòm lá khổng lồ trên đầu họ phủ bóng hầu hết vùng đất phía dưới.

“Đẹp thật đấy nhỉ?” Gomez nói. Cô dường như đã nhận ra rằng anh không được thoải mái cho lắm.

“Phải, rất đẹp,” anh đáp lại. Nhưng anh chẳng cảm thấy thế chút nào hết; có thứ gì đó trong khu rừng này khiến anh cảm thấy thật đáng sợ. Anh quay người ra tứ phía, cố giải thích tại sao mình lại có cái cảm giác rõ rệt là thứ mình đang nhìn thấy đây có gì đó kỳ cục – có gì đó thiếu thiếu, hoặc không bình thường. Cuối cùng anh nói, “Có cái gì *không ổn* thì phải?”

Cô cười phá lên. “Ồ cái đó,” cô nói. “Nghe đi.”

Chris đứng lặng đi trong một chốc, lắng nghe. Tiếng chim riu rít, tiếng xào xạc nhẹ nhàng của gió trong những tán cây. Nhưng ngoài những cái đó ra...

“Tôi chẳng nghe thấy gì hết.”

“Đúng rồi,” Gomez nói. “Một vài người cũng cảm thấy hơi bối rối khi lần đầu tiên đến đây. Chẳng hề có âm thanh ồn ã gì ở đây hết, chẳng có xe cộ nào qua lại hết. Ở thế kỷ hai mươi, chúng ta đã quá quen với việc sống

cùng âm thanh tiếng ồn mọi lúc mọi nơi rồi, thành ra sự tĩnh lặng dường như có vẻ gì đó rất ma quái.”

“Tôi nghĩ chắc là đúng thế thật.” Ít nhất đó cũng chính xác là những gì anh đang cảm nhận. Anh quay lưng khỏi rừng cây và nhìn vào con đường bùn đất, ngập nắng đi xuyên vào khu rừng. Ở nhiều nơi, bùn sâu tới hơn nửa mét, bị giày xéo thảm thương bởi những vết móng guốc.

Đây là một thế giới của ngựa, anh nghĩ.

Chẳng có tiếng động của một thứ máy móc nào. Đây những vết móng guốc.

Anh hít một hơi thật dài, và từ từ thở ra. Thậm chí cả không khí cũng khác nữa. Đậm và phẩn chấn như thể nó có nhiều ô xy hơn vậy.

Anh quay người lại, và thấy những cỗ máy đã biến mất. Gomez có vẻ chẳng hề quan tâm. “Máy đâu rồi?” anh hỏi, cổ không tỏ ra lo lắng.

“Nó trôi đi rồi.”

“Nó trôi đi rồi?”

“Khi những cỗ máy được sạc đầy, chúng hơi không ổn định một chút. Chúng có xu hướng trượt khỏi thời điểm hiện tại. Thế nên chúng ta không thể thấy chúng được.”

“Chúng ở đâu?” Chris nói.

Cô nhún vai. “Thật sự là chúng tôi không biết. Chúng chắc hẳn là đang ở trong một vũ trụ khác. Dù chúng có ở đâu đi nữa, chúng cũng ổn thôi. Chúng luôn luôn quay trở lại mà.”

Để chứng minh, cô giơ miếng chip định vị lên và ấn đầu móng tay vào cái nút. Giữa những luồng sáng chói lòa, mấy cỗ máy đồng loạt trở lại: cả bốn chiếc lồng, đứng đúng tại chỗ chúng từng đứng mấy phút trước.

“Giờ chúng sẽ ở đây trong khoảng một, hoặc là hai phút nữa,” Gomez nói. “Nhưng kiểu gì thì chúng cũng sẽ lại trôi đi nữa thôi. Tôi cứ để chúng đi. Để chúng khỏi ngáng đường.”

Chris gật đầu; cô dường như biết rõ công việc. Nhưng cái ý nghĩ là những cỗ máy ấy cứ trôi đi như thế làm Chris không khỏi lo ngại; những cái máy ấy là tấm vé về nhà của anh, và anh không thích nghĩ là chúng cứ hoạt động theo những quy tắc của riêng mình và có thể tự do tùy ý biến mất. Anh nghĩ, liệu có ai đó chịu đi máy bay không nếu người phi công nói rằng nó “không ổn định”? Anh thấy trán mình man mát, và anh biết chẳng mấy chốc mình sẽ vã mồ hôi lạnh đầy ra cho xem.

Để làm sao nhãng bản thân, Chris tự đi qua lối đó, theo sau những người kia, cố không sụp xuống bùn. Lại được ở trên nền đất cứng, anh xuyên qua một đám cây bụi dày đặc, một loại cây cao tới thắt lưng xúm xít vào nhau, giống đỗ quyên vậy. Anh liếc lại phía Gomez: “Có gì phải chú ý trong khu rừng này không vậy?”

“Chỉ có răn hổ thôi,” cô nói. “Chúng thường ở trên những cành cây thấp. Chúng rơi xuống vai của anh và cắn anh.”

“Tuyệt,” anh nói. “Chúng có độc không?”

“Rất.”

“Có chết người không?”

“Đừng lo, chúng hiếm gặp lắm,” cô nói.

Chris quyết định không hỏi thêm gì nữa. Dù sao, giờ anh cũng đã ra được tới chỗ có nắng xuyên qua giữa những tán cây dày đặc kia rồi. Anh nhìn xuống và thấy dòng Dordogne ở sáu trăm mét phía dưới, ngoằn ngoèo uốn quanh các nông trại, và vừa nhìn anh vừa nghĩ, chẳng khác mấy so với quang cảnh thường thấy.

Nhưng nếu dòng sông vẫn thế, thì tất cả những thứ khác quanh đây đều đối khác so với hiện tại. Castलगard hoàn toàn nguyên vẹn, và thị trấn quanh nó cũng vậy. Phía xa những bức tường là các lô đất trống; một vài cánh đồng giờ đang được cày xới.

Nhưng sự chú ý của anh đang được chuyển sang phía tay phải, anh nhìn xuống một tổ hợp tu viện hình chữ nhật – và cây cầu cối xay được gia cố

*của anh*, anh nghĩ. Cây cầu anh đã nghiên cứu suốt mùa hè...

Và thật là không may; nó trông rất khác với những gì anh đã cho tái tạo trong máy tính.

Chris nhìn thấy có tới bốn bánh xe, chứ không phải ba, khuấy tung dòng chảy phía dưới cây cầu. Và cây cầu phía trên đó không phải là một thể hoàn toàn thống nhất. Dường như có ít nhất là hai kết cấu riêng biệt trong đó; như những ngôi nhà nhỏ vậy. Cái to hơn được làm bằng đá, và cái nhỏ hơn được làm bằng gỗ, cho thấy là kết cấu đó đã được dựng lên vào những thời điểm khác nhau. Từ phía tòa nhà bằng đá, khói tỏa lên một cột liên mạch màu xám. Vậy có thể là họ thực sự đã luyện thép ở đó, anh nghĩ thế. Nếu anh có ống thổi chạy bằng sức nước, thì anh có thể có một cái lò nung thực sự. Điều đó cũng giúp giải thích cho những kết cấu tách riêng kia nữa. Vì những cối xay thóc hoặc ngô chẳng bao giờ được phép có khói hay lửa từ bên trong hết – thậm chí cả nền cũng không luôn. Đó là lý do tại sao các cối xay ngũ cốc chỉ hoạt động vào ban ngày.

Chìm vào những chi tiết đó, anh cảm thấy người nhẹ hẫng đi.

\*

\*

Ở phía xa trên con đường đất bùn, Marek nhìn trân trân vào ngôi làng Castelgard, cảm giác bàng hoàng từ từ tràn ngập trong lòng.

*Anh ta đã ở đây rồi.*

Anh ta cảm thấy ngây ngất, gần như choáng váng vì phần khích khi nhìn kỹ hơn. Ở những cánh đồng phía bên dưới, nông dân mặc những chiếc quần tất vá víu, những chiếc áo chùng đỏ và xanh da trời, vàng cam và hồng đỏ. Những màu sắc rực rỡ nổi bật trên nền đất đen. Hầu hết các cánh đồng đều đã được cấy trồng xong xuôi, những luống cày đã được khép lại. Giờ là

đầu tháng Tư, thế là vụ xuân trồng lúa mạch, đậu, yến mạch, và đậu Hà Lan – cái vụ người ta hay gọi là Mùa Chay ấy – đã sắp hoàn thành.

Anh ta đứng nhìn một cánh đồng mới đang được cày, lưỡi cày bằng sắt đen được kéo bởi hai con bò. Cái cày xới chỗ đất trên luống thật gọn ghẽ sang hai bên. Anh ta rất hài lòng khi thấy một miếng gỗ được đặt lên phía trên lưỡi cày. Đó là lưỡi lật, một thứ rất đặc trưng của thời kỳ này.

Đi phía sau người thợ cày, một người nông dân gieo hạt với những cái vung tay rất nhịp nhàng. Túi hạt treo vắt vẻo trên vai. Một đoạn ngắn phía sau người gieo hạt, những chú chim xập xòe bay xuống luống cày, cố mổ hạt giống. Nhưng chẳng được lâu. Trên cánh đồng gần đó, Marek nhìn thấy có người đang bừa: một người đàn ông đang cưỡi một con ngựa kéo sau lưng một cái ách bằng gỗ hình chữ T được ghìm xuống nhờ một tảng đá lớn. Người đi bừa đóng luống, bảo vệ cho chỗ hạt giống.

Tất cả mọi thứ dường như chuyển động theo một nhịp điệu rất nhẹ nhàng, đều đặn: bàn tay gieo hạt, cái cày xới đất, cái bừa cào đất. Và gần như chẳng có tiếng động nào trong buổi sáng tĩnh mịch, chỉ có tiếng rì rầm của côn trùng và tiếng riu rít của chim chóc.

Phía xa cánh đồng, Marek nhìn thấy một bức tường đá cao tới sáu mét bao lấy thị trấn Castलगard. Những phiến đá có màu xám xịt, bạc đi vì sương gió. Ở một khu tường, bức tường đang được sửa chữa; những tảng đá mới có màu sáng hơn, vàng xám. Những người thợ nề đang khom lưng, thoăn thoắt làm việc. Phía trên bức tường, những người lính canh trong bộ giáp sắt gấn xích đang đi tuần qua lại, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn một cách đầy lo âu về phía xa.

Và nổi lên trên tất cả mọi thứ, là tòa lâu đài, với những tòa tháp tròn và những đỉnh mái bằng đá đen. Những lá cờ phấp phới bay lên từ phía các tháp canh. Tất cả các lá cờ đều có cùng gia huy: một tấm khiên xám pha nâu đỏ với một bông hồng bạc.

Nó tạo cho lâu đài ấn tượng rất hội hè, và thực sự, trên một cánh đồng ngay phía ngoài vòng tường bao quanh thị trấn, một khu khán đài lớn bằng

gỗ, một kiểu khán đài không có mái che, đang được dựng lên để phục vụ cho giải thi đấu. Một đám đông nhỏ đã bắt đầu tụ tập lại. Vài hiệp sĩ đang ở đó, ngựa được buộc bên cạnh những căn lều đủ màu sắc sỡ đang được dựng ở khắp khu thi đấu. Người hầu và người giữ ngựa chậm rãi và thận trọng đi qua những căn lều, mang giáp trụ và nước cho ngựa.

Marek nhìn hết tất cả mọi thứ và thở một hơi dài đầy mãn nguyện.

Tất cả những gì anh ta đang thấy đều chính xác, cho tới cả những chi tiết nhỏ nhất. Tất cả đều là thật.

*Anh ta đã ở đây rồi.*

\*

\*

Kate Erickson nhìn chăm chăm vào Castelgard với cảm giác hoàn toàn bối rối. Bên cạnh cô, Marek thở dài như một người đang yêu, nhưng cô không rõ là vì sao. Dĩ nhiên, bây giờ Castelgard đã là một thị trấn sống động, có lại hào quang xưa cũ của nó, những ngôi nhà và lâu đài hoàn chỉnh. Nhưng nhìn tổng thể, quang cảnh trước mắt cô trông chẳng khác gì bất kỳ một vùng đồng quê nước Pháp nào. Có lẽ hơi lạc hậu so với hầu hết các nơi đó, với ngựa và bò thay vì máy kéo. Nhưng mặt khác... ồ, nó cũng chẳng khác đến thế.

Về mặt kiến trúc mà nói, điểm khác biệt lớn nhất cô thấy giữa khung cảnh đang hiện ra trước mắt với hiện tại là tất cả các ngôi nhà đều có mái đá, được làm từ những phiến đá đen xếp gối lên nhau. Những mái nhà đá này cực kỳ nặng và cần một khung đỡ bên trong thật chắc chắn, đó là lý do vì sao những ngôi nhà trong vùng Périgord không còn dùng chúng nữa, trừ những vùng dành cho khách du lịch. Cô đã quen với việc nhìn những ngôi nhà có mái ngói cong kiểu La Mã màu vàng đất, hay mái dẹt kiểu Pháp.

Nhưng ở đây, những kiểu nhà mái đá phiến có ở khắp mọi nơi. Chẳng có ngôi nghiếc gì hết.

Cứ tiếp tục ngắm nhìn cảnh vật, cô từ từ nhận ra những chi tiết khác nữa. Ví dụ, có rất nhiều ngựa; thực sự là rất nhiều, khi ta tính tới những con ngựa trên cánh đồng, ngựa ở khu thi đấu, ngựa kéo trên những con đường đất, và ngựa được thả rông trên thảo nguyên. Phải có tới cả trăm con ngựa trước mắt mình lúc này, cô nghĩ vậy. Cô không nghĩ rằng mình đã từng được thấy nhiều ngựa đến thế này, kể cả ở bang Colorado bản địa của mình. Tất cả các giống ngựa, từ những con ngựa chiến bóng mượt đẹp đẽ ở khu thi đấu tới những con ngựa lùn tịt tí tẹo ở trên đồng hay trong sân kho.

Và trong khi rất nhiều người làm việc trên cánh đồng phải mặc những bộ quần áo tồi tàn rách rưới, những người khác mặc quần áo rục rỡ đến nỗi họ gần như làm cô liên tưởng đến những người vùng Caribê. Những bộ quần áo này cũng được vá víu khắp nơi, nhưng luôn luôn là những gam màu đối chọi nhau, làm cho những vết vá nổi rõ cả từ đằng xa. Nó đã trở thành một kiểu thời trang.

Và, lại nữa, cô lại nhận ra một lần ranh rõ rệt giữa những khu đất khá nhỏ dành cho người sinh sống – thị trấn và những cánh đồng – với rừng bao quanh, một tấm thảm xanh mượt khổng lồ dày đặc, trải ra khắp mọi hướng. Ở nơi đây, rừng lấn lướt mọi thứ. Cô có cảm giác bị cả thiên nhiên hoang dã bao quanh, ở đây con người trở thành những kẻ xâm phạm xấu xa. Và chỉ là kẻ xâm phạm nhỏ nhoi.

Và khi nhìn lại thị trấn Castलगard, cô cảm thấy có gì đó không bình thường mà mình không thể lý giải nổi. Cho tới khi cuối cùng cô cũng nhận ra, chẳng có cái ống khói nào hết!

Chẳng có cái ống khói nào ở bất cứ đâu.

Nhà của những người nông dân chỉ có một cái lỗ trên mái để khói thoát ra. Trong thị trấn, mọi căn nhà đều tương tự nhau, dù mái nhà có là đá đi nữa: khói thoát ra từ một cái lỗ, hoặc từ một lỗ thông hơi trên tường. Cả tòa lâu đài cũng thiếu ống khói.

Cô đang nhìn vào thời điểm mà các ống khói chưa xuất hiện ở vùng này nước Pháp. Vì vài lý do nào đó mà cái chi tiết kiến trúc nhỏ nhoi này lại làm cô run lên kinh hãi. Một thế giới chưa có sự tồn tại của ống khói. Khi nào thì ống khói được phát minh ra vậy? Cô không nhớ chính xác được. Chắc chắn là đến những năm 1600, chúng đã rất phổ biến rồi. Nhưng từ bây giờ đến lúc ấy thì còn lâu lắm.

Cái “bây giờ” này, cô tự nhắc bản thân nhớ thế.

Phía sau lưng, cô nghe thấy tiếng Gomez nói, “Anh nghĩ mình đang làm cái quái gì vậy?”

\*

\*

Kate quay lại và thấy anh chàng dẫn đầu, Baretto, đã tới nơi. Chiếc lồng của anh ta nổi rõ ở bên kia đường, lùi sâu vài mét vào rừng.

“Tôi sẽ làm thứ tôi thực sự muốn làm,” anh ta nói với Gomez.

Anh ta đã cởi chiếc áo choàng vải thô ra, để lộ một chiếc thắt lưng da nặng nề với một khẩu súng lục và hai quả lựu đạn đen. Anh ta đang kiểm tra khẩu súng.

“Nếu chúng ta định thâm nhập vào thế giới này,” anh ta nói, “tôi sẽ phải chuẩn bị sẵn sàng.”

“Anh sẽ không được mang thứ đó theo đâu,” Gomez nói.

“Còn lâu tôi mới không được, chị gái ạ.”

“Anh không được phép. Anh biết làm thế là không được mà. Gordon không bao giờ cho phép mang vũ khí hiện đại vào thế giới quá khứ đâu.”

“Nhưng Gordon có ở đây đâu?” Baretto nói.

“Nhìn đi, khốn thật,” Gomez nói, và cô ấy rút con chip sứ ra, vẩy vẩy nó trước mặt Baretto.



Có vẻ như là cô ấy dọa sẽ quay trở lại.

## 36:50:22

Trong phòng điều khiển, một trong những kỹ thuật viên đang ở bên bàn theo dõi nói, “Chúng ta đang có hiện tượng nhảy trường.”

“Ồ, thật à? Tin tốt đây,” Gordon nói.

“Sao lại thế?” Stern nói.

“Nó có nghĩa,” Gordon nói, “là có ai đó sẽ quay lại trong vòng hai tiếng nữa. Không ngờ gì nữa, đó chính là các bạn của anh.”

“Thế có nghĩa là họ sẽ đưa Giáo sư về đây trong vòng hai tiếng nữa?”

“Đúng, đó chính xác là...” Gordon im bật đi, nhìn chăm chăm vào những chuyển động sóng trên màn hình. Một bề mặt hơi cuộn sóng, với một đường gai dựng ngược lên. “Là nó à?”

“Phải,” kỹ thuật viên nói.

“Nhưng biên độ lớn quá,” Gordon nói.

“Phải. Và khoảng giữa càng lúc càng ngắn lại. Nhanh quá.”

“Anh muốn nói là có ai đó đang quay trở lại ngay lúc này sao?”

“Ừm. Có vẻ là sắp rồi.”

Stern liếc nhìn đồng hồ. Đội mới vừa đi được vài phút. Họ không thể đưa Giáo sư về nhanh thế.

“Chuyện đó có nghĩa là gì?” Stern hỏi anh.

“Tôi không biết,” Gordon nói. Sự thật là, anh không thích tình hình phát triển ra thế này chút nào. “Chắc là họ gặp trục trặc gì đó.”

“Trục trặc kiểu gì?”

“Sớm thế này, có thể là do lỗi kỹ thuật. Có thể là lỗi dịch chuyển.”

Stern nói, “Lỗi dịch chuyển là sao?”

Anh kỹ thuật viên nói, “Tôi đang tính có một chuyến ngược trở lại đây trong vòng hai mươi phút và năm mươi bảy giây nữa.” Anh ta đang đo cường độ trường, và tần số xung.

“Có bao nhiêu người đang quay trở lại vậy?” Gordon nói. “Tất cả bọn họ à?”

“Không,” kỹ thuật viên nói. “Chỉ một thôi.”

## 36:49:19

Chris Hughes không thể chịu thêm được nữa; anh lại thấy căng thẳng rồi. Dù có dòng không khí mát ấm của buổi sáng đi chẳng nữa, anh vẫn cứ đổ mồ hôi, da lạnh ngắt, tim đập thình thịch. Nghe Baretto và Gomez tranh cãi, tinh thần anh chẳng phấn chấn lên tí nào.

Anh quay lại chỗ con đường đất, bước quanh những cái hố ngập bùn. Marek và Kate cũng đang quay trở lại. Họ đều đứng ngoài cuộc tranh luận kia.

“Được rồi, *được rồi*, khốn thật,” Baretto nói. Anh ta bỏ chỗ vũ khí ra và cẩn thận đặt chúng lên sàn chiếc lồng. “Được rồi. *Thế này* cô hài lòng chưa?”

Gomez vẫn đang lăm bắm gì đó, gần như một tiếng thì thầm. Chris không thể nghe ra được.

“*Được thôi*,” Baretto nói, gần như cầu nài.

Gomez lại nói gì đó rất khế. Baretto đang nghiêng rặng. Đứng ở đó cực kỳ không thoải mái. Chris bước tránh ra vài bước, quay lưng khỏi cuộc tranh luận, đợi nó kết thúc.

Anh bất ngờ khi thấy rằng con đường trải xuống dưới khá dốc, và anh có thể thấy qua kẽ lá vùng đất bằng phẳng bên dưới. Tu viện đang ở đó – một kết cấu hình học gồm sân, hành lang có mái che, lối đi, tất cả đều được xây bằng đá màu be, được bao quanh bởi một bức tường đá cao vút. Nó trông như một thành phố đông đúc, chật hẹp. Nó gần đến bất ngờ, có lẽ chỉ khoảng một phần tư dặm thôi. Chẳng hơn.

“Kệ nó, tôi sẽ đi,” Kate nói, và cô bắt đầu đi xuống con đường đó. Marek và Chris nhìn nhau, rồi đi theo cô.

“Các người đi đâu trong tầm mắt thôi, khốn nạn,” Baretto gọi với theo họ.

Gomez nói, “Tôi nghĩ là chúng ta nên đi thôi.”

Baretto đặt bàn tay cương quyết lên vai cô. “Không, cho tới khi chúng ta nghĩ kỹ hết đã,” anh ta nói. “Về cách xử lý mọi chuyện trong chuyến đi này.”

“Tôi nghĩ là tất cả mọi thứ đã khá rõ rồi,” Gomez nói.

Baretto chúí người lại gần và nói, “Vì tôi không thích cái cách cô...” Và đoạn sau quá nhỏ đến không nghe thấy nổi, chỉ có tiếng rít đầy giận dữ trong giọng nói của anh ta.

Chris nhẹ cả người nếu được đi vòng qua góc queo trên con đường đất và để họ lại phía sau.

\*

\*

Kate đi thật nhanh, cảm thấy sự căng thẳng dần rời bỏ khi mình cất bước. Cuộc tranh cãi làm cô thấy gò bó và căng thẳng. Vài bước phía sau, cô nghe thấy tiếng Chris và Marek đang nói chuyện. Chris đang lo lắng, và Marek đang cố làm anh bình tĩnh lại. Cô không muốn nghe mấy lời đó. Cô tăng tốc lên một chút. Gì thì gì, ở nơi đây, giữa cánh rừng tuyệt vời này, được những thân cây khổng lồ này bao quanh...

Sau độ một hai phút, cô đã bỏ Marek và Chris lại phía sau, nhưng cô biết họ vẫn ở khá gần, và ở một mình cũng rất thoải mái. Cánh rừng xung quanh cô thật mát mẻ và dễ chịu. Cô lắng nghe tiếng líu ríu của những chú chim và tiếng bước chân của chính mình bước qua đoạn đường. Có một lúc cô nghĩ mình cũng nghe thấy những tiếng bước chân khác nữa. Cô chậm lại một chút để nghe cho rõ.

Đúng thế, có những âm thanh khác nữa: những tiếng chân đang chạy dồn dập. Chúng dường như đến từ dưới cuối đoạn đường. Cô nghe thấy tiếng ai đó đang thở hổn hển, cố lấy hơi.

Và một tiếng khác nhẹ hơn, như tiếng sấm rì rầm từ đằng xa. Cô đang cố xác định tiếng rì rầm ấy thì một cậu choai choai chạy bắn ra từ góc đường, đâm thẳng về phía cô.

Cậu bé mặc quần tất màu đen, áo nhồi lông màu xanh lá cây sáng và đội một chiếc mũ đen. Cậu ta đỏ bừng mặt vì kiệt sức; rõ ràng là cậu đã chạy được một lúc lâu rồi. Cậu ta dường như giật mình khi nhìn thấy cô trên đường. Vừa tiến lại gần, cậu ta vừa gào lên, “*Aydethee amsel! Grassa due! Aydethee!*”

Một giây sau, cô nghe thấy tiếng cậu ta được dịch lại trong cái tai nghe: “Trốn đi cô kia! Vì Chúa! Trốn đi!”

Trốn cái gì? Kate băn khoăn. Khu rừng này quá hoang vu. Cậu ta nói thế là có nghĩa gì? Có lẽ cô chưa hiểu đúng ý cậu ta. Có lẽ máy dịch không chuẩn. Khi chạy qua chỗ cô, cậu ta lại hét lên, “Trốn đi!” và xô Kate thật mạnh, đẩy cô khỏi đường đi và rơi vào trong rừng. Cô vấp vào một cụm rễ cây trồi ra, lăn xuống chỗ đám cây bụi. Cô bị va vào đầu, đau nhói, và choáng nặng. Cô đang từ từ đứng dậy thì nhận ra tiếng động rầm rì đó là gì.

Ngựa.

Đang phi nước đại về phía cô.

\*

\*

Chris nhìn thấy cậu bé chạy trên đường, và gần như ngay lập tức, anh nghe thấy tiếng ngựa truy kích. Cậu bé, cuối cùng cũng hết hơi, dừng lại một chút bên cạnh họ, gập người lại, và cố thở hắt ra, “Trốn đi! Trốn đi!” đoạn đâm bổ vào rừng.

Marek lờ cậu bé đi. Anh ta đang nhìn xuống cuối con đường.

Chris cau mày. “Tất cả những chuyện này là thế nào đây...”

“Nào,” Marek nói và quàng tay qua vai Chris, nhắc cả người Chris lên khỏi con đường và kéo thẳng vào giữa những tán cây.

“Chúa ạ,” Chris nói, “anh không phiền nếu nói cho tôi...”

“Suyt,” Marek đặt tay lên miệng Chris, “*cậu có muốn để tất cả chúng ta bị giết hết không?*”

Không, Chris nghĩ, anh hiểu rằng mình không muốn ai bị giết hết. Đang phóng thẳng lên đồi về phía họ là sáu kỵ sĩ vũ trang tận răng: mũ trụ thép, áo giáp lưới kim loại, áo choàng ngoài màu nâu đỏ và xám. Những con ngựa được choàng vải đen lốm đốm ánh bạc. Hiệu ứng thật đáng sợ. Tay kỵ sĩ dẫn đầu, đội một chiếc mũ trụ có gắn lông chim, chỉ tay về phía trước và hét lên. “*Godin!*”

Baretto và Gomez vẫn đang đứng bên đường, và cứ đứng đực ra đó, rõ ràng họ đang rất sững sốt trước thứ phóng nước đại thẳng về phía mình. Tên kỵ sĩ đen cúi về phía trước trên cái yên ngựa và xoay thanh gươm to bản thành một đường cung về phía Gomez khi hắn ta phóng qua cô.

Chris nhìn thấy thân người không đầu của Gomez, máu bắn tung tóe, rơi xuống đất. Baretto, người dính đầy máu, vừa chửi bới âm ỉ vừa chạy thẳng vào rừng. Thêm nhiều kỵ sĩ nữa phi nước đại lên đồi. Giờ tất cả bọn chúng đều gào lên, “*Godin! Godin!*” Một tên xoay người trên lưng ngựa, rút cung ra.

Mũi tên cắm vào vai trái của Baretto khi anh ta vẫn đang chạy, đầu thép nhọn xuyên thẳng qua vai, lực đâm làm anh ta khuỵu gối xuống, vẫn tiếp tục chửi, Baretto loạng choạng đứng dậy, và cuối cùng cũng tới được bên cỗ máy.

Anh ta nhặt cái dây lưng của mình lên, rút một quả lựu đạn ra, và quay người ném nó đi. Một mũi tên cắm thẳng vào ngực anh ta. Baretto bàng hoàng, nấc lên, và ngã về phía sau, đổ phịch xuống, người thẳng đuột ra tựa vào những thanh kim loại. Anh ta yếu ớt cố rút mũi tên ra khỏi ngực. Mũi tên tiếp theo cắm ngập vào họng anh ta. Quả lựu đạn tuột khỏi tay.

Trở lại chỗ con đường đất, những con ngựa hí vang và nhảy chồm lên, đám kỵ sĩ điều khiển chúng xoay vòng tròn, miệng gầm thét và tay chỉ trở.

Một ánh chớp lóe lên.

Chris nhìn lại và vừa kịp thấy Baretto vẫn ngồi bệt ra sàn, người bất động, khi cỗ máy nhấp nháy liên tục rồi nhỏ dần lại.

Trong giây lát, cỗ máy đã biến mất. Những tên kỵ sĩ giờ trông rất hoảng sợ. Tên kỵ sĩ đen đội mũ trụ gắn lông chim xoay ngựa và quát tháo những tên còn lại, tất cả đồng loạt quát ngựa, phóng thẳng lên đồi rồi mất hút.

Khi tên kỵ sĩ đen quay ngựa lại, con ngựa của hắn vấp vào xác của Gomez. Vừa chửi, hắn vừa cho ngựa đi vòng tròn và lồng lên để giẫm đạp liên tục lên cái xác. Máu bắn lên không trung; hai chân trước của con ngựa chuyển thành màu đỏ thẫm. Cuối cùng tên kỵ sĩ đen cũng quay ngựa lại, chửi thề nốt câu cuối cùng, hắn phóng nước đại về nhập hội với những tên còn lại.

“*Chúa ơi.*” Sự đột ngột, sự hung bạo đến tàn nhẫn...

Chris lồm cồm bò dậy, chạy lại chỗ con đường.

Thi thể của Gomez nằm giữa một vũng bùn, bị giày xéo đến nỗi gần như không nhận ra nổi. Nhưng một bàn tay bị hất ra và nằm ngửa trên nền đất. Và bên tay cô là chip định vị màu trắng.

Nó bị vỡ nứt khiến phần lõi điện lòi cả ra ngoài.

Chris nhặt nó lên. Miếng sứ vỡ ra trong tay anh, những mảnh trắng và bạc vung vãi xuống đất, trôi hết cả vào vũng bùn. Và trong khoảnh khắc ấy, tình cảnh của họ trở nên cực kỳ rõ ràng trước mắt anh.

Cả hai người dẫn đường của họ đều đã chết.

Một cỗ máy đã mất.

Miếng sứ để quay về của họ đã bị vỡ nát.

Có nghĩa là họ đã bị kẹt lại ở nơi này. Bị mắc kẹt ở đây, chẳng có người hướng dẫn hay giúp đỡ. Và chẳng có bất cứ một hy vọng nào để quay trở lại.



Chẳng bao giờ nữa.

## 36:30:42

“Sẵn sàng,” một kỹ thuật viên nói. “Đang đến rồi đây.”

Trên nền nhà cao su ở giữa những màn chắn nước uốn theo đường cong, những tia sáng nhỏ bắt đầu xuất hiện.

Gordon liếc nhìn Stern. “Chúng ta sẽ biết đã có chuyện gì xảy ra trong vòng một phút nữa thôi.”

Những tia sáng càng lúc càng rực rỡ hơn, và một cỗ máy bắt đầu hiện lên trên nền nhà cao su. Nó hiện ra khoảng được hơn nửa mét thì Gordon nói, “Quý ạ! Gã này chỉ toàn gây rắc rối.”

Stern nói gì đó nhưng Gordon không thèm chú ý. Anh ta thấy Baretto đang ngồi đó, tựa vào một thanh kim loại, rõ ràng là đã chết. Cỗ máy trở lại kích cỡ bình thường. Anh ta nhìn thấy khẩu súng trên tay cái xác. Anh ta hiểu ngay là chuyện gì đã xảy ra. Dù Kramer đã đặc biệt cảnh báo Baretto, thằng khốn ấy vẫn mang vũ khí hiện đại về lại quá khứ. Thế nên dĩ nhiên là Gomez đã bắt gã về, và...

Một vật nhỏ nhỏ màu đen lặn xuống nền nhà.

“Cái gì vậy?” Stern nói.

“Tôi không biết,” Gordon nói, nhìn chăm chăm vào màn hình. “Nó trông giống như một quả...”

Vụ nổ ầm lên trong phòng dịch chuyển, ánh sáng trắng lóa lên các màn hình theo dõi, cuốn sạch mọi thứ. Trong phòng điều khiển, âm thanh trở nên biến dạng, giống như một vụ nổ tĩnh điện vậy. Căn phòng dịch chuyển lập tức ngập trong khói.

“Cút thật,” Gordon nói. Anh đấm xuống bàn điều khiển.

Những kỹ thuật viên trong phòng dịch chuyển đang hét lên. Khuôn mặt của một người đàn ông bị dính đầy máu. Trong khoảnh khắc tiếp theo, anh ta bị dòng nước trong những màn chắn bị những mảnh lựu đạn kia làm

vỡ cuốn đi. Nước dâng tới cả mét đập dềnh lên xuống như sóng biển. Nhưng gần như ngay lập tức, nó bắt đầu cạn đi, để lại sàn nhà nghi ngút khói và kêu rì rì.

“Những cục pin,” Gordon nói. “Chúng bị rò a xít flohydric.”

Trong làn khói, những người đeo mặt nạ phòng độc chạy vào phòng, cứu những kỹ thuật viên bị thương. Những cây cột phía trên đầu bắt đầu rạn nứt, làm vỡ những màn chắn nước còn lại. Những cây cột khác lần lượt đâm bổ xuống nền nhà.

Trong phòng điều khiển, ai đó đưa một chiếc mặt phòng độc cho Gordon, và một chiếc khác cho Stern. Gordon đeo nó vào.

“Chúng ta phải đi thôi,” anh nói. “Không khí bị nhiễm độc rồi.”

Stern đang nhìn chăm chăm vào màn hình. Qua làn khói, anh ta có thể nhìn thấy những cỗ máy khác nứt ra, vỡ nát, tràn khói và khí ga màu xanh lá cây nhạt ra. Chỉ còn một cỗ máy duy nhất, đứng ở một bên, và anh ta vừa nhìn thấy, một cây cột gần đó đã đổ xuống, làm nó bẹp gí.

“Chẳng còn cỗ máy nào khác,” Stern nói. “Có phải có nghĩa là...”

“Phải,” Gordon nói. “Trong tình trạng hiện thời, tôi sợ là các bạn của anh phải tự lo rồi.”

## 36:30:00

“Cứ bình tĩnh nào, Chris,” Marek nói.

“Bình tĩnh? *Bình tĩnh?*” Chris gần như quát lên. “Nhìn đi, vì Chúa, André – chip định vị của cô ấy vỡ rồi. Chúng ta chẳng còn chip định vị nào hết. Có nghĩa là chúng ta chẳng có cách nào để về nhà hết. Có nghĩa là chúng ta hoàn toàn thăng rồi, André. Thế mà anh còn muốn tôi *bình tĩnh?*”

“Đúng đấy, Chris,” Marek nói, giọng anh ta thật khẽ, thật bình tĩnh. “Đó là điều tôi muốn đấy. Tôi rất mong cậu bình tĩnh đấy. Tôi muốn tinh thần cậu phải thật ổn định.”

“Việc quái gì tôi phải thế?” Chris nói. “Vì cái gì? Nhìn thẳng vào sự thật đi, André: chúng ta sắp sửa bị giết ở đây cả đấy. Anh biết thế còn gì? Chúng ta sẽ bị giết chết tươi. Và *chẳng có cách nào thoát khỏi đây hết.*”

“Có, có đấy.”

“Tôi muốn nói là, chúng ta chẳng có chút *thức ăn* nào hết, chúng ta chẳng có cái gì hết, chúng ta bị mắc kẹt trong cái – cái *hố phân* này, chẳng có lấy một chút hy vọng nào, và...” Anh dừng lại và quay sang Marek, “Anh vừa nói gì vậy?”

“Tôi nói là, có cách thoát.”

“Bằng cách nào?”

“Cậu chẳng chịu nghĩ gì hết. Cỗ máy kia đã quay trở lại New Mexico rồi.”

“Thế thì sao?”

“Họ sẽ nhìn thấy tình trạng của anh ta...”

“Đã chết, André. Họ sẽ thấy rằng anh ta *đã chết.*”

“Vấn đề là, họ sẽ biết là có chuyện không hay đã xảy ra. Và họ sẽ đến tìm chúng ta. Họ sẽ gửi những cỗ máy khác đến đón chúng ta,” Marek nói.

“Sao anh biết?”

“Vì họ sẽ làm thế.” Marek quay người lại và bắt đầu đi xuống dưới chân đồi.

“Anh đi đâu thế?”

“Đi tìm Kate. Chúng ta phải đi cùng nhau.”

“Tôi sẽ ở lại đây thôi.”

“Nếu cậu muốn. Miễn là cậu không bỏ đi đâu.”

“Đừng lo, tôi sẽ ở ngay đây thôi.”

Chris chỉ vào nền đất trước mặt. “Đây chính là nơi cỗ máy đã hạ cánh lúc trước. Và tôi sẽ ở đây.”

Marek rảo bước đi, biến mất sau góc quẹo của con đường. Chris chỉ còn một mình. Gần như ngay lập tức, anh băn khoăn rằng mình có nên chạy đuổi theo Marek không. Có lẽ sẽ tốt hơn là ở đây một mình. Ở cùng nhau, như Marek đã nói.

Anh đi vài bước xuống sườn dốc theo Marek, rồi dừng lại. Không, anh nghĩ. Anh đã nói rằng mình sẽ ở nguyên chỗ này. Anh đứng giữa đường, cố lấy hơi.

Nhìn xuống, anh thấy mình đang đứng trên bàn tay của Gomez. Anh vội vã giật lùi lại. Anh đi vài mét lên đồi, cố tìm một chỗ giúp mình không phải thấy cái xác nữa. Nhịp thở của anh chậm lại thêm một chút nữa. Anh đã có thể nghĩ mọi thứ một cách bình tĩnh. Anh quyết định là Marek nói đúng. Họ sẽ gửi một cỗ máy khác, và có lẽ là sẽ mau thôi. Liệu nó có đáp xuống ngay chỗ này không? Liệu đây có phải là một nơi hay được dành làm bãi đỗ không? Hay liệu nó sẽ ở nơi nào đó trong vùng?

Kiểu gì thì kiểu, Chris chắc chắn rằng anh nên ở lại ngay chính chỗ này.

Anh nhìn xuống cuối con đường, nơi Marek đã đi. Kate giờ ở đâu vậy? Có lẽ đâu đó cuối đường. Độ vài trăm mét, có thể hơn.

Chúa ơi, anh muốn về nhà.

Rồi từ mé rừng phía bên phải, anh nghe thấy một tiếng va chạm.

Ai đó đang lại gần.

Anh căng người ra, biết rõ rằng mình chẳng có vũ khí nào hết. Rồi anh nhớ đến cái túi được buộc vào thắt lưng phía dưới lớp quần áo. Anh có cái bình xịt hơi ga kia. Có còn hơn không. Anh luống cuống kéo chiếc áo ngoài lên, tìm cái...

“*Suyt.*”

Anh quay lại.

Là cậu thiếu niên, đang đi ra khỏi khu rừng. Khuôn mặt rất mịn và chẳng có râu gì; Chris nhận ra rằng có lẽ cậu ta chẳng hơn nổi mười hai tuổi. Cậu bé thì thầm, “*Arkith. Thou. Earwashman.*”

Chris cau mày, chẳng hiểu gì, nhưng một giây sau anh nghe thấy một giọng nói nhỏ xíu trong đầu: “*Này. Anh. Anh người Ai Len kia.*” Anh nhận ra rằng cái tai nghe đang dịch cho mình.

“*Gì cơ?*” anh nói.

“*Coumen hastealey.*” Anh nghe thấy tiếng, “*Lại đây nhanh lên.*”

Cậu bé đang giục anh, đầy căng thẳng.

“*Nhưng...*”

“*Lại đây. Ngài Guy sẽ mau chóng nhận ra rằng hãn ta đã mất dấu. Và hãn sẽ quay lại đây tìm kiếm ngay thôi.*”

“*Nhưng...*”

“*Anh không thể cứ ở đây thế này được. Hãn sẽ giết anh đấy. Đi!*”

“*Nhưng...*” Chris tuyệt vọng chỉ tay về đoạn đường nơi Marek đã đi.

“*Người hầu của anh sẽ tìm thấy anh thôi. Đi!*”

Giờ anh đã nghe thấy tiếng vó ngựa từ xa vọng lại, càng lúc càng dồn dập hơn.

“Anh có điên không?” cậu bé hỏi, nhìn chăm chăm vào anh. “Đi.”

Tiếng lộc cộc càng lúc càng gần hơn.

Chris đứng ngây ra, chẳng biết phải làm gì.

Cậu bé đã mất hết kiên nhẫn. Lắc đầu đầy khinh khi, cậu ta xoay người lại và chạy vào rừng. Ngay lập tức cậu ta đã biến mất trong những bụi cây rậm rì.

Chris đứng một mình giữa đường. Anh nhìn xuống cuối đồi. Anh chẳng thấy Marek đâu hết. Anh nhìn lên đồi, về phía tiếng vó ngựa càng lúc càng gần. Tim anh lại đập thình thịch.

Anh phải quyết định. Ngay bây giờ.

“Tôi tới đây!” anh gào về phía cậu bé.

Rồi anh quay người chạy vào rừng.

\*

\*

Kate ngồi trên một thân cây đổ, cẩn thận sờ lên đầu, bộ tóc giả của cô đang bị lệch. Có máu dính trên những đầu ngón tay của cô.

“Cô có bị thương không?” Marek nói khi đến chỗ cô.

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Để tôi xem.”

Nhấc bộ tóc giả lên, Marek thấy máu lấm tẩm và một vết rách tới bảy xăng ti mét trên đầu cô. Vết thương không còn chảy máu nữa; máu đã bắt đầu đông lại trên bộ tóc giả. Vết thương cần phải được khâu lại, nhưng không khâu được thì cô cũng vẫn sẽ ổn thôi.

“Cô sẽ ổn thôi.” Anh ta đội bộ tóc giả lại cho cô.

Cô nói, “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Hai người kia đã chết rồi. Giờ chỉ còn chúng ta thôi. Chris có hơi hoảng loạn.”

“Chris có hơi hoảng loạn thật.” Cô gật đầu, như thể cô đã đoán được thế vậy. “Vậy chúng ta nên đi đón anh ta thôi.”

Họ bắt đầu đi lên đoạn dốc. Vừa đi, Kate vừa nói, “Mấy con chip định vị thì sao?”

“Người đó đã quay về, và anh ta đã lấy cái của anh ta theo rồi. Xác của Gomez đã bị giày nát, chip định vị của cô ấy cũng bị phá hủy rồi.”

“Thế cái kia đâu?” Kate nói.

“Cái kia gì cơ?”

“Cô ấy có một cái dự phòng mà.”

“Sao cô biết?”

“Cô ấy đã nói thế. Anh không nhớ à? Khi cô ấy trở lại từ chuyến đi do thám kia, hay thứ gì cũng được, cô ấy nói rằng tất cả mọi thứ đều ổn và rằng chúng ta nên nhanh sẵn sàng đi. Và cô ấy đã nói, ‘Tôi sẽ ghi cái dự phòng đây’. Hay gì đó đại loại thế.”

Marek chau mày.

“Có cái dự phòng cũng là điều dễ hiểu thôi mà,” Kate nói.

“Ồ, Chris sẽ rất vui khi nghe thế đấy,” Marek nói. Họ đi về phía góc ngoặt cuối cùng. Rồi họ dừng lại và căng mắt ra nhìn.

Chris đã biến mất.

\*

\*

Đâm xuyên qua những đám cây bụi, tảng lờ những cái gai cào vào chân và đâm vào cái quần tất, cuối cùng Chris Hughes cũng thoáng thấy bóng cậu bé



đang chạy phía trước, cách khoảng năm mươi mét. Nhưng cậu bé chẳng hề chú ý gì đến anh, không hề dừng lại, mà cứ tiếp tục chạy đi. Cậu ta đang hướng về phía làng. Chris cố gắng đuổi theo. Anh không ngừng chạy.

Phía sau lưng, anh nghe thấy tiếng ngựa giậm chân và thở phì phì, cả tiếng quát tháo của những tên lính. Anh nghe thấy ai đó thét, “Trong rừng!” và một lời đáp kèm theo tiếng chửi thề. Nhưng bên ngoài con đường đất, lối đi cực kỳ rậm rạp với các loại cây bụi. Chris phải trườn qua những thân cây ngang đường, những khúc gỗ mục, những cành cây to chẳng kém gì đuôi anh, những bụi cây dày đặc. Đường thế này chẳng phải là rất khó cho ngựa đi hay sao? Liệu chúng có xuống ngựa không? Liệu chúng có đuổi theo không?

Quý ạ, chúng có đuổi theo.

Anh tiếp tục chạy. Anh giờ đang ở giữa một vùng đầm lầy, cố luồn qua đám cây cao tới thắt lưng với cái mùi như mùi chồn hôi, trượt trong những vũng bùn mà mỗi bước đi lại càng lúc càng sâu hơn. Anh có thể nghe thấy tiếng thở hỗn hển của chính mình, cùng với tiếng sụt lún và lục đục khi chân mắc kẹt dưới bùn.

Nhưng anh chẳng nghe thấy tiếng ai đằng sau mình hết.

Chẳng mấy chốc mặt đất đã khô lại, và anh có thể chạy nhanh hơn. Giờ cậu bé chỉ còn cách anh khoảng mười bước chân, vẫn đang chạy rất nhanh. Chris thở hỗn hển, cố đuổi theo, nhưng vẫn chưa bắt kịp.

Anh tiếp tục chạy. Có tiếng cách bên trong tai trái. “Chris.”

Là Marek.

“Chris, cậu đang ở đâu đấy?”

Sao anh trả lời được? Có micro à? Rồi anh nhớ là họ có nói gì đó về truyền xung điện qua xương. Anh nói to, “Tôi đang... Tôi đang chạy...”

“Tôi nghe thấy rồi. Cậu đang chạy đi đâu đấy?”

“Cậu bé... ngôi làng...”

“Cậu đang chạy về phía ngôi làng à?”

“Tôi không biết. Tôi nghĩ thế.”

“Cậu nghĩ thế á? Chris, cậu đang ở đâu vậy?”

Và rồi từ phía sau, Chris nghe thấy một tiếng rầm, tiếng đàn ông quát tháo, và tiếng ngựa hí.

Những tên kỵ sĩ đang đuổi theo anh. Và anh đã để lại cả một chuỗi dài những vết cây gãy và dấu chân in trên bùn. Quá dễ đuổi theo.

*Chết tiệt.*

Chris chạy bán sống bán chết. Và bất thành linh anh nhận ra rằng cậu bé chẳng còn ở trước mặt nữa.

Anh dừng lại, thở lấy hơi, và xoay người nhìn khắp xung quanh. Nhìn...

Biến mất rồi.

Cậu bé đã biến mất.

Chris đang ở một mình giữa khu rừng.

Và bọn kỵ sĩ đang đến gần.

\*

\*

Trên con đường đầy bùn đất nhìn xuống tu viện, Marek và Kate đứng lắng nghe qua đôi tai nghe. Giờ chỉ còn tĩnh lặng; Kate úp tay lên tai để nghe rõ hơn. “Tôi chẳng nghe được gì hết.”

“Có thể cậu ta ngoài vùng phủ sóng rồi,” Marek nói.

“Sao anh ta lại chạy về làng? Có vẻ như là anh ta đang chạy theo cậu bé kia,” cô nói. “Sao anh ta lại làm thế chứ?”

Marek nhìn xuống tu viện. Chỉ chừng mười phút đi bộ từ chỗ họ đang đứng. “Giờ này có lẽ Giáo sư đang ở ngay dưới đó. Chúng ta chỉ cần xuống

đón thầy và đi về.” Anh ta đá một khúc cây đầy giận dữ. “Đáng lẽ đã quá dễ dàng.”

“Chẳng còn được thế nữa đâu.”

Tiếng cạch tĩnh điện sắc lạnh trong mấy cái tai nghe làm họ nhăn mặt. Họ lại nghe thấy tiếng Chris thờ hồn hển.

Marek nói, “Chris, cậu có đang nghe không?”

“Tôi không thể... không thể nói chuyện vào lúc này được.”

Chris đang thì thầm. Và có vẻ đang rất sợ hãi.

\*

\*

“Không, *không, không!*” Cậu bé thì thào, chúi người xuống khỏi những cành cây của một cái cây khổng lồ. Cuối cùng, thấy thương hại Chris khi anh cứ xoay như chong chóng trên mặt đất phía dưới, cậu ta bèn huýt sáo. Và cậu ta đã vẫy tay ra hiệu cho anh trèo lên cây.

Chris giờ đang vật lộn trèo cây, cố tự nhắc mình lên trên những cành thấp nhất, cố lấy thêm lực đẩy bằng cách ghì chân vào thân cây. Nhưng thấy anh làm thế, cậu bé phát bực mình.

“Không, không! Tay! Chỉ dùng tay thôi!” cậu bé thì thào một cách tức tối. “Anh là đồ ngu – nhìn những vết trên thân cây nhờ chân anh kia.”

Treo lơ lửng trên một cành cây, Chris nhìn xuống. Cậu bé nói đúng. Có những vệt bùn, rất rõ trên lớp vỏ cây.

“Thề trước thập tự, chúng ta tiêu rồi,” cậu bé gào lên, đu qua đầu Chris và nhẹ nhàng hạ xuống mặt đất.

“Cậu làm gì thế?” Chris nói,

Nhưng cậu bé đã chạy đi mất, qua những bụi gai, chạy qua hết cây này đến cây khác, Chris nhảy xuống đất và đuổi theo sau.

Cậu bé lăm bắm gì đó đầy tức tối trong khi ngó nghiêng các cành cây. Rõ ràng là cậu ta đang tìm một cái cây thật lớn với những cành đủ thấp; chẳng có cái cây nào hợp hết. Tiếng những kị sĩ càng lúc càng lớn hơn.

Chẳng mấy chốc họ đã đi thêm được khoảng một trăm mét hoặc hơn, vào một vùng đầy những cây thông sần sùi u bướu. Ở đây không gian nhiều nắng và thông thoáng hơn vì về bên phải anh có ít cây hơn, và rồi Chris thấy rằng họ đang chạy gần một bờ vực cheo leo nhìn xuống thị trấn và dòng sông. Cậu bé chạy khỏi chỗ nắng, quay lại trong khu rừng tối. Gần như ngay lập tức, cậu ta tìm thấy cái cây ưng ý, và ra dấu gọi Chris tiến lại. “Anh lên trước. Không dùng chân đâu đấy!”

Cậu bé khuyu gối xuống, đan tay vào nhau, và cứng người lại, sẵn sàng. Chris thấy cậu bé quá gầy khó có thể chịu nổi sức nặng của anh, nhưng cậu bé lắc lắc đầu mất kiên nhẫn. Chris đặt một chân lên hai bàn tay của cậu bé, và rướn người về trước, bám lấy cành cây thấp nhất. Với sự giúp đỡ của cậu bé, anh nâng người lên, đoạn càu nhàu nốt một tiếng, anh quăng người lên sao cho bụng xoay xuống dưới, cúi gập người trên cành cây. Anh nhìn xuống phía cậu bé, cậu suyt một tiếng, “Di chuyển đi!” Chris cố dồn lực lên đùi, rồi đứng lên cành cây. Cành tiếp theo khá dễ với, và anh lại tiếp tục trèo.

Phía dưới, cậu bé nhảy lên, bám lấy cành cây, và nhanh chóng bật người lên. Dù khá mảnh dẻ, cậu ta khỏe đến bất ngờ, và cậu ta di chuyển từ cành này sang cành khác một cách thật vững vàng. Chris giờ đang cách mặt đất hơn sáu mét. Hai cánh tay nóng rực như phải bỏng, anh thở hổn hển khi phải trèo lên cao, nhưng vẫn tiếp tục trèo, hết cành này đến cành kia.

Cậu bé bám lấy bắp chân của anh, làm anh cứng người lại. Thật chậm, thật cẩn thận, anh ngoái nhìn ra sau, và thấy cậu bé đang cứng đờ lại trên cành cây phía dưới mình. Rồi Chris nghe thấy một tiếng ngựa khịt rất khẽ và nhận ra rằng cái tiếng đó đã ở gần.

Rất gần.

\*

\*

Trên mặt đất phía dưới, sáu kỵ sĩ đang từ từ và lặng lẽ tiến về phía trước. Chúng vẫn còn cách một đoạn, rời rạc hiện lên giữa những kẽ lá. Thấy một con ngựa khụt khịt, tên kỵ sĩ bèn nhoài người ra trước vỗ nhẹ vào cổ nó để làm nó yên lặng.

Những tên kỵ sĩ biết rằng chúng đã gần với những con mồi của mình rồi. Chúng nhoài người trên lưng ngựa, nhìn quanh khắp mặt đất, nhìn hết phía này đến phía kia. May là chúng giờ đang ở giữa những bụi cây rậm rì thấp tẹt; chẳng dấu vết nào hiện rõ hết.

Ra dấu bằng tay, chúng tách nhau ra, tiến về phía trước. Giờ chúng tạo thành một đường thẳng tương đối, đi qua bên dưới thân cây. Chris nín thở. Nếu chúng nhìn lên...

Nhưng chúng không nhìn lên.

Chúng đi về phía trước, tiến sâu vào trong rừng, và cuối cùng một trong số chúng nói to. Đó là tên kỵ sĩ có chiếc lông chim màu đen gắn trên mũ trụ, kẻ đã chém đầu Gomez. Hắn nhắc cái lưới che mũ lên.

“Đến đây là đủ rồi. Chúng đã chuồn mất rồi.”

“Bằng cách nào? Nhảy xuống vực á?”

Tên kỵ sĩ đen lắc đầu. “Đứa trẻ đó không ngốc đến thế đâu.” Chris thấy mặt hắn ta khá sạm: da sẫm màu và mắt sẫm màu.

“Không hẳn là một đứa trẻ đâu, thưa ngài.”

“Nếu nó ngã, thì chỉ là do sơ suất thôi. Không thể khác được. Nhưng ta nghĩ chúng ta đã đi nhầm đường rồi. Hãy quay về chỗ cũ đi.”

“Vâng thưa ngài.”

Đám kỵ sĩ quay ngựa lại và bắt đầu bỏ đi. Chúng lại đi qua chỗ cái cây, rồi phóng đi, vẫn đi tách nhau, hướng thẳng ra chỗ sáng.

“Có lẽ ở chỗ có nhiều ánh sáng hơn, chúng ta có thể tìm được dấu của bọn chúng.”

Chris thở dài nhẹ nhõm.

Cậu bé bên dưới gõ nhẹ vào chân và gật đầu với anh, như thể muốn nói, *Làm tốt lắm*. Họ đợi tới khi những tên kỵ sĩ đã ở cách ít nhất một trăm mét, gần như đã hoàn toàn ra khỏi tầm nhìn. Rồi cậu bé nhẹ nhàng trườn xuống dưới, và Chris cố theo sau nhẹ nhất có thể.

Khi đã yên vị dưới đất, Chris thấy những kỵ sĩ đang phóng đi. Chúng đang tới chỗ cái cây có những dấu chân đầy bùn. Tên kỵ sĩ đen phóng qua, không chú ý. Rồi tên tiếp...

Cậu bé nắm lấy cánh tay anh, đẩy anh đi, nhào vào chỗ bụi rậm,

Rồi thì: “Ngài Guy! Ngài nhìn này! Cái cây! Chúng ở trên cây.”

Một trong những tên kỵ sĩ đã để ý thấy.

*Thôi rồi.*

Những tên kỵ sĩ xoay ngựa lại, nhìn lên cây. Tên kỵ sĩ đen quay lại, đầy vẻ ngờ vực. “Thế hả? Cho ta xem nào.”

“Tôi không thấy chúng ở trên đó, thưa ngài.”

Những tên kỵ sĩ xoay người lại, nhìn ra sau, nhìn về tất cả các hướng, nhìn ra phía sau lưng...

Và chúng đã thấy họ.

“Đằng kia!”

Những tên kỵ sĩ thúc ngựa về trước.

Cậu bé chạy thục mạng. “Chúa lòng lành, chúng ta thực sự tiêu rồi,” cậu ta nói, vừa chạy về phía trước vừa ngoái nhìn lại. “Anh có biết bơi không?”

“Bơi?” Chris nói.

Dĩ nhiên, là anh có thể bơi. Nhưng đó không phải điều anh đang nghĩ. Vì ngay lúc này đây họ đã đang chạy thực mạng, và cũng sắp hết hơi rồi – hướng về phía trắng đất, về phía những hàng cây tách ra.

Về phía vực thẳm.

Mặt đất đổ xuống dưới, lúc đầu chỉ thoải thoải, rồi càng lúc càng dốc hơn. Nền đất trở nên mỏng hơn, với những phần đá vôi lộ thiên màu vàng trắng. Mặt trời tỏa ánh nắng chói chang.

Tên hiệp sĩ đen rú lên gì đó. Chris không hiểu.

Cuối cùng họ cũng tới mép trắng đất. Không hề do dự, cậu bé nhảy vào khoảng không.

Chris do dự, không muốn làm theo. Liếc về phía sau, anh thấy những tên kỵ sĩ đang thúc ngựa phóng tới, những thanh gươm to bản vung lên.

*Không có lựa chọn nào khác.*

Chris quay người lại và chạy về phía mép vực.

\*

\*

Marek nhăn mặt khi nghe thấy tiếng thét của Chris bên trong cái tai nghe. Tiếng thét lúc đầu rất to, rồi đột ngột bị một tiếng rền rĩ và một tiếng âm cắt ngang.

Một cú va chạm.

Anh ta đứng bên cạnh Kate trên đường, lắng nghe. Chờ đợi.

Họ không nghe thấy gì nữa hết. Không cả tiếng nhiều sóng.

Không gì cả.

“Anh ta chết rồi à?” Kate nói.

Marek không trả lời. Anh ta đi vội tới chỗ xác Gomez, phủ phục xuống, và bắt đầu tìm kiếm trong đồng bùn. “Lại đây nào,” anh ta nói. “Giúp tôi tìm chip định vị dự phòng kia đi.”

\*

\*

Họ tìm trong vài phút, và rồi Marek nắm lấy tay Gomez, đã chuyển sang màu xám, các cơ đã co cứng hết lại. Anh ta nhấc tay cô lên, cảm nhận sự lạnh giá của làn da, và xoay người cô lại. Cái xác làm bùn tung tóe hết lên.

Đó là khi anh ta nhận thấy Gomez có một chiếc vòng bện thường đeo ở cổ tay. Marek đã không nhận thấy nó khi nãy; nó dường như là một phần trong bộ trang phục thời này của cô. Dĩ nhiên là nó hoàn toàn chẳng hợp gì với thời này hết. Thậm chí cả một nữ nông dân nghèo cũng có thể đeo vòng tay kim loại hoặc khắc đá. Nhưng đây là một thứ hiện đại kiểu hippy.

Marek tò mò chạm vào nó, và anh ta ngạc nhiên khi thấy nó cứng trở ra, gần như một miếng bìa. Anh ta lật nó lên trên cổ tay của cô, tìm mỗi buộc, và có thứ trông như cái nắp bật ra giữa sợi thừng, và anh ta nhận ra rằng cái vòng đó có che một cái định giờ điện tử, trông giống đồng hồ đeo tay.

Chiếc đồng hồ định giờ ghi: 36:10:37

Và nó đang đếm ngược.

Ngay lập tức anh ta biết nó là gì. Nó là cái máy tính giờ của cỗ máy, cho họ biết họ còn bao nhiêu thời gian nữa. Lúc đầu họ đã có ba mươi bảy tiếng, và giờ họ đã mất khoảng năm mươi phút rồi.

Chúng ta phải giữ lấy cái này, anh ta nghĩ thế. Anh ta tháo chiếc vòng khỏi cổ tay cô, và buộc nó lại quanh cổ tay của mình. Anh ta đóng cái nắp lại.



“Chúng ta có một cái đồng hồ định giờ,” Kate nói. “Nhưng không có thiết bị định vị.”

Họ tìm thêm năm phút nữa. Và cuối cùng Marek đã phải miễn cưỡng thừa nhận cái sự thật nghiệt ngã ấy.

Chẳng có chip định vị nào hết. Và không có chip định vị, những cỗ máy đó sẽ không quay lại.

Chris nói đúng: họ đã bị kẹt lại ở đây rồi.

## 36:28:04

Trong phòng điều khiển, chuông báo động reo liên hồi. Cả hai kỹ thuật viên đều đứng khỏi bàn máy tính và bắt đầu đi ra khỏi phòng. Stern thấy Gordon bấu chặt lấy cánh tay anh.

“Chúng ta phải đi thôi,” Gordon nói. “Không khí đã bị nhiễm flohydric rồi. Phòng dịch chuyển đã bị nhiễm độc. Và khói cũng sẽ lên đây ngay thôi, chẳng lâu nữa đâu.” Anh bắt đầu dẫn Stern đi khỏi phòng điều khiển.

Stern ngoái nhìn lại màn hình, vào đồng hồ vận những cây cột mờ mịt trong khói ở phòng dịch chuyển. “Nhưng nếu họ quay lại khi tất cả mọi người đã đi hết thì sao?”

“Đừng lo,” Gordon nói. “Chuyện đó không thể xảy ra đâu. Đồng hồ nát này sẽ khởi động các lưới hồng ngoại. Các máy cảm ứng cần tới hai mét ở các phía, nhớ chứ? Hai mét đấy. Họ không có đủ đâu. Nên các máy cảm ứng sẽ không để cho những cỗ máy đó quay lại. Không được, cho tới khi chúng ta dọn xong chỗ đó.”

“Dọn sạch chỗ đó thì hết bao lâu?”

“Đầu tiên, chúng ta phải cho thông khí trong cái hang đó đã.”

Gordon dẫn Stern quay lại hành lang dài ngoằng dẫn tới cái thang máy chính. Có rất nhiều người ngoài hành lang, tất cả đều đang rời đi. Giọng nói của họ vang vọng trong đường hầm.

“Thông khí trong cái hang ấy?” Stern nói. “Nó lớn lắm. Phải mất bao lâu chứ?”

Gordon nói, “Về lý thuyết, sẽ mất chín tiếng.”

“Về lý thuyết?”

“Chúng tôi chưa bao giờ làm việc đó,” Gordon nói. “Nhưng dĩ nhiên là chúng tôi có thể làm được. Những cái quạt lớn sẽ được đưa vào ngay thôi.”

Chỉ vài giây sau, một tiếng gầm vang khắp đường hầm. Stern thấy cả một luồng gió mạnh quật vào người anh, ép vào quần áo.

“Và thông khí xong rồi thì làm gì nữa?”

“Chúng tôi sẽ xây lại phòng dịch chuyển và đợi họ quay lại,” Gordon nói. “Đúng theo lộ trình đã định thôi.”

“Và nếu họ quay lại trước khi các anh sẵn sàng thì sao?”

“Không thành vấn đề, David. Cỗ máy sẽ không cho đâu. Nó sẽ thả họ ngay tại nơi họ đang ở thôi. Hiện tại là thế.”

“Thế là họ đã bị mắc kẹt à,” Stern nói.

“Hiện tại thì,” Gordon nói, “đúng thế. Họ đã bị mắc kẹt. Và chúng ta chẳng thể làm gì được hết.”

## 36:13:17

Chris Hughes chạy tới mép vực và quăng mình vào khoảng không, gào lên, chân tay đập loạn xạ dưới ánh nắng. Anh nhìn thấy dòng Dordogne, hơn sáu mươi mét phía dưới, uốn lượn quanh vùng quê. Rơi từ chỗ này là quá cao. Anh biết sông rất nông. Chẳng nghi ngờ gì, anh sẽ chết.

Nhưng rồi anh nhìn thấy mặt vực phía dưới mình không hề dựng đứng – có một mòm đá nhô ra, cách khoảng sáu mét, chia ra từ mép trên của bờ vực. Nó là một khối đá trơ trọi, lác đác cây bụi và bụi gai.

Anh đập người xuống mòm đá, cú va làm phổi trút sạch hơi. Ngay lập tức anh lăn lông lốc về phía mép đá. Anh cố dùng cú lăn lại, tuyệt vọng bám lấy mấy bụi cây, nhưng chúng quá yếu, và gãy nát trong tay anh. Khi tiếp tục lăn về phía bờ vực, anh nhận ra cậu bé đang cố với về phía mình, nhưng anh trượt mất hai bàn tay đang vươn ra của cậu bé. Anh tiếp tục lăn, hoàn toàn mất kiểm soát. Giờ cậu bé ở ngay phía sau, cái vẻ mặt đầy hoảng loạn. Chris biết mình sẽ lăn khỏi vách đá; anh sẽ rơi...

Anh rên lên, đập người vào một thân cây. Bụng đau nhói, rồi cơn đau chạy dọc khắp người. Trong giây lát, anh không biết mình đang ở đâu; anh chỉ cảm thấy đau. Thế giới là một màu trắng xanh. Anh từ từ định thần lại.

Cái cây đã hãm cú rơi của anh lại, nhưng trong một thoáng, anh chẳng thở nổi. Cơn đau quá khủng khiếp. Mắt nổ đom đóm, rồi chậm rãi nhòa đi, rồi cuối cùng anh thấy hai chân mình đang lơ lửng trên bờ vực.

Và đang trượt đi.

Đang trượt xuống dưới.

Đó là một cây thông khá mảnh, và sức nặng của anh đang từ từ, từ từ làm nó cong lại. Anh thấy mình đang dần trượt xuống dọc theo thân cây. Anh chẳng thể làm gì để dừng lại được. Anh bám chặt lấy thân cây và cứ giữ chặt lấy nó. Và cũng có hiệu quả: anh không trượt thêm chút nào nữa. Anh đẩy người lên phía trên thân cây, cố trèo trở lại mòm đá.

Rồi, đầy kinh hoàng, anh nhìn thấy rễ cây bắt đầu bị giật tung khỏi kẽ đá, từng cái từng cái một, xám xịt giữa trời nắng. Chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi cả thân cây tuột ra.

Rồi anh thấy cổ áo mình bị giật lại, và thấy cậu bé giờ đang đứng phía trên, kéo anh đứng dậy. Cậu bé trông cực kỳ giận dữ. “Nào, đứng dậy ngay!”

“Chúa ơi,” Chris nói. Anh loạng choạng ngã lên một phiến đá dẹt, hỗn hển thở. “Cho tôi một phút thôi...”

Một mũi tên rít qua tai anh như một viên đạn. Anh nghe được cả tiếng gió vút đi. Anh bị choáng trước mãnh lực của nó. Được nỗi sợ hãi tiếp sức, anh cố sức bò dọc móm đá, cúi đầu, bật người từ thân cây này đến thân cây khác. Một mũi tên khác lại phóng qua những thân cây.

Trên vách đá, những tay kỵ sĩ đang nhìn xuống bọn họ. Tên kỵ sĩ đen quát ầm lên, “Lũ ngu! Đần độn!” và giận dữ đánh tay cung thủ, làm cái cung rơi khỏi tay hắn ta. Chẳng còn mũi tên nào nữa.

Cậu bé kéo Chris về trước. Chris chẳng biết con đường dọc vách đá này sẽ dẫn đến đâu, nhưng cậu bé dường như đã có sẵn kế hoạch. Phía trên đầu anh, những tay kỵ sĩ đã xoay ngựa lại, phóng về phía khu rừng.

Giờ móm đá chạy tới một cái gờ hẹp, rộng chẳng tới nửa mét, chạy vòng qua một góc trên vách đá. Phía dưới rìa đá là dốc dựng đứng đâm thẳng xuống dòng sông. Chris nhìn chăm chăm vào dòng sông, nhưng cậu bé bầu lấy cằm anh, hất hàm anh lên. “Đừng nhìn xuống. Đi nào.” Cậu bé dựa sát vào vách đá, bám lấy những gờ đá, và cẩn thận đi men theo. Chris làm theo, vẫn cứ thở hỗn hển. Anh biết chỉ cần do dự một chút thôi, sự sợ hãi sẽ xâm chiếm lấy anh ngay. Gió giật mạnh vào quần áo anh, kéo anh khỏi vách đá. Áp má vào mặt đá ấm áp, bầu chặt lấy những gờ đá nhô ra, anh cố chống lại nỗi sợ hãi.

Anh thấy cậu bé đã biến mất sau chỗ ngoặt. Chris tiếp tục đi. Góc ngoặt rất gắt, và con đường phía dưới đã bị sụt lún để lại một cái hố lớn. Thật cẩn thận bước rồi anh cũng vượt qua được góc ngoặt đó, và có thể thở phào nhẹ nhõm.

Anh nhìn thấy vách đá kết thúc ở một con dốc dài xanh mượt những cây, kéo xuống tận dòng sông. Cậu bé đang vẫy tay về phía anh. Chris tiến về phía trước, nhập hội với cậu bé.

“Từ đây sẽ dễ đi hơn đây.” Cậu bé bắt đầu đi xuống, Chris theo sau. Gần như ngay lập tức, anh nhận ra rằng con dốc chẳng thoải như vẻ bề ngoài. Phía bên dưới những tán cây, mọi thứ rất tối, dốc, và đầy bùn đất. Cậu bé tuột xuống, trượt dốc theo con đường đất bùn, biến mất trong cánh rừng phía dưới. Chris tiếp tục vật lộn đi xuống, túm lấy các cành cây chìa ra để làm chỗ dựa. Nhưng rồi anh mất chỗ tựa và trượt vào vũng bùn ở phía sau, tuột xuống dốc. Vì một lý do nào đó không rõ anh đã nghĩ thế này, *Mình là một nghiên cứu sinh Đại học Yale. Mình là một nhà sử học chuyên về lịch sử công nghệ.* Như thế là cách để anh cố bầu vịu lấy một thứ nhận dạng đang nhanh chóng mờ khỏi ý thức của mình, như một giấc mơ anh vừa trải qua, và giờ lại đang dần quên nó đi.

Trượt thẳng xuống đồng bùn, Chris đâm vào mấy cái cây, cành lá cào hết vào mặt anh, nhưng cũng chẳng giúp giảm bớt cú lặn của anh được chút nào. Anh cứ lặn xuống đồi, lặn mãi xuống.

\*

\*

Thở dài ngao ngán, Marek đứng dậy. Chẳng có chip định vị nào trên người Gomez hết. Anh ta chắc chắn thế. Kate đứng bên cạnh anh ta, cắn môi. “Tôi *biết chắc* rằng cô ấy đã nói là có một cái dự phòng mà. Tôi *biết chắc chắn* thế.”

“Tôi chẳng biết nó ở đâu hết,” Marek nói.

Kate lơ đãng lấy tay gỡ đầu, rồi chạm vào bộ tóc giả, và cảm nhận cơn đau từ cục u trên đầu mình “Cái bộ tóc giả khốn kiếp này...”

Cô dừng lại. Cô nhìn chăm chăm vào Marek.

Và rồi cô đi thẳng vào con đường dẫn vào rừng. “Nó đi đâu rồi nhỉ?” cô nói.

“Cái gì?”

“Cái đầu của cô ấy.”

Một lúc sau cô đã thấy nó, ngạc nhiên vì kích thước nó nhỏ đến vậy. Một cái đầu không có thân mình chẳng lớn gì cho cam. Cô cố không nhìn vào phần cổ.

Cố chống lại cảm giác ghê sợ, cô cúi xuống và xoay cái đầu lại, sao cho mình có thể nhìn vào khuôn mặt xám xịt kia, vào đôi mắt vô hồn kia. Cái lưỡi hơi thò ra từ cái hàm tréo ngoẹo. Ruồi vo vo đập cánh trong miệng.

Cô nhắc bộ tóc giả lên và ngay lập tức nhìn thấy chip định vị bằng sứ. Nó được gắn vào mặt trong bộ tóc giả. Cô gỡ nó ra.

“Có rồi,” cô nói.

Kate lật nó trên tay. Cô nhìn thấy cái nút ở bên sườn chip định vị. Cái nút quá nhỏ và hẹp, chỉ có thể ấn được bằng đầu móng tay.

Là nó rồi. Cuối cùng họ cũng tìm được nó.

Marek tiến lại và nhìn vào miếng sứ.

“Trông có vẻ giống nó đấy nhỉ,” anh ta nói.

“Thế là chúng ta đã có thể trở về,” cô nói, “bất cứ khi nào chúng ta muốn.”

“Cô có muốn về không?” anh ta hỏi cô.

Cô nghĩ một chút. “Chúng ta đến đây để đưa Giáo sư về,” cô nói. “Và tôi nghĩ đó là điều chúng ta phải làm lúc này.”

Marek cười.

Rồi họ nghe thấy những tiếng vó ngựa âm vang như sấm, và chỉ vừa kịp nhào vào bụi rậm thì sáu kỵ sĩ đen phi nước đại xuống con đường bùn lầy, hướng thẳng về phía dòng sông phía dưới.

\*

\*

Chris loạng choạng tiến về phía trước, đầu gối ngập trong vũng lầy ven sông. Bùn bám chặt lấy mặt, tóc và quần áo anh. Anh bị phủ nhiều bùn đến mức có thể cảm nhận được sức nặng của chúng. Anh nhìn thấy cậu bé ở phía trước đang vẩy nước để rửa sạch bùn đất.

Lội qua quãng đường lầy lội cuối cùng nơi ven sông, Chris trườn xuống mặt nước. Nước lạnh như băng, nhưng anh chẳng quan tâm. Anh chúi đầu xuống, luồn những ngón tay lên tóc, xoa xoa mặt, cố gột sạch bùn.

Giờ cậu bé đã trèo lên bờ bên kia và đang ngồi trên một mỏm đá dưới ánh nắng. Cậu bé nói gì đó mà Chris không thể nghe được, nhưng cái tai nghe của anh đã dịch ra thế này: “Anh không cởi đồ ra để tắm à?”

“Sao phải thế? Cậu có cởi đâu?”

Nghe thế, cậu bé chỉ nhún vai, “Anh có thể, nếu anh muốn.”

Chris bơi ra phía xa rồi trôi lên. Quần áo của anh vẫn còn lấm đầy bùn, và giờ khi đã lên khỏi mặt nước, anh thấy lạnh toát cả người. Anh cởi áo và quần dài, vắt sạch nước trên chỗ quần áo ngoài xuống sông, rồi trải chúng lên phiến đá để hong. Người anh đầy những vết xước sát, sưng tấy và thâm tím. Nhưng chẳng mấy chốc da anh đã bớt ấm và ánh nắng mặt trời thì thật ấm áp. Anh ngược mặt lên, nhắm mắt lại. Anh nghe thấy tiếng hát dịu dàng của những người phụ nữ trên cánh đồng. Anh nghe thấy những tiếng chim hót. Tiếng sóng vỗ dập dềnh bên bờ. Và trong giây lát, anh cảm thấy một cảm giác thanh thản đang dần bao lấy mình, càng lúc càng sâu lắng và trọn vẹn hơn bất cứ thứ gì.

*“Howbite thou speakst foolsimple ohcopan, eek invich array thouart. Essay thousooth Earisher?”*



Cậu bé đang nói gì đó. Một giây sau, anh nghe thấy giọng nói lí nhí trong tai mình dịch ra thế này: “Cách anh nói chuyện thoải mái với bạn mình, và cái cách anh ăn mặc. Nói thật đi. Anh là người Ai Len, có phải không?”

Chris chậm rãi gật đầu, nghĩ lại. Rõ ràng là cậu bé đã nghe thấy anh nói chuyện với Marek lúc ở trên đường và đã kết luận rằng họ là người Ai Len. Chẳng hại gì nếu để cậu ta nghĩ thế hết.

“Aye,” anh ta nói

“Aie?” cậu bé lặp lại. Cậu ta từ tốn phát âm cái âm tiết ấy, kéo môi ra sau, nghe răng ra. “Aie?” Cái từ đó dường như rất lạ với cậu ta.

Chris nghĩ, Cậu ta không hiểu được “aye” à? Anh sẽ thử cái khác xem. Anh nói, “Oui?”

“Oui... oui...” Cậu bé dường như cũng lúng túng trước cái từ này nữa. Rồi mặt cậu ta sáng bừng lên. “Ouirie? Seyngthou ourie?” và lời dịch là thế này, “Rách rưới á? Anh đang nói là rách rưới à?”

Chris lắc đầu. “Tôi muốn nói là ‘phải’.” Chuyện này càng lúc càng rắc rối hơn rồi.

“Yezzz?” cậu bé nói, phát âm như một tiếng suyt.

“Yes,” Chris nói, gật đầu.

“Ah. Earisher.” Lời dịch là: “Ah. Người Ai Len.”

“Phải.”

“Wee sayen yeaso. Oriwis, thousay trew.”

Chris nói, “Thousay trew.” Cái tai nghe dịch lại lời nói của chính anh: “Cậu nói đúng rồi đấy.”

Cậu bé gật đầu, có vẻ hài lòng với câu trả lời. Họ ngồi yên lặng trong giây lát. Cậu ta nhìn Chris từ đầu đến chân. “Thế anh cũng là người thuộc dòng dõi quý tộc<sup>26</sup> nhỉ.”

Lịch thiệp? Chris nhún vai. Dĩ nhiên là anh lịch thiệp rồi. Anh rõ ràng không phải một chiến binh mà. “*Thousay trew.*”

Cậu bé gật đầu với vẻ hiểu biết. “Tôi cũng nghĩ thế. Cách cư xử của anh thể hiện điều đó, dù trang phục có không hợp với phẩm bậc của anh.”

Chris chẳng đáp lại. Anh không hiểu cậu bé đó muốn nói gì.

“Anh tên gì nhỉ?” cậu bé hỏi anh.

“Christopher Hughes.”

“À. Christopher xứ Hewes,” cậu bé nói, phát âm từng tiếng một. Cậu ta dường như đánh giá cái tên ấy theo một cách nào đó Chris không hiểu. “Hewes ở đâu vậy? Ở vùng Ai Len à?”

“*Thousay trew.*”

Trong ánh nắng, một khoảng lặng nữa ập xuống giữa họ.

“Anh là hiệp sĩ à?” cuối cùng cậu bé cũng hỏi.

“Không.”

“Thế thì anh là thiếu hiệp<sup>27</sup> rồi,” cậu bé nói, gật gật đầu với chính mình. “Thế là được.” Cậu bé quay về phía Chris. “Và tuổi thì thế nào nhỉ? Hai mốt à?”

“Gần đúng đấy. Hai tư.”

Thông tin này làm cậu bé hấp háy mắt mắt đầy ngờ vực. Chris nghĩ, *Hai tư tuổi thì có gì kỳ vậy?*

“Vậy, thiếu hiệp tốt bụng, tôi rất hân hạnh được ngài trợ giúp, được ngài cứu khỏi ngài Guy và đồng bọn.” Cậu bé chỉ về phía bên kia sông, nơi sáu kỵ sĩ đen đang đứng bên bờ nhìn họ. Chúng đang cho ngựa uống nước, nhưng mắt vẫn dán vào Chris và cậu bé.

“Nhưng tôi có cứu cậu đâu,” Chris nói. “Cậu cứu tôi mà.”

“*Có cứu?*” Lại một ánh nhìn đầy phân vân nữa.

Chris thở dài. Rõ ràng là những người này không dùng thể ngắn. Để diễn đạt ngay cả một ý nghĩ đơn giản nhất cũng thật khó; anh thấy cái nỗ lực ấy thật mệt mỏi. Nhưng anh vẫn cố lần nữa: “Tôi không có cứu cậu đâu, cậu cứu tôi đấy chứ.”

“Thiếu hiệp tốt bụng, ngài thật quá khiêm nhường,” cậu bé đáp lại. “Tôi nợ ngài cái mạng nhỏ bé của mình, và tôi sẽ rất hân hạnh được phục vụ ngài, khi chúng ta tới lâu đài.”

Chris nói, “Lâu đài?”

\*

\*

Một cách thật thận trọng, Kate và Marek đi ra khỏi khu rừng, hướng về phía tu viện. Họ không thấy bóng dáng của những tên kỵ sĩ vừa phi nước đại xuống con đường đâu hết. Khung cảnh thật hiền hòa; thẳng trước mặt là những lô đất làm nông trại của tu viện, được phân ranh giới bởi những bức tường đá. Ở góc một khu đất là một bức tượng đài sáu cạnh, được trang trí cầu kỳ như một đỉnh chóp nhọn của ngôi nhà thờ kiểu Gothic.

“Đó có phải là một cái *montjoie* không?” cô hỏi.

“Rất giỏi,” Marek nói. “Đúng đấy, nó là một cái cột mốc, hay còn gọi là cái mốc chỉ đường. Cô sẽ thấy nó suốt thôi.”

Họ đi xen giữa những lô đất, hướng về phía bức tường cao hơn ba mét bao lấy toàn tu viện. Những nông dân làm việc trên cánh đồng chẳng chú ý gì đến họ hết. Trên sông, một chiếc xà lan đang trôi xuôi dòng, hàng hóa được bọc kín bằng vải. Người lái thuyền đứng phía đuôi tàu vui vẻ hát vang.

Gần khu tường tu viện là một cụm lều của những người nông dân đang làm việc trên đồng. Vượt qua những túp lều, anh ta nhìn thấy một cánh cửa nhỏ gắn trên tường. Tu viện bao quát cả một khu rộng lớn đến nỗi nó có cửa

hướng ra cả bốn phía. Đây không phải cửa chính, nhưng Marek nghĩ thử lối này trước sẽ tốt hơn.

Họ đang đi qua những túp lều thì anh ta nghe tiếng ngựa khụt khịt và tiếng thì thầm khe khẽ của một người trông ngựa. Marek dang tay ra, chặn Kate lại.

“Gì thế?” cô thì thầm.

Anh ta chỉ. Cách gần mười mét, đứng đằng sau những túp lều khuất khỏi tầm nhìn là năm con ngựa đang được một người chăn ngựa trông. Những con ngựa được trang điểm lộng lẫy, với yên cương phủ nhưng đồ điểm bạc. Những dải vải đỏ đỏ xuống hai bên sườn.

“Chúng không phải là ngựa nông,” Marek nói. Nhưng anh ta không thấy kỳ sđ đâu hết.

“Chúng ta phải làm gì?” Kate nói.

\*

\*

Chris Hughes đang đi theo cậu bé về làng Castलगard thì cái tai nghe của anh đột nhiên kêu cạch một tiếng. Anh nghe thấy Kate nói, “Chúng ta phải làm gì?” và Marek trả lời, “Tôi không chắc lắm.”

Chris nói, “Đã tìm thấy Giáo sư chưa?”

Cậu bé quay người lại và nhìn vào anh. “Ngài vừa gọi tôi đấy à, thưa thiếu hiệp?”

“Không đâu, cậu bé,” Chris nói. “Tôi chỉ nói một mình thôi.”

“*Chỉ một mình thôi?*” cậu bé lặp lại, lắc đầu. “Cách nói chuyện của ngài khó hiểu quá.”

Qua cái tai nghe, Marek nói, “Chris. Cậu đang ở chỗ quái nào vậy?”

“Đang đi tới lâu đài,” Chris nói to. “Hôm nay trời đẹp thế này mà.” Anh vừa nói vừa ngẩng mặt lên nhìn trời, cố làm ra vẻ mình đang nói chuyện một mình.

Anh nghe thấy tiếng Marek nói, “Cậu đến đây làm gì? Cậu vẫn đang đi cùng với cậu bé đó đấy à?”

“Phải, rất là đẹp.”

Cậu bé lại quay lại, nét mặt ánh lên vẻ lo lắng. “Ngài có đang nói chuyện với không khí không vậy? Đầu óc ngài vẫn tỉnh táo đấy chứ?”

“Vẫn,” Chris nói. “Đầu óc tôi vẫn rất tỉnh táo. Tôi chỉ ước là giá như các bạn mình có thể cùng tôi tới lâu đài.”

“Tại sao?” Marek nói qua cái tai nghe.

“Tôi chắc chắn là họ sẽ gặp lại ngài khi đến đúng thời điểm thôi,” cậu bé nói. “Kể tôi nghe về những người bạn của ngài đi. Họ có phải cũng là người Ai Len không? Họ có thuộc dòng dõi quý tộc như ngài không, hay là người hầu?”

Qua cái tai nghe, Marek nói, “Sao cậu lại nói với cậu ta rằng cậu thuộc dòng dõi quý tộc?”

“Vì cái từ đó miêu tả về tôi mà.”

“Chris. ‘Lịch thiệp’ ở đây nghĩa là cậu thuộc dòng dõi quý tộc đấy,” Marek nói. “Quý ông lịch thiệp, quý bà lịch thiệp<sup>28</sup>. Nó có nghĩa là cậu thuộc dòng dõi quý tộc đấy. Cậu sẽ thu hút sự chú ý và sẽ bị hỏi những câu hỏi khó về gia đình mình, những câu hỏi cậu không trả lời được đâu.”

“Ôi,” Chris nói.

“Tôi chắc chắn là từ đó miêu tả ngài rất chính xác đấy,” cậu bé nói. “Và những người bạn của ngài nữa? Họ cũng là quý tộc à?”

“Cậu nói đúng đấy,” Chris nói. “Các bạn tôi cũng là quý tộc nữa.”

“Chris, khốn kiếp,” Marek nói qua cái tai nghe. “Đừng đùa với những cái cậu không hiểu. Cậu đang mời gọi rắc rối đấy. Và nếu cứ thế này, cậu sẽ

phải hứng hết đấy.”

\*

\*

Đứng ở rìa dãy dài những túp lều dành cho nông dân, Marek nghe thấy tiếng Chris nói, “Cứ đi tìm Giáo sư đi nhé!” và rồi cậu bé hỏi Chris một câu hỏi khác, nhưng nó bị nhiễu nên không nghe được.

Marek quay người lại và nhìn về phía dòng sông dẫn tới Castलगard. Anh ta có thể nhìn thấy cậu bé, đang đi trước Chris một đoạn.

“Chris,” Marek nói. “Tôi thấy cậu rồi. Quay người lại và trở về đi! Về chỗ chúng tôi. Chúng ta phải đi cùng nhau.”

“Khó lắm.”

“Tại sao?” Marek nói, giọng đầy bức tức.

Chris không trả lời thẳng. “Thế những người đang trên lưng ngựa ở bờ bên kia là ai vậy?” Hiển nhiên là anh đang nói với cậu bé.

Marek chuyển góc nhìn, thấy mấy kỵ sĩ ở bên sông, đang vừa cho ngựa uống nước, vừa nhìn bọn Chris.

“Đó là ngài Guy de Malegant, thường được gọi là ‘Guy Đầu Đen’. Hẳn ta phục vụ cho lãnh chúa Oliver chủ nhân của tôi. Guy khét tiếng khát máu và tàn bạo.”

Vừa nghe, Kate vừa nói, “Anh ta không thể quay về chỗ chúng ta, vì những tay hiệp sĩ cưỡi ngựa kia.”

“Cô nói đúng rồi đấy,” Chris nói.

Marek lắc đầu. “Cậu ta lẽ ra không nên bỏ chúng ta lại thế này ngay từ đầu.”

Tiếng kẹt cửa phía sau làm Marek quay đầu lại. Anh ta nhìn thấy bóng dáng quen thuộc của Giáo sư Edward Johnston đang đi qua cánh cửa phụ trên bức tường tu viện và bước ra ngoài nắng. Ông chỉ có một mình.

## 35:31:11

Edward Johnston mặc một cái áo chèn màu xanh da trời đậm và quần tất màu đen; trang phục khá giản dị, ít đường thêu và hình vẽ, làm ông mang dáng dấp một vị học giả bảo thủ. Ông thực sự có thể đóng giả làm một ký lục đi hành hương từ London, Marek nghĩ. Có lẽ đây là cách ăn mặc của Geoffrey Chaucer, một ký lục khác cùng thời đại này, khi ông ta thực hiện cuộc hành hương của chính mình.

Giáo sư thờ ơ bước ra ngoài nắng, rồi có hơi loạng choạng một chút. Họ chạy vội tới bên cạnh và thấy ông đang thở hổn hển. Những từ đầu tiên của ông là, “Mọi người có chip định vị chứ?”

“Có ạ,” Marek nói.

“Chỉ có hai người các em thôi à?”

“Không ạ. Có cả Chris nữa. Nhưng cậu ấy không có ở đây.”

Johnston lắc đầu bức tức. “Được rồi. Nhanh nào, mọi chuyện là thế này. Oliver đang ở Castलगard” – ông hất hàm ra dấu về hướng thị trấn bên sông – “nhưng ông ta muốn chuyển tới La Roque, trước khi Arnaut tới. Nỗi sợ lớn nhất của ông ta là đường hầm bí mật đâm vào La Roque kia. Oliver muốn biết nó ở đâu. Tất cả mọi người quanh đây đều điên lên vì nó, vì cả Oliver lẫn Arnaut đều cực kỳ muốn có nó. Nó là chìa khóa mở tất cả mọi thứ. Mọi người ở đây nghĩ thầy là một nhà thông thái. Vị tu viện trưởng nhờ thầy nghiên cứu các tài liệu cũ và thầy đã thấy...”

Cánh cửa sau lưng họ bật mở và đám lính mặc áo choàng đỏ nâu pha xám xông tới chỗ họ. Những người lính xô Marek và Kate, đẩy họ ra một cách thô bạo, suýt nữa làm tuột mất bộ tóc giả của Kate. Nhưng họ rất cẩn thận với Giáo sư, không hề chạm vào ông, chỉ đi hai bên sườn ông thôi. Những người lính dường như khá tôn trọng ông, như thể một đội cận vệ vậy. Đứng dậy và phui hết bụi, Marek có cảm giác rằng họ đã được dặn là không được làm ông bị thương.



Marek yên lặng đứng nhìn khi Johnston và những người lính lên ngựa và đi ra đường lớn.

“Chúng ta phải làm gì?” Kate thì thầm.

Giáo sư gõ nhẹ vào bên đầu. Họ nghe tiếng ông ngân nga, như thể đang cầu nguyện, “Đi theo thầy. Thầy sẽ cố giúp chúng ta được tự về một mối. Mọi người đi kiểm Chris đi.”

## 35:25:18

Bám theo cậu bé, Chris đi tới cổng vào Castलगard: hai cánh cửa gỗ lớn, được gia cố cẩn thận với những thanh sắt nặng nề. Những cánh cửa giờ mở tung, đứng gác là một người lính mặc áo choàng đỏ đậm pha xám. Người lính gác chào đón họ bằng câu: “Dừng lêu à? Trái khăn ra đất à? Năm sol<sup>29</sup> mới được bán ở chợ vào ngày có giải đấu nhé.”

“*Non sumus mercatores,*” cậu bé nói. “Chúng tôi không phải là thương nhân.”

Chris nghe thấy người lính gác đáp lại thế này, “*Anthoubeest, ye schule payen. Quinquesols maintenant, aut decem postea.*” Những lời dịch không phát lên ngay trong tai anh; anh nhận ra rằng người lính gác đã nói một thứ ngôn ngữ pha tạp kỳ lạ giữa tiếng Anh, Pháp, và Latin.

Rồi anh nghe thấy, “Nếu cậu là thương nhân muốn vào thì cậu phải trả tiền. Năm sol bây giờ, hoặc mười sol tí nữa.”

Cậu bé lắc đầu. “Anh có thấy có đồ gì liên quan đến buôn bán ở đây không?”

“*Herkle, non.*” Qua cái tai nghe, “Có Hercules chứng giám, tôi không thấy.”

“Thế là anh đã có câu trả lời rồi đấy.”

Dù còn nhỏ nhưng cậu bé vẫn trả lời một cách rất dứt khoát, như thể đã quá quen với việc ra lệnh rồi. Người tính canh chỉ nhún vai rồi đứng tránh ra. Cậu bé và Chris đi qua hai cánh cổng, và bước vào làng.

Ngay bên trong những vòng tường đầu tiên là vài khu nhà nông trại là những lô đất được rào chắn. Vùng này đầy mùi lợn. Họ đi qua những ngôi nhà mái rạ và những chuồng lợn kêu khịt khịt, rồi trèo lên những bậc thang dẫn tới một con phố trải sỏi ngoằn ngoèo với những tòa nhà bằng đá chạy dọc hai bên đường. Giờ họ đã ở trong thị trấn rồi.

Đường phố chật hẹp và rất nhộn nhịp, những tòa nhà hai tầng, tầng thứ hai nhô ra, làm ánh mặt trời không thể chiếu xuống đến mặt đất. Tất cả các tòa nhà đều dành tầng dưới mở ra làm cửa hàng: một người thợ rèn, một người thợ mộc đồng thời cũng đóng cả thùng rượu nữa, một người thợ may và một người hàng thịt. Người hàng thịt, đeo một cái tạp dề bằng vải dầu bị bẩn đầy dầu mỡ, đang mổ một con lợn kêu eng éc trên nền đất trước cửa tiệm; họ bước tránh qua chỗ máu lênh láng và bộ lòng xám ngoét.

Phố xá náo nhiệt và thật đông đúc, mùi hôi gần như đánh gục Chris trong khi cậu bé đi trước dẫn đường cho anh. Họ đi tới một quảng trường trải sỏi với một khu chợ có mái che ở trung tâm. Khi ở khu khảo cổ, nơi đây chỉ là một cánh đồng. Anh dừng lại, nhìn quanh, cố so sánh thứ mình đã biết với thứ giờ anh đang nhìn thấy.

Bên kia quảng trường, một cô gái trẻ ăn vận trang nhã, mang một giỏ rau quả, chạy vội đến chỗ cậu bé và nói với vẻ lo lắng, “Quý ngài thân yêu của tôi, sự vắng mặt quá lâu của ngài đã làm ngài Daniel phiền lòng lắm đấy.”

Cậu bé trông có vẻ rất khó chịu khi thấy cô. Cậu gắt gỏng trả lời, “Thế thì nói với chú tôi là tôi sẽ gặp ông ấy khi đến lúc.”

“Ngài ấy sẽ hài lòng lắm,” cô bé nói, và chạy vội xuống một hành lang hẹp.

Cậu bé dẫn Chris đi theo một hướng khác. Cậu chẳng dả động gì đến cuộc nói chuyện vừa rồi của mình hết, cứ thế tiến về trước, lăm bẫm gì đó một mình.

Giờ họ đi đến một vùng đất trống, ngay phía trước tòa lâu đài. Đó là một nơi rực rỡ và đầy màu sắc, các hiệp sĩ diễu hành trên ngựa, mang những biểu ngữ phấp phới trong gió. “Hôm nay có nhiều khách đến xem giải đấu quá,” cậu bé nói.

Ngay trước mặt là cây cầu kéo dẫn vào lâu đài. Chris ngược mắt nhìn những bức tường đồ sộ, những tháp canh cao ngất. Những người lính đi lại trên thành và nhìn xuống đám đông. Cậu bé dẫn anh tiến lên trước không

chút do dự. Chris nghe thấy tiếng chân mình rậm rịch trên cây cầu gỗ. Có hai người lính canh trước cổng. Anh thấy người mình căng lên khi tiến lại gần.

Nhưng những người lính canh chẳng mấy may chú ý gì hết. Một người lơ đãng gạt đầu về phía họ; người kia đang xoay lưng lại và cạo bùn khỏi giày mình.

Chris ngạc nhiên trước sự thờ ơ của họ. “Họ không canh cổng vào à?”

“Sao họ phải canh chứ?” cậu bé nói. “Giờ là ban ngày. Và chúng ta chẳng bị ai tấn công hết.”

Ba người phụ nữ, đầu quấn khăn trắng, để lộ mỗi khuôn mặt, đang đeo những chiếc giỏ nhỏ và đi ra khỏi thành. Những người lính canh lần nữa lại chẳng mấy chú ý. Vừa cười vừa nói, những người phụ nữ cứ thế đi qua – chẳng hề bị hoạnh hợ gì.

Chris nhận ra rằng anh đang phải đối mặt với một trong những sai lệch lịch sử đã ăn sâu vào tâm trí đến nỗi chẳng ai buồn xem xét lại nó hết. Lâu đài là những pháo đài cố thủ, và chúng luôn có đường ra lối lại cẩn thận – hào, cầu kéo, vân vân. Và tất cả mọi người đều nghĩ rằng cái lối ra vào ấy luôn được canh phòng cẩn mật tất cả mọi lúc.

Nhưng, như cậu bé đã nói, sao phải thế chứ? Vào thời bình, lâu đài là một trung tâm xã hội nhộn nhịp, mọi người đến và đi để gặp lãnh chúa, để giao hàng hóa. Chẳng có lý do gì để phải canh gác nó hết. Đặc biệt là, như cậu bé đã nói, vào ban ngày.

Chris thấy mình nghĩ về những tòa nhà công sở hiện đại, chỉ có bảo vệ vào buổi đêm ; vào ban ngày, bảo vệ cũng có mặt, nhưng chỉ để hướng dẫn thông tin. Và có lẽ đó cũng là việc những người lính canh ở đây đang làm.

Mặt khác...

Khi đi qua cánh cổng, anh liếc nhìn về phía những hàng giáo phòng vệ – khung sắt to nặng giờ được kéo lên phía trên đầu anh. Cái khung sắt ấy sẽ

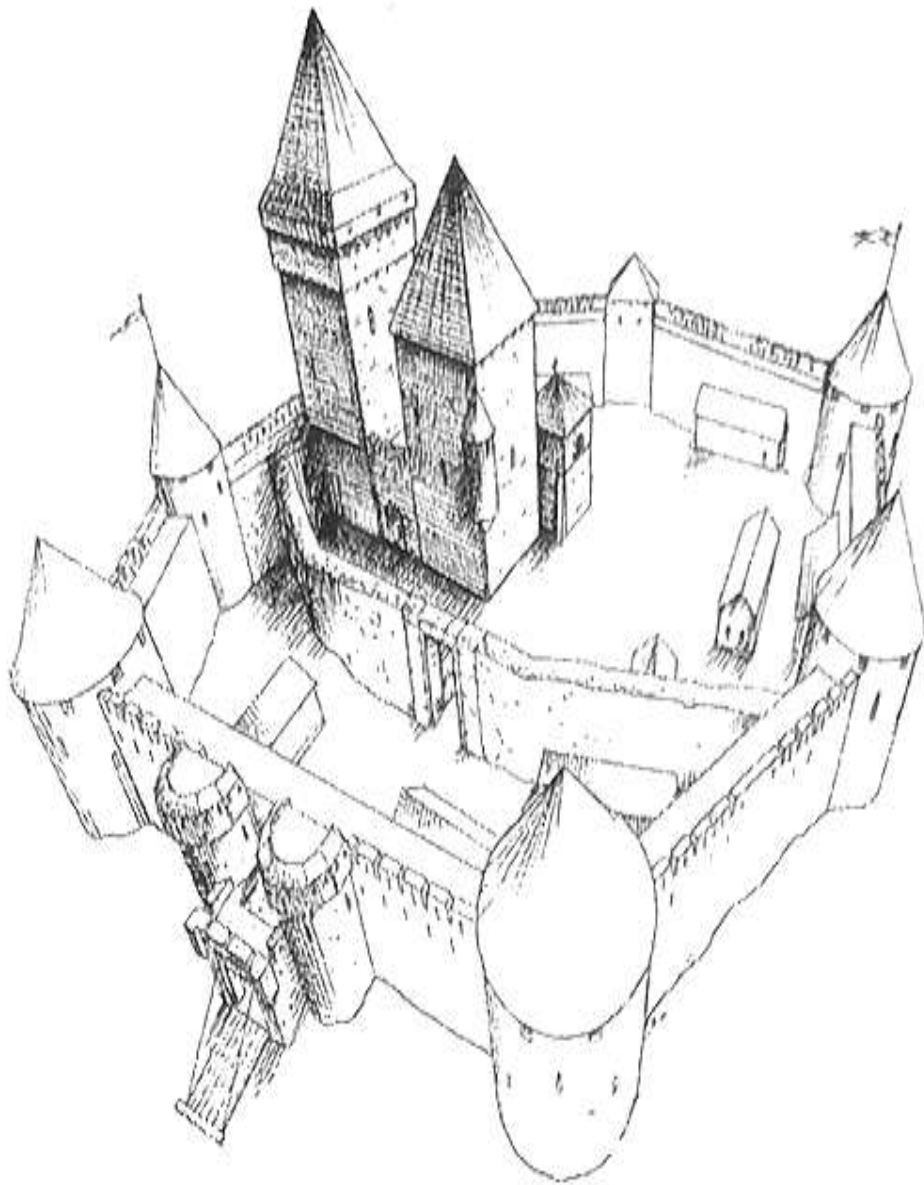
được hạ xuống bất cứ lúc nào, anh biết thế. Và khi nó đã hạ xuống, sẽ chẳng có lối vào và cũng chẳng có đường nào để thoát khỏi lâu đài hết.

Anh đã tiến vào lâu đài một cách khá dễ dàng. Nhưng anh không chắc là ra khỏi đó có dễ thế không.

\*

\*

Họ tiến vào một cái sân rộng, tường đá ở khắp mọi phía. Có rất nhiều ngựa ở đây; những người lính mặc áo chên màu đỏ pha xám ngồi thành từng nhóm nhỏ, ăn bữa trưa. Anh nhìn thấy những hành lang gỗ cao phía trên đầu, chạy theo chiều dài những bức tường. Ngay phía trên, anh thấy một tòa nhà khác, với những bức tường đá cao bằng cả một tòa nhà ba tầng với những tháp canh phía trên. Là một lâu đài trong tòa thành này. Cậu bé dẫn anh tới đó.



Ở một phía; một cánh cửa để mở. Một người lính canh đang rồn rột gặm thịt gà. Cậu bé nói, “Chúng tôi tới gặp phu nhân Claire. Cô ấy muốn được anh người Ai Len này phục vụ.”

“Cứ thế đi,” người lính càu nhàu, chẳng thèm quan tâm; họ tiến vào trong. Chris nhìn thấy một cổng vào có mái vòm thẳng ngay trước mặt, dẫn tới phòng lớn, nơi một đám đông đàn ông và phụ nữ đang đứng nói chuyện.

Tất cả mọi người dường như đều ăn mặc rất sang trọng; giọng họ dội lại vang vọng từ các bức tường đá.

Nhưng cậu bé chẳng để anh có nhiều cơ hội quan sát. Cậu dẫn Chris đi lên một cầu thang hẹp, ngoằn ngoèo dẫn tới tầng thứ hai, rồi đi theo một hành lang bằng đá, và cuối cùng tới một dãy phòng.

Ba cô hầu, đều mặc đồ trắng, chạy vội tới chỗ cậu bé và ôm lấy cậu ta. Họ trông nhẹ cả người. “Ờn Chúa, phu nhân, cô đã về rồi.”

Chris nói, “Phu nhân?”

Ngay khi anh nói thế, cái mũ đen đã bị ném đi, và sóng tóc vàng óng đổ xuống vai cô. Cô hơi nhún người chào. “Tôi thực sự rất xin lỗi, và mong anh tha thứ cho sự dối gạt này.”

“Cô là ai?” Chris nói, cứng cả người.

“Tôi được gọi là Claire.”

Cô đứng dậy và nhìn thẳng vào mắt anh. Anh nhận thấy cô lớn hơn mình đã nghĩ, có lẽ hai hai hoặc hai ba tuổi. Và rất đẹp.

Anh há hốc miệng và chẳng nói được gì. Anh chẳng biết phải nói gì, hay làm gì hết. Anh thấy mình thật ngốc nghếch và lỗ bịch.

Giữa sự im lặng, một trong các cô hầu tiến lên, nhún gối chào và nói, “Xin phép ngài, cô ấy là phu nhân Claire xứ Eltham, mới trở thành góa phụ của ngài Geoffrey xứ Eltham, người có những điền trang lớn ở Guyenne và Middlesex. Ngài Geoffrey tử thương ở trận Pointiers, và giờ ngài Oliver – chủ nhân lâu đài này – làm người giám hộ cho phu nhân tôi. Ngài Oliver nghĩ là cô ấy phải tái giá, và ngài ấy đã chọn ngài Guy de Malegant, một quý tộc khá nổi tiếng ở vùng này. Nhưng cuộc hôn phối này, phu nhân tôi đã từ chối.”

Claire quay người lại và bắn cho cô hầu gái một cái liếc cảnh tỉnh. Nhưng cô gái, cứ lờ đi, tiếp tục tán. “Phu nhân tôi nói cho cả thế giới nghe là ngài Guy không đủ khả năng bảo vệ điền trang của cô ấy ở Pháp và Anh.

Nhưng ngài Oliver sẽ kiếm được một khoản từ cuộc hôn phối này, và Guy đã...”

“*Elaine.*”

“Phú nhân,” cô gái nói, lùi lại phía sau. Cô ta nhập hội cùng với mấy cô hầu kia, đang thì thầm trong góc, và rõ ràng là đang khiển trách cô ta.

“Nói đủ rồi,” Claire nói. “Đây là ân nhân cứu mạng của ta hôm nay, thiếu hiệp Christopher xứ Hewes. Anh ấy đã cứu ta khỏi tên Guy bạo ngược, kẻ đã cố dùng bạo lực để cướp thứ hãnh không thể tự do lấy được.”

Chris nói, “Không, không, chuyện xảy ra không phải thế đâu...”

Anh ngắc ngứ, nhận ra rằng tất cả mọi người giờ đang nhìn chăm chăm vào mình, miệng há hốc, mắt mở trân trân.

“Đúng thế, cách nói năng của anh ấy có hơi lạ,” Claire nói, “vì anh ấy đến từ một nơi hẻo lánh ở xứ Ai Len. Và anh ấy rất khiêm tốn, đúng mực một cách rất quý tộc. Anh ấy thực sự đã cứu ta, nên hôm nay ta sẽ giới thiệu Christopher với người giám hộ của mình, khi anh ấy đã được ăn vận chỉnh tề.” Cô quay về phía một trong những cô gái kia. “Có phải người huấn luyện ngựa của chúng ta, thiếu hiệp Brandon, cũng có khổ người giống anh ấy không? Đi lấy cho ta cái áo chèn màu chàm, thắt lưng bạc, và chiếc quần tất màu trắng đẹp nhất của anh ta đi.” Cô đưa cho cô gái một chiếc ví. “Trả bất cứ giá nào anh ta đòi, và phải nhanh lên nhé.”

Cô gái chạy vội đi. Cô ta đi qua một người đàn ông đứng tuổi mặt mày âm đạm, đang đứng nhìn trong bóng tối. Ông ta mặc một chiếc áo choàng nhung màu nâu đỏ thêu hình hoa ly bạc, cổ áo làm bằng lông chồn, “Giờ thì thế nào đây, phu nhân?” ông ta vừa nói vừa tiến lại gần.

Cô nhún người chào, “Ổn cả rồi, chú Daniel.”

“Cuối cùng con cũng trở về an toàn,”

“Phải cảm tạ Chúa.”

Người đàn ông mặt mày âm đạm khịt mũi. “Con nên thế. Con làm cả Người cũng mất kiên nhẫn. Và liệu chuyến đi của con có thu được thành



công xứng với sự nguy hiểm của nó không vậy?”

Claire cắn môi, “Con sợ là không.”

“Con có gặp được tu viện trưởng không?”

Một chút ngần ngại. “Không.”

“Nói sự thật cho ta nghe đi, Claire.”

Cô gái lắc đầu, “Thưa chú, con thực sự không gặp được ông ấy. Ông ấy ra ngoài đi săn rồi.”

“Thật đáng tiếc,” ngài Daniel nói. “Sao con không đợi ông ấy về?”

“Con không dám làm thế, thưa chú, vì người của ngài Oliver đã xâm nhập thánh địa, cố bắt ngài Học giả ấy đi bằng vũ lực. Con sợ bị bại lộ, thế nên đã trốn đi trước.”

“Phải, phải, ngài Học giả rắc rối này,” ngài Daniel trầm ngâm một cách đầy u ám: “Ai ai cũng nói về ông ta. Con có biết người ta nói gì không? Là ông ta có thể tự hiện ra trong một luồng sáng.” Ngài Daniel lắc đầu. Khó có thể nói được là ông ta có tin hay không. “Ông ta hẳn phải là một học giả lão luyện về thuốc súng.” Ông ta phát âm nó là *Thuốc chúng*, và nói cái từ đó một cách thật chậm, như thể nó rất kỳ lạ. “Con đã gặp vị Học giả này chưa?”

“Đã ạ. Con thậm chí còn nói chuyện với ông ấy nữa.”

“Khi thấy vị tu viện trưởng đã đi khỏi, con đã đi tìm ông ấy. Vì người ta nói là gần đây vị Học giả đã kết bạn với tu viện trưởng.”

Chris Hughes đang cố bắt kịp cuộc nói chuyện của họ thì anh nhận ra một cách muộn màng là họ đang nói về Giáo sư. Anh nói, “Học giả?”

Claire nói, “Anh biết ngài Học giả à? Edward de Johnes?”

Anh ngay lập tức đổi giọng. “Ừm... không... không, tôi không biết, và...”

Nghe thấy những lời này, ngài Daniel nhìn chăm chăm vào Chris với vẻ bất ngờ. Ông ta quay về phía Claire, “Anh ta vừa nói gì vậy?”

“Anh ấy nói là anh ấy không biết ngài Học giả.”

Ông lão vẫn chưa hết bàng hoàng. “Bằng tiếng nước nào vậy?”

“Một kiểu tiếng Anh, chú Daniel, với một ít tiếng Celtic, con nghĩ thế.”

“Không phải thứ tiếng Celtic ta từng được nghe,” ngài Daniel nói. Ông ta quay về phía Chris. “Anh nói *la langue – doc?* Không ư? *Loquerisquide Latine?*”

Ông ta đang hỏi là có phải anh nói tiếng Latin không. Chris cũng có học qua trường lớp về tiếng Latin trình độ đọc hiểu. Anh chưa thử nói thứ tiếng đó bao giờ. Anh vừa nói vừa nghĩ “*Non. Senior Danielis, solum perpaululum. Perdoleo.*” (Không đâu, thưa ngài Daniel, chỉ một chút thôi, thứ lỗi cho tôi.)

“*Per, per... dicendo ille Ciceroni persimilis est.*” Anh ta nói cứ như Cicero<sup>30</sup> vậy.

“*Perdoleo.*” Tôi xin lỗi.

“Thế thì anh nên yên lặng là hơn.” Ông lão quay lại phía Claire. “Ngài Học giả đã nói gì với con vậy?”

“Ông ấy không thể giúp con được.”

“Ông ta có biết gì về bí mật chúng ta đang tìm kiếm không?”

“Ông ấy nói là ông ấy không biết.”

“Nhưng ngài tu viện trưởng có biết,” ngài Daniel nói. “Ngài tu viện trưởng *chắc chắn* phải biết. Người tiền nhiệm của ngài ấy, giám mục xứ Laon, đã phụ trách phần kiến trúc trong những lần tu sửa cuối cùng của La Roque.”

Claire nói, “Ngài Học giả nói Laon không phải kiến trúc sư phụ trách phần đó.”

“Không phải sao? Ngài Daniel cau mày. Và làm sao mà ngài Học giả lại biết được điều đó?”

“Con tin là tu viện trưởng đã nói điều đó cho ông ấy nghe. Hoặc có lẽ ông ấy đã tra ra điều đó trong chỗ tài liệu. Ngài Học giả đã nhận trách nhiệm

phân loại và sắp xếp các bản giấy da của Sainte-Mère, cho những vị thầy tu.”

“Có thật không nhỉ,” ngài Daniel trầm ngâm nói. “Ta hẳn không biết tại sao.”

“Con không có đủ thời gian để hỏi vì khi đó người của ngài Oliver đã xông vào điện thờ rồi.”

“Ừm, ngài Học giả sẽ tới đây chóng thôi,” ngài Daniel nói. “Và đích thân ngài Oliver sẽ tự hỏi những câu này...” Ông ta chau mày, rõ ràng là rất không vui trước cái ý nghĩ ấy.

Ông lão thành linh quay về phía một cậu bé độ chín hay mười tuổi đang đứng phía sau. “Đưa thiếu hiệp Christopher tới phòng ta, để ngài ấy có thể tắm rửa thay đồ.”

Nghe thế, Claire bắn cho ông lão một cái nhìn sắc lẹm. “Chú, đừng làm hỏng kế hoạch của con thế.”

“Ta đã làm thế bao giờ chưa?”

“Chú biết là chú đã cố làm thế rồi mà.”

“Con yêu,” ông ta nói, “mối quan tâm duy nhất của ta luôn là sự an toàn – và danh dự của con.”

“Và phẩm hạnh của con, thưa chú, vẫn chưa được định đoạt đâu ạ.” Nói thế, Claire xăm xăm đi về phía Chris, vòng tay quanh cổ, và nhìn thẳng vào mắt anh. “Em sẽ đếm từng giây phút khi anh đi khỏi, và nhớ anh với cả trái tim,” cô dịu dàng nói, mắt ngấn lệ. “Mau trở lại với em nhé.”

Cô nhẹ quệt môi lên miệng anh rồi lùi lại, ngần ngại buông anh ra, những ngón tay lướt trên cổ anh. Anh thấy choáng váng, nhìn chằm chằm vào mắt cô, thấy cô thật đẹp...

Ngài Daniel húng hắng ho, quay về phía cậu bé. “Chăm sóc thiếu hiệp Christopher đây, giúp ngài ấy tắm rửa.”

Cậu bé cúi đầu chào Chris. Tất cả mọi người trong phòng đều yên lặng. Rõ ràng đây là dấu hiệu bảo anh nên đi đi. Anh gật đầu và nói, “Tôi cảm ơn mọi người.” Anh đợi những nét mặt bất ngờ, nhưng lạ là chẳng có, họ dường như có vẻ đã hiểu những gì anh vừa nói. Ngài Daniel cho anh một cái gật đầu lạnh giá, rồi Chris rời phòng.

## 34:25:54

Những con ngựa gỗ móng lộc cộc trên cây cầu kéo. Giáo sư nhìn thẳng về phía trước, chẳng mảy may để ý gì đến những người lính đang hộ tống mình. Những người lính canh trước cánh cổng dẫn vào lâu đài chỉ liếc nhìn qua loa khi mọi người tiến vào. Rồi Giáo sư khuất khỏi tầm nhìn.

Đứng gần cây cầu kéo, Kate nói, “Chúng ta làm gì bây giờ? Chúng ta có nên đi theo thầy ấy không?”

Marek không trả lời cô. Nhìn lại phía sau, cô thấy anh ta đang dán mắt nhìn chăm chăm vào hai hiệp sĩ trên lưng ngựa, đang đấu kiếm trên cánh đồng bên ngoài tòa lâu đài. Có vẻ là một kiểu tập luyện hay phô diễn gì đó; những hiệp sĩ được cả một đám đông thanh niên mặc chế phục bao quanh – một vài người mặc màu xanh lá cây đậm, một số người thì vàng cam và vàng chanh, rõ ràng là mặc theo trang phục của hai hiệp sĩ kia. Và một đám đông khán giả đã tụ tập lại đứng cười nói, thóa mạ và cổ động hiệp sĩ này hoặc hiệp sĩ kia. Những con ngựa xoay vòng cực gấp, gần như chạm vào nhau, làm hai kỵ sĩ vũ trang tận răng mặt đối mặt với nhau. Những thanh kiếm của họ đập vào nhau choang choang dưới ánh mặt trời buổi sáng.

Marek cứ đứng yên nhìn.

Cô đập nhẹ vào vai anh ta. “Nghe này, André, Giáo sư...”

“Chờ chút đã.”

“Nhưng...”

“Chờ chút đã.”

Lần đầu tiên trong đời, Marek có một cảm giác bất an kỳ lạ. Cho tới tận bây giờ, anh ta chưa hề thấy một thứ gì trong thế giới này mà lại bất bình thường, hay bất ngờ hết. Tu viện đúng y như anh ta đã hình dung. Những người nông dân trên cánh đồng trông đúng y như anh ta đã hình dung. Và khi tiến vào thị trấn Castलगard, lại nữa, nó hệt như anh ta đã nghĩ. Kate đã thấy kinh hãi trước cảnh người đồ tể mổ lợn trên đường, cùng với mùi mậy

cái thùng thuộc da, nhưng Marek không hề hấn gì. Nó y như những gì anh ta đã tưởng tượng, từ hàng bao năm về trước.

Nhưng không phải cái này, anh ta nghĩ, khi nhìn hai hiệp sĩ kia đánh nhau.

*Nhanh quá!* Những lưỡi gươm thật nhanh và thật bền bỉ, giáng xuống và xoay ra sau, thế này trông như đấu kiếm thể thao thì đúng hơn là đánh kiếm. Tiếng chạm nhau chỉ đến một hoặc hai giây. Và trận chiến diễn ra không chút ngần ngại hay ngừng nghỉ.

Marek đã luôn mừng rỡ tưởng rằng những trận chiến kiểu này sẽ diễn ra theo những cử động chậm rãi: những người đàn ông mặc giáp lù đù giờ những thanh kiếm nặng đến nỗi mỗi nhát kiếm là một nỗ lực thực sự, mang theo những động lượng khủng khiếp, cần phải có thời gian để hồi phục và bắt đầu lại trước khi giáng đường kiếm tiếp theo. Anh ta đã đọc những bài viết về việc người ta kiệt sức như thế nào sau mỗi trận chiến, và nghĩ rằng đó là hậu quả của những trận chiến chậm, thân mình bọc kín trong sắt thép với những nỗ lực dai dẳng.

Những chiến binh này to lớn và mạnh mẽ ở mọi khía cạnh. Những con ngựa của họ trông thật to lớn, và bản thân họ cũng phải cao tới một mét tám hoặc thậm chí còn hơn thế, và cực kỳ khỏe.

Marek chưa bao giờ bị đánh lừa bởi kích cỡ nhỏ bé của những bộ giáp trong hộp kính ở viện bảo tàng – anh ta biết rằng bất cứ một bộ giáp nào mà vào được đến bảo tàng cũng chỉ mang tính tượng trưng và chưa bao giờ được mặc vào bất cứ dịp nào nguy hiểm hơn là một buổi diễu hành thời Trung cổ. Và dù không chứng minh được, Marek cũng ngờ rằng phần lớn những bộ giáp còn trụ lại – được trang trí và chạm khắc tinh xảo – chỉ để trưng bày thôi, và được làm với tỷ lệ ba phần tư, để khoe sự tinh tế trong thiết kế của thợ thủ công được rõ hơn.

Những chiếc áo giáp thực thụ dùng trong chiến trận chẳng bao giờ trụ lại được hết. Và anh ta đã đọc đủ tư liệu để biết rằng những chiến binh vĩ đại nhất của thời Trung cổ đều là những người to lớn khổng lồ – cao, cơ bắp và

khỏe một cách bất thường. Họ đều là quý tộc, được ăn ngon ăn đủ; và họ đều to lớn. Anh ta đã đọc về việc rèn luyện của họ, và việc họ thích thú với việc phô trương sức mạnh để mua vui cho các quý cô như thế nào.

Tuy thế, lạ là anh ta chưa bao giờ tưởng tượng ra cái gì đó gần gũi với chuyện này một chút nào. Những người đàn ông này chiến đấu một cách dữ tợn, nhanh vun vút và liên tục – và trông cứ như là họ có thể đánh thế này cả ngày. Chẳng ai trong hai người để lộ một chút xiu mệt nhọc gì; nếu có biểu hiện gì thì cũng chỉ cho thấy là dường như họ rất thích thú được dốc sức ra như vậy.

Chứng kiến tốc độ và sự hung hăng của họ, Marek đã tự nhận ra một điều rằng đây chính xác là cách anh ta sẽ chọn để chiến đấu – thật nhanh gọn, với thể lực và sự giữ sức đủ để làm đối phương kiệt quệ. Anh ta chỉ tưởng tượng ra một trận đánh chậm hơn từ giả định vô thức rằng người thời Trung Cổ thì yếu, chậm hay kém thông minh hơn mình, một người hiện đại.

Marek biết giả định về sự ưu việt này là một trở ngại mà các nhà sử học phải đối mặt. Anh ta chỉ không nghĩ rằng mình cũng có cái ý nghĩ ấy.

Nhưng rõ ràng là anh ta có nghĩ thế.

Phải mất một lúc anh ta mới nhận ra, qua tiếng hò la của đám đông, rằng thể lực của những chiến binh kia đang ở đỉnh cao phong độ đến mức họ có thể vừa chửi vừa đánh nhau; họ bắn những hàng chửi rửa và giễu cợt vào nhau theo từng cú đánh.

Và rồi anh ta thấy rằng những thanh kiếm đó không hề bị làm cùn đi chút nào, rằng những thanh kiếm đang vung lên kia thực sự là kiếm dùng trên chiến trận, lưỡi sắc lẹm như dao cạo. Nhưng họ rõ ràng là chẳng có ý định làm hại nhau gì hết; đây chỉ là một màn khởi động vui nhộn cho giải đấu sắp tới. Sự vui vẻ, thờ ơ trước nguy hiểm chết người kia cũng rợn người chẳng kém gì tốc độ và sự mãnh liệt trong những đường đánh của họ.

Trận chiến kéo dài thêm khoảng mười phút nữa, cho tới khi một người đánh một cú thật mạnh làm người kia ngã ngựa. Anh ta ngã xuống đất nhưng ngay lập tức đứng bật dậy và cười phá lên, dễ dàng cứ như anh ta

chẳng mặc giáp trụ gì hết vậy. Tiền trao tay. Những tiếng thét “Nửa đi! Nửa đi!” Một trận đánh tay không giữa các anh người hầu. Hai hiệp sĩ khoác tay nhau hướng về phía quán rượu.

Marek nghe thấy Kate nói, “André...”

Anh ta chậm chạp quay về phía cô.

“André, mọi chuyện ổn chứ?”

“Tất cả đều ổn,” anh ta nói. “Nhưng tôi có rất nhiều điều cần phải học.”

\*

\*

Họ đi xuống cây cầu kéo dẫn vào lâu đài, tiến lại gần những người lính gác. Anh ta thấy Kate cứng người lại bên cạnh mình. “Chúng ta phải làm gì bây giờ? Chúng ta phải nói gì đây?”

“Đừng lo. Tôi nói được tiếng Occitan.”

Nhưng khi họ tiến lại gần hơn, một cuộc đấu khác lại diễn ra trên cánh đồng bên kia hào nước, và những người lính đang đứng xem. Họ hoàn toàn không để ý gì khi Marek và Kate đi qua cánh cổng vòm bằng đá và tiến vào sân lâu đài.

“Chúng ta cứ thế đi vào này,” Kate nói với vẻ đầy bất ngờ. Cô nhìn quanh sân. “Giờ làm gì đây?”

\*

\*

Ngoài trời lạnh cóng, Chris nghĩ. Anh cởi trần, mặc độc chiếc quần đùi, ngồi trên một chiếc ghế con trong căn phòng be bé của ngài Daniel. Bên cạnh anh là một chậu nước bốc khói, và một chiếc khăn để cọ rửa. Chậu bé đã mang



chiếc chậu lên từ dưới bếp cứ như thể nó là vàng ròng vậy; cách cư xử của cậu cho thấy ở đây phải rất được nể trọng thì mới được sử dụng nước nóng.

Chris biết điều tự cạo rửa cho mình, từ chối lời đề nghị trợ giúp của cậu bé. Cái chậu khá nhỏ, và nước chẳng mấy chốc đã chuyển sang màu đen. Nhưng cuối cùng anh cũng cạo được hết chỗ bùn bám dưới những đầu móng tay, bám trên người và thậm chí là trên cả mặt nữa, với sự trợ giúp của một cái gương kim loại bé xíu cậu bé đưa cho.

Cuối cùng anh nói rằng mình ổn rồi. Nhưng cậu bé, với vẻ mặt không vừa ý, đã nói, “Thiếu hiệp Christopher, ngài vẫn chưa sạch đâu.” Và cậu ta khăng khăng đòi được làm nốt phần còn lại.

Thế là Chris phải ngồi co ro trên cái ghế gỗ trong khi cậu bé kỳ cạo chờ anh phải đến cả tiếng đồng hồ. Chris rất bối rối; anh đã luôn nghĩ rằng người thời Trung Cổ đều rất bẩn thỉu và hôi hám, chìm ngập giữa sự dơ dáy của thời đại đó. Nhưng những người này dường như bị bệnh sạch sẽ. Tất cả những người anh gặp trong lâu đài đều rất sạch sẽ, và quanh đây cũng chẳng có mùi gì hết.

Thậm chí nhà vệ sinh, thứ cậu bé bắt anh phải vào trước khi tắm, cũng chẳng khủng khiếp như Chris đã nghĩ. Đó là một cái buồng hẹp đặt trong phòng ngủ, bệ xí bằng đá, phía dưới là ống cống. Rõ ràng là chất thải chảy xuống tầng trệt của tòa lâu đài, nơi chúng được dọn rửa mỗi ngày. Cậu bé giải thích rằng mỗi sáng một người hầu sẽ xả cái ống với nước thơm, rồi đặt một bó dược thảo thơm ngọt lên cái mắc trên tường. Thế nên mùi sẽ không quá khó chịu. Trên thực tế, anh nghĩ một cách buồn bã, là mùi toa lét trên máy bay còn khó chịu hơn nhiều.

Và đỉnh nhất là những người này còn chùi bằng những mảnh lanh trắng! Không, mọi thứ rõ ràng chẳng giống những gì anh từng nghĩ trước đó.

Một lợi ích của việc bị bắt ngồi ở đây là anh có thể cố thử nói chuyện với cậu bé. Cậu rất kiên nhẫn, và nói chậm cho Chris nghe, như thể nói với một thằng đần vậy. Nhưng việc này giúp anh có thể nghe được cậu ta trước cả khi cái tai nghe kịp dịch, và anh nhanh chóng nhận ra rằng bắt chước là

một việc rất có ích; nếu anh có thể vượt qua được sự xấu hổ và chịu dùng những từ cổ anh đã đọc trong sách – rất nhiều từ chính cậu bé cũng dùng – thì cậu bé có thể hiểu được những gì anh nói dễ dàng hơn nhiều. Thế là Chris dần dần chuyển từ “tôi nghĩ” sang “ta nghĩ”, và “giả thử” thay vì “nếu”, và “sự thật là thế” thay vì “đúng thế”. Và với mỗi thay đổi nhỏ đó, cậu bé dường như đã có thể hiểu anh được tốt hơn.

Chris vẫn đang ngồi trên cái ghế thì ngài Daniel bước vào phòng, ông mang quần áo được gấp gọn gàng, trông rất đẹp và sang trọng. Ông đặt chúng lên giường.

“Thế, anh Christopher xứ Hewes. Anh đã dính líu đến người đẹp thông minh của chúng tôi rồi đấy nhỉ.”

“Cô ấy đã cứu mạng tôi.” Anh phát âm nó như là *cứu* vậy. Và ngài Daniel có vẻ cũng hiểu được.

“Tôi hy vọng là việc đó sẽ không khiến anh gặp phiền phức.”

“Phiền phức?”

Ngài Daniel thờ dãi. “Cô ấy đã nói với tôi, bạn Chris của tôi ạ, rằng anh là quý tộc, nhưng lại vẫn chưa phải là hiệp sĩ. Thế anh là thiếu hiệp à?”

“Sự thật là, đúng thế ạ.”

“Một thiếu hiệp rất *lớn tuổi*,” ngài Daniel nói. “Anh đang luyện về thuật chiến đấu gì vậy?”

“Việc luyện tập của tôi...” Chris chau mày. “Ồ, tôi có, ừm...”

“Anh làm sao? Nói thẳng nhé: Anh đang luyện về cái gì?”

Chris quyết định rằng anh cứ nên nói thật là hơn. “Sự thực là, tôi là – tôi muốn nói là, tôi được đào tạo – trong quá trình nghiên cứu – để làm một học giả.”

“Một học giả?” Ông lắc đầu, có vẻ không hiểu. “*Escolie? Esne discipulus? Studesne sub magistro?*” Anh đang theo học một học giả à?

“*Ita est.*” Cũng gần như thế.

“Ubi?” Ở đâu?

“Ừm... ờ, ừm, Oxford.”

“Oxford?” Ngài Daniel khịt mũi. “Thế thì anh chẳng có việc gì ở đây hết, với những người như phu nhân tôi. Cứ tin tôi đi, đây không phải là nơi cho một học giả như anh đâu. Hãy để tôi nói anh biết tình trạng anh đang gặp phải là như thế nào nhé.”

\*

\*

“Lãnh chúa Oliver cần tiền để trả cho binh lính, và ông ta đã cướp phá tất cả những gì có thể cướp được ở các thị trấn lân cận rồi. Thế nên giờ ông ta ép Claire phải cưới, để ông ta có thể kiếm được ít tiền. Guy de Malegant đã ra một cái giá khá hấp dẫn, rất dễ chịu với Oliver. Nhưng Guy cũng chẳng giàu có gì, và hẳn ta không thể trả được cái phí ấy trừ khi hẳn thế chấp một phần tài sản của phu nhân tôi. Điều này cô ấy không đồng ý. Rất nhiều người tin rằng lãnh chúa Oliver và Guy từ lâu đã có một thỏa thuận ngầm – thứ nhất là bán đứng phu nhân Claire đi, thứ hai là bán đất của cô ấy.”

Chris không nói gì hết.

“Có một trở ngại nữa với cuộc hôn phối này. Claire ghê tởm Malegant, kể cô ấy ngờ rằng đã nhúng tay vào cái chết của chồng mình. Guy đã ở bên cạnh Geoffrey vào thời khắc anh ta chết. Tất cả mọi người đều bất ngờ trước sự ra đi đột ngột của anh ta. Geoffrey là một hiệp sĩ trẻ và tràn đầy sinh lực. Dù những vết thương của anh ta rất nặng, tiến độ hồi phục của anh ta vẫn khả quan. Chẳng ai biết sự thật hôm ấy là thế nào, nhưng có những tin đồn – rất nhiều tin đồn – về thuốc độc.”

“Tôi hiểu,” Chris nói.

“Anh hiểu thật không? Thử nghĩ xem: phu nhân tôi cũng có thể xem như đang bị cầm tù trong lâu đài này của lãnh chúa Oliver. Một mình cô ấy

cũng có thể trốn ra được, nhưng cô ấy không thể tự di dời toàn bộ tùy tùng của mình trong bí mật. Nếu cô ấy bí mật trốn đi và quay lại Anh – điều mà cô ấy luôn muốn – lãnh chúa Oliver sẽ đổ tất cả thù hận lên đầu tôi, và tất cả những người khác trong gia đình cô ấy. Cô ấy biết thế, và cô ấy bắt buộc phải ở lại.

“Lãnh chúa Oliver muốn cô ấy phải cưới, và phu nhân tôi đã lập ra hàng loạt kế hoạch để hoãn việc đó lại. Cô ấy rất thông minh, đó là sự thật. Nhưng lãnh chúa Oliver không phải một người kiên nhẫn, chẳng mấy chốc ông ta sẽ hối thúc chuyện này thôi. Giờ, hy vọng duy nhất của cô ấy nằm ở đây.” Ngài Daniel đi lại và chỉ tay ra ngoài cửa sổ.

Chris đi đến chỗ cửa sổ và quan sát.

Từ ô cửa sổ cao ngất này, anh thấy được toàn cảnh sân trong, và phần tường đặt lỗ châu mai ở vòng thành ngoài. Phía xa anh nhìn thấy những mái nhà của thị trấn, rồi đến bức tường bao quanh thị trấn, với những người lính canh đang đi tuần trên những bức tường thành. Rồi đến cánh đồng và cả vùng đồng quê trải dài về phía xa.

Chris nhìn về phía ngài Daniel đầy dò hỏi.

Ngài Daniel nói, “Ở kia kia, học giả của tôi. Những đám lửa ấy.”

Ông ta chỉ về phía xa. Cố nheo mắt, Chris chỉ nhìn thấy những cột khói mờ nhạt đang dần tan vào màn sương xanh nhạt. Đó là tất cả những gì anh có thể thấy được.

“Đó là quân đoàn của Arnaut de Cervole,” ngài Daniel nói. “Chúng dựng trại cách đây không tới mười lăm dặm. Chúng sẽ tới đây chỉ trong một ngày – hai ngày là cùng. Tất cả mọi người đều biết điều đó.”

“Thế còn ngài Oliver?”

“Ông ta biết là trận chiến với Arnaut sẽ rất dữ dội.”

“Nhưng ông ấy vẫn cứ tổ chức một giải đấu...”

“Đó là vấn đề danh dự của ông ta,” ngài Daniel nói. “Cái thứ danh dự đáng phỉ nhổ của ông ta. Thực tế, ông ta sẽ dừng nó lại, nếu ông ta có thể.

Nhưng ông ta không dám. Và ở đây ẩn chứa mối họa của anh.”

“Mối họa của tôi?”

Ngài Daniel thở dài. Ông bắt đầu đi đi lại lại. “Giờ hãy ăn mặc chỉnh tề, để gặp lãnh chúa Oliver của ta trong trang phục đường hoàng. Ta sẽ cố ngăn chặn cái thảm họa ấy.”

Ông lão quay người lại và bước ra khỏi phòng. Chris nhìn cậu bé. Cậu ta đã dừng kỳ cọ.

“Thảm họa nào vậy? “ anh nói.

### 33:12:51

Việc nghiên cứu thời Trung Cổ ở thế kỷ hai mươi có một điểm kỳ dị là hiện tại chẳng có bất cứ một bức tranh nào vẽ nội thất của một tòa lâu đài thế kỷ mười bốn hết. Chẳng một bức vẽ, chẳng một bản thảo có hình minh họa, hay một bản vẽ phác – chẳng có bất cứ cái gì từ thời đó hết. Những hình ảnh sớm nhất của đời sống thế kỷ mười bốn thực ra lại được thực hiện vào thế kỷ mười lăm, và phần nội thất – và đồ ăn, cùng trang phục nữa – họ phác họa sao cho giống với thế kỷ mười lăm, chứ không phải thế kỷ mười bốn nữa.

Kết quả là, chẳng một học giả hiện đại nào biết loại đồ đạc nào được sử dụng, tường được trang trí thế nào, hay người ta ăn mặc và cư xử thế nào. Sự thiếu thông tin này toàn diện đến mức khi các phòng của Vua Edward đệ nhất được khai quật ở tháp London, những bức tượng được dựng lại đã phải để mặc trơ vữa ra, vì chẳng ai có thể nói được là trên đó đã từng được trang trí những cái gì.

Đây cũng là lý do tại sao việc phục chế các công trình thế kỷ mười bốn của các họa sĩ lại thường có xu hướng để phần nội thất trống trải, những căn phòng trơ trọi và ít vật dụng – có thể là một cái ghế, hay một chiếc rương – nhưng chẳng nhiều nhận gì thêm nữa. Sự thiếu hụt hình ảnh này bị đem ra làm bằng chứng cho sự giản tiện trong sinh hoạt của thời kỳ đó.

Tất cả những điều này lóe lên trong đầu Kate khi cô bước vào đại sảnh của Castelgard. Thứ cô sắp sửa nhìn thấy, chưa một nhà sử học nào được nhìn thấy hết. Cô tiến vào, theo Marek lách qua đám đông. Và cô nhìn trần trối, cứng cả người lại trước sự lộng lẫy và hỗn độn hiện ra trước mắt mình.

Đại sảnh lấp lánh như một món trang sức khổng lồ. Ánh nắng lọt qua những ô cửa sổ cao ngất đậu trên những bức tường với những tấm thảm thêu óng ánh sắc vàng, những hình ảnh phản chiếu cứ nhảy múa trên trần nhà được vẽ màu vàng xen đỏ. Một góc của căn phòng có treo một tấm vải khổng lồ trang trí họa tiết: hoa ly bạc trên xanh da trời đậm. Ở trên bức

tường phía đối diện, một tấm thảm treo tường vẽ một trận chiến: những hiệp sĩ mặc chiến phục chinh tề, giáp trụ bạc sáng lóa, áo ngoài xanh da trời lẫn trắng, đỏ và vàng; cờ chiến phấp phới diềm vàng.

Ở cuối phòng là một lò sưởi lớn được chạm khắc tinh xảo, đủ lớn để một người có thể đi vào mà không cần khom cúi, mặt lò sưởi được mạ sáng lên lấp lánh. Phía trước lò sưởi là một màn liểu gai, cũng được mạ. Và trên mặt lò sưởi là một tấm thảm thêu hình thiên nga đang bay qua một cánh đồng hoa đặng ten vàng xen đỏ.

Căn phòng mang nét trang nhã, sống động và đẹp đẽ một cách rất tự nhiên – và có vẻ khá nữ tính trước con mắt hiện đại. Vẻ đẹp và sự tao nhã của nó trái ngược rõ rệt với cách cư xử của những người trong phòng – thô lỗ, âm ỉ, ồn ào.

Trước mặt lò sưởi đặt một chiếc bàn cao, được phủ vải lanh, với những chiếc đĩa vàng, tất cả đều được chất đầy thức ăn. Những con chó nhỏ chạy tung tăng quanh bàn, thỏa thích ăn, cho tới khi một người đàn ông ở giữa bàn quát chúng đi.

Lãnh chúa Oliver de Vannes khoảng ba mươi tuổi, cặp mắt nhỏ trên khuôn mặt ụ thịt, đầy vẻ phóng dãng. Miệng hắn luôn được kéo tề xuống thành một cái cười mỉa; hắn có vẻ thích mím chặt môi, vì bị thiếu mất vài cái răng. Quần áo hắn cũng diêm dúa chẳng kém gì căn phòng: áo choàng xanh da trời và vàng, với cổ áo vàng cao ngất, và một cái mũ lông. Vòng đeo cổ của hắn gồm có những viên đá màu xanh da trời mà mỗi viên phải to bằng cả một quả trứng chim cổ đỏ. Hắn đeo nhẫn trên vài ngón tay, những viên đá quý hình ô van to tướng nạm vàng nặng trĩu. Hắn chọc con dao vào chỗ thức ăn và nhồm nhoàm vừa ăn vừa càu nhàu với những người kia.

Nhưng dù ăn mặc lịch thiệp, hắn vẫn cho người ta cảm giác về một kẻ nóng nảy đầy nguy hiểm – đôi mắt đỏ hoe cứ đảo khắp phòng cả khi đang ăn, cảnh giác với mọi lời phi báng và tìm cơ để chửi bới. Hắn ra tay nhanh và sắc bén; khi một trong những con chó nhỏ chạy lại ăn lần nữa, Oliver

chẳng ngại ngần gì liền lấy đầu mũi dao đâm thẳng vào mông nó; con vật nhảy chồm lên, máu me be bét, vừa sửa vừa chạy khỏi phòng.

Lãnh chúa Oliver cười, lau sạch máu con chó khỏi đầu lưỡi dao, và lại tiếp tục ăn.

Những người đàn ông ngồi cùng bàn cũng hòa vào trò đùa này. Nhìn qua, họ đều là lính, khoảng cùng độ tuổi với Oliver, và tất cả đều ăn mặc rất lịch thiệp – dù chẳng ai bì được với người lãnh đạo của họ. Và ba hay bốn phụ nữ, trẻ, đẹp và tục tĩu, váy chật ních và tóc xõa lẳng lơ, vừa cười khúc khích vừa đưa tay dò dẫm dưới gầm bàn, hoàn chỉnh cái hoạt cảnh ấy.

Kate trân trối nhìn, và một từ cứ thế xuất hiện trong tâm trí cô: *chiến chủ*. Đây là một chiến chủ thời Trung Cổ, ngồi với đám lính và các ả điếm trong tòa lâu đài hãn ta đã chiếm được.

Một cây gậy gỗ đập xuống nền nhà, và một người đưa tin thét lên, “Thưa ngài! Học giả Edward de Johnes!” Quay người lại, cô thấy Johnston đang lách qua đám đông, hướng về cái bàn phía trước.

Lãnh chúa Oliver ngược nhìn lên, lau nước bọt dính trên cằm bằng mu bàn tay. “Hân hạnh được gặp ngài, Học giả Edwardus. Dù tôi không biết ngài là một học giả hay một nhà làm phép.”

“Lãnh chúa Oliver,” Giáo sư nói, bằng tiếng Occitan. Ông khẽ gật đầu.

“Ngài Học giả, sao phải cứng nhắc vậy,” Oliver nói, trề môi vờ như trách móc. “Ngài đã thực sự làm tôi bị tổn thương rồi đấy. Tôi đã làm gì để phải chịu sự lạnh nhạt này chứ? Ngài bất mãn vì tôi đã bắt ngài đi khỏi tu viện à? Ngài sẽ ăn ngon không kém ở đây, tôi đảm bảo với ngài. Ngon hơn đấy. Gì thì gì, ngài tu viện trưởng cũng chẳng cần tới ngài đâu – còn tôi thì cần đấy.”

Johnston đứng thẳng người, không nói gì hết.

“Ngài không có gì để nói sao?” Oliver nói, liếc nhìn Johnston. Mặt hãn tối lại. “*Rồi sẽ khác đấy*,” hãn gầm gừ.

Johnston vẫn không hề cử động, cứ đứng yên lặng.



Thời khắc cứ trôi. Oliver dường như đã bình tĩnh lại. Hắn ta cười nhạt. “Nhưng thôi nào, thôi nào, đừng để chúng ta phải tranh cãi không đâu thế. Với tất cả thành ý và sự tôn trọng của mình, tôi thực sự muốn cậy nhờ cao kiến của ngài,” Oliver nói. “Ngài rất thông thái, và tôi rất cần sự thông tuệ ấy – như những con người thông minh này hay nói với tôi vậy.” Những giọng cười hề hếch phát ra từ phía cái bàn. “Và tôi được nghe nói là ngài có thể nhìn thấy trước tương lai.”

“Chẳng người nào có thể làm được thế hết,” Johnston nói.

“Ô thế à? Tôi nghĩ là ngài có thể làm được thế đấy, thưa ngài Học giả. Và tôi mong ngài có thể nhìn được tương lai của chính mình. Tôi không muốn một người nổi trội như ngài lại phải chịu đau đớn đâu. Ngài biết người có cùng tên với ngài, vị vua mới đây của chúng tôi, Edward Kẻ Ngu Dại đã có kết cục thế nào rồi chứ hả? Nhìn mặt ngài là tôi biết ngài biết mà. Nhưng ngài lại không phải một trong số những người có mặt ở cung điện lúc đó. Và tôi lại là người có mặt.” Hắn ta mỉm cười dữ tợn và ngồi lại lên ghế. “Chẳng có vết tích nào trên người ông ta hết.”

Johnston chậm rãi gật đầu. “Người ta có thể nghe thấy tiếng hét của ông ấy từ cách hàng dặm đấy.”

Kate nhìn Marek đầy băn khoăn, anh ta thì thầm, “Họ đang nói về Edward đệ nhị của nước Anh. Ông ta bị bỏ tù và bị đem ra giết. Những kẻ bắt giữ ông ta chẳng muốn để lại dấu hiệu gian trá nào hết, thế là họ đã chọc một cái ống thẳng lên trực tràng của ông ta và cho một thanh cời nóng rầy vào ruột cho tới khi ông ta chết.”

Kate rùng mình.

“Ông ta cũng đồng tính nữa,” Marek thì thầm, “thế nên người ta nói là kiểu hành quyết đó cũng hóm hỉnh.”

“Sự thật đúng là tiếng hét của ông ta, cách xa cả dặm cũng nghe thấy,” Oliver nói. “Thế nên hãy nghĩ kỹ đi. Ngài biết rất nhiều chuyện; và tôi cũng muốn biết những chuyện đó nữa. Ngài sẽ là cố vấn của tôi; hoặc sẽ không ở cái thế giới này lâu nữa đâu.”

Lãnh chúa Oliver đang nói thì một hiệp sĩ đứng khỏi bàn và tới thì thềm bên tai hắn ta cắt ngang. Hiệp sĩ này mặc trang phục màu nâu đỏ và xám rất đẹp đẽ, nhưng gã có cái dáng vẻ dạn dày, cứng cỏi của một người lính lão luyện. Một vết sẹo sâu, gần như là một đường khắc hẳn, chạy dọc khuôn mặt gã từ trán xuống cằm và mất hút vào dưới cổ áo cao. Oliver lắng nghe, rồi nói với gã, “Ồ! Người nghĩ vậy à, Robert?”

Nghe thế, tay hiệp sĩ có sẹo lại thì thềm lần nữa, không một lần rời mắt khỏi Giáo sư. Lãnh chúa Oliver cũng vừa nhìn Giáo sư vừa nghe. “Được, chúng ta sẽ xem xem,” lãnh chúa Oliver nói.

Tay hiệp sĩ đô con thì thềm thêm vào và Oliver gật đầu.

\*

\*

Đứng trong đám đông, Marek quay sang người hầu bên cạnh anh ta và nói bằng tiếng Occitan, “Xin cho biết, người nào đang được ngài Oliver lắng nghe chăm chú thế kia?”

“Sự thật là, bạn tôi ơi, đó là ngài Robert de Kere.”

“De Kere?” Marek nói. “Tôi không biết ngài ấy.”

“Ngài ấy là thành viên mới trong đoàn tùy tùng, vẫn chưa phục vụ được đến một năm, nhưng đã rất được ngài Oliver trọng dụng.”

“Thế sao? Sao lại thế?”

Người đàn ông nhún vai về mặt mũi, như thể muốn nói, *Ai biết được chuyện gì xảy ra nơi bàn cao kia?* Nhưng anh ta vẫn trả lời, “Ngài Robert có tài chiến thuật, và ngài ấy là một cố vấn tin cậy của lãnh chúa Oliver về các vấn đề chiến lược.” Người đàn ông hạ giọng. “Nhưng tôi nghĩ chắc chắn là ngài ấy không thích thú gì với việc có thêm một cố vấn nữa đâu; nhất là khi một người quá xuất chúng đến thế xuất hiện trước mặt mình.”

“À,” Marek nói, gật đầu. “Tôi hiểu.”

Hiệp sĩ Robert rõ là đang cố ép chuyện này, gã thì thầm giục giã, cho tới khi cuối cùng Oliver cũng phẩy tay một cái, như thể đuổi muỗi. Ngay lập tức, gã hiệp sĩ vội cúi đầu và lùi lại, đứng về phía sau lãnh chúa Oliver.

Oliver nói, “Ngài Học giả.”

“Thưa ngài.”

“Tôi được thông báo là ngài biết phương thức sử dụng Lửa Hy Lạp.”

Đứng trong đám đông, Marek khịt khịt mũi. Anh ta thì thầm với Kate, “Chẳng ai biết cái đó hết.” Và chẳng ai biết thật. Lửa Hy Lạp là một câu đố lịch sử nổi tiếng, một vũ khí lửa có sức công phá khủng khiếp có từ thế kỷ thứ sáu, bản chất thực sự của nó đến giờ này vẫn là một đề tài nóng hổi của các nhà sử học. Chẳng ai biết đích xác Lửa Hy Lạp là thứ gì, hay nó được chế tạo thế nào.

“Phải.” Johnston nói. “Tôi biết phương thức chế tạo nó.”

Marek trân trối nhìn. Gì thế này? Rõ ràng là Giáo sư đã nhận ra mình có địch thủ, nhưng đây là một trò chơi rất nguy hiểm. Ông ấy chắc chắn sẽ bị yêu cầu chứng minh điều đó.

“Tự ngài có thể chế tạo được Lửa Hy Lạp sao?” Oliver nói.

“Thưa ngài, tôi có thể.”

“À.” Oliver quay người lại và bắn một cái liếc về phía Robert. Đường như tay cố vấn tin cậy đã đưa một chỉ dẫn sai lầm. Oliver quay lại phía Giáo sư.

“Sẽ không khó lắm,” Giáo sư nói, “nếu tôi có trợ lý.”

Ra là thế, Marek nghĩ. Giáo sư hứa hẹn như vậy là để giúp tất cả mọi người có thể được ở gần nhau.

“Hả? Trợ lý? Ngài có trợ lý à?”

“Tôi có, thưa ngài, và...”

“Ồ, dĩ nhiên là họ có thể trợ giúp cho ngài rồi, Học giả. Và nếu họ không làm được, chúng tôi sẽ cung ứng cho ngài tất cả những gì ngài cần. Không cần bận tâm gì đến chuyện đó. Nhưng thế còn Lửa Sương – lửa của Nathos thì sao? Ngài cũng biết về nó chứ?”

“Tôi có biết, thưa ngài.”

“Và liệu ngài có thể minh chứng điều đó cho tôi thấy chứ?”

“Bất cứ khi nào ngài muốn, thưa ngài.”

“Rất tốt, ngài Học giả. Rất tốt.” Lãnh chúa Oliver ngừng lại, chăm chú nhìn vào Giáo sư. “Và ngài cũng biết bí mật tôi muốn biết hơn tất cả những điều khác chứ?”

“Thưa ngài Oliver, bí mật đó thì tôi không hề biết đâu.”

“*Người biết! Và người sẽ phải trả lời ta!*” Hãn ta hét lên, đập mạnh cái cốc xuống. Mặt hãn đỏ bừng, những đường gân nổi hãn trên trán; giọng nói vang vọng khắp cả căn phòng đã đột ngột lặng như tờ từ nãy tới giờ. “*Ta phải có câu trả lời của người ngay ngày hôm nay!*” Một trong số những con chó ở chỗ cái bàn rúm người lại; lấy mu bàn tay, hãn ta đập vào nó, quăng nó kêu ăng ẳng văng xuống nền nhà. Khi cô gái bên cạnh hãn bắt đầu cự nự, hãn chửi ầm lên và tát mạnh vào mặt cô ta, cú đánh làm cô ta ngã ra sau, đổ cả cái ghế. Cô gái chẳng ho he gì, cũng chẳng động đậy. Cô ta cứ nằm yên bất động, chân giơ lên trời.

“*Ôi! Tức quá đi! Tức chết thôi!*” Lãnh chúa Oliver đứng lên găm gù. Hãn ta nhìn quanh đầy giận dữ, tay đặt lên thanh kiếm, mắt đảo quanh phòng lớn, như thể đang cố tìm kẻ phạm tội nào đó.

Tất cả những người trong sảnh đều im lặng, không dám cử động, cứ nhìn chăm chăm xuống chân. Như thế căn phòng đã đột ngột trở thành một bức tranh tĩnh vật, chỉ có Oliver là cử động. Hãn ta thở hỗn hển đầy giận dữ, cuối cùng cũng lôi thanh gươm ra, chém xuống mặt bàn. Đĩa cùng chén bật tung lên và va lách cách vào nhau, lưỡi kiếm ngập trong gỗ.

Oliver trừng trừng nhìn Giáo sư, nhưng hắn dần tự kiểm soát được bản thân, cơn giận đã dần tắt. “Học giả, ông sẽ làm theo những gì ta nói!” hắn ta gào lên. Rồi hắn hát hàm với đám lính gác. “Đưa ông ta đi, và cho ông ta thứ để nghiên ngẫm.”

Đám lính canh lôi Giáo sư xềnh xệch đi qua đám đông. Kate với Marek bước lùi ra khi ông đi qua, nhưng Giáo sư không nhìn thấy họ.

Lãnh chúa Oliver liếc nhìn căn phòng giờ vẫn lặng phắc. “Ngồi xuống và vui vẻ đi,” hắn ta gầm gừ, “trước khi ta nổi điên!”

Ngay lập tức, các nhạc công vội vã chơi đàn, và những tiếng ồn ã của đám đông lại tràn ngập căn phòng.

\*

\*

Chẳng mấy chốc, Robert de Kere đã chạy vội ra ngoài, đi theo sau Giáo sư. Marek nghĩ việc đó chẳng tốt đẹp gì. Anh ta huých nhẹ Kate, ra hiệu rằng họ nên bám theo Kere. Họ đang tiến dần ra cửa thì cây gậy của người đưa tin đập xuống nền nhà.

“Thưa ngài! Phu nhân Claire xứ Eltham và ngài Christopher xứ Hewes.”

Họ dừng lại, “Chết tiệt,” Marek nói.

Một phụ nữ trẻ đẹp tiến vào phòng, Chris Hughes đi bên cạnh. Chris giờ đang mặc một bộ trang phục đẹp đẽ và nhã nhặn. Anh trông rất nổi bật – và rất lúng túng.

Đứng cạnh Kate, Marek chạm nhẹ lên tai và thì thầm, “Chris. Còn ở trong cái phòng này thì cậu đừng nói gì hết, và đừng làm gì hết. Cậu có hiểu không?”

Chris khẽ gật đầu.

“Cứ làm như cậu chẳng hiểu gì hết ấy. Chẳng khó lắm đâu.”

Chris và người phụ nữ đi qua đám đông rồi tiến thẳng về phía cái bàn cao, lãnh chúa Oliver nhìn cô tiến tới vẻ khó chịu lộ rõ. Người phụ nữ thấy thế bèn cúi đầu xuống, và cứ đứng đó, chỗ gần nền nhà, đầu cúi xuống với vẻ phục tùng.

“Lại đây, lại đây,” Oliver cau có nói, vẫy vẫy một cái dùi trống. “Cái vẻ khúm núm này chẳng hợp với cô chút nào.”

“Vâng thưa ngài.” Cô đứng dậy.

Oliver khịt mũi. “Và hôm nay cô lôi thứ gì đến đây vậy? Một người tình mới à?”

“Nếu ngài cho phép, tôi muốn để Christopher xứ Hewes, thiếu hiệp xứ Ai Len được diện kiến, anh ấy đã giúp tôi thoát khỏi tay kẻ xấu xa hôm nay đã muốn bắt cóc tôi, hay thậm chí còn tệ hơn nữa kia.”

“Hử? Kẻ xấu xa? Bắt cóc?” Với vẻ thích thú, lãnh chúa Oliver nhìn về phía những hiệp sĩ của hắn. “Ngài Guy? Ngài nói sao?”

Một người đàn ông da ngăm đen đứng dậy với vẻ tức giận. Ngài Guy de Malegant mặc đồ đen từ đầu đến chân – giáp lưới màu đen và áo choàng màu đen, với hình đại bàng đen thêu trên ngực, “Thưa ngài, tôi sợ rằng phu nhân đây đang muốn lấy chúng ta ra làm trò cười. Cô ấy biết rõ là tôi đã cử người ra để cứu cô ấy, thấy cô ấy một mình và đang gặp chuyện.” Guy đi về phía Chris và nhìn chăm chăm vào anh. “Người này, thưa ngài, mới là kẻ đặt cô ấy vào tình cảnh hiểm nguy đến tính mạng. Tôi không thể nghĩ nổi là cô ấy giờ lại bảo vệ cho hắn ta, trừ khi việc đó là một cách để cô ấy thể hiện trí tuệ bất thường của mình.”

“Hử?” Oliver nói. “Trí tuệ? Phu nhân Claire của tôi, trí tuệ gì ở đây vậy?”

Người phụ nữ nhún vai. “Chỉ có kẻ không có trí tuệ, thưa ngài, mới thấy trí tuệ ở nơi chẳng có gì là trí tuệ.”

Tên hiệp sĩ đen khịt mũi. “Vụng chèo khéo chống.” Malegant đi đến chỗ Chris, cho tới khi hai người mặt chạm mặt, chỉ cách nhau có vài phân. Hắn ta cứ vừa nhìn chăm chăm vừa cố ý cời đôi găng tay giáp lưới ra một cách thật chậm chạp. “Thiếu hiệp Christopher, có phải đó là tên của anh không?”

Chris chẳng nói gì, chỉ gật đầu.

\*

\*

Chris đang cực kỳ hoảng sợ. Bị mắc kẹt trong một tình cảnh anh chẳng hiểu gì hết, đứng giữa một căn phòng đầy những chiến binh khát máu, chẳng hơn gì một đám du côn đầu đường xó chợ, và đối mặt với người đàn ông đen kịt đầy giận dữ với hơi thở hôi hám những tởm và rượu này – tất cả những gì anh có thể làm là giữ chân mình không run lên bần bật.

Qua cái tai nghe, anh nghe thấy tiếng Marek nói, “Đừng nói gì – dù chuyện gì xảy ra đi nữa.”

Hiệp sĩ Guy liếc xéo anh. “Tôi muốn hỏi anh một câu, thiếu hiệp. Anh bằng lòng trả lời chứ?” Hắn ta vẫn đang cời găng tay, và Chris chắc chắn rằng hắn sẽ lấy cái tay trần kia đấm anh.

Marek nói, “Đừng nói gì hết.”

Chris quá hạnh phúc được làm theo lời khuyên ấy chứ. Anh hít một hơi thật sâu, cố kiểm soát bản thân. Chân anh run đến oặt cả ra. Anh nghĩ rằng mình sẽ đổ sụp trước mặt gã đàn ông này mất. Anh cố hết sức để bình tĩnh lại. Lại một lần hít thở sâu nữa.

Hiệp sĩ Guy quay về phía người phụ nữ. “Thưa cô, thiếu hiệp cứu mạng cô có biết nói không? Hay anh ta chỉ có thở dài thôi?”

“Nếu ngài muốn nghe, thưa ngài, anh ta có gốc ngoại quốc, và thường thì không hiểu những gì chúng ta nói đâu.”

“*Dic mihi nomen tuum, scutari.*” Nói tôi biết tên của anh đi, thiếu hiệp.

“Tiếng Latin cũng không đâu, ngài Guy.”

Malegant trông vẻ khó chịu. “*Commodisssime.* Tiện thật đấy, tên thiếu hiệp câm này, vì chúng ta không thể hỏi hấn ta đến đây bằng cách nào, và với mục đích gì. Tên thiếu hiệp người Ai Len này đang tha hương. Nhưng hấn ta cũng chẳng phải một người hành hương. Hấn ta cũng chẳng trong quân ngũ. Hấn là cái quái gì vậy? Sao hấn lại ở đây? Nhìn hấn run rẩy kia. Hấn sợ cái gì chứ? Chúng ta, lãnh chúa của ta, chẳng làm gì – trừ khi hấn là tôi tớ của Arnaut, đến để do thám địa thế của chúng ta. Việc này có thể là lý do làm hấn câm như hến thế. Một tên nhát cáy chẳng dám nói năng.”

Marek thì thầm, “Đừng phản ứng gì hết...”

Malegant chọc mạnh vào ngực Chris. “Thế, thiếu hiệp nhát cáy này. Ta coi ngươi là một tên gián điệp và một thằng khốn, không đủ đàn ông để thừa nhận mục đích thật sự của mình. Ta có lẽ đã khinh bỉ ngươi, nhưng ngươi cũng chẳng đến mức được khinh bỉ nữa.”

Tên hiệp sĩ cuối cùng cũng tháo xong găng tay, và lắc đầu một cái đầy khinh khi, hấn thả nó xuống sàn nhà. Chiếc găng tay giáp lưới rơi đánh cạch một cái xuống chân Chris. Hiệp sĩ Guy ngạo mạn quay người đi và tiến lại về phía bàn.

Mọi người trong phòng đều nhìn chăm chăm về phía Chris.

Bên cạnh anh, Claire thì thầm, “Cái găng tay...”

Anh liếc nhìn lại cô.

“*Cái găng tay!*”

Cái găng tay thì sao chứ? Anh bắn khoả, cúi người xuống và nhặt nó lên. Nó rất nặng. Anh đưa cái găng tay cho Claire, nhưng cô đã quay người đi và nói, “Hiệp sĩ, thiếu hiệp đã chấp nhận lời thách đấu của anh rồi.”



Chris nghĩ, thách đấu gì?

Hiệp sĩ Guy nói ngay lập tức, “Ba mũi thương không bọc đầu, đánh đến cùng.”

Marek nói, “Cậu gốc tội nghiệp. Cậu có biết mình vừa làm cái gì không?”

\*

\*

Hiệp sĩ Guy quay về phía lãnh chúa Oliver đang ngồi chỗ bàn cao. “Thưa ngài, tôi mong ngài sẽ để ngày thì đấu được mở màn bằng cuộc thách đấu giữa hai chúng tôi.”

“Cứ thế đi,” Oliver nói.

Ngài Daniel len qua đám đông và cúi đầu. “Thưa ngài Oliver, cháu gái tôi đã để trò đùa này đi quá xa rồi; kết quả chẳng ra gì hết. Con bé có thể thấy thích thú khi nhìn ngài Guy, một hiệp sĩ cỡ tên tuổi, tức giận đến mức gây hấn với một thiếu hiệp tầm thường, và bị mất danh dự vì việc đó. Và chẳng hay gì nếu ngài Guy đây lại bị trò đùa của nó làm hư hại thanh danh.”

“Thật thế không?” Lãnh chúa Oliver nói, nhìn về phía tên hiệp sĩ đen.

Hiệp sĩ Guy Malegant nhổ xuống nền nhà. “Một thiếu hiệp? Tin tôi đi, tên này chẳng phải thiếu hiệp gì đâu. Đây là một hiệp sĩ đang lẫn trốn, một tên khốn, và một tên gián điệp. Trò lừa lọc của hắn sẽ được lĩnh hậu quả xứng đáng. Tôi sẽ thì đấu với hắn ngay hôm nay.”

Ngài Daniel nói, “Xin được mạn phép ngài, tôi nghĩ thế không đúng. Thực sự đây chỉ là một thiếu hiệp đơn thuần mà thôi, anh chỉ được huấn luyện chút ít về chiến đấu, và chẳng là gì trước một hiệp sĩ đáng ngưỡng mộ như ngài.”

Chris vẫn đang cố hiểu xem chuyện gì đang diễn ra thì Marek tiến về phía trước, nói một cách trôi chảy bằng một thứ tiếng xa lạ mà vừa nghe có vẻ giống tiếng Pháp vừa không hẳn thế. Anh đoán đó là tiếng Occitan. Chris nghe thấy lời dịch qua cái tai nghe là thế này.

“Thưa ngài,” Marek nói, cúi người một cách rất chần chừ, “vị quý tộc đáng kính này đã nói sự thật. Thiếu hiệp Christopher là bạn đồng hành của tôi, nhưng anh ấy không phải là một chiến binh. Để công bằng, tôi mong ngài cho phép Christopher được gọi một người hỗ trợ thay thế, để đối mặt với lời thách đấu này.”

“Hả? Người hỗ trợ? Người hỗ trợ nào? Ta không biết người.”

Chris thấy rằng Claire đang nhìn Marek với sự thích thú không chút giấu giếm. Anh ta liếc vội lại trước khi nói tiếp với Oliver.

“Thưa ngài, tôi là hiệp sĩ André de Marek, xuất thân từ Hainaut. Tôi xin tự tiến cử mình làm người hỗ trợ của anh ta, và như ý Chúa tôi sẽ rất hân hạnh được làm đối thủ cân sức của hiệp sĩ đáng ngưỡng mộ đây.”

Lãnh chúa Oliver gãi cằm nghĩ ngợi.

Thấy hẳn ta còn lưỡng lự, ngài Daniel tiến về trước. “Thưa ngài, khởi đầu giải đấu với một trận chiến không cân sức chẳng giúp tạo khí thế cho ngày vui đâu, và cũng chẳng làm nó đáng nhớ trong tâm trí mọi người được. Tôi nghĩ ngài Marek đây sẽ cho chúng ta một trận đấu hay hơn.”

Lãnh chúa Oliver quay lại phía Marek để xem anh ta sẽ nói gì trước chuyện đó.

“Thưa ngài,” Marek nói, “nếu bạn tôi Christopher là một tên gián điệp, thì tôi cũng sẽ là thế. Bằng việc xúc phạm danh dự của anh ấy, ngài Guy đây cũng xúc phạm danh dự của chính tôi nữa, và tôi rất mong có cơ hội được bảo vệ danh dự của chính mình.”

Lãnh chúa Oliver dường như rất thích thú trước tình huống mới này. “Ngài nói gì đây, Guy?”

“Sự thật là,” tên hiệp sĩ đen nói, “tôi tin rằng hiệp sĩ Marek đây xứng đáng làm người thế thân, nếu võ nghệ của anh ta cũng mượt như miệng lưỡi của anh ta. Nhưng là người thế thân, thích hợp nhất là anh ta đấu với người thế thân của tôi, hiệp sĩ Charles de Gaune.”

Một người đàn ông cao lớn đứng lên ở phía cuối bàn. Hắn ta có khuôn mặt trắng bệch, cái mũi tẹt và mắt đỏ rực; trông giống như một con bò mộng. Giọng hắn đầy khinh khi, “Tôi rất hân hạnh được làm người thế thân.”

Marek cố lần cuối cùng. “Vậy,” anh ta nói, “có vẻ ngài Guy đây sợ không dám đối mặt với tôi ngay từ đầu.”

Nghe thế, phu nhân Claire lộ liễu mỉm cười với Marek. Cô rõ ràng là rất thích anh ta. Và việc này có vẻ đã làm hiệp sĩ Guy tức tối.

“Ta chẳng sợ ai hết,” Guy nói, “nói gì đến một tên xứ Hainaut. Nếu anh có thể qua được người thế thân của ta – điều ta rất lấy làm ngờ vực – ta sẽ rất sẵn lòng đánh với anh sau đấy, và cho sự ngạo mạn của anh được biết điểm dừng.”

“Thế đi,” lãnh chúa Oliver nói, quay người đi. Giọng hắn ta ngụ ý rằng cuộc trò chuyện đến đây là kết thúc.

## 32:16:01

Những con ngựa xoay người và phóng vút đi, đua nhau qua đồng cỏ. Đất rung lên khi những con vật to lớn đó phóng qua Marek và Chris, hai người đang đứng bên hàng rào thấp quan sát buổi tập luyện. Đối với Chris, đấu trường thật quá rộng lớn – rộng bằng cả một sân bóng đá – và ở cả hai bên, khu khán đài đã hoàn chỉnh, các quý bà quý ông đã bắt đầu ổn định chỗ ngồi. Những khán giả đến từ các vùng quê, ăn mặc thô kệch và ăn nói ồn ào, lũ lượt kéo vào.

Một cặp kỵ sĩ nữa lại thúc ngựa phóng đi, những con ngựa của họ vừa phi nước đại vừa khịt mũi. Marek nói, “Cậu cười ngựa có khá không?”

Anh nhún vai: “Tôi hay cười ngựa với Sophie.”

“Thế tôi nghĩ mình có thể giúp cậu sống sót đấy, Chris,” Marek nói. “Nhưng cậu phải làm đúng theo những gì tôi nói.”

“Được rồi.”

“Cho tới giờ, cậu chưa làm gì như tôi dặn hết,” Marek nhắc anh nhớ. “Lần này, cậu bắt buộc phải làm đấy.”

“Được rồi, được rồi mà.”

“Tất cả những gì cậu phải làm,” Marek nói, “là ngồi trên lưng ngựa đủ lâu để chịu cú đánh. Tên Guy sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc nhắm vào ngực khi hắn ta thấy cậu cười ngựa tệ đến thế nào, vì ngực là mục tiêu lớn nhất và ổn định nhất của một kỵ sĩ đang phi nước đại. Tôi muốn cậu hứng lấy mũi thương của hắn ta trọn vào ngực, ngay chỗ tấm che ngực ấy. Cậu hiểu chứ?”

“Tôi phải đưa ngực ra hứng lấy thương của hắn ta ấy à?” Chris nói, mặt trông chẳng vui vẻ gì.

“Khi mũi thương đâm vào cậu, cứ để cậu tự ngã ra, chẳng khó lắm đâu. Ngã xuống đất và đừng cử động, để có vẻ là cậu đã bất tỉnh. Có thể là cậu sẽ

bất tỉnh thật đấy. Không được đứng dậy trong bất kỳ tình huống nào. Cậu hiểu chứ?”

“Không được đứng dậy.”

“Đúng rồi đấy. Dù chuyện gì xảy ra đi nữa, cậu cứ nằm đó. Nếu tên Guy đã hất cậu ngã ngựa, và cậu đã bất tỉnh, thì trận đấu sẽ kết thúc. Nhưng nếu cậu đứng dậy, hẳn sẽ cho cậu một mũi thương nữa, hoặc hẳn sẽ xuống ngựa lấy kiếm ra đánh nhau với cậu, và giết cậu đấy.”

“Không đứng dậy,” Chris lặp lại.

“Đúng rồi,” Marek nói. “Dù có chuyện gì đi nữa. Không được đứng dậy.”

Anh ta vỗ nhẹ vào vai Chris. “Nếu may mắn, cậu sẽ sống sót thôi.”

“Chúa ơi,” Chris nói.

Thêm nhiều ngựa nữa phóng qua họ, làm mặt đất rung lên bần bật.

\*

\*

Bỏ đấu trường lại phía sau, họ đi qua rất nhiều căn lều được dựng lên bên ngoài khu thi đấu. Những căn lều này đều nhỏ và tròn, được trang trí những đường sọc và các hình thù dích dắc rực rỡ chói mắt. Cờ hiệu đuôi nheo trên nóc lều phất phơ trong gió. Ngựa được buộc ở ngoài. Hầu cận và các thiếu hiệp chạy lăng xăng qua lại, mang giáp trụ, yên cương, cỏ, nước. Vài người hầu đang lăn những cái thùng gỗ trên mặt đất. Những cái thùng vừa lăn vừa phát ra mấy tiếng xì khe khẽ.

“Là cát đấy,” Marek giải thích. “Họ lăn áo giáp lưới trong cát để loại bỏ gỉ.”

“Ừm ừm.” Chris cố tập trung vào các chi tiết nhỏ, để tâm trí mình không phải nghĩ tới những gì sắp xảy ra. Nhưng anh vẫn có cảm giác như

đang đi tới đoạn đầu đài.

Họ bước vào một căn lều có ba người hầu đang đợi sẵn. Một ngọn lửa ấm áp cháy bùng lên ở góc trong; bộ giáp được đặt trên một tấm vải trải ra sàn. Marek kiểm tra lướt qua một chút rồi nói, “Được đấy.” Amh ta quay đi.

“Anh định đi đâu thế?”

“Tới một cái lều khác, để thay đồ.”

“Nhưng tôi không biết làm thế nào để...”

“Người hầu sẽ mặc giúp cậu,” Marek nói rồi đi.

Chris nhìn vào các phần của bộ giáp đang nằm la liệt trên sàn, đặc biệt chú ý vào cái mũ trụ, có một cái mỏ nhọn nhọn, như của một con vịt khổng lồ vậy. Chỉ có một khe hở nhỏ để nhìn. Nhưng bên cạnh là một chiếc mũ trụ khác, trông bình thường hơn, và Chris đã nghĩ rằng...

“Ngài thiếu hiệp, nếu ngài không phiền,” trưởng nhóm hầu cận, khá lớn và ăn mặc khá hơn mấy người kia, nói với anh. Cậu ta khoảng mười bốn tuổi. “Tôi mong ngài đứng ra đây.” Cậu ta chỉ ra giữa lều.

Chris đứng đó, và anh cảm thấy rất nhiều bàn tay lướt trên người mình. Họ nhanh chóng cởi đồ của anh cho tới lớp đồ lót bằng vải lanh, rồi những tiếng thì thầm lo lắng bắt đầu rộ lên khi họ thấy người anh.

“Ngài có đang bị ốm không vậy, thưa ngài?” một cậu hỏi.

“Ừm, không...”

“Sốt hay ốm, làm người ngài yếu đi, như chúng tôi đang thấy đây?”

“Không,” Chris nói, cau mày khó chịu.

Họ bắt đầu mặc đồ cho anh, chẳng nói gì nữa hết. Đầu tiên, quần tất bằng ni thật dày, rồi tới một chiếc áo trong dài tay được độn nặng trĩch có cúc ở trước ngực. Họ nhờ anh gập cánh tay lại, anh khó khăn lắm mới làm được vì quần áo quá dày.

“Giặt giũ làm nó cứng đi, nhưng nó sẽ nhanh mềm ra thôi ạ,” một cậu bé nói.

Chris chẳng nghĩ thế. *Chúa ơi*, anh nghĩ, *mình hầu như chẳng cử động được, mà họ còn chưa khoác áo giáp lên nữa cơ*. Giờ họ đang lắp những miếng giáp kim loại lên đùi, bắp chân và đầu gối cho anh. Rồi họ làm đến hai cánh tay. Với mỗi miếng giáp, họ nhờ anh cử động chân tay một chút, để chắc chắn rằng các đai thắt không quá chặt.

Chiếc áo giáp lưới được hạ xuống đầu anh. Nó đè nặng lên hai vai anh. Khi miếng giáp ngực đang được giữ nguyên vị trí, cậu trưởng đội hầu cận hỏi một tràng, chẳng câu nào Chris trả lời được hết.

“Ngài hay ngồi phía trước hay sau yên ngựa ạ?”

“Ngài có định hạ thương không hay cứ giữ nguyên ạ?”

“Ngài muốn buộc cổ định vào mấu yên không hay cứ ngồi tự do ạ?”

“Đặt bàn đạp lùi lại hay tiến ra trước ạ?”

Chris cứ ậm ậm ừ ừ. Cùng lúc ấy, lại thêm nhiều phần giáp trụ nữa được thêm vào, với nhiều câu hỏi nữa.

“Giáp chân mềm hay cứng ạ?”

“Giáp khuỷu tay hay chỉ ép bên thôi ạ?”

“Kiểm cầm tay trái hay tay phải ạ?”

“Có mũ thép bên dưới mũ trụ không ạ?”

Anh cảm thấy nặng trĩu mỗi lần họ chất thêm đồ mới và càng lúc càng cứng hết cả người khi những khớp chân tay được bọc trong kim loại. Những người hầu làm việc rất nhanh gọn, và chỉ trong vài phút thì anh đã hoàn toàn xong xuôi. Họ bước lùi ra và ngắm nghía anh.

“Thế này được chưa, thưa ngài?”

“Vậy được rồi đấy,” anh nói.

“Giờ tới mũ trụ.” Anh đã đội sẵn một cái mũ kim loại ép chặt vào đầu rồi, nhưng giờ họ mang mũ trụ có gắn cái mỏ ra và đặt nó lên đầu anh. Chris bị tống vào trong bóng tối, và anh thấy sức nặng của cái mũ trụ dồn cả lên

hai vai mình. Anh chẳng thấy gì trừ những vật ở ngay phía trước, qua một cái khe mắt hẹp nằm ngang.

Tim anh bắt đầu đập dồn dập. Chẳng có không khí gì hết. Anh không thở nổi. Anh kéo cái mũ, cố nhắc tấm che mặt lên, nhưng nó không chịu dịch chuyển. Anh bị mắc kẹt rồi. Anh nghe thấy hơi thở của chính mình, nghe nặng nề hơn trong cái mũ trụ. Hơi thở nóng hổi của anh càng làm cái mũ chặt chội thêm khó chịu. Anh đang ngạt thở. *Chẳng có tí không khí nào hết.* Anh ôm lấy cái mũ trụ, cố tháo nó ra khỏi đầu mình.

Những người hầu nâng nó ra khỏi đầu anh và tò mò nhìn.

“Ôn cả chứ, thưa ngài?”

Chris húng hắng ho, rồi gật đầu, không nghĩ mình nên trả lời. Anh chẳng muốn đội cái thứ đó trên đầu mình thêm lần nào nữa. Nhưng họ đã đưa anh ra khỏi căn lều, tiến về phía con ngựa đang đợi sẵn bên ngoài rồi.

*Chúa ơi,* anh thầm nghĩ.

Con ngựa này thật lực lưỡng; và được phủ nhiều kim loại hơn cả anh nữa. Có một miếng thép trang trí đặt trên đầu, và thêm nhiều miếng nữa trên ức và hai bên sườn. Dù có được bọc trong giáp sắt nặng thế, con ngựa vẫn nhún nhảy và đầy khí thế, khụt khịt và giật dây cương người hầu đang giữ. Đây thực sự là một con ngựa chiến, một con chiến mã thực thụ, và nó hăng máu hơn bất cứ con ngựa nào anh từng cưỡi trước đây. Nhưng đó không phải thứ làm anh lo lắng. Thứ làm anh lo ngại là kích thước – con ngựa khổng kiếp kia to quá, anh thậm chí còn chẳng nhìn ngược qua nó được. Và khi cái yên gỗ được lắp vào, nó còn cao hơn nữa. Tất cả những người hầu đều nhìn anh với vẻ hồi hộp trông mong. Đợi anh. Đợi làm gì chứ? Có lẽ là nhảy lên.

“Làm thế nào để tôi, ừm...”

Tất cả đều hấp háy mắt, đầy bất ngờ. Cậu trưởng đội bước lên phía trước và bình tĩnh nói, “Ngài đặt tay ở đây, trên phần gỗ rồi nhảy lên...”

Chris với tay ra, nhưng anh chỉ gần rướn được tới mấu yên, là phần gỗ hình chữ nhật được chạm trổ ở phía trước yên. Anh bấu lấy phần gỗ, rồi



nâng đầu gối lên và luồn chân lên bàn đạp.

“Ừm. Tôi nghĩ là nên để chân trái lên, thưa ngài.”

Dĩ nhiên rồi. Chân trái. Anh biết thế; chỉ là hơi căng thẳng và bối rối chút thôi. Anh đá cái bàn đạp để hất chân phải ra. Nhưng phần giáp đã bị mắc vào bàn đạp; anh lúng túng cúi người ra trước và lấy tay để gỡ cái bàn đạp ra. Nó vẫn cứ kẹt. Cuối cùng cũng gỡ ra được, anh mất thăng bằng và ngã ra sau gần chỗ chân sau của con ngựa. Những người hầu đây kinh hãi vội vã kéo anh ra xa.

Họ giúp anh đứng dậy, rồi giúp anh lên ngựa lại. Những bàn tay đẩy hông anh lên khi anh cứ chới với giữa khoảng không, quăng chân sang bên kia – Chúa ơi, khó quá – và cuối cùng cũng hạ người được xuống cái yên với một tiếng cạch.

Chris nhìn xuống mặt đất xa phía dưới. Anh có cảm giác mình đang ở cách mặt đất tới hơn ba mét vậy. Ngay khi anh lên yên, con ngựa bắt đầu hí và lắc đầu, quay sang hai bên và đớp đớp về phía hai chân đang đặt trên yên của anh. Anh nghĩ, *Con ngựa khốn kiếp này đang cố cắn mình.*

“Thăng cương, thưa ngài! Thăng cương! Ngài phải thăng cương nó lại!”

Chris kéo mạnh cái dây cương. Con ngựa không hề chẳng thêm chú ý, cứ giật mạnh, vẫn cố cắn anh.

“Cho nó biết đi ngài! Thật mạnh mẽ lên!”

Chris giật mạnh dây cương, mạnh đến nỗi anh nghĩ mình có thể làm gãy cổ con ngựa. Nhưng con ngựa chỉ khịt cái cuối cùng và hướng mặt ra trước, đột ngột bình tĩnh lại.

“Tuyệt lắm, thưa ngài.”

Kèn trumpet nổi lên, vài hồi dài.

“Đó là lần gọi đầu tiên tới cuộc thi đấy,” người hầu nói. “Chúng ta phải tới trường đấu ngay.”

Họ nắm lấy dây cương ngựa và dẫn Chris tới đồng cỏ.

**36:02:00**

Một giờ sáng. Từ trong phòng làm việc ở ITC, Robert Doniger nhìn chăm chăm xuống lối vào hang, được những ánh đèn pha của sáu chiếc xe cứu thương đổ xung quanh chiếu sáng. Gã lắng nghe tiếng điện đàm cứu thương kêu tanh tách và nhìn mọi người rời đường hầm. Gã thấy Gordon đi ra với cậu người mới Stern kia. Chẳng ai trong họ có vẻ gì bị thương hết.

Gã thấy bóng Kramer hắt lên ô cửa kính khi cô bước vào phòng. Cô thở hơi gấp. Không hề quay mặt nhìn lại, gã nói, “Bao nhiêu người bị thương?”

“Sáu. Hai có vẻ khá nặng.”

“Nặng thế nào?”

“Dính mảnh lựu đạn. Bị bỏng do nhiễm khí độc.”

“Thế thì họ sẽ phải tới BD thôi.” Gã muốn nói tới Bệnh viện Đại học ở Albuquerque.

“Vâng,” Kramer nói. “Nhưng tôi đã dặn họ là phải nói thế nào rồi. Tai nạn khi làm thí nghiệm, chỉ thế thôi. Và tôi đã gọi cho Whittle ở BD, nhắc ông ta nhớ về lần quyên tiền gần đây nhất của chúng ta. Tôi không nghĩ là có vấn đề lắm đâu.”

Doniger nhìn ra ngoài cửa sổ. “Có lẽ có đấy,” gã nói.

“Những nhân viên phụ trách PR sẽ giúp giải quyết thôi.”

“Có thể không đâu,” Doniger nói.

Những năm gần đây, ITC đã xây dựng được một đội phụ trách quảng bá thông tin gồm hai mươi sáu người trên toàn thế giới. Nhiệm vụ của họ không phải là quảng bá thông tin về công ty, mà là cố che đậy nó càng kín càng tốt. ITC, như họ đã lý giải với tất cả những người có thắc mắc, là một công ty chế tạo các thiết bị lượng tử siêu dẫn cho các máy đo từ trường và các máy quét y tế. Những thiết bị này chứa một linh kiện cơ-điện tử phức

tạp dài khoảng mười lăm xăng ti mét. Những tờ phát tay dành cho báo giới thì cực kỳ tẻ nhạt, dày đặc những lý thuyết lượng tử.

Đối với phóng viên hiếm có nào vẫn còn rất quan tâm về đề tài này, ITC đã rất nhiệt tình lên lịch cho một chuyến thăm cơ sở hạ tầng của họ ở New Mexico. Những phóng viên này được dẫn tới những phòng nghiên cứu đã được chỉ định. Rồi, trong một phòng họp lớn, họ được cho xem quy trình chế tạo các thiết bị – những cuộn dây đo biến thiên trường được lắp vào các thiết bị tạo siêu hàn, tấm chắn siêu dẫn và phần chì dẫn điện bọc ngoài. Những lời giải thích đề cập đến các phương trình Maxwell và chuyển động tĩnh điện. Gần như lần nào cũng vậy, tất cả các nhà báo đều bỏ dở bài viết của mình. Theo lời một người, “Nó hấp dẫn cũng ngang như dây chuyền lắp ráp máy sấy tóc ấy.”

Bằng cách này, Doniger đã thành công trong việc giữ bí mật về phát kiến khoa học vĩ đại nhất cuối thế kỷ hai mươi. Một phần nào đó, sự im lặng của gã là hành động tự vệ: những công ty khác, như IBM và Fujitsu, đã bắt đầu tiến hành những nghiên cứu lượng tử của riêng mình, và dù Doniger cố bốn năm vượt trước họ, việc họ không biết đích xác gã đã tiến xa được đến đâu cũng là một lợi thế cho gã.

Gã cũng biết rõ rằng kế hoạch của mình vẫn chưa hoàn chỉnh, và gã cần được kết thúc nó trong bí mật. Như bản thân gã vẫn vừa nói vừa cười nhả nhổ như một đứa trẻ, “Nếu biết chúng ta muốn làm gì, người ta sẽ *thực sự* muốn ngăn chúng ta lại đấy.”

Nhưng đồng thời, Doniger cũng biết rằng gã không thể cứ giữ bí mật mãi thế được. Không sớm thì muộn, có thể do tai nạn, bí mật sẽ lộ ra. Và khi chuyện đó xảy ra, gã sẽ là người phải đứng ra lèo lái.

Trong tâm trí Doniger hiện lên câu hỏi rằng có phải chuyện đó đang diễn ra ngay lúc này hay không.

\*

\*

Gã nhìn những chiếc xe cấp cứu đi ra, còi hú inh ỏi.

“Nghĩ đi,” gã nói với Kramer. “Hai tuần trước, công ty này cực kỳ chặt chẽ. Vấn đề duy nhất của chúng ta là cô nhà báo người Pháp kia. Rồi xảy ra chuyện với Traub. Lão già trăm cảm khốn khổ làm cả công ty gặp nguy hiểm. Cái chết của Traub đã lôi cái tên cớm từ Gallup ấy đến, giờ hẳn vẫn còn đang chúi mũi vào mọi thứ. Rồi Johnston. Rồi bốn sinh viên của ông ta. Và giờ sáu kỹ thuật viên phải vào bệnh viện. Sẽ có rất nhiều người đây, Diane. Nhiều chuyện sẽ lộ ra lắm.”

“Vậy là anh nghĩ mọi chuyện đang vượt khỏi tầm kiểm soát của chúng ta,” cô nói.

“Có thể,” gã nói. “Nhưng cũng không sao nếu tôi có thể làm được gì đó. Đặc biệt khi tôi có ba thành viên hội đồng quản trị tiềm năng sẽ đến đây vào ngày kia. Thế nên hãy làm mọi chuyện chặt chẽ như cũ.”

Cô gật đầu. “Tôi thực sự nghĩ rằng chúng ta có thể giải quyết được việc này.”

“Được rồi,” gã nói, quay lưng khỏi ô cửa sổ. “Cho cậu Stern đó đi ngủ ở một trong những phòng trống của chúng ta. Phải chắc chắn rằng cậu ta sẽ ngủ, và chặn các cuộc gọi. Ngày mai, tôi muốn Gordon dính lấy cậu ta chắc như keo ấy. Cho cậu ta đi thăm thú các nơi, gì cũng được. Nhưng phải ở bên cạnh cậu ta. Tôi muốn có một cuộc họp qua điện thoại với những nhân viên phụ trách đối ngoại vào lúc tám giờ sáng mai. Tôi muốn có một cuộc họp về phòng dịch chuyển vào lúc chín giờ. Và tôi muốn gặp bọn báo giới khốn kiếp ấy vào khoảng trưa. Gọi tất cả mọi người bây giờ đi, để họ có thể sẵn sàng tiến hành mọi việc.”

“Vâng,” cô nói.

“Tôi có thể không giữ được mọi chuyện trong tầm kiểm soát,” Doniger nói, “nhưng tôi chắc là mình sẽ cố hết sức.”

Gã cau mày bên cửa kính, nhìn người tím tím bên ngoài đường hầm trong bóng tối. “Bao lâu họ mới trở lại hang được vậy?”

“Chín tiếng.”

“Và rồi chúng ta có thể bắt đầu quy trình cứu hộ chứ? Gửi một đội khác về?”

Kramer húng hắng ho. “Ừm...”

“Cô ốm à? Hay thế có nghĩa là không được?”

“Tất cả các cỗ máy đều bị phá hủy trong vụ nổ rồi, Bob,” cô nói.

“Tất cả à?”

“Tôi nghĩ thế, phải.”

“Vậy tất cả những gì chúng ta có thể làm là cho xây lại phòng dịch chuyển, và ngồi phì đít ra chờ xem liệu họ có còn lành lặn mà quay về không à?”

“Phải. Đúng vậy đấy. Chúng ta chẳng có cách nào cứu được họ hết.”

“Thế thì hãy hy vọng rằng họ biết phải làm gì,” Doniger nói, “vì giờ họ phải tự lo lấy thân thôi. Mong thứ may mắn chó chết đó sẽ đến với họ.”

## 31:40:44

Qua khe hở hẹp trên tấm che mặt, Chris Hughes có thể nhìn thấy các khán đài trên đấu trường đã đầy người – gần như tất cả là các quý bà quý cô – và hàng rào thấp bên dưới chật ních dân thường. Tất cả mọi người đang hét đòi giải đấu được bắt đầu. Chris đang ở góc phía Đông của đấu trường, được mấy người hầu bao quanh, cố điều khiển con ngựa giờ dường như có vẻ bức tức với đám đông và bắt đầu nhảy dựng lên. Mấy cậu bé cố đưa cho anh một chiếc thương sọc dài một cách bất thường và cực kỳ khó cầm. Chris cầm lấy nó, luống cuống khi con ngựa khịt khịt và chồm lên bên dưới anh.

Quá chỗ hàng rào, anh nhìn thấy Kate đang đứng lẫn giữa đám đông. Cô đang mỉm cười động viên anh, nhưng con ngựa cứ hết xoay rồi vặn người làm anh không thể nhìn đáp lại cô được.

Và chẳng xa lắm, anh nhìn thấy bóng dáng Marek trong bộ giáp trụ, cũng đang được một nhóm người hầu vây quanh.

Khi ngựa của Chris lại xoay lần nữa – sao những người hầu này không nắm lấy dây cương nữa chứ? – anh nhìn thấy ở góc phía xa, Guy de Malegant đang bình thân ngồi trên lưng ngựa. Hắn ta đang đội chiếc mũ trụ đen có gắn lông chim của mình lên. Ngựa của Chris lại lồng lên lần nữa và cho anh quay vòng tròn. Anh nghe thấy thêm nhiều tiếng kèn trumpet nữa, và tất cả khán giả đều ngược nhìn lên khán đài. Anh lơ mơ thấy lãnh chúa Oliver ra ghế ngồi, vỗ tay rời rạc vài tiếng.

Rồi kèn trumpet lại vang lên.

“Thiếu hiệp, kèn hiệu cho ngài đấy,” một người hầu nói, lại đưa cây thương cho anh. Lần này anh đã cầm được nó đủ lâu để đặt nó lên cái rãnh trên núm yên ngựa, làm nó nằm ngang ra lưng con ngựa và xoay thẳng về phía trước bên trái mình. Rồi con ngựa xoay lần nữa, đám người hầu hét lên và tản ra khi cây thương xoay vòng trên đầu họ.

Thêm nhiều hồi kèn nữa.

Hầu như không thấy gì hết, Chris cứ giật giật dây cương, cố điều khiển con ngựa. Anh liếc nhìn Guy ở phía cuối đấu trường, cứ nhìn thôi, ngựa hoàn toàn không động đậy, Chris muốn cho xong luôn, nhưng con ngựa của anh cứ cuồng lên. Bực tức, anh giật thật mạnh dây cương lần cuối. “Khốn kiếp, đi, có đi không hả?”

Nghe thế, con ngựa vội hất đầu lên xuống hai lần thật nhanh. Hai tai cụp xuống.

Và anh phóng đi.

\*

\*

Marek dăm dăm nhìn con ngựa. Anh ta đã không nói hết mọi thứ cho Chris; như thế chỉ tổ làm cậu ta sợ hơn nữa. Nhưng rõ ràng là Guy sẽ cố giết Chris, có nghĩa là hẳn ta sẽ nhằm thương thẳng vào đầu Chris. Chris đang nhảy chồm chồm như điên trên yên ngựa, cây thương giật lên giật xuống, người lắc hết bên nọ tới bên kia. Cậu ta là một mục tiêu rất tệ, nhưng nếu Guy đủ thiện nghệ – và Marek chẳng nghi ngờ gì chuyện đó – thì hẳn ta vẫn sẽ nhằm thẳng vào đầu, mạo hiểm trượt cú đầu tiên để đánh một đòn chí mạng.

Anh ta nhìn Chris vừa phóng ngựa vừa giật đùng đùng qua cánh đồng, chơi với bắp bênh trên yên. Và anh ta nhìn Guy phóng về phía Chris, thẳng băng hoàn hảo, người cúi về trước, thương đặt ngang trên khuỷu tay.

Thật ra thì, Marek nghĩ, ít nhất cũng có cơ hội là Chris sống sót.

\*

\*



Chris không nhìn rõ lắm. Loạng choạng điên cuồng trên yên, anh chỉ lơ mơ nhìn thấy khán đài, mặt đất, tên kỵ sĩ đang phóng tới trước mặt mình. Nhìn loáng thoáng, anh không thể ước lượng được là Guy còn cách bao xa, hay bao lâu nữa thì cú va chạm xảy ra. Anh nghe thấy tiếng vó đập như sấm rền từ con ngựa của mình, nhịp thở đều đặn của nó. Anh bật nảy trên yên và cố giữ chặt lấy cây thương. Tất cả mọi thứ đều mất thời gian hơn anh đã nghĩ nhiều. Anh có cảm giác là mình đã cười con ngựa này được cả tiếng rồi.

Ở khoảnh khắc cuối cùng, anh thấy Guy đã rất gần mình rồi, hẵn đang phóng thẳng tới với một tốc độ kinh hoàng, và rồi cây thương của chính anh bật nảy lên, đập ngược vào sườn phải đau nhói, cùng lúc ấy vai trái cũng đau nhói và cú đòn làm anh văng cả người sang một bên trên yên ngựa và nghe thấy tiếng gỗ gãy *răng rắc*.

Đám đông rú lên.

Ngựa của anh phóng về trước, tới góc phía xa của đấu trường. Chris choáng váng. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Vai anh bỏng rát. Cây thương đã bị gãy làm đôi.

Và anh vẫn còn đang ngồi trên yên.

*Khốn kiếp thật.*

\*

\*

Marek quan sát mà chẳng vui chút nào. Vặn rúi rồi; đòn đánh quá nhanh nên không làm Chris ngã ngựa được. Thế là giờ họ lại phải đấu thêm một lượt nữa. Anh ta liếc về phía Guy, hẵn đang vừa chửi rủa vừa lấy một cây thương mới từ tay những người hầu, xoay ngựa, và chuẩn bị phóng tới lần nữa.

Ở đầu kia đấu trường, Chris lại đang cố gắng kiểm soát mũi thương của mình vẫn đang đung đưa dữ dội trong không trung như máy nhíp. Cuối cùng

anh hạ nó xuống, bắc ngang yên, nhưng con ngựa thì vẫn đang xoay mình và lồng lên.

Guy bị si nhục và đang rất tức giận. Hắn ta hiện đã mất kiên nhẫn, và chẳng chịu đợi nữa. Đá vào cái bàn đạp, hắn thúc ngựa phóng xuống đấu trường.

Thằng khốn, Marek nghĩ.

\*

\*

Đám đông gào lên bất ngờ trước đòn tấn công một chiều. Chris nghe thấy và cũng nhìn thấy Guy đã phi nước đại về phía mình. Ngựa của anh vẫn còn đang bướng bỉnh xoay vòng quay. Anh giật dây cương và đúng lúc đó nghe thấy một tiếng *chát*, một trong những người giữ ngựa đã phát vào chân sau con ngựa.

Con ngựa hí lên. Hai tai bẹp dúm xuống.

Anh phóng thẳng qua đấu trường.

Lần thúc ngựa thứ hai kinh khủng hơn nhiều – vì bây giờ anh đã biết mình sẽ phải đối mặt với cái gì.

\*

\*

Cú đòn giáng xuống người anh, quét vào ngực anh đau điếng, cả người anh bị văng lên không trung. Tất cả mọi thứ đều trở nên chậm chạp. Anh nhìn thấy cái yên văng ra xa, rồi hai bên sườn phía sau của con ngựa hiện ra trước mặt mình, và rồi anh ngửa người ra sau, nhìn chăm chăm lên trời.

Anh rơi bịch xuống đất, ngựa thẳng người. Đầu đập vào cái mũ sắt. Anh thấy hàng loạt những đốm sáng xanh, càng lúc càng lớn hơn, rồi xám dần lại. Anh nghe thấy tiếng Marek trong cái tai nghe: “Giờ năm yên đấy đi!”

Đâu đó anh nghe thấy tiếng kèn trumpet xa xôi, rồi cả thế giới nhẹ nhàng mờ đi, trượt dần vào bóng tối.

\*

\*

Ở góc phía xa của đấu trường, Guy đang xoay ngựa để chuẩn bị cho lượt đấu tiếp theo, nhưng những tiếng kèn trumpet đã rộ lên báo hiệu cặp đấu khác rồi.

Marek hạ thấp cây thương xuống, thúc ngựa, phi nước đại về phía trước. Anh ta thấy địch thủ của mình, hiệp sĩ Charles de Gaune, đang phóng tới. Anh ta nghe thấy tiếng vó lộc cộc rần ròi của con ngựa, tiếng gào thét càng lúc càng ầm ĩ của đám đông – họ biết trận này sẽ rất gay cấn – khi phóng ngựa về trước. Con ngựa này chạy nhanh khủng khiếp. Hiệp sĩ Charles phóng tới, nhanh chẳng kém.

\*

\*

Theo các sách về thời Trung cổ, thách đố thực sự của một cuộc đấu thương không nằm ở việc mang thương, hay nhắm vào mục tiêu này kia. Thách thức thực sự nằm ở việc phóng thẳng không né tránh cú va chạm – không được đầu hàng sự hoảng sợ mà gần như tất cả mọi kỵ sĩ đều trải qua khi anh ta phi nước đại về phía đối thủ.

Marek đã đọc những bản thảo cổ, nhưng giờ anh ta mới đột nhiên hiểu được chúng: anh ta thấy rùng mình và nhũn người ra, tứ chi bải hoải, ùi rung lên khi cổ ghì chặt người xuống yên. Anh buộc mình phải tập trung, phải thật chú tâm, phải nhắm thẳng mũi thương của mình về phía mũi thương của hiệp sĩ Charles. Nhưng đầu mũi thương của anh ta cứ quật lên quật xuống trong khi anh ta thúc ngựa phóng tới. Anh ta giơ nó lên khỏi chỗ mấu yên ngựa, kẹp nó vào khuỷu tay. Ổn định dần. Nhịp thở của anh ta đã khá hơn. Anh ta thấy sức mạnh của mình đã trở lại. Anh ta giương thẳng cây thương ra. Còn gần tám mươi mét nữa.

Phóng hết tốc lực.

Anh ta nhìn thấy hiệp sĩ Charles đang điều chỉnh lại cây thương, xiên nó lên trên. Hẳn ta đang định nhắm vào đầu. Hay đó chỉ là đòn nhử? Một số người cưỡi ngựa đánh thương có thói quen thay đổi mục tiêu vào những giây cuối cùng. Liệu hẳn ta có thể không?

Sáu mươi mét.

Cú đánh vào đầu là rất mạo hiểm nếu cả hai kỵ sĩ đều không nhắm vào nó. Một cú thương thẳng vào người sẽ đến sớm hơn một giây so với một cú đánh vào đầu: nó liên quan đến góc đâm. Cú va chạm đầu tiên sẽ làm cả hai kỵ sĩ bị chấn động, làm cú đánh vào đầu kém chính xác. Nhưng một kỵ sĩ lão luyện sẽ chúi mũi thương của mình ra trước, không tiếp tục giữ nó trên khuỷu tay nữa, để có thêm một đoạn chừng mười bốn đến mười lăm xăng ti mét nữa, và giành được cú đòn đầu tiên. Anh phải có một lực tay thật khủng khiếp mới có thể đỡ được cú đánh ấy, và phải giữ được cây thương khi nó bật lại, để con ngựa hứng lấy phần lớn lực va chạm, nhưng anh có thể làm rối loạn khả năng ngắm mục tiêu và căn giờ của đối thủ.

Năm mươi mét.

Hiệp sĩ Charles vẫn đang giơ cao mũi thương. Nhưng giờ hẳn ta đã chúi mũi thương xuống, áp người về phía trước. Hẳn ta đã kiểm soát được cây thương của mình tốt hơn. Liệu lần này hẳn có dùng đòn gió nữa không?

Bốn mươi mét.

Chẳng có cách nào biết được hết. Marek quyết định liều cú đánh vào ngực. Anh ta để thương vào vị trí. Anh sẽ không di chuyển nó thêm nữa.

Ba mươi mét.

Anh ta nghe thấy tiếng vó ngựa âm âm như sấm rền, tiếng gào thét của đám đông. Những bản ghi chép thời Trung Cổ đã cảnh báo rằng, “Không được nhắm mắt vào lúc ra đòn. Phải mở mắt thật lớn để tấn công.”

Hai mươi mét.

Mắt anh ta vẫn mở.

Mười.

Tên khốn kiếp giương cây thương lên.

Hắn định nhắm vào đầu.

*Va chạm.*

\*

\*

Tiếng gõ răng rắc nghe như tiếng súng. Marek thấy đau nhói bên bả vai trái, bị đâm mạnh lên trên. Anh ta phóng ngựa tới cuối con đường, thả cây thương gãy nát của mình xuống, vươn tay ra để lấy cây khác. Nhưng những người hầu cứ đứng nhìn chăm chăm ra phía sau anh ta.

Ngoái nhìn lại, anh ta thấy hiệp sĩ Charles đang nằm dưới đất, không hề cử động.

Và rồi anh ta thấy Guy đang cho ngựa lồng lên và xoay vòng quanh Chris. Có lẽ đó là cách giải quyết của hắn, Marek nghĩ. Hắn sẽ giẫm Chris đến chết.

Marek quay người lại và rút kiếm ra. Anh ta giơ cao nó lên.

Với một tiếng hét đầy giận dữ, Marek thúc ngựa phóng xuống đấu trường.

\*

\*

Đám đông gào hét và dấn vào hàng rào y như đang gõ trống. Guy quay người lại, và thấy Marek đang phóng đến. Hắn ta nhìn xuống Chris đang nằm dưới đất, đoạn thúc ngựa, làm nó bước ngang để giẫm anh.

“Đốn mặt! Đốn mặt!” Đám đông hét lên, và thậm chí cả lãnh chúa Oliver cũng đứng lên, thất sắc.

Nhưng rồi Marek tới được chỗ Guy, không dừng được ngựa lại mà vọt qua hắn, quát lên, “Khốn nạn,” đoạn lấy sống kiếm quật vào đầu hắn. Anh ta biết làm thế hắn cũng chẳng hề hấn gì nhưng đó là một cú đòn sỉ nhục, và nó sẽ làm hắn ta phải buông tha Chris. Và thực sự là vậy.

Guy ngay lập tức quay người khỏi Chris khi Marek giơ kiếm, giật cương phóng lên. Hắn rút kiếm khỏi vỏ, lưỡi kiếm cuồn cuộn rít lên trong không khí. Nó đập choang vào kiếm của Marek. Marek thấy lưỡi kiếm của mình rung lên trong tay vì lực va chạm. Anh ta quét một đường gươm ngược, nhắm thẳng vào đầu. Guy đỡ được; con ngựa xoay ngang; hai thanh kiếm lại tiếp tục chém vào nhau.

Trận chiến đã bắt đầu. Và trong thâm tâm, Marek biết rằng đây là một trận đấu sinh tử.

\*

\*

Kate đứng bên hàng rào quan sát trận đấu. Marek vẫn cầm cự tốt, sức mạnh thể chất của anh ta rõ ràng vượt trội, nhưng chẳng khó gì để thấy là anh ta không có kinh nghiệm và kỹ thuật như Guy. Những đường kiếm của anh ta loạn hơn, và thế ngòi của anh ta kém chắc chắn hơn. Anh ta dường như cũng biết điều đó, và Guy cũng vậy, hẳn ta liên tục lùi ngựa lại, cố mở rộng khoảng cách để có thể vung kiếm hết mức. Về phần mình, Marek cứ tiến lại gần, cố giữ khoảng cách giữa hai người thật sát, như một võ sĩ ôm ghì đấu thủ.

Nhưng Marek không thể cứ làm thế mãi được, cô thấy thế. Không sớm thì muộn, Guy sẽ có đủ khoảng cách, và khi đó, chỉ một khoảnh khắc thôi, hẳn sẽ tung ra đòn chí mạng.

\*

\*

Tóc trong mũ trụ của Marek bết mồ hôi. Những giọt mồ hôi cay xè nhỏ vào mắt anh ta. Anh ta chẳng làm gì được. Anh ta lắc đầu, cố nhìn cho rõ. Cũng chẳng ích gì nhiều.

Chẳng mấy chốc anh ta đã thở hỗn hển. Qua khe hở trên mũ, Guy trông chẳng chút mệt mỏi và chẳng thay đổi gì, luôn luôn ở thế tấn công, múa kiếm liên tục với nhịp đều đặn và thật lão luyện. Marek biết anh ta phải nhanh chóng làm gì đó, trước khi trở nên quá mệt mỏi. Anh ta phải phá vỡ nhịp độ của đối phương.

Bàn tay phải của anh ta, tay cầm kiếm, đã nóng rực lên vì ráng sức liên tục. Tay trái của anh ta khá khỏe. Sao không dùng tay trái nhỉ?

Đáng thử lắm chứ.

Thúc ngựa phóng lên, Marek tiến lại gần hơn, cho tới khi họ ngược đối ngược với nhau. Đợi đến khi lấy kiếm chặn được một đường chém, anh ta bèn

dùng tay trái đâm thẳng lên mũi của Guy. Cái mũi trụ bật lại; anh cảm nhận được tiếng *cộp* đầy thỏa mãn khi đầu Guy đập vào thành trước của cái mũi.

Ngay lập tức, Marek xoay thanh kiếm lại và thúc chuôi kiếm vào mũi trụ của Guy. Một tiếng cắc lớn vang lên, và người Guy giật nảy lên trên yên ngựa. Vai hắn sụp xuống trong giây lát. Marek lại tấn công lần nữa, đập mạnh hơn vào cái mũi trụ. Anh ta biết mình đã làm hắn bị thương.

Nhưng vẫn chưa đủ.

Quá muộn, anh ta nhìn thấy kiếm của Guy vút đi theo một vòng cung lớn, hướng thẳng vào lưng mình. Marek nhận vết chém đau nhói như bị roi quật lên hai vai. Liệu bộ giáp lưới có chịu được không? Liệu anh ta có bị thương không? Anh ta vẫn còn cử động được hai cánh tay. Anh ta vung lưỡi gươm thật mạnh vào sau mũi của Guy. Guy không làm được gì để tránh cú đòn ầm vang như tiếng cồng ấy hết. Hắn chắc hẳn đã phải choáng lăm, Marek nghĩ.

Marek lại vung gươm lần nữa, rồi xoay ngựa, đi vòng quanh đoạn vung mạnh gươm hướng vào cổ đối thủ. Guy đỡ lấy, nhưng lực của nhát chém làm hắn bật lùi ra sau. Xoay người lại, hắn trượt sang một bên yên ngựa, cổ bám lấy mấu yên, nhưng cũng không tránh khỏi phải ngã bổ xuống đất.

Marek quay lại, bắt đầu xuống ngựa. Đám đông lại la hét lần nữa; nhìn lại phía sau, anh ta thấy Guy đã nhẹ nhàng nhảy xuống ngựa, những vết thương chỉ là giả vờ. Hắn vung kiếm về phía Marek trong khi anh ta vẫn còn đang xuống ngựa. Marek, với một chân vẫn còn đang mắc trên bàn đạp, lóng ngóng đỡ, bằng cách nào đó lại xuống ngựa được, và rồi đánh trả lại. Guy rất khỏe và tự tin vào bản thân.

Marek nhận ra rằng tình thế của anh ta hiện tại còn tệ hơn trước nữa. Anh ta tấn công dữ dội, nhưng Guy đỡ trả một cách dễ dàng, chân di chuyển lão luyện và cực kỳ nhanh nhẹn. Marek đang nặng nhọc thở hổn hển bên trong chiếc mũ trụ; anh chắc chắn rằng tên Guy cũng có thể nghe thấy, và có thể biết được thế có nghĩa là gì.

Marek đang kiệt sức.



Tất cả những gì Guy cần làm là cứ tiếp tục đỡ cho tới khi Marek kiệt quệ hẳn.

Trừ khi...

Về phía bên trái, Chris vẫn đang ngoan ngoãn nằm yên.

Marek vung kiếm về phía Guy, dịch dần sang phải với mỗi nhát chém. Guy tiếp tục dịch dần ra xa. Nhưng giờ Marek đang cố hướng hẳn lùi lại – tới chỗ Chris.

\*

\*

Chris dần tỉnh lại trước những tiếng gươm loảng xoảng trên đầu. Anh lảo đảo nhìn quanh. Anh vẫn đang nằm ngửa ra, mắt nhìn thẳng lên bầu trời xanh trong. Nhưng anh còn sống. Chuyện gì đã xảy ra? Anh xoay đầu bên trong cái mũ trụ. Chỉ có một khe hở nhỏ xíu để nhìn, cảm giác thật nóng ngột ngạt và tù túng.

Anh bắt đầu thấy buồn nôn.

Cảm giác buồn nôn dội lên nhanh chóng. Anh không muốn cho hết cả ra trong cái mũ trụ. Mũ quá chật, anh sẽ chết chìm trong biển chất nôn của chính mình. Anh phải tháo ra. Vẫn nằm dài ra, anh với lên và bấu vào chiếc mũ bằng cả hai tay.

Anh giật nó ra.

Nó không chịu dịch chuyển. Tại sao? Có phải họ đã buộc nó lại vào đầu anh không? Có phải vì anh đang nằm không?

Anh sẽ nôn hết ra. Bên trong cái mũ khốn nạn ấy.

Chúa ạ.

Hoảng loạn cực độ, anh lăn lộn trên nền đất.

\*

\*

Marek vung kiếm một cách tuyệt vọng. Đằng sau Guy, anh ta thấy Chris bắt đầu cử động. Marek lẽ ra đã phải gào lên bắt Chris nằm yên, nhưng anh ta chẳng còn hơi đâu mà nói nữa.

Marek cứ vung kiếm liên tục.

Giờ Chris đang kéo cái mũ, cố tháo nó ra. Guy vẫn còn gần mười mét nữa mới tới chỗ Chris. Hắn nhảy lùi lại phía sáu, nhẹ nhàng đỡ những đòn tấn công của Marek một cách dễ dàng.

Marek biết sức mình đã gần đến mức cực hạn. Những cú ra đòn của anh ta càng lúc càng yếu dần. Guy vẫn còn rất khỏe và lanh lẹ. Chỉ lùi lại và đỡ đòn. Đợi cơ hội.

Năm mét.

Chris đã lăn sấp bụng xuống đất, và giờ đang cố đứng lên. Anh đang bò bằng cả tứ chi. Đầu lắc lư. Rồi ọe một tiếng thật to.

Guy cũng nghe thấy, hắn bèn quay đầu lại một chút để nhìn...

Marek phóng tới, húc thẳng đầu vào tấm giáp ngực của Guy, làm hắn loạng choạng lùi ra sau, ngã lên người Chris, đổ ập xuống.

Malegant lăn vội xuống đất, nhưng Marek đã đứng trước mặt rồi, anh ta giẫm lên tay phải hắn để găm thanh kiếm xuống, chân còn lại ghì chặt lấy vai kia, Marek giơ cao kiếm, sẵn sàng chém xuống.

Đám đông lặng đi.

Guy không hề cử động.

Thật chậm rãi, Marek hạ dần kiếm xuống, cắt dây nối mũ của Guy, và đẩy nó ra bằng đầu mũi kiếm. Đầu Guy giờ lộ ra. Marek thấy máu đang chảy xối xả từ bên tai trái của hắn.

Guy liếc nhìn anh ta rồi nhổ nước bọt.

Marek lại giơ kiếm lên lần nữa. Anh ta đang trong cơn thịnh nộ, mồ hôi vã ra nhức nhối, tay bồng rát, mắt đỏ lên vì tức giận và kiệt quệ. Anh ta nắm chặt tay lại, chuẩn bị chém xuống và cắt cái đầu lia khỏi xác.

“Làm ơn!”

Thấy thế Guy liền gào lên, để tất cả mọi người có thể nghe thấy.

“Tôi xin được tha!” Hẳn ta gào lên. “Nhân danh Thánh thần và Đức Mẹ Đồng Trinh Mary! Xin tha cho tôi! Xin tha cho tôi!” Đám đông lặng đi.

Chờ đợi.

\*

\*

Marek không biết phải làm gì. Tận sâu trong tâm trí anh ta, một giọng nói cất lên, *“Giết tên khốn này đi nếu không người sẽ phải hối hận về sau đây.”* Anh ta biết mình sẽ phải quyết định thật nhanh; càng đứng giẫm lên tên Guy này lâu thì anh ta càng chắc rằng mình sẽ chùn bước.

Anh ta nhìn về phía đám đông đang xếp dọc hàng rào. Không một ai cử động; họ cứ tròn mắt nhìn. Anh ta nhìn về phía khán đài, nơi lãnh chúa Oliver đang ngồi với các quý cô. Tất cả mọi người đều bất động. Lãnh chúa Oliver dường như đông cứng. Marek nhìn lại về phía đám người hầu đang túm tụm cạnh hàng rào. Họ cũng đang đông cứng lại luôn. Rồi, với một cử động gần như là vô thức, một người hầu giơ tay ngang ngực và ra hiệu thật nhanh: cắt phăng nó đi.

*Cậu ta đang cho người một lời khuyên đúng đắn đấy, Marek nghĩ.*

Nhưng Marek vẫn lưỡng lự. Trên đấu trường là một bầu không khí tĩnh lặng hoàn toàn, trừ những tiếng nôn ọe và rên rỉ của Chris. Cuối cùng thì

chính những tiếng nôn ọe kia lại là thứ đã phá vỡ trạng thái căng thẳng. Marek lùi khỏi hiệp sĩ Guy và giơ tay ra giúp hắn đứng dậy.

Guy nằm lấy, đứng dậy trước mặt anh ta. Hắn nói, “Đồ khốn, tao sẽ gặp mày dưới địa ngục,” và quay gót bỏ đi.

## 31:15:58

Dòng suối nhỏ uốn quanh bãi cỏ phủ đầy rêu xen lẫn những bông hoa dại. Chris đang quỳ gối, cúi mặt xuống nước. Anh đột ngột ngẩng lên, thở phì ra, ho sặc sụa. Anh nhìn Marek, đang ngồi xồm bên cạnh mình, nhìn chăm chăm vào khoảng không.

“Tôi đã chịu đủ rồi,” Chris nói, “Tôi đã *chịu đủ* rồi.”

“Tôi có thể hình dung ra được mà.”

“Tôi suýt nữa đã bị giết,” Chris nói. “Thế mà được gọi là thể thao à? Anh có biết nó là cái gì không? Đó là trò ‘hai con dê qua cầu’ trên lưng ngựa. Những người đó *bị điên* rồi.” Anh lại nhúng đầu xuống nước lần nữa.

“Chris.”

“Tôi ghét nôn ọe. Tôi *ghét*.”

“Chris.”

“Gì? Giờ gì nữa đây? Anh định nói với tôi là tôi sẽ làm áo giáp của mình bị gì hả? Tôi chẳng quan tâm quái gì đến việc đó đâu, André.”

“Không,” Marek nói. “Tôi chỉ định nói với cậu là cái áo lót bằng nỉ của cậu sẽ bị phồng lên, và sẽ khó cởi giáp ra hơn đấy.”

“Thật thế à? Ồ, tôi cũng chẳng quan tâm đâu. Những người hầu ấy sẽ tới cởi ra giúp tôi.” Chris ngồi lại lên thảm cỏ và húng hắng ho. “Chúa ơi, tôi không thể giữ hết được cái mùi ấy. Tôi phải tắm hay làm gì đấy thôi.”

Marek ngồi bên cạnh anh, không nói gì hết. Anh ta cứ để Chris xả. Chris vừa nói tay vừa run bần bật. *Cứ để cậu ta cho hết ra đi*, Marek nghĩ.

\*

\*

Ở bãi tập bên dưới chỗ họ, những cung thủ mặc quân phục nâu đỏ và xám đang luyện tập. Quên sự cuồng nhiệt của đấu trường gần đó, họ kiên nhẫn nhắm bắn các mục tiêu, lùi lại, bắn lại lần nữa. Y như những cuốn sách cổ đã nói: những cung thủ người Anh rất có kỷ luật, và ngày nào cũng hằng say luyện tập.

“Những người đó là sức mạnh mới của quân đội,” Marek nói. “Giờ họ là thành phần quyết định trận chiến đấy. Nhìn họ mà xem.”

Chris chống người bằng khuỷu tay. “Anh đang đùa đấy à,” anh nói. Những cung thủ giờ đang đứng cách bia tới hơn hai trăm mét – chiều dài của hai sân bóng đá. Quá xa, chỉ là những chấm nhỏ, nhưng họ vẫn tự tin giương cung thẳng lên trời. “Họ nghiêm túc đấy chứ?”

Nền trời tối sầm lại với những mũi tên vút đi trong gió. Chúng đáp trúng mục tiêu, hoặc rơi lên nền đất gần đó, cắm ngập trong cỏ.

“Không đùa chứ,” Chris nói.

Gần như ngay lập tức, lại một loại mưa tên khác ngập đầy bầu trời. Và một loạt nữa, một loạt nữa. Marek đang nhắm đếm. Mỗi loạt bắn cách nhau ba giây. Thế thì đúng thật, anh ta nghĩ: những cung thủ người Anh thực sự có thể bắn tới hai mươi loạt tên trong vòng một phút. Cho đến lúc này, những tấm bia đã chỉ chít những tên rồi.

“Những kỵ sĩ đang tấn công không thể nào chịu nổi thể loại đánh trả ấy đâu,” Marek nói. “Nó có thể giết chết các kỵ sĩ, cả ngựa nữa. Đó là lý do tại sao các hiệp sĩ người Anh lại phải xuống ngựa tấn công. Những người Pháp vẫn đánh theo kiểu cũ – thế là họ bị giết sạch, trước cả khi tiến được lại gần chỗ người Anh. Bốn ngàn người đã chết ở trận Crécy, ở Poitiers thậm chí còn nhiều hơn. Lần này nhiều lắm đây.”

“Sao người Pháp không thay đổi chiến thuật đi? Họ không thấy chuyện gì đang xảy ra à?”

“Họ có thấy, nhưng thế có nghĩa là phải kết thúc cả một lối sống, cả một nền văn hóa, thật sự ấy,” Marek nói. “Tất cả các hiệp sĩ đều là quý tộc; cách sống của họ quá xa xỉ so với thường dân. Một hiệp sĩ phải mua áo giáp

và ít nhất ba con ngựa chiến, anh ta còn phải cáng đáng cả một đoàn người hầu và trợ thủ khác. Và những hiệp sĩ quý tộc này đã luôn là những nhân tố chủ chốt trong chiến tranh, cho tới bây giờ. Giờ tất cả đã kết thúc rồi.” Anh ta chỉ tay về phía những cung thủ trên bãi tập. “Những người đó chỉ là thường dân thôi. Họ chiến thắng nhờ sự đồng tâm đoàn kết và kỷ luật. Chẳng hề có chút dũng cảm cá nhân nào cả. Họ được trả lương; họ đang làm việc. Nhưng họ là tương lai của chiến tranh – những đội quân vô danh, đầy kỷ luật và được trả tiền. Các hiệp sĩ coi như tàn đời.”

“Trừ trong các giải đấu,” Chris chua cay nói.

“Kiểu kiểu thế. Và thậm chí ở đó nữa – những thứ giáp ngực, áo giáp lưới – tất cả những thứ đó đều là vì tên cả đấy. Những mũi tên có thể đâm thẳng qua một người không được giáp trụ gì, và chúng có thể xuyên qua áo giáp lưới. Thế nên các hiệp sĩ phải có giáp sắt. Ngựa cũng cần có giáp nữa. Nhưng với những loạt tên như thế...” Marek chỉ tay về phía cơn mưa tên rít lên trong gió và nhún vai. “Thì xong rồi.”

Chris nhìn lại về phía sân đấu. Đoạn nói, “Ừm, cũng đến lúc rồi!”

Marek xoay người lại và thấy năm người hầu mặc đồng phục tiến về phía họ, cùng với hai người lính mặc áo choàng đỏ và đen. “Cuối cùng thì tôi cũng có thể thoát khỏi cái thứ kim loại chết tiệt này rồi.”

Chris và Marek đứng lên khi những người đó tới nơi. Một người lính nói, “Anh đã phá vỡ luật của giải đấu, sĩ nhục hiệp sĩ anh dũng Guy Malegant, và người của ngài Oliver. Anh đã bị bắt, và anh sẽ phải đi cùng với chúng tôi.”

“Đợi chút,” Chris nói. “*Chúng tôi sĩ nhục anh ta?*”

“Các anh sẽ đi cùng chúng tôi.”

“Đợi chút đã,” Chris nói.

Người lính đánh mạnh vào bên đầu anh rồi đẩy anh đi. Marek bước cùng với anh. Bị những người lính vây quanh, họ thẳng hướng tới lâu đài.

\*

\*

Kate vẫn đang ở đấu trường, nhìn quanh tìm Chris và Marek. Lúc đầu, cô nghĩ đến việc tìm ở những túp lều xếp hàng dãy ngoài bãi tập, nhưng chỉ có đàn ông – hiệp sĩ và thiếu hiệp cùng với những người hầu – ở khu đó mà thôi, và cô quyết định là sẽ không làm thế. Đây là một thế giới khác, bạo lực ở khắp mọi nơi, và lúc nào cô cũng có cảm giác nơm nớp. Hầu như tất cả mọi người trong thế giới này đều rất trẻ; những hiệp sĩ đang ngạo nghễ đi lại trên bãi tập kia đều khoảng hai mươi hoặc đầu ba mươi, và những thiếu hiệp thì chỉ là những cậu thiếu niên. Cô đang mặc trang phục bình dân, và rõ ràng không có vẻ gì là thuộc tầng lớp quý tộc hết. Cô có cái cảm giác là nếu mình bị kéo đi và hãm hiếp thì cũng chẳng có ai thèm để ý.

Dù đang là giữa trưa, cô thấy mình đang có những hành động y như khi ở New Haven vào buổi đêm. Cô luôn cố hết sức để không phải ở một mình, mà luôn đi cùng với một nhóm; cô lướt qua đám đàn ông con trai, tránh xa họ ra.

Cô lần ra chỗ mấy người thợ tẩy vải, nghe tiếng hò reo cổ vũ của đám đông khi cặp đấu tiếp theo bắt đầu. Cô nhìn về phía khu lều bên trái mình. Chẳng thấy Marek và Chris đâu hết. Mà họ mới chỉ rời đấu trường có vài phút trước thôi. Có phải họ đang ở một trong những căn lều kia không? Cô chẳng nghe thấy gì qua cái tai nghe trong suốt một giờ qua rồi; cô nghĩ đó là do Marek và Chris đội mũ trụ, có thể làm ngăn cản khả năng truyền sóng. Nhưng chắc chắn là bây giờ mũ của họ đã được tháo hết ra rồi.

Rồi cô nhìn thấy họ, một quầng nắng phía cuối khu đất, đang ngồi bên cạnh một dòng suối uốn khúc.

Cô đi xuống khu đất. Bộ tóc giả nóng và thật ngứa dưới ánh nắng. Có lẽ cô nên tháo bộ tóc giả ra và đội mũ lên để che đi mái tóc. Hoặc nếu cô cắt tóc mình ngắn thêm chút nữa, cô thậm chí có thể đóng giả làm một cậu thanh niên, thậm chí chẳng đội mũ cũng được.



Có lẽ sẽ rất thú vị, cô nghĩ, khi được làm đàn ông một lúc.

Cô đang nghĩ sẽ tìm kéo ở đâu thì thấy những người lính tiến về phía Marek. Cô chậm bước lại. Cô vẫn chưa nghe thấy gì qua tai nghe hết, nhưng đã gần quá rồi, cô biết đáng ra mình phải nghe được.

Có phải nó đã bị tắt rồi không? Cô gõ nhẹ vào tai.

Ngay lập tức, cô nghe thấy Chris nói, “*Chúng tôi si nhục anh ta?*” rồi tiếng gì đó xẹt xẹt. Cô thấy mấy người lính đẩy Chris về phía lâu đài. Marek đi cùng với anh.

Kate đợi một lúc, rồi đi theo.

\*

\*

Castelgard giờ thật trơ trọi, những cửa hàng trên phố đều đã khóa chặt, đường phố trống trải đến nỗi có thể nghe được tiếng vọng của chính mình. Tất cả mọi người đã đổ xô đến đấu trường, khiến việc theo đuôi Marek và Chris cùng đám lính của cô trở nên khó khăn hơn. Cô phải lùi lại phía sau, chờ cho họ đi khỏi một con phố rồi mới bám theo, chạy vội lên trước một đoạn cho tới khi nhìn thấy bóng dáng họ lần nữa, rồi lại trốn sau một góc quẹo.

Cô biết những hành động của mình là rất khả nghi, nhưng chẳng có ai trông thấy hết. Cao phía trên khung cửa sổ, cô nhìn thấy một bà lão đang ngồi dưới nắng, mắt nhắm hờ. Nhưng bà chẳng nhìn xuống lần nào. Có lẽ bà đang ngủ.

Cô đi tới bãi tập mênh mông trước lâu đài. Nó giờ cũng vắng tanh. Những kỵ sĩ trên lưng những con ngựa đang lồng hai chân trước lên, những trận đấu giả, những cờ hiệu phấp phới giờ đều không còn nữa. Đám lính đang đi qua cây cầu kéo. Khi đang đi theo họ, cô nghe thấy đám đông rộ lên ở đấu trường phía bên kia những bức tường. Những người gác cổng quay lại

và gọi với lên những người lính trên tường thành, hỏi xem chuyện gì đang xảy ra. Những người lính ở phía trên đó có thể nhìn thấy những gì đang diễn ra trên đấu trường; họ quát to đáp lại. Tất cả những lời này đều đi kèm tiếng chửi thề; rõ ràng là có cá độ ăn thua.

Giữa cảnh sôi động đó, cô bước qua cổng, tiến vào trong lâu đài.

\*

\*

Cô đứng trong cái sân nhỏ được gọi là phần sân ngoài của lâu đài. Cô thấy có mấy con ngựa ở đó, được buộc vào một cái cột và chẳng có ai trông nom hết. Nhưng cũng chẳng có người lính nào trong sân hết; tất cả đều ở trên tường thành, xem trận đấu.

Cô nhìn quanh tìm Marek và Chris, nhưng chẳng thấy họ đâu hết. Không biết phải làm gì khác, cô bước qua cánh cửa dẫn vào đại sảnh. Cô nghe thấy những tiếng bước chân vang vọng trên chiếc cầu thang xoắn ốc ở phía bên trái mình.

Cô đi vòng vòng theo những bậc cầu thang, nhưng tiếng bước chân đã biến mất.

Chắc họ đã đi xuống dưới chứ không phải đi lên trên.

Thật nhanh, cô đi ngược lại. Cầu thang xoáy xuống dưới, kết thúc ở một đoạn hành lang đá trần thấp, ẩm ướt và rêu mốc, với những căn buồng giam ở hẵn về một phía. Cửa buồng mở toang; chẳng có ai ở trong hết. Nơi nào đó phía trước, đằng xa một góc quặt ở chỗ hành lang, cô nghe thấy những tiếng nói vọng lại, và tiếng kim loại kêu loảng xoảng.

Cô cảnh giác tiến lên. Chắc là mình đang ở bên dưới đại sảnh, cô nghĩ vậy. Cô cố tái tạo chỗ đó, từ ký ức về tòa lâu đài đổ nát mình đã khám phá một cách rất cẩn thận từ vài tuần trước. Nhưng cô chẳng nhớ mình đã từng

nhìn thấy đoạn đường hầm này. Có lẽ nó đã bị sụp đổ từ hàng thế kỷ trước rồi.

Một tiếng xoảng nữa, và tiếng cười vọng lại.

Rồi tiếng bước chân.

Phải mất một thoáng cô mới nhận ra là chúng đang tiến về phía mình.

\*

\*

Marek ngã về phía đông rơm rạ mùn rữa, ướt nhẹ, trơn nhẫy và hôi hám. Chris vấp xuống cạnh anh ta, trượt tuôn tuột xuống. Cửa buồng đóng sầm lại. Họ đang ở cuối một đoạn hành lang, với những buồng giam ở cả ba phía. Qua song sắt, Marek nhìn thấy những người lính gác đang vừa rời đi vừa cười. Một tên nói, “Này, Paolo, mày nghĩ mày đang đi đâu thế? Mày phải ở đây mà canh chúng chứ.”

“Sao phải thế? Chúng có đi được đâu nữa đâu. Tao muốn xem giải đấu.”

“Đây là lượt canh của mày. Oliver muốn chúng được canh gác.”

Có vài tiếng cự nự và chửi rủa. Lại thêm vài tràng cười, và tiếng bước chân xa dần. Rồi một tên lính gác đồ sộ quay lại, nhìn chòng chọc vào họ qua song sắt, và chửi thề. Hắn chẳng vui vẻ gì; họ là lý do hắn bị lỡ mất trận đấu. Hắn nhổ lên sàn ngục phía dưới chân họ, rồi đi cách ra một đoạn, tới chỗ một cái ghế con bằng gỗ. Marek không còn nhìn thấy hắn nữa, nhưng anh ta vẫn thấy được cái bóng của hắn đổ lên bức tường đối diện.

Có vẻ như là hắn đang xía răng.

Marek đi về phía song sắt, cố nhìn ra chỗ mấy phòng giam khác. Anh ta không thể nhìn hắn được vào phòng giam về phía tay phải; nhưng ngay

trước mặt họ anh thấy một người đang dựa vào bức tường, ngồi trong bóng tối.

Khi mắt đã quen dần, anh ta nhìn ra đó là Giáo sư.

## 30:51:09

Stern ngồi trong phòng ăn riêng của ITC. Đó là căn phòng nhỏ có duy nhất một chiếc bàn, khăn trải màu trắng, cho bốn người ngồi. Gordon ngồi đối diện với anh ta, ăn ngẫu nhiên, trứng trộn và thịt muối. Stern nhìn đỉnh đầu húi cua của Gordon chúi lên chúi xuống khi anh lấy đĩa xiên trứng. Người đàn ông này ăn nhanh thật.

Ngoài kia, mặt trời đã mọc lên đỉnh, phía Đông dãy núi mặt bàn. Stern liếc nhìn đồng hồ; sáu giờ sáng. Những kỹ thuật viên ITC đang thả một quả cầu khí tượng khác lên trời từ chỗ bãi đỗ xe; anh ta nhớ rằng Gordon đã nói với bọn họ là những người đó làm việc này hằng giờ. Khí cầu bay nhanh lên nền trời, rồi biến mất vào trong những đám mây cao ngất. Những người vừa thả nó đi chẳng buồn nhìn nữa, mà quay lại phía một tòa nhà thí nghiệm gần đó.

“Bánh mì Pháp của anh thế nào?” Gordon nói, ngẩng mặt lên. “Có muốn ăn gì khác không?”

“Không, nó ngon lắm,” Stern nói. “Chỉ là tôi không đói lắm thôi.”

“Nghe vài lời khuyên của một cựu quân nhân này,” Gordon nói. “Bữa nào cũng phải ăn. Vì anh sẽ chẳng bao giờ biết được bữa sau đến lúc nào đâu.”

“Tôi tin là nó rất đúng,” Stern nói. “Chỉ là tôi không đói lắm thôi.”

Gordon nhún vai và lại ăn tiếp.

Một người đàn ông mặc vét hầu bàn được hồ cứng bước vào phòng. Gordon nói, “Ồ, Harold. Cà phê đã được chưa?”

Người đàn ông nói, “Được rồi, thưa ngài. Ngài uống cappuccino chứ?”

“Đen nhé.”

“Được thôi, thưa ngài.”

“Anh thì sao, David?” Gordon nói. “Cà phê chứ?”

“Latte không béo, nếu có,” Stern nói.

“Được rồi, thưa ngài.” Harold quay đi.

Stern nhìn ra ngoài cửa sổ. Anh ta nghe tiếng Gordon ăn, nghe tiếng cái đĩa của anh cọ vào đĩa. Cuối cùng, anh ta nói, “Thử xem liệu tôi có hiểu đúng không nhé. Vào thời điểm này, họ không thể quay lại đây được, có đúng thế không?”

“Đúng rồi đấy.”

“Vì không có bài đáp.”

“Đúng rồi đấy.”

“Vì đồng hồ nát đã ngăn chỗ đó lại.”

“Đúng rồi đấy.”

“Và bao lâu nữa thì họ mới *có thể* quay lại được?”

Gordon thở dài. Anh đứng dậy, “Rồi sẽ ổn thôi, David,” anh nói. “Mọi thứ rồi sẽ kết thúc ổn thỏa.”

“Cứ nói tôi nghe đi. Bao lâu?”

“Ừm, cứ nhắm tính xem. Ba tiếng nữa để thông sạch khí trong hang. Thêm một tiếng cho chắc. Bốn tiếng. Rồi hai tiếng để dọn sạch đồng hồ nát. Sáu tiếng. Rồi anh sẽ phải xây lại màn chắn nước.”

“Xây lại màn chắn nước?” Stern nói.

“Ba vòng nước ấy. Chúng cực kỳ cần thiết đấy.”

“Tại sao?”

“Để giảm thiểu tối đa lỗi chuyển dịch.”

Stern nói, “Và chính xác ra thì lỗi chuyển dịch dữ liệu là cái gì vậy?”

“Lỗi trong quá trình tái tạo. Khi người đó được máy tái tạo.”

“Anh đã nói với tôi là chẳng có lỗi hay hỏng hóc gì hết. Rằng anh có thể tái tạo y hệt.”

“Nhìn chung thì chúng tôi có thể, đúng vậy. Miễn là chúng ta có màn chắn.”

“Thế nếu như chúng ta không được chắn thì sao?”

Gordon thở dài. “Chúng ta sẽ được chắn, David.” Anh liếc nhìn đồng hồ. “Tôi muốn anh đừng có lo lắng quá nữa. Còn vài tiếng nữa thì chúng ta có thể sửa phòng dịch chuyển được rồi. Anh đang tự làm mình nhọc lòng vô ích đấy.”

“Chỉ là tôi cứ nghĩ,” Stern nói, “là chúng ta có thể làm được gì đó. Gửi một lời nhắn, liên lạc kiểu gì đó...”

Gordon lắc đầu. “Không. Không tin nhắn, không liên lạc gì hết. Chỉ đơn giản là không thể làm thế thôi. Hiện tại, họ hoàn toàn bị tách rời khỏi chúng ta rồi. Và chúng ta chẳng làm được gì hết.”

## 30:40:39

Kate Erickson ép sát người vào tường, đá ẩm cọ vào lưng. Cô đã lẩn vào một trong những buồng giam ở hành lang đó, và giờ cô chờ đợi, nín thở, trong khi những tên cai ngục đã giam Marek và Chris đi qua cô. Những tên cai ngục có vẻ đang cười đùa khá vui vẻ. Cô nghe thấy một tên trong bọn nói, “Ngài Oliver tức đến đau cả người với cái gã người xứ Hainaut ấy, dám biến tướng của ông ta thành một thằng ngốc.”

“Và tên kia thì còn tệ hơn! Hắn cười ngựa như một đồng giẻ rách, nhưng vẫn làm gãy được hai thương của Đầu Đen!” Cả hai đều cười.

“Đúng thật, hắn biến Đầu Đen thành một thằng hề. Vì chuyện đó, lãnh chúa Oliver sẽ lấy đầu chúng trước khi đêm xuống.”

“Tao cá là ông ta sẽ chặt đầu chúng trước bữa tối ấy chứ.”

“Không, phải sau. Đám đông sẽ bu lại nhiều hơn.” Lại thêm nhiều tràng cười nữa.

Chúng đi xuống hành lang, tiếng nói chuyện nhỏ dần đi. Chẳng mấy chốc cô đã không nghe thấy tiếng chúng nữa. Giờ có một khoảng lặng ngắn – chúng đã bắt đầu đi lên cầu thang lại chưa? Không, vẫn chưa. Cô lại nghe tiếng chúng cười lần nữa. Và tiếng cười cứ tiếp tục. Nghe kỳ quái như thể chúng cố rặn ra mà cười.

Có gì đó không ổn.

Cô lắng nghe thật chăm chú. Chúng đang nói gì đó về ngài Guy và phu nhân Claire. Cô không thể nghe ra hết được. Cô nghe là “...bị phu nhân của chúng ta làm cho tức điên...” và lại cười nhiều hơn nữa.

Kate cau mày.

Giọng của chúng không còn khó nghe nữa.

Không hay rồi. Chúng đang quay trở lại.

Tại sao? Cô nghĩ. Chuyện gì đã xảy ra vậy?



Cô liếc về phía cánh cửa. Và ở đó, trên nền đá, cô thấy những dấu chân ướm nhẹp của mình đi thẳng vào trong buồng giam.

Giày cô đã dính nước từ chỗ cỏ gần dòng suối. Giày của những người kia cũng thế, và giữa hành lang là một vệt dài những dấu chân dính đầy bùn. Nhưng có hai vết chân chệch đi, thẳng về phía buồng giam chỗ cô.

Và bằng cách nào đó chúng đã phát hiện ra.

Khốn thật.

Một giọng nói cất lên: “Khi nào thì giải đấu kết thúc?”

“Khoảng ba giờ chiều.”

“Chúa chứng giám, thế là nó gần hết rồi còn gì.”

“Lãnh chúa Oliver sẽ dùng bữa tối sớm để chuẩn bị đối phó với Đại Tư tế.”

Cô lắng nghe, cố tính số giọng nói khác nhau. Có bao nhiêu lính canh đang ở đó? Cô cố nhớ lại. Ít nhất là ba. Có thể là năm. Lúc đó cô đã không chú ý lắm.

*Khốn thật.*

“Họ nói là Đại Tư tế mang theo một nghìn lính đấy...”

Một cái bóng đổ lên nền nhà, phía ngoài cánh cửa dẫn tới chỗ cô. Có nghĩa là giờ chúng đã ở cả hai phía cửa buồng giam rồi.

Cô có thể làm gì được? Tất cả những gì cô biết là không thể để mình bị bắt được. Cô là phụ nữ; cô chẳng có việc gì ở đây hết, chúng sẽ cưỡng hiếp rồi giết cô thôi.

Nhưng cô nghĩ lại, chúng không thể biết mình là phụ nữ. Chưa đâu. Một khoảng lặng ập xuống bên ngoài cánh cửa, rồi tiếng chân kéo lê. Chúng sẽ làm gì tiếp nữa? Có lẽ là cho một ai đó vào buồng giam còn những tên khác sẽ đứng ngoài. Và trong khi đó thì những tên khác sẽ chuẩn bị sẵn, rút kiếm ra, giơ cao chúng lên...

Cô không thể đợi được nữa. Khom người xuống, cô bật ra.

Cô đâm sầm vào một tên lính khi hắn ta đi qua cửa. Cô đá vào gối hắn khiến hắn gào lên đau đớn và bất ngờ rồi ngã ra sau. Có những tiếng la hét từ phía những tên lính khác, nhưng rồi cô đã ra được đến cửa, một thanh kiếm đập choang vào phần tường đá phía sau, tóe lửa, và cô chạy vội lên cầu thang.

“Đàn bà! Đàn bà!”

Chúng chạy theo cô.

Đến chỗ cầu thang xoắn ốc, cô chạy vội lên thật nhanh. Từ nơi nào đó bên dưới, cô nghe thấy tiếng áo giáp kêu loảng xoảng của bọn người đang đuổi theo mình. Nhưng rồi cô đã lên đến tầng trệt, và không chút suy nghĩ, cô ngay lập tức chạy thẳng vào đại sảnh.

Đại sảnh đang trống không, bàn đã kê để bày tiệc, nhưng thức ăn vẫn còn chưa được dọn ra. Cô chạy qua mấy cái bàn, tìm chỗ trốn. Phía sau những tấm thảm thêu? Không, chúng dính sát vào tường rồi. Dưới những cái khăn trải bàn? Không, chúng sẽ tìm ở đó và sẽ thấy cô. Ở đâu? Ở đâu? Cô nhìn thấy cái lò sưởi khổng lồ, lửa vẫn đang cháy hừng hực. Chẳng phải có một đường hầm bí mật nào đó dẫn ra khỏi phòng ăn hay sao? Có phải đường hầm đó ở Castलगard này không, hay là nó ở La Roque? Cô không nhớ nổi. Cô lẽ ra đã phải chú ý hơn.

Cô nhớ lại cảnh mình mặc quần soóc ka ki, áo phông có cổ, với một đôi giày Nike, uể oải đi giữa đồng phế tích, vừa đi vừa ghi chép vào cuốn sổ nhỏ. Những mối quan tâm cô từng có, cùng lắm cũng chỉ là làm sao để thỏa mãn được các đồng nghiệp nghiên cứu của mình.

Lẽ ra cô đã phải chú ý hơn!

Cô nghe tiếng những tên đó đang tiến lại gần. Chẳng còn thời gian nữa. Cô chạy về phía lò sưởi cao gần ba mét và luồn ra sau cái màn tròn mạ vàng khổng lồ. Lửa rừng rực cháy, khí nóng phả vào người cô. Cô nghe thấy tiếng những người đàn ông đó đi vào phòng, quát tháo, vừa chạy vừa tìm kiếm. Cô khom người xuống đằng sau tấm màn, nín thở chờ đợi.

\*

\*

Cô nghe thấy đầy những tiếng đá dầm, tiếng bát đĩa trên bàn kêu loảng xoảng trong khi chúng lúng lúng. Cô không thể nghe rõ giọng của chúng; những tiếng nói lẫn vào tiếng lửa bùng bùng phía sau lưng. Có tiếng kim loại rơi xuống; có vẻ là một cái giá nển, thứ gì đó khá lớn.

Cô chờ đợi.

Một tên bật ra một câu hỏi, và cô chẳng nghe thấy tiếng đáp lại nào hết. Một tên hét lên một câu hỏi khác, và lần này cô nghe thấy một giọng nói nhẹ nhàng đáp lại. Chẳng có vẻ gì là đàn ông hết. Chúng đang nói chuyện với ai vậy? Có vẻ như đó là một phụ nữ. Kate lắng nghe. Phải, đó là giọng một người phụ nữ. Cô chắc chắn là thế.

Thêm một vài lời trao đổi nữa rồi cô nghe thấy tiếng áo giáp loảng xoảng khi mấy gã đàn ông chạy khỏi phòng. Nhìn ra từ mép tấm màn mạ vàng, cô thấy bọn chúng biến mất sau lối ra.

Cô đợi thêm một lúc nữa, rồi bước ra từ sau tấm màn.

Cô thấy một cô bé khoảng mười hoặc mười một tuổi. Cô bé đội một chiếc khăn trắng trùm kín lấy đầu, chỉ có mỗi khuôn mặt là lộ ra. Cô bé mặc một dạng váy chùng, màu hồng, dài gần chạm tới nền nhà. Cô bé đang ôm một chiếc bình vàng, đổ nước vào những chiếc cốc trên mặt bàn.

Mắt cô bé chạm mắt cô và cô bé cứ tròn mắt nhìn.

Kate sợ cô bé sẽ kêu lên nhưng cô bé không hề làm thế. Cô bé đó chỉ nhìn Kate một thoáng rồi nói, “Họ lên cầu thang rồi.”

Kate quay người bỏ chạy.

\*

\*

Trong hầm ngục, Marek nghe thấy tiếng kèn trumpet rền rĩ, cùng với tiếng hò la từ xa của đám đông ở đấu trường, vọng vào qua một trong những ô cửa sổ cao ngất phía trên tường. Tên lính canh ngược lên với vẻ không vui, chửi Marek và Giáo sư, rồi quay lại ngồi lên ghế.

Giáo sư nói nhỏ, “Em có còn giữ chip định vị không?”

“Còn ạ,” Marek nói. “Em còn giữ. Thầy còn cái của thầy không?”

“Không. Thầy để mất rồi. Khoảng ba phút sau khi thầy tới đây.”

Giáo sư đã đáp xuống ở vùng đồng bằng rừng cây bao phủ gần tu viện và dòng sông. ITC đã bảo đảm với ông rằng nơi đây là một vùng hoang vắng, nhưng lại có địa thế cực kỳ lý tưởng. Không cần phải đi quá xa khỏi cỗ máy, ông vẫn có thể thấy được mọi địa điểm chính của khu khảo cổ của mình.

Chuyện xảy ra hoàn toàn là do vận rủi: Giáo sư đã hạ cánh xuống ngay khi có một toán tiều phu đang hướng vào rừng cho một ngày làm việc mới, rìu vác trên vai.

“Họ nhìn thấy tia sáng, rồi thấy thầy, và tất cả đều quỳ sụp xuống, cầu khẩn. Họ nghĩ mình đã nhìn thấy một điều kỳ diệu. Rồi họ cho là không phải thế, và những cái rìu rời khỏi vai,” Giáo sư nói. “Thầy đã nghĩ rằng họ định giết mình, nhưng may là thầy biết tiếng Occitan. Thầy đã thuyết phục họ dẫn mình tới tu viện, để các thầy tu ở đó xử trí.”

Những thầy tu đã tách ông khỏi những người tiều phu, họ bắt ông cởi đồ để tìm dấu thánh. “Họ tìm nó ở những nơi rất không bình thường,” Giáo sư nói. “Đó là khi thầy đòi được gặp tu viện trưởng. Tu viện trưởng muốn biết vị trí của đường hầm tại La Roque. Thầy ngờ là ông ta đã hứa nói cho Arnaut. Gì thì gì, thầy đã gợi ý là nó có thể ở trong chỗ tài liệu cổ.” Giáo sư cười toét miệng. “Thầy đã rất sẵn lòng được xem xét chỗ tài liệu đó cho ông ta.”

“Thế ạ?”

“Và thầy nghĩ là mình đã tìm được nó rồi.”

“Đường hầm ấy ạ?”

“Thầy nghĩ vậy. Nó chạy theo một dòng sông ngầm, nên có vẻ nó sẽ có quy mô lớn đấy. Nó bắt đầu ở một nơi gọi là nhà nguyễn xanh. Và có chìa khóa để tìm ra lối vào.”

“Một cái chìa khóa?”

Tên lính canh cần nhìn gì đó, nên Marek ngừng nói trong giây lát. Chris đứng dậy, chúi chúi chỗ ướt trên quần. Anh nói, “Chúng ta phải thoát khỏi đây thôi. Kate ở đâu rồi?”

Marek lắc đầu. Kate vẫn đang tự do, trừ phi những tiếng quát tháo của bọn lính anh ta nghe thấy ở dưới hành lang có nghĩa là cô đã bị bắt. Nhưng anh không nghĩ là bọn chúng đã tóm được cô. Thế nên nếu họ bắt liên lạc được với nhau, cô sẽ có thể giúp tất cả thoát ra khỏi đây.

Thế có nghĩa là phải làm thế nào đó để vượt qua được tên lính canh. Vấn đề là từ chỗ góc queo ở hành lang tới nơi tên lính canh đang ngồi ít nhất cũng phải gần hai mươi mét. Chẳng có cách nào để làm hấn bất ngờ hết. Nhưng nếu Kate ở trong phạm vi phủ sóng của tai nghe, thì anh ta sẽ có thể...

Chris đang đập âm âm lên song sắt nhà tù và gào lên, “Này! Lính! Này, anh kia!”

Marek còn chưa kịp nói gì, tên lính canh đã bước lại gần, soi mói nhìn Chris trong khi anh đang giơ một tay qua chấn song và vẫy vẫy hấn lại. “Này! Lại đây! Này! Ra đây nào!”

Tên lính đi lại chỗ anh Chris, đập vào bàn tay đang luồn qua song sắt của anh, và rồi đột ngột ho sặc sụa khi anh phun ống khí vào mặt hấn. Tên lính lão đảo đồ gục. Chris lại thò tay qua song sắt lần nữa, tóm lấy cổ áo tên lính, và xịt lần nữa vào thẳng mặt hấn.

Mắt tên lính canh đảo ngược, và hấn ngã huỵch xuống đất y như một tảng đá. Vẫn đang giữ lấy hấn, tay Chris bị đập vào thanh ngang; anh rên lên

đau đớn, rồi thả tên lính ra, hấn ngã vật ra sau và đổ ụp xuống nền nhà.

Quá xa tầm với rồi.

“Ngon rồi,” Marek nói. “Tiếp theo là làm gì nào?”

“Anh biết mà, anh có thể giúp tôi,” Chris nói. “Anh rất là tiêu cực,” Anh bèn quỳ sụp xuống, với tay qua song sắt tới tận nách, bàn tay chới với trong không khí. Những ngón tay cố với của anh gần như có thể chạm được vào gan bàn chân của tên lính. Gần như thôi. Chris cố choãi tay ra, càu nhàu. “Nếu chúng ta có cái gì đó – một cái que, hay một cái móc – cái gì đó để kéo hấn...”

“Chẳng được gì đâu,” Giáo sư nói vọng ra từ phòng giam bên cạnh.

“Sao lại không?”

Ông đi ra chỗ sáng và nhìn qua chấn song. “Vì hấn ta không có chìa khóa.”

“Không có chìa khóa á? Nó ở đâu?”

“Treo trên tường ấy,” Johnston nói, chỉ xuống chỗ hành lang.

“Ôi khốn thật,” Chris nói.

Trên sàn nhà, tay của tên lính bắt đầu động đậy. Một chân giật giật. Hấn đang tỉnh lại.

Hoảng sợ tột độ, Chris nói, “Chúng ta phải làm gì bây giờ?”

\*

\*

Marek nói, “Kate, cô có đấy không?”

“Tôi đây này.”

“Ở đâu?”

“Ngay cuối hành lang ấy. Tôi quay lại vì tôi nghĩ chúng không thể nào biết được tôi lại ở đây.”

“Kate,” Marek nói. “Lại đây nhanh lên.”

Marek nghe thấy tiếng chân cô đang chạy lại.

Tên lính húng hăng ho, lăn ngửa lại, rồi chống khuỷu tay đẩy người lên. Hắn nhìn xuống cuối hành lang và bắt đầu đứng dậy.

Hắn đang lồm cồm bò dậy thì Kate đá hắn, vặn đầu hắn lại phía sau, và hắn ta lại ngã ra sàn. Nhưng hắn không hề bất tỉnh, chỉ bị choáng một chút thôi. Hắn đứng dậy, lắc lắc đầu để định thần lại.

“Kate,” Marek nói, “chìa khóa...”

“Ở đâu?”

“Trên tường.”

Cô lùi khỏi tên lính, lấy chùm chìa khóa khỏi cái vòng khóa nặng trĩu, và đưa lại chỗ buồng giam của Marek. Cô tra một chiếc chìa vào ổ, nhưng nó không hề xoay.

Gầm lên, tên lính đổ nhào vào cô, đẩy cô ra khỏi chỗ phòng giam, ngã ra giữa phòng. Họ vật lộn với nhau, lăn lộn trên nền nhà. Cô nhỏ hơn hắn ta rất nhiều. Hắn dễ dàng đè cô xuống sàn.

Marek cố với qua chấn song bằng cả hai tay, rút chìa ra khỏi ổ, tra chiếc khác vào. Cũng không vừa.

Giờ tên lính đang lấy chân đè chặt lấy Kate, hai tay bóp cổ cô.

Marek thử chiếc chìa khác. Không được gì. Trong chùm còn sáu chiếc nữa.

Mặt Kate đã xám ngoét. Cô phát ra những tiếng thở nặng nhọc, hỗn hển. Cô dấm liên hồi vào cánh tay của tên lính, nhưng những cú đánh của cô chẳng có tác dụng gì. Cô dấm vào háng hắn, nhưng áo giáp ngoài đã bảo vệ hắn.

Marek hét lên, “Dao! Dao!” nhưng cô dường như không hiểu. Marek thử chiếc chìa khác. Cũng vẫn chưa được. Ở bên buồng giam đối diện, Johnston hét gì đó bằng tiếng Pháp vào mặt tên lính.

Tên lính ngược nhìn lên và gất lại, trong giây phút đó Kate liền rút dao găm ra và dùng hết sức bình sinh đâm vào vai hắn. Lưỡi dao không thể xuyên qua tấm giáp lưới. Cô cố lần nữa, lần nữa. Tức điên lên, tên lính đập đầu cô xuống nền nhà để bắt cô thả con dao ra.

Marek thử chiếc chìa khác.

Nó xoay cạch một tiếng.

Giáo sư đang hét gọi, Chris đang hét gọi, và Marek đẩy tung cánh cửa ra. Tên lính xoay người đối mặt với anh ta, đứng thẳng dậy, thả Kate ra. Vừa ho cô vừa phi lưỡi dao về phần chân không có giáp trụ của hắn, và hắn gào lên đau đớn. Marek đánh hắn hai phát vào đầu. Tên lính ngã xuống sàn, nằm bất động.

Chris mở cửa buồng giam Giáo sư. Kate đứng dậy, mặt mũi dần hồng hào trở lại.

Marek đã lấy mảnh sứ màu trắng ra và đặt đầu ngón tay lên cái nút bấm. “Được rồi, cuối cùng chúng ta cũng tụ tập đủ.” Anh ta nhìn quanh chỗ trống hai bên phòng giam. “Thế này có đủ rộng không? Liệu chúng ta có gọi được cỗ máy đó về đây không?”

“Không,” Chris nói. “Phải có tới hai mét ở mỗi phía cơ, nhớ chứ?”

“Chúng ta cần một chỗ rộng hơn.” Giáo sư quay sang Kate. “Em biết đường ra chứ?”

Cô gật đầu. Họ bắt đầu đi xuống cuối hành lang.



## 30:21:02

Cô nhanh chóng dẫn họ đi lên những bậc cầu thang xoắn ốc, có một cảm giác tự tin đầy mới mẻ. Trận đánh nhau với tên lính bằng cách nào đó đã giải phóng cô; điều tệ nhất đã xảy ra, nhưng cô đã sống sót. Giờ, dù đầu còn đau, cô vẫn cảm thấy bình tĩnh và thông suốt hơn cả trước kia nữa. Và những buổi nghiên cứu đã quay lại với cô; cô đã có thể nhớ được vị trí của những lối đi ấy.

Họ lên tới tầng trệt và nhìn ra ngoài sân. Còn đông hơn cả cô dự đoán. Có rất nhiều lính, cũng như hiệp sĩ mặc giáp trụ và triều thần mặc trang phục đẹp đẽ, tất cả đều vừa quay lại từ đấu trường. Cô đoán có lẽ giờ là khoảng ba giờ chiều; sân lớn tắm trong nắng chiều, nhưng bóng bắt đầu đổ dài thêm.

“Chúng ta không thể ra đó được,” Marek vừa lắc đầu vừa nói.

“Đừng lo.” Cô dẫn họ đi lên cầu thang tới tầng hai, rồi nhanh chóng xuống một hành lang bằng đá với những cánh cửa mở vào trong, cửa sổ hướng ra ngoài. Cô biết rằng phía sau những cánh cửa đó là một dãy những phòng nhỏ cho gia đình hoặc khách.

Sau lưng cô, Chris nói, “Tôi đã đến đây rồi.” Anh chỉ về phía một trong những cánh cửa ở đó. “Claire ở trong căn phòng đằng kia.”

Marek khịt khịt mũi. Kate tiếp tục đi. Ở phía cuối hành lang, có một tấm thảm thêu che hết bức tường bên trái. Cô nhắc tấm thảm lên – nó nặng đến bất ngờ – và bắt đầu đi dọc bức tường, ấn ấn những phiến đá. “Tôi khá chắc là nó chỉ ở đây thôi,” cô nói.

“Khá chắc?” Chris nói.

“Lối đi sẽ dẫn chúng ta ra sân sau.”

Cô tới chỗ cuối tường. Cô chẳng tìm ra cái cửa nào. Và nhìn lại dọc khắp bức tường, cô phải thừa nhận rằng dường như chẳng có lối đi nào ở trên tường hết. Những viên đá rất mịn và được trát vữa phẳng căng. Bức tường phẳng, chẳng có chỗ lồi hay lõm gì. Chẳng có dấu hiệu gì là có thêm

thất hay làm mới gì ở đây hết. Khi cô áp má lên tường và liếc nhìn toàn thể, nó dường như chỉ là một khối hoàn chỉnh.

Có phải cô đã nhầm không?

Có phải đây không phải là nơi đó không?

Cô không thể nhầm được. Cánh cửa phải ở đâu đó quanh đây. Cô quay lại, ấn lần nữa. Chẳng có gì hết. Việc cô cuối cùng cũng phát hiện ra nó chỉ hoàn toàn là ngẫu nhiên. Họ nghe thấy có tiếng nói từ phía kia hành lang – những tiếng nói đang vọng lên cầu thang. Khi cô quay ra nhìn, chân cô quệt vào viên đá ở dưới chân bức tường.

Cô thấy viên đá dịch chuyển.

Với một tiếng cách nhẹ, cánh cửa hiện ngay ra trước mặt cô. Nó chỉ rộng có vài xăng ti mét. Nhưng cô vẫn có thể nhìn ra rằng những người thợ nề đã che giấu chỗ hở một cách hết sức lành nghề.

Cô mở cửa ra. Tất cả bọn họ đều đi qua. Marek đi cuối, hạ tấm thảm xuống khi đã đóng cánh cửa lại.

\*

\*

Họ đang ở trong một đường hầm hẹp, tối tăm. Những lỗ nhỏ cách vài mét trên tường giúp những tia sáng nhạt nhòa lọt vào, nên không cần đến đuốc.

Lần đầu tiên lập bản đồ cho chỗ này, giữa đống đổ nát của Castelgard, cô đã băn khoăn là tại sao nó lại tồn tại. Nó dường như chẳng có ý nghĩa gì hết. Nhưng giờ khi đã ở đây, cô ngay lập tức hiểu được lý do tồn tại của nó.

Đây không phải một đường hầm để đi từ nơi này đến nơi kia. Đây là một hành lang bí mật để do thám những căn phòng ở trên lầu hai.

Họ nhẹ nhàng tiến về phía trước. Từ căn phòng gần đó, Kate nghe thấy có tiếng nói: một người phụ nữ và một người đàn ông. Khi họ đi tới gần mấy

cái lỗ, tất cả đều dừng lại, nghĩa mắt nhìn qua.

Cô nghe thấy Chris thở dài đánh thượt.

\*

\*

Lúc đầu, Chris chỉ thấy bóng một người đàn ông và một người đàn bà bên ô cửa sổ sáng rực. Mất một lát mắt anh mới quen được với khung cảnh đó. Rồi anh nhận ra đó là phu nhân Claire và hiệp sĩ Guy. Họ đang nắm tay nhau, đụng chạm rất thân mật. Guy nòng nân hôn cô, và cô đáp trả với sự cuồng nhiệt tương xứng, hai tay vòng quanh cổ hăn ta.

Chris cứ đứng đực ra nhìn.

Giờ đôi tình nhân tách nhau ra, và Guy nói trong khi mắt cô nhìn đăm đúi vào mắt hăn ta. “Phu nhân của ta,” hăn nói, “cách ứng xử nơi công cộng và sự khiếm nhã chua cay của nàg đã làm rất nhiều kẻ cười sau lưng ta đấy, và nói về chuyện ta thiếu nam tính, cứ phải chịu nhin những thứ sỉ nhục ấy.”

“Phải thế thôi,” cô nói. “Vì cả hai chúng ta. Điều này chàng biết quá rõ mà.”

“Nhưng ta vẫn muốn nàg đừng có làm ra vẻ cứng rắn quá đà như thế.”

“Ồ thế ư? Nếu không như thế thì nên thế nào? Chàng có muốn đánh đôi vận hội cả hai chúng ta đều mong đợi không? Có cả chuyện khác nữa, hiệp sĩ của em ạ, như chàng cũng đã biết quá rõ rồi. Chừng nào em còn phản đối đám cưới của chúng ta, em vẫn còn chia sẻ mỗi nghi ngờ mà nhiều người đang ập ủ: là chàng đã nhúng tay vào cái chết của chồng em. Nhưng nếu lãnh chúa Oliver ép duyên em, dù em có cố thế nào đi nữa, thì sẽ chẳng ai có thể phàn nàn gì về sự liên can của em nữa. Đúng chứ?”

“Đúng,” hăn nói, gật đầu chẳng chút vui vẻ.

“Nhưng, mọi chuyện sẽ rất khác nếu giờ em tỏ ra ngưỡng mộ chàng,” cô nói. “Những miệng lưỡi nhiều đường lắt léo giờ sẽ xì xào rằng em có dính líu đến cái chết bất ngờ của chồng mình và cái tin đó chẳng mấy chốc sẽ đến tai gia đình chồng em ở Anh. Họ lại đã sẵn cái ý muốn lấy lại đất đai của chồng em rồi. Họ chỉ thiếu cơ nữa thôi. Thế nên chú Daniel luôn quan sát cẩn thận tất cả những gì em làm. Hiệp sĩ của em, phẩm giá người phụ nữ của em dễ bị hoen ố lắm, và chẳng lấy lại được đâu. Nơi ẩn náu duy nhất của chúng ta là sự thù hận không thay thế nổi của em dành cho chàng, thế nên em mong chàng cố chịu những lời hăm học có thể làm chàng bực tức, và thay vào đó nên nghĩ về phần thưởng sắp tới của mình ấy.”

Miệng Chris cứ thế mà há hốc ra. Cô đang có những cử chỉ thân mật – ánh nhìn ấm áp, giọng nói thăm thì, cái vuốt ve nhẹ nhàng nơi cổ – đúng y như lúc ở với anh. Chris đã nghĩ rằng anh đã quyến rũ cô. Giờ rõ ràng là cô đã quyến rũ anh.

Guy vẫn cứ dối, mặc cho cô vuốt ve. “Thế còn chuyến viếng thăm của nàng tới tu viện thì sao? Ta không muốn nàng tới đó nữa.”

“Thế sao? Chàng ghen với tu viện trưởng à, hiệp sĩ của em?” Cô giễu cợt hần.

“Ta chỉ nói là, ta không muốn nàng tới đó nữa,” hần nói.

“Nhưng em vẫn cần phải đến đó, vì bất cứ ai biết được bí mật của La Roque đều có thể đặt điều kiện với lãnh chúa Oliver. Ông ta sẽ phải làm mọi thứ để có được bí mật đó.”

“Có Chúa chứng giám, phu nhân ơi, nàng đã biết được cái bí mật đó đâu,” Guy nói. “Tu viện trưởng có biết không?”

“Em không gặp được tu viện trưởng,” cô nói. “Khi đó ông ấy ra ngoài rồi.”

“Và ông Học giả thì nói là ông ta không biết.”

“Đấy là ông ta nói thế. Nhưng em sẽ hỏi tu viện trưởng lần nữa, có lẽ là ngày mai.”

Có tiếng gõ cửa, và một giọng đàn ông ghèn nghệt. Cả hai người họ đều quay ra nhìn. “Chắc là ngài Daniel,” hăn nói.

“Nhanh lên, hiệp sĩ của em, tới nơi bí mật của chàng đi.”

Guy tiến vội về phía bức tường nơi họ đang trốn, kéo tấm thảm qua một bên, và rồi, trong khi họ đang kinh hoàng nhìn ra, hăn mở một cánh cửa – và bước vào hành lang cùng họ. Guy trợn mắt nhìn trong chốc lát, rồi bắt đầu gào lên, “Bọn tù nhân! Tất cả đều đã trốn rồi! Bọn tù!”

Tiếng thét của hăn được phu nhân Claire phụ họa, cô gọi với vào phòng.

Trong đường hầm, Giáo sư nói với họ. “Nếu chúng ta bị tách ra, các con hãy đi tới tu viện. Tìm đạo hữu Marcel. Anh ta có chìa khóa vào đường hầm. Được chứ?”

Chưa ai kịp trả lời, bọn lính đã chạy vào trong đường hầm. Chris thấy tay ai đó bầu chặt lấy vai mình, kéo giật mình ra sau.

Họ đã bị bắt.

## 30:10:55

Một tiếng đàn luyến đơn độc vút lên trong phòng lớn khi những người hầu đã dọn xong bàn. Lãnh chúa Oliver và hiệp sĩ Robert nắm tay các cô gái của mình, khiêu vũ trong khi vũ sư vỗ nhịp, và mỉm cười thoải mái. Sau vài bước nhảy, Oliver quay ra đối mặt với bạn nhảy, thấy lưng cô xoay vào mình, hắn liền chửi đổng lên.

“Một trò vặt ấy mà, thưa ngài,” vũ sư nói vội, nụ cười của ông ta vẫn không suy suyển. “Như ngài nhớ, nó là tiến-lùi, tiến-lùi, xoay, lùi, và xoay, lùi. Chúng ta lỡ mất một nhịp.”

“Ta chẳng lỡ nhịp nào hết,” Oliver nói.

“Thật sự thì, thưa ngài, ngài chẳng lỡ mất nhịp hào hết,” hiệp sĩ Robert nói ngay, “là do một đoạn nhạc làm rối nhịp ấy mà.” Hắn ta liếc xéo về phía cậu bé đang chơi đàn luyến.

“Được rồi.” Oliver trở lại vị trí, giơ tay ra về phía cô gái. “Giờ là gì đây?” hắn ta nói. “Tiến-lùi, tiến-lùi, xoay, lùi...”

“Rất tuyệt,” vũ sư nói, vừa cười vừa vỗ nhịp. “Đúng rồi, giờ ngài đã thạo rồi đấy ạ...”

Từ ngoài cửa, một giọng nói cất lên: “Thưa ngài.”

Tiếng nhạc ngừng lại. Lãnh chúa Oliver tức tối quay lại, thấy Guy đi cùng đám lính, bao lấy Giáo sư và vài người khác. “Giờ là gì nữa đây?”

“Thưa ngài, có vẻ như ngài Học giả đây có bạn.”

“Thế sao? Bạn gì đấy?”

Lãnh chúa Oliver tiến về trước. Hắn ta thấy tên người Hainaut, tên người Ai Len ngu ngốc không biết cười ngửa, và một người phụ nữ trẻ, gầy gò và trông rất bướng bỉnh. “Bạn kiểu gì?”

“Thưa ngài, họ nói rằng mình là trợ lý của Học giả.”

“Trợ lý?” Oliver nhướn mày, nhìn vào nhóm đó. “Ngài Học giả của tôi, khi ngài nói ngài có trợ lý, ta đã không nhận ra rằng họ ở ngay trong tòa lâu đài này với ngài rồi.”

“Bản thân tôi khi ấy cũng không biết,” Giáo sư nói.

Lãnh chúa Oliver khịt mũi. “Các người không thể là trợ lý được.” Hắn ta nhìn từng người một. “Người trông phải già hơn tới mười tuổi ấy. Và người chẳng tỏ vẻ gì là biết ngài Học giả hết, lúc mới đầu ấy... Các người không hề nói thật. Không ai trong các người nói thật hết.” Hắn ta lắc đầu, quay sang phía Guy. “Ta không tin bọn chúng, và ta sẽ có sự thật bằng được. Nhưng không phải bây giờ. Tổng chúng vào ngục đã.”

“Thưa ngài, trước khi thoát ra là chúng đã ở trong ngục rồi đấy ạ.”

“Chúng thoát ra được? Bằng cách nào?” Ngay lập tức, hắn ta giơ tay lên để ngăn câu trả lời. “Nơi bảo mật nhất của chúng ta là ở đâu vậy nhỉ?”

Robert de Kere lách lên trước và thì thầm.

“Phòng trên tháp của ta sao? Nơi ta giữ nàng Alice á?” Oliver cười phá lên. “Đúng là nó nghiêm mật thật đấy. Đúng đấy, nhốt chúng lại đó đi.”

Guy nói, “Tôi sẽ lo việc đó, thưa ngài.”

“Những tên ‘trợ lý’ này sẽ là thứ bảo đảm cho hành động của thầy mình đấy.” Hắn cười nhạt. “Thưa ngài Học giả, tôi tin là ngài sẽ học được cách nhảy với tôi.”

Ba người thanh niên bị lôi xềnh xệch đi. Lãnh chúa Oliver vẫy tay, và cậu chơi đàn luyt cùng vũ sư lạng lẽ cúi chào rồi bước đi. Những người phụ nữ cũng thế. Robert cố nán lại, nhưng sau một cái liếc sắc lẹm của Oliver, hắn ta cũng rời phòng luôn.

Giờ chỉ còn lại mấy người hầu đang dọn bàn. Còn thì căn phòng đã trở nên rất yên ắng.

“Vậy ngài Học giả, trò gì đây?”

“Có Chúa chứng giám, họ đúng là trợ lý của tôi, như tôi đã nói với ngài ngay từ đầu,” Giáo sư nói.

“Trợ lý? Có một người là hiệp sĩ đấy.”

“Anh ta có một món nợ, nên phải giúp tôi.”

“Ô! Nợ gì thế?”

“Tôi đã cứu mạng cha anh ta.”

“Thế á?” Oliver đi quanh Giáo sư. “Cứu thế nào?”

“Bằng thuốc.”

“Ông ta bị bệnh gì?”

Giáo sư chạm tay vào tai và nói, “Thưa ngài Oliver, nếu ngài muốn tự kiểm chứng, hãy cho gọi ngay hiệp sĩ Marek vào đây, và anh ta sẽ nói ngài nghe những điều tôi vừa nói với ngài, rằng tôi đã cứu mạng cha anh ta, người bị bệnh phù nề, bằng cây kim sa khô, và rằng chuyện này xảy ra ở Hampstead, một thái ấp gần London, vào mùa thu năm trước. Gọi anh ta lại và hỏi anh ta đi.”

Oliver ngừng lại.

Hắn ta nhìn chăm chăm vào Giáo sư.

Giây phút yên lặng bị phá vỡ khi một người đàn ông mặc một bộ áo dín đầy bột trắng, nói từ cánh cửa phía xa, “Thưa ngài.”

Oliver xoay người ra. “Giờ là gì nữa đây?”

“Thưa ngài, món khai vị ạ.”

“Món khai vị? Được rồi – nhưng nhanh lên.”

“Thưa ngài,” người đàn ông nói, cúi đầu và búng búng mấy ngón tay. Hai cậu bé đỡ một chiếc khay trên vai chạy vội ra.

“Thưa ngài, món khai vị đầu tiên – lòng ạ.”

Cái khay đựng một bộ lòng xám ngoét cùng với tinh hoàn và dương vật của một con vật. Oliver đi vòng quanh chiếc khay, gí mắt vào nhìn.



“Phần lòng của con lợn, được đưa về từ cuộc đi săn,” hắn ta nói, gật gật đầu. “Khá thuyết phục đấy.” Hắn ta quay về phía Giáo sư. “Ngài có hài lòng với những gì nhà bếp của ta làm không?”

“Có thưa ngài. Món khai vị vừa truyền thống lại vừa được chế biến rất khéo. Tinh hoàn rất tuyệt.”

“Cảm ơn ngài,” người đầu bếp nói, cúi đầu cảm tạ. “Chúng là mật và đường đun chảy ạ. Và bộ lòng là râu hoa quả trộn với trứng, bia, và mật ong ạ.”

“Tốt, tốt,” Oliver nói. “Người sẽ dọn món này ra trước món chính chứ?”

“Chắc chắn ạ, thưa ngài Oliver.”

“Thế còn món khai vị khác thì sao?”

“Bánh đường trộn bột hạnh đào ạ, thưa ngài, được nhuộm bô công anh và nghệ.” Người đầu bếp cúi đầu và ra hiệu, thêm nhiều cậu bé chạy mang một cái khay nữa đến. Nó là một hình mẫu khổng lồ của pháo đài Castलगard, những bức tường gấn lỗ châu mai của nó cao tới một mét rưỡi, tất cả được sơn màu vàng nhạt, đúng với màu đá thật. Chiếc bánh giống thật tới từng chi tiết nhỏ, và có cả những lá cờ nhỏ xíu ở trên những bức tường thành bằng đường.

“Tuyệt diệu! Giỏi lắm!” Oliver thốt lên. Hắn ta vỗ hai tay với vẻ đầy thỏa mãn, trong chốc lát sung sướng như một đứa trẻ. “Ta cực kỳ hài lòng.”

Hắn ta quay về phía Giáo sư và ra hiệu về phía hình mẫu. “Ngài cũng biết tên khốn Arnaut chắc chắn sẽ tấn công pháo đài này, vậy ta phải chống lại hắn chứ?”

Johnston gật đầu. “Tôi có biết!”

“Ngài sẽ khuyên ta phải sắp xếp lực lượng trong Castलगard thế nào đây?”

“Thưa ngài,” Johnston nói, “tôi sẽ không phòng thủ Castलगard đâu.”

“Ô! Sao ngài lại nói thế?” Oliver đi lại chiếc bàn gần nhất, lấy một chiếc ly, và rót rượu vào.

“Ngài đã cần bao nhiêu lính để chiếm nó từ người Gascon?” Johnston nói.

“Năm mươi hay sáu mươi gì đó, không hơn.”

“Thế là ngài có câu trả lời rồi đấy.”

“Nhưng chúng ta đã không tấn công trực diện. Chúng ta đã dùng do thám. Thủ đoạn một chút.”

“Thế Đại Tư tế thì không sao?”

“Lão có thể thử, nhưng chúng ta sẽ đợi. Chúng ta sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc tấn công của hắn.”

“Có lẽ thế,” Johnston nói, quay người lại. “Và cũng có lẽ là không.”

“Ngài *quả* là một tay thuật sĩ...”

“Không, thưa ngài: tôi không nhìn trước được tương lai. Tôi chẳng hề có khả năng như thế. Tôi chỉ đơn giản là cho ngài một lời khuyên với tư cách là người bình thường thôi. Và tôi muốn nói là, Đại Tư tế cũng không kém phần thủ đoạn so với ngài đâu.”

Oliver cau mày, giận dữ im lặng uống rượu một lúc. Rồi dường như chú ý đến người đầu bếp, những cậu bé đang khiêng chiếc khay, tất cả họ đang đứng yên, hắn bèn vẫy tay đuổi họ đi. Khi họ chuẩn bị đi, hắn nói, “Cẩn thận mấy món đó đấy! Ta không muốn có chuyện gì xảy ra với nó trước khi khách thấy nó đâu.” Vài phút sau, chỉ còn hai người họ. Hắn quay về phía Johnston, ngoắc tay về phía những tấm rèm. “Và ta cũng chẳng muốn có chuyện gì với tòa lâu đài này đâu.”

“Thưa ngài,” Johnston nói, “ngài chẳng việc gì phải phòng thủ lâu đài này trong khi ngài có một lâu đài khác tuyệt hơn nhiều.”

“Hử? Ngài nói tới La Roque sao? Nhưng La Roque có điểm yếu. Có một đường hầm ta không tìm ra được.”

“Thế sao ngài biết là nó tồn tại?”

“Nó chắc chắn phải có,” Oliver nói, “vì lão già Laon là kiến trúc sư cho La Roque. Ngài cũng biết Laon? Không à? Lão là tu viện trưởng tiền nhiệm. Lão thầy tu đó rất gian xảo, và bất cứ khi nào lão được gọi đến để giúp xây lại một thị trấn, một lâu đài, hay một nhà thờ, lão đều để lại một vài lối đi bí mật chỉ lão mới biết. Tất cả các lâu đài đều có lối đi bí mật, hay một điểm yếu không ai biết tới nào đó, thứ Laon có thể dùng để bán cho những kẻ tấn công, nếu cần. Lão tinh nhạy với những lợi ích cho Giáo hội lắm – nhưng còn tinh nhạy với những lợi ích của bản thân lão hơn.”

“Thế nhưng,” Johnston nói, “nếu không ai biết lối đi đó ở đâu, nó cũng chẳng khác gì không tồn tại hết. Có những mối lo khác đấy, thưa ngài. Quân số đầy đủ của ngài hiện nay cụ thể ra sao?”

“Hai trăm hai mươi lính chiến, hai trăm năm mươi cung thủ, cùng hai trăm thương thủ.”

“Arnaut có gấp đôi chỗ ấy,” Johnston nói. “Có lẽ còn nhiều hơn.”

“Ngài nghĩ thế sao?”

“Thực sự là hẳn không hơn gì một tên trộm vặt, nhưng giờ hẳn đã trở thành một tên trộm nổi tiếng, hành quân ở Avignon, bắt Giáo hoàng dùng bữa với người của hẳn rồi phải trả mười nghìn livre để thị trấn không bị đụng đến.”

“Thật thế à?” Lãnh chúa Oliver nói, đầy vẻ lúng túng. “Ta chưa từng nghe về chuyện đó. Dĩ nhiên là có những lời xì xào rằng Arnaut có ý định hành quân ở Avignon, có lẽ là ngay vào tháng tới. Và tất cả cũng đã nghĩ là hẳn ta sẽ đe dọa Giáo hoàng. Nhưng hẳn vẫn chưa làm thế.” Hẳn ta chau mày. “Hẳn đã làm thế chưa nhỉ?”

“Ngài nói đúng rồi, thưa ngài,” Giáo sư nói nhanh. “Tôi muốn nói là sự táo bạo trong những kế hoạch của hẳn cứ càng ngày càng lôi kéo thêm nhiều lính mới đến với hẳn. Cho tới giờ thì hẳn đã có được một nghìn lính dưới quyền. Có lẽ là hai nghìn.”

Oliver khịt mũi “Ta không sợ.”

“Tôi chắc chắn là ngài không sợ” Johnston nói, “nhưng lâu đài này hào nông lắm; chỉ một cây cầu kéo; một cổng vòm duy nhất; chẳng có bẫy và chỉ có một cổng sắt. Tường phòng ngự phía Đông khá thấp. Ngài chỉ có đủ lương thực và nước dự trữ cho vài ngày. Trạm lính canh của ngài bị gò bó trong những sân nhỏ, và người của ngài chẳng dễ gì để điều động.”

“Ta nói ngài hay, kho báu của ta đều ở đây, và ta sẽ ở đây với chúng.”

“Và lời khuyên của tôi là,” Johnston nói, “thu vén tất cả những gì ngài có thể mang đi được và rời khỏi đây ngay. Hai mặt bên của La Roque đều là vách đá dựng đứng. Mặt thứ ba có một cái hào sâu, hai cổng vào; hai cổng khung sắt, hai cầu kéo. Dù bọn tấn công có vào được cổng ngoài đi chăng nữa...”

*“Ta biết lợi thế của La Roque!”*

Johnston ngừng lại.

*“Và ta không muốn nghe những lời chỉ dẫn vớ vẩn của ông!”*

“Như ngài muốn, lãnh chúa Oliver.” Rồi Johnston nói, “À.”

“À? À gì?”

“Thưa ngài,” Johnston nói. “Tôi không thể cố vấn nếu ngài cứ đặt ra những tình huống giả định.”

“Tình huống giả định? Ta chẳng đặt ra tình huống giả định nào hết, ngài Học giả. Ta nói rất thẳng, chẳng giấu giếm gì hết.”

“Ngài cho bao nhiêu lính đóng ở La Roque?”

Oliver nhăn mặt vẻ không thoải mái. “Ba trăm.”

“Thế thì kho báu của ngài hẳn đã ở La Roque cả rồi.”

Lãnh chúa Oliver nheo mắt nhìn về phía Johnston. Hắn chẳng nói gì hết. Hắn quay người lại, đi vòng quanh Johnston, lại liếc lần nữa. Cuối cùng: “Ngài đang ép ta tới đó bằng cách gợi ra những nỗi sợ của ta đấy.”

“Tôi đâu dám thế.”

“Ngài muốn ta dời tới La Roque vì ngài biết là lâu đài đó có điểm yếu. Ngài là người của Arnaut và ngài đang dọn đường cho hãn tấn công.”

“Thưa ngài,” Johnston nói, “nếu La Roque yếu thế hơn, như ngài vẫn nói, thế sao ngài lại để kho báu của mình ở đó?”

Oliver khịt mũi lại không vui. “Ngài nói giỏi lắm.”

“Thưa ngài, những hành động của chính ngài đã cho tôi biết là lâu đài nào có lợi thế hơn.”

“Được lắm. Nhưng ngài Học giả này, nếu ta tới La Roque, ngài sẽ phải đi cùng ta. Và nếu một người nào đó tìm ra cái lối đi bí mật đó trước khi ngài nói cho ta hay, tự ta sẽ lo cho ngài được chết theo cái cách khiến cho ‘đoạn kết’ của Edward” – hãn ta cười khùng khục trước cách chơi chữ của mình – “chẳng khác nào một ân huệ đấy.”

“Tôi hiểu ý ngài rồi,” Johnston nói.

“Thật chứ? Vậy ngài hãy khắc cốt ghi tâm điều đó.”

\*

\*

Chris Hughes nhìn không chớp mắt ra ngoài cửa sổ.

Gần hai mươi mét bên dưới, khoảng sân chìm trong bóng tối. Đàn ông cùng phụ nữ ăn vận đẹp đẽ lướt về phía những ô cửa sổ sáng đèn của đại sảnh. Anh nghe tiếng nhạc từ xa vọng lại. Khung cảnh lễ hội làm anh thấy càng thêm âm đạm, thêm cô quạnh. Ba người bọn họ sắp bị giết – và họ chẳng làm gì được hết.

Họ bị nhốt lại trong một căn phòng nhỏ, cao ngất phía trên cái tháp trung tâm ở khu giam giữ của tòa thành, nhìn ra những bức tường thành và thị trấn bên dưới. Đây là phòng của một phụ nữ, với một chiếc khung cử và bàn thờ ở một góc, những dấu hiệu bên ngoài về lòng mộ đạo bị đẽ bẹp bởi

chiếc giường khổng lồ có màn đỏ viền lông đặt ở giữa phòng. Cửa vào phòng làm bằng gỗ sồi chắc chắn, và được khóa bằng một ổ khóa mới. Guy đã đích thân khóa cửa, sau khi cho một tên lính ở lại trong phòng, ngồi bên cửa, cùng với hai tên ở phía ngoài.

Lần này họ chẳng có cơ may nào hết.

Marek ngồi trên giường, nhìn chăm chăm vào khoảng không, mãi miết suy nghĩ. Hay có lẽ là anh ta đang lắng nghe; anh ta đặt một tay khum khum lên tai. Trong khi ấy, Kate cứ đi đi lại lại không ngừng, hết cửa sổ này đến cửa sổ khác, xem xét khung cảnh từ mỗi vị trí. Ở ô cửa xa nhất, cô thò đầu ra, nhìn xuống, rồi lại đi về phía cửa sổ nơi Chris đang đứng và lại chúi người ra ngoài.

“Khung cảnh ở đây chỗ nào chẳng như nhau,” Chris nói. Việc đi lại không ngừng của cô làm anh khó chịu.

Rồi anh thấy cô giơ những ngón tay ra lướt dọc theo phần tường bên cửa sổ, cảm nhận mặt đá và lớp vữa.

Anh nhìn cô với vẻ đầy dò hỏi.

“Có lẽ,” có vừa nói vừa gật đầu. “Có lẽ.”

Chris với tay ra và chạm vào bức tường. Phần xây nề rất mịn, tường cong phẳng. Bức tường dẫn thẳng xuống sân bên dưới.

“Cô đùa đấy à?” anh nói.

“Không,” cô nói. “Tôi không đùa đâu.”

Anh lại nhìn ra lần nữa. Dưới sân, ngoài những triều thần ra, còn có rất nhiều những người khác nữa. Một nhóm thiếu hiệp cười cười nói nói lau chùi giáp trụ và coi sóc cho ngựa của các hiệp sĩ. Ở phía bên phải, lính đi tuần trên các bức tường thành. Bất cứ ai trong số họ đều có thể ngược nhìn lên nếu những cử động của cô lọt vào mắt họ.

“Cô sẽ bị phát hiện đấy.”

“Từ ô cửa này thì, đúng thế. Nhưng không phải từ những ô cửa khác. Vấn đề duy nhất của chúng ta là hẫng thôi.” Cô hít hà về phía tên lính gác bên cửa. “Anh có giúp gì được không?”

Ngồi trên giường, Marek nói, “Tôi sẽ lo vụ đó cho.”

“Cái quái gì vậy?” Chris nói, đầy vẻ khó chịu. Anh nói to, “Anh không nghĩ là tôi có thể tự làm việc đó sao?”

“Không, tôi không nghĩ vậy đâu.”

“Khốn kiếp, tôi quá chán ghét cái cách anh đối xử với tôi rồi,” Chris nói. Giận dữ; anh nhìn quanh tìm cái gì đó để xả tức, anh nhặt cái ghế nhỏ bên khung cửa lên và đi về phía Marek.

Tên lính nhìn thấy, vội nói, “*Không, không, không*” và đi về phía Chris. Hẫng ta chẳng hề thấy trước rằng Marek sẽ lấy cái giá nền bằng kim loại đập hẫng từ đằng sau. Tên lính gục xuống, và Marek đỡ lấy hẫng, nhẹ nhàng đặt hẫng lên sàn nhà. Máu xối xả từ đầu hẫng chảy xuống cái thảm phương Đông.

“Hẫng chết chưa?” Chris vừa nói vừa nhìn Marek.

“Ai quan tâm chứ?” Marek nói. “Cứ tiếp tục nói nhỏ nhỏ thôi, để những tên bên ngoài có thể nghe thấy giọng chúng ta.” Họ nhìn lại, nhưng Kate đã trèo ra ngoài cửa sổ rồi.

\*

\*

*Chỉ là leo trèo không có dây bảo hộ thôi mà, cô tự nhủ, rồi bám lấy tường tháp, cách mặt đất hai mươi mét.*

Gió quạt lên người, giật lấy quần áo cô. Cô dùng những đầu ngón tay bầu lấy những đầu mấu nhỏ xíu nhô ra trên tường. Thỉnh thoảng vữa vụn ra, và cô phải tóm lấy, rồi bầu lại lần nữa. Nhưng thỉnh thoảng, cô lại tìm được

những chỗ lõm trên lớp vữa, đủ rộng cho những đầu ngón tay của mình bấu vào.

Cô đã có những lần leo núi khó hơn thế này nhiều. Bất cứ khu nhà nào ở Yale cũng khó leo hơn – dù ở đó, cô luôn có đá phấn cho hai bàn tay mình, giày leo núi vừa cỡ chân, và một sợi dây bảo hộ. Ở đây chẳng có gì hết.

*Chẳng xa lắm đâu mà.*

Cô đã trèo ra ô cửa sổ phía Tây vì nó ở đằng sau tên lính canh, hướng thẳng xuống thị trấn, và như thế cô sẽ khó bị phát hiện từ cái sân dưới kia hơn – và vì nó có khoảng cách ngắn nhất tới ô cửa sổ bên cạnh, ô cửa ở cuối hành lang chạy phía ngoài căn phòng.

Chẳng xa lắm đâu mà, cô tự nhủ. Nhiều lắm là hơn ba mét thôi. Đừng vội. Đừng cuống. Chỉ một tay, rồi một chỗ tựa chân... một tay nữa...

Gần tới rồi, cô nghĩ.

Gần tới rồi.

Rồi cô chạm vào bậu cửa sổ đá. Cô đã có được chỗ bám tay vững chãi đầu tiên. Cô đu lên bằng một tay, rồi cánh giác ngó theo hành lang.

Chẳng có tên lính nào hết.

Hành lang trống không.

Giờ dùng cả hai tay, Kate bật người lên, nhảy lên gờ tường, rồi trượt xuống sàn nhà. Cô đã đứng trên hành lang trước cửa một căn phòng bị khóa. Cô nói thật khẽ, “Tôi làm được rồi.”

Marek nói, “Lính thì sao?”

“Không. Nhưng cũng chẳng có chìa khóa.”

Cô kiểm tra cánh cửa, Cửa dày, cứng.

Marek nói, “Bản lề?”

“Có. Ở phía ngoài.” Chúng được làm bằng sắt khá nặng. Cô biết anh ta đang hỏi gì. “Tôi có thể thấy mấy cái chốt ở đây.” Nếu cô có thể bẩy cái trục



ra khỏi bản lề, thì việc phá cửa sẽ rất dễ dàng. “Nhưng tôi cần một cái búa hay cái gì đó tương tự. Chẳng có gì tôi dùng được ở đây hết.”

“Tìm cái gì đó đi,” Marek nói nhỏ.

Cô chạy theo hành lang.

\*

\*

“De Kere,” lãnh chúa Oliver nói khi tên hiệp sĩ có sọc bước vào phòng. “Ngài Học giả cố vấn là chúng ta nên dời tới La Roque.”

De Kere gật đầu thận trọng. “Có hơi mạo hiểm quá đấy, thưa ngài.”

“Thế còn độ mạo hiểm khi ở lại đây thì sao?” Oliver nói.

“Nếu lời khuyên của ngài Học giả đúng và có ích, và không có bất cứ mục đích nào khác, thì tại sao những trợ lý của ông ta lại che giấu lai lịch bản thân khi họ lần đầu tới đây? Những trò che giấu ấy chẳng phải một minh chứng cho sự trung thực gì hết, thưa ngài. Tôi rất muốn ngài có được câu trả lời thỏa mãn cho hành vi này, trước khi tôi đặt niềm tin vào vị Học giả và những lời cố vấn của ông ta.”

“Hãy cho tất cả chúng ta được thỏa mãn,” Oliver nói. “Đưa các trợ lý tới đây ngay bây giờ, và chúng ta sẽ hỏi họ những gì người muốn biết.”

“Được, thưa ngài.” De Kere cúi đầu, rồi rời phòng.

\*

\*

Kate xuống cầu thang và lặn vào đám đông trên sân. Cô đang nghĩ mình có thể dùng đồ nghề của thợ mộc, hay một cái búa của người thợ rèn, hay một

thứ đồ nghề nào đó của thợ đóng móng ngựa. Ở phía trái, cô thấy những người trông ngựa và mấy con ngựa, và cô bắt đầu lén ra phía đó. Trong đám đông đầy phấn khích kia, chẳng ai thèm để ý đến cô. Cô dễ dàng lén ra khu tường phía Đông, và đang định xem làm thế nào để đánh lạc hướng người coi ngựa, thì ngay phía trước cô nhìn thấy một hiệp sĩ đang đứng bất động và nhìn chăm chăm về phía mình.

Robert de Kere.

Mắt họ chạm nhau trong giây lát, rồi cô quay người chạy. Từ phía sau cô nghe thấy tiếng Robert gọi thêm người tới, và những tiếng thét đáp lại của binh lính đến từ tứ phía. Cô bổ nhào qua đám đông, những kẻ đột nhiên trở thành một thứ vật cản, tay họ bám lấy cô, giật lấy quần áo cô. Giống như một cơn ác mộng vậy. Để thoát khỏi đám đông, cô chạy vào cánh cửa gần nhất và đóng sập nó lại.

Cô thấy mình đang đứng trong bếp.

Căn phòng nóng khủng khiếp, và còn đông hơn cả ngoài sân nữa. Những chiếc chảo sắt khổng lồ sôi sùng sục trên cái bếp lửa khổng lồ. Hàng tá gà trống thiên xoay trên một dãy xiên nướng, một đĩa trẻ điều khiển cái trục quay. Cô dừng lại, không biết phải làm gì tiếp, và rồi de Kere đi vào phòng, gầm lên, “*Người!*” và vung kiếm ra.

Cô né người, vật lộn đi giữa những chiếc bàn đầy thức ăn đang làm dở. Thanh kiếm bổ xuống, làm mấy chiếc khay bắn ra xa. Cô cố đi tiếp, cúi thấp người xuống, luồn xuống dưới mấy chiếc bàn. Mấy người nấu bếp bắt đầu gào lên. Cô nhìn thấy một mô hình lâu đài khổng lồ, được làm từ một loại bánh nào đó, và hướng thẳng đến đây. De Kere đuổi sát theo.

Những người nấu bếp gần như đồng thanh thét lên “*Không, ngài Robert, không!*” từ mọi góc bếp, và một số còn hoảng hốt đến mức đi thẳng ra để ngăn hẳn lại.

De Kere lại vung kiếm lần nữa. Cô né, và thanh kiếm chặt đứt tường thành của tòa lâu đài, hất tung lên một cơn mưa bột. Thấy thế, những người đầu bếp đồng loạt rú lên đau đớn và nhào vào de Kere từ mọi phía, gào lên

rằng đây là món ăn ưa thích của ngài Oliver, rằng ngài ấy đã duyệt nó, rằng ngài Robert không được phá hoại thêm nữa. Robert lăn trên sàn nhà, vừa chửi vừa cố đẩy họ ra.

Giữa đồng lộn xộn, cô chạy lại phía cửa, ra với ánh sáng của buổi chiều tà.

\*

\*

Về bên tay phải, cô thấy phần tường cong của nhà nguyện. Nhà nguyện đang được trùng tu; có một cái thang dựng bên tường, và có một cái giàn giáo tam bộ ở trên mái, nơi những người thợ đang lợp lại mái.

Cô muốn tránh khỏi đám đông, và những tên lính nữa. Cô biết rằng ở góc xa của nhà nguyện kia, có một con đường hẹp chạy giữa khu nhà nguyện và vòng tường ngoài của lâu đài. Ít nhất cô cũng có thể thoát khỏi đám đông nếu đi tới đó. Khi đang chạy dọc theo đoạn đường, cô nghe tiếng de Kere đằng sau, gọi đám lính; hẳn đã ra được khỏi bếp rồi. Cô chạy thực mạng, cố nói rộng khoảng cách thêm chút nữa. Cô chạy vòng quanh góc nhà nguyện. Nhìn lại, cô thấy những tên lính khác đang chạy quanh nhà nguyện theo hướng ngược lại, rõ ràng muốn đón đầu ở phía cuối đường.

Robert vừa gất lên thêm vài mệnh lệnh cho đám lính vừa đi vòng quanh góc ngoặt để đuổi theo cô – và rồi hẳn đột ngột dừng lại. Những tên lính đứng lại bên cạnh hẳn, và tất cả đều xôn xao không biết làm sao.

Họ nhìn vào một lối đi rộng mét rưỡi ở giữa lâu đài và nhà nguyện. Lối đi trống trơn. Ở phía cuối lối đi, những người lính khác xuất hiện, đối mặt với họ.

Cô gái đã biến mất.

\*

\*

Kate đang trèo lên bức tường nhà nguyện cách mặt đất hơn ba mét, bóng dáng cô được những góc chạm khắc cầu kỳ của ô cửa sổ tu viện và những giàn dây leo dày đặc che khuất. Dù vậy, nếu có ai đó ngược mắt nhìn lên, cô vẫn có thể dễ dàng bị phát hiện. Nhưng lối đi đó rất tối, và chẳng ai ngược mắt lên hết. Cô nghe thấy tiếng de Kere quát lên đầy giận dữ, “Đi ra chỗ những tên trợ lý khác, và kết liễu bọn chúng đi!”

Những tên lính lưỡng lự. “Nhưng thưa ngài Robert, họ làm cho Học giả của lãnh chúa Oliver...”

“Và chính lãnh chúa Oliver đã ra lệnh thế. Giết hết chúng đi!”

Đám lính chạy vội vào trong lâu đài.

De Kere chửi thề. Hẳn đang nói chuyện với một người lính còn sót lại, nhưng bọn họ chỉ đang thì thầm, và cái tai nghe của cô đang kêu lách tách nên cô cũng chẳng nghe ra được. Nói thật là cô cũng phải ngạc nhiên khi thấy mình đã có thể nghe được nhiều đến thế.

Sao cô có thể nghe được họ nói những gì nhỉ? Có vẻ như là họ đang ở quá xa, lẽ ra cô không thể nghe được giọng của de Kere rõ đến thế. Nhưng giọng của hẳn vẫn rất rõ, thậm chí còn như được phóng đại lên vậy. Có lẽ là do độ vang của lối đi...

Nhìn xuống dưới, cô thấy có vài người lính vẫn chưa bỏ đi.

Họ cứ đi lảng vảng xung quanh. Nên cô không thể quay xuống dưới được. Cô quyết định sẽ trèo lên mái nhà và đợi đến khi mọi chuyện lắng xuống. Mái của nhà nguyện vẫn đang để trần ra: một cái mái ngói nhọn đơn giản, với những chỗ hở nhỏ đang được sửa chữa. Mái rất dốc; cô trườn xuống chỗ máng nước và nói, “André.”

Một tiếng cạch. Cô nghĩ mình đã nghe thấy giọng của Marek, nhưng nhiều quá.

“André, chúng sẽ tới giết mọi người đây.”

Chẳng có câu đáp lại nào, chỉ có thêm nhiều tiếng nhiễu nữa thôi.

“André?”

Chẳng có câu trả lời nào.

Có lẽ những bức tường xung quanh đã cản trở quá trình truyền sóng; cô có thể liên lạc tốt hơn khi lên đến đỉnh mái. Cô bắt đầu trèo lên cái mái dốc, dễ dàng đi qua những chỗ ngói đang được sửa. Ở mỗi phía, những người thợ nề đã dựng một bục nhỏ để đặt chậu vữa và một đồng gạch. Tiếng chim ríu rít làm cô ngừng lại. Cô thấy đúng là có một lỗ hổng trên mái ở những chỗ đang lợp ngói dở này, và...

Một tiếng rẹt làm cô ngẩng phắt lên. Cô thấy một tên lính đang trèo lên đỉnh mái. Hẳn dừng lại, nhìn chòng chọc xuống chỗ cô.

Rồi tên thứ hai.

Thì ra đó là lý do de Kere lại thì thầm: hẳn thực sự đã nhìn thấy cô, trên tường, và đã cho lính trèo lên cái thang dựng ở bức tường đối diện.

Cô nhìn xuống và thấy lính ngấp đoạn đường bên dưới. Giờ bọn chúng đều ngược hết lên nhìn cô.

Giờ tên lính đầu tiên quàng chân qua chóp mái và bắt đầu bò xuống chỗ cô.

Chỉ có một điều duy nhất cô có thể làm. Cái lỗ của người thợ nề rộng hơn nửa mét một chút. Qua đó cô có thể nhìn thấy những thanh giằng bên dưới mái nhà, và khoảng ba mét dưới đó, mái vòm đá của trần nhà nguyện. Có một lối đi hẹp bằng gỗ chạy trên mái vòm.

Kate bò qua cái lỗ, rơi xuống trần nhà bên dưới. Cô ngửi thấy cái mùi chua chua của bụi đất và phân chim. Tổ chim ở khắp mọi nơi, dọc theo lối đi, trong góc và trên những thanh rầm. Cô né vài con chim én vừa bay qua đầu mình vừa rúc rích. Và bất thành lình, cô bị chìm trong một cơn lốc xoáy những chim rú rít và lông bay tứ tung. Cô nhận ra là trong này có tới hàng

trăm con, và cô đã phá quấy chúng. Trong giây lát cô chẳng làm gì được ngoài giơ hai tay che đầu và đứng yên. Những tiếng động tắt dần.

Khi cô nhìn lại, chỉ còn có vài con chim đang bay. Và hai tên lính đang trèo xuống cái lỗ để xuống tới nền đất bên dưới rồi.

Thật nhanh, cô đi dọc cái lối đi hẹp để tới cánh cửa ở đằng xa, có lẽ sẽ dẫn vào trong nhà thờ. Khi cô tiến lại gần, cánh cửa bật mở và tên lính thứ ba tiến vào.

Ba chọi một.

Cô lùi lại, bước dọc lối đi hẹp vắt qua các chỗ uốn của trần vòm. Nhưng những tên lính còn lại cũng đang tiến về phía cô. Chúng đã rút dao găm ra. Cô chẳng ngờ vực gì về chuyện chúng sắp làm hết.

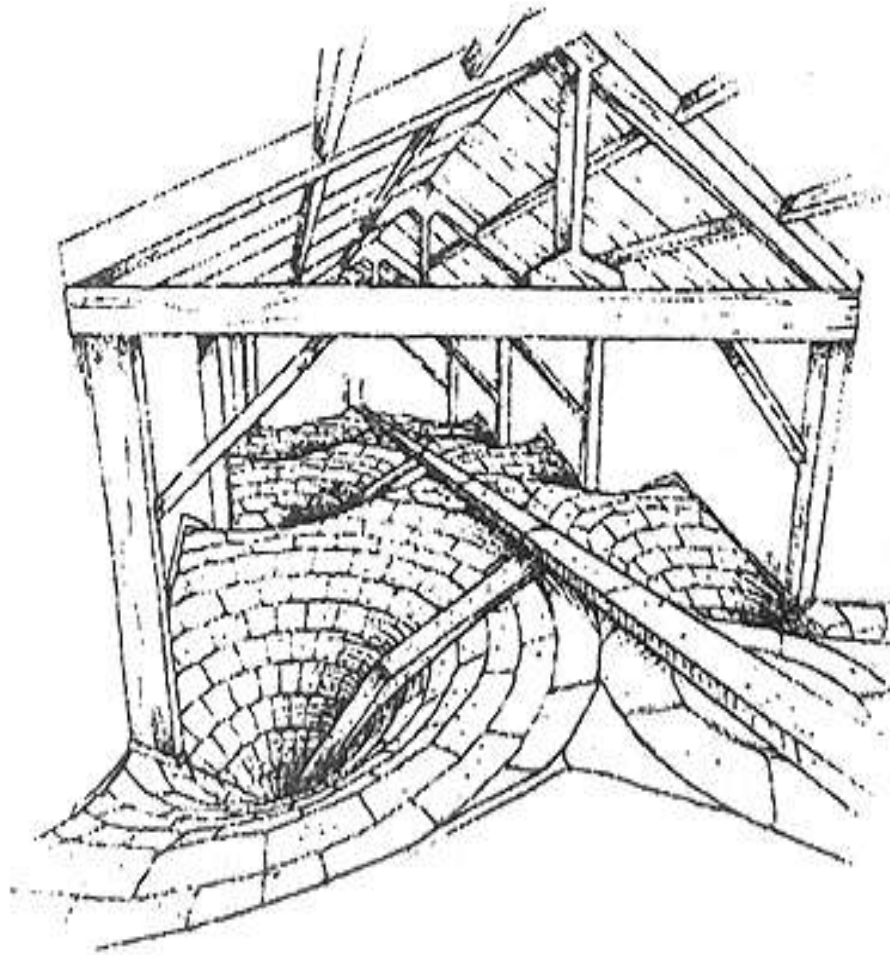
Cô bật lùi lại.

Cô nhớ lại mình đã quen treo lơ lửng bên dưới cái trần này đến thế nào, kiểm tra những chỗ nứt vỡ và những chỗ sửa chữa đã được làm suốt hàng bao thế kỷ. Giờ cô đang đứng ngay trên cái kiến trúc đó. Lối đi rõ ràng cho thấy rằng những chỗ vòm này rất yếu. Yếu đến đâu? Liệu chúng có chịu được sức nặng của cô hay không? Những tên đó cứ chậm rãi tiến gần về phía cô.

Cô cẩn thận bước lên một trong những vòm, chủ yếu là để xem thử. Cô dồn toàn bộ sức nặng của mình lên.

Nó chịu được.

Những tên lính đang đuổi sát theo cô, nhưng đã chậm lại. Những con chim đột nhiên náo động trở lại, ríu rít và rộ lên như một đám mây. Những tên lính che mặt lại. Những con chim sẻ bay gần đến mức cánh của chúng đập vào mắt cô. Cô lại lùi lại, chân giẫm lên lớp phân chim dày cộp.



Cô giờ đang đứng trên một dãy những bề mặt vòm cong giữa có những hố sâu, với những khung đá dày cộp làm trung tâm cho những phần vòm tụ lại. Cô di chuyển về phía chỗ khung vì cô biết kết cấu của chúng sẽ vững hơn, và bắt đầu đi lên trên chúng, cô đi ra tới góc kia của nhà nguyện, ở đó cô thấy một cái cửa nhỏ. Có lẽ nó sẽ dẫn cô vào trong nhà thờ, có lẽ là chạy xuống sau bệ thờ.

Một trong những tên lính chạy dọc theo lối đi hẹp và rồi bước lên chỗ lồi của một mặt vòm. Hẳn tiến tới chặn đường cô. Dao lăm lăm trước mặt.

Nhoài người xuống, cô ra đòn gió, nhưng tên lính cứ đứng nguyên tại chỗ. Tên lính thứ hai chạy tới đứng cạnh. Tên lính thứ ba ở phía sau cô. Hẳn cũng bước lên mặt vòm.

Cô dịch sang phải, nhưng hai tên đó đi thẳng về phía cô. Tên thứ ba đang tiến lại gần từ phía sau.

Hai tên trước chỉ còn cách vài mét thì cô nghe thấy một tiếng cạch lớn y như tiếng bóp cò súng. Cô nhìn xuống thì thấy một đường rãnh lõm chõm trên lớp vữa giữa những phiến đá. Những tên lính lật đặt lùi lại, nhưng vết nứt đã kịp rộng ra rất nhanh, vươn ra như những cành cây. Những vết nứt đâm vào giữa chân chúng; chúng kinh hoàng nhìn xuống dưới. Rồi những viên đá rơi khỏi chân chúng, và chúng rơi xuống, kinh hoàng gào thét.

Cô liếc lại phía tên thứ ba, hấn trượt chân và ngã xuống khi cố chạy ra chỗ lối đi. Cú ngã của hấn kèm theo một tiếng *rắc* và Kate nhìn thấy khuôn mặt khiếp đảm của hấn nằm đó, cảm thấy đá phía dưới người mình cứ dần chuội đi; từng viên từng viên một. Rồi hấn biến mất, với một tiếng kêu thét xé tai.

Và đột ngột, cô chỉ còn có một mình.

Cô đang đứng trên trần nhà, chim quang quác xung quanh. Quá sợ không dám di chuyển, cô cứ đứng đó, cố chậm nhịp thở lại. Nhưng cô đã ổn rồi.

Cô đã ổn rồi.

Mọi thứ đều ổn rồi.

Cô nghe thấy một tiếng *rắc*.

Rồi chẳng có gì nữa. Cô chờ đợi.

Một tiếng *rắc* khác nữa. Và lần này cô thấy, ngay dưới chân mình. Đá đang di chuyển. Nhìn xuống, cô thấy vữa nứt ra vài hướng liền, chạy dài từ vị trí cô đứng. Cô vội bước sang bên trái, chạy ra chỗ khung đá, nhưng đã quá muộn.

Một hòn đá rơi xuống, và chân cô tụt xuống qua cái lỗ. Cô bị sụt đến tận hông, rồi xoay người ra, dang rộng hai tay, chia đều trọng lượng. Cô nằm đó khoảng vài giây, thở hỗn hển. Cô nghĩ, *Mình đã bảo với anh ta là nó được xây rất chắc.*



Cô chờ đợi, cố nghĩ xem làm cách nào có thể thoát ra được cái hố này. Cô thử luồn người...

*Rắc.*

Ngay phía trước cô, vữa tách ra, và vài hòn đá rơi xuống. Rồi cô thấy thêm nhiều phần nữa đang rơi ra phía dưới mình; trong giây phút hoảng loạn cô đã biết chắc chắn rằng mình rồi cũng sẽ rơi xuống thôi.

\*

\*

Trong gian phòng nhưng đồ trên tháp, Chris không rõ điều anh vừa nghe qua cái tai nghe có đúng không. Có vẻ như là Kate đã nói, “Chúng sẽ tới giết mọi người đây.” Và rồi một thứ gì đó khác anh không nghe ra nổi, trước khi sóng hoàn toàn bị nhiễu.

Marek đã mở chiếc rương gỗ gần ban thờ nhỏ, và anh ta vội vãi lục tung nó lên. “Lại đây nào, giúp chút!”

“Gì đây?” Chris nói.

“Oliver giam người tình của mình ở căn phòng này,” Marek nói. “Tôi cá là hẳn ta cũng để vũ khí ở đây nữa.”

Chris đi ra chỗ cái rương thứ hai, ở cuối chân giường, và mở toang nó ra. Chiếc rương này có vẻ chứa đầy vải lanh, váy vóc, đồ lụa. Anh hất tung nó ra trong khi lục lọi; chúng vãi đầy ra sàn nhà xung quanh.

Anh chẳng thấy vũ khí nào hết.

Chẳng có gì hết.

Anh nhìn Marek. Anh ta đang đứng giữa một đống váy áo và lắc đầu.

Không có vũ khí.

Ngoài hành lang bên ngoài, Chris nghe thấy tiếng lính đang chạy lại, tới chỗ họ. Và bên ngoài cánh cửa, anh nghe thấy tiếng *keng* sắc lạnh khi chúng rút kiếm từ trong bao ra.

## 29:10:24

“Tôi có thể mời anh uống Coca, Coca không đường, Fanta hoặc Sprite,” Gordon nói. Họ đang đứng cạnh một chiếc máy bán hàng tự động ở hành lang phòng thí nghiệm của ITC.

“Tôi uống Coca,” Stern nói.

Chiếc lon rơi ra phía dưới cái máy. Stern cầm nó lên, bật nắp. Gordon lấy một chai Sprite. “Có đủ nước giữa sa mạc là quan trọng lắm đấy,” anh nói. “Chúng tôi cũng có máy làm ấm trong nhà, nhưng chúng hoạt động không tốt lắm.”

Họ tiếp tục đi dọc hành lang để tới cánh cửa tiếp theo.

“Tôi nghĩ là anh sẽ muốn xem cái này,” Gordon nói, đưa Stern vào một phòng thí nghiệm khác. “Dù chỉ là hứng thú lịch sử đơn thuần. Đây là phòng thí nghiệm nơi lần đầu tiên chúng tôi cho thử công nghệ này.” Anh bật đèn lên.

Phòng thí nghiệm rộng và khá bừa bộn. Sàn được lát gạch chống nhiễu từ màu xám; trần nhà phía trên hở, để lộ đèn chần và ngăn kim loại giữ những sợi cáp dày cộp đang chạy dọc xuống dưới như những sợi dây rốn tới những cỗ máy tính trên bàn. Trên một chiếc bàn, có hai thiết bị trông như hai chiếc lồng nhỏ, mỗi cái cao khoảng ba mươi xăng ti mét. Chúng được đặt cách nhau hơn một mét, và được nối với nhau bằng dây cáp.

“Đây là Alice,” Gordon nói một cách đầy tự hào, chỉ vào cái lồng thứ nhất. “Và đây là Bob.”

Stern nhận ra quy ước đã tồn tại từ trước đó, các hệ thống truyền dẫn lượng tử được dán nhãn “Alice” và “Bob”, hoặc “A” và “B”. Anh ta nhìn vào những chiếc lồng nhỏ. Một chiếc nhốt một con búp bê trẻ con bằng nhựa, một cô bé mặc váy bông kẻ kiểu dân khai hoang.

“Lần chuyển dịch đầu tiên được diễn ra ngay ở đây,” Gordon nói. “Chúng tôi đã thành công với việc dịch chuyển con búp bê đó qua mấy cái

lồng. Cách đây bốn năm rồi.”

Stern nhắc con búp bê đó lên. Nó chỉ là một hình nộm rẻ tiền; anh ta thấy những sợi nhựa chạy dọc một bên mặt và người. Mắt nó hấp háy nhắm mở khi anh ta đặt nó vào lòng bàn tay.

“Anh thấy chứ,” Gordon nói, “mục tiêu ban đầu của chúng tôi là làm hoàn hảo việc chuyển dịch những vật thể ba chiều. Fax những vật thể ba chiều. Anh chắc cũng biết là đã có rất nhiều người quan tâm đến chuyện đó rồi.”

Stern gật đầu; anh ta đã nghe về các công trình nghiên cứu này rồi.

“Stanford có công trình nghiên cứu sớm nhất,” Gordon nói. “Và ở thung lũng Silicon cũng có nhiều lắm. Ý tưởng là trong vòng hai mươi năm vừa qua, tất cả các công đoạn truyền dẫn tài liệu đều được điện tử hóa hết – fax hay thư điện tử cũng vậy. Anh chẳng cần phải gửi thư giấy gì nữa; anh chỉ cần gửi những tín hiệu điện tử. Rất nhiều người nghĩ rằng không sớm thì muộn, tất cả các vật thể rồi sẽ được chuyển dịch theo cách ấy. Ví dụ, anh sẽ không phải chuyển đồ đạc, anh chỉ cần truyền nó qua các trạm. Kiểu kiểu như thế.”

“Nếu các anh có thể làm được thế,” Stern nói.

“Có. Và miễn là làm việc với những vật thể đơn giản, thì chúng tôi có thể. Điều đó làm chúng tôi phấn chấn. Nhưng dĩ nhiên, chuyển giữa hai trạm nối với nhau bằng cáp là chưa đủ. Chúng ta cần phải chuyển phát được ở một khoảng cách thật xa, qua sóng không khí, cứ gọi tạm nó là thế nhé. Và chúng tôi đã thử. Đây này.”

Anh đi sâu vào phòng, tới chỗ hai chiếc lồng khác, có vẻ lớn và công phu hơn. Chúng đã bắt đầu giống những chiếc lồng Stern thấy trong hang. Giữa những chiếc lồng này không hề có dây cáp nối.

“Alice và Bob, phần hai,” Gordon nói. “Hay như chúng tôi vẫn gọi, Allie và Bobbie. Đây là trạm thử nghiệm cho chuyển dịch khoảng cách của chúng tôi.”

“Và?”

“Nó không hoạt động,” Gordon nói. “Chúng tôi truyền Allie nhưng nó chẳng đến được chỗ Bob. Chẳng bao giờ đến được.”

Stern chậm rãi gật đầu. “Vì vật thể từ chỗ Allie đã đến một vũ trụ khác.”

“Đúng thế. Dĩ nhiên là thế, khi ấy chúng tôi đã không biết chuyện đó,” Gordon nói. “Tôi muốn nói là, giải thích theo lý thuyết thì là thế, nhưng ai ngờ được là nó thực sự diễn ra như thế chứ? Mất hàng đồng thời gian chúng tôi mới nhận ra được điều đó đấy. Cuối cùng thì, chúng tôi đã cho dựng một cỗ máy khứ hồi – một cỗ máy có thể dời đi và tự động trở lại. Nhóm đã gọi nó là ‘Allie-Allie-vào-ra-tự-do-đi’. Nó ở đằng kia kìa.”

Một chiếc lồng nữa, còn lớn hơn, có lẽ cao gần một mét, và có những điểm tương đồng đáng kể với những chiếc lồng đang được sử dụng hiện tại. Ba thanh chắn giống hệt, sắp xếp laser giống hệt.

“Và?” Stern nói.

“Chúng tôi đã xác thực được rằng vật thể đã dời đi và quay trở lại được,” Gordon nói. “Thế là chúng tôi chuyển đi những vật thể phức tạp hơn. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã thành công với việc gửi camera, và lấy lại được một bức ảnh.”

“Thế à?”

“Đó là bức ảnh sa mạc. Thật ra chính là nơi này. Nhưng khi chưa có bất cứ tòa nhà nào được dựng ở đây cơ.”

Stern gật đầu. “Thế các anh xác định được niên đại của nó chứ?”

“Không phải ngay lập tức,” Gordon nói. “Chúng tôi cứ tiếp tục gửi camera đi, lập đi lập lại, nhưng tất cả những gì chúng tôi thu được chỉ là sa mạc. Thỉnh thoảng có mưa, thỉnh thoảng có tuyết, nhưng luôn là sa mạc. Rõ ràng là chúng tôi đã có được ảnh ở các thời điểm khác nhau – nhưng thời điểm nào chứ? Xác định niên đại của ảnh khá là hóc búa. Tôi muốn nói là,

làm sao anh có thể dùng camera mà xác định được niên đại của một bức ảnh như thế chứ?”

Stern chau mày. Anh ta đã nhìn ra vấn đề. Hầu hết các bức ảnh đều được xác định niên đại từ các di vật của con người trên ảnh – một tòa nhà, một chiếc xe, hay quần áo, hay phế tích. Nhưng một hoang mạc ở New Mexico hầu như chẳng hề thay đổi diện mạo trong suốt hàng nghìn, thậm chí hàng trăm nghìn năm.

Gordon mỉm cười. “Chúng tôi đã đặt dọc chiếc camera, dùng thấu kính mắt cá lồi và có góc rộng, và chụp ảnh bầu trời vào buổi tối.”

“À.”

“Dĩ nhiên là không phải lúc nào nó cũng hoạt động – phải là đêm, và trời phải quang không một bóng mây – nhưng nếu có đủ các hành tinh trong bức ảnh của mình, anh có thể xác định bầu trời khá chính xác. Tới cả năm, ngày, và giờ. Và đó là cách chúng tôi bắt đầu với việc phát triển công nghệ định vị hiện tại của chúng tôi đây.”

“Thế là cả dự án đã thay đổi...”

“Phải. Chúng tôi dĩ nhiên là biết mình có được cái gì. Chúng tôi không còn làm việc chuyển dịch đồ vật nữa – chẳng có việc gì phải cố làm thế nữa. Chúng tôi bắt đầu chuyển dịch giữa các vũ trụ với nhau.”

“Và các anh bắt đầu dịch chuyển con người từ khi nào?”

“Không quá nhanh như thế.”

Gordon dẫn anh ta đi quanh một bức tường toàn những thiết bị điện, rồi vào một khu khác của phòng thí nghiệm. Và ở đó, Stern thấy những tấm nhựa khổng lồ chứa đầy nước đang được treo lên, như những chiếc giường nước cứ dựng đứng. Và ở chính giữa, một chiếc lồng máy với kích cỡ lớn, chưa được tinh chỉnh như những chiếc anh ta đã thấy ở phòng dịch chuyển, nhưng rõ ràng là có cùng một công nghệ.

“Đây là cỗ máy thực sự đầu tiên của chúng tôi,” giọng Gordon đầy tự hào.

“Đợi chút,” Stern nói. “Cái này có hoạt động được không?”

“Dĩ nhiên là có rồi.”

“Thế giờ nó có hoạt động không?”

“Nó đã không hoạt động một thời gian rồi,” Gordon nói. “Nhưng tôi nghĩ là nó có thể hoạt động được bây giờ đây. Sao?”

“Thế nếu tôi muốn quay lại và giúp họ,” Stern nói, “thì tôi có thể – vào trong cỗ máy này. Đúng chứ?”

“Đúng,” Gordon nói, chậm rãi gật đầu. “Anh có thể dùng cỗ máy này để quay lại, nhưng mà...”

“Này, tôi nghĩ là họ đang gặp rắc rối ở đó đây – hoặc thậm chí còn tệ hơn.”

“Có lẽ. Đúng thế.”

“Và anh nói với tôi là chúng ta có một cỗ máy có thể hoạt động được,” Stern nói, “ngay bây giờ.”

Gordon thở dài. “Tôi nghĩ là mọi chuyện có phức tạp hơn một chút đây, David.”

## 29:10:00

Kate chậm chậm rơi khi trần đá sụp xuống. Những ngón tay của cô cố bám lấy gờ tường nứt nẻ, nhờ quá trình luyện tập bền bỉ suốt bao năm, cô bấu chặt lấy nó, và nó chịu được. Cô treo lủng lẳng bằng một bàn tay, nhìn xuống những tảng đá rơi nát ra trong một đám mây bụi trên sàn nhà nguyền. Cô không nhìn thấy chuyện gì đã xảy ra với đám lính hết.

Cô giơ bàn tay kia lên, bám lấy gờ đá. Những phiến đá khác cũng sẽ vỡ ra bất cứ lúc nào, Cô biết thế. Cả trần nhà đang rung chuyển. Theo kết cấu, nơi vững nhất là những đường gia cố cho mái vòm, nơi các vòm cung gặp nhau, ở đó, hoặc ở bức tường bên của nhà nguyền, toàn là đá dựng đứng.

Cô quyết định thử và tới chỗ bức tường bên.

Đá vỡ ra; cô lơ lửng trụ lại bằng tay trái. Cô bắt một tay chéo qua tay kia, rướn ra xa hết mức, và lại cố dàn đều trọng lượng cơ thể ra.

Đá trong lòng bàn tay trái của cô chuội ra, rơi xuống đất. Cô lại đu người lên trong không trung, và tìm thấy một chỗ bám khác. Cô giờ chỉ còn cách bức tường bên có một mét thôi, và đá dày một cách đáng kể vì nó có phần lồi ra để tiếp vào với bức tường. Chỗ gờ cô đang bám vào có vẻ chắc chắn hơn.

Cô nghe thấy tiếng đám lính bên dưới đang hò la và chạy vào trong nhà nguyền. Chẳng mấy chốc rồi chúng sẽ bắn cung về phía cô.

Cô cố tung chân trái lên. Càng dàn đều trọng lượng ra bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Cô đặt được chân trái lên; trần nhà khá vững. Uốn người, cô đẩy cả phần thân trên lên chỗ vòm, rồi đưa nốt cái chân còn lại lên. Loạt tên đầu tiên sượt qua người; những mũi khác cắm vào đá, làm bụi trắng tung lên. Cô đang nằm bẹp trên mái nhà.

Nhưng cô không thể ở đây mãi. Cô lăn khỏi cái gờ ấy, về phía đường vòm. Khi cô làm thế, đá lại vỡ ra và rơi xuống.



Những tên lính ngừng quát tháo. Có lẽ đá đã rơi xuống một trong số chúng, cô nghĩ thế. Nhưng không; cô nghe thấy tiếng chúng chạy vội ra khỏi nhà thờ. Cô nghe thấy tiếng người hò hét bên ngoài và tiếng ngựa hí vang.

Chuyện gì đang xảy ra vậy?

\*

\*

Bên trong căn phòng tháp, Chris nghe thấy tiếng khóa cọt vào ổ. Rồi những tên lính phía ngoài dừng lại và quát qua khe cửa – gọi cho tên lính canh ở trong.

Trong khi đó, Marek đang lục tung mọi thứ lên như một người điên. Anh ta quỳ gối xuống, tìm dưới gầm giường. “Có rồi!” Anh ta thét lên. Lồm cồm bò dậy, anh ta giơ một thanh kiếm và một con dao găm dài lên. Anh ta ném con dao găm về phía Chris.

Bên ngoài, mấy tên lính lại gọi tên gác trong lần nữa. Marek tiến về phía cửa và ra hiệu cho Chris đi sang phía bên kia.

Chris ép sát người vào bức tường cạnh cửa ra vào. Anh nghe thấy tiếng những tên đứng ngoài kia – rất nhiều tiếng nói khác nhau. Tim anh bắt đầu đập thình thịch. Anh đã bị sốc trước cái cách Marek giết tên lính gác.

*Chúng sẽ tới giết mọi người đây.*

Anh nghe thấy những từ đó lặp đi lặp lại trong đầu mình, cảm giác như không thật. Chẳng có vẻ gì là những người đàn ông vũ trang tận răng đó lại đến giết anh hết.

Trong thư viện âm cúng, anh đã đọc những bài viết về những hành động bạo lực thời xưa, chém giết và tàn sát. Anh đã đọc những bản tường thuật về những con phố trơn nhầy máu, lính đẫm màu đỏ từ đầu đến chân, phụ nữ và trẻ em bị moi nội tạng dù họ có van lơn thế nào đi nữa. Nhưng thế

nào đó, Chris đã luôn cho những câu chuyện đó là phóng đại, là nói quá lên thôi. Trong trường đại học có một cái mốt là hiểu tài liệu theo những cách mĩa mai, nói về sự ngây ngô của những bản tường thuật, bối cảnh của văn bản, đặc quyền của quyền lực... Những giả định lý thuyết đó đã biến lịch sử thành một trò chơi trí tuệ sáng tạo. Chris giỏi trò đó, nhưng khi chơi, bằng cách nào đó anh đã quên đi một thực tế rõ ràng – rằng hầu hết những câu chuyện khủng khiếp và tàn bạo mà các văn bản cổ xưa đó thuật lại đều là sự thật. Anh đã quên mất là mình đang đọc sách về lịch sử.

Cho tới tận bây giờ, khi anh bị buộc phải chú ý đến nó.

Chiếc chìa khóa xoáy trong ổ.

Phía bên kia cánh cửa, mặt Marek nhăn lại, hai bờ môi kéo lên để lộ hàm răng cắn chặt, Anh ta trông cứ như một con dã thú vậy, Chris nghĩ. Người Marek căng lên khi anh ta giữ chặt lấy thanh kiếm, sẵn sàng vung lên. Sẵn sàng chém giết.

Cánh cửa bật mở, trong giây lát che khuất tầm nhìn của Chris. Nhưng anh cũng thấy Marek vung kiếm lên cao, và anh nghe thấy một tiếng thét, và máu ào ạt chảy ra nền nhà, và một cái xác đổ gục ngay sau đó.

Cánh cửa đóng sầm vào người Chris, đứng yên và giam anh phía sau. Ở phía bên kia một người đàn ông đã ngã xô vào nó, rồi thở hắt ra khi lưỡi kiếm đâm xuyên vào gỗ. Chris cố thoát ra khỏi chỗ cánh cửa nhưng một cái xác nữa lại đổ xuống, ngáng lối anh.

Anh bước qua cái xác, và cánh cửa đập thẳng vào tường khi Marek vung gươm chém tên khác đang lao vào tấn công, và tên lính thứ ba lao đảo vì cú đánh rồi ngã ra ngay dưới chân Chris. Người hấn đâm đìa máu; máu trào ra từ ngực hấn như suối chảy. Chris cúi người xuống để gỡ lấy thanh kiếm trong tay hấn. Khi anh giật lấy thanh kiếm, hấn giữ chặt lấy nó, hăm hăm nhìn Chris. Đột ngột, tên lính lả đi và buông thanh kiếm ra, khiến Chris loạng choạng lùi về phía bức tường.

Hấn tiếp tục nhìn anh chằm chằm từ dưới nền nhà. Mặt hấn nhăn lại đầy giận dữ – và rồi cứng đờ.

Chúa ơi, anh nghĩ, *hắn ta chết rồi.*

Bất thành linh, về bên phải anh, một tên lính khác bước vào phòng, lưng quay về phía Chris, hắn ta đang mải đánh nhau với Marek. Hai thanh kiếm chạm nhau chan chát; họ đánh nhau rất dữ dội; nhưng hắn đã không để ý thấy Chris, anh bèn giơ kiếm lên, rất nặng và chẳng dễ cầm chút nào. Anh bắn khoản không biết mình có vung được nó lên không, không biết liệu anh có thực sự giết được kẻ đang xoay lưng lại phía mình không. Anh nhắc thanh kiếm lên, nghiêng cánh tay như thể đang chuẩn bị vung chày đánh bóng – vung chày! – và chuẩn bị vung lên, thì Marek cắt ngọt cánh tay của tên đó lìa khỏi vai.

Cánh tay bị cắt rời bắn qua mặt sàn và đập vào bức tường, bên dưới ô cửa sổ. Tên đó sững ra trong giây lát trước khi Marek cắt gọn đầu hắn bằng một đường kiếm duy nhất, cái đầu rơi trong không trung, đập vào cánh cửa bên cạnh Chris, và rơi xuống chân anh, mặt úp xuống.

Anh vội giật chân ra. Cái đầu lăn đi, thế là khuôn mặt lại hướng lên, Chris nhìn thấy cặp mắt hấp háy và cái miệng mấp máy, như thể cố nói gì đó. Anh giật lùi lại.

Chris nhìn về phía phần cơ thể đang nằm trên sàn, máu vẫn phun ra từ phần cổ đã bị cắt cụt. Máu chảy tràn trên nền đá – dường như phải đến hàng lít. Anh nhìn Marek, giờ đang ngồi trên giường, thở hỗn hển, khuôn mặt và áo chèn của anh ta bị bắn đầy máu.

Marek ngược lên nhìn Chris. “Cậu ổn chứ?” Anh ta nói.

Chris không thể trả lời được gì.

Anh chẳng nói được gì hết.

Và rồi tiếng chuông nhà thờ trong làng bắt đầu vang lên.

\*

\*

Qua ô cửa sổ, Chris nhìn thấy lửa liếm lên từ phía hai nông trại ở đằng xa của thị trấn, gần vòng tường ngoài. Trên phố mọi người đang chạy vội về phía đó.

“Có đám cháy kìa,” Chris nói.

“Tôi không chắc là thế đâu,” Marek nói, vẫn ngồi trên giường.

“Không, có thật mà,” Chris nói. “Nhìn đi.”

Trong thị trấn, những kỵ sĩ đang phi nước đại trên phố; họ mặc như thương nhân hoặc người bán dạo, nhưng phi ngựa hết như những chiến binh.

“Đây là một trò đánh lạc hướng điển hình thôi mà,” Marek nói, “để khơi mào trận đánh.”

“Trận đánh nào?”

“Đại Tư tế đang tấn công Castelgard.”

“Sớm thế sao?”

“Đây chỉ là một đội tiên trạm thôi, có lẽ khoảng một trăm lính hoặc đại loại thế. Họ sẽ cố tạo hỗn loạn, chia rẽ. Cánh quân chính giờ này có lẽ vẫn còn đang ở phía bên kia sông. Nhưng cuộc tấn công đã bắt đầu rồi.”

Rõ ràng là những người khác cũng nghĩ như thế. Ở dưới sân, triều thần ào ào túa ra khỏi đại sảnh và chạy về phía cây cầu kéo, vội rời lâu đài, bữa tiệc bị dừng đột ngột. Một nhóm hiệp sĩ mặc giáp trụ phi nước đại ra ngoài, làm đám triều thần phải tản ra, họ phóng rầm rập về phía cây cầu kéo, rồi phi xuống những con phố dưới thị trấn.

Kate thò đầu qua cửa, thở hổn hển. “Mọi người, đi thôi. Chúng ta phải tìm ra Giáo sư trước khi quá muộn.”

## 28:57:32

Trong đại sảnh là cả một sự hỗn loạn. Những nhạc công chạy tán loạn, thực khách chạy vội ra phía cửa, chó sủa và đĩa thức ăn rơi loảng xoảng xuống nền nhà. Các hiệp sĩ lao vào tham chiến, hét lớn để ra lệnh cho các thiếu hiệp. Từ chỗ bàn cao, lãnh chúa Oliver vội đi xuống, giật lấy tay Giáo sư, nói với hiệp sĩ Guy, “Chúng ta tới La Roque. Coi sóc phu nhân Claire. Dẫn đám trợ lý theo.”

Robert de Kere thở không ra hơi, ào vào phòng. “Thưa ngài, đám trợ lý chết hết rồi! Bị giết khi đang tìm cách bỏ trốn!”

“Bỏ trốn? Chúng dám trốn? Dù có bỏ mạng sống thầy của mình? Đi với ta nào, Học giả,” lãnh chúa Oliver nói với giọng nham hiểm. Oliver dẫn ông ra một cánh cửa bên mở thẳng ra sân.

\*

\*

Kate luống cuống đi vội xuống chiếc cầu thang xoắn ốc, Marek và Chris theo sát phía sau. Ở tầng thứ hai, họ phải chậm lại vì có một nhóm khác đang đi xuống phía trước họ. Ở chỗ ngoặt, Kate liếc thấy mấy tì nữ, và chiếc áo chùng đỏ của một ông lão đang lom khom bước đi. Đằng sau cô, Chris thét lên, “Chuyện gì đã xảy ra thế?” Cô bèn giơ tay ra ngăn lại. Họ đợi thêm một phút nữa rồi đổ xô ra sân.

Thật là một cảnh tượng hỗn loạn. Hiệp sĩ trên lưng ngựa quất roi vào đám người dự tiệc đang hoảng loạn để lừa họ sang một bên. Cô nghe thấy tiếng gào thét của đám đông, tiếng ngựa hí, tiếng quất tháo cửa đám lính trên tường thành. “Đường này,” Kate nói, và cô dẫn Marek và Chris tiến về phía trước, rồi xuyên vào khu sân ngoài, họ thấy ở đó cũng đông chằng kém.

Họ thấy Oliver trên lưng ngựa, Giáo sư bên cạnh và một toán hiệp sĩ vũ trang kín bưng. Oliver quát tháo gì đó, và tất cả đều phóng tới chỗ cây cầu kéo.

Kate để Marek và Chris lại để đuổi theo họ, và cô cũng chỉ kịp thoáng thấy bóng họ chỗ cuối cây cầu kéo. Oliver xoay sang bên trái, phóng khỏi thị trấn. Lính gác mở một cánh cửa ở tường phía Đông, và hãn cùng đồng bọn phóng thẳng vào ráng trời chiều. Cánh cửa được đóng sầm lại phía sau.

Marek đuổi kịp cô. “Đi đâu vậy?” Anh ta nói.

Cô chỉ về phía cánh cổng. Ba mươi hiệp sĩ đang canh nó. Và thêm những hiệp sĩ khác đang đứng ở bức tường phía trên.

“Chúng ta không thoát qua lối đó được,” anh ta nói. Ngay phía sau họ, một đám lính đang ném những bộ áo chùng màu nâu ra, để lộ quân phục màu xanh lá cây pha đen; họ bắt đầu chiến đấu để mở đường vào thành. Cây cầu kéo bắt đầu kêu răng rắc, “Đi nào.”

Họ chạy xuống chiếc cầu kéo, nghe tiếng gỗ kêu răng rắc, cảm giác nó dường như đang kéo dần lên phía dưới chân mình. Cây cầu đã kéo cao một mét giữa khoảng không khi họ tới được phía cuối và nhảy xuống cánh đồng.

“Giờ thế nào?” Chris nói, đứng dậy. Anh vẫn còn cầm thanh kiếm đâm máu trong tay.

“Đường này,” Marek nói, và anh ta chạy thẳng vào trung tâm thị trấn.

\*

\*

Họ chạy về phía nhà thờ, rồi chạy khỏi trục đường chính, nơi những trận đánh kịch liệt đã kịp diễn ra: lính của Oliver mặc đồ nâu đỏ và xám, còn lính của Arnaut mặc đồ xanh lá cây và đen. Marek dẫn họ đi sang trái ra phía chợ, giờ đã bị bỏ hoang, hàng hóa được đóng gói còn thương nhân đã đi hết.

Họ phải tránh vội khi một toán hiệp sĩ của Arnaut cưỡi ngựa phi nước đại phóng qua, hướng về phía lâu đài. Một trong số chúng vung kiếm về phía Marek và chửi gì đó rồi phóng đi. Marek nhìn chúng đi mất, rồi tiếp tục tiến lên.

Chris đang tìm các dấu hiệu chứng tỏ có phụ nữ bị giết và trẻ em bị phanh thây, và anh chẳng biết nên thất vọng hay nhẹ lòng khi mình chẳng thấy gì hết. Thực tế, anh chẳng thấy phụ nữ hay trẻ em nào hết. “Họ đã bỏ đi hoặc tìm chỗ trốn hết rồi,” Marek nói. “Nơi đây chiến tranh xảy ra suốt mà. Người ta biết mình phải làm gì.”

“Đường nào đây?” Kate nói. Cô đang đi đầu.

“Bên trái, về phía cổng chính.”

Họ quẹo trái, đi xuống một con phố hẹp, và đột ngột nghe thấy một tiếng thét phía sau. Họ quay nhìn lại, và thấy một toán lính đang chạy về phía mình. Chris không thể biết được những người lính đó đang truy đuổi họ hay là chỉ chạy qua thôi. Nhưng chẳng việc gì phải đứng chờ để tìm ra đáp án hết.

Marek chạy biến; giờ tất cả đều chạy, sau một hồi Chris nhìn lại thì thấy toán lính đã tụt lại phía sau, và anh có một cảm giác tự hào kỳ cục: họ đã bỏ xa được chúng.

Nhưng Marek chẳng mạo hiểm chút nào. Anh ta quặt gấp vào một con phố nhỏ có mùi rất hôi và nồng. Những cửa hiệu ở đây đều đã được đóng chặt, nhưng có những ngõ hẻm nhỏ chạy giữa chúng. Marek chạy xuống một con ngõ, đưa họ tới cái sân có rào bao quanh phía sau cửa hiệu. Ở giữa sân là những thùng gỗ lớn, và mấy cái giá gỗ bên dưới cái lán. Ở đây mùi hôi gần như không chịu nổi: sự pha trộn của thịt rữa và phân chuồng.

Đây là xưởng thuộc da.

“Nhanh lên,” Marek nói, và họ trèo qua hàng rào, khom người xuống dưới mấy cái thùng hôi hám.

“Ôi!” Kate nói, tay bịt mũi. “Mùi gì vậy?”

“Họ nhúng da trong phân gà đấy,” Chris thì thầm. “Ni tơ trong phân giúp da mềm hơn.”

“Tuyệt,” cô nói.

“Phân chó nữa.”

“Tuyệt.”

Chris nhìn lại và thấy nhiều cái thùng nữa, và da treo đầy trên các giá. Rải rác là những đồng nguyên liệu màu vàng bơ bốc mùi nằm chất đống trên nền đất – đó là mỡ cạo ra từ mặt trong da.

Kate nói, “Mắt tôi bông rất rồi.”

Chris chỉ tay về phía chỗ bột trắng trên những chiếc thùng xung quanh họ. Đây là những thùng vôi, một loại dung dịch kiềm đặc dùng để loại hết lông và phần thịt thừa sau khi da đã được cạo nhẵn. Và khói vôi đã làm cay mắt họ.

Rồi mọi sự chú ý của anh được đổ dồn về phía con hẻm, nơi anh nghe thấy tiếng bước chân cùng tiếng giáp trụ chát chúa. Qua hàng rào anh thấy Robert de Kere cùng bảy tên lính. Bọn lính vừa chạy vừa nhìn quanh khắp mọi nơi – tìm họ.

Tại sao chứ? Chris băn khoăn, nhìn qua cái thùng. Sao họ vẫn cứ bị truy đuổi chứ? Có điều gì quan trọng ở họ đến mức de Kere phải lờ cuộc tấn công của kẻ địch để đi tìm giết chứ?

Rõ ràng là những tên lính chẳng thích cái mùi trong ngõ này hơn Chris tí nào, vì chẳng mấy chốc de Kere đã gắt lên ra lệnh và cả bọn đều chạy ra khỏi ngõ, hướng về phía con phố.

“Thế là gì đấy?” Chris thì thầm.

Marek chỉ lắc đầu.

Họ nghe thấy tiếng đàn ông quát tháo, rồi tiếng bọn lính chạy lại xuống phố. Chris cau mày. Sao họ có thể bị nghe thấy được chứ? Anh nhìn Marek, anh ta trông cũng đầy bối rối. Họ nghe thấy tiếng de Kere hét gọi từ phía



ngoài sân: “Ở đây! Ở đây!” Có lẽ de Kere đã để một người lại phía sau. Chắc chắn thế, Chris nghĩ. Vì anh đã không thăm thì đủ to để có thể bị nghe thấy. Giờ de Kere và người của hắn đã trèo qua hàng rào – tổng cộng có tám tên; họ không đánh lại hết được.

“André,” Chris nói, chỉ về phía cái thùng. “Đây là dung dịch kiềm đấy.”

Marek cười toe. “Thế thì làm thôi,” anh ta nói, và tựa người vào chiếc thùng.

Tất cả bọn họ đều áp vai vào mặt gỗ và, gắng hết sức, đẩy được cái thùng đổ xuống. Dung dịch kiềm sủi bọt bắn tung tóe ra nền đất và chảy về phía đám lính. Mùi cay xè. Những tên lính ngay lập tức nhận ra đó là gì – bất cứ tiếp xúc nhỏ nào với cái dung dịch ấy cũng có thể làm bỏng da – chúng luống cuống lùi lại phía hàng rào, rút chân khỏi mặt đất. Những cây cột rào bắt đầu rít lên khi kiềm chạm vào. Hàng rào rung lên dưới sức nặng của tất cả bọn chúng; chúng thét lên và luống cuống chạy lại lên hẻm.

“Được rồi,” Marek nói. Anh ta dẫn họ đi sâu vào sân thuộc da, qua một cái lán, rồi vào một con hẻm khác.

\*

\*

Giờ đã là chiều muộn, và ánh sáng bắt đầu nhạt dần; trước mặt họ là những nông trại đang bốc cháy, bóng lập lòe giập dừ đổ xuống nền đất. Trước đó cũng đã có những nỗ lực nhất định để dập tắt lửa, nhưng rồi họ cũng phải bỏ cuộc; mái rạ cứ thỏa sức cháy, kêu răng rắc khi những cọng rơm cháy bay vút lên trên trời.

Họ đi theo một lối hẹp chạy quanh mấy cái chuồng lợn. Lũ lợn khịt khịt và kêu eng éc, rồi lên vì đám cháy gần đó.

Marek tránh chỗ cháy, hướng thẳng tới cánh Cổng phía Nam, nơi họ đi qua khi lần đầu tiên đến đây. Nhưng từ khoảng cách xa, họ vẫn có thể thấy

cánh cổng là cả một bãi chiến trường; đường ra gần như bị bịt kín bằng xác ngựa; lính của Arnaut phải cố lách qua những cái xác để tới được phía đội quân phòng thủ bên trong, những người đang chiến đấu ác liệt với rìu và kiếm.

Marek quay người lại, đi về phía vùng nông trại.

“Chúng ta đi đâu đây?” Chris nói.

“Không rõ nữa,” Marek nói. Anh ta đang nhìn lên bức tường bao quanh thị trấn. Lính đang chạy quanh nó, hướng về phía cánh cổng phía Nam để nhập vào trận đánh. “Tôi muốn trèo lên dãy tường đó.”

“Trèo lên tường á?”

“Ở đó kìa.” Anh ta chỉ tay về phía một cái lỗ hẹp, tối tăm trên bức tường, với những bậc thang đi lên. Họ đi lên thành tường bao quanh thị trấn. Từ điểm quan sát ở trên cao này, họ có thể thấy thêm nhiều khu nữa bị chìm trong lửa; lửa càng lúc càng lan gần tới những cửa hiệu. Chẳng mấy chốc rồi cả Castलगard sẽ ngập trong lửa. Marek nhìn về những cánh đồng phía xa. Mặt đất ở cách vị trí này hơn sáu mét. Có vài bụi cây cao chừng mét rưỡi trông đủ dày có thể làm giảm lực va chạm. Nhưng càng lúc càng khó nhìn.

“Thả lỏng đi,” anh ta nói. “Cứ để cơ thể mình được thư thái.”

“Thả lỏng?” Chris nói.

Nhưng ngay lập tức Kate đã tung người lên và bám lấy bức tường. Cô thả tay và rơi, đáp xuống đất như một con mèo. Cô ngược nhìn họ và gọi.

“Khá cao đấy,” Chris nói. “Tôi không muốn bị gãy chân đâu...”

Từ bên phải, họ nghe thấy những tiếng quát tháo. Ba người lính chạy dọc bức tường, kiếm lăm lăm trong tay.

“Thế thì đừng làm,” Marek nói, và nhảy xuống. Chris nhảy vọt xuống theo sau anh ta, đáp xuống đất, vừa cẩn thận vừa lăn lông lốc. Anh chậm chạp đứng dậy. Chẳng có cái gì gãy hết.

Anh vừa thấy nhẹ người và khá hài lòng với chính mình, thì loạt tên đầu tiên bay sượt qua tai và cắm phập xuống nền đất giữa hai chân. Lính đang bắn về phía họ từ bức tường phía trên. Marek tóm lấy cánh tay Chris và chạy về phía bụi cây dày đặc cách đó mười mét. Họ sụp xuống và đợi.

Gần như ngay lập tức, thêm nhiều loạt tên nữa bay vút qua đầu họ, nhưng lần này chúng đến từ phía ngoài những bức tường lâu đài. Trong bóng tối càng lúc càng thêm dày đặc, Chris chỉ lờ mờ thấy bóng những người lính mặc quân phục xanh lá cây và đen ở ngọn đồi bên dưới.

“Đó là quân của Arnaut!” Chris nói. “Sao họ lại bắn vào chúng ta?”

Marek không trả lời; anh ta đang bò đi, bụng áp sát xuống đất. Kate bò sát theo sau. Một mũi tên sượt qua Chris, gần đến nỗi xé rách phần vai chiếc áo chên của anh, và anh cảm thấy một cơn đau nhói.

Anh thụp người sát đất và bò theo sau họ.

## 28:12:39

“Có cả tin tốt và tin xấu đây,” Diane Kramer vừa nói vừa bước vào văn phòng của Doniger ngay trước chín giờ sáng một chút. Doniger đang ngồi bên chiếc máy tính, gõ mõ cò vào bàn phím bằng một tay trong khi tay kia cầm lon Coca.

“Cho tôi nghe tin xấu xem nào,” Doniger nói.

“Những người bị thương được đưa tới Bệnh viện Đại học. Khi họ đến đó vào đêm hôm qua, đoán xem ai ở đó nào? Chính bác sĩ đã chữa cho Traub khi ở Gallup. Một người phụ nữ tên là Tsosie.”

“Cùng một bác sĩ làm ở cả hai bệnh viện sao?”

“Phải. Cô ta chủ yếu làm ở Bệnh viện Đại học, nhưng cũng làm hai ngày một tuần ở Gallup.”

“Cứ thật,” Doniger nói. “Thế có hợp pháp không?”

“Có chứ. Gì thì gì, bác sĩ Tsosie cũng kiểm tra các kỹ thuật viên của chúng ta kỹ đến từng sợi tóc. Cô ta thậm chí còn cho cả ba người bọn họ chụp MRI nữa cơ. Cô ta đặc biệt đòi được dùng máy quét, ngay khi nghe nói là sự việc có liên quan tới ITC.”

“MRI?” Doniger cau mày. “Thế có nghĩa là cô ta cũng đã biết rằng Traub bị chia đôi.”

“Phải,” Kramer nói. “Vì rõ ràng là họ đã chụp MRI cho Traub rồi. Thế nên cô ta đang cố tìm cái gì đó. Phần cơ thể dị thường chẳng hạn.”

“Cứ thật,” Doniger nói.

“Cô ta cũng làm rối lên, khiến tất cả mọi người ở bệnh viện bực mình và hoảng loạn, và cô ta còn gọi cho cả cái tay cảnh sát Wauneka ở Gallup nữa. Có vẻ họ là bạn của nhau.”

Doniger rên rỉ. “Làm như,” gã nói, “tôi cần một tên khốn khác nữa ấy.”

“Giờ anh muốn nghe tin tốt chứ?”

“Tôi sẵn sàng rồi đây.”

“Wauneka đã gọi cho Sở Cảnh sát Albuquerque. Cảnh sát trưởng đã thân chinh xuống bệnh viện. Vài tay nhà báo. Tất cả mọi người đều ngồi quanh đợi tin khùng. Họ đang đợi tin về phóng xạ. Họ đang đợi người phát sáng trong bóng tối. Nhưng thay vào đó lại là xấu hổ ê chề. Tất cả những vết thương đều không nghiêm trọng. Hầu hết chỉ là văng miếng kính. Kể cả những vết thương do lựu đạn văng vào cũng chỉ là trên bề mặt; miếng kim loại chỉ đâm vào tới da mà thôi.”

“Những tấm chắn nước chắc chắn đã làm giảm lực văng của các mảnh vụn,” Doniger nói.

“Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng mọi người đã khá là thất vọng đấy. Và rồi sự kiện cuối cùng – chiếc máy MRI – ba lần đẹp cả ba. Chẳng ai trong số mấy người của chúng ta bị lỗi dịch chuyển hết. Vì tất nhiên họ chỉ là kỹ thuật viên thôi mà. Cảnh sát trưởng Albuquerque tức tối. Giám đốc bệnh viện tức tối. Cảnh phóng viên bỏ đến một khu nhà đang cháy. Trong khi đó thì gã nào đó bị sỏi thận tí chết vì không được chụp MRI, vì cô bác sĩ Tsosie đã chiếm cứng cái máy. Đột nhiên cô ta lại thấy lo ngại cho sự nghiệp của mình. Wauneka bị mất tín nhiệm. Cả hai đều phải đi lánh.”

“Tuyệt,” Doniger vừa nói vừa đập bàn. Gã cười nhăn nhó. “Bọn dờ ấy đáng bị thế.”

“Và trên hết,” Kramer nói đầy đắc thắng, “cô nhà báo người Pháp, Louise Delvert, đã đồng ý đến thăm cơ sở của chúng ta.”

“Cuối cùng thì cũng đã đến! Khi nào thế?”

“Tuần tới. Chúng ta sẽ dẫn cô ta theo cái tua vớ vẫn thông thường.”

“Bắt đầu trở thành một ngày siêu tuyệt vời rồi đấy,” Doniger nói. “Cô biết không, chúng ta có thể thực sự cho được tất cả mọi thứ vào lại trong chai đấy. Hết chưa?”

“Mấy người bên truyền thông sẽ tới đây vào lúc trưa.”

“Cái đấy là tin xấu chứ,” Doniger nói.

“Và Stern đã tìm thấy cái máy mẫu cũ kia. Anh ta muốn quay lại. Gordon đã nói là tuyệt đối không được, nhưng Stern muốn anh phải xác nhận là anh ta không được đi cơ.”

Doniger ngừng một chút, “Tôi nói là cho anh ta đi.”

“Bob...”

“Sao anh ta lại không nên đi chứ?” Doniger nói.

“Vì nó chẳng an toàn chút nào hết. Cái máy ấy chỉ có hệ thống chặn tối thiểu thôi. Nó đã không được đem ra dùng hàng năm nay rồi, và nó đã có một bề dày lịch sử về việc gây ra lỗi dịch chuyển cho những người sử dụng rồi đấy. Anh ta có thể không trở lại được đâu.”

“Tôi biết thế.” Doniger xua tay. “Chẳng gì trong cái đồng hồ thành vấn đề hết.”

“Thế cái gì mới thành vấn đề?” cô nói, bối rối thấy rõ.

“Baretto.”

“Baretto?”

“Tôi vừa nghe thấy tiếng vọng à? Diane, nghĩ đi, vì Chúa.”

Kramer cau mày, lắc đầu.

“Sắp xếp tất cả lại nào. Baretto chết ngay khi quay về quá khứ được độ một hai phút. Có đúng không? Ai đó đã bắn đầy tên vào anh ta, ngay khi chuyển đi mới bắt đầu.”

“Đúng...”

“Vài phút đầu,” Doniger nói, “là lúc tất cả mọi người còn đang đứng quanh mấy cái máy, cùng nhau, làm thành một nhóm. Đúng không? Thế lý do gì khiến chúng ta nghĩ là Baretto bị giết còn những người khác thì không?”

Kramer chẳng nói gì hết.

“Dễ hiểu là bất cứ ai đã giết Baretto thì cũng đầy khả năng là đã giết hết bọn họ rồi. Giết sạch cả cái đồng hồ ấy rồi.”

“Được rồi...”

“Thế có nghĩa là có khả năng họ sẽ không quay trở lại được nữa. Giáo sư không quay lại. Cả nhóm đã biến mất. Bây giờ đây là xui xẻo, nhưng chúng ta có thể xử lý được vụ mất tích của một nhóm người: một tai nạn thí nghiệm thảm khốc khi tất cả các thí thể đều bị thiêu rụi, hay một vụ tai nạn máy bay, ai biết đây là đâu...”

Có một khoảng lặng.

“Trừ việc là vẫn còn Stern,” Kramer nói. “Anh ta biết toàn bộ câu chuyện.”

“Đúng thế.”

“Thế nên anh cũng muốn cho anh ta về nốt. Tổng khứ anh ta đi luôn. Quét dọn sạch sẽ.”

“Không hẳn thế,” Doniger nói ngay. “Này, tôi phản đối việc đó. Nhưng anh ta tự nguyện cơ mà. Anh ta muốn giúp bạn mình. Tôi mà đứng ngáng đường là sai đấy.”

“Bob,” cô nói, “có những lúc anh đúng là một thằng khốn.”

Doniger đột ngột phá lên cười. Gã cười sảng sặc, rít lên, sặc sụa, như một đứa trẻ. Đó là cái kiểu cười của rất nhiều nhà khoa học, nhưng nó luôn làm Kramer liên tưởng đến điệu cười của một con linh cẩu.

“Nếu anh cho Stern quay lại, tôi bỏ việc đây.”

Nghe thế Doniger càng cười nhiều hơn. Vẫn ngồi trên ghế, gã ngả đầu về sau. Việc đó làm cô phát cáu.

“Tôi nói thật đấy, Bob.”

Gã cuối cùng cũng ngừng cười, lấy tay lau nước mắt. “Diane, thôi nào,” gã nói. “Tôi đùa thôi mà. Dĩ nhiên là Stern không được quay lại. Tính khôi hài của cô đâu hết rồi?”

Kramer quay lưng đi. “Tôi sẽ nói lại với Stern là anh ta không quay về quá khứ được,” cô nói. “Nhưng rõ là anh không hề nói đùa.”

Doniger lại cười phá lên. Những tiếng khùng khục kiểu linh cầu ngập trong phòng. Kramer tức giận sập cửa lại rồi bỏ đi.

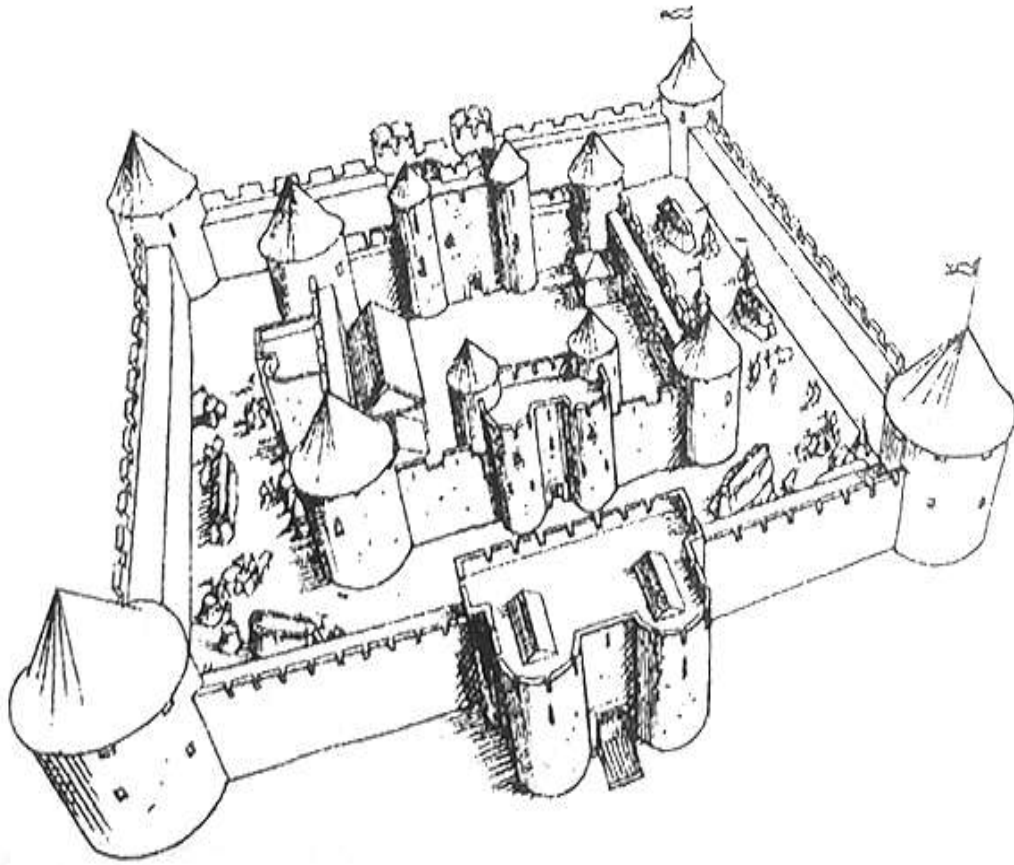


27:27:22

Trong vòng bốn mươi phút, họ đã vật lộn đi qua khu rừng ở hướng Đông Bắc Castलगard. Cuối cùng, họ cũng lên được đến đỉnh đồi; nơi cao nhất trong vùng, có thể dừng lại để lấy hơi và nhìn xuống.

“Ôi Chúa ơi,” Kate nói, nhìn chăm chăm.

Họ cùng nhau nhìn xuống sông, và tu viện nằm ở phía đối diện. Nhưng mọi sự chú ý của họ đều đổ dồn vào tòa lâu đài cấm ở cao phía trên tu viện kia: pháo đài La Roque. Nó thật đồ sộ! Trong ánh chiều tím sẫm, tòa lâu đài sáng lên với ánh đèn từ hàng trăm ô cửa sổ và từ những ngọn đuốc chạy dọc các lỗ châu mai. Nhưng dù có ánh đèn rực rỡ thế, pháo đài vẫn đầy vẻ hắc ám. Những bức tường ngoài tối đen nổi trên hào nước lạnh như tờ. Bên trong là một vòng tường hoàn chỉnh nữa, với rất nhiều tháp tròn, và ở giữa tổ hợp ấy, tòa lâu đài chính, với đại sảnh và một tòa tháp hình chữ nhật tối tăm, đâm cao ba mươi mét vào nền trời.



Marek nói với Kate, “Nó trông có giống La Roque của thời hiện đại không?”

“Chẳng giống chút nào,” Kate nói, lắc đầu. “Cái này thật khổng lồ. Tòa lâu đài hiện đại chỉ có đúng một vòng tường ngoài mà thôi. Tòa này có tới hai: một vòng tường phụ bây giờ không còn nữa.”

“Theo như tôi biết,” Marek nói, “chưa ai có thể dùng vũ lực mà chiếm được nó hết.”

“Tôi có thể thấy được là tại sao rồi,” Chris nói, “nhìn xem nó tọa lạc ở đâu kia.”

Ở phía Đông và phía Nam, pháo đài được dựng trên một vách đá vôi, dốc thẳng đứng hơn một trăm năm mươi mét xuống dòng Dordogne bên dưới. Về phía Tây, nơi vách đá ít dốc hơn, những ngôi nhà đá của thị trấn

trèo thẳng lên phía lầu đài, nhưng bất cứ ai lần theo con đường qua thị trấn cũng đều sẽ phải đối mặt với một con hào rộng và vài cái cầu kéo. Ở hướng Bắc, đất thoải hơn, nhưng tất cả cây ở đây đã bị đốn trụi, để lại trảng đất lộ thiên chẳng có lấy một chỗ để núp – một hướng tiến công tự sát cho bất cứ đội quân nào.

Marek chỉ tay. “Nhìn đằng kia kìa,” anh ta nói.

\*

\*

Trong ánh hoàng hôn, một toán lính đang tiến tới lầu đài theo con đường đất từ phía Tây. Hai hiệp sĩ đi đầu cầm đuốc, và nhờ ánh sáng đó họ có thể thấy lờ mờ Oliver, Guy, Giáo sư, và những hiệp sĩ còn lại của Oliver làm thành nhóm đi sau theo hàng đôi. Những hình thù đó ở quá xa đến nỗi họ chỉ có thể nhận ra được nhờ bóng dáng và cử chỉ. Nhưng ít nhất thì Chris cũng không có chút nghi ngờ gì về những thứ vừa nhìn thấy.

Anh vừa thở dài vừa nhìn họ băng qua cây cầu kéo bắc qua con hào và đi qua một cánh cổng lớn với hai cái tháp đôi bán nguyệt – hay gọi là cổng song-D, vì hai tòa tháp trông giống như hai chữ D song sinh khi được nhìn từ trên xuống. Lính trên tháp theo dõi những kỵ sĩ khi họ tiến vào.

Bên trong cánh cổng, những kỵ sĩ tiến vào một khoảng sân đóng kín khác. Ở đây, rất nhiều ngôi nhà dài bằng gỗ đã được dựng lên. “Đó là nơi các đội quân đóng trạm,” Kate nói.

Nhóm người đó phóng qua cái sân trong, đi qua chiếc cầu kéo thứ hai bắc trên con hào thứ hai, đi qua cánh cổng thứ hai với cặp tháp song sinh còn lớn hơn: cao hơn mười mét, và sáng rực lên với ánh đèn hắt qua những khe bản cung trên tường.

Chỉ khi tới cái sân sâu nhất trong lầu đài họ mới xuống ngựa. Giáo sư được Oliver dẫn tới đại sảnh; họ biến mất vào bên trong.

Kate nói, “Giáo sư nói rằng nếu bị tách ra, chúng ta nên tới tu viện và tìm đạo hữu Marcel, người giữ chìa khóa. Tôi nghĩ là thầy ấy muốn nói tới chiếc chìa khóa dẫn tới đường hầm bí mật.”

Marek gật đầu. “Và đó là việc chúng ta sẽ làm. Sẽ tối nhanh thôi. Và khi đó chúng ta có thể đi được.”

Chris nhìn xuống đồi. Trong ánh sáng nhạt nhoàng, anh có thể nhìn thấy những toán lính nhỏ lẻ trên cánh đồng, tất cả đều hướng về phía bờ sông. Họ sẽ phải đi qua toàn bộ đám lính đó. “Mọi người muốn tới tu viện vào tối nay à?”

Marek gật đầu. “Dù giờ nó nguy hiểm thế nào đi nữa,” anh ta nói, “thì sáng ngày mai, nó sẽ còn tệ hơn kia.”

## 26:12:01

Đêm không trăng. Bầu trời đen sẫm, lấp lánh sao và lác đác vài đám mây trôi. Marek dẫn họ xuống đồi và đi qua thị trấn Castelgard đang chìm trong lửa, tiến vào một vùng tối tăm. Chris ngạc nhiên thấy rằng khi mắt mình đã quen với bóng tối, anh có thể thực sự thấy mọi vật khá rõ nhờ ánh sao. Có lẽ là vì chẳng có ô nhiễm không khí gì ở đây, anh nghĩ vậy. Anh nhớ đã đọc rằng trong những thế kỷ đầu, người ta có thể thấy Kim tinh suốt cả ngày như bây giờ ta nhìn thấy mặt trăng vậy. Dĩ nhiên là việc đó đã trở thành không thể hàng trăm năm nay rồi.

Anh cũng ngạc nhiên trước sự yên tĩnh đến tuyệt đối của màn đêm. Những âm thanh lớn nhất họ nghe thấy là tiếng bước chân của chính mình trên cỏ và qua những bụi rậm.

“Chúng ta sẽ theo đường mòn,” Marek thì thầm, “rồi đi xuống bờ sông.”

Tốc độ của họ khá chậm. Marek thường dừng lại, khom người xuống lắng nghe chừng hai, ba phút rồi mới tiếp tục đi tiếp. Gần như cả tiếng đồng hồ đã trôi qua họ mới thấy bóng dáng con đường đất chạy từ thị trấn xuống dòng sông. Một vệt dài mờ nhạt nổi lên trên nền cỏ và cây lá tối đen bao quanh.

Marek dừng lại ở đây. Quanh họ là một sự yên lặng đến tuyệt đối. Chỉ nghe thấy tiếng gió nhẹ thổi. Chris mất hết kiên nhẫn, chỉ muốn tiến lên. Sau một phút chờ đợi, anh bắt đầu đứng dậy.

Marek ấn anh xuống.

Anh ta đặt ngón tay lên môi.

Chris lắng nghe. Anh đã nhận ra, không chỉ có mỗi tiếng gió. Có cả tiếng người thì thầm nữa. Anh căng tai ra lắng nghe. Có một tiếng ho khê, nơi nào đó phía trước. Rồi một tiếng ho khác, gần hơn, ở cùng bên đường với họ.

Marek chỉ tay về hai bên. Chris nhìn thấy ánh bạc mờ – áo giáp dưới ánh sao – giữa những bụi cây bên kia đường

Và anh nghe thấy tiếng sột soạt càng lúc càng gần.

Đó là một trận phục kích, lính đang chực chờ ở cả hai bên đường.

Marek chỉ tay lại về phía họ vừa đi qua. Thật lạng lẽ, họ rời khỏi con đường đất.

\*

\*

“Giờ đi đâu?” Chris thì thầm.

“Chúng ta sẽ tránh xa khỏi đường mòn. Đi về hướng Đông của dòng sông. Đường kia.” Marek chỉ, và họ bắt đầu khởi hành.

Giờ thì Chris căng người ra lắng nghe cả những tiếng động nhỏ nhất. Những tiếng bước chân của họ to quá, chúng đã che hết cả những âm thanh khác rồi. Anh đã hiểu vì sao Marek cứ phải dừng lại nhiều thế. Đó là cách duy nhất để chắc chắn.

Họ quay lại cách đường mòn chừng hai trăm mét, rồi đi thẳng xuống phía dòng sông, di chuyển giữa những cánh đồng trên vùng đất giờ đã trống trơn. Dù trời gần như tối đen, Chris vẫn thấy mình cứ lồ lộ ra. Những cánh đồng được rào quanh bằng đá thấp, thế là họ có một chỗ nấp khá ổn. Nhưng anh vẫn thấy không yên, và anh thở phào nhẹ nhõm khi họ quay lại chỗ đất đầy những cây bụi, về phía tối hơn trong màn đêm.

\*

\*

Thế giới tăm tối, lặng lẽ này hoàn toàn xa lạ với anh, nhưng anh đã nhanh chóng thích nghi với nó. Hiếm nguy chực chờ ở những cử động nhỏ nhất, ở những âm thanh gần như tai không thể nghe thấy. Chris khom khom tiến lên, đầy căng thẳng, ướm thử từng bước một trước khi dồn cả trọng lượng cơ thể xuống, đầu anh liên tục xoay trái phải, trái phải.

Anh thấy mình cứ như một con dã thú, và anh nghĩ về cái lúc Marek nhe răng ra trước khi tấn công trong căn phòng ấy, giống một dạng khi đột nào đó. Anh nhìn về phía Kate và thấy rằng cô cũng đang vừa cúi khom vừa căng người ra tiến về phía trước.

Vì lý do nào đó, anh lại nghĩ về cái phòng thảo luận ở tầng hai bảo tàng Peabody, lúc ở Đại học Yale, với những bức tường màu kem sữa cùng với đồ đạc bằng gỗ sẫm màu bóng loáng, và về những cuộc tranh luận giữa những sinh viên ngồi quanh cái bàn dài: khảo cổ tiến trình chủ yếu mang tính lịch sử hay chủ yếu mang tính khảo cổ; các tiêu chuẩn theo quan điểm của chủ nghĩa hình thức có được xem trọng hơn các tiêu chuẩn theo quan điểm của chủ nghĩa khách quan không; học thuyết tiến hóa có che giấu một nhiệm vụ quy chuẩn nào không.

Chẳng lạ gì khi họ tranh cãi như thế. Vấn đề được đặt ra chỉ là những khái niệm trừu tượng thuần túy, chẳng chứa bất cứ cái gì ngoài không khí – chẳng nhiều hơn chém vào trong gió. Những cuộc tranh luận trống rỗng của họ chẳng bao giờ có thể được giải quyết; những câu hỏi chẳng bao giờ được trả lời. Nhưng vẫn có rất nhiều nhiệt huyết, vẫn có rất nhiều sự cuồng nhiệt trong những cuộc tranh luận đó. Chúng từ đâu tới? Ai quan tâm chứ? Anh giờ còn chẳng nhớ nổi vì sao chúng lại quan trọng đến thế.

Thế giới hàn lâm học thuật dường như đã bị đẩy lùi ra xa, mờ ảo và xám xịt trong tâm trí, trong khi anh đang cố tìm đường xuống con dốc tối đen hướng về phía dòng sông. Nhưng dù anh có hoảng sợ đến mức nào trong đêm nay, dù sinh mạng anh có gặp nguy hiểm và đang căng ra như dây đàn, thì theo một cách nào đó mọi chuyện vẫn cứ thật một cách khá vững dạ, thậm chí còn rất hấp dẫn, và...

Anh nghe thấy tiếng cành cây gãy, thế là anh như bị đóng băng.

Marek và Kate cũng như đóng băng cả lại.

Họ nghe thấy những tiếng sột soạt trong bụi rậm về phía bên trái, và một tiếng khịt nhỏ. Họ đứng yên bất động. Marek nắm chặt lấy thanh kiếm.

Và cái bóng đen nhỏ bé của một con heo rừng ụt ịt chạy qua chỗ họ.

“Lẽ ra nên giết nó,” Marek thì thầm. “Tôi đói.”

Họ bắt đầu tiến lên phía trước, nhưng rồi Chris nhận ra rằng không chỉ có họ làm con vật hoảng sợ. Vì giờ họ đã nghe thấy, không lầm vào đâu được, hàng loạt những tiếng chân. Loạt soạt, giẫm lên bụi rậm. Đi thẳng về phía họ.

\*

\*

Marek cau mày.

Anh ta có thể thấy rõ trong bóng tối lấp loáng những áo giáp sắt đỏ đậy. Hẳn phải có bảy hoặc tám tên lính, đang tiến vội về hướng Đông, rồi sụp xuống, trốn sau bụi rậm, lại trở nên yên lặng.

Chuyện quái gì đang diễn ra thế này?

Toán lính đã quay lại chỗ đường đất, trốn ở đó chờ đợi họ. Giờ chúng lại đi về phía Đông, và lại tiếp tục chờ đợi họ.

Bằng cách nào?

Anh ta nhìn Kate đang bò bên cạnh mình, nhưng cô cũng chỉ ánh lên vẻ hoảng sợ.

Chris, cũng đang bò, vỗ nhẹ lên vai Marek. Chris lắc đầu, rồi chỉ lên tai mình đầy ngụ ý.



Marek gật đầu, lắng nghe. Lúc đầu chẳng thấy gì ngoài tiếng gió. Lúng túng, anh ta quay lại nhìn Chris, anh đang gõ vào tai mình.

Anh đang muốn nói là, bật tai nghe lên.

Marek gõ nhẹ vào tai.

Sau một tiếng cạch ngắn để âm thanh được truyền đi, anh ta vẫn chẳng nghe thấy gì hết. Anh ta nhún vai về phía Chris, đang giơ hai bàn tay ra: Đợi. Marek chờ đợi. Chỉ sau vài giây im lặng lắng nghe thì anh ta mới nhận ra cái tiếng thờ đều đặn, nhẹ nhàng của một người nào đó.

Anh ta nhìn Kate và đưa tay lên môi. Cô gật đầu. Anh ta nhìn Chris. Chris cũng gật đầu luôn. Họ đều đã hiểu. Không được tạo ra tiếng động nào hết.

Lần nữa, Marek lại chăm chú lắng nghe. Anh ta vẫn nghe thấy tiếng thờ nhẹ nhàng trong tai mình.

Nhưng nó chẳng phát ra từ ai trong số họ hết. Một ai đó khác.

\*

\*

Chris thì thầm, “André. Thế này quá nguy hiểm. Tối nay đừng vượt sông đi.”

“Phải,” Marek thì thầm. “Chúng ta sẽ quay lại Castलगard và trốn bên ngoài tường thành qua đêm vậy.”

“Được rồi. Tốt.”

“Đi nào.”

Trong bóng tối, họ gật đầu với nhau, rồi từ tốn gõ nhẹ lên tai, tắt tai nghe đi.

Và họ sụp xuống đợi.

Vài giây sau, họ nghe thấy tiếng bọn lính bắt đầu di chuyển, một lần nữa lại chạy qua mấy bụi cây. Lần này, chúng đi lên đồi – quay trở lại Castelgard.

\*

\*

Họ đợi thêm khoảng năm hoặc sáu phút nữa. Và rồi họ đi xuống đồi, xa khỏi Castelgard.

Chris là người đã ráp nối tất cả lại với nhau. Vừa trèo xuống sườn đồi trong đêm tối, anh vừa thấy một con muỗi ra khỏi tai, và cử động đó đã vô tình bật cái tai nghe lên; chẳng bao lâu sau, anh nghe thấy tiếng ai đó hắt hơi.

Và chẳng ai trong số họ vừa hắt hơi hết.

Vài giây sau, họ bắt gặp con lợn, và khi đó anh nghe thấy tiếng ai đó thở hổn hển vì hết hơi. Trong khi Kate và Marek đang đứng cạnh anh trong bóng tối, lại chẳng di chuyển gì hết.

Đó là lúc anh nhận ra một cách chắc chắn rằng ai đó đã giữ một cái tai nghe – và giờ nghĩ lại, anh có một ý tưởng khá chính xác về việc nó đến từ đâu. Gomez. Chắc chắn đã có ai đó lấy nó từ cái đầu bị cắt cụt của Gomez. Vấn đề duy nhất của cái ý tưởng đó là...

Marek huých vào người Chris. Chỉ về phía trước.

Kate đưa hai ngón cái lên và cười toe.

\*

\*

Rộng và nông, dòng sông gợn sóng và chảy róc rách trong đêm. Dòng Dordogne ở đoạn này khá rộng; họ chỉ lơ mờ thấy bờ bên kia, một hàng dài cây và bụi rậm dày đặc tối đen. Họ chẳng thấy có chút động tĩnh nào hết. Nhìn ngược lên, Chris chỉ thấy được bóng chiếc cầu cối xay. Anh biết cối xay sẽ đóng cửa khi đêm xuống; những người làm ở đó chỉ được vào ban ngày, vì chỉ một ngọn nến cũng có thể gây ra một vụ nổ lớn giữa luồng không khí bụi bặm.

Marek chạm vào tay Chris, rồi chỉ về phía bờ đối diện. Chris nhún vai; anh chẳng thấy gì hết.

Marek lại chỉ tay lần nữa.

Cố nheo mắt, Chris chỉ lơ mờ phân biệt được bốn luồng khói mờ ảo đang cuộn lên trời. Nhưng nếu chúng là từ đám cháy, sao lại chẳng có chút ánh sáng nào?

Đi dọc bờ sông, họ ngược dòng, và cuối cùng tới chỗ một chiếc thuyền được neo bên bờ. Nó đập nhẹ vào đá giữa dòng. Marek nhìn về phía bờ bên kia. Họ giờ còn cách đám khói một đoạn.

Anh ta chỉ tay về phía chiếc thuyền. Họ có muốn thử liều không?

Lựa chọn còn lại, Chris biết, là bơi qua sông. Đêm lạnh buốt; anh chẳng muốn bị ướt chút nào. Anh chỉ tay về phía chiếc thuyền và gật đầu.

Kate gật đầu.

Họ trèo lên thuyền, và Marek lặng lẽ đưa họ qua dòng Dordogne.

\*

\*

Ngồi bên cạnh Chris, Kate nghĩ về cuộc nói chuyện giữa họ khi đang chèo qua sông vài ngày trước. Đã bao nhiêu ngày trôi qua rồi nhỉ? Chắc chắn là

mới chỉ hai hôm trước thôi, cô nhận ra là thế. Nhưng dường như đã là cả tuần rồi.

Cô liếc nhìn về phía bờ xa, tìm kiếm bất cứ động tĩnh nào. Thuyền của họ là một cái bóng đen trên nền nước đen giữa một ngọn đồi đen, nhưng họ vẫn có thể bị phát hiện nếu có ai đó để ý.

Nhưng rõ ràng là chẳng có ai để ý hết. Giờ đã gần tới bờ rồi, và với một tiếng rít, chiếc thuyền đi vào vệt cỏ ven sông và dừng lại ở một chỗ đất mềm. Họ trèo ra. Họ thấy một con đường đất hẹp chạy dọc theo rìa sông. Marek đưa tay lên môi, và đi theo con đường. Anh ta đang đi về phía luồng khói.

Họ cẩn trọng đi theo.

Vài phút sau, họ đã có câu trả lời. Có bốn đám cháy, ở các điểm khác nhau dọc bờ sông. Lửa bị bao quanh bởi những mảnh giáp vỡ vụn vương vãi trên đụn đất, thế nên chỉ có khói là lộ ra.

Nhưng chẳng có bóng lính nào hết.

Marek thì thầm. “Trò cũ thôi. Những đám cháy tạo cảm giác sai lệch về vị trí thật.”

Kate không thực sự chắc về việc cái “trò cũ” này được dùng để làm gì. Có lẽ để làm ra vẻ có lực lượng mạnh hơn, quân số đông hơn là thật. Marek dẫn họ đi qua những đám cháy không ai để ý đến, về phía những đám cháy khác xa hơn cuối bãi. Họ đi sát bên mặt nước, nghe tiếng rì rầm của dòng sông. Khi họ đi tới đám cháy cuối cùng, Marek đột ngột xoay gót và đổ rạp xuống đất. Kate và Chris cũng sụp xuống theo, và rồi họ nghe thấy có tiếng người, hát một bài hát lặp đi lặp lại đầy chất say xỉn; lời kiểu kiểu như là “Bia làm một người đàn ông ngủ bên đống lửa, bia làm một người đàn ông đắm mình trong bùn lầy...”

Nó cứ ngân nga không dứt. Nghe lời hát, cô nghĩ: đây là bài “Chín mươi chín chai bia trên tường”. Và đúng như thế, ngẩng đầu lên nhìn, cô thấy gần chục tên lính mặc quân phục xanh lá cây và đen đang ngồi quanh

một đồng lửa, vừa uống rượu vừa hát âm ỉ. Có lẽ họ được ra lệnh phải làm ồn lên để minh chứng cho những đồng lửa kia.

Marek ra hiệu cho họ quay lại, và khi họ đã đi được một quãng, anh ta dẫn họ sang phía trái, tránh xa khỏi dòng sông. Họ bỏ lại đằng sau rặng cây bên sông, và rồi lại luồn qua những cánh đồng quang quẻ, rộng mở. Cô nhận ra rằng đây chính là những cánh đồng mình đã đi qua lúc sáng. Và quả đúng như vậy, giờ cô có thể nhìn thấy ánh đèn vàng mờ nhạt ở những ô cửa sổ tầng trên của tu viện nơi một vài thầy tu làm việc khuya. Và cái bóng đen của những túp lều mái rạ thẳng ngay phía trước.

Chris chỉ tay về phía tu viện. Sao họ không đến đó đi?

Marek lấy hai tay làm gối: Mọi người đang ngủ.

Chris nhún vai: Thì sao?

Marek làm điệu bưng bình, giật mình, thất kinh. Anh ta dường như muốn nói rằng họ sẽ tạo ra một trận hỗn loạn nếu đi vào đó lúc nửa đêm thế này.

Chris nhún vai: Thế thì sao?

Marek xua ngón tay: Không phải là ý hay. Anh ta mấp máy môi, *Đến sáng đi.*

Chris thở dài.

Marek đi qua vài căn lều trại, đến khi tới một nhà trại bị cháy ra tro – bốn bức tường, và phần còn lại cháy đen của những cây trụ gỗ chống mái nhà. Anh ta dẫn họ vào trong, đi qua một cánh cửa mở toang có một vệt đỏ vằn lên trên. Kate chỉ lờ mờ thấy nó trong bóng tối.

Bên trong túp lều là cỏ mọc cao ngất, với vài mảnh gốm vỡ. Marek bắt đầu sục sạo trong đồng cỏ, cho tới khi anh ta lôi ra hai chiếc bình đất sét miệng hơi mẻ. Kate thấy chúng trông giống như mấy cái bình đi vệ sinh. Marek cẩn thận đặt chúng lên trên cái bậu cửa sổ cháy đen. Cô thì thầm, “Chúng ta ngủ đâu đây?”

Marek chỉ tay xuống đất.

“Sao chúng ta không vào tu viện được?” cô thì thầm, chỉ tay về phía bầu trời trên đầu họ. Đêm lạnh. Cô đói. Cô muốn một nơi kín đáo và ấm áp.

“Không an toàn,” Marek thì thầm. “Chúng ta ngủ đây thôi.”

Anh ta nằm xuống đất và nhắm mắt lại.

“Sao lại không an toàn?” cô nói.

“Vì ai đó có cái tai nghe. Và họ biết chúng ta đang đi đâu.”

Chris nói, “Tôi muốn nói với anh về...”

“Không phải bây giờ,” Marek nói mà không thèm mở mắt. “Đi ngủ đi.”

Kate nằm xuống, và Chris nằm bên cạnh cô. Cô áp lưng vào lưng anh. Chỉ là cho ấm thôi. Lạnh quá quắt.

Phía xa, cô nghe có tiếng sấm.

\*

\*

Khoảng quá nửa đêm thì trời đổ mưa. Cảm thấy những giọt mưa nặng trĩu rơi lên má mình, cô đứng dậy ngay khi trận mưa rào đổ xuống. Cô nhìn quanh và thấy một chái nhà bằng gỗ nhỏ, bị cháy một phần nhưng vẫn còn trụ được. Cô và Chris bò ra, ngồi bên dưới chái nhà nhỏ, rồi lại nép người vào nhau. Marek đi đến, nằm xuống gần đó, và ngủ ngay lập tức. Cô thấy mưa cứ bắn tung lên má anh ta, nhưng anh ta đã ngáy rồi.

## 26:12:01

Gần chục khí cầu bay lên giữa dãy núi mặt bàn dưới ánh mặt trời buổi sáng. Giờ đã gần mười một giờ. Một trong những chiếc khí cầu đó có họa tiết đích dắc, làm Stern liên tưởng đến một bức tranh cát của người Navajo.

“Tôi xin lỗi,” Gordon nói. “Nhưng câu trả lời là không. Anh không thể dùng cỗ máy mẫu đó để trở về quá khứ được. Nó quá nguy hiểm.”

“Tại sao? Tôi đã nghĩ là tất cả đều rất an toàn. An toàn hơn cả đi xe ô tô. Nguy hiểm gì chứ?”

“Tôi đã nói với anh là chúng tôi không gặp phải lỗi dịch chuyển – lỗi xảy ra trong quá trình tái tạo,” Gordon nói. “Nhưng cũng không hoàn toàn chính xác là thế đâu.”

“Bình thường thì, đúng là chúng tôi không thể tìm được bất cứ một dấu hiệu nào cho thấy là có lỗi cả. Nhưng nó hẳn là vẫn xảy ra với bất cứ chuyến đi nào. Chỉ là quá nhỏ nên không thể phát hiện được thôi. Nhưng giống như hiện tượng phơi xạ, lỗi dịch chuyển cũng sẽ tăng tiến dần. Anh không thể nhận thấy chúng sau một chuyến đi, nhưng sau hai mươi chuyến đi, những dấu hiệu đó bắt đầu trở nên rõ ràng. Có thể là một vết sẹo nhỏ trên da. Một vết nhỏ trên giác mạc. Hay anh bắt đầu có những triệu chứng bệnh lý đáng kể như tiểu đường, hay vấn đề về hệ tuần hoàn. Một khi chuyện đó xảy ra, anh sẽ không được đi nữa. Vì anh không thể liều để cho những chuyện đó trở nên tồi tệ hơn. Có nghĩa là anh đã tới giới hạn du hành rồi.”

“Và chuyện đã xảy ra như thế à?”

“Phải. Với một số động vật thí nghiệm. Và với vài người. Những người tiên phong – những người đã dùng cỗ máy thử nghiệm này.”

Stern lưỡng lự. “Những người đó giờ đâu rồi?”

“Hầu hết vẫn đang ở đây, vẫn đang làm việc cho chúng tôi. Nhưng họ không du hành nữa. Họ không thể.”

“Được rồi,” Stern nói. “Nhưng tôi đang nói về chuyện chỉ đi có một chuyến thôi mà.”

“Và chúng tôi đã không sử dụng hay kiểm tra cỗ máy này trong một thời gian dài rồi,” Gordon nói. “Có thể ồm, và cũng có thể không. Nhìn này: giả tôi để anh quay lại, và anh đến năm 1357, anh phát hiện ra rằng mình bị lỗi nghiêm trọng, anh không dám quay trở lại. Vì anh không thể liều bị thêm lỗi nữa.”

“Anh đang nói là tôi sẽ phải ở lại đó.”

“Đúng.”

Stern nói, “Chuyện này đã xảy ra với ai chưa?”

Gordon dừng lại. “Có khả năng.”

“Anh muốn nói là giờ đang có người kẹt lại đó?”

“Có khả năng,” Gordon nói. “Chúng tôi không chắc.”

“Nhưng biết được là rất quan trọng đấy,” Stern nói, đột ngột trở nên phấn khích. “Anh đang nói với tôi là đã có ai đó ở đấy và có thể giúp họ.”

“Tôi không biết,” Gordon nói, “liệu cái người đó có chịu giúp không.”

“Nhưng chẳng lẽ chúng ta lại không được nói gì với họ sao? Khuyến họ gì đó?”

“Chẳng có cách nào liên lạc được với họ hết.”

“Thực ra thì,” Stern nói, “tôi nghĩ là có đấy.”



## 16:12:23

Run lên vì lạnh, Chris tỉnh dậy trước lúc bình minh. Bầu trời xám nhạt, mặt đất phủ đầy một lớp sương mỏng. Anh đang ngồi dưới chái nhà, đầu gối thu lại ép vào cằm, lưng tựa vào tường. Kate ngồi bên cạnh, vẫn đang ngủ. Anh dịch người ra nhìn quanh, và nhăn mặt vì đau nhói. Toàn thân anh bị căng cứng và đau nhức – hai cánh tay, hai chân, ngực, tất cả mọi chỗ. Cổ cũng đau khi anh cố quay đầu.

Anh ngạc nhiên khi thấy vai chiếc áo choàng của mình có vết máu khô đông lại. Rõ ràng là mũi tên đêm trước đã cắt đủ sâu tới mức làm vết thương chảy máu. Chris thử cử động tay, hít một hơi sâu trong cơn đau, nhưng anh nghĩ rằng mình vẫn ổn.

Anh rùng mình trong hơi ẩm buổi sáng. Thứ anh muốn bây giờ là một đồng lửa ấm áp và cái gì đó ăn được. Bụng anh đang sôi ùng ục. Anh chưa ăn gì trong hơn hai mươi tư tiếng đồng hồ rồi. Và anh đang khát. Họ sẽ phải tìm nước ở đâu chứ? Liệu có thể uống được nước từ dòng Dordogne không? Hay họ cần phải tìm một con suối? Và họ phải đi đâu mới tìm được thức ăn đây?

Anh quay sang hỏi Marek, nhưng Marek chẳng còn ở đó nữa. Anh xoay người nhìn quanh ngôi nhà – đau nhói, rất đau – nhưng Marek đã biến mất.

Đang chuẩn bị đứng dậy thì anh nghe thấy những bước chân đang tiến lại gần. Marek? Không, anh đoán định: anh đang nghe thấy tiếng bước chân của hơn một người. Và anh nghe thấy tiếng lách cách của áo giáp lười nữa.

Những bước chân tiến lại gần hơn, rồi dừng lại. Anh nín thở. Về bên phải, chỉ cách đầu anh chưa tới một mét, một cái bao tay sắt của bộ giáp lười hiện lên trên khung cửa và tựa lên bậu cửa sổ. Ống tay phía trên chiếc bao tay màu xanh lá cây, viền đen.

Người của Arnaut.

“*Hic nemo habitavit nuper,*” một giọng đàn ông nói.

Câu đáp lại đến từ phía cửa. “*Et intellego quare. Specta, porta habet signum rubrum. Estne pestilentiae?*”

“*Pestilentiae? Certo scine? Abeamus!*”

Bàn tay nhanh chóng rút lại, và những bước chân vội vã chạy ra xa. Cái tai nghe của anh chẳng dịch chút nào hết, vì nó đã bị tắt đi rồi. Anh phải dựa vào vốn tiếng Latin của mình. *Pestilentiae* là gì thế? Có lẽ là “bệnh dịch”. Những tên lính thấy cái vệt trên cửa và đã vội bỏ đi.

Lạy Chúa, anh nghĩ, đây có phải một căn nhà bị dịch không? Có phải đó là lý do tại sao nó lại bị đốt đi không? Liệu ta có còn bị lây bệnh không? Anh đang băn khoăn về chuyện này thì kinh hoàng nhìn thấy một con chuột đen kịt chạy ra khỏi đồng cỏ rậm, rồi chạy qua cửa. Chris rùng mình. Kate tỉnh dậy và ngáp dài, “*Mấy giờ...*”

Anh ấn tay lên môi cô và lắc đầu.

Anh nghe tiếng những người đàn ông đó đang bỏ đi, giọng nói nhặt dần trong sương sớm. Chris trườn ra khỏi căn nhà chái, lần ra phía cửa sổ, và cảnh giác nhìn ra.

Anh thấy có ít nhất một tá lính bao quanh họ, mặc đồ xanh lá cây và đen theo quân phục của Arnaut. Những người lính này đang cẩn thận kiểm tra tất cả những căn nhà mái rạ gần những bức tường tu viện. Đang nhìn thì Chris thấy Marek đi về phía đám lính. Marek đang khom mình, một chân lê lệt xệt. Anh ta mang ít rau trên tay. Những tên lính cản anh ta lại. Marek nhũn nhặn cúi đầu. Người anh ta dường như nhỏ tí, trông thật yếu đuối. Anh ta cho bọn lính xem trong tay mình có gì. Đám lính cười phá lên và đẩy anh ta sang bên. Marek đi tiếp, vẫn khom lưng và đẩy vè cung kính.

\*

\*

Kate nhìn Marek đi qua ngôi nhà cháy của họ và biến mất phía sau bức tường tu viện. Anh ta rõ ràng là không định đi ra chỗ họ khi đám lính vẫn còn đang ở quanh đó.

Chris đã bò lại chỗ chái nhà, nhăn mặt. Vai anh có vẻ rất đau; máu khô dính trên lớp vải. Cô giúp anh cởi cúc chiếc áo chèn ra, khuôn mặt anh nhăn nhúm và môi cắn chặt. Thật nhẹ nhàng, cô kéo chiếc áo lót cổ rộng bằng vải lanh của anh ra, và thấy toàn bộ phần ngực trái đều thâm tím cả lại, với một vết vàng nhạt vẫn đen ở hai bên. Đó chắc chắn là chỗ anh bị mũi thương thúc vào.

Nhìn nét mặt cô, anh thì thầm, “Tệ thế à?”

“Tôi nghĩ chỉ bị bầm thôi. Có lẽ là vài cái xương sườn gãy.”

“Đau không chịu được.”

Cô luồn chiếc áo khỏi vai anh, để lộ ra vết tên. Nó cắt chéo qua bề mặt da tới năm xăng ti mét, máu khô đóng kết lại.

“Thế nào?” Anh vừa nói vừa nhìn nét mặt cô.

“Chỉ là một vết cắt thôi.”

“Có bị nhiễm trùng không?”

“Không, có vẻ sạch lắm.”

Cô kéo cái áo chèn xuống sâu hơn, thấy thêm nhiều vết bầm trên lưng và bên sườn, dưới cánh tay anh. Cả người anh là một vết bầm khổng lồ. Chắc chắn phải rất đau. Cô ngạc nhiên là sao anh lại không phàn nàn thêm nữa. Gì thì gì, đây cũng chính là cái người sẵn sàng nổi cơn nếu ai đó cho anh ta ăn nấm khô thay vì nấm tươi trong món trứng ốp lết buổi sáng. Người có thể bĩu môi ra chê món rượu vang.

Cô bắt đầu cài cúc chiếc áo chèn cho anh. Anh nói, “Tôi có thể làm được mà.”

“Tôi giúp anh...”

“Tôi nói là, *tôi có thể làm được mà.*”

Cô lùi lại, giơ tay lên. “Được rồi. Được rồi.”

“Kiểu gì thì tôi cũng phải làm cho mấy cái tay cử động thôi,” anh nói, vừa cài cúc vừa nhăn mặt. Anh tự mình cài lại hết hàng khuy. Nhưng sau đó, anh ngồi tựa lại vào tường, mắt nhắm, mồ hôi chảy ròng ròng vì mệt và đau.

“Chris...”

Anh mở mắt ra. “Tôi ổn mà. Thực sự đấy, đừng lo cho tôi. Tôi cực kỳ ổn.”

Và anh thật sự nghĩ thế.

Cô gần như có cảm giác là mình đang ngồi cạnh một con người hoàn toàn xa lạ.

\*

\*

Khi Chris nhìn thấy vai và ngực mình – màu tím của thịt thối – anh đã ngạc nhiên trước phản ứng của chính mình, vết thương khá nặng. Anh đã nghĩ là mình sẽ khiếp sợ, hay hoảng loạn. Nhưng thay vào đó, anh chỉ thấy nhẹ bẫng, gần như chẳng chút lo nghĩ. Cơn đau có thể làm anh thở hắt ra, nhưng cũng chẳng thành vấn đề. Anh chỉ thấy hạnh phúc là mình vẫn còn sống, và đối mặt với một ngày mới. Những lời phàn nàn quen thuộc, những lời chỉ trích, và cảm giác bất an của anh đột nhiên trở nên chẳng chút quan trọng. Thay vào đó, anh phát hiện ra rằng mình có một nguồn năng lượng vô tận – một nguồn sinh khí bốc lên ngùn ngụt mà anh không thể nhớ đã từng ném trải nó trước đây. Anh thấy nó cuộn chảy trong người mình, như một dạng nhiệt năng. Thế giới xung quanh anh dường như sống động hơn, hấp dẫn hơn trước nhiều.

Đối với Chris, bình minh xám xịt mang một vẻ đẹp thật tính khôi. Không khí ẩm ướt, mát lạnh mang hương cỏ ướt và đất ẩm. Những hòn đá sau lưng đỡ cho anh. Cả cơn đau cũng có ích vì nó xóa đi những cảm xúc

không cần thiết. Anh cảm thấy thật đơn giản, tinh tảo và sẵn sàng cho tất cả mọi thứ. Đây là một thế giới khác, với những quy luật khác.

Và lần đầu tiên anh thực sự đã hòa vào nó.

Thực sự đã ở trong nó.

\*

\*

Khi đội lính đã đi, Marek quay lại. “Mọi người có hiểu gì không?” Anh ta nói.

“Gì cơ?”

“Lính đang đi lùng ba người từ Castelgard: hai đàn ông và một phụ nữ.”

“Tại sao?”

“Arnaut muốn nói chuyện với họ.”

“Nổi tiếng chẳng hay sao,” Chris vừa nói vừa cười khẩy. “Tất cả mọi người đều chạy theo chúng ta.”

Marek đưa cho mỗi người một nắm cỏ và lá ướm. “Rau đồng này. Đồ ăn sáng đấy. Ăn đi.”

Chris nhai rau rầu. “Ngon tuyệt,” anh nói. Anh thực sự nghĩ như vậy.

“Cái cây có lá răng cưa làm hạ sốt đấy. Ăn vào đỡ đau. Cái cọng trắng là liều. Giúp giảm sưng.”

“Cảm ơn,” Chris nói. “Ăn ngon lắm.”

Marek nhìn chăm chăm vào Chris đầy bất ngờ. Anh ta nói với Kate, “Cậu ta có làm sao không đấy?”

“Thực ra thì, tôi nghĩ là anh ta ổn đấy.”

“Tốt. Ăn hết đi, rồi thì chúng ta sẽ đến tu viện. Nếu chúng ta có thể qua được bọn lính gác.”

Kate tháo bộ tóc giả ra. “Chẳng thành vấn đề,” cô nói. “Chúng đang tìm hai người đàn ông và một phụ nữ. Thế: giờ ai có con dao sắc nhất nào?”

\*

\*

May mắn là tóc cô đã ngắn sẵn rồi: chỉ mất vài phút là Marek đã cắt hết mấy lọn tóc dài và thế là xong. Trong khi anh ta đang làm, Chris nói, “Tôi đã nghĩ suốt tối qua.”

“Rõ ràng, ai đó có tai nghe,” Marek nói.

“Đúng thế,” Chris nói. “Và tôi nghĩ tôi biết chúng lấy được nó từ đâu.”

“Gomez,” Marek nói.

Chris gật đầu. “Đó là suy đoán của tôi. Anh không lấy nó khỏi người cô ấy đấy chứ?”

“Không. Lúc đó tôi đã không nghĩ tới việc đó.”

“Tôi chắc chắn là một người nào đó có thể đẩy nó đủ sâu vào tai mình để nghe, dù nó không vừa với tai của anh ta đi chẳng nữa.”

“Phải,” Marek nói. “Nhưng câu hỏi là, ai? Đây là thế kỷ mười bốn. Một cái cục hồng hồng nói giọng nhỏ nhỏ là đồ phù thủy. Ai mà tìm thấy thì chắc chắn sẽ thất kinh thôi. Bất cứ ai nhặt nó lên cũng sẽ vứt đi như thả khoai tây nóng – và rồi sẽ giẫm nát nó ngay lập tức. Hoặc sẽ chạy như điên ấy.”

“Tôi biết,” Chris nói. “Thế nên đó là lý do tại sao bất cứ khi nào nghĩ về nó, tôi cũng chỉ thấy có một câu trả lời duy nhất hợp lý.”

Marek gật đầu. “Bọn khốn ấy đã không nói cho ta biết.”

“Nói cho ta biết cái gì?” Kate nói.

“Rằng có ai đó đang ở đây. Ai đó từ thế kỷ hai mươi.”

“Đó là câu trả lời duy nhất hợp lý,” Chris nói.

“Nhưng ai?” Kate nói.

Chris đã nghĩ về chuyện này suốt buổi sáng. “De Kere,” anh nói. “Chắc hẳn phải là de Kere.”

Marek lắc đầu.

“Nghĩ mà xem,” Chris nói. “Hắn ta mới ở đây được có một năm, đúng không? Không ai biết hắn từ đâu đến, đúng không? Hắn ta dần chiếm được niềm tin của Oliver, và hắn ghét tất cả chúng ta, vì hắn biết chúng ta cũng có thể làm thế, đúng không? Hắn ta dẫn quân khỏi xưởng thuộc da, đi tận lên phố, *cho tới khi chúng ta nói* – và rồi hắn quay ngoắt lại chỗ chúng ta. Tôi nói thật đấy, chắc hẳn phải là de Kere.”

“Chỉ có một vấn đề duy nhất,” Marek nói. “De Kere nói tiếng Occitan chuẩn.”

“Thật ra, anh cũng thế mà.”

“Không. Tôi nói như một anh ngoại quốc vụng về ấy. Hai người chỉ nghe lời dịch trong cái tai nghe. Tôi nghe những gì họ thực sự nói. De Kere nói như một người bản xứ vậy. Hắn nói cực kỳ trôi chảy, và ngữ điệu của hắn thì hoàn toàn khớp với những người khác. Và Occitan là từ ngữ ở thế kỷ hai mươi. Chẳng có lý nào hắn ta có thể đến từ cùng thế kỷ với chúng ta mà có thể nói được như vậy hết. Hắn phải là người bản xứ.”

“Có thể hắn là một nhà ngôn ngữ học.”

Marek lại lắc đầu. “Không phải de Kere,” anh ta nói. “Là Guy Malegant.”

“Hiệp sĩ Guy?”

“Không phải bàn,” Marek nói. “Tôi đã ngờ hắn từ lúc chúng ta bị tóm trong đường hầm. Nhớ không? Chúng ta gần như là hoàn toàn tĩnh lặng ở trong đó – nhưng hắn ta đã mở cửa ra và tóm được chúng ta. Hắn thậm chí

còn chẳng giả vờ bất ngờ nữa. Hắn chẳng thèm rút kiếm ra. Khá thẳng tuột đấy, gọi báo động luôn. Vì hắn đã biết chúng ta ở đó sẵn rồi.”

“Nhưng mọi chuyện không xảy ra như thế. Ngài Daniel đi vào,” Chris nói.

“Thật là ông ta không?” Marek nói. “Tôi chẳng nhớ là ông ta có vào không nữa.”

“Thực ra thì,” Kate nói, “tôi nghĩ là có thể Chris đúng đấy. Có thể là de Kere. Vì khi tôi ở ngõ hẻm giữa nhà nguyện và lâu đài, trên bức tường nhà nguyện được khá cao rồi, thì de Kere bảo bọn lính đi giết mấy người, và tôi nhớ là tôi đã ở quá xa và lẽ ra không thể nghe thấy chúng nói gì được, nhưng tôi vẫn nghe thấy.”

Marek nhìn chăm chăm vào cô. “Thế rồi có chuyện gì?”

“Rồi de Kere thì thầm với một tên lính... Và tôi không thể nghe thấy hắn nói gì nữa.”

“Phải. Vì hắn không có cái tai nghe. Nếu hắn có, cô đã nghe được tất cả mọi thứ rồi, kể cả thì thầm nữa. Nhưng hắn không có. Là Guy. Ai đã chặt đầu Gomez? Guy và người của hắn. Ai có nhiều khả năng quay lại chỗ cái xác và lấy cái tai nghe nhất? Guy. Những gã khác sợ hãi trước cỗ máy phát sáng. Chỉ có Guy là không sợ gì thôi. Vì hắn biết nó là cái gì. Hắn thuộc thể kỷ của chúng ta.”

“Tôi không nghĩ là Guy đã ở đó đâu,” Chris nói, “khi cỗ máy phát sáng ấy.”

“Nhưng điều mấu chốt chỉ ra đó là tên Guy,” Marek nói, “là cái tiếng Occitan của hắn cực tệ. Hắn nói như người New York ấy, nói bằng giọng mũi.”

“Ồ, chẳng phải hắn đến từ Middlesex sao? Và tôi không nghĩ là hắn có gia thế tử tế đâu. Tôi có cảm tưởng là hắn được phong hiệp sĩ vì sự can đảm, chứ không phải vì gia đình thế lực gì.”



“Hắn không phải là một thương thủ đủ giỏi để hạ gục cậu trong lần ra thương đầu tiên,” Marek nói. “Hắn không phải là một tay kiếm đủ giỏi để giết tôi trong lần đấu tay đôi. Tôi nói cho mà nghe. Là Guy de Malegant.”

“Được rồi,” Chris nói, “có là ai đi nữa, thì giờ chúng cũng biết là ta đang tới tu viện rồi.”

“Đừng thế,” Marek nói, lùi khỏi Kate và nhìn mái tóc của cô đánh giá. “Thế thì đi nào.”

Kate chạm tay vào tóc đầy vẻ e ngại. Cô nói, “Liệu tôi có nên mừng vì đây không có gương không nhỉ?”

Marek gật đầu. “Có lẽ.”

“Trông tôi có giống con trai không?”

Chris và Marek liếc nhìn nhau. Chris nói, “Kiểu kiểu thế.”

“Kiểu kiểu thế?”

“Phải. Cô giống. Cô giống con trai lắm.”

“Đủ giống, ừm,” Marek nói.

Họ đứng dậy.

**15:12:09**

Cánh cửa gỗ nặng nề kêu rắc một cái rồi mới mở ra. Từ bóng tối phía trong, một khuôn mặt bị che khuất dưới cái mũ trùm đầu ngó ra nhìn họ. “Chúa phù hộ mọi người mọi chuyện tốt đẹp và phồn thịnh,” vị thầy tu nghiêm trang nói.

“Chúa phù hộ ngài sức khỏe và sự thông tuệ,” Marek trả lời bằng tiếng Occitan.

“Mọi người đến đây có việc gì vậy?”

“Chúng tôi muốn được gặp đạo hữu Marcel.”

Vị thầy tu gật đầu, như thể anh ta đã trông đợi họ từ trước. “Được thôi, mọi người có thể vào,” vị thầy tu nói. “Mọi người đến đúng lúc đấy, vì ông ấy vẫn đang ở đây.” Anh ta mở cửa ra rộng hơn một chút để họ có thể đi vào, từng người một.

Họ bước vào một phòng chờ xây bằng đá, rất tối. Họ ngửi thấy hương hoa hồng và cam. Từ trong tu viện, họ nghe thấy tiếng cầu kinh nho nhỏ.

“Mọi người có thể để vũ khí ở đây,” người thầy tu nói, chỉ tay về phía góc phòng.

“Bằng hữu, tôi sợ là chúng tôi không thể,” Marek nói.

“Mọi người chẳng có gì phải sợ khi ở đây hết,” anh ta nói. “Bỏ vũ khí hoặc rời khỏi đây.”

Marek định cự lại, nhưng cuối cùng vẫn tháo gươm ra.

\*

\*

Vị thầy tu đi trước dẫn họ xuống một khu hành lang tĩnh lặng. Những bức tường ở đây chỉ là đá trần. Họ rẽ rồi đi xuống một hành lang khác. Tu viện rất rộng, như mê cung vậy.

Đây là một tu viện của dòng tu kín Citeaux: tăng lữ ở đây mặc áo chùng trắng bằng vải thô. Sự khắc khổ của hội thánh Citeaux là một đòn đánh có chủ đích vào những hội suy đồi hơn như các dòng Benedict và Dominic. Những thầy tu dòng Citeaux phải tuân thủ những luật lệ cực kỳ nghiêm ngặt, trong một môi trường tu khổ hạnh khắc nghiệt. Trong suốt hàng thế kỷ, những thầy tu Citeaux không cho phép trang trí hay chạm trổ bất cứ thứ gì lên những tòa nhà đơn sơ của họ, những bản thảo của họ cũng vậy. Bữa ăn của họ gồm có rau, bánh mì và nước, chẳng thịt hay xốt gì hết. Giường cứng; phòng trống trải và lạnh lẽo. Tất cả mọi góc độ trong cuộc sống tu hành của họ đều đúng kiểu Spartan. Nhưng thực tế là, cái kiểu sống khổ hạnh này đã...

*Cắc!*

Marek quay về nơi phát ra tiếng động. Họ đang đi vào sân – một khoảng sân không mái che bên trong tu viện, được bao quanh bởi những lối đi có vòm che ở ba phía, được dùng để làm nơi đọc sách và suy ngẫm.

*Cắc!*

Giờ họ nghe thấy có tiếng cười. Những tiếng quát tháo của đàn ông.

*Cắc! Cắc!*

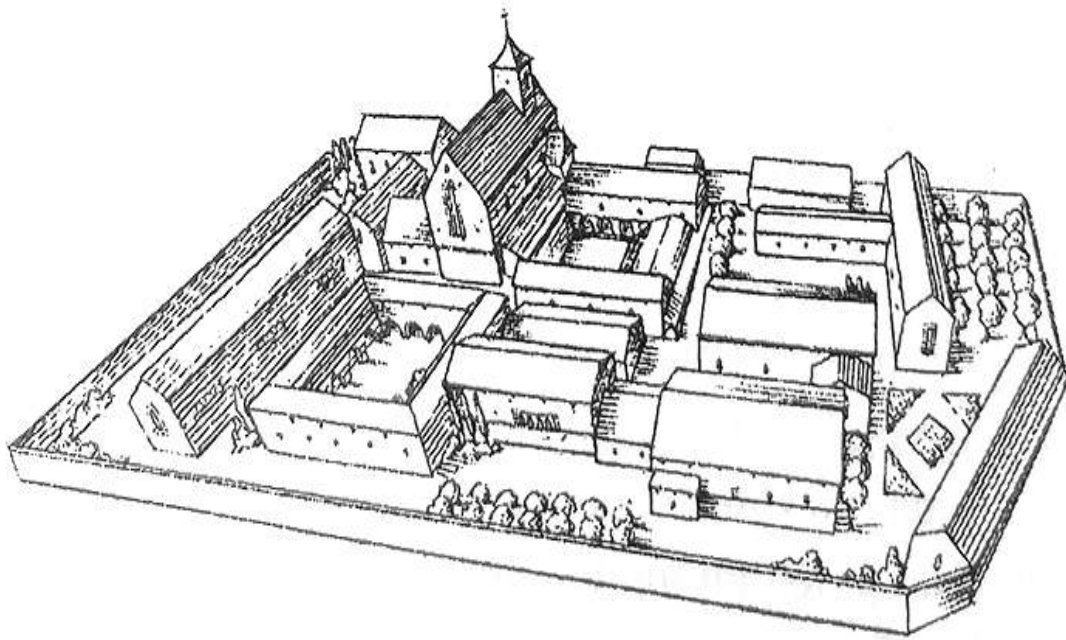
Khi họ đi vào khoảng sân, Marek nhìn thấy đài phun nước và vườn ở trung tâm đã bị phá bỏ. Sân trống trải, đất nền được nện cứng. Bốn người đàn ông, mồ hôi đầm đìa trong bộ áo vải lanh, đang đứng chỗ sân đất, chơi một dạng bóng chuyền gì đó.

*Cắc!*

Quả bóng lăn trên đất, rồi những người đàn ông đẩy và huých lẫn nhau, cứ để nó lăn. Khi nó dừng lại, một người nhặt nó lên và nói lớn, “*Tenez!*” rồi hất bóng lên và lấy lòng bàn tay đập vào nó. Quả bóng đập vào rồi nảy

lại từ bức tường bên của hành lang bao lấy khoảng sân. Mấy người đàn ông thét lên và đẩy lẫn nhau để chiếm vị trí. Bên dưới những vòm che lối đi, những thầy tu và quý tộc gào thét cổ vũ, những túi tiền cước kêu leng keng trên tay.

Có một thanh ván dài bằng gỗ được gắn trên một bức tường, và mỗi lần quả bóng đập vào thanh ván ấy – kêu lên một tiếng *bịch!* – lại thêm nhiều tràng hò reo cổ vũ từ những tay cá độ đứng xem.



Mất một lúc Marek mới nhận ra thứ anh ta đang nhìn thấy là gì: tiền thân của môn tennis.

*Tenez* – tiếng quát của người giao bóng, có nghĩa là, “Đón lấy này!” – là một trò mới, được phát minh từ khoảng hai mươi lăm năm trước đó, và nó đã kịp trở thành niềm đam mê của thời đại rồi. Vợt và lưới thì vài thế kỷ nữa mới xuất hiện; còn bây giờ, đây là một dạng bóng chuyền, được tất cả tầng lớp xã hội chơi. Trẻ em chơi trên phố. Trong giới quý tộc, trò chơi thịnh hành đến mức nó làm nở ra một trào lưu xây tu viện mới – những tu viện bị bỏ dở ngay khi những cái sân có hành lang bao quanh được dựng xong. Hoàng tộc còn lo ngại rằng các hoàng tử sẽ sao nhãng việc trui rèn để trở

thành hiệp sĩ mà bỏ hàng giờ vào những trận tennis, thường kéo dài tới tận khuya dưới ánh đuốc. Cá cược là chuyện hằng ngày. Vua John đệ nhị của nước Pháp, giờ đang bị cầm tù ở Anh, qua năm tháng, đã phải bỏ một khoản kha khá để trả các món nợ nần liên quan đến tennis của mình. (Vua John được biết đến với cái tên là John Tài Giỏi, nhưng người ta nói là John giỏi gì thì giỏi, chứ chắc chắn không giỏi tennis.)

Marek nói, “Anh có thường chơi ở đây không?”

“Rèn luyện giúp tăng cường sinh lực và giúp tâm trí thêm sắc sảo,” vị thầy tu đáp ngay lập tức. “Chúng tôi chơi trong hai sân ở đây.”

Khi họ đi qua khoảng sân, Marek để ý thấy vài tay cá độ mặc áo chùng màu xanh lá cây, viền đen. Những người đàn ông đó đầy vẻ dạn dày sương gió với cách hành xử như quân trộm cướp.

Rồi họ rời khu hành lang, và đi lên một dãy cầu thang. Marek nói với vị thầy tu, “Có vẻ như là giáo hội rất chào đón người của Arnaut de Cervole.”

“Sự thật là thế,” vị thầy tu nói, “vì họ sẽ giúp chúng tôi và trả cối xay lại cho chúng tôi.”

“Nó bị lấy đi à?” Marek hỏi.

“Có thể nói như vậy.” Vị thầy tu đi về phía ô cửa sổ nhìn xuống dòng Dordogne, cầu cối xay, một phần tư dặm ngược dòng.

“Dùng chính đôi tay mình, những thầy tu của tu viện Sainte-Mère đã xây cối xay, với sự chỉ đạo của kiến trúc sư đáng tôn kính của chúng tôi, đạo hữu Marcel. Marcel rất được kính trọng trong tu viện. Như mọi người cũng biết, thầy ấy là kiến trúc sư cho tu viện trưởng đời trước, Giám mục Laon. Thế là cối xay do thầy ấy thiết kế, và chúng tôi thì xây, là tài sản của tu viện này, và cả lệ phí dùng nó cũng thế.

“Thế nhưng ngài Oliver đòi phải đóng thuế cho ông ta, dù ông ta chẳng có cơ chính đáng nào, trừ việc quân đội của ông ta chiếm đóng vùng này. Vì thế tu viện trưởng của chúng tôi rất hài lòng khi Arnaut thề rằng sẽ trả cối

xay cho tu viện, và dỡ bỏ lệnh thuế. Và thế là chúng tôi rất thân thiện với người của Arnaut.”

Chris vừa lắng nghe tất cả những chuyện này vừa nghĩ, *Luận văn của mình!* Nó chính xác như những nghiên cứu của anh đã chỉ ra. Dù một số người vẫn nghĩ rằng thời Trung Cổ là một quãng thời gian thụt lùi, Chris biết rằng nó thực ra là một thời đại của những tiến bộ kỹ thuật vượt bậc, và theo cách nghĩ đó thì nó chẳng khác thời đại chúng ta là mấy. Trên thực tế, cuộc cách mạng cơ khí hóa công nghiệp vốn là đặc trưng của phương Tây đã diễn ra đầu tiên vào thời Trung Cổ. Nguồn năng lượng dồi dào nhất vào thời kỳ đó – sức nước – đã được phát triển rất mạnh mẽ, và được áp dụng vào rất nhiều việc: không chỉ xay thóc mà còn để làm sạch vải vóc, rèn sắt, ủ bia, làm gỗ, trộn vữa và xi măng, làm giấy, và chạy ống bễ lò rèn để làm thép. Trên khắp châu Âu, ở mỗi con sông lại có hai con đập cách nhau nửa dặm được dựng lên; những thuyền xay được cột dưới chân các cây cầu. Ở vài nơi, trùng điệp những cối xay, cái nọ tiếp nối cái kia, cứ lần lượt thay nhau tận dụng sức nước.

Các cối xay thông thường được vận hành độc quyền, và chúng là nguồn thu nhập chủ yếu – và cũng là nguồn xung đột chủ yếu nữa. Kiện tụng, giết người và chiến tranh là bạn đồng hành thường xuyên của cối xay. Và đây là một ví dụ cho thấy điều đó...

“Nhưng mà,” Marek nói, “tôi thấy là cối xay vẫn đang nằm trong tay của lãnh chúa Oliver đấy chứ, vì cờ hiệu của ông ta vẫn bay trên tháp và cung thủ của ông ta vẫn trên tường thành đấy thôi.”

“Oliver giữ cầu cối xay,” vị thầy tu nói, “vì cầu gần đường tới La Roque, và bất cứ ai chiếm cối xay cũng sẽ chiếm luôn đường. Nhưng Arnaut sẽ nhanh chóng chiếm được cối xay thôi.”

“Và trả nó lại cho mọi người.”

“Đúng thế.”

“Và tu viện sẽ làm gì để đáp lại cho Arnaut?”

“Chúng tôi sẽ cầu Chúa ban phước cho ông ta, dĩ nhiên là thế rồi,” vị thầy tu nói. Và một lát sau, anh ta thêm, “Và chúng tôi cũng sẽ trả cho ông ta xứng đáng.”

\*

\*

Họ đi qua một phòng viết, những thầy tu ngồi thành dãy bên những cái giá viết, lặng lẽ chép lại các bản thảo. Nhưng đối với Marek, tất cả đều trông có vẻ sai khác thế nào đó; thay vì một bầu không khí trầm tư mặc tưởng trong những bài kinh cầu, công việc của họ được đệm bởi tiếng hò la và tiếng đập bóng trong sân. Và bất chấp những điều lệ ngăn cấm tranh minh họa của dòng tu Citeaux cổ, rất nhiều thầy tu đang ngồi vẽ tranh minh họa trên các góc và dọc theo lề các bản thảo. Các họa sĩ ngồi với một khay cọ vẽ và những cái đĩa đá đựng đủ loại màu sắc. Vài bức tranh được trang trí cực kỳ rực rỡ.

“Đường này,” vị thầy tu nói, và đưa họ đi xuống những bậc thang dẫn vào một khoảng sân nhỏ ngập trong nắng. Ở một phía, Marek thấy tám người lính mặc quân phục Arnaut, đang đứng dưới nắng. Anh ta thấy rằng họ vẫn đeo gươm.

Vị thầy tu dẫn họ tới một ngôi nhà nhỏ ở rìa sân, và rồi đi vào một cánh cửa. Họ nghe thấy có tiếng nước chảy tí tách và thấy một đài phun nước bể rất rộng. Họ nghe thấy những lời cầu nguyện, bằng tiếng Latin. Ở giữa phòng, có hai thầy tu mặc áo choàng đang tắm rửa cho một thân thể trắng bệch, trần trụi trên một chiếc bàn.

“Đạo hữu Marcellus,” vị thầy tu thì thầm, nhẹ cúi đầu.

Marek chăm chăm nhìn. Mất một lát anh ta mới nhận ra là mình đang nhìn thấy cái gì.

Đạo hữu Marcel đã chết.





## 14:52:07

Phản ứng của họ đã làm họ bị lộ. Vị thầy tu có thể thấy rõ rằng họ không hề biết rằng Marcel đã chết. Vừa cau mày, anh ta vừa nắm lấy tay Marek và nói, “Sao mấy người lại đến đây?”

“Chúng tôi đã hy vọng được nói chuyện với đạo hữu Marcel.”

“Ông ấy mất tối qua.”

“Ông ấy chết thế nào?” Marek nói.

“Chúng tôi không biết. Nhưng như mọi người có thể thấy, ông ấy cũng có tuổi rồi.”

“Chúng tôi khẩn thiết cần tới ông ấy,” Marek nói, “không biết tôi có được xem đồ dùng của ông ấy không...”

“Ông ấy không có tư trang nào hết.”

“Nhưng chắc chắn là phải có vật dụng cá nhân nào chứ...”

“Ông ấy sống rất thanh bạch.”

Marek nói, “Liệu tôi có được xem qua phòng của ông ấy không?”

“Tôi xin lỗi, không thể được.”

“Nhưng tôi sẽ rất cảm kích nếu...”

“Đạo hữu Marcel sống ở cối xay. Phòng ông ấy ở đó nhiều năm rồi.”

“À.” Cối xay giờ thuộc quyền cai quản của lính Oliver. Họ không thể tới đó được, ít nhất là vào lúc này.

“Nhưng có lẽ tôi có thể giúp gì đó cho anh. Nói tôi nghe, yêu cầu khẩn thiết của anh là gì vậy?” Vị thầy tu hỏi. Anh ta nói một cách bình thản, nhưng Marek đã cảnh giác ngay lập tức.

“Là chuyện riêng ấy mà,” Marek nói “Tôi không nói được.”

“Ở đây chẳng có chuyện gì riêng hết,” vị thầy tu nói. Anh ta tiến ra chỗ cửa. Bản năng mách bảo Marek là anh ta đang định báo động.

“Là một lời nhờ cậy của Học giả Edwardus.”

“Học giả Edwardus!” Thái độ của vị thầy tu thay đổi hoàn toàn. “Sao anh không nói thế từ trước? Và các anh là gì với Học giả Edwardus?”

“Sự thật thì, chúng tôi là trợ lý của thầy ấy.”

“Thật chứ?”

“Thật sự là vậy.”

“Sao mọi người không nói thế từ trước? Học giả Edwardus rất được hoan nghênh ở đây, ông ấy đang giúp ngài tu viện trưởng thì bị người của lãnh chúa Oliver bắt đi.”

“À.”

“Đi với tôi ngay nào,” vị thầy tu nói. “Tu viện trưởng sẽ muốn được gặp mọi người lắm đấy.”

“Nhưng chúng tôi phải...”

“Tu viện trưởng mong lắm đấy. Đi nào!”

\*

\*

Quay lại chỗ nắng, Marek để ý thấy giờ có thêm biết bao nhiêu là lính mặc quân phục xanh lá cây viền đen đang tụ tập trên sân tu viện. Và những người lính này không hề thư thái chút nào; họ đầy cảnh giác, lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu.

Nhà của tu viện trưởng khá nhỏ, làm bằng gỗ được chạm trổ tinh xảo, tọa lạc ở một góc xa trong tu viện. Họ được dẫn vào một phòng chờ nhỏ

đóng ván gỗ, nơi một thầy tu đứng tuổi, lưng còng và nặng nề như một con cóc, ngồi trước một cánh cửa đóng kín.

“Tu viện trưởng đáng kính có trong đó không vậy?”

“Sự thật là giờ ngài ấy đang lắng nghe một người xưng tội.”

Từ phòng bên cạnh, họ nghe thấy những tiếng cạch cạch đều đặn.

“Ngài ấy định để cô ta cầu nguyện đến bao giờ?” Vị thầy tu hỏi.

“Có thể cũng lâu đấy,” thầy tu trông như con cóc nói. “Cô ta rất hay mắc lỗi. Và lỗi thì cứ thường xuyên lặp đi lặp lại thôi.”

“Tôi mong ngài nói cho tu viện trưởng biết sự hiện diện của những người đáng kính này,” thầy tu nói, “vì họ mang tin của Edwardus de Johnes tới.”

“Cứ yên tâm là ta sẽ nói lại cho,” “con cóc” chán chường nói. Nhưng Marek đã thấy nét nhìn đầy quan tâm ánh lên trong mắt ông lão. Có ý nghĩa gì đó đã được ghi nhận.

“Đã gần tới lần cầu nguyện thứ ba trong ngày rồi,” “con cóc” nói, ngược nhìn mặt trời. “Liệu mấy vị khách đây có định dùng bữa tối thanh đạm với chúng ta không?”

“Rất cảm ơn, nhưng không, chúng tôi sẽ...” Chris húng hắng ho. Kate huých vào lưng Marek. Marek nói, “Chúng tôi rất hân hạnh, nếu không quá phiền.”

“Vì Chúa, mọi người rất được hoan nghênh ở đây.”

Họ đang định rời tới phòng ăn thì một thầy tu trẻ hụt hơi chạy vào phòng. “Lãnh chúa Arnaut đang tới! Ông ấy muốn gặp tu viện trưởng ngay lập tức!

“Con cóc” đứng bật dậy và nói với họ, “Mấy người đi ngay.” Và ông ta mở một cánh cửa phụ ra.

\*

\*

Đó là lý do tại sao họ lại đứng trong một căn phòng nhỏ, đơn sơ gần với khu của tu viện trưởng. Tiếng giường cọt kẹt đã ngừng; họ nghe thấy tiếng “con cóc” thì thầm, ông ta đang nói với vợ gì đó với tu viện trưởng.

Một lát sau, cánh cửa thứ hai bật mở và một người phụ nữ bước vào, chân trần, đang vội mặc lại quần áo, mặt đỏ bừng. Cô ta cực kỳ đẹp. Khi cô ta quay người lại, Chris bất ngờ nhận ra đó là phu nhân Claire.

Nhìn thấy nét mặt anh, cô ta nói, “Sao anh nhìn thế?”

“Ừm, thưa phu nhân...”

“Thiếu hiệp, vẻ mặt của anh là không công bằng chút nào. Sao anh dám phán xét tôi? Tôi là một nữ quý tộc, đơn độc ở nơi xa lạ, chẳng có ai cứu vớt, bảo vệ, hay dẫn dắt. Nhưng tôi vẫn phải tìm đường tới Bordeaux, xa tới hơn ba trăm ki lô mét, và rồi tới Anh nếu tôi còn muốn đòi đất của chồng mình. Đó là nhiệm vụ của một góa phụ như tôi, và trong thời điểm chiến tranh loạn lạc này, tôi sẽ không ngần ngại làm mọi việc cần thiết để đạt được nó đâu.”

Chris đang nghĩ, ngần ngại chẳng phải một đức tính của người phụ nữ này. Anh bất ngờ trước sự mạnh bạo của cô ta. Mặt khác, Marek đang nhìn cô ta với vẻ ngưỡng mộ lộ rõ. Anh ta nhẹ nhàng nói, “Xin hãy tha thứ cho anh ta, thưa phu nhân, vì anh ta còn trẻ và hay thiếu suy nghĩ thế đấy.”

“Tình thế thay đổi. Tôi cần một lời giới thiệu mà chỉ tu viện trưởng mới cấp được. Tôi thuyết phục được theo cách nào thì tôi cứ làm thế thôi.” Phu nhân Claire giờ đang lò cò trên một chân, cô vừa đi tất vừa giữ thăng bằng. Cô ta kéo căng chiếc tất lên, duỗi thẳng váy, và rồi đội mũ bà xơ lên đầu, buộc nó thật điệu nghệ dưới cằm, để lộ mỗi khuôn mặt.

Chỉ trong chốc lát, cô ta đã trông như một bà xơ Cách xử sự của cô ta nhũn nhặn hơn, giọng nhỏ, nhẹ nhàng hơn.

“Giờ, thật ngẫu nhiên, mọi người đã biết chuyện mà tôi không định để cho ai biết. Trong chuyện này, tính mạng tôi tùy thuộc vào mọi người, và tôi mong mọi người giữ im lặng cho.”

“Được thôi thưa cô,” Marek nói, “vì chuyện của cô chẳng bận gì đến chúng tôi hết.”

“Mọi người cũng sẽ có được sự im lặng của tôi đáp lại,” cô ta nói. “Vì hiển nhiên là tu viện trưởng không muốn de Cervole biết được sự có mặt của mọi người ở đây. Tất cả chúng ta sẽ cùng giữ bí mật. Tôi có tin được mọi người không?”

“Được, thưa phu nhân,” Marek nói.

“Được, thưa phu nhân,” Chris nói.

“Được, thưa phu nhân,” Kate nói.

Nghe giọng Kate, Claire cau mày nhìn, rồi đi về phía cô. “Nói thật chứ?”

“Vâng, thưa phu nhân,” Kate nói lại.

Claire lướt tay lên ngực Kate, nhận thấy ngực lộ lên dưới lớp băng cuốn. “Cô đã cắt tóc, cô gái,” cô ta nói. “Cô biết đóng giả con trai là bị tội chết chứ?” Cô ta vừa liếc nhìn Chris vừa nói.

“Chúng tôi biết,” Marek nói.

“Cô hẳn phải rất tận tâm với ngài Học giả thì mới từ bỏ giới tính của mình.”

“Thưa phu nhân, đúng là như vậy.”

“Thế thì tôi sẽ cầu nguyện hết mình để mọi người có thể vượt qua mọi chuyện.”

Cánh cửa bật mở, và “con cóc” ra hiệu với họ. “Các quý ngài, xin mời vào. Thưa phu nhân, xin hãy ở đó, ngài tu viện trưởng sẽ mau chóng thực hiện mong ước của cô thôi. Nhưng các ngài – đi với tôi.”

\*

\*

Bên ngoài sân, Chris tựa vào Marek, thì thầm, “André. Người phụ nữ đó là thuốc độc đấy.”

Marek mỉm cười. “Tôi đồng ý là cô ấy có nét hấp dẫn...”

“André. Tôi nói thật đấy. Anh không thể tin bất cứ điều gì cô ta nói được.”

“Thế à? Tôi nghĩ cô ấy khá thẳng thắn đấy chứ,” Marek nói. “Cô ấy muốn có chỗ dựa. Và cô ấy nói đúng.”

Chris nhìn trân trân. “Chỗ dựa?”

“Đúng. Cô ấy muốn có một người bảo trợ,” Marek trầm ngâm nói.

“Người bảo trợ? Anh đang nói gì thế? Chúng ta chỉ có... còn bao nhiêu tiếng nữa?”

Marek nhìn vào sợi dây trên cổ tay. “Mười một tiếng mười phút.”

“Thế anh đang nói gì thế, một người bảo trợ là sao?”

“Ồ. Chỉ nghĩ chút thôi,” Marek nói. Anh ta quàng tay qua vai Chris. “Không quan trọng.”

## 11:01:59

Họ ngồi bên một chiếc bàn dài cùng với rất nhiều thầy tu trong một căn phòng lớn, một bát xúp thịt nghi ngút khói đặt trước mặt, và ở chính giữa bàn, những chiếc khay đầy ngất rau, thịt bò và gà trống thiến rán. Và chẳng ai cử động hết, tất cả đều cúi đầu cầu nguyện, các thầy tu lầm rầm.

*Pater noster qui es in coelis*  
*Sanctificetur nomen tuum*  
*Adveniat regnum tuum*  
*Fiat voluntas tua*<sup>31</sup>

Kate cứ liếc nhìn chỗ thức ăn. Những con gà trống thiến đang bốc khói! Chúng trông thật béo tốt, và nước mỡ vàng óng chảy tràn lên mấy chiếc đĩa. Rồi cô nhận thấy mấy thầy tu ngồi gần dường như rất băn khoăn trước sự im lặng của mình. Lẽ ra cô phải biết bài kinh cầu này chứ.

Bên cạnh cô, Marek đang lầm rầm rõ to.

*Panem nostrum quotidianum*  
*Da nobis hodie*  
*Et dimmitte nobis debita nostra*<sup>32</sup>

Cô không hiểu tiếng Latin, nên không thể khấn cùng với họ được, thế là cô cứ im lặng cho tới câu “ Amen” kết thúc bài.

Tất cả các thầy tu đều ngược nhìn lên, gật đầu với cô. Cô căng người ra, cô đã rất sợ giây phút này. Vì họ sẽ nói chuyện với cô, và cô thì chẳng thể đáp lại được. Cô sẽ phải làm gì chứ?

Cô nhìn Marek, anh ta trông có vẻ hoàn toàn thoải mái. Dĩ nhiên phải thế rồi; anh ta nói được ngôn ngữ ấy mà.

Một vị thầy tu chuyên cho cô một khay thịt bò, chẳng nói gì hết. Thực ra thì, cả phòng đều im lặng. Thức ăn cứ được luân chuyển mà không ai nói một lời nào; chẳng có âm thanh nào ngoại trừ tiếng leng keng nhẹ của đĩa và dao. Họ ăn trong yên lặng!

Cô đỡ lấy chiếc khay, gạt đầu, lấy cho mình một phần lớn, rồi một phần khác nữa, cho tới khi cô bắt gặp ánh nhìn không đồng ý của Marek. Cô đưa chiếc khay cho anh ta.

Từ trong góc phòng, một thầy tu bắt đầu đọc một bài kinh bằng tiếng Latin, những từ ngữ cứ nhịp nhàng chảy vào tai cô, trong khi cô thì cứ ăn ngấu nghiến thôi. Cô đang chết đói! Cô không thể nhớ là mình đã từng ăn bữa nào ngon hơn bữa này nữa. Cô liếc nhìn Marek, đang vừa ăn vừa nhẹ mím cười. Cô chuyển sang món xúp, thật ngon, và một lát sau, cô liếc về chỗ Marek.

Anh ta không còn cười nữa.

\*

\*

Marek từ này đã luôn cảnh giác nhìn các cửa vào. Có ba cửa vào căn phòng dài hình chữ nhật này: một bên phải anh ta, một bên trái, và một ngay đối diện họ, ở chính giữa phòng.

Chỉ vài giây trước, anh ta đã thấy một nhóm lính mặc đồ màu xanh lá cây và đen đang tụ tập ở cửa vào phía bên phải. Họ ngó vào, như thể rất thích thú với mấy món ăn, nhưng vẫn đứng bên ngoài.

Giờ anh ta thấy nhóm lính thứ hai, đứng ở cửa ra ngay phía trước. Kate nhìn anh ta, và anh ta tựa sát vào tai cô để thì thầm, “Cửa trái.” Những thầy



tu xung quanh bắn những ánh nhìn không đồng ý về phía họ. Kate nhìn Marek và nhẹ gật đầu, ám chỉ là cô đã hiểu.

Cửa bên trái dẫn tới đâu? Chẳng có người lính nào ở cánh cửa đó hết, và căn phòng bên trong rất tối. Dù nó có dẫn tới đâu đi nữa, họ cũng sẽ phải mạo hiểm. Anh ta bắt gặp ánh nhìn của Chris và giật nhẹ ngón tay cái: đến lúc đứng dậy rồi.

Chris gật đầu rất nhẹ để không ai biết. Marek vừa đẩy bát xúp của mình ra và chuẩn bị đứng dậy, thì một thầy tu bận áo thụng trắng đi về phía anh ta, cúi sát lại và thì thầm, “Tu viện trưởng muốn gặp các anh bây giờ.”

\*

\*

Tu viện trưởng của Sainte-Mère là một người đàn ông tràn trề sinh lực ngoài ba mươi tuổi, với cơ thể của một vận động viên và cặp mắt sắc sảo của một thương gia. Chiếc áo chùng đen của ông ta được thêu rất tao nhã, chiếc dây chuyền nặng trĩu bằng vàng, và bàn tay ông ta chìa ra để được hôn lên đây nhẫn trên cả bốn ngón. Ông ta gặp họ trong cái sân đầy nắng và rồi đi cạnh Marek, trong khi Chris và Kate theo sau. Lính mặc đồ xanh và đen có ở khắp nơi. Phong thái của tu viện trưởng rất vui vẻ, nhưng ông ta có thói quen đột ngột thay đổi chủ đề, như thể muốn làm người nghe mất cảnh giác.

“Ta thực sự rất thương cảm cho những người lính này,” tu viện trưởng nói, “nhưng ta sợ là có vài kẻ đột nhập vào tu viện – lính của Oliver – và cho tới khi mọi người ở đây tìm ra chúng, cẩn thận vẫn hơn. Và ngài Arnaut đã rất hào phóng giúp bảo vệ nơi này. Mọi người ăn ngon chứ?”

“Nhờ lòng thương của Chúa và của ngài, rất ngon, thưa tu viện trưởng.”

Tu viện trưởng cười một cách thỏa mãn. “Ta ghét tán dương,” ông ta nói. “Và hội thánh đây nghiêm cấm điều đó.”

“Tôi sẽ để ý hơn,” Marek nói,

Tu viện trưởng nhìn về phía mấy người lính và thở dài, “Quá nhiều lính làm hỏng trò chơi rồi.”

“Trò chơi gì vậy?”

“Trò chơi, trò chơi ấy,” ông ta nói một cách mất bình tĩnh. “Sáng hôm qua chúng ta đi săn và chẳng thu được cái gì hết, chẳng có lấy một miếng thịt hươu để khoe. Và người của Cervole vẫn chưa đến. Giờ họ ở hết cả đây – hai nghìn người. Con thú nào chưa bị họ săn thì cũng sợ chạy mất. Phải mất hàng tháng nữa thì khu rừng mới lại bình thường trở lại. Tin gì của Học giả Edwardus thế? Nói ta nghe đi, vì ta đau đầu cần nghe đây.”

Marek cau mày. Tu viện trưởng thực sự có vẻ căng thẳng, rất muốn được nghe. Nhưng ông ta dường như muốn có một thông tin cụ thể nào đó.

“Thưa tu viện trưởng, thầy ấy giờ đang ở La Roque.”

“Ồ! Với lãnh chúa Oliver?”

“Vâng, thưa tu viện trưởng.”

“Thật đáng tiếc. Ông ấy có dặn anh chuyển lời gì cho ta không?” Ông ta chắc chắn đã thấy vẻ mặt bối rối của Marek. “Không?”

“Thưa tu viện trưởng, Edwardus không căn dặn tôi gì hết.”

“Có lẽ là mật mã chẳng? Vài câu nhỏ nhặt hay bí ẩn gì đó?”

“Tôi rất lấy làm tiếc,” Marek nói.

“Không tiếc bằng ta đâu. Và giờ ông ấy đang ở La Roque à?”

“Đúng thế, thưa tu viện trưởng.”

“Sự thật là ta chẳng muốn thế chút nào,” tu viện trưởng nói. “Vì ta nghĩ không thể chiếm La Roque được.”

“Nhưng nếu có một lối đi bí mật vào bên trong...” Marek nói.

“Ô, lối đi bí mật, lối đi bí mật,” tu viện trưởng nói, phẩy tay. “Nó sẽ là thứ hủy hoại ta. Đó là tất cả những gì ta được nghe nói. Mọi người đều

muốn biết cái lối ấy – và Arnaut thì muốn hơn tất cả những người khác. Vị học giả đang trợ giúp ta, tìm kiếm trong các tài liệu cổ của Marcellus. Anh có chắc là ông ấy không nói gì với mình không?”

“Thầy ấy nói là chúng tôi phải đi tìm đạo hữu Marcel.”

Tu viện trưởng khịt mũi. “Thật ra, đường hầm bí mật này là sản phẩm của trợ lý và thư ký của Laon, là đạo hữu Marcel đấy. Nhưng trong mấy năm gần đây, Marcel già cả đã không còn minh mẫn nữa. Đó là lý do tại sao chúng ta lại để ông ta sống tại cối xay. Suốt cả ngày, ông ta cứ lẩm bẩm và thì thầm một mình, và rồi đột ngột ông ta gào lên rằng mình nhìn thấy các linh hồn và ác quỷ, và mắt ông ta đảo tròng, và chân tay thì cứ giật đùng đùng, tới tận khi những ảo giác đó biến mất.” Tu viện trưởng lắc đầu. “Những thầy tu khác rất kính trọng ông ta, xem những ảo giác của ông ta như một dạng biểu hiện lòng thương của Chúa, chứ không phải là dấu hiệu của bệnh tâm thần, trong khi sự thật nó là thế. Nhưng tại sao ngài Học giả lại bảo anh đi tìm ông ta?”

“Ngài Học giả nói là ông ấy có chìa khóa.”

“Một cái chìa khóa?” tu viện trưởng nói. “*Một cái chìa khóa?*” ông ta có vẻ rất khó chịu. “*Dĩ nhiên* là ông ta có chìa khóa, ông ta có nhiều chìa khóa lắm, và tất cả chúng đều ở cối xay ấy, nhưng chúng ta không thể...” Ông ta loạng choạng đổ về phía trước, rồi nhìn chăm chăm vào Marek với vẻ mặt sững sốt.

Trên sân, mọi người đang gào thét, chỉ tay lên trời.

Marek nói, “Tu viện trưởng...”

Tu viện trưởng thổ ra máu và đổ gục trên tay Marek. Marek đỡ ông ta xuống đất. Anh ta cảm thấy mũi tên trên lưng tu viện trưởng trước cả khi nhìn thấy nó. Thêm nhiều tên nữa xé gió phóng đến và cắm xuống đất, rung lên trong lớp cỏ bên cạnh họ.

Marek ngược nhìn lên và thấy những bóng áo đỏ nâu trên tháp chuông nhà thờ, đang bắn cung tới tấp. Một mũi tên béc toạc mũ của Marek khỏi

đầu; một mũi khác xé rách tay áo anh ta ra. Một mũi khác ngậ sâu vào vai tu viện trưởng.

Mũi tiếp theo cắm vào đùi Marek. Cơn đau buốt xuyên suốt cẳng chân, và anh ta mất thăng bằng, ngã ngửa ra đất. Anh ta cố đứng dậy, nhưng bị choáng và không còn chút thăng bằng nào nữa. Anh ta lại ngã xuống trong lúc hàng loạt mũi tên cứ vun vút đâm xuống xung quanh.

\*

\*

Ở phía bên kia sân, Chris và Kate đang cố tìm chỗ trú giữa làn mưa tên. Kate hét lên và loạng choạng ngã xuống đất, một mũi tên cắm vào lưng cô. Rồi cô bò dậy, và Chris thấy là nó chỉ xé chỗ tay áo chứ chưa chạm vào người cô. Một mũi tên sượt qua chân anh, làm rách chiếc quần tất. Rồi cũng tới được lối đi được che chắn, họ đổ sụp xuống sau một trong những mái vòm, hỗn hển thở lấy hơi. Tên đâm vào những bức tường đá và cắm vào những mái vòm đá phía trên đầu họ. Chris nói, “Cô ổn chứ?”

Cô gật đầu, thở hỗn hển. “Marek đâu?”

Chris đứng dậy, cảnh giác ngó quanh cột trụ. “Ôi, không,” anh nói. Và anh chạy ngay xuống hành lang.

\*

\*

Marek loạng choạng đứng dậy, thấy tu viện trưởng vẫn còn sống. “Thứ lỗi cho tôi,” anh ta nói rồi xốc tu viện trưởng lên vai và đưa ông ta vào trong góc. Lính trên sân bắn cung đáp trả về phía tháp chuông. Giờ tên rơi xuống chỗ họ đã ít đi.

Marek đưa tu viện trưởng về lại phía sau khu mái vòm và đặt ông ta nằm xuống đất. Tu viện trưởng nhổ tên ra khỏi vai mình và ném nó sang một bên. Nỗ lực đó đã làm ông ta thở dốc. “Lưng tôi... lưng...”

Marek nhẹ nhàng xoay người ông ta lại. Mũi tên cắm trên lưng rung lên sau mỗi nhịp tim. “Thưa ngài, ngài có muốn tôi rút nó ra không?”

“Không.” Tu viện trưởng tuyệt vọng quàng tay qua cổ Marek, kéo anh ta lại gần. “Chưa đâu... thầy tu... thầy tu...” Mắt ông ta xếch lên. Một thầy tu đang chạy tới chỗ họ.

“Ông ta đã đến rồi đây, thưa tu viện trưởng.”

Tu viện trưởng có vẻ nhẹ người khi nghe thấy thế, nhưng ông ta vẫn giữ chặt lấy Marek. Giọng ông ta trầm xuống, gần như chỉ là một tiếng thì thầm. “Chìa khóa tới La Roque...”

“Gì, thưa ngài?”

“... phòng...”

Marek đợi. “Phòng nào, thưa ngài? Phòng nào?”

“Arnaut...” tu viện trưởng nói, lắc đầu như thể muốn xua nó đi. “Arnaut sẽ rất tức giận... phòng...” Và ông ta thả tay ra. Marek rút mũi tên ra khỏi vai ông ta và giúp ông nằm xuống nền đất. “Lúc nào cũng vậy, ông ta sẽ... bắt... không nói cho ai... để... Arnaut...” Mắt ông ta nhắm nghiền.

Vị thầy tu chen vào giữa họ, nói vội bằng tiếng Latin, tháo giày của tu viện hường ra, đặt một chai dầu lên đất. Ông ta bắt đầu thực hiện nghi thức tiến đưa.

\*

\*

Tựa vào một trong những bức tường trên hành lang, Marek nhổ mũi tên ra khỏi đùi mình. Nó chỉ đâm sượt vào anh ta thôi, và không sâu như anh ta đã

tường; chỉ có hai phân máu trên mũi tên. Anh ta vừa thả mũi tên xuống đất thì Chris và Kate xuất hiện.

Họ nhìn chân anh ta, rồi nhìn mũi tên. Anh ta đang chảy máu. Kate kéo chiếc áo chèn của mình lên và lấy con dao găm rạch một mảnh vải lanh dưới làn áo lót ra. Cô buộc nó quanh đùi Marek để làm băng sơ cứu tạm thời.

Marek nói, “Không tệ thế đâu.”

“Thì cũng chẳng mất gì nếu băng nó vào đâu,” cô nói. “Anh còn đi được chứ?”

“Dĩ nhiên là tôi đi được,” Marek nói.

“Anh xanh lăm.”

“Tôi ổn mà,” anh ta nói, và đi khỏi chỗ cái cột, nhìn ra sân.

Bốn người lính nằm trên đất, khắp nơi chỉ chút những tên. Những người lính khác đã đi mất; chẳng còn ai bắn lên tháp chuông nữa; khói cuộn lên từ trên những ô cửa sổ cao ngất, ở phía đối diện sân, họ thấy thêm nhiều khói nữa, dày đặc và đen thẫm, đến từ khu nhà ăn. Cả tu viện sắp sửa bốc cháy.

“Chúng ta phải đi tìm cái chìa khóa ấy,” Marek nói.

“Nhưng nó ở trong phòng ông ta.”

“Tôi không chắc về việc đó lắm đâu.” Marek nhớ rằng một trong những điều cuối cùng mà Elsie, chuyên gia về văn tự, đã nói với anh ta khi còn ở khu khảo cổ có liên quan gì đó đến một chiếc chìa khóa. Và từ nào đó mà cô thấy bản thảo. Anh ta không thể nhớ được chi tiết – anh ta lúc ấy còn đang lo cho Giáo sư – nhưng cũng nhớ rõ ràng rằng Elsie đã nhìn vào một tờ giấy da từ cái đồng được tìm thấy trong tu viện. Cùng cái chõng có lời nhắn của Giáo sư ấy.

Và Marek biết phải đi tìm cái chõng giấy ấy ở đâu.

\*

\*

Họ chạy vội xuống hành lang dẫn tới nhà thờ. Vài bức tường kính màu đã bị vỡ, và khói cứ ùn ùn bốc ra. Từ bên trong, họ nghe thấy tiếng đàn ông la hét, và vài giây sau một toán lính phá cửa xông vào. Marek xoay gót, dẫn họ quay trở lại chỗ vừa đi qua.

“Chúng ta đang làm gì đây?” Chris nói.

“Tìm cái cửa.”

“Cửa nào?”

Marek vọt sang trái, dọc theo một hành lang có mái che, và rồi lại sang trái nữa, đi qua một chỗ hẹp dẫn họ vào một khoảng không chật chội, một kiểu nhà kho. Nó được thắp sáng bằng một ngọn đuốc. Có một cái cửa bí mật bằng gỗ trên nền nhà; anh ta mở tung nó ra, và họ thấy những bậc thang dẫn vào trong bóng tối. Anh ta vơ lấy cây đuốc, tất cả họ cùng nhau đi xuống. Chris đi cuối, đóng cánh cửa bí mật lại. Anh ta bước xuống những bậc thang dẫn vào một căn hầm tối tăm, ẩm ướt.

\*

\*

Cây đuốc nhập nhoạng trong luồng không khí mát lạnh. Dưới ánh sáng lập lờ của nó, họ thấy có những chiếc thùng lớn, đường kính tới hai mét, chạy dọc theo bức tường. Họ đang ở trong một hầm rượu.

“Hai người cũng biết là bọn lính chẳng mấy mà sẽ tìm ra chỗ này thôi,” Marek nói. Anh ta dẫn họ đi qua vài căn phòng để thùng rượu mà không chút dọ dự.

Vừa đi theo anh ta, Kate vừa nói, “Anh có biết mình đang đi đâu không?”

“Cô không biết sao?” anh ta nói.

Nhưng cô không biết; cô và Chris đi sát đằng sau Marek, muốn được ở trong vòng sáng ấm áp của ngọn đuốc. Giờ họ đang đi qua những ngôi mộ, những chỗ lõm vào trên tường để đặt xác, những tấm vải liệm đã nát hết cả. Thình thoảng họ thấy phần trên của mấy cái sọ người, với chút ít tóc còn sót lại; thình thoảng lại thấy những bàn chân mà xương đã hơi lộ ra. Họ nghe thấy những tiếng chít chít đầu đó của mấy con chuột chạy trong bóng tối.

Kate rùng mình.

Marek tiếp tục tiến lên, rồi đột ngột dừng lại trước một căn phòng gần như trống trơn.

“Sao chúng ta lại dừng lại?” cô hỏi.

“Cô không biết sao?” Marek nói.

Cô nhìn quanh, rồi nhận ra rằng mình đang ở trong chính căn phòng cô đã bò vào vài hôm trước. Cùng cỡ quan tài đá của vị hiệp sĩ đó, giờ có thêm cái nấp. Dọc theo bức tường khác là một chiếc bàn gỗ sần sùi, trên đó những chồng giấy dầu được xếp và những đồng bản thảo được buộc dây gọn ghẽ. Ở một góc là bức tường đá thấp, trên chỉ có một chồng giấy duy nhất – và ánh sáng của cặp mắt kính của Giáo sư.

“Thầy ấy chắc mới để mất nó tối qua thôi,” Kate nói. “Bọn lính chắc đã bắt thầy ấy đi từ dưới này.”

“Có thể.” Cô nhìn Marek lục qua đồng giấy tờ, từng tờ từng tờ một. Anh ta nhanh chóng tìm thấy lời nhắn của Giáo sư, rồi quay trở lại với mấy tờ giấy trước đó.

Anh ta cau mày, nheo mắt nhìn nó dưới ánh ngọn đuốc.

“Là gì thế?” cô nói.

“Đó là một bài viết,” anh ta nói. “Về một dòng sông ngầm và... nó đây này.” Anh ta chỉ tay về phần lề bản thảo, một dòng chú thích bằng tiếng Latin được viết nguệch ngoạc lên.

“Nó nói là, ‘Marcel giữ chìa khóa,’ ” Anh ta chỉ ngón tay vào. “Và rồi nó nói gì đó về, ừm, một cánh cửa hay lối vào, và những bàn chân lớn.”



“Những bàn chân lớn?”

“Đợi chút,” anh ta nói. “Không, không phải thế.” Điều Elsie đã nói giờ lại hiện lên trong đầu anh ta. “Nó nói là, ‘Bàn chân của người khổng lồ.’ Đôi bàn chân của một người khổng lồ.”

“Đôi bàn chân của một người khổng lồ,” cô nói, nhìn anh ta với vẻ nghi ngại. “Anh có chắc là mình hiểu đúng không đấy?”

“Nó nói thế mà.”

“Và đó là gì?” cô nói. Phía dưới ngón tay của anh ta là hai từ đơn, từ này được viết trên từ kia.

DESIDE

VIVIX

“Tôi nhớ rồi,” Marek nói: “Elsie đã nói rằng đây là từ mới với cô ấy, *vivix*. Nhưng cô ấy chẳng nói gì về *deside* hết. Và nó chẳng có vẻ gì là tiếng Latin với tôi cả. Nó cũng chẳng phải tiếng Occitan, hay tiếng Pháp cổ nữa.”

Dùng con dao găm, anh ta cắt một góc tấm giấy da ra, rồi viết vội hai từ đó lên, cuộn nó lại, và cho vào trong túi áo.

“Nhưng nó nghĩa là gì?” Kate nói.

Marek lắc đầu. “Chẳng biết nữa.”

“Nó được thêm vào chỗ lẽ,” cô nói. “Có lẽ nó chẳng có nghĩa gì hết. Có lẽ chỉ là viết linh tinh gì đó, hay một lời chú thích, đại loại thế.”

“Tôi ngờ là không phải vậy.”

“Hồi này chắc người ta cũng hay viết mấy chữ không có nghĩa mà.”

“Tôi biết, nhưng nó chẳng có vẻ gì là một chữ không có nghĩa hết, Kate. Đây là một chú thích rất nghiêm túc đấy.” Anh ta quay lại chỗ tờ giấy, lướt những ngón tay lên mặt giấy. “Được rồi. Được rồi... Nó nói ở đây là

*Transitus occultus incipit...* đoạn đường hầm bắt đầu... *propread capellam viridem, sive capellam mortis* – ở nhà nguyện xanh, còn được gọi là nhà nguyện chết – và...”

“Nhà nguyện xanh?” cô hỏi với một giọng khá kỳ cục.

Marek gật đầu. “Đúng thế. Nhưng nó chẳng nói nhà nguyện nằm ở đâu hết.” Anh ta thở dài. “Nếu đường hầm bí mật thực sự có dẫn ra mấy cái động đá vôi, thì nó có thể ở bất cứ chỗ nào.”

“Không, André,” cô nói. “Không phải đâu.”

“Cô nói thế là sao?”

“Tôi muốn nói là,” cô nói, “tôi biết nhà nguyện xanh ở đâu.”

\*

\*

Kate nói, “Nó được đánh dấu trên bản đồ điều tra cho dự án Dordogne – nó là một phế tích, ở ngay ngoài khu dự án ấy. Tôi nhớ là mình đã bắn khoan thế nào khi nó không được đặt cả vào trong dự án, vì nó ở gần lắm. Trên bản đồ, nó được đánh dấu là ‘*chapelle verte morte*’ và tôi đã nghĩ nó có nghĩa là ‘nhà nguyện của cái chết xanh.’ Tôi nhớ, vì nó cứ như là được lấy từ Edgar Allan Poe<sup>33</sup> ra vậy.”

“Cô có nhớ chính xác là nó nằm ở đâu không?”

“Không chính xác lắm, chỉ nhớ nó ở trong rừng cách Bắc Bezenac khoảng một cây số.”

“Thế thì có thể được đấy,” Marek nói. “Một đường hầm dài một cây số là hoàn toàn có thể.”

Từ phía sau, họ nghe thấy tiếng lính đang lần xuống hầm.

“Đến lúc đi rồi.”

Anh ta dẫn họ đi sang trái, vào một dãy hành lang có cầu thang. Khi Kate nhìn thấy nó trước đây, nó chỉ là một ụ đất lớn. Giờ nó chạy thẳng lên một cánh cửa bí mật khác.

Marek trèo lên cầu thang, huých vai vào cửa. Nó mở ra một cách dễ dàng. Họ nhìn thấy bầu trời màu xám, và khói.

Marke đi qua, tất cả họ đi theo sau.

\*

\*

Họ trồi lên giữa một vườn cây ăn quả, nơi cây cối xếp thành những hàng ngay ngắn, lá xuân xanh tươi rực rỡ. Họ chạy thẳng qua mấy cái cây, rồi đến chỗ bức tường bao quanh tu viện. Nó cao tới hơn bốn mét, không trèo lên được. Nhưng họ leo lên cây, rồi lần ra chỗ bức tường, nhảy vào bên trong. Ngay phía trước, họ thấy một khu rừng rậm rạp, chưa được phát quang. Họ chạy về phía nó, để một lần nữa lại bước vào vòm lá tối tăm.

**09:57:02**

Trong phòng thí nghiệm của công ty ITC, David Stern bước ra khỏi khu vực đặt cỗ máy nguyên mẫu. Anh ta nhìn vào đồng thiết bị điện tử bị dán lại với nhau mà mình đã lắp ráp và thử nghiệm suốt năm tiếng vừa rồi.

“Là thế đấy,” anh ta nói. “Tôi sẽ gửi cho họ một lời nhắn.”

Giờ trong phòng thí nghiệm đã tối rồi; những ô cửa kính đã tối sầm lại. Anh ta nói, “Ở đó giờ là mấy giờ vậy?”

Gordon đếm ngón tay. “Họ đến khoảng lúc tám giờ sáng. Đã qua hai mươi bảy giờ rồi. Thế nên giờ là mười một giờ sáng, ngày hôm sau.”

“Được rồi. Chắc sẽ phải được thôi.”

Stern đã chế tạo được thiết bị liên lạc điện tử này, mặc kệ hai lập luận mạnh mẽ của Gordon cho rằng việc như vậy là không thể thực hiện được. Gordon nói rằng anh không thể gửi lời nhắn về lại đó được vì anh không biết là cỗ máy sẽ hạ cánh xuống đâu. Theo thống kê, tỷ lệ cao là cỗ máy sẽ hạ cánh xuống nơi không có đội khảo cổ. Thế nên họ chẳng bao giờ thấy được lời nhắn hết. Vấn đề thứ hai là anh chẳng biết được là họ có nhận được lời nhắn đó hay không.

Nhưng Stern đã giải quyết cả hai trở ngại đó một cách cực kỳ đơn giản. Hệ thống của anh ta gồm có một cái tai nghe truyền/nhận, cùng loại với cái đội du hành dùng, và hai băng ghi âm nhỏ. Cuộn băng ghi âm đầu tiên truyền tin nhắn. Cuộn thứ hai ghi lại xem có bất cứ tin nhắn nào được truyền tới cái tai nhận không. Cả hệ thống là, như Gordon đã đặt tên cho nó một cách đầy tự hào, một cái máy trả lời đa vũ trụ.

Stern ghi lại một tin nhắn nói rằng, “David đây. Mọi người đã đi được hai mươi bảy tiếng rồi. Đừng cố quay lại cho tới khi đã được đủ ba mươi hai tiếng. Rồi đến lúc đó, chúng tôi sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho mọi người. Trong khi đó thì hãy báo cho chúng tôi biết là liệu mọi người có ổn không. Chỉ cần nói và nó sẽ được ghi lại ngay. Giờ thì tạm biệt. Hẹn sớm gặp lại.”

Stern nghe lại lời nhắn lần cuối cùng, rồi nói, “Được rồi, gửi nó đi nào.”

Gordon ấn mấy cái nút trên bảng điều khiển. Cỗ máy bắt đầu kêu rì rì và rồi lại chìm trong luồng ánh sáng xanh da trời.

\*

\*

Hàng tiếng trước, khi mới bắt đầu với cái máy truyền tin này, mối quan tâm duy nhất của Stern là các bạn mình ở đó có thể không biết rằng họ chưa thể quay về được. Vì thế, anh ta tưởng tượng ra rằng họ bị mắc vào một tình thế khó khăn, có thể bị tấn công từ mọi hướng, và gọi cỗ máy vào phút cuối cùng, nghĩ rằng họ có thể về nhà, ngay lập tức. Thế là Stern nghĩ họ cần được cảnh báo rằng, hiện tại thì họ không thể trở lại được.

Đó là mối lo ban đầu của anh ta. Nhưng giờ có mối lo thứ hai, một mối lo thậm chí còn lớn hơn nhiều. Không khí trong hang đã được khử sạch độc khoảng mười sáu tiếng rồi. Các đội công nhân đã vào trong, xây lại phòng dịch chuyển. Phòng điều khiển đã được giám sát liên tục hàng tiếng đồng hồ rồi.

Thế mà chẳng có bất cứ một hiện tượng nhảy trường nào.

Có nghĩa là chẳng có nỗ lực quay lại nào hết. Và dĩ nhiên, chẳng ai nói thẳng ra điều đó, Gordon lại càng không – nhưng anh có cảm giác rằng những người ở ITC đều nghĩ là nếu đi hai mươi tư tiếng mà chẳng có một lần nhảy trường nào thì rõ ràng là một dấu hiệu xấu. Anh ta cảm thấy phần đông người trong ITC đều nghĩ rằng đội du hành đã chết hết rồi.

Thế nên Stern quan tâm đến việc liệu tin nhắn có được nhận hay không nhiều hơn việc nó có được gửi đi hay không. Vì đó sẽ là bằng chứng cho thấy rằng đội du hành vẫn còn sống.

Stern đã lắp một cái ăng ten vào cổ máy, và làm một thiết bị có bánh răng giúp cái ăng ten có thể quay được các góc khác nhau và có thể lặp lại tin nhắn phát đi được ba lần liền. Thế nên sẽ có ba cơ hội cho nhóm kia đáp lại. Sau đó, toàn bộ cổ máy sẽ quay lại thời hiện tại, y như lúc họ dùng chiếc camera kia.

“Chúng ta làm nào,” Gordon nói.

Trong những luồng ánh sáng nhấp nháy, cổ máy bắt đầu thu nhỏ lại trên nền nhà.

\*

\*

Lần chờ đợi này chẳng thoải mái chút nào. Mười phút sau, cổ máy đã quay trở lại. Hơi nước lạnh lẽo suýt suýt lan khắp phòng khi Stern tháo chỗ dụng cụ điện tử của mình, xé tung đám băng dính, và bắt đầu cho chạy.

Đoạn băng vừa gửi đi được bật lên.

Chẳng có lời đáp lại nào hết.

Đoạn băng vừa gửi đi lại vang lên lần nữa.

Lại lần nữa, chẳng có lời đáp nào hết. Có tiếng lạo xạo, nhưng chẳng có gì khác nữa cả.

Gordon nhìn chăm chăm vào Stern, mặt vô cảm. Stern nói, “Có rất nhiều cách giải thích...”

“Dĩ nhiên là có thôi, David.”

Đoạn băng gửi đi lại vang lên lần nữa.

Stern nín thở.

Thêm nhiều tiếng lạo xạo nữa, và rồi, trong sự yên lặng hoàn toàn của phòng thí nghiệm, anh ta nghe tiếng Kate nói, “Mấy người có nghe thấy gì

không?”

Marek: “Cô nói gì thế?”

Chris: “Chúa ơi, Kate, tắt tai nghe đi ngay.”

Kate: “Nhưng mà...”

Marek: “Tắt đi.”

Thêm nhiều tiếng nhiễu. Không có giọng nói nào nữa.

Nhưng cái cần đạt được đã đạt được.

“Họ còn sống,” Stern nói.

“Rõ ràng rồi,” Gordon nói. “Hãy đi xem những người ở phòng dịch chuyển đang làm gì nào.”

\*

\*

Doniger đang đi quanh văn phòng, lẩm nhẩm bài diễn thuyết, vung tay, xoay người. Gã nổi danh là một nhà diễn thuyết rất có sức thuyết phục, thậm chí còn được coi là có tư chất nữa, nhưng Kramer biết rằng không phải cứ tự nhiên mà được thế. Đúng hơn, đó là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài, các cử chỉ, các bước đi, các câu nói. Doniger chẳng làm liều bao giờ.

Có một dạo, Kramer đã rất kinh ngạc trước thái độ này: những bài diễn tập vô tận, điên cuồng trước bất cứ một lần xuất hiện trước công chúng nào có vẻ khá kỳ cục ở một người đàn ông mà, trong hầu hết các trường hợp, chẳng thèm quan tâm chút nào đến ấn tượng tạo ra với người khác. Cuối cùng, cô cũng nhận ra rằng Doniger thích nói chuyện trước đám đông vì nó có ảnh hưởng cực lớn lên người khác. Gã có niềm tin chắc chắn rằng mình thông minh hơn hết thảy, và một bài diễn văn đầy sức thuyết phục – “Chúng sẽ chẳng biết thứ gì đã đánh mình” – là một cách để chứng tỏ điều đó.

Giờ Doniger đang đi đi lại lại, lấy Kramer làm thính giả duy nhất. “Tất cả chúng ta đều bị quá khứ điều khiển, dù chẳng ai hiểu điều đó hết. Chẳng ai nhận ra sức mạnh của quá khứ cả,” gã nói, phẩy tay một cái.

“Nhưng nếu mọi người nghĩ kỹ một chút, quá khứ luôn luôn quan trọng hơn hiện tại. Hiện tại chỉ như một đảo san hô nổi trên mặt nước, nhưng nó được xây lên trên hàng triệu tảng san hô chết nằm dưới mặt nước, chẳng ai thấy chúng hết. Cũng y như thế, thế giới thường nhật của chúng ta được dựng trên hàng triệu triệu những sự kiện và quyết định đã xảy ra trong quá khứ. Và những gì chúng ta thêm vào hiện tại thì chỉ là nhỏ nhặt mà thôi.

“Một cậu thiếu niên ăn sáng, rồi đi ra cửa hàng mua chiếc đĩa CD mới nhất của một ban nhạc mới nổi. Cậu bé nghĩ rằng mình đang sống trong thời điểm hiện đại. Nhưng ai đã định nghĩa thế nào là một ‘ban nhạc’? Ai đã định nghĩa thế nào là một ‘cửa hiệu’? Ai đã định nghĩa ‘cậu thiếu niên’? Hay ‘bữa sáng’? Chẳng nói gì đến những thứ còn lại, toàn bộ thể chế xã hội của cậu bé kia – gia đình, trường học, quần áo, các phương tiện vận chuyển và chính phủ.

“Chẳng điều gì trong số những thứ này được định nghĩa ở hiện tại hết. Hầu hết chúng đều được định nghĩa từ hàng trăm năm về trước rồi. Năm trăm năm, một nghìn năm. Cậu bé này đang ngồi trên đỉnh một ngọn núi tên gọi là quá khứ. Và cậu chẳng hề nhận ra điều đó. Cậu bị điều khiển bởi thứ cậu chẳng bao giờ thấy, chẳng bao giờ nghĩ tới, chẳng bao giờ biết. Đó là một dạng áp đặt được thừa nhận không cần hỏi. Cũng chính cậu bé này luôn luôn ngờ vực các dạng thức điều khiển khác – sự cấm đoán của cha mẹ, các tin quảng cáo, luật chính phủ. Nhưng sự thống trị vô hình của quá khứ, thứ quyết định hầu như tất cả mọi khía cạnh cuộc sống của cậu ta, lại cứ tiếp diễn mà không bị gạt vãn. Đây mới là thứ quyền lực thực sự. Thứ quyền lực có thể bị lấy đi, có thể được đem ra sử dụng. Vì cũng như hiện tại đã bị quá khứ điều khiển, tương lai cũng vậy. Đó là lý do tại sao tôi lại nói, tương lai thuộc về quá khứ. Và lý do...”

Doniger ngừng lại, khó chịu thấy rõ. Chuông điện thoại của Kramer rung lên, và cô trả lời. Gã đi lên rồi lại đi xuống, chờ đợi. Thử động tác tay



khác, rồi động tác tay khác nữa.

Cuối cùng Kramer cũng tắt máy, nhìn gã. Gã nói, “Hở? Gì vậy?”

“Là Gordon. Họ vẫn còn sống, Bob.”

“Họ đã quay lại chưa?”

“Chưa. Nhưng chúng ta đã có được một lời nhắn ghi lại giọng nói của họ. Ba người bọn họ chắc chắn là vẫn còn sống.”

“Một lời nhắn? Ai nghĩ ra cách đó?”

“Stern.”

“Thật à? Có lẽ anh ta cũng không ngạc nhiên như tôi đã tưởng. Chúng ta nên thuê anh ta.” Gã ngừng lại. “Thế cô định nói với tôi là chúng ta vẫn sẽ đưa họ trở lại à?”

“Không. Tôi không chắc về chuyện đó lắm.”

“Vấn đề gì đấy?”

“Họ đang tắt tai nghe đi.”

“Thế á? Tại sao chứ? Pin tai nghe có dư đủ chạy ba mươi bảy tiếng cơ mà. Chẳng có lý do gì mà phải tắt chúng đi hết.” Gã nhìn trôn trôn. “Cô có nghĩ vậy không? Cô nghĩ là hẳn ta à? Cô nghĩ đó là do Deckard à?”

“Có lẽ. Đúng thế.”

“Sao thế được? Hơn một năm rồi. Giờ Deckard chắc phải chết rồi – có nhớ hẳn ta suốt ngày kiếm chuyện đánh nhau với người khác không?”

“Ừm, một chuyện gì đó đã làm họ phải tắt tai nghe đi...”

“Tôi không biết,” Doniger nói. “Rob bị nhiều lỗi dịch chuyển quá rồi, và chẳng ai kiểm soát được hẳn cả. Quý tha ma bắt, hẳn đang sắp phải đi tù chứ.”

“Phải. Vì tôi đánh một người nào đó hẳn chưa từng gặp trong quán bar,” Kramer nói. “Báo cáo từ phía cảnh sát là Deckard đã đánh anh ta bằng một cái ghế kim loại tới năm mươi hai cú liền. Anh chàng đó đã hôn mê suốt

một năm. Và Rob chắc chắn phải vào tù. Đó là lý do vì sao hắn lại tự nguyện trở lại quá khứ thêm một lần nữa.”

“Nếu Deckard vẫn còn sống,” Doniger nói, “thì họ vẫn còn gặp rắc rối lớn đấy.”

“Đúng thế đấy, Bob. Họ vẫn còn gặp nhiều rắc rối lắm.”

09:57:02

Trở lại với cánh rừng tối tăm ẩm ướt, Marek lấy một cái que vẽ bản đồ lên mặt đất. “Ngay lúc này, chúng ta đang ở đây, bên dưới tu viện. Cối xay ở đằng kia, cách chỗ chúng ta khoảng một phần tư dặm. Chúng ta phải vượt qua một trạm gác ở đó.”

“Ừm, hừm,” Chris nói.

“Và rồi chúng ta sẽ phải vào được trong cối xay.”

“Bằng cách nào đó,” Chris nói.

“Phải. Sau đó, chúng ta sẽ có chìa khóa. Thế là chúng ta sẽ đi tới nhà nguyện xanh. Mà ở đâu thế nhỉ, Kate?”

Cô lấy cái que, kẻ một hình vuông. “Cho đây là La Roque, trên đỉnh vách đá, thì đây là khu rừng ở phía Bắc. Đường khoảng ở đây. Tôi nghĩ nhà nguyện không xa lắm đâu – có lẽ ở đây.”

“Một dặm? Hai dặm?”

“Cho là hai dặm đi.”

Marek gật đầu.

“Ừm, thế cũng khá dễ đấy,” Chris nói, đứng dậy, phui đất khỏi tay. “Tất cả những gì chúng ta cần làm là vượt qua trạm gác, tiến vào cối xay được trấn thủ, rồi đi tới một cái nhà nguyện nào đấy – và nhớ là không để bị giết trên đường. Bắt đầu thôi.”

\*

\*

Bỏ cánh rừng lại phía sau, họ đi qua một khu chỉ toàn đổ nát. Lửa bốc lên trên tu viện Sainte-Mère, và những đám mây khói làm tối sầm cả bầu trời.

Tro đen phủ đầy mặt đất, bám lên mặt lên vai họ, làm không khí đặc quánh lại. Họ thấy cả cát trong miệng. Dọc dòng sông, họ chỉ thấy bóng mờ mờ của Castelgard, giờ là một đồng đống nát cháy đen, nghi ngút khói trên lưng đồi.

Đi dọc vùng hoang tàn này hồi lâu nhưng họ chẳng thấy ai hết. Họ đi qua một ngôi nhà ở hướng Tây của tu viện, một ông lão đang nằm vật trên đất, hai mũi tên cắm vào ngực. Bên trong, họ thấy tiếng khóc của một đứa bé con. Nhìn vào, họ thấy một người phụ nữ, bị chém đến chết, nằm úp mặt xuống cạnh đồng lửa; và một cậu bé độ sáu tuổi, mắt trừng trừng nhìn lên trời, ruột bị mỡ phanh ra. Họ không thấy đứa bé sơ sinh, nhưng tiếng kêu dường như vọng từ một tấm chăn trong góc.

Kate định tiến về phía đó, nhưng Marek đã giữ cô lại. “Đừng.”

Họ đi tiếp.

\*

\*

Khói tản ra một vùng trống trải, đầy những túp lều bị bỏ hoang, những cánh đồng không người chăm sóc. Bên cạnh ngôi nhà có những người bị giết thê thảm kia ra, họ chẳng thấy ai hết.

“Những người khác đâu hết rồi?” Chris nói.

“Họ ở trong rừng,” Marek nói. “Họ dựng lều ở đó, và các chỗ trú dưới lòng đất nữa. Họ biết phải làm gì.”

“Trong rừng? Họ sống thế nào?”

“Bằng việc tấn công bất cứ tên lính nào đi ngang qua. Đó là lý do tại sao bọn lính giết hết tất cả những ai chúng nhìn thấy trong rừng. Chúng nghĩ họ là các *godin* – thảo khấu – và chúng biết rằng bọn *godin* sẽ đáp lại, nếu họ có thể.”

“Thế chuyện xảy ra với chúng ta là thế à, khi chúng ta mới đặt chân lên đây ấy?”

“Đúng,” Marek nói. “Sự thù địch giữa thường dân và quý tộc bây giờ đang trong giai đoạn tệ nhất. Dân thường tức giận vì họ bị ép phải cung phụng cho tầng lớp hiệp sĩ với thuế má các kiểu, nhưng khi có chuyện, các hiệp sĩ chẳng chịu hoàn thành phần giao kèo của mình gì hết. Họ chẳng thể đánh thắng các trận chiến để bảo vệ đất nước của chính mình. Vua Pháp đã bị bắt, chuyện này có ý nghĩa rất ghê gớm đối với tầng lớp thường dân. Và giờ đây khi cuộc chiến giữa Anh và Pháp đã dừng lại, họ thấy một điều quá rõ ràng rằng lũ hiệp sĩ chỉ giỏi phá hoại thêm. Cả Arnaut và Oliver đều chiến đấu vì vua của mình ở trận Poitiers. Và giờ cả hai cùng cướp phá làng quê để trả tiền cho đội quân của mình. Mọi người không thích thế. Thế là họ lập những nhóm *godin*, sống trong rừng, chống trả bất cứ khi nào có thể.”

“Thế còn ngôi nhà này?” Kate nói. “Sao chuyện đó lại xảy ra chứ?”

Marek nhún vai. “Có thể người cha bị bọn cướp trong rừng giết. Có thể một đêm người anh uống quá chén, đi lang thang, và bị giết rồi bị lột sạch bởi bọn cướp nông dân. Có thể người vợ và những đứa con đang đi từ lâu đài này tới lâu đài khác thì đột nhiên biến mất không để lại dấu tích. Cuối cùng thì người ta cũng phải đi xả cục tức và sự phẫn nộ lên ai đó. Và cuối cùng thì người ta cũng làm thế.”

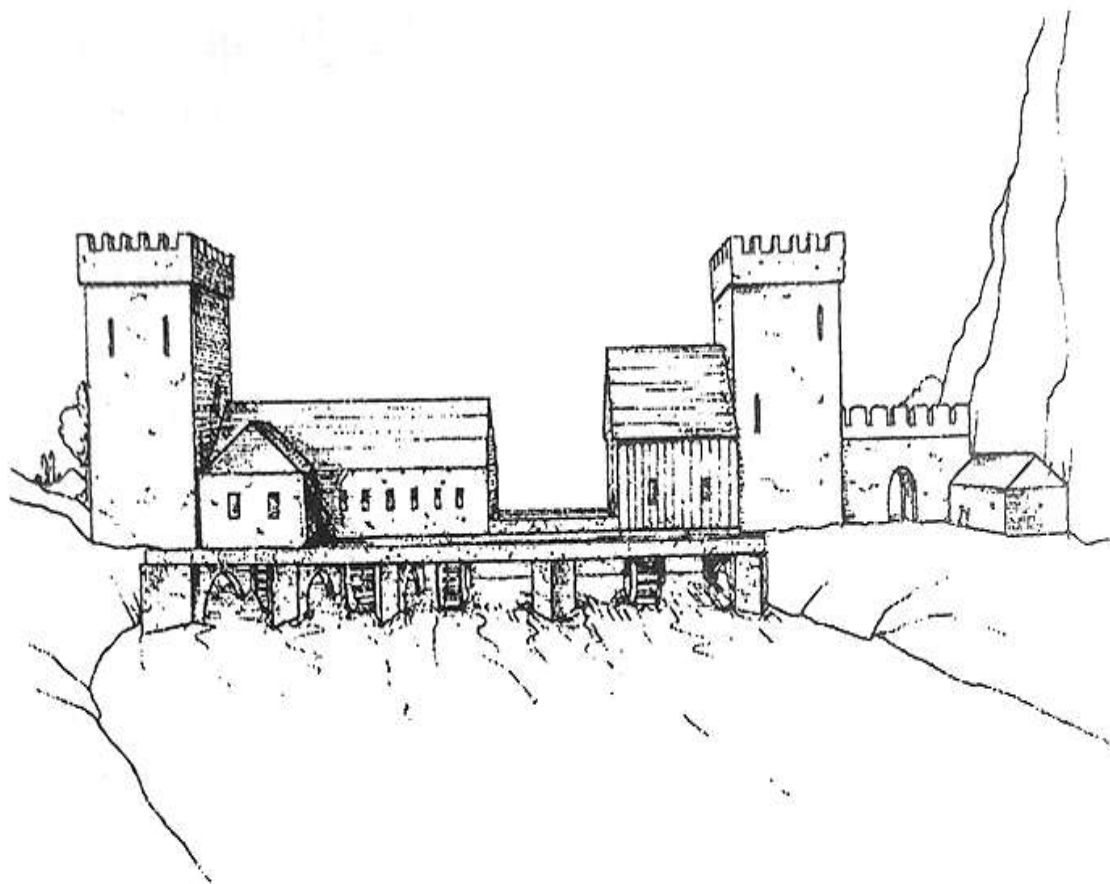
“Nhưng...”

Marek im lặng, chỉ về phía trước. Xa phía hàng cây, một lá cờ xanh lá cây và đen di chuyển thật nhanh sang trái, được một kỵ sĩ phi nước đại giương lên.

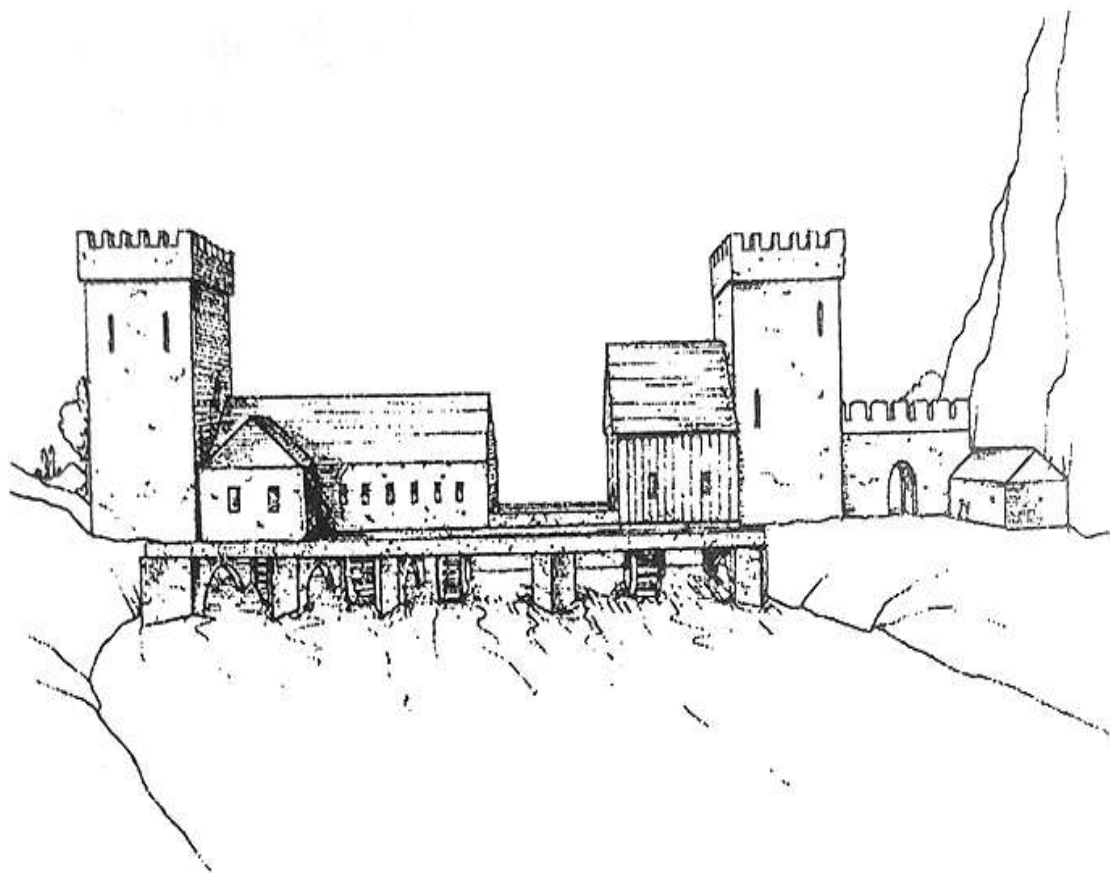
Marek chỉ về phía tay phải. Họ lặng lẽ đi ngược dòng. Và cuối cùng họ cũng đến chỗ cái cầu cối xay, và trạm gác.

\*

\*



Trên bờ sông, cây cầu cối xay kết thúc bằng một bức tường đá cao có một lối đi che mái vòm. Một trạm thu thuế xây bằng đá đứng bên cạnh lối đi mái vòm. Con đường duy nhất tới La Roque chính ở đó, có nghĩa là lính của Oliver, khi kiểm soát cây cầu, cũng kiểm soát cả con đường luôn.



Vách đá vôi dựng đứng cao ngất chắn phía trên con đường. Chẳng có cách nào khác ngoài việc đi qua cái cổng vòm kia. Và kẻ đang đứng ở cổng vòm, nói chuyện với mấy người lính bên trạm thu thuế, là Robert de Kere.

Marek lắc đầu.

Một dòng người toàn nông dân, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, vài người mang theo một ít tư trang, đang đi lên cầu. Họ đang đi tìm chỗ trú ở lâu đài La Roque. De Kere đang nói chuyện với một người lính gác, và cứ thỉnh thoảng lại liếc nhìn về phía đám thường dân. Hắn có vẻ không chú ý lắm, nhưng họ cũng chẳng thể đi qua hắn mà không bị nhận diện được đâu.

Cuối cùng de Kere cũng đi lại vào trong cây cầu trần thủ. Marek huých mấy người kia, và họ trở lại con đường, từ từ đi về phía trạm gác. Marek thấy mình sắp sửa vã mồ hôi đến nơi.

Những tên lính cứ nhìn chăm chăm vào hành lý của mọi người, và tịch thu tất cả những thứ có giá trị, ném nó vào cái đống bên đường.

Marek tới chỗ cổng vòm, rồi đi qua. Những tên lính quan sát anh ta, nhưng anh ta không chạm mắt với chúng. Anh ta được qua, rồi Chris, rồi Kate.

Họ đi dọc dòng sông cùng với đám đông, nhưng cuối cùng, khi đám đông đi vào thị trấn La Roque, Marek đi về hướng ngược lại, về phía bờ sông.

Ở đây chẳng có ai hết, và họ có thể nhìn qua đám lá về phía cây cầu cối xay đã được gia cố, giờ cách khoảng một phần tư dặm phía hạ lưu.

Thứ họ nhìn thấy chẳng làm họ vui vẻ được chút nào.

Ở mỗi đầu cầu là những tháp canh đồ sộ, cao hai tầng, với lối lên cao ngất, và lỗ bắn tên ở mọi phía. Trên đỉnh tháp canh gần nhất, họ thấy hai tá lính mặc quân phục nâu đỏ và xám nhìn qua các lỗ châu mai, sẵn sàng chiến đấu bất cứ lúc nào. Cũng từng ấy lính trên cái tháp phía xa, nơi cờ đuôi nheo của lãnh chúa Oliver đang bay phần phật trong gió.

Giữa hai tòa tháp, trên cầu có hai tòa nhà với kích thước khác nhau, được liên kết bằng những đoạn dốc thoải. Bốn bánh xe nước rung ầm ầm bên dưới, được dòng chảy tăng tốc qua một dãy những đập và kênh nhỏ cung cấp năng lượng.

“Cậu nghĩ gì?” Marek nói với Chris. Công trình này, nói gì thì nói, cũng là mối quan tâm lớn của Chris. Anh đã nghiên cứu về nó suốt hai năm rồi. “Chúng ta đột nhập vào được không?”

Chris lắc đầu. “Chẳng có cơ hội đâu. Lính khắp mọi nơi. Chẳng có lối nào vào được.”

“Tòa nhà gần chỗ chúng ta nhất là gì đấy?” Marek nói, ám chỉ tòa nhà hai tầng bằng gỗ.

“Chắc là cối xay bột,” Chris nói. “Có lẽ có mấy bánh xe nghiền bột ở tầng trên. Bột chảy xuống hố tới các thùng ở tầng dưới, ở đó sẽ dễ đóng bao



và mang ra ngoài hơn.”

“Có bao nhiêu người làm việc ở đó?”

“Có khoảng hai hoặc ba. Nhưng ngay lúc này” – anh chỉ tay về phía đám lính – “có lẽ chẳng có ai hết.”

“Được rồi. Thế còn tòa nhà kia thì sao?”

Marek chỉ tay về phía tòa nhà thứ hai, cách tòa nhà thứ nhất một đoạn dốc ngắn. Tòa nhà này dài và thấp hơn. “Không chắc lắm,” Chris nói. “Có lẽ là xưởng kim khí, chỗ xay giấy, hay nghiền bia, hoặc thậm chí là một xưởng làm đồ gỗ.”

“Cậu muốn nói là dùng cửa à?”

“Đúng thế. Thời này họ đã có cửa chạy bằng sức nước đấy. Nếu đó là xưởng gỗ thật.”

“Nhưng cậu lại không chắc?”

“Chỉ bằng cách nhìn thôi à, không.”

Kate nói, “Tôi xin lỗi, sao chúng ta lại mất công nói về chuyện này? Nhìn kìa: chẳng có cách nào vào được hết.”

“Chúng ta vẫn phải vào,” Marek nói. “Phải vào phòng của đạo hữu Marcel, phải lấy cái chìa khóa ở đó.”

“Nhưng làm thế nào hả André? Chúng ta vào đó bằng cách nào?”

Marek lặng lẽ nhìn về phía cây cầu hồi lâu. Cuối cùng anh ta nói, “Chúng ta sẽ bơi.”

Chris lắc đầu. “Không thể nào.” Những cây cột chống thì dốc còn đá thì xanh nhẵn đầy tảo. “Chúng ta không trèo lên được đâu.”

“Ai nói gì đến trèo nhỉ?” Marek nói.

**09:27:33**

Chris thở hổn hển khi cảm nhận cái lạnh của làn nước. Marek đã đẩy mình ra xa khỏi bờ, trôi theo dòng nước. Kate ở ngay phía sau anh ta, đang di chuyển về bên phải, cố đẩy mình thẳng về phía giữa dòng. Chris lao xuống nước sau họ, liếc nhìn đầy lo lắng về phía bờ.

Đến lúc này đám lính vẫn chưa thấy họ. Tiếng nước sông òng ọc chảy là âm thanh duy nhất anh nghe được. Anh cảm thấy người mình căng cứng. Anh biết mình chỉ có một cơ hội duy nhất – nếu bỏ lỡ, dòng nước sẽ cuốn anh đi, và anh sẽ khó có thể quay lại mà không bị bắt.

Vậy nên vấn đề là thế.

Một cơ hội duy nhất.

Một dãy những bờ tường đá nhỏ được dựng lên hai bên bờ sông để tăng tốc độ dòng chảy, và giờ anh đang di chuyển nhanh hơn. Thẳng phía trước là một kênh đào, ngay trước những bánh xe nước. Chúng nằm khuất dưới bóng của cây cầu. Mọi việc diễn ra rất nhanh. Nước sông âm âm chảy xiết, trắng ngàu bọt. Anh có thể nghe thấy tiếng cọt kẹt từ những bánh xe gỗ khi tiến lại gần hơn.

Marek tới được bánh xe đầu tiên; anh ta chộp lấy nan hoa, dùng đưa người, đạp chân vào mái chèo và nổi dần lên theo chiều quay của bánh xe, rồi biến mất khỏi tầm nhìn.

Anh ta làm mọi việc có vẻ dễ dàng.

Bây giờ Kate đã tới được bánh xe thứ hai, gần điểm giữa của cây cầu. Rất nhanh nhẹn, cô dễ dàng bắt được vào một nan hoa đang chuyển động lên, nhưng chỉ một khoảnh khắc sau đó, cô gần như bị tuột tay và phải chộp vật lăm mới trụ lại được. Cuối cùng cô đu người lên một mái chèo, cúi thấp người.

Chris trượt xuống dòng nước đổ dốc, miệng cắn nướn khi chạm vào những tảng đá dưới lòng sông. Nước xung quanh anh sủi bọt như thác đổ,

dòng nước nhanh chóng cuốn anh về phía những bánh xe nước đang quay tròn.

Bây giờ đến lượt anh.

Bánh xe nước đã tiến sát rồi.

Chris với tay về phía nan hoa gần nhất khi nó vừa ngoi lên khỏi mặt nước, và tóm lấy nó – lạnh và trơn trượt – bàn tay anh trượt qua lớp tảo – dầm rạch vào ngón tay anh – trượt tay – anh tóm lấy nó bằng tay kia – tuyệt vọng – cái nan hoa nhô hẳn lên khỏi mặt nước – anh không thể giữ được nữa – bỏ tay và ngã xuống nước – cố tóm lấy cái nan hoa tiếp theo khi nó xuất hiện – hụt rồi – lại hụt – và rồi bị cuốn trôi không thương xót, quay lại phía ánh nắng chói chang, theo dòng nước chảy.

Anh hụt mất rồi!

*Khốn kiếp.*

Dòng nước đẩy anh về phía trước. Ra xa khỏi cây cầu, ra xa khỏi hai người kia.

Anh chỉ còn một mình.

**09:25:12**

Kate quỳ một chân trên mái chèo của bánh xe và thấy người mình được nâng lên khỏi mặt nước. Rồi đến đầu gối kia, và cô cúi xuống, thấy toàn bộ người mình được nâng lên giữa không trung. Gô ngoái lại vừa kịp thấy Chris đang trôi xuôi dòng, đầu đập dềnh trong ánh nắng. Và rồi cô được nâng lên cao hơn nữa, vào trong cối xay.

Cô rơi xuống đất, thu mình trong bóng tối. Những tấm ván gỗ dưới chân chùng xuống, và cô ngửi thấy mùi ẩm mốc. Cô đang ở trong một căn phòng nhỏ, cái bánh xe ở phía sau và một bộ bánh răng bằng gỗ đang kêu cọt kẹt ở bên phải. Những cái bánh răng này khớp với một bộ khung thẳng đứng, làm thành trục quay. Cái trục đâm thẳng lên trần nhà. Cô thấy nước bắn tung tóe lên người trong khi đang ngừng lại để lắng nghe. Nhưng cô chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng nước và tiếng gỗ kèn kẹt.

Một cánh cửa thấp hiện ra ngay phía trước. Cô nắm chặt con dao găm và mở cánh cửa ra.

\*

\*

Thóc ào xuống một cái máng gỗ trên trần nhà và đổ vào một cái thùng vuông bằng gỗ nằm trên nền nhà bên cạnh cô. Từng túi thóc chất đống trong góc. Không khí mịt mù những bụi vàng. Bụi bám đầy trên tường, lên các bề mặt và lên cái thang dẫn lên tầng hai đặt ở góc nhà. Cô nhớ Chris đã từng nói rằng loại bụi này rất dễ cháy, rằng một ngọn lửa cũng có thể thổi bay cả tòa nhà. Và thực thế, cô chẳng thấy một ngọn nến nào trong phòng hết, chẳng một cái giá nến nào trên tường cả. Không có lửa dưới bất kỳ hình thức nào.

Thật cẩn thận, cô lần tới bên chiếc thang. Chỉ khi tới bên nó thì cô mới thấy hai người đàn ông đang nằm giữa đồng tui, ngáy ầm ĩ, mấy chai rượu rỗng lăn lóc dưới chân. Và chẳng ai có dấu hiệu gì là sẽ tỉnh hết.

Cô bắt đầu trèo lên cầu thang.

Cô đi qua một chiếc bánh xe bằng đá granite đang xoay ầm ầm trên một cái bánh xe khác ở bên dưới. Thóc chảy xuống qua một dạng ống rồi đổ vào cái lỗ ở chính giữa bánh xe phía trên. Rồi thóc đã được xay sẽ đổ ra hai bên, qua một cái lỗ xuống nền nhà bên dưới.

Ở góc phòng, cô thấy Marek bò qua người một tên lính đang nằm trên đất. Anh ta giơ tay lên môi và chỉ về phía cánh cửa bên phải, Kate nghe thấy có tiếng nói: những tên lính trên chòi canh. Thật lạnh lẽ, Marek nâng cái thang lên và mang nó chặn cửa lại.

Họ cùng nhau gỡ lấy kiếm của tên lính, cây cung, cùng bao tên. Cái xác thật nặng; tháo vũ khí ra không ngờ lại khó đến thế. Dường như mất khá nhiều thời gian. Cô nhìn vào khuôn mặt của tên lính – hẳn ta có bộ râu hai ngày chưa cạo, và một vết sưng tấy trên môi. Mắt nâu, mở trừng trừng.

Cô kinh hãi nhảy lùi lại khi người đó đột ngột giơ tay về phía mình. Rồi cô nhận ra rằng đó là vì ống tay áo ướt của cô đã bị mắc vào cái vòng tay của hắn. Cô gỡ nó ra. Bàn tay đập đánh cộp xuống đất.

Marek lấy kiếm của người đó. Anh ta đưa cung và tên cho cô.

Vài bộ áo chùng thầy tu treo thành hàng trên móc tường. Marek chui vào một chiếc, đưa chiếc thứ hai cho cô.

Giờ anh ta chỉ tay về bên trái, về phía cái dốc dẫn ra tòa nhà thứ hai. Hai tên lính mặc đồng phục nâu đỏ và xám đang đứng trên dốc, chặn đường họ.

Marek nhìn quanh, thấy một cây gậy nặng trịch dùng để khuấy thóc, và đưa nó cho cô. Anh ta thấy thêm nhiều chai rượu trong góc nữa. Anh ta lấy hai chai, mở cửa ra, và nói gì đó bằng tiếng Occitan, vẫy vẫy mấy cái chai

về phía bọn lính. Chúng chạy vội. lại. Marek đẩy Kate về bên cửa và nói một tiếng: “*Mạnh.*”

Tên lính đầu tiên bước vào, tên thứ hai theo ngay sau. Cô vung gậy lên và đánh vào đầu hấn mạnh đến nỗi cô chắc chắn rằng mình đã làm hấn vỡ sọ. Nhưng không phải thế; người đó ngã ra, nhưng hấn đã đứng dậy ngay lập tức. Cô đánh hấn thêm hai cú nữa, hấn ngã đập mặt xuống đất và không cử động được nữa. Trong khi đó, Marek đã đập vỡ chai rượu lên đầu tên lính thứ hai, và giờ anh ta đang đá vào bụng hấn liên hồi. Hấn giãy giụa, giơ hai tay lên che, cho tới khi cô đập cây gậy xuống đầu hấn. Thế là hấn không cựa quậy gì nữa.

Marek gạt đầu, luồn thanh kiếm xuống dưới lớp áo chùng, đi ra chỗ con dốc, đầu hơi cúi, giống một thầy tu. Kate đi theo sau.

Cô không dám liếc nhìn những tên lính trên mấy tòa tháp canh. Cô đã giấu túi tên xuống dưới áo, nhưng tay vẫn phải cầm cây cung, lộ lộ trước ánh nhìn của mọi người. Cô không biết là có ai để ý thấy không nữa. Họ đi đến tòa nhà thứ hai, Marek dừng lại trước cánh cửa. Họ lắng nghe, nhưng chẳng có gì hết trừ tiếng đập dồn dập và tiếng nước cuộn chảy của dòng sông bên dưới.

Marek mở cửa ra.

\*

\*

Chris ho và thở phì phò, trời sụp giữa dòng nước. Dòng chảy giờ đã chậm hơn, nhưng anh đã trôi xuống hạ lưu cách cối xay cả trăm mét rồi. Ở cả hai bên bờ sông, người của Arnaut đang đứng quanh, rõ ràng là đang đợi lệnh tấn công cây cầu. Một số lượng lớn ngựa đứng gần đó, được mấy người hầu trông coi.

Ánh nắng chiếu trên mặt nước rọi lên mặt những người lính của Arnaut. Anh thấy họ nheo mắt, và quay lưng lại dòng sông. Chris đã nhận ra rằng ánh nắng chói chang có lẽ là lý do làm họ không nhìn thấy anh.

Không quấy nước hay khua tay, Chris vẫn đến được bờ Bắc của dòng Dordogne và trượt qua những đám cây bụi mọc chìa ra bên bờ sông. Ở đây không ai có thể nhìn thấy anh hết. Anh có thể nghỉ lấy sức một chút. Và anh phải ở bên này sông – bên của người Pháp – nếu còn muốn nhập bọn với Marek và Kate.

Ấy là, nếu họ còn sống mà ra khỏi cối xay. Chris chẳng biết cơ may là bao nhiêu nữa. Cối xay nhung nhúc những lính.

Và rồi anh nhớ rằng Marek vẫn đang cầm mảnh sứ. Nếu Marek chết, hoặc biến mất, họ sẽ không còn cơ hội trở về nhà nữa. Nhưng có lẽ họ cũng chẳng còn cơ hội đâu mà, anh nghĩ vậy.

Cái gì đó đập bộp lên đầu anh. Khi quay lại anh thấy một con chuột chết, trương phồng lên trôi trên sông. Cảm giác kinh tởm thúc anh ào ra khỏi dòng nước. Giờ ngay chỗ anh đang bám chẳng có tên lính nào hết; chúng đang đứng dưới bóng một lùm thông, xuôi dòng chừng mười hai mét. Anh leo lên khỏi mặt nước và nằm vật xuống chỗ bụi cây. Ánh mặt trời tỏa khắp người Chris, sưởi ấm cho anh. Anh nghe thấy tiếng bọn lính cười nói. Anh biết mình nên tìm chỗ nào đó kín hơn. Nơi anh đang nằm bây giờ, giữa đám cây bụi trên bờ sông, bất cứ ai đi dọc bờ sông cũng sẽ dễ dàng nhìn thấy. Nhưng khi thấy người ấm hơn, cũng là lúc anh thấy mình kiệt sức. Mắt nặng trĩu, chân tay uể oải, và dù nhận ra được nguy hiểm, anh vẫn tự nhủ rằng mình sẽ chỉ nhắm mắt một chút thôi.

Chỉ một chút thôi.

\*

\*

Những tiếng động trong cối xay âm âm đến điếc cả tai. Kate nhắm mắt khi bước lên tầng hai và nhìn xuống căn phòng bên dưới. Chạy dọc theo chiều dài của tòa nhà, hai dãy búa nện kêu leng keng trên mấy cái đe thợ rèn, tạo nên những tiếng vang liên hồi dội lên những bức tường đá.

Bên cạnh mỗi cái đe là một chậu nước và một lò kim loại đầy than hồng rực. Đây rõ ràng là một lò luyện kim, nơi thép được tôi bằng quy trình luân phiên nung, đập và làm lạnh trong nước, những bánh xe nước là nguồn cung cấp lực đập.

Nhưng bây giờ, những chiếc búa cứ đập mà không có ai trông coi khi bảy hoặc tám lính đồng phục nâu đỏ và xám đang lùng sục kỹ lưỡng mọi góc phòng, tìm bên dưới những trục xoay và bên dưới những chiếc búa đang nện liên hồi, sờ khắp những bức tường để tìm các ô bí mật trong đá, và lục tung các rương dụng cụ.

Cô không có chút nghi ngờ gì về thứ bọn chúng đang tìm: chiếc chìa khóa của đạo hữu Marcel.

Marek quay về phía cô ra hiệu rằng họ sẽ đi xuống cầu thang và đi tới cánh cửa phụ, giờ đang mở hé. Đây là cánh cửa duy nhất trên bức tường bên; nó chẳng có khóa, và nó gần như chắc chắn là phòng của Marcel.

Và rõ ràng, nó đã bị lục soát.

Vì lý do nào đó, chuyện này cũng chẳng làm Marek bận tâm, anh ta vẫn cứ quả quyết đi xuống. Ở chân cầu thang, họ đi qua những cái búa đang đập liên hồi và lặn vào phòng của Marcel.

Marek lắc đầu.

Đây quả đúng là phòng của một thầy tu, rất nhỏ, và sơ sài đến đáng ngạc nhiên: chỉ có một cái giường nhỏ, một bồn nước và một cái xô. Cạnh giường có cái bàn nhỏ đặt một ngọn nến tí xíu. Tất cả chỉ có thế. Hai chiếc áo chùng trắng của Marcel treo trên cái móc sau cửa.

Chẳng có gì khác.



Chỉ cần liếc qua cũng thấy rõ là chẳng có chìa khóa nào trong căn phòng này hết. Và thậm chí nếu như có thật thì bọn lính cũng đã tìm thấy chúng rồi.

Tuy thế, trước sự bất ngờ của Kate, Marek vẫn sụp xuống và bắt đầu cẩn thận tìm kiếm dưới gầm giường.

\*

\*

Marek nhớ lại những gì tu viện trưởng đã nói ngay trước khi ông ta bị giết.

Tu viện trưởng không biết lối vào đường hầm bí mật, và ông ta cực kỳ muốn biết, để có thể nói cho Arnaut. Tu viện trưởng đã khích lệ Giáo sư tìm trong đồng tài liệu cổ – một điều dễ hiểu, nếu Marcel đã quá điên đến mức không còn nói được cho ai biết rằng mình đã làm gì.

Giáo sư đã tìm ra tài liệu có đề cập đến một chiếc chìa khóa, và dường như ông nghĩ đây là một phát hiện quan trọng. Nhưng tu viện trưởng đã mất hết kiên nhẫn: “Dĩ nhiên là có chìa khóa. Marcel có rất nhiều chìa khóa...”

Thế là tu viện trưởng đã biết là có sự tồn tại của một cái chìa khóa. Ông ta cũng biết cái chìa khóa đó ở đâu. Nhưng ông ta không thể dùng được nó.

Sao lại không?

Kate gõ nhẹ lên vai Marek. Anh ta ngoái lại và thấy cô đã đẩy hai chiếc áo chùng trắng ra. Trên mặt sau cánh cửa anh ta thấy có ba hình khắc, theo họa tiết kiểu La Mã. Họa tiết có vẻ nghi thức, thậm chí còn rất cầu kỳ; dường như cực kỳ không có vẻ gì là Trung Cổ hết.

Và rồi anh ta nhận ra rằng đó chẳng phải là họa tiết gì hết. Đó là những biểu đồ chỉ dẫn.

Đó là chìa khóa.

\*

\*

Biểu đồ khiến anh ta chú ý là cái thứ ba, nằm ở trong cùng phía bên phải. Nó trông thế này:



Biểu đồ đã được khắc lên lớp gỗ phía sau cánh cửa từ nhiều năm trước. Không nghi ngờ gì nữa, bọn lính đã nhìn thấy nó. Nhưng nếu chúng vẫn còn đang tìm, thì có nghĩa là chúng vẫn chưa hiểu nó nghĩa là gì.

Nhưng Marek hiểu.

Kate đang chăm chăm nhìn anh ta, và cô mấp máy môi, *Cầu thang?*

Marek chỉ tay về phía cái hình, Anh ta mấp máy môi, *Bản đồ.*

Vì giờ cuối cùng thì mọi thứ đã rõ ràng trước mắt anh ta.

VIVIX không có trong từ điển, vì nó không phải một từ. Nó là một chuỗi các số: V, IV, và IX. Và những chữ số này được gắn với những hướng cụ thể, như đã được chỉ ra trong dòng chữ trên tấm giấy da kia: *DESIDE*. Nó cũng không phải một từ, mà đúng hơn là viết tắt của *DExtra, SInistra, DExtra*. Hay theo tiếng Latin có nghĩa là: “phải, trái, phải”.

Vì thế, mật mã là thế này: khi đã vào trong nhà nguyện xanh, bạn hãy đi năm bước qua bên phải, bốn bước qua bên trái và chín bước sang bên phải.

Và thế là bạn sẽ đến được chỗ có đường hầm bí mật.

Anh ta cười với Kate.

Thứ tất cả mọi người đang tìm kiếm, cuối cùng họ đã tìm ra. Họ đã tìm ra chìa khóa tới La Roque.

**09:10:23**

Giờ tất cả những gì họ cần làm là sống sót thoát khỏi cối xay, Kate nghĩ. Marek đi về phía cánh cửa, cảnh giác nhìn ra chỗ đám lính trong phòng chính. Cô đi ra cạnh anh ta.

Cô đếm thấy có chín tên lính. Cộng với cả de Kere. Thế là tổng có mười tên.

Mười đấu với hai.

Bọn lính dường như đã ít chú tâm vào việc tìm kiếm hơn trước. Rất nhiều tên bắt đầu nhìn nhau qua mấy cái búa nện, nhún vai, như muốn nói, Không phải chúng ta đã xong rồi à? Làm gì nữa?

Rõ ràng, việc thoát ra mà không bị phát hiện đối với Kate và Marek là bất khả thi.

Marek chỉ về phía cầu thang dẫn lên con dốc phía trên. “Cô đi thẳng lên cầu thang và ra khỏi đây,” anh ta nói. “Tôi sẽ yểm trợ cho cô. Sau đó chúng ta sẽ gặp lại chỗ hạ lưu trên bờ Bắc. Được chứ?”

Kate nhìn về phía bọn lính. “Mười đối một đấy, tôi sẽ ở lại.”

“Không. Một trong hai chúng ta phải ra được khỏi đây. Tôi có thể xử lý được. Cô đi đi.” Anh ta lẩn tay vào trong túi. “Và mang cái này theo.” Anh ta đưa miếng sứ cho cô.

Cô rùng mình, “Sao lại thế, André?”

“Cầm lấy đi.”

Và họ đi vào phòng. Kate hướng về phía cầu thang, trở lại nơi cô vừa đi qua. Marek đi sâu vào phòng, về phía những ô cửa sổ nhìn xuống dòng sông.

Kate lên cầu thang được nửa đường thì nghe thấy có tiếng quát tháo. Bọn lính khắp phòng đang chạy về phía Marek, anh ta đã trút chiếc áo thầy tu ra và đang đánh nhau với một tên. Kate không chút do dự. Lấy túi tên ra

khỏi chiếc áo, cô đưa mũi tên đầu tiên lên, và giương cây cung. Cô nhớ lại những lời Marek đã nói: *Khi muốn giết một ai đó...* Khi ấy cô đã nghĩ rằng nó thật nực cười.

Một tên lính thét lên, chỉ về phía cô. Cô bắn vào hăn ta; mũi tên cắm vào ngay sát cổ hăn. Hăn lao đảo ngã vào một cái lò nung, gào lên khi trượt vào chảo than nóng. Tên lính thứ hai bên cạnh hăn đang lùi lại, tìm chỗ núp, thì Kate đã bắn thẳng vào ngực hăn. Hăn đổ nhào xuống đất, chết.

Còn tám tên.

Marek đang đánh lại ba tên một lúc, gồm cả de Kere. Gươm chém xuống chan chát do chúng né tránh giữa những cái búa nện và nhảy qua những bánh cam đang quay vun vút. Marek đã giết được một tên, hăn nằm chết ngay dưới chân anh ta.

Còn bảy tên.

Nhưng rồi cô thấy tên lính đó đứng dậy; hăn chỉ giả chết, và giờ hăn đang thận trọng tiến về phía trước, định tấn công Marek từ phía sau. Kate lên mũi tên khác, bắn vào hăn. Tên đó ngã khuỵu xuống, ôm lấy đùi; hăn chỉ bị thương thôi; Kate bắn thẳng vào đầu khi hăn còn nằm giữa đồng gỗ.

Cô đang với lấy mũi tên khác thì thấy de Kere đã ngừng đánh nhau với Marek và đang phóng lên cầu thang về phía cô với một tốc độ đáng kinh ngạc.

Kate luống cuống lấy mũi tên khác, lên dây, bắn về phía de Kere. Nhưng cô quá vội và đã bắn trượt. Giờ de Kere đang vùn vụt phóng đến.

Kate buông cả cung lẫn tên xuống rồi bỏ chạy ra ngoài.

\*

\*

Cô chạy dọc theo con dốc dẫn ra cối xay, mắt nhìn xuống dòng nước. Khắp mọi nơi cô có thể thấy đá lờm chờm bên dưới dòng nước cuộn cuộn trắng xóa: quá nông không nhảy xuống được. Cô buộc phải đi xuống theo con đường mà mình đã leo lên. Phía sau cô, de Kere đang quát tháo gì đó. Trên cái tháp canh đối diện, một nhóm cung thủ rút cung ra.

Khi loạt tên đầu tiên bay tới, cô đã tới cánh cửa của cối xay bột. De Kere khi đó đang chạy ngược lại, hét vào bọn cung thủ, giơ giơ nắm đấm lên trời. Tên găm quanh người hẳn.

Ở tầng trên của cối xay, lính đang thúc vào cánh cửa vốn đã bị cái thang chặn lại. Cô biết cái thang cũng chẳng giữ được lâu đâu. Cô đi qua cái lỗ trên nền nhà và quăng người xuống căn phòng bên dưới. Âm ỉ không chịu nổi, mấy tên lính say xỉn đã tỉnh, đang loạng choạng mắt lờ mờ đứng dậy. Nhưng bụi vàng trong không khí nhiều quá, chẳng thể nhìn rõ gì cả.

Đó chính là gợi ý cho cô: bụi ngập trong không khí.

Cô lần tay vào trong túi và lấy ra một trong mấy cái khối lập phương màu đỏ. Nó ghi “60”. Cô giật cái nắp ra, và ném nó vào góc phòng.

Cô lặng lẽ đếm ngược lại.

Năm chín. Năm tám.

De Kere giờ đang ở ngay tầng phía trên đầu cô nhưng hẳn đang ngần ngại chưa dám xuống, không biết rõ là cô có vũ khí hay không. Cô nghe thấy có rất nhiều tiếng người nói và tiếng bước chân phía bên trên; bọn lính từ chòi canh đã phá được cửa. Phải có tới một tá người trên đó. Có thể hơn.

Bên khóe mắt cô liếc thấy một trong hai tên lính say xỉn bên đồng túi đã bổ nhào về phía trước và chộp lấy cô. Cô đá mạnh vào giữa hai chân hắn và hắn ngã ra sau, rên rĩ, cuộn người lại trên nền đất.

Năm hai. Năm một.

Cô chúi người xuống, đi về phía căn phòng bên bé tí mà từ đó cô đã vào đây. Bánh xe nước đang kêu răng rắc, bắn nước ra khắp nơi. Cô đóng

cánh cửa thấp lại, nhưng nó chẳng có khóa hay then cài gì hết. Bất cứ ai cũng có thể vào được.

Năm mươi. Bốn chín.

Cô nhìn xuống. Đường thông trên nền nhà, nơi bánh xe xoay xuống dưới, đủ rộng để cô có thể chui qua được. Giờ tất cả những gì cô cần làm là bám lấy một trong những mái chèo đang quay tới và cưỡi lên bánh xe cho tới khi cô xuống đủ thấp để an toàn hạ xuống dòng nước nông chèo bên dưới.

Nhưng khi đối diện với cái bánh xe nước, thử căn thời gian các bước, cô mới nhận ra rằng nói thì dễ hơn làm nhiều. Bánh xe dường như quay rất nhanh, chúng cứ vun vút trước mặt cô. Cô cảm thấy nước bắn lên mặt và làm mờ tầm nhìn. Thời gian còn lại bao nhiêu? Ba mươi giây? Hai mươi? Nhìn chăm chăm vào cái bánh xe, cô không tính được nữa. Nhưng cô biết mình không thể đợi được. Nếu Chris nói đúng, toàn bộ cối xay sẽ nổ tung ngay thôi. Kate với người ra trước, bám lấy một cái mái chèo đang quay tới – bắt đầu rơi cùng nó – sợ – thả nó ra – đưa tay với lại lần nữa – lại sợ – rồi lùi lại, thở sâu, chuẩn bị tinh thần, sẵn sàng làm lần nữa.

Cô nghe tiếng người nhảy thành thịch từ trên tầng trên, từng tên một, xuống căn phòng gần đó. Cô chẳng còn thời gian nữa.

Cô phải đi thôi.

Cô hít thật sâu, bám lấy cái bánh lái đang đến bằng cả hai tay, ấn người tựa vào bánh xe. Cô trượt qua cái lỗ – chìm vào dưới ánh nắng – cô đã làm được! – nhưng rồi đột ngột bị giật ra khỏi cái bánh xe, và lơ lửng trên không trung.

Cô ngược nhìn lên.

Robert de Kere đang giữ chặt cánh tay cô trong bàn tay cứng như thép. Với người qua cái lỗ, hẳn ta đã tóm được cô vào đúng giây cuối cùng khi cô rơi xuống. Và giờ hẳn đang giữ cho cô lơ lửng giữa không trung. Cách vài phân, bánh xe vẫn tiếp tục quay. Cô cố giãy ra khỏi de Kere. Mặt hẳn trông thật dữ tợn và đầy quyết tâm khi nhìn cô.

Cô cố vùng vẫy.

Hắn cứ giữ chặt.

Rồi cô thấy có gì đó thay đổi trong mắt hắn – một vẻ gì đó bất an – và cái sàn gỗ ướt nhẹp bắt đầu sụp xuống dưới chân hắn. Trọng lượng của cả hai người vượt quá sức chịu đựng của tấm ván gỗ cũ kỹ, hàng bao năm đã ngấm sũng nước từ bánh xe. Những tấm ván gỗ giờ cong oằn về phía trước. Một tấm ván vỡ nát ra mà không phát ra một tiếng động, và đầu gối của de Kere sụt xuống, nhưng hắn vẫn giữ chặt lấy cô.

Bao lâu rồi? Cô nghĩ. Dùng bàn tay kia, cô đấm vào cổ tay de Kere, cố bắt hắn thả mình ra.

Bao lâu rồi?

De Kere như một con chó bun, cứ bám chặt lấy, không chịu nhả ra. Một tấm ván sàn nữa vỡ ra, và hắn ta lao đảo đổ sang một bên. Nếu một tấm nữa mà vỡ, hắn sẽ rơi xuống cùng cô.

Thế mà hắn cũng chẳng thèm quan tâm. Hắn sẽ bám lấy đến cùng.

*Bao lâu rồi?*

Với bàn tay còn tự do, cô bấu lấy một mái chèo đang tới và dùng lực của bánh xe để kéo người mình xuống khỏi nắm tay của de Kere. Hai cánh tay của cô rút lên vì căng cứng, nhưng nó có hiệu quả – những tấm ván nứt ra – de Kere ngã xuống – hắn thả cô ra – và cô rơi thêm khoảng một mét nữa xuống dòng nước đang sủi bọt trắng xóa quanh bánh xe.

Và rồi một luồng sáng vàng nhạt bùng lên, cả tòa nhà bằng gỗ phía trên cô gập rúm lên rồi biến mất. Cô thấy những tấm ván cứ bay tứ tán, rồi cô lộn nhào và đâm đầu xuống dòng nước lạnh giá. Cô thấy đầy sao, một loáng thôi, rồi cô bất tỉnh trong dòng nước đang cuộn chảy xung quanh.



**09:04:01**

Chris tỉnh dậy trong tiếng quát tháo của bọn lính. Anh ngược nhìn lên, và thấy lính chạy qua cây cầu cối xay một cách cực kỳ hỗn loạn. Anh thấy một thầy tu mặc áo chùng trắng đang trèo qua cửa sổ của tòa nhà lớn hơn, rồi anh nhận ra đó là Marek, đang dùng kiếm đánh ai đó bên trong. Marek trượt xuống đám dây leo cho tới khi đủ thấp để nhảy, rồi rơi xuống dòng sông. Chris chẳng thấy Marek trôi lên khỏi mặt nước.

Anh vẫn đang nhìn thì cối xay bột nổ tung giữa một quãng sáng rực rỡ và gỗ bay tứ tung. Lính bị thổi bay lên không trung vì áp lực của vụ nổ, rơi như búp bê xuống khỏi tháp canh. Khi khói và bụi đã quang bớt, anh thấy rằng cối xay bột đã biến mất – tất cả những gì còn lại giờ là vài cây cột gỗ đang cháy dở. Xác lính chết nổi lập lờ trên dòng sông bên dưới, giờ ngập đầy ván gỗ từ cối xay xác xơ.

Anh vẫn chưa thấy Marek đâu hết, và cũng không thấy Kate đâu. Một chiếc áo chùng trắng của thầy tu được dòng chảy đưa tới chỗ anh, và anh đột nhiên có một cảm giác đau đớn rằng cô đã chết.

Nếu thật thế, thì anh chỉ còn có một mình. Liều liên lạc, anh chạm vào cái tai nghe và nói thầm, “Kate. André.”

Không có tiếng đáp lại.

“Kate, cô có đấy không? André?”

Anh chẳng nghe thấy gì qua tai nghe hết, cả sóng nhiễu cũng không.

Anh thấy xác một người đàn ông trôi úp sấp mặt trên sông, và trông có vẻ giống Marek. Có phải không? Phải, Chris chắc chắn; tóc đen, to lớn, cường tráng, mặc một cái áo trong băng vải lạnh, Chris rên rỉ. Lính ở phía bờ bên kia đang quát tháo; anh quay lại xem chúng đã gần tới đâu. Khi anh nhìn lại dòng sông lần nữa, cái xác đã trôi mất.

Chris trốn lại phía sau mấy bụi cây và cố nghĩ xem sẽ làm gì tiếp theo.

\*

\*

Kate trôi lên, xoay ngửa người ra. Cô cứ để dòng nước cuốn mình xuống hạ lưu. Xung quanh cô, những cây cột gỗ đang bổ nhào xuống nước như tên lửa. Cơn đau trên cổ nhói đến nỗi cô phải thở hỗn hển để lấy hơi, và với mỗi hơi thở, chân tay cô lại giật lên từng đợt. Cô không thể cử động được chút nào, và cô đã nghĩ mình bị liệt, cho tới khi dần dần nhận ra rằng mình vẫn có thể cử động được mấy đầu ngón tay và ngón chân. Cơn đau đã giảm dần, rồi trườn lên tứ chi cô, giờ trụ lại ở cổ, khiến cô cực kỳ đau đớn. Nhưng cô đã có thể thở thoải mái hơn một chút, và cử động được chân tay. Cô thử lại lần nữa: phải, cô có thể cử động được chân tay.

Thế là cô không bị liệt, cổ cô có bị gãy không nhỉ? Cô thử cử động một chút, quay đầu sang trái thật nhẹ, rồi sang phải. Đau chết đi được, nhưng có vẻ khá ổn. Cô cứ trôi đi. Thứ gì đó sền sệt nhỏ vào mắt, làm cô không nhìn rõ. Cô lau nó đi, thấy có máu dính trên mấy đầu ngón tay. Chắc là ở chỗ nào đó trên đầu. Trán cô nóng bừng lên. Cô lấy tay chạm vào nó. Lòng bàn tay đỏ thẫm máu.

Cô trôi xuôi dòng, vẫn nằm ngửa, vẫn rất đau, cô không thấy đủ tự tin để xoay người và bơi. Trong lúc này, cô vẫn cứ trôi đi. Cô băn khoăn không biết tại sao bọn lính lại không nhìn thấy mình.

Rồi cô nghe thấy những tiếng thét từ phía bờ, và nhận ra rằng bọn chúng đã nhìn thấy.

\*

\*

Chris ngó qua bụi rậm vừa kịp lúc thấy Kate đang trôi ngựa xuôi xuống hạ lưu. Cô bị thương; cả nửa trái mặt cô đầy máu, chảy xuống từ trên đầu. Và cô chẳng cử động mấy. Có lẽ cô đã bị liệt rồi.

Trong giây lát, mắt họ chạm nhau. Cô khẽ mỉm cười. Anh biết nếu giờ lộ ra, anh sẽ bị bắt, nhưng anh không hề do dự. Giờ Marek đã chết, anh chẳng còn gì để mất; gì thì gì họ cũng sẽ ở bên nhau cho đến phút cuối. Anh nhào xuống nước, lội ra phía cô. Chỉ khi đó anh mới nhận ra sai lầm của mình.

Anh đang ở trong tầm tên bắn của những cung thủ vẫn đang ở trên cái tháp còn lại trên cầu, và giờ chúng bắt đầu bắn về phía anh, tên bay vùn vụt xuống nước.

Gần như ngay lập tức, một hiệp sĩ đầy đủ giáp trụ từ bên Arnaut phóng thẳng ngựa xuống nước. Hiệp sĩ đó đội mũ trụ, và không thể nhìn được mặt anh ta, nhưng anh ta rõ ràng là chẳng sợ gì hết, vì anh ta đã đưa cả người mình lẫn con ngựa ra chắn trước bọn cung thủ. Con ngựa của anh ta chìm sâu xuống khi nó phóng ra phía trước, và cuối cùng nó bơi, hiệp sĩ đã chìm xuống nước tới tận thắt lưng khi anh ta quăng Kate lên yên như quăng một cái bao ướn sũng và rồi giơ tay ra tóm lấy Chris, nói to, “Allons!”<sup>34</sup> và quay lại vào bờ.

\*

\*

Kate trượt khỏi yên ngựa và tuột xuống đất. Hiệp sĩ quát lên ra lệnh, một người đàn ông mang một lá cờ sọc chéo đỏ và trắng chạy vội tới. Ông ta kiểm tra thương tích của Kate, lau sạch và cầm máu, rồi lấy vải lạnh băng lại.

Trong khi đó, vị hiệp sĩ xuống ngựa, tháo mũ trụ ra, bỏ nó đi. Anh ta là một người đàn ông cao lớn và cường tráng, đẹp trai và bảnh bao đến kinh

ngạc, tóc đen lượn sóng, mắt đen, cái miệng đầy đặn quyến rũ, và ánh sáng trong mắt thể hiện sự thích thú trước cái ngốc nghếch của thế giới. Da anh ta ngăm ngăm, và anh ta trông có vẻ giống người Tây Ban Nha.

Khi Kate đã được băng bó xong thì vị hiệp sĩ mỉm cười, để lộ ra hàm răng trắng đến hoàn hảo. “Tôi sẽ rất hân hạnh nếu mọi người đi cùng tôi đây.” Anh ta dẫn họ vào lại trong tu viện và vào nhà thờ. Ở bên cánh cửa phụ của nhà thờ có một nhóm lính đang đứng, và một người nữa cũng đang ngồi trên lưng ngựa, mang biểu ngữ xanh lá cây và đen của Arnaut de Cervole.

Khi họ đi tới nhà thờ, tất cả lính họ đi qua đều cúi đầu trước vị hiệp sĩ, nói, “Thưa ngài... Thưa ngài...”

Chris huých vào Kate. “Là ông ta đấy.”

“Ai cơ?”

“Arnaut.”

“Hiệp sĩ đó á? Anh đùa à.”

“Nhìn cách mấy người lính cư xử kia.”

“Arnaut cứu mạng chúng ta,” Kate nói.

Chris nhận ra sự mỉa mai ở đây. Trong những tư liệu lịch sử về thời đại này ở thế kỷ hai mươi, Oliver được miêu tả như một thứ gì đó gần với ông thánh, trong khi de Cervole là một hình tượng tối tăm, “một trong những kẻ xấu xa nhất trong thời đại của hắn”, theo lời của một sử gia. Nhưng rõ ràng sự thật lại hoàn toàn ngược lại. Oliver là một tên khốn đê tiện, còn Cervole là một hình mẫu nổi bật của tinh thần hiệp sĩ – người giờ họ mang ơn cứu mạng.

Kate nói, “André thì sao?”

Chris lắc đầu.

“Anh chắc không?”

“Tôi nghĩ thế. Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy anh ấy dưới sông.”

Kate không nói gì hết.

Bên ngoài nhà thờ Sainte-Mère là những hàng dài người, hai tay bị trói sau lưng, chờ đợi để được vào trong. Hầu hết đều là quân của Oliver với đồng phục nâu đỏ và xám, cùng vài người nông dân quần áo rách rưới. Chris đoán rằng có tổng cộng khoảng bốn mươi hoặc năm mươi người. Khi họ đi qua, những người đó nhìn họ không rời với ánh mắt ủ rũ. Một vài người bị thương; tất cả đều trông rất mệt mỏi.

Một người đàn ông, một tay lính đồng phục nâu đỏ, nói một cách đầy mỉa mai với tên bên cạnh, “Thằng lãnh chúa con hoang vùng Narbonne kia. Hẳn làm các việc cả Arnaut cũng thấy bẩn.”

Chris còn đang cố hiểu câu này thì vị hiệp sĩ đẹp trai đã quay phắt người lại. “Người nói gì?” anh ta hét lên, đoạn túm lấy tóc người kia, giật đầu hắn ta lên, và dùng tay kia rạch họng hắn bằng một con dao găm. Máu phụt ra đổ xuống ngực hắn. Người đàn ông vẫn đứng đó trong giây lát, phát ra những âm thanh khàn khàn.

“Người vừa tuôn ra lời sỉ nhục cuối cùng của mình rồi đấy,” hiệp sĩ đẹp trai nói. Anh ta cứ đứng, mỉm cười với người đàn ông, nhìn máu chảy, cười khi mắt người đàn ông mở trừng trừng vì hoảng sợ. Người đàn ông vẫn đứng. Đối với Chris, hắn ta dường như cứ đứng mãi như thế, nhưng có lẽ chỉ khoảng ba mươi hay bốn mươi giây thôi. Vị hiệp sĩ cứ lặng lẽ đứng nhìn, không hề cử động, nụ cười cũng không hề tắt.

Cuối cùng người đàn ông đó cũng ngã khụy xuống, đầu cúi gục, như thể đang cầu nguyện. Vị hiệp sĩ bình thản đặt chân xuống dưới cằm người đó và đá hắn ta ngã ra sau. Anh ta tiếp tục nhìn người đàn ông thở hấp hối, cứ thế trong độ một phút. Rồi hắn ta chết.

Hiệp sĩ đẹp trai cúi xuống, lau lưỡi dao vào tất của người đó, và lau chỗ giày dính máu vào cái áo chên bằng da. Rồi anh ta gạt đầu với Chris và Kate.

Và họ bước vào nhà thờ Sainte-Mère.

\*

\*

Bên trong ngập khói. Nền nhà là cả một khoảng không rộng lớn; còn chưa có ghế băng hay ghế tựa gì cho tới tận hai trăm năm nữa. Họ đứng ở phía sau, cùng với hiệp sĩ đẹp trai, người có vẻ rất bằng lòng chờ đợi. Ở một góc, họ thấy vài người lính đang túm tụm thì thầm.

Một hiệp sĩ mặc giáp trụ đơn độc đang quỳ gối giữa nhà thờ và cầu nguyện.

Chris quay người lại để nhìn mấy hiệp sĩ kia. Họ dường như đang tranh luận gì đó rất căng thẳng; những lời thì thầm của họ đầy vẻ giận dữ, nhưng anh không thể hình dung ra là họ đang nói về cái gì.

Trong khi họ đang đứng đợi, Chris thấy có gì đó nhỏ giọt lên vai mình. Ngược nhìn lên, anh thấy một người đàn ông treo lơ lửng ngay trên đầu mình, đang chậm chậm xoay xung quanh một sợi dây. Nước tiểu chạy xuống từ chân anh ta. Chris bước lùi khỏi bức tường và thấy nửa tá xác nữa, tay bị trói quặt sau lưng, treo trên những sợi thừng buộc vào lan can tầng hai. Ba xác mặc quân phục đỏ của Oliver. Hai cái xác khác mặc đồ thường dân rách nát. Và cái xác thứ ba là bộ áo chùng trắng của một thầy tu. Hai người nữa ngồi trên sàn nhà, lặng lẽ nhìn thêm nhiều sợi thừng nữa được buộc lên trên; họ thụ động, rõ ràng đã phó mặc cho số phận.

Ở giữa phòng, người đàn ông mặc giáp trụ làm dấu thánh và đứng dậy. Hiệp sĩ đẹp trai nói, “Thưa ngài Arnaut, đây là các trợ lý.”

“Hả? Anh vừa nói gì? Trợ lý?”

Hiệp sĩ quay người lại. Arnaut de Cervole khoảng ba mươi lăm tuổi, người đàn ông lại, khuôn mặt nhỏ, xảo quyết một cách khó chịu. Ông ta có tật trên mặt, mũi cứ chun lại khiến ông ta có cái vẻ của một con chuột đang khịt mũi. Áo giáp dính đầy máu. Ông ta nhìn họ với ánh mắt chán nản, lười nhác. “Anh nói họ là trợ lý à, Raimondo?”

“Vâng, thưa ngài. Trợ lý của Học giả Edwardus.”

“À.” Arnaut đi quanh họ. “Sao họ ướt thế?”

“Chúng tôi đã kéo họ lên từ dưới sông, thưa ngài,” Raimondo nói. “Họ đang ở trong cối xay và đã thoát ra vào phút cuối.”

“Ô thế à?” Arnaut chẳng còn thấy tế nhị chút nào nữa. Mắt ông ta sáng lên đầy thích thú. “Mong hai người nói ta hay, làm thế nào hai người phá hủy được cối xay thế?”

Chris đặng hăng và nói, “Thưa ngài, chúng tôi không làm thế.”

“Ô?” Arnaut cau mày. Ông ta nhìn sang bên người hiệp sĩ kia. “Tiếng gì thế này? Hẳn đúng là không thể hiểu nổi.”

“Thưa ngài, họ là người Ai Len, hay có lẽ là người Hebrides.”

“Ô? Thế họ không phải người Anh rồi. Thế là họ tốt phúc lắm đấy.” Ông ta đi vòng quanh họ, rồi nhìn chăm chăm vào mặt họ. “Anh có hiểu ta nói gì không?”

Chris nói, “Có, thưa ngài.” Dường như nói thế thì ông ta hiểu được.

“Anh có phải người Anh không?”

“Không, thưa ngài.”

“Đúng thật, anh chẳng có vẻ gì là thế hết. Anh trông thật hiền lành và chẳng hiểu chiến chút nào.” Ông ta nhìn Kate. “Anh ta trông tươi trẻ như một thiếu nữ vậy. Và người này...” Ông ta bóp mạnh bắp tay của Chris. “Anh ta là một thư lại hay một thầy tu gì đó. Chắc chắn anh ta không phải là người Anh.” Arnaut lắc đầu, mũi chun lại.

“Vì lũ người Anh rất man rợ,” ông ta nói to, giọng vang vọng khắp nhà thờ đầy khói. “Mọi người đồng ý chứ?”

“Chúng tôi đồng ý, thưa ngài,” Chris nói.

“Lũ người Anh chẳng biết phải sống thế nào chỉ suốt ngày bất mãn và gây sự không ngừng. Chúng luôn giết vua của chính mình; đó là tục lệ đã man của bọn chúng. Những người anh em Norman của chúng ta đã thu phục bọn chúng và đã cố dạy bọn chúng biết thế nào là văn minh, nhưng dĩ nhiên

là họ đã thất bại. Máu bọn Saxon man rợ đến thâm căn cố đế rồi. Bọn Anh thích thú với việc phá hủy, giết chóc và tra tấn. Không hài lòng với việc đánh lẫn nhau trên cái hòn đảo lạnh giá khốn khổ của mình, chúng mang quân đội tới đây, tới mảnh đất thịnh vượng và thanh bình này, gieo rắc tai họa lên những người dân chân chất. Mọi người đồng ý chứ?”

Kate gật đầu, nghiêng mình.

“Hắn phải đồng ý,” Arnaut nói. “Sự tàn bạo của bọn chúng thì không ai địch nổi. Mọi người biết vị vua trước đây của chúng chứ? Edward đệ nhị ấy? Mọi người biết chúng đã chọn cách nào để ám sát ông ta chứ, với một thanh cờ nóng? Làm thế, với một vị vua? Chẳng mấy kỳ lạ khi bọn chúng đối xử với đất nước chúng ta bằng sự tàn bạo thậm chí còn dã man hơn.”

Ông ta đi đi lại lại. Rồi quay lại chỗ họ.

“Và người lên cầm quyền tiếp theo, Hugh Despenser. Theo phong tục của bọn Anh, ông ta cũng phải bị giết. Mọi người biết bằng cách nào không? Ông ta bị trói vào một cái thang đặt giữa quảng trường công cộng, phần kín của ông ta bị cắt rời ra và bị đốt ngay trước mặt ông ta. Và việc đó xảy ra trước khi ông ta bị chém đầu! Thế nào? *Charmant*<sup>35</sup>.”

Ông ta lại nhìn về phía họ để chờ sự đồng cảm. Lại lần nữa họ gật đầu.

“Và giờ vị vua mới nhất đây, Edward đệ tam, đã học được một bài học từ các bậc tiền bối – là ông ta phải liên miên gây chiến, nếu không sẽ chết dưới tay dân chúng của mình. Thế là ông ta cùng thằng con hèn nhát, Hoàng tử xứ Wales, đã mang cái thói man rợ của mình tới Pháp, một đất nước chưa hề trải qua chiến sự dã man cho đến khi chúng tới đất này với đám kỵ binh càn quét của chúng, giết hại dân thường, cưỡng đoạt phụ nữ của chúng ta, sát sinh súc vật, phá hại ruộng vườn, hủy diệt các thị trấn và chấm dứt nghề buôn của chúng ta. Vì cái gì? Để cho cái thứ đầu óc khát máu người Anh kia có thể được lan ra ngoài lãnh thổ của chúng. Để chúng có thể đánh cắp tài sản của một đất nước đáng trọng vọng hơn. Để tất cả các phu nhân người Anh có thể đãi khách bằng những món ăn Pháp. Để chúng có thể tự xưng là



những hiệp sĩ anh dũng, trong khi chúng chẳng làm gì can đảm hơn là đâm trẻ con đến chết.”

Arnaut ngừng cơn thịnh nộ của ông ta và nhìn qua lại mặt bọn họ, mắt đảo không ngừng, đầy vẻ ngờ vực. “Và đó là lý do,” ông ta nói, “ta không hiểu tại sao hai người lại nhập vào phía bọn lợn Anh, thằng Oliver ấy.”

Chris nói nhanh, “Không phải thế đâu, thưa ngài,”

“Ta không có nhiều kiên nhẫn đâu. Nói thật đi: các người giúp cho bên Oliver, vì thầy các người đang phục vụ cho hắn.”

“Không đâu, thưa ngài, Học giả bị bắt ép.”

“Bắt... bị...” Arnaut vung hai tay lên đầy tức tối. “Ai có thể nói ta nghe cái thằng chết trôi này đang nói gì không?”

Vị hiệp sĩ đẹp trai tiến lại gần họ. “Tiếng Anh của tôi khá tốt,” anh ta nói. Đến tai Chris: “*Noái* lại đi.” Nói lại đi.

Chris ngừng lại, nghĩ một chút rồi nói, “Học giả Edwardus...”

“Vâng...”

“... là tù nhân.”

“*Tù-nhân?*” Hiệp sĩ đẹp trai cau mày, lúng túng. “*Tù-nhân?*”

Chris có cảm giác là tiếng Anh của vị hiệp sĩ này không giỏi như anh ta nghĩ. Anh thử lại bằng tiếng Latin, thật tệ và thật cổ. “*Est in carcere – captus – heri captus est de coenobio sanctae Mariae.*” Anh hy vọng rằng nó sẽ có nghĩa là, “Ông ấy đã bị bắt khỏi Sainte-Mère vào lúc sáng qua.”

Hiệp sĩ nhướng mày. “*Lời mời?*” Mà ông ta không muốn?

“Thật thế, thưa ngài.”

Hiệp sĩ nói với Arnaut, “Họ nói là Học giả Edwardus bị đưa khỏi tu viện vào ngày hôm qua trong khi ông ấy không hề muốn và giờ đang là tù nhân của Oliver.”

Arnaut nhanh chóng quay người lại, nhìn sát vào mặt họ. Với giọng trầm, đầy hăm dọa: “*Sed vos non capti estis. Nonne?*” Thế mà các người lại

không bị bắt?

Chris lại ngừng lại. “Ừm, chúng tôi...”

“*Oui?*”<sup>36</sup>

“Không, không, thưa ngài,” Chris nói vội. “Non.”<sup>37</sup> Chúng tôi đã trốn được. Ừm, *ef – effugi – i – imus. Effugimus.*” Có phải đúng từ đấy không nhỉ? Anh vã mồ hôi vì căng thẳng.

Rõ ràng là cũng khá đúng, vì hiệp sĩ đẹp trai đã gật đầu. “Họ nói là họ đã trốn ra.”

Arnaut nạt, “Trốn? Trốn khỏi đâu?”

Chris: “*Ex Castलगard heri...*”

“Mấy người trốn khỏi Castलगard vào tối hôm qua à?”

“*Etiam, mi domine.*” Vâng, thưa ngài.

Arnaut nhìn anh chăm chăm, không nói gì suốt một lúc lâu. Trên lan can tầng hai, những người đàn ông lúc này đã bị thắt dây thừng quanh cổ và bị đẩy xuống. Trọng lực không làm gãy cổ họ, nên là họ cứ bị treo thế, kêu lên những tiếng tắc nghẹn và rên rỉ chờ chết dần.

Arnaut ngược nhìn họ như thể cảm thấy khó chịu vì bị những tiếng kêu hấp hối kia làm ngắt quãng. “Còn vài sợi thừng nữa,” ông ta nói. Ông ta quay lại nhìn họ. “Ta sẽ moi được sự thật từ mấy người thôi.”

Chris nói, “Tôi đã nói sự thật, thưa ngài.”

Arnaut xoay gót. “Các người đã nói chuyện với thầy tu Marcel trước khi ông ta chết chưa?”

“Marcel?” Chris cố hết sức trông có vẻ băn khoăn. “Marcel, thưa ngài?”

“Phải, phải. Marcel. *Cognovistine fratrem Marcellum?*” Người có biết đạo hữu Marcel không?

“Không, thưa ngài.”

“*Transitum ad Roccam Cognitum habesne?*” Câu này Chris chẳng cần đợi dịch: Người biết lối đi bí mật dẫn vào La Roque chứ?

“Lối đi... *transitum*...” Chris lại nhún vai, giả không biết. “Lối đi... Dẫn đến La Roque? Không, thưa ngài.”

Arnaut trông rõ ràng là không tin. “Có vẻ như người chẳng biết gì hết.” Ông ta gí sát mặt vào họ, mũi chun lại, làm người ta có cảm giác là ông ta đang ngửi họ. “Ta nghi ngờ các người. Thực tế, các người chỉ là những kẻ dối trá.”

Ông ta quay sang vị hiệp sĩ đẹp trai, “Treo một tên lên, để tên còn lại nói.”

“Ai, thưa ngài?”

“Hắn,” Arnaut nói, chỉ về phía Chris. Ông ta nhìn Kate, véo má, rồi vuốt ve cô. “Vì cậu bé dễ thương này đã làm ta mũi lòng. Tối nay ta sẽ tiếp đãi cậu ta trong lều. Ta sẽ không để phí phạm cậu ta quá sớm đâu.”

“Được thôi, thưa ngài.” Hiệp sĩ đẹp trai quát ra lệnh, và từ trên tầng hai, mấy người đàn ông đã bắt đầu làm một sợi thừng khác. Những người khác tóm lấy cổ tay Chris và nhanh chóng trói quặt ra sau lưng anh.

Chris nghĩ, Chúa ơi, chúng sắp làm thế rồi. Anh nhìn Kate, mắt cô đang mở to đầy kinh hãi. Mấy người đàn ông bắt đầu kéo Chris đi.

“Thưa ngài,” một giọng nói cất lên từ trong góc. “Mong ngài xét cho.” Đám đông hiệp sĩ đang đứng đợi giờ rẽ ra, và phu nhân Claire xuất hiện.

\*

\*

Claire nhẹ nhàng nói, “Thưa ngài, tôi mong được nói riêng với ngài một chuyện.”

“Gì? Dĩ nhiên rồi, theo ý cô thôi.” Arnaut đi về phía cô ta, và cô ta thì thào vào tai ông ta. Ông ta ngẫm nghĩ, lắc đầu. Cô ta thì thào lần nữa, quả quyết hơn.

Sau một lát, ông ta nói, “Gì? Làm thế thì được gì?”

Thêm nhiều tiếng thì thào. Chris chẳng nghe được gì hết.

Arnaut nói, “Phu nhân, ta đã quyết định rồi.”

Lại thêm nhiều tiếng thì thào nữa.

Cuối cùng, vừa lắc đầu, Arnaut vừa tiến về phía họ. “Phu nhân đây tìm kiếm con đường an toàn từ chỗ ta tới Bordeaux. Cô ấy nói rằng cô ấy biết mấy người, và rằng các người là những người trung thực.” Ông ta ngừng lại. “Cô ấy nói rằng ta nên thả các người ra.”

Claire nói, “Chỉ khi ngài muốn làm thế, thưa ngài. Vì tất cả mọi người đều biết rằng những người Anh đều chém giết vô tội vạ, trong khi người Pháp lại không thế. Người Pháp thể hiện lòng nhân từ được bắt nguồn từ sự thông minh và nòi giống tốt đẹp.”

“Thật đúng thế,” ông ta nói. “Đúng là người Pháp chúng ta đều là những người văn minh. Và nếu hai người này không biết gì về đạo hữu Marcel và lối đi bí mật, thì ta cũng chẳng có việc gì cho họ nữa. Và như ta nói đây, cho họ ngựa và đồ ăn rồi cho họ đi. Ta rất vui nếu được Học giả Edwardus của mọi người yêu mến, nên hãy chuyển lời vấn an tới ông ấy, và cầu Chúa sẽ giúp mọi người thượng lộ bình an gặp lại ông ấy. Thế nên hãy đi đi.”

Phu nhân Claire cúi đầu.

Chris và Kate cúi đầu.

Hiệp sĩ đẹp trai cắt dây trói cho Chris và dẫn họ ra ngoài. Chris và Kate bất ngờ trước tình thế đảo ngược này đến nỗi chẳng nói được gì khi quay lại phía dòng sông. Chris thấy run hết cả người còn đầu thì choáng váng. Kate cứ xoa mặt, như đang cố tỉnh lại.

Cuối cùng vị hiệp sĩ cũng nói, “Hai người đã nợ một phu nhân thông minh tính mạng của mình đấy.”

Chris nói, “Quả vậy...”

Hiệp sĩ đẹp trai cười mím miệng.

“Chúa mím cười với hai người,” vị hiệp sĩ nói.

Anh ta chẳng có vẻ gì là vui vẻ khi nói như vậy.

\*

\*

Quang cảnh bên sông đã hoàn toàn biến đổi. Người của Arnaut đã chiếm được cối xay, giờ cờ xanh lá cây pha đen đang bay phần phật trên tháp. Cả hai bên bờ sông đều đầy ngập các kỵ sĩ của Arnaut. Giờ một dòng người và quân trang đang diễu hành lên con đường dẫn tới La Roque, làm tung lên cả một đám mây bụi. Có những người kéo theo những cỗ xe ngựa chất đầy lương thực, xe chở những người phụ nữ trò chuyện luôn miệng, trẻ em rách rưới, và các cỗ xe khác chất đầy những thanh gỗ khổng lồ – những cỗ máy bắn đá được tháo rời, để quăng đá và đuoọc cháy qua những bức tường thành.

Vị hiệp sĩ đã kiếm cho họ một đôi ngựa – hai con ngựa bé tí xác xơ, vẫn còn vết đeo ách. Dẫn mấy con vật đi, anh ta đưa họ qua trạm kiểm soát.

Một vụ ầm ĩ nổ ra bên bờ sông làm Chris phải quay lại nhìn. Anh thấy một tá đàn ông đang lội xuống nước đến đầu gối, vật lộn với một khẩu thần công nạp đạn ở khóa nòng, làm bằng sắt, với một khối gỗ để làm giá đỡ. Chris chăm chú nhìn, hoàn toàn bị cuốn hút. Chẳng khẩu thần công nào ở thời này còn tồn tại hết, thậm chí miêu tả cũng không.

Tất cả mọi người đều biết pháo thô sơ đã được sử dụng vào thời này; các nhà khảo cổ học đã đào được những quả đạn pháo từ di chỉ của trận Poitiers. Nhưng họ tin rằng súng thần công rất hiếm, và chủ yếu chỉ để trưng

ra – khoe mẽ thôi. Nhưng nhìn những người đàn ông kia đang vật lộn dưới sông để nâng nòng pháo lên và đặt nó lên một cỗ xe, anh đã thấy rằng bằng ấy nỗ lực rõ ràng không bao giờ lại bị bỏ phí vào một thứ chỉ có mỗi tác dụng tượng trưng. Khẩu thần công rất nặng; nó làm chậm bước tiến của cả đoàn quân mà rõ ràng là đang muốn tới La Roque trước khi trời tối; chẳng có lý do nào buộc khẩu thần công phải được chuyển đến sớm cả. Nỗ lực hiện tại chỉ có ý nghĩa duy nhất là khẩu thần công sẽ đóng vai trò quan trọng trong cuộc tiến công.

Nhưng bằng cách nào? Anh băn khoăn. Những bức tường thành của La Roque dày tới hơn ba mét. Một quả đạn đại pháo chẳng thể xuyên qua chúng được.

Hiệp sĩ đẹp trai chào nhanh và nói, “Chúa ban phúc phận và an lành đến cho hai người.”

“Chúa ban phúc và mọi điều tốt lành đến cho anh,” Chris đáp lại, và hiệp sĩ vỗ vào hông hai con ngựa, rồi họ phóng đi, về hướng La Roque.

\*

\*

Vừa cưỡi ngựa, Kate vừa nói với Chris về những gì họ đã tìm thấy trong phòng của Marcel, và về nhà nguyện xanh.

“Cô có biết nhà nguyện này ở đâu không?” Chris nói.

“Có. Tôi đã thấy nó trên một tấm bản đồ trong những lần khảo sát. Nó ở Bắc La Roque khoảng nửa dặm. Có một con đường trong rừng có thể dẫn ta tới đó.”

Chris thở dài. “Thế là chúng ta đã biết đường hầm bí mật đó ở đâu,” anh nói, “nhưng André cầm miếng sứ, và giờ anh ấy chết rồi, có nghĩa là kiểu gì chúng ta cũng không rời khỏi đây được.”

“Không đâu,” cô nói. “Tôi giữ miếng sứ.”

“Cô giữ thật á?”

“André đưa nó cho tôi, lúc ở trên cầu. Tôi nghĩ anh ấy đã biết rằng mình sẽ không thể sống sót mà thoát ra được. Anh ấy đã có thể chạy trốn và tự cứu mình. Nhưng anh ấy không làm thế. Anh ấy ở lại và cứu tôi.”

Cô rưng rưng khóc.

Chris lặng lẽ cười ngửa tiến lên, chẳng nói gì hết. Anh nhớ lại sự nhiệt huyết của Marek đã luôn làm những nghiên cứu sinh khác thấy nực cười – “Anh có tin được không? Anh ấy thực sự tin vào cái thứ tinh thần hiệp sĩ ngớ ngẩn đó!” – và việc họ đã cho những hành động của anh ta là một dạng khoe mẽ quái đản. Một vai hề, một hành vi giả tạo. Vì vào cuối thế kỷ hai mươi này, anh không thể nghiêm túc bắt người khác tin rằng anh tin vào danh dự và sự chân thật, cùng với sự trinh trắng của thân thể, hành động bảo vệ phụ nữ, sự thiêng liêng của tình yêu đích thực, và tất cả những thứ còn lại.

Nhưng hiển nhiên là André đã thực sự tin tưởng vào điều đó.

\*

\*

Họ đi qua một vùng đất thật kinh hoàng. Mặt trời yếu ớt nhạt nhòa trong khói bụi. Đây đó có những giàn nho, nhưng dây leo đều bị cháy rụi, để lại những cái gốc bé tẹo sần sùi xấu xí, khói bốc nghi ngút lên trời. Những vườn cây ăn quả cũng trở nên đen kịt và thật hoang tàn, chỉ còn là những thân cây trơ trọi. Tất cả mọi thứ đều đã bị cháy rụi.

Khấp xung quanh, họ nghe thấy những tiếng kêu đau đớn của những người lính bị thương. Rất nhiều lính lui khỏi chiến tuyến giờ đã ngã gục bên đường. Vài người vẫn còn thở; những người khác đã xám ngoét cả rồi.

Chris đang dừng lại để lấy vũ khí từ một trong những xác chết kia, thì một người lính gần đó giơ tay lên và kêu thảm thiết, “*Secors! Secors!*”<sup>38</sup> Chris đi về phía anh ta. Anh ta bị một mũi tên cắm sâu vào bụng, và một mũi khác trên ngực. Người lính mới ngoài hai mươi, và anh ta dường như đã biết rằng mình sắp chết. Nằm ngửa, anh ta nhìn Chris với ánh mắt van lơn, nói những từ Chris không thể hiểu nổi. Cuối cùng người lính chỉ tay vào miệng mình và nói. “*Aquam. Da mihi aquam.*”<sup>39</sup> Anh ta khát; anh ta muốn uống nước. Chris chẳng còn cách nào khác, đành nhún vai. Anh chẳng có chút nước nào. Người đó tức giận, nhăn mặt, nhắm mắt lại, quay đi. Chris đi tiếp. Sau đó, khi họ đi qua những người đang kêu cứu, anh cứ đi tiếp mà không hề dừng lại. Anh chẳng thể làm được gì hết.

Họ có thể thấy La Roque ở phía xa, cao ngất bất khả xâm phạm trên đỉnh Dordogne. Và họ sẽ tới pháo đài đó trong vòng một tiếng nữa.

\*

\*

Trong góc tối của nhà thờ Sainte-Mère, hiệp sĩ đẹp trai giúp André Marek đứng dậy. Anh ta nói, “Các bạn của anh đã đi rồi.”

Marek ho, và bám lấy cánh tay của vị hiệp sĩ để cố đứng vững khi cơn đau nhói lên dọc chân mình. Hiệp sĩ đẹp trai mỉm cười. Anh ta đã bắt được Marek ngay sau vụ nổ ở chỗ cối xay.

Khi Marek vừa trèo ra khỏi cửa sổ cối xay, hoàn toàn là do may mắn, anh ta rơi xuống một cái vũng đủ sâu để không bị đau. Và khi trời lên khỏi mặt nước, anh ta thấy mình vẫn ở dưới chân cầu. Cái vũng tạo ra một dòng xoáy, thế nên dòng nước không thể đưa anh ta xuống hạ lưu được.

Marek đã cởi chiếc áo chùng thầy tu ra và ném nó trôi xuôi dòng khi cối xay bột nổ tung, gỗ và xác người bay tứ tung khắp mọi hướng. Một tên lính đổ nhào xuống nước gần chỗ anh ta, xác hắn ta xoay vòng vòng trong



xoáy nước. Marek đang bò lên bờ thì một hiệp sĩ đẹp trai giở gươm vào cổ anh ta và ra hiệu cho anh ta tiến về phía trước. Marek vẫn đang mặc bộ đồng phục nâu đỏ và xám của lính Oliver, và anh ta bắt đầu lắp bắp tiếng Occitan, thề thốt rằng mình vô tội, mong được rủ lòng thương.

Hiệp sĩ nói đơn giản, “Yên lặng. Tôi đã thấy anh rồi.” Anh ta đã thấy Marek trèo ra khỏi cửa sổ cối xay, và tháo bộ áo choàng thầy tu ra. Anh ta đưa Marek về chỗ nhà thờ, gặp Claire và Arnaut. Đại Tư tế đang trong tâm trạng bức tức và rất khó chịu, nhưng Claire dường như có khả năng gây được chút ảnh hưởng nào đó với ông ta, kể cả trong trường hợp cô phản đối lại ý kiến của ông ta. Claire là người đã bắt Marek ngồi yên trong bóng tối khi Chris và Kate đi vào. “Nếu Arnaut có thể làm anh chống lại hai người kia, ông ta còn có thể tha cho anh và bạn anh. Nhưng nếu ba người các anh hội lại với nhau trước mặt ông ta, trong cơn tức giận ông ta có thể giết hết tất cả mọi người đấy.” Claire đã đạo diễn các sự việc tiếp theo. Và mọi chuyện đã diễn ra khá tốt đẹp.

Tới giờ là thế.

Giờ Arnaut nhìn anh ta đầy ngờ vực. “Thế các bạn của người biết vị trí của đường hầm bí mật?”

“Họ biết,” Marek nói, “Tôi thề đấy.”

“Với lời nói của người, ta đã tha mạng cho họ,” Arnaut nói. “Lời của người, và quý cô đây, người đã đảm bảo cho người.” Ông ta nhẹ hất hàm về phía phu nhân Claire, người đang nở nụ cười nhẹ nhàng đáp lại.

“Thưa ngài, ngài rất thông thái,” Claire nói, “vì treo một người có thể làm người bạn đứng nhìn phải động lòng. Nhưng thường thì, việc đó sẽ làm người bạn đứng nhìn ấy thêm quyết tâm mang bí mật đó xuống mồ. Và bí mật này quan trọng đến mức tôi mong ngài sẽ giữ nó nằm chắc chắn trong tay ngài.”

“Thế thì chúng ta sẽ đi theo hai người kia, xem họ dẫn chúng ta đến đâu.” Ông ta hất hàm về phía Marek. “Raimondo, hãy kiểm ngựa cưỡi cho

con người đáng thương này. Và cho anh ta hai ky sĩ giỏi nhất hộ tống, còn anh sẽ đi theo sau.”

Hiệp sĩ đẹp trai cúi đầu, “Thưa ngài, nếu ngài muốn, tôi sẽ tự mình đưa anh ta đi.”

“Cứ làm thế đi,” Arnaut nói, “vì có thể là vẫn còn vài trò gian trá gì đó ở đây.” Và ông ta trao cho vị hiệp sĩ một cái nhìn đầy ẩn ý.

Trong khi đó, phu nhân Claire đã đi tới chỗ Marek và đặt tay anh ta thật trùi mển vào hai lòng bàn tay cô. Anh ta thấy có gì đó lạnh lạnh trong những ngón tay của cô, và nhận ra nó là một con dao găm nhỏ xíu, chỉ dài khoảng mười xăng ti mét. Anh ta nói, “Thưa phu nhân, tôi thực sự nợ cô rất nhiều.”

“Thế hãy cho tôi thấy anh sẽ đáp lại món nợ này thế nào, hiệp sĩ,” cô nói, nhìn thẳng vào mắt anh ta.

“Tôi chắc chắn sẽ làm thế, có Chúa chứng giám.” Anh ta luôn lưỡi dao xuống dưới lần áo chùng.

“Và tôi sẽ cầu Chúa cho ngài, hiệp sĩ,” cô nói. Cô cúi về trước và hôn nhẹ lên má anh ta. Vừa làm thế, cô vừa thì thầm, “Người hộ tống anh là Raimondo xứ Narbonne. Anh ta thích cắt cổ họng lắm. Khi anh ta biết được bí mật, cẩn thận đừng để anh ta cắt cổ họng anh, và cổ họng các bạn anh nữa.” Cô lùi ra xa, mỉm cười.

Marek nói, “Phu nhân, cô quá tốt bụng. Tôi sẽ khắc tâm ghi nhớ những lời tốt đẹp của cô.”

“Hiệp sĩ đáng kính, chúc anh thượng lộ bình an.”

“Phu nhân, cô sẽ luôn ở trong tâm trí của tôi.”

“Hiệp sĩ đáng kính, tôi muốn chúc...”

“Đủ rồi, đủ rồi,” Arnaut nói với giọng khó chịu, ông ta quay về phía Raimondo. “Giờ đi đi, Raimondo, vì cái thứ tình cảm thừa thãi này làm ta muốn ói.”

“Vâng thưa ngài.” Hiệp sĩ đẹp trai cúi đầu. Anh ta dẫn Marek tới cửa và bước vào khoảng sân ngập ánh nắng.

**07:34:49**

“Tôi sẽ nói cho các vị biết cái vấn đề quái gở ở đây là gì,” Robert Doniger nói, trợn mắt nhìn cử tọa. “Vấn đề là làm quá khứ hồi sinh. Biến nó thành sự thật.”

Có hai thanh niên và một cô gái, họ đều ngồi thõng vai trên chiếc trường kỷ trong văn phòng gã. Họ ăn vận toàn một màu đen, mặc mấy cái áo jacket vai rúm ró trông cứ như chúng bị co lại sau khi giặt. Mấy người đàn ông thì tóc dài còn người phụ nữ thì tóc húi cua. Đây là những người làm truyền thông mà Kramer đã thuê. Nhưng Doniger nhận thấy rằng hôm nay Kramer lại ngồi đối diện với họ, có ý tách khỏi họ. Gã bản khoản không biết liệu cô đã ngó qua tài liệu của họ chưa.

Việc đó làm Doniger bực mình. Dù gì đi nữa thì gã cũng chẳng thích báo giới. Và đây là lần thứ hai trong ngày gã phải gặp cái giống này rồi. Gã đã phải chịu lũ cứt thối PR lúc sáng, giờ là cái đồng cứt thối này.

“Vấn đề là,” gã nói, “có ba mươi thành viên ban quản trị đến nghe bài phát biểu của tôi vào sáng mai. Tiêu đề bài phát biểu của tôi là ‘Triển vọng của Quá khứ’, và tôi chẳng có phương tiện trực quan thuyết phục nào để cho họ xem hết.”

“Hiểu rồi,” một thanh niên nói nhanh. “Đó chính là điểm khởi đầu của chúng ta ở đây, thưa ngài Doniger. Khách hàng muốn phục sinh quá khứ. Đó là việc chúng ta sẽ phải làm. Với sự giúp đỡ của cô Kramer, chúng tôi đã yêu cầu những quan sát viên của ngài thực hiện cho chúng tôi những bản mẫu video. Và chúng tôi tin rằng tư liệu này sẽ có được tác động xứng đáng...”

“Cứ xem xem,” Doniger nói.

“Vâng, thưa ngài. Có lẽ nếu chúng ta cho nhỏ đèn xuống một chút...”

“Cứ để đèn thế đi.”

“Được, thưa ngài Doniger.” Màn hình video trên tường sáng lên màu xanh da trời. Trong khi họ đang chờ hình ảnh hiện lên, một người đàn ông nói, “Chúng tôi thích lựa chọn đầu tiên này vì đây là một sự kiện lịch sử nổi tiếng mà chỉ kéo dài có hai phút từ khi bắt đầu tới lúc kết thúc. Như ngài đã biết, rất nhiều sự kiện lịch sử diễn ra rất chậm chạp, đặc biệt là với cảm nhận của người hiện đại. Sự kiện này xảy ra rất nhanh. Không may là, nó lại diễn ra vào một ngày mưa.”

Màn hình hiện một hình ảnh xám, lờ mờ, những đám mây lơ lửng. Camera di chuyển ra xa để thu ảnh trên đầu một đám đông. Một người đàn ông cao lớn đang leo lên một cái bục gỗ thô sơ, không sơn vẽ gì hết.

“Gì thế? Một buổi treo cổ à?”

“Không,” cậu làm truyền thông nói. “Đó là Abraham Lincoln, ông ấy sắp sửa đọc bài diễn văn Gettysburg.”

“Thế à? Chúa ạ, ông ta trông thật thảm hại. Cứ như cái xác ấy. Quần áo thì nhàu nhĩ. Tay cứ thò ra khỏi ống tay áo ấy.”

“Vâng, thưa ngài, nhưng mà...”

“Và giọng ông ta đấy à? Nghe cứ *the thé* ấy.”

“Vâng, thưa ngài Doniger, chưa ai từng được nghe giọng của Lincoln hết, nhưng đó là giọng thật...”

“Mấy người mất trí hết rồi à?”

“Không. Ngài Doniger...”

“Ôi, vì Chúa, tôi không dùng cái này được,” Doniger nói. “Chẳng ai muốn nghe Abraham Lincoln nói như Betty Boop<sup>40</sup> hết. Các anh còn gì khác không?”

“Đây, thưa ngài Doniger.” Không hề bối rối, cậu thanh niên thay đĩa khác và nói, “Về đoạn phim thứ hai, chúng tôi đã sử dụng một cách tiếp cận khác. Chúng tôi muốn có cảnh hành động của một sự kiện lịch sử nổi tiếng nhưng lại một lần nữa, có lẽ tất cả mọi người đều biết. Thế nên đây là Giáng sinh, 1778, trên sông Delaware, nơi...”

“Tôi chẳng thấy cái mẹ gì cả,” Doniger nói.

“Vâng, tôi ngại là có hơi tối một chút. Đây là một cuộc vượt sông vào ban đêm. Nhưng chúng tôi đã nghĩ rằng George Washington vượt sông Delaware sẽ là một cảnh hay...”

“George Washington? George Washington ở đâu?”

“Ông ấy ở ngay đó,” cậu thanh niên nói, chỉ vào màn hình.

“Đâu?”

“Đó.”

“Ông ta là cái gã đang co ro chỗ đuôi thuyền á?”

“Đúng thế, và...”

“Không, không, không,” Doniger nói. “Ông ấy phải đứng chỗ mái chèo, như một vị đại tướng kia.”

“Tôi biết đấy là cách mà những bức tranh thường miêu tả ông ấy, nhưng chuyện thực sự xảy ra lại không phải thế. Ở đây ngài có thể thấy George Washington thật sự đã vượt...”

“Ông ta trông như bị say sóng ấy,” Doniger nói. “Cậu muốn tôi chiếu một đoạn phim George Washington bị say sóng à?”

“Nhưng sự thật là thế.”

“Vứt mẹ cái sự thật đấy đi.” Doniger nói, tiện tay quăng một trong số những cuộn băng hình của họ bay ngang căn phòng. “Mấy người có vấn đề gì vậy? Tôi không quan tâm tới sự thật. Tôi muốn có một cái gì đó lôi cuốn, hấp dẫn. Mấy người đang cho tôi xem một cái xác ướp di động và một con chuột chết trôi.”

“Ừm, chúng tôi có thể quay lại thảo luận...”

“Cuộc nói chuyện của tôi diễn ra vào ngày mai rồi,” Doniger nói. “Sẽ có ba thành viên ban quản trị rất quan trọng tới đây. Và tôi đã nói với họ rằng họ sẽ được thấy thứ gì đó rất đặc biệt.” Gã vung hai tay lên. “Chúa ạ.”

Kramer hăng giọng. “Thế dùng ảnh tĩnh thì sao?”

“Ảnh tĩnh?”

“Phải, Bob. Anh có thể lấy ra những khung hình riêng lẻ từ mấy đoạn phim này, và có thể rất có hiệu quả đấy,” Kramer nói.

“Ừ há, phải, có vẻ được đấy,” người phụ nữ làm truyền thông nói, đầu gục gặc.

Doniger nói, “Lincoln vẫn cứ trông nhăn nhúm.”

“Chúng ta sẽ dùng Photoshop để xóa những nếp nhăn ấy đi.”

Doniger nghĩ ngợi một lát. “Có lẽ,” cuối cùng gã cũng lên tiếng.

“Gì đi nữa,” Kramer nói, “anh cũng chẳng muốn cho họ thấy nhiều đâu mà. Ít thì hơn.”

“Được rồi,” Doniger nói. “Làm ảnh tĩnh đi, và cho tôi xem trong vòng một tiếng nữa.”

Những nhân viên truyền thông tản đi. Doniger chỉ còn một mình với Kramer. Gã đi lại phía sau bàn, đảo qua bài phát biểu của mình. Rồi gã nói, “Cô nghĩ nên để tên là ‘Triển vọng của Quá khứ’ hay ‘Tương lai của Quá khứ’?”

“ ‘Triển vọng của Quá khứ’,” Kramer nói. “Chắc chắn nên là ‘Triển vọng’.”

**07:34:49**

Được hai hiệp sĩ hộ tống, Marek phóng đi trong mịt mù bụi từ những chiếc xe chở đồ, và hướng về phía đầu hàng. Anh vẫn chưa thể thấy Chris hay Kate, nhưng cái nhóm nhỏ của anh đang di chuyển một cách rất nhanh chóng. Anh sẽ sớm đuổi kịp họ thôi.

Anh nhìn mấy hiệp sĩ ở hai bên. Raimondo bên trái, ưỡn thẳng, giáp trụ đàng hoàng, nụ cười nhạt. Bên phải, một chiến binh tóc muối tiêu cũng đầy đủ giáp trụ, rõ ràng là rất cứng cỏi và thiện chiến. Chẳng ai chú ý lắm đến anh, họ đã kiểm soát anh quá cẩn thận rồi. Đặc biệt là khi hai tay anh đã bị buộc lại, hai cổ tay chỉ cách nhau có hơn chục phân.

Anh cười ngựa phóng đi, húng hắng ho giữa làn bụi. Cuối cùng anh cũng luôn được con dao găm từ dưới áo lên, và đặt nó dưới lòng bàn tay trong khi bám lấy cái mấu yên ngựa trước mặt mình. Anh cố đặt con dao sao cho những cử động lên xuống nhẹ nhàng của con ngựa có thể từ từ cắt đứt sợi dây trên cổ tay. Nhưng nói thì dễ hơn làm; con dao dường như lúc nào cũng ở sai vị trí, và dây trói thì mãi vẫn chưa được cắt ra. Marek liếc nhìn đồng hồ tính giờ trên cổ tay; nó ghi 07:31:02. Còn hơn bảy tiếng nữa thì hết pin.

Chẳng mấy chốc họ đã đi hết con đường ven sông và bắt đầu leo lên con đường ngoằn ngoèo đi qua ngôi làng của La Roque. Làng được xây trên những vách đá vất vẻo trên dòng sông, những ngôi nhà gần như được làm hoàn toàn bằng đá, làm cho thị trấn có vẻ gì đó rất nghiêm trang và thống nhất, đặc biệt là bây giờ, khi tất cả mọi cửa ra vào và cửa sổ đều được đóng chặt để đề phòng chiến tranh.

Giờ họ đi giữa nhóm dẫn đầu đoàn quân của Arnaut, nhiều hiệp sĩ mặc giáp trụ hơn, mỗi người đều có gia đình theo cùng. Người và ngựa trèo lên những con đường dốc rải sỏi, ngựa khụt khịt, hành lý chỉ chực đổ nhào khi đi lên. Những hiệp sĩ dẫn đầu có vẻ rất khẩn trương; rất nhiều xe hàng chở



các phần vũ khí công thành. Rõ ràng là họ đã dự định sẽ công thành trước khi trời tối.

Họ vẫn đang trong thị trấn thì Marek thấy bóng Chris và Kate, đang khật khưỡng cạnh nhau trên lưng ngựa. Họ có lẽ ở cách chừng một trăm mét, thoắt ẩn thoắt hiện trên mỗi đoạn đường ngoằn ngoèo. Raimondo đặt tay lên cánh tay của Marek. “Chúng ta sẽ không tiến sát hơn nữa.”

Giữa đám bụi trước mặt, có lá cờ bay quá gần mặt một con ngựa. Con ngựa lồng lên, hí vang; một cỗ xe lật nhào, đổ hết đạn đại pháo ra, chúng cứ từ từ lăn hết xuống dưới đồi. Đây là giây phút hỗn loạn Marek đã mong chờ, và anh chớp luôn lấy thời cơ. Anh thúc ngựa, ngựa chẳng chịu đi. Rồi anh thấy hiệp sĩ tóc muối tiêu đã lanh lẹ giữ chặt lấy dây cương.

“Anh bạn,” Raimondo bình thản nói; phóng lên bên cạnh anh. “Đừng để tôi phải giết anh. Ít nhất, cũng chưa đến lúc đâu.” Anh ta hất hàm về phía tay Marek. “Và cất cái con dao ngớ ngẩn ấy đi, trước khi anh làm mình bị thương.”

Marek thấy má mình nóng bừng như bị bỏng. Nhưng anh vẫn làm theo; anh cất con dao găm nhỏ xuống dưới làn áo chùng. Họ lặng lẽ đi tiếp.

Từ đằng sau những ngôi nhà đá, họ nghe thấy tiếng chim kêu âm lên hai lần liền. Raimondo quay ngoắt nhìn xung quanh khi anh ta nghe thấy nó; người đồng hành ở bên kia của anh ta cũng vậy. Hiển nhiên đó không phải là một con chim.

Những người đàn ông lắng tai nghe, và chẳng mấy chốc đã có tiếng kêu đáp lại từ phía xa trên đỉnh đồi. Raimondo đặt tay lên thanh kiếm, nhưng không làm gì khác nữa.

“Gì thế?” Marek nói.

“Không phải chuyện của anh.”

Và họ chẳng nói thêm gì nữa.

Những người lính đang bận túi bụi và chẳng chú ý gì đến họ hết, đặc biệt là khi yên của họ có màu xanh lá cây-đen của Arnaut. Cuối cùng họ

cũng tới được đỉnh vách đá và đi vào một vùng đồng ruộng rộng mở, bên phải họ là tòa lâu đài. Cánh rừng ở gần ngay bên trái, và đồng cỏ rộng lán, thoai thoải trải rộng ra về hướng Bắc.

Trước tình hình lính của Arnaut ở khắp nơi xung quanh, Marek chẳng hề phân chấn rằng mình chỉ cách vài mét từ cái hào ngoài và mấy trạm gác bên cửa vào lâu đài. Chris và Kate vẫn đang cách một trăm mét về phía trước, tít trên đầu.

Cuộc tấn công diễn ra nhanh đến bất ngờ. Năm kỵ sĩ phóng từ trong rừng ra cánh trái họ, hô to những tiếng xung trận và vung kiếm lên qua đầu. Họ phóng về phía Marek và những người kia. Đó là một cuộc phục kích.

Với một tiếng rú kinh hồn, Raimondo và hiệp sĩ tóc hoa râm rút kiếm ra chiến đấu. Những con ngựa xoay vòng lại; những lưỡi kiếm chạm nhau tóe lửa. Arnaut cũng tự mình phi nước đại lên trước và nhập vào trận đánh, hùng hổ tấn công. Marek trong chốc lát đã bị lờ đi.

Nhìn về phía hàng người, anh thấy một nhóm khác đã tấn công Kate và Chris. Marek liếc thấy chiếc lông chim đen của Guy, và rồi những tay kỵ sĩ đã bao vây hai người ấy. Marek thúc ngựa và bắt đầu phóng lên hàng đầu.

Ở phía trước, anh thấy một hiệp sĩ đã tóm được áo khoác của Chris và đang cố kéo anh xuống ngựa; một tên khác giật lấy dây cương ngựa của Kate, nó hí lên và xoay người lại. Một hiệp sĩ khác giật lấy dây cương của Chris, nhưng anh đá vào ngựa hấn để cho nó lờn lên; tên hiệp sĩ phải thả ra, nhưng người Chris đột nhiên đầy máu, anh hét lên vì bất ngờ. Chris không điều khiển con ngựa được nữa, nó hí vang và phóng thẳng vào rừng trong khi anh lệch sang một bên yên, yếu ớt bám lấy con ngựa. Trong giây lát, anh biến mất giữa những tán cây.

Kate vẫn cố giật dây cương ra khỏi tay hiệp sĩ đang giữ chặt lấy. Khắp nơi xung quanh họ đều là cảnh hỗn loạn; người của Arnaut gào hét và quây tròn lại, chạy đi lấy vũ khí, đâm vào những kẻ tấn công bằng những cây giáo. Một người đâm vào tay hiệp sĩ đang giữ ngựa của cô, và tay hiệp sĩ phải thả dây cương ra. Marek, dù không vũ khí gì, vẫn phóng thẳng vào

giữa, bảo vệ Kate khỏi kẻ tấn công. Cô hét lên, “André!” nhưng anh nói với cô, “Đi! Đi!” đoạn anh hét lên, “*Malegant!*” và Guy quay ra đối mặt với anh ta.

Marek ngay lập tức phóng ngựa ra khỏi trận đánh, phi nước đại thẳng về phía La Roque. Những hiệp sĩ khác cũng quay ngựa lại và phá vòng vây khỏi những người lính kia, phi rầm rập qua cánh đồng đuổi theo sau Marek. Phía cuối hàng người, Marek nhìn thấy Raimondo và Arnaut đang chiến đấu giữa một đám mây bụi khổng lồ.

Kate thúc ngựa chạy về phía khu rừng ở hướng Bắc. Vừa phóng ngựa vừa nhìn lại phía sau, cô thấy Marek phóng qua cây cầu kéo của La Roque, vào trong lâu đài, và biến mất khỏi tầm nhìn. Những kỵ sĩ kia bám sát anh. Rồi những thanh chắn nặng trĩu của cánh cổng sắt đổ ập xuống. Và chiếc cầu kéo được nhắc lên.

Marek đi rồi. Chris đi rồi. Một trong hai hoặc cả hai có thể đều đã chết rồi. Nhưng có một điều rõ ràng. Cô chính là người duy nhất còn tự do.

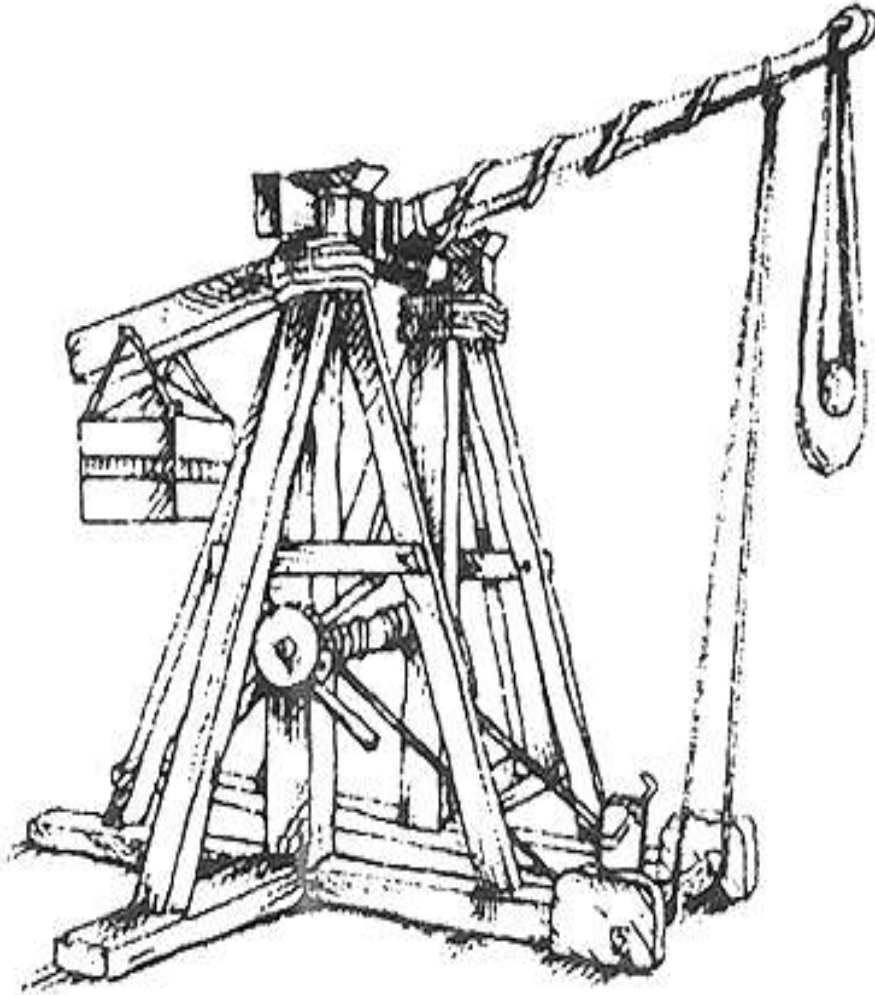
Giờ mọi việc phụ thuộc vào cô.

**07:24:33**

Bị lính bao vây tứ phía, cô bỏ nửa tiếng đồng hồ ra để tìm đường len qua hàng dài xe hàng và ngựa của Arnaut, cố đi tới khu rừng phía Bắc. Người của Arnaut đang dựng một dãy các căn lều bên bìa rừng, quay về phía đồng cỏ trải dài xuống lâu đài.

Mấy người đàn ông gọi cô ra giúp họ, nhưng cô chỉ vẫy tay theo cái cách mà cô nghĩ có lẽ là của đàn ông, rồi tiếp tục đi. Hồi lâu sau cô cũng tới được bìa rừng, và đi dọc theo nó cho tới khi thấy con đường hẹp dẫn vào trong một khu tối tăm và cô quạnh. Ở đây cô dừng lại một chút để cho ngựa nghỉ, và để cho quả tim đang đập thình thịch của chính mình chậm dần lại, trước khi tiến vào rừng.

Trở lại nơi đồng cỏ, những máy bắn đá đang nhanh chóng được lắp xong dưới bàn tay của những người thợ lành nghề. Những cỗ máy bắn đá trông thật thô kệch chỉ như thứ ná bắn đá quá cỡ có những thanh gỗ nặng trĩch đỡ lấy khung của giá bắn được cố định bằng những sợi thừng chắc nịch làm từ cây gai dầu, rồi được thả cho bắn lên không, quăng thứ nó mang trên mình qua những bức tường thành. Toàn bộ cỗ máy có vẻ nặng khoảng hai trăm năm mươi cân, nhưng những người đàn ông kia đã lắp một cách chóng vánh, phối hợp nhanh chóng, rồi chuyển tới cái tiếp theo. Nhưng ít nhất thì giờ cô cũng đã hiểu là một tòa lâu đài hay một nhà thờ ở một số trường hợp có thể được xây trong vài năm như thế nào. Những công nhân thật thạo nghề, thật khiêm nhường, họ gần như chẳng cần được chỉ dẫn gì hết.



Cô xoay ngựa đi và tiến vào khu rừng rậm rạp về phía Bắc của tòa lâu đài.

\*

\*

Đoạn đường từ khu rừng đi vào khá hẹp, càng vào sâu thì càng nhanh tối hơn. Ở một mình nơi đây thật lạnh gáy; cô nghe thấy tiếng cú kêu và những tiếng vọng từ xa của những loài chim lạ lẫm. Cô đi qua một cái cây có tới

một tá quạ đậu trên cành. Cô đếm chúng, băn khoăn không biết đây có phải là điềm dữ hay không, và không biết nó dự báo trước điều gì.

Cưỡi ngựa chậm rãi qua khu rừng, cô có cảm giác trượt ngược lại về quá khứ, cảm giác phải suy nghĩ mọi việc theo kiểu cổ xưa hơn. Những thân cây trùm lên cô; mặt đất tối như màn đêm. Cô có cảm giác tù túng, bị cưỡng chế.

Được hai mươi phút, cô thấy nhẹ cả người khi tiến vào một trảng đất cỏ mọc cao ngập trong ánh nắng. Cô thấy phía xa có chỗ để đi qua giữa những tán cây, con đường lại hiện ra. Đang đi qua trảng đất thì cô thấy một tòa lâu đài nằm bên mé trái mình. Cô không nhớ là có kiến trúc nào như thế trong những biểu đồ của mình, nhưng rõ ràng là nó đang tồn tại ở đây. Tòa lâu đài khá nhỏ – gần như chỉ là một dinh thự – được sơn trắng, làm nó sáng lên rực rỡ dưới ánh nắng. Nó có bốn tòa tháp nhọn nhỏ và mái ngói đá xanh. Mới nhìn qua, nó trông thật vui tươi, nhưng rồi cô nhận thấy rằng tất cả các ô cửa sổ đều đã bị chặn kín; một phần mái đá đã bị vỡ, để lại một cái lỗ lờm chờm; phần nhà phụ đã đổ nát và chẳng được sửa chữa gì hết. Trảng đất này đã từng là một đồng cỏ được cắt tỉa cẩn thận trước lâu đài, giờ tất cả đều mọc hoang vì không có người chăm sóc. Cô có cảm giác khá rõ về tình trạng tù đọng và mục nát ở đây.

Cô rùng mình và thúc ngựa phóng đi. Cô nhận thấy phần cỏ phía trước mới bị giẫm đạp – có dấu chân một con ngựa khác, đi cùng hướng với mình. Nhìn kỹ, cô thấy một vệt cỏ dài đang chậm chậm duỗi thẳng lên trên, trở lại vị trí vốn có của nó.

Ai đó vừa mới ở đây thôi. Có lẽ chỉ vài phút trước. Thật cảnh giác, cô đi về phía cuối trảng đất.

Bóng tối lại bủa vây xung quanh khi cô quay lại khu rừng. Đoạn đường phía trước đã bắt đầu nhiều bùn hơn, và cô có thể thấy rõ những dấu chân ngựa.

Thình thoảng cô dừng lại và chăm chú lắng nghe. Nhưng cô chẳng nghe thấy gì ở phía trước hết. Hoặc kỵ sĩ đó đã bỏ xa cô hoặc là hẳn ta quá

đôi yên lặng. Một hay hai lần, cô nghĩ mình đã nghe thấy tiếng ngựa hí, nhưng cũng không chắc lắm.

Có lẽ chỉ là do cô tưởng tượng ra thôi.

Cô thúc ngựa về phía trước, về phía nhà nguyện xanh, về nơi mà trên bản đồ của cô, được gọi là *la chapelle verte morte*. Nhà nguyện của cái chết xanh.

\*

\*

Trong bóng tối của khu rừng, cô thấy có dáng người mệt mỏi tựa vào một thân cây đổ. Đó là một ông lão già cỗi, đội mũ và mang một cái rìu đốn củi. Khi cô phóng lại gần, ông ta nói, “Tôi van ngài, quý ngài tốt bụng, tôi van ngài.” Giọng ông ta yếu ớt, khàn đục. “Cho tôi thứ vụn vặt gì đó ăn được, vì tôi rất nghèo và chẳng có gì ăn hết.”

Kate không nghĩ là cô có đồ ăn gì, nhưng rồi cô nhớ lại rằng vị hiệp sĩ đã cho họ một ít, buộc sau yên ngựa. Cô với ra đằng sau, thấy một mẫu bánh mì và một miếng thịt bò khô. Trông chẳng ngon miệng chút nào, đặc biệt là khi nó đầy mùi mồ hôi ngựa. Cô đưa nó về phía ông ta.

Người đàn ông háo hức rướn người về phía trước, đưa bàn tay xương xẩu ra nhận thức ăn – nhưng ông ta lại nắm chặt lấy cánh tay đang đưa ra của cô với sức mạnh đáng kinh ngạc, và thật nhanh, cố lôi cô xuống khỏi yên ngựa. Ông ta cười khanh khách thích thú, một âm thanh thật độc ác; trong khi vật lộn với cô, chiếc mũ của ông ta tuột ra, và cô thấy ông ta trẻ hơn mình nghĩ nhiều. Giờ, ba người đàn ông khác phóng ra khỏi bóng tối từ cả hai bên đường, và cô nhận ra rằng chúng là những *godin*, bọn thảo khấu. Kate vẫn đang ở trên yên, nhưng rõ ràng là chẳng được mấy nổi nữa. Cô thúc vào con ngựa của mình, nhưng nó đã mệt và chẳng chịu phản ứng gì.

Người đàn ông lớn tuổi kia tiếp tục giật tay cô, vừa giật vừa lăm bằm, “Thằng ngốc! Người là một thằng nhóc ngu ngốc!”

Không biết phải làm gì khác, cô thét lên kêu cứu, lớn hết mức có thể, và việc đó dường như đã làm bọn đàn ông giật mình, thế là chúng ngừng lại trong giây lát rồi mới tiếp tục tấn công. Nhưng rồi tất cả nghe thấy tiếng ngựa phi nước đại thẳng về phía mình, và tiếng thét xung trận của một chiến binh, thế là bọn *godin* nhìn nhau và tản hết ra. Tất cả trừ tên già cỗi, không chịu buông Kate ra mà còn giơ rìu lên dọa cô bằng tay kia.

Nhưng chính giây phút ấy thì một bóng ma, một hiệp sĩ toàn thân đẫm máu cưỡi ngựa, phóng thẳng xuống từ con đường phía trên, ngựa của anh thở phì phò, bắn những vệt bùn lên tung tóe, hiệp sĩ thì trông dữ dằn và máu me đến mức tên cuối cùng cũng chạy thực mạng, nhào vào trong bóng tối của khu rừng.

Chris ghìim cương và phi vòng quanh cô. Cô thấy nhẹ hết cả người; cô đã sợ chết khiếp. Chris mỉm cười, rõ ràng là rất thỏa mãn.

“Cô ổn chứ, thưa cô?” anh nói.

“Anh ổn chứ?” Kate hỏi, đầy bất ngờ. Chris ngập trong máu theo đúng nghĩa đen luôn; máu khô cong trên mặt và người anh, và khi anh mỉm cười, nó nứt ra bên khóe miệng, để lộ ra lớp da hồng hồng phía dưới. Anh trông cứ như vừa mới ngã vào một thùng thuốc đỏ vậy.

“Tôi ổn,” Chris nói. “Ai đó đã cắt tiết con ngựa bên cạnh tôi, cắt đứt động mạch hay gì gì đó. Chỉ trong một giây tôi đã tắm đẫm máu rồi. Máu nóng *lắm* đấy, cô có biết không?”

Kate vẫn chăm chăm nhìn anh, ngạc nhiên khi thấy có người trông thế kia mà vẫn đùa được, rồi anh cầm lấy dây cương và nhanh nhẹn dẫn cô đi. “Tôi nghĩ là,” Chris nói, “chúng ta không nên chờ chúng tập hợp lại đâu. Mẹ cô không dặn là không được nói chuyện với người lạ à, Kate? Đặc biệt là khi cô gặp họ trong rừng?”

“Thực sự thì tôi nghĩ chúng ta nên cho họ thức ăn và rồi họ sẽ giúp chúng ta.”



“Chỉ có trong truyện cổ tích thôi,” anh nói. “Trong thế giới thực, nếu cô dừng lại để giúp một ông lão nghèo khổ giữa rừng, ông ta và bè lũ sẽ cướp ngựa và giết chết cô. Đó là lý do tại sao chẳng ai làm thế hết.”

Chris vẫn đang cười, anh dường như có hơi quá tự tin và vui sướng, và cô có một cảm giác mà bản thân chưa từng nhận ra, chưa từng chú ý đến, rằng anh cũng là một người đàn ông khá hấp dẫn, cũng có nét hút hồn. Nhưng dĩ nhiên, cô nghĩ, đó là vì anh vừa cứu mạng cô. Cô chỉ thấy cảm kích thôi.

“Thế anh làm gì ở đây?” cô nói.

Anh cười phá lên. “Cố bắt kịp cô thôi. Tôi cứ tưởng rằng cô phải đi trước tôi nhiều lắm.”

\*

\*

Con đường chia ra làm đôi. Đoạn đường chính dường như đi thẳng sang phía bên phải, bắt đầu dốc dần xuống. Một đoạn đường hẹp hơn rất nhiều đi về phía bên trái, đất khá bằng phẳng. Nhưng dường như ít có ai qua lại.

“Anh nghĩ sao?” Kate nói.

“Đi đường chính,” Chris nói. Anh dẫn đường, và Kate khá là vui vẻ được đi theo anh. Khu rừng xung quanh họ càng lúc càng rậm rạp, những cây dương xỉ cao tới gần một mét, như những cái tai voi khổng lồ, che khuất tầm nhìn phía trước của cô. Cô nghe thấy tiếng nước réo ở phía xa. Đường bắt đầu dốc xuống nhiều hơn, và cô không thể nhìn thấy mặt đất vì đám dương xỉ. Cả hai người họ cùng xuống ngựa và buộc ngựa vào một thân cây. Họ đi bộ về phía trước.

Đất giờ dốc khủng khiếp, và đoạn đường đã trở nên lầy lội. Chris trượt chân, anh bám lấy những cành cây và đám cây bụi để không bị tuột xuống. Cô nhìn anh trượt và tuột xuống, rồi hét lên một tiếng, anh biến mất.

Cô đợi. “Chris?”

Không tiếng đáp lại.

Cô gõ vào cái tai nghe. “Chris?”

Chẳng có gì hết.

Cô chẳng biết phải làm gì, chẳng biết nên tiến về phía trước hay quay lại. Cô quyết định đi theo Chris xem anh có chuyện gì, nhưng thật cảnh giác, giờ cô đã biết đoạn đường trơn đến mức nào rồi. Nhưng chỉ sau vài bước đi cẩn thận, chân cô đã trượt đi, và cô tuột không cưỡng lại được trên mặt đất bùn, đập người vào mấy thân cây, thở hộc ra.

Địa hình càng lúc càng dốc hơn. Kate ngã trượt lưng xuống mặt đất bùn, cô cố dùng chân để đạp vào mấy cái cây khi chúng lao tới. Cành cây cào vào mặt khi cô vớ tay về phía chúng. Cô dường như không thể ngăn mình lao xuống dốc.

Và rồi đất cứ dốc thêm mãi xuống. Giờ những hàng cây phía trước đã thưa dần, cô có thể nhìn thấy ánh sáng giữa những thân cây, và nghe thấy tiếng nước chảy mạnh. Cô đang trượt xuống con đường chạy song song với một dòng suối nhỏ. Cây càng lúc càng thưa hơn, và cô thấy rằng rừng đã đột ngột ngừng lại khoảng hai mươi mét về phía trước. Tiếng nước chảy càng lúc càng lớn hơn.

Và cô nhận ra tại sao rừng lại dừng lại.

Đó là một vách đá.

Và phía trước là một thác nước. Thẳng ngay trước mặt.

Hoảng sợ, Kate úp sấp người xuống, cào tay vào mặt đất bùn, nhưng chẳng giúp ích được gì. Cô vẫn cứ trượt tiếp. Không thể dừng lại được. Cô xoay người lại, vẫn tiếp tục trượt xuống mặt đất bùn, chẳng làm gì được ngoài việc nhìn kết cục đang tới gần, và rồi cô bị bắn ra khỏi khu rừng, bay lên không trung và chẳng dám đưa mắt nhìn xuống.

\*

\*

Gần như ngay lập tức, cô bổ nhào xuống một tán cây, bám lấy chúng, giữ thật chặt. Cô nảy lên nảy xuống. Cô đang ở trên cành của một thân cây lớn, mọc bên bờ vực. Dòng thác ở ngay phía dưới. Nó không lớn như cô đã nghĩ. Có lẽ là cao khoảng bốn, năm mét. Có một xoáy nước ở dưới đáy. Cô không thể nói được là nó sâu đến đâu.

Cô cố trèo lên những cành cây, nhưng tay cô đang trơn đầy bùn. Cô cứ tuột và lăn lộn trên những cành cây. Cuối cùng, cô treo mình lơ lửng ở phía dưới, vừa bám lấy nó như một con lười vừa cố gắng leo lại lên trên. Cô trèo được khoảng hơn một mét, rồi nhận ra rằng mình sẽ không bao giờ lên được.

Cô rơi xuống.

Cô ngã xuống một cành cây khác cách chỗ cũ gần một mét. Cô bám ở đó trong chốc lát, bấu chặt lấy cành cây bằng hai bàn tay trơn tuột, dính đầy bùn của mình. Rồi lại rơi tiếp, đập xuống một cành cây khác ở thấp hơn.

Giờ cô chỉ còn cách thác nước chừng một mét và nó cứ cuộn cuộn, gầm rú bên mép vực. Những cành cây đó ướt đẫm vì sương mù. Cô nhìn xuống xoáy nước đang cuộn trào phía dưới. Cô không thể nhìn được tới đáy; không biết được nó sâu tới đâu.

Treo người chênh vênh trên cành cây, cô nghĩ không biết Chris đang ở chỗ quái nào? Nhưng giây tiếp theo cô đã tuột tay và rơi xuống.

\*

\*

Nước lạnh cóng, sủi bọt, đục ngầu, dữ dội cuốn quanh cô. Cô trượt ngã, mất phương hướng, bị đẩy lên mặt nước, đập vào những tảng đá ở dưới đáy.

Cuối cùng cô cũng đến được ngay bên dưới thác, nước đổ xuống đầu cô với một lực thật khủng khiếp. Cô không thờ nổi. Cô lại phải lặn xuống, bơi về phía trước, và nổi lên sau vài mét xuôi xuống hạ lưu. Nước trong xoáy đã lạnh hơn, nhưng vẫn còn lạnh giá.

Cô trèo lên và ngồi lên một tảng đá. Cô thấy dòng nước xoáy đã gột sạch bùn trên quần áo, trên người mình. Cô thấy khá sáng khoái – và sung sướng vì vẫn còn sống.

Vừa lấy hơi, cô vừa nhìn ra xung quanh.

Cô đang ở dưới một thung lũng nhỏ và hẹp, ráng chiều mờ sương trên thác. Thung lũng sum sê cây lá và ướt đầm nước, cỏ ướt, cây và đá tảng phủ đầy rêu. Ngay phía trước, có một con đường đá dẫn tới một nhà nguyện.

Nhà nguyện cũng ướt luôn, lớp bề mặt của nó bị bao phủ bởi một dạng nấm mốc trơn nhầy, kéo dọc theo những bức tường và chảy xuống từ mái. Mốc có màu xanh lá cây rực rỡ.

Nhà nguyện xanh.

Cô cũng thấy những bộ giáp hồng bị chất đống bên cạnh cửa vào nhà nguyện, những tấm chắn ngực cũ kỹ gỉ sét dưới ánh nắng nhạt nhòa và những chiếc mũ trụ bị móp méo nằm lẫn lóc; gươm và rìu cũng bị ném khắp nơi.

Kate tìm Chris nhưng không thấy anh đâu. Rõ ràng là anh đã không rơi xuống tận đây như cô. Có lẽ giờ này anh đang tìm đường xuống bằng một lối đi khác. Cô nghĩ mình sẽ đợi anh; lúc này cô đã rất vui khi thấy anh, và giờ cô thấy nhớ anh. Nhưng cô không thấy anh đâu hết. Và trừ tiếng thác nước, trong thung lũng bé nhỏ ấy, cô chẳng nghe thấy một âm thanh nào hết, cả tiếng chim cũng không. Lặng lẽ đến đáng sợ.

Nhưng cô lại không có cảm giác là đang ở một mình. Cô có cảm giác rất rõ rằng có ai đó nữa cũng đang ở đây – ai đó trong thung lũng này.

Và rồi cô nghe thấy một tiếng gầm từ trong nhà nguyện: một âm thanh khàn đặc như tiếng thú dữ.

Cô đứng lên, thận trọng đi theo con đường đá về phía đông vũ khí. Cô nhặt một thanh gươm lên và cầm nó bằng cả hai tay, dù cũng tự thấy thế là rất ngu ngốc; thanh gươm rất nặng, cô chẳng có đủ sức khỏe hay kỹ năng để dùng nó. Cô giờ đã tới gần cánh cửa dẫn vào nhà nguyện, và ngửi thấy mùi thối rữa nồng nặc bốc ra từ bên trong. Tiếng gầm lại cất lên.

Bất thành linh, một hiệp sĩ mặc giáp trụ bước lên, chặn lấy cửa vào. Anh ta là một người lực lưỡng, cao phải đến hai mét, và áo giáp lấm tấm những vết mốc xanh. Anh ta đội một chiếc mũ trụ nặng trĩu, thế nên cô không thể nhìn thấy mặt. Anh ta mang một chiếc rìu lưỡi kép, như của một đao phủ.

Cây rìu vung qua lại khi hiệp sĩ đó tiến về phía cô.

\*

\*

Theo bản năng, cô lùi lại, mắt dồn vào cây rìu. Ý nghĩ đầu tiên của cô là bỏ chạy, nhưng hiệp sĩ đó rất nhanh đã nhào tới chỗ cô; cô nghĩ rằng hẳn ta có thể bắt kịp mình. Gì thì gì, cô cũng không muốn xoay lưng về phía hẳn. Nhưng cô không thể đánh lại hẳn được; hẳn trông phải to gấp đôi cô. Hẳn chẳng nói gì; cô chỉ nghe thấy những tiếng gầm gừ gào rú từ trong cái mũ trụ – nghe như tiếng thú dữ, đầy điên loạn. Hẳn ta chắc chắn là bị điên, cô nghĩ thế.

Hiệp sĩ đó nhanh chóng tiến lại gần, cô buộc phải động thủ. Cô dùng hết sức bình sinh vung kiếm lên; hẳn ta giơ rìu đỡ và có tiếng kim loại va vào nhau; thanh kiếm của cô rung lên bần bật, cô suýt nữa thì tuột tay khỏi kiếm. Cô vung kiếm lần nữa, thấp hơn, cố chặt vào chân hẳn, nhưng hẳn lại dễ dàng chặn được, và với một cú xoay rìu thật nhanh, thanh kiếm bay khỏi tay cô, văng xuống vệt cỏ phía trước.

Cô quay người chạy. Gầm gừ, tên hiệp sĩ phóng về phía trước và nắm lấy mái tóc ngắn của cô. Cô gào thét khi hắn ta kéo lê cô qua góc nhà nguyệt. Đầu cô bóng rát; ở phía trước, cô thấy một cái giá gỗ cong oằn trên mặt đất, có rất nhiều vết cắt. Cô biết nó là cái gì: một cái giá chém đầu.

Cô chẳng có sức chống lại hắn. Tên hiệp sĩ thô bạo giúi cô xuống, ấn đầu cô vào cái giá. Hắn ta đè chân lên lưng để giữ cô nằm yên. Cô yếu ớt vùng vẫy bằng cả hai tay.

Cô thấy một cái bóng băng qua đám cỏ trong khi hắn ta đang giờ rìu lên.

## 06:40:27

Chuông điện thoại reo không ngừng. David Stern ngáp dài, bật ngọn đèn cạnh giường, nhắc ống nghe lên. “Xin chào,” anh nói, giọng lè nhè.

“David, là John Gordon đây. Anh đến phòng dịch chuyển ngay đi.”

Stern quờ quạng tìm kính, nhìn đồng hồ. Sáu giờ hai mươi phút sáng. Anh mới ngủ được ba tiếng.

“Có quyết định cần bàn đây,” Gordon nói. “Tôi sẽ tới đón anh trong năm phút nữa.”

“Được,” Stern nói, rồi dập máy. Anh ra khỏi giường và kéo rèm cửa ra; ánh mặt trời rục rờ chiếu vào, rục rờ đến mức anh phải nheo mắt lại. Anh đi ra nhà tắm để chuẩn bị.

Anh đang ở một trong ba căn phòng thuộc khu nhà thí nghiệm mà ITC để cho các nhà nghiên cứu dùng khi phải ở lại qua đêm. Nó được trang bị như một khách sạn, tỉ mỉ tới cả những chai dầu gội đầu và dầu dưỡng ẩm trên bồn rửa mặt. Stern cạo râu và thay đồ, rồi đi ra hành lang. Anh không thấy Gordon đâu hết, nhưng anh nghe thấy có tiếng nói ở cuối hành lang. Anh đi xuống, nhìn qua những cánh cửa kính vào những phòng thí nghiệm khác nhau. Vào giờ này chúng đều vắng tanh.

Nhưng ở cuối hành lang, anh thấy một phòng thí nghiệm mở cửa. Một nhân viên đang dùng một đoạn dây màu vàng để đo chiều dài và chiều rộng của cửa ra vào. Bên trong, bốn kỹ thuật viên đang đứng quanh một chiếc bàn lớn, nhìn xuống nó. Trên mặt bàn là một mô hình lớn bằng gỗ có màu nhạt mô phỏng pháo đài La Roque và các vùng lân cận. Những người đàn ông đang thì thầm với nhau, và một người cẩn thận nâng mép bàn lên. Dường như họ đang tính cách thế nào để chuyển nó đi.

“Doniger nói rằng anh ta phải có cái này,” một kỹ thuật viên nói, “để trưng ra sau buổi thuyết trình.”

“Tôi không biết là chúng ta sẽ đưa nó ra khỏi phòng thế nào,” một người khác nói. “Nó vào đây bằng cách nào?”

“Họ làm nó ở đây.”

“Sẽ được thôi,” người đàn ông bên cửa nói, khớp chiếc thước dây lại.

Tò mò, Stern bước vào phòng, nhìn mô hình kỹ hơn. Nó mô phỏng tòa lâu đài, khá tỉ mỉ và chính xác, ở trung tâm của một tổ hợp lớn hơn nhiều. Phía trước tòa lâu đài là một vòng rừng cây, và phía ngoài nó là một tổ hợp kiến trúc vững chắc gồm có nhà và một mạng lưới đường sá. Nhưng chẳng có thứ nào thực sự tồn tại hết. Vào thời Trung Cổ, tòa lâu đài chỉ đứng trợ trợ một mình trên cánh đồng.

Stern nói, “Mô hình gì đây?”

“La Roque,” một kỹ thuật viên nói.

“Nhưng mô hình này không chính xác.”

“Ồ, có chứ,” kỹ thuật viên nói, “hoàn toàn chính xác đấy. Ít nhất là cũng theo những bản vẽ kỹ thuật mới nhất mà họ đưa cho chúng tôi.”

“Những bản vẽ kỹ thuật nào?” Stern nói.

Nghe thế, những kỹ thuật viên lặng đi, vẻ lo lắng ánh lên trên nét mặt họ. Giờ Stern thấy có những mô hình khác: của Castलगard, và cửa tu viện Sainte-Mère. Anh thấy có những hình vẽ lớn trên các bức tường. Giống như văn phòng kiến trúc vậy, anh nghĩ.

Đúng lúc đó, Gordon ngó đầu vào qua cánh cửa. “David à? Đi thôi.”

\*

\*

Anh đi xuống hành lang cùng với Gordon. Ngoái nhìn qua vai, anh thấy những kỹ thuật viên đã xoay mô hình lại và đang khiêng nó qua cửa.



“Thế là thế nào vậy?” Stern nói.

“Nghiên cứu phát triển vùng,” Gordon nói. “Chúng tôi làm cho tất cả các khu dự án. Ý tưởng là thể hiện rõ môi trường xung quanh khu di tích lịch sử, để bản thân khu di tích được bảo tồn cho du khách và các học giả. Họ nghiên cứu khung cảnh, những thứ kiểu thế.”

“Nhưng thế thì có liên quan gì tới các anh?” Stern nói.

“Chính là mối quan tâm của chúng tôi đấy chứ,” Gordon nói. “Chúng tôi sẽ phải bỏ ra hàng triệu đô trước khi một khu di tích được hoàn toàn phục hồi. Và chúng tôi không muốn nó bị làm lộn xộn bởi một trung tâm mua sắm hay một đồng các khách sạn cao tầng. Thế là chúng tôi cố làm các đề án di tích lớn hơn, để xem liệu có thể xin chỉ đạo của chính phủ địa phương được không.” Anh ta nhìn Stern. “Nói thật nhé, tôi chưa bao giờ thấy nó có gì đặc biệt hấp dẫn hết.”

“Thế còn phòng dịch chuyển thì sao? Chuyện gì đang xảy ra ở đó vậy?”

“Tôi sẽ cho cậu xem.”

\*

\*

Nền nhà cao su của phòng dịch chuyển đã được dọn hết các mảnh vỡ và được lau chùi sạch sẽ. Ở những nơi a xít ăn mòn qua lớp cao su, các công nhân đang cẩn thận thay thế. Hai trong số những tấm chắn thủy tinh đã được dựng lên, và một tấm đang được một người đàn ông đeo cặp kính dày cộp với một ngọn đèn kỳ cục trên mũ đứng kiểm tra cực kỳ kỹ lưỡng. Stern nhìn lên khi những tấm kính lớn tiếp theo được đưa vào bằng cần trục từ khu dịch chuyển thứ hai, vẫn đang trong giai đoạn chưa hoàn chỉnh.

“May là chúng ta vẫn còn có phòng dịch chuyển khác đang trong quá trình xây dựng,” Gordon nói với anh. “Nếu không thì, sẽ phải mất cả tuần để đưa những tấm kính kia xuống đây đấy. Nhưng các khung kính đã ở ngay

đây rồi. Tất cả những gì chúng ta cần làm là chuyển chúng đi thôi. Rất may đấy.”

Stern vẫn đang ngược nhìn lên. Anh đã không nhận ra những tấm kính chắn lại lớn đến thế. Treo phía trên đầu anh, những tấm kính cong vòng kia dễ phải cao tới hơn ba mét và rộng tới hơn năm mét, và chắc phải sâu tới hơn nửa mét. Chúng được đưa bằng những thiết bị dạng cái đũa về phía những bộ chống đặc biệt được dựng lên ở sàn nhà bên dưới. “Nhưng,” Gordon nói, “chúng tôi lại không có các thiết bị dự trữ. Chúng tôi chỉ có đúng một bộ hoàn chỉnh thôi.”

“Thế thì sao?”

Gordon đi tới chỗ một trong những tấm kính đã được dựng sẵn. “Về cơ bản, ta có thể coi những thứ này là những chiếc bình đựng rượu bằng thủy tinh lớn,” Gordon nói. “Chúng là những cái bình chứa cong được đổ đầy qua một cái lỗ trên đỉnh. Và khi chúng tôi đã đổ đầy nước vào chúng, chúng sẽ trở nên rất nặng. Khoảng năm tấn mỗi chiếc. Đường cong giúp tăng sức chịu lực. Nhưng điều làm tôi lo ngại lại chính là khả năng chịu lực ấy.”

“Sao lại thế?” Stern nói.

“Lại gần hơn đi.” Gordon lướt ngón tay lên bề mặt tấm kính. “Thấy những cái lỗ nhỏ xíu kia chứ? Những cái chấm bé xíu màu xám ấy? Chúng nhỏ thôi, nên ta sẽ chẳng bao giờ để ý đến trừ khi ta nhìn thật cẩn thận. Nhưng chúng là phần lỗi mà trước đây không hề có. Tôi nghĩ vụ nổ đã bắn những giọt a xít flohydric vào căn phòng kia.”

“Và giờ các miếng kính đã bị dính a xít.”

“Đúng. Một chút. Nhưng nếu những cái lỗ này mà làm yếu những tấm kính, thì các tấm chắn sẽ bị nứt khi chúng được đổ đầy nước và những tấm kính sẽ phải chịu áp lực rất lớn. Tệ hơn, những tấm kính này có thể bị vỡ nát hết.”

“Nếu thế thì sao?”

“Thì chúng ta sẽ không có đủ hệ thống chặn quanh khu này nữa,” Gordon nói, nhìn thẳng vào Stern. “Trong trường hợp đó, chúng tôi không thể đưa các bạn của anh trở lại một cách an toàn được. Họ sẽ có nguy cơ phải chịu rất nhiều lỗi dịch chuyển.”

Stern chau mày. “Các anh có cách nào kiểm tra các tấm kính không? Xem thử liệu chúng có chịu được không?”

“Không hẳn, không. Chúng ta có thể kiểm tra áp suất của một tấm, nếu chúng ta không ngại làm vỡ nó, nhưng vì chúng ta không có tấm kính thừa nào hết, nên tôi sẽ không làm thế đâu. Thay vào đó, tôi đang tiến hành một cuộc kiểm tra trực quan phân cực vi mô.” Anh chỉ tay về phía một kỹ thuật viên trong góc phòng đeo cặp kính dày cộp, đang kiểm tra các tấm kính. “Bài kiểm tra đó sẽ chỉ ra các đường nứt tiềm ẩn – luôn tồn tại trong tất cả các tấm kính – và cho ta biết là liệu nó có sắp bị vỡ hay không. Và anh ta đang cầm một chiếc máy ảnh kỹ thuật số sẽ truyền thẳng các điểm dữ liệu vào máy tính.”

“Các anh định mô phỏng trên máy tính?” Stern nói.

“Sẽ chỉ ở dạng rất thô sơ thôi,” Gordon nói. “Có lẽ cũng chẳng đáng làm nữa, nó rất thô. Nhưng kiểu gì tôi cũng sẽ làm.”

“Thế điểm cần quyết định là gì thế?”

“Là khi nào thì đổ đầy các tấm kính.”

“Tôi không hiểu.”

“Nếu chúng ta cho nước vào ngay bây giờ, và chúng chịu được, thì mọi chuyện đều ổn. Nhưng ta chẳng thể chắc được. Vì một trong những chiếc bể chứa có thể có điểm yếu, mà điểm yếu đó sẽ chỉ vỡ ra sau một khoảng thời gian chịu áp lực nhất định. Thế nên đang có tranh cãi xem có nên chỉ đổ đầy bể vào phút cuối hay không.”

“Các anh đổ chúng nhanh được đến đâu?”

“Khá nhanh đấy. Chúng tôi có một ống vòi rồng ở dưới này. Nhưng để giảm tối đa áp lực, dẫn nước từ từ thôi thì tốt hơn. Trong trường hợp đó, sẽ

phải mất gần hai tiếng để đổ đầy chín tám chẵn.”

“Nhưng không phải là các anh đã nhận được tín hiệu nhảy trường từ hai tiếng trước rồi sao?”

“Phải – nếu phòng điều khiển hoạt động tốt. Nhưng các thiết bị trong phòng điều khiển đã bị tắt mười tiếng rồi. Khói a xít đã bốc lên đó. Chúng có thể đã ảnh hưởng tới các thiết bị điện. Chúng tôi không biết là chúng còn hoạt động tốt hay không nữa.”

“Giờ tôi hiểu rồi,” Stern nói. “Và mỗi bể chứa thì lại khác nhau.”

“Đúng. Mỗi bể đều có điểm khác.”

Đây đúng là một vấn đề khoa học kinh điển trong thế giới thực, Stern nghĩ. Cân đong các nguy cơ, cân đong các khả năng. Hầu hết chẳng ai hiểu được rằng các vấn đề khoa học chủ yếu tồn tại dưới dạng này. Mưa a xít, hiện tượng trái đất nóng dần lên, sự rửa trôi, hiểm họa ung thư – tất cả những câu hỏi phức tạp này luôn là những vấn đề cân đối đa tác động và đòi hỏi những quyết định chủ quan. Các dữ liệu nghiên cứu chính xác đến đâu? Những nhà khoa học thực hiện nghiên cứu đáng tin đến đâu? Quy trình mô phỏng của máy tính đáng tin cậy đến đâu? Những dự đoán tương lai quan trọng đến thế nào? Những câu hỏi này cứ lặp đi lặp lại. Hiển nhiên là giới truyền thông chẳng bao giờ lại quan tâm tới những thứ rắc rối phức tạp, vì chúng sẽ thành những cái tí chẳng hay ho gì. Kết quả là, mọi người nghĩ khoa học rõ ràng và dễ hiểu, trong khi nó chẳng bao giờ như thế hết. Kể cả những ý niệm được thừa nhận rộng rãi nhất – như là vi trùng có khả năng gây bệnh – cũng chưa được chứng minh một cách triệt để như mọi người nghĩ.

Và với trường hợp đặc biệt này, trường hợp có liên quan trực tiếp đến sự an toàn của các bạn anh, Stern phải đối mặt với tầng tầng lớp lớp những điều không chắc chắn. Không chắc là những chiếc bể chứa kia đủ an toàn. Không chắc là liệu phòng điều khiển có thể cho ra những cảnh báo thích đáng. Không chắc là liệu họ nên từ từ dẫn nước vào các bể chứa bây giờ,

hay thật nhanh vào phút cuối. Họ sẽ phải ra quyết định chủ quan. Và rất nhiều sinh mạng sẽ phụ thuộc vào quyết định ấy.

Gordon đang nhìn chăm chăm vào anh. Chờ đợi.

“Có chiếc bể nào không bị rỉ không?” Stern nói.

“Có. Bốn chiếc.”

“Thế thì giờ hãy dẫn nước vào bốn chiếc bể đó đi,” Stern nói. “Rồi đợi kết quả phân tích phân cực và mô phỏng của máy tính trước khi dẫn nước vào các bể còn lại.”

Gordon chậm rãi gật đầu. “Đúng như những gì tôi nghĩ,” anh nói.

Stern nói, “Anh nghĩ gì? Những chiếc bể chứa khác có ổn không?”

“Suy đoán của tôi,” Gordon nói, “là chúng ổn. Nhưng chúng ta sẽ biết rõ hơn trong vài giờ nữa.”

**06:40:22**

“Ngài André, tôi mong ngài đi đường này,” Guy de Malegant nhũn nhặn cúi đầu và vẫy tay.

Marek cố giấu sự ngạc nhiên. Khi phóng ngựa vào La Roque, anh đã hoàn toàn tin tưởng rằng Guy và người của hắn sẽ giết anh ngay lập tức. Thay vào đó, họ lại đối xử với anh đầy vẻ kính trọng, gần như đối với một vị khách danh dự vậy. Vào sâu trong thành, trong cái sân sâu nhất, anh thấy đại sảnh, giờ đã được thắp đèn sáng trưng.

Malegant dẫn anh đi qua sảnh lớn rồi vào một ngôi nhà bằng đá kỳ cục ở bên tay phải. Tòa nhà này có cửa sổ không chỉ được gắn cửa chớp gỗ mà còn có cả kính làm bằng bong bóng lợn trong suốt nữa. Nến được đặt trên các ô cửa sổ, nhưng chúng lại ở phía ngoài, thay vì ở trong phòng.

Anh đã biết tại sao từ trước cả khi bước vào tòa nhà nơi chỉ có một căn phòng đơn cỡ lớn. Dựa vào bức tường là những bao vải màu xám tiết diện cỡ nắm đấm được chất cao ngất trên những cái giá gỗ dựng trên nền nhà. Trong góc nhà, những quả đạn sắt được xếp thành những chồng kim tự tháp đen xì. Căn phòng có một mùi rất đặc trưng – mùi chua và hắc – và Marek biết đích xác mình đang ở đâu.

Kho vũ khí.

Malegant nói, “Được rồi, thưa Học giả, chúng tôi đã tìm được một trợ lý giúp ngài rồi đây.”

“Rất cảm ơn anh vì điều đó.” Ở chính giữa phòng, Giáo sư Edward Johnston đang ngồi khoanh chân trên nền nhà. Hai chiếc chậu bằng đá đựng hỗn hợp bột được đặt sang một bên. Ông đặt chiếc chậu thứ ba giữa hai đùi, và một cái cối đá, ông đang xay một thứ bột xám bằng những động tác thật đều, thật tròn. Johnston không hề dừng lại khi thấy Marek. Ông cũng chẳng có vẻ gì là ngạc nhiên hết.

“Chào André,” ông nói.

“Chào Giáo sư.”

Vẫn tiếp tục xay. “Em ổn chứ?”

“Vâng, em ổn ạ. Chân hơi đau một chút.” Thực tế là chân Marek đang nhói lên, nhưng vết thương khá sạch; nước sông đã rửa sạch nó, và anh nghĩ rằng nó sẽ lành trong vài ngày tới thôi.

Giáo sư tiếp tục xay, thật bền bỉ, không ngừng nghỉ. “Thế là tốt, André,” ông vẫn nói bằng giọng thật điềm tĩnh. “Những người khác đâu?”

“Chris thì em không biết,” Marek nói. Anh đang nghĩ lại cảnh Chris ngập trong máu. “Nhưng Kate thì vẫn ổn, và cô ấy đang đi tìm...”

“Được rồi,” Giáo sư nói nhỏ, mắt đảo về phía Guy. Đối chủ đề, ông lại quay về với cái chày. “Em biết thầy đang làm gì chứ?”

“Đang trộn ạ,” Marek nói. “Cái chất đó có ổn không thầy?”

“Không tệ, xét theo mọi mặt. Là than từ gỗ cây liễu, lý tưởng đấy. Lưu huỳnh khá tinh, và ni tơ nguồn gốc hữu cơ.”

“Phân chim?”

“Đúng thế.”

“Thế là cũng đúng ý thầy rồi,” Marek nói. Một trong những điều đầu tiên Marek học là kỹ thuật chế tạo thuốc súng, một chất lần đầu được sử dụng rộng rãi tại châu Âu vào thế kỷ mười bốn. Thuốc súng là một trong những phát minh vào loại giống như cối xay nước và ô tô, những thứ không thể được xác định là thuộc về ai hay nơi nào. Công thức nguyên thủy – một phần than, một phần lưu huỳnh, sáu phần kali nitrat – bắt nguồn từ Trung Hoa. Nhưng việc nó đến được châu Âu bằng cách nào thì vẫn đang là một vấn đề gây tranh cãi, và ứng dụng của thuốc súng lúc mới được đưa vào sử dụng chủ yếu là làm chất dẫn cháy hơn là chất gây nổ. Thuốc súng lúc đầu được nạp vào *hỏa khí*, có nghĩa là “vũ khí tận dụng sức lửa” và cũng chẳng có cái ý nghĩa hiện đại là những thiết bị điểm hỏa phát nổ như súng trường và thần công.

Là vì thuốc súng hồi đầu không dễ nổ mấy, do thành phần hóa học của thuốc súng vẫn chưa được làm rõ, và kỹ thuật chưa phát triển. Thuốc súng sẽ phát nổ khi than và lưu huỳnh cháy thật nhanh, tạo ra một lượng lớn ô xy sẽ kích hoạt sự nổ – ở đây nguồn ôxy là muối nitrat, sau còn được gọi là diêm tiêu. Nguồn nitrat phổ biến nhất là phân dơi trong hang. Trong những năm đầu, thứ phân này chẳng được luyện tinh chút nào, cứ thế là trộn vào hỗn hợp thôi.

Nhưng phát hiện vĩ đại nhất của thế kỷ mười bốn là thuốc súng nổ tốt hơn khi nó được giã thật nhuyễn. Đó được gọi là “quá trình trộn” và nếu được làm chuẩn sẽ tạo ra thuốc súng có độ mịn của bột đá tan. Trong suốt những giờ nghiền bột đường như vô tận kia thì những phân tử nhỏ bé của muối nitrat và lưu huỳnh đã bị ép vào trong những cái lỗ siêu nhỏ trong than đá. Đó là lý do tại sao một số loại gỗ nhất định, như gỗ cây liễu, lại được chọn dùng; than của chúng xốp và nhiều lỗ hơn.

Marek nói, “Em chẳng thấy cái sàng nào hết. Thầy định viên chúng thành hạt ạ?”

“Không.” Johnston mỉm cười. “Người ta chưa nghĩ ra cách viên hạt đâu, nhớ chứ?”

Viên thành hạt là quá trình thêm nước vào hỗn hợp thuốc súng, làm thành một hợp chất sền sệt rồi để khô. Thuốc súng viên có sức công phá mạnh hơn thuốc súng chỉ được trộn khô. Nói trên phương diện hóa học thì nước đã làm tan phần nào muối nitrat, giúp nó thẩm thấu vào trong lớp than, và quá trình đó cũng đưa cả phần lưu huỳnh không tan được vào cùng. Sản phẩm của quá trình này sẽ không chỉ mạnh hơn mà còn bền và ổn định hơn. Nhưng Johnston nói đúng; kỹ thuật viên chỉ được phát hiện vào khoảng những năm 1400 – phải sau thời điểm này tới bốn mươi năm.

“Em làm đỡ nhé?” Marek nói. Trộn là một quá trình dài lê thê; thỉnh thoảng thời gian trộn lên tới sáu hoặc tám tiếng.

“Không. Thầy xong rồi.” Giáo sư đứng dậy, rồi nói với Guy, “Nói với lãnh chúa Oliver rằng chúng tôi đã sẵn sàng cho ngài ấy thấy kết quả rồi.”



“Lửa Hy Lạp sao?”

“Không hẳn,” Johnston nói.

\*

\*

Trong ráng chiều muộn, lãnh chúa Oliver đi đi lại lại đầy sốt ruột dọc theo bức tường thành đồ sộ vòng ngoài. Tường ở đây rộng tới hơn năm mét, làm dây súng thần công gần đó trông thật nhỏ bé. Guy đang đi với hắn ta, cùng với tên Robert de Kere mặt sưng sía; tất cả đều ngược lên nhìn đầy háo hức khi Giáo sư tới. “Thế nào? Cuối cùng thì ngài cũng sẵn sàng rồi chứ, Học giả?”

“Thưa ngài, tôi đã sẵn sàng rồi,” Giáo sư nói, mang hai chiếc chậ lớn của mình tới, kẹp dưới hai cánh tay. Marek mang chiếc chậ thứ ba, chất bột mịn đã được trộn với một thứ dầu đặc nồng mùi nhựa cây. Johnston đã dặn anh không được chạm vào thứ hỗn hợp ấy trong bất cứ trường hợp nào, và anh cũng chẳng cần phải được nhắc nhở. Nó có một cái mùi hôi cực kỳ khó ngửi. Anh cũng mang một chiếc bát đựng cát nữa.

“Lửa Hy Lạp? Đây là Lửa Hy Lạp à?”

“Không, thưa ngài. Còn tuyệt hơn kia. Lửa của Athenaios xứ Naukratis, được gọi là ‘lửa tự động’.”

“Thật thế không?” Lãnh chúa Oliver nói. Mắt hắn nheo lại. “Cho ta xem nào.”

Bên kia khẩu thần công là thảo nguyên phía Đông bao la, nơi những chiếc máy bắn đá đang được xếp thành hàng. Chúng vừa vạn xa khỏi tầm bắn, cách chừng hai trăm mét. Johnston đặt mấy chiếc chậ xuống đất chỗ giữa hai khẩu thần công đầu tiên. Khẩu thần công thứ nhất ông nạp bằng một cái bao lấy từ kho vũ khí ra. Rồi ông đặt một mũi tên thép thật dày cánh bằng thép vào trong khẩu thần công. “Đây là thuốc súng và tên của ngài.”

Xoay sang chỗ khẩu thần công thứ hai, ông cẩn thận trút chất bột được nghiền mịn của mình vào trong một cái bao, rồi nhét vào trong nòng khẩu thần công. Ông nói, “André, đưa cát đây nào.” Marek đi ra trước và đặt bát đựng cát xuống dưới chân Giáo sư.

“Cát để làm gì thế?” Oliver hỏi.

“Để đề phòng, thưa ngài, tránh hỏng hóc.” Johnston nhặt mũi tên thứ hai lên, cầm nó một cách thật cẩn thận, chỉ cầm ở mỗi đầu và nhẹ nhàng đặt nó vào trong khẩu thần công. Đầu mũi tên có rãnh, những cái rãnh được trát đầy một chất dính dính có mùi cay xè.

“Đây là thuốc súng cùng với mũi tên của tôi.”

Người điều khiển thần công trao cho Giáo sư một thanh gỗ mỏng, một đầu đỏ rực. Johnston chạm vào khẩu thần công đầu tiên.

Một vụ nổ nhỏ: một chùm khói đen, và mũi tên bay về phía cánh đồng, hạ xuống cách chiếc máy bắn đá gần nhất chừng một trăm mét.

“Giờ đến thuốc súng và tên của tôi.”

Giáo sư chạm vào khẩu thần công thứ hai.

Có một tiếng nổ lớn và một luồng khói đen kịt, mũi tên bay ra chỗ cái máy bắn đá, cách chừng ba mét. Nó rơi xuống đám cỏ.

Oliver khịt mũi. “Thế là tất cả đấy à. Ngài không phiền nếu ta...”

Ngay khi đó, mũi tên làm bùng lên một quầng lửa, bắn những đốm lửa tròn ra khắp mọi hướng. Chiếc máy bắn đá bắt lửa ngay lập tức, và những người làm trên cánh đồng vội chạy về trước, mang những túi nước của ngựa ra dập lửa.

“Ta thấy rồi...” Lãnh chúa Oliver nói.

Nhưng nước dường như càng làm lửa lan rộng hơn, không hề dập được nó. Cứ sau mỗi lần nước dội vào, lửa lại càng bùng lên cao hơn. Những người đàn ông giật lùi lại, chẳng biết phải làm gì. Cuối cùng, họ đành trơ

mắt đứng nhìn chiếc máy bắn đá cháy rụi trước mặt mình. Trong giây lát, nó đã chỉ còn là một đồng gỗ khét lẹt.

“Thề có Chúa, Edward và Thánh George,” Oliver nói.

Johnston hơi cúi người, mỉm cười.

“Ngài bắn được xa gấp đôi và có mũi tên có khả năng tự bốc cháy – sao làm được vậy?”

“Thuốc súng được nghiền nhuyễn nên nổ dữ dội hơn. Mũi tên được tẩm dầu, lưu huỳnh và vôi sống, trộn đều với xơ cây gai. Cứ chạm vào nước là sẽ bắt lửa ngay – ở đây là do cỏ ướt. Đó là lý do tại sao tôi lại có một chậu cát, để tránh dù chỉ chút xíu hỗn hợp dính vào tay và bắt lửa do độ ẩm trên tay tôi. Đó là loại vũ khí tinh tế nhất, thưa ngài, và sử dụng nó cũng cần phải rất tinh tế.”

Ông quay sang chỗ cái chậu thứ ba đang ở gần Marek.

“Giờ, thưa ngài,” Johnston nói, nhặt một cái que gỗ lên, “tôi mong ngài hãy quan sát thật kỹ những gì sẽ xảy ra tiếp theo đây.” Ông ấy nhúng cái que vào chiếc chậu thứ ba, làm dầu que ngập dầu, mùi hỗn hợp thật khủng khiếp. Ông giơ cái que lên. “Như ngài thấy, chẳng có thay đổi gì hết. Và cũng sẽ chẳng có thay đổi gì trong hàng tiếng, hàng ngày, cho tới khi...” Bằng động tác điệu nghệ như của một nhà ảo thuật, ông đổ một cốc nước nhỏ lên cái que.

Cái que kêu xèo một tiếng, bắt đầu bốc khói, và rồi bùng lên trong tay Giáo sư. Ngọn lửa có màu cam nóng rực.

“A,” Oliver nói, thở hắt ra đầy sáng khoái. “Ta phải có một lượng lớn thứ này. Ngài cần bao nhiêu người để nghiền và làm chất đó?”

“Thưa ngài, hai mươi hoặc hơn. Năm mươi được thì tốt.”

“Ngài sẽ có năm mươi người, hoặc nhiều hơn nếu muốn,” Oliver nói, xoa xoa tay. “Ngài làm nhanh đến độ nào?”

“Công đoạn chuẩn bị không mất quá lâu đâu, thưa ngài,” Johnston nói, “nhưng không thể làm một cách nóng vội được, vì đó là một công việc rất

nguy hiểm. Và khi đã được hoàn thành, để hợp chất đó trong thành là rất mạo hiểm, vì Arnaut chắc chắn sẽ tấn công ngài bằng các hỏa khí.”

Oliver khịt mũi. “Ta không quan tâm đến việc đó, Học giả ạ. Làm ngay đi, và ta sẽ dùng nó ngay trong tối nay.”

\*

\*

Trở lại với kho vũ khí, Marek đứng nhìn Johnston cho đám lính xếp hàng mười người một, một cái bát nghiền đặt trước mặt mỗi người. Johnston đi xuống cuối mỗi hàng, thỉnh thoảng dừng lại để chỉ dẫn. Những người lính đang cầu nhau về thứ họ gọi là “việc nhà bếp”, nhưng Johnston nói với họ rằng những thứ này, theo cách nói của ông, là dược liệu của chiến tranh.

Vài phút sau thì Johnston đi ra ngồi cùng với anh ở góc nhà. Nhìn những người lính làm việc, Marek nói, “Doniger có cho thầy nghe bài diễn thuyết về việc chúng ta không thể thay đổi được lịch sử không?”

“Có. Sao thế?”

“Dường như chúng ta đang giúp Oliver giữ thành chống lại Arnaut nhiều quá. Những mũi tên đó sẽ bắt Arnaut phải cho lùi những vũ khí công thành của mình lại – ra ngoài tầm có hiệu quả. Không có vũ khí công thành, không có trận tấn công nào vào pháo đài hết. Và Arnaut sẽ không chịu ngồi chờ đâu. Người của ông ta muốn thắng nhanh – tất cả những cánh quân lưu chuyển đều muốn thế. Nếu họ không thể chiếm thành ngay được, họ sẽ tiến tiếp thôi.”

“Phải, đúng là thế...”

“Nhưng theo lịch sử, thành này sẽ rơi vào tay Arnaut.”

“Đúng,” Johnston nói. “Nhưng không phải do một trận công thành. Vì một kẻ phản bội đã để người của Arnaut vào.”

“Em cũng đang nghĩ về việc đó,” Marek nói. “Chẳng có nghĩa gì hết. Có quá nhiều cánh cổng trong tòa lâu đài này, khó mà mở hết ra được. Làm sao một tên phản bội có thể làm thế được? Em không nghĩ là hẳn có thể.”

Johnston mỉm cười. “Em nghĩ là chúng ta có thể đang giúp Oliver giữ thành, và thế là chúng ta sẽ thay đổi lịch sử.”

“Ừm. Em chỉ đang băn khoăn thôi.”

Marek đang nghĩ rằng một pháo đài thất thủ liệu có phải một sự kiện lịch sử quan trọng lắm không, khi tính đến tương lai ấy. Lịch sử của Cuộc chiến một trăm năm có thể được dẫn giải qua hàng loạt những cuộc vây thành và bắt bố quan trọng. Ví dụ, trong vài năm tới đây, bọn cướp sẽ chiếm thị trấn Moins, ở cửa sông Seine. Xét về bản thân sự kiện, đó chỉ là một chiến thắng nhỏ – nhưng nó sẽ giúp chúng có quyền kiểm soát sông Seine, cho chúng cơ hội chiếm được tất cả các tòa lâu đài dọc về phía Paris. Rồi còn chuyện ai sống ai chết nữa. Vì rất thường xuyên, khi một tòa thành sụp đổ, những người cư ngụ ở đó sẽ bị thảm sát. Có khoảng vài trăm người trong La Roque. Nếu tất cả họ đều sống sót, hàng nghìn hậu duệ của họ có thể dễ dàng tạo ra một tương lai mới.

“Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được,” Johnston nói. “Chúng ta còn bao nhiêu tiếng nữa?”

Marek nhìn vào cái vòng. Đồng hồ ghi: 05:50:29. Anh căn môi. Anh đã quên việc chiếc đồng hồ vẫn đang chạy. Lần gần đây nhất anh nhìn, vẫn còn tới gần chín tiếng nữa; có vẻ như còn rất nhiều thời gian. Sáu tiếng chẳng có vẻ gì là hay lắm.

“Chưa đầy sáu tiếng,” Marek nói.

“Và Kate đang giữ chip định vị?”

“Vâng.”

“Thế trò ấy đâu?”

“Cô ấy đi tìm đường hầm.” Marek đang nghĩ giờ đã là chiều muộn; nếu tìm thấy lối đi, cô có thể dễ dàng vào được lâu đài trong vòng hai hoặc ba

tiếng.

“Trò ấy đi tìm lối đi bí mật ở đâu?”

“Ở nhà nguyện xanh.”

Johnston thở dài. “Chìa khóa của Marcel chỉ đến đây à?”

“Vâng.”

“Và trò ấy đi một mình à?”

“Vâng.”

Johnston lắc đầu. “Không ai lại đến đó cả.”

“Tại sao ạ?”

“Người ta nói là nhà nguyện xanh được một hiệp sĩ điên canh giữ. Họ nói rằng người yêu của anh ta đã chết ở đó và rằng anh ta đã đau khổ đến độ mất trí. Anh ta đã nhốt chị của nàg vào một tòa lâu đài gần đây, và giờ anh ta đang giết tất cả những ai dám đến gần tòa lâu đài đó, hay nhà nguyện cũng vậy.”

“Thầy có nghĩ những điều đó là sự thật không?” Marek nói.

Johnston nhún vai. “Chẳng ai biết được,” ông nói. “Vì chẳng ai sống sót trở về hết.”

**05:19:55**

Mắt nhắm thật chặt, Kate đợi chiếc rìu bổ xuống. Hiệp sĩ đứng trên người cô giờ đang thờ phì phò và gầm gừ, hơi thở của hắn càng lúc càng nhanh hơn, càng lúc càng thêm hưng phấn trước khi hắn giáng cú đòn chí tử...

Rồi hắn im bật.

Cô thấy cái chân giữa lưng mình quay gót.

Hắn đang nhìn quanh.

Cái rìu bổ xuống giá gỗ, cách mặt cô có vài phân. Nhưng hắn đang vừa chống lên nó vừa nhìn thứ gì đó, phía sau. Hắn lại tiếp tục gầm gừ, và giờ có vẻ rất giận dữ.

Kate cố xem hắn đang nhìn cái gì, nhưng lưỡi rìu to bản đã chặn mất tầm nhìn của cô.

Cô nghe thấy có tiếng bước chân phía sau mình.

Có ai đó khác nữa đang ở đây.

Lưỡi rìu lại vung lên nhưng giờ bàn chân đó không còn giẫm lên lưng cô nữa. Cô vội lăn người khỏi cái giá, quay lại và thấy Chris đang đứng cách đó vài mét, cầm thanh kiếm cô vừa đánh rơi.

“Chris!”

Chris nghiêng chặt răng nhưng vẫn cố mỉm cười. Cô có thể thấy rõ là anh đang hoảng sợ tột độ. Anh nhìn không chớp mắt vào tên hiệp sĩ xanh. Gầm lên một tiếng, tên hiệp sĩ xoay người lại, xé gió vung rìu lên. Chris giờ kiếm đỡ. Kim loại chạm nhau tóe lửa. Hai người đàn ông xoay vòng. Tên hiệp sĩ lại vung rìu lên, Chris né, giật về phía sau, và vội đứng lên khi lưỡi rìu chém xuống cổ. Kate lục tung cái túi để tìm bình xịt. Thứ đồ lạ lẫm đến từ thời đại khác này bây giờ dường như nhỏ và nhẹ đến kỳ cục, nhưng đó là tất cả những gì họ có.

“Chris!”

Đứng đằng sau hiệp sĩ xanh, cô giơ cao cái bình xịt lên để anh nhìn thấy. Anh khẽ gật đầu, tiếp tục tránh và lùi về phía sau. Cô nhận thấy anh đang xuống sức nhanh chóng, dần thất thế, trong khi hiệp sĩ xanh càng lúc càng áp đảo.

Kate không còn sự lựa chọn nào khác: cô phóng về trước, nhảy lên, hạ xuống lưng hiệp sĩ xanh. Hấn gầm gừ trước sức nặng bất ngờ dồn lên mình. Cô bám chặt lấy hắn, đưa cái bình ra trước mũi hắn, và xịt thẳng qua khe mắt. Tên hiệp sĩ ho và rùng mình. Cô lại xịt tiếp, và tên hiệp sĩ bắt đầu lao đảo. Cô nhảy xuống đất.

Cô nói, “Làm đi!”

Chris đang quỳ trên một chân, thở hổn hển. Hiệp sĩ xanh vẫn đang đứng, nhưng không vững. Chris từ từ tiến về trước và đâm thanh kiếm vào mạng sườn hắn, giữa những tấm giáp trụ. Hấn ta rống lên đầy tức giận rồi ngã ngửa ra.

Chris ngay lập tức nhảy xổ lên, cắt dây đeo mũ trụ của hắn, dùng chân đá nó đi. Cô liếc thấy mái tóc rối bù, râu mọc lờm chờm, và cặp mắt đầy hoang dại khi anh vung kiếm chém xuống, và cắt đứt đầu tên hiệp sĩ.

\*

\*

Không được.

Lưỡi kiếm chém xuống, nghiền vào xương, và kẹt lại trong đó, chỉ đi được nửa đường qua cổ hắn. Tên hiệp sĩ vẫn còn sống, tức giận nhìn Chris, miệng hắn méo đi.

Chris cố rút thanh kiếm ra, nhưng nó vẫn bị mắc trong cổ họng tên hiệp sĩ. Khi anh cố giật ra, tên hiệp sĩ vung tay trái lên bám chặt lấy vai anh. Tên hiệp sĩ khỏe đến đáng sợ – khỏe như ác quỷ – và kéo anh xuống cho tới khi mặt anh chỉ cách hắn có vài phân. Mắt hắn vẫn đỏ máu. Răng hắn gãy nát.



Chấy rận lổm ngổm trên bộ râu, giữa những mẩu thức ăn đã chuyển màu. Hãn đầy mùi hôi thối.

Chris thấy phát ghê. Anh ngừng thấy hơi thở hàm hập, hôi hám của hãn. Cổ vùng vẫy, anh đặt được một chân lên mặt tên hiệp sĩ, đoạn đứng dậy, thoát ra khỏi nắm tay của hãn. Lưỡi kiếm bật ra cùng lúc, anh vung nó lên và chém mạnh xuống.

Nhưng mắt tên hiệp sĩ trợn ngược và miệng hãn nghếch ra. Hãn đã chết. Ruồi bắt đầu vo ve trên mặt hãn.

Chris quỳ sụp xuống trên nền đất ẩm, cổ thở lấy hơi, anh bắt đầu run rẩy một cách điên cuồng. Anh quàng tay ôm lấy mình, cổ trấn tĩnh lại. Răng vẫn va vào nhau lập cập.

Kate đặt tay lên vai anh. Cô nói, “Người hùng của tôi.” Anh gần như không nghe thấy cô. Anh chẳng nói gì hết. Nhưng cuối cùng anh cũng hết run và lại đứng dậy.

“Tôi rất vui khi thấy anh,” cô nói.

Anh gật đầu và mỉm cười, “Tôi đã chọn đường dễ hơn để xuống.”

Chris đã bám lại được và không bị trượt xuống bùn. Anh đã mất nhiều phút vất vả quay trở lại con đường dốc, và rồi anh đi đường kia xuống. Hóa ra đường xuống chân thác nước lại khá dễ đi, và đến đó anh thấy Kate sắp sửa bị chặt đầu.

“Cô biết đoạn còn lại rồi đấy,” anh nói. Anh đứng dậy, tựa vào thanh kiếm. Mắt ngược nhìn lên. Trời bắt đầu tối dần. “Cô nghĩ ta còn bao nhiêu lâu nữa?”

“Tôi không biết. Bốn, năm tiếng.”

“Thế chúng ta nên tiến hành ngay thôi.”

\*

\*

Trần nhà nguyễn xanh đã bị hỏng vài chỗ, và phần nội thất thì chỉ còn là một đồng đồ nát. Có một án thờ nhỏ, những cửa sổ vỡ nát với khung trang trí kiểu Gothic, những vũng nước đọng trên nền nhà. Khó có thể nghĩ được rằng nhà nguyễn này một thời đã từng rất huy hoàng, những cánh cửa và mái vòm của nó được chạm trổ rất cầu kỳ. Giờ những vết mốc nhầy nhụa rõ xuống từ các nét chạm khắc đã bị xói mòn đến không nhận ra nổi.

Một con rắn màu đen trườn đi khi Chris xuống chiếc cầu thang xoắn ốc dẫn tới nhà mồ dưới lòng đất. Kate từ từ theo sau. Ở đây tối hơn, nguồn sáng duy nhất đến từ những vết nứt của trần nhà phía trên. Có tiếng nước tí tách không ngừng. Ở chính giữa phòng họ thấy một cái quách nguyễn khối, làm từ đá đen, và mảnh vỡ của vài chiếc quách khác. Trên chiếc quách còn lành lặn có chạm hình một hiệp sĩ mặc giáp trụ. Kate nhìn vào khuôn mặt người hiệp sĩ, nhưng đá đã bị mòn vì rêu mốc mọc khắp nơi, nên chẳng còn rõ được nét nào nữa.

“Mật mã là gì ấy nhỉ?” Chris nói. “Nói gì đó về chân người khổng lồ à?”

“Đúng thế, bước vài bước từ chân người khổng lồ. Hoặc là bàn chân khổng lồ.”

“Từ chân người khổng lồ,” Chris lặp lại. Anh chỉ về phía cái quách, chân của hiệp sĩ chạm trên đó là hai hình khối tròn tròn. “Cô có nghĩ đấy là hai cái chân này không?”

Kate chau mày. “Đấy đâu phải chân khổng lồ.”

“Ừ...”

“Thử xem nào,” cô nói. Cô đứng ở chỗ chân cái quách, xoay sang phải, và bước năm bước. Rồi cô xoay sang trái, đi bốn bước. Cô lại quay sang phải, và đi ba bước, đụng vào bức tường.

“Có lẽ là không phải,” Chris nói.

Cả hai cùng quay lại và bắt đầu hăm hở tìm kiếm. Gần như ngay lập tức, Kate có một phát hiện rất đáng quý: nửa tá đuốc, được bó trong góc, chắc để giữ khô. Những cây đuốc này được làm rất ầu, nhưng cũng đủ dùng.

“Lối đi chắc phải ở đâu đó quanh đây thôi,” cô nói. “Chắc chắn là thế.”

Chris không trả lời. Họ lặng lẽ tìm kiếm trong vòng nửa giờ, chùi rêu mốc khỏi các bức tường và trên sàn nhà, nhìn vào những nét chạm khắc đã bị bào mòn, cố xem liệu có gì đó giống với bàn chân người khổng lồ không.

Cuối cùng, Chris nói, “Cái đó có nói là bàn chân ở *bên trong* nhà nguyện không, hay chỉ là ở nhà nguyện thôi?”

“Tôi không biết,” Kate nói: “André đọc cho tôi nghe. Anh ấy dịch cái đoạn đó.”

“Vì có lẽ chúng ta nên ra ngoài tìm.”

“Những cây đuốc ở trong này.”

“Đúng rồi.”

Chris quay người lại, bực bội nhìn quanh.

“Nếu Marcel tạo ra một chiếc chìa khóa dựa vào đặc điểm ở đây,” Kate nói, “ông ta sẽ không dùng một cỗ quan tài hay một cái quách đâu, vì chúng sẽ bị di dời đi. Ông ta phải dùng một thứ gì đó cố định. Một thứ gì đó trên tường.”

“Hoặc là trên sàn nhà.”

“Phải, hoặc là trên sàn nhà.”

Cô đang đứng cạnh bức tường trong góc, có một cái hốc khoét vào đá. Lúc đầu cô nghĩ đây là những án thờ nhỏ, nhưng chúng nhỏ quá, và cô thấy những mảnh sập; rõ ràng là chúng đã được tạo ra để làm chỗ đặt nến. Cô thấy vài cái hốc đặt nến như thế này trên những bức tường trong nhà mồ. Cô để ý thấy phần mặt trong của cái hốc này được chạm trổ rất đẹp, có hình đôi cánh đang vươn lên đối xứng. Và phần chạm trổ vẫn được giữ nguyên, có lẽ sức nóng của những ngọn nến đã làm giảm bớt độ phát triển của nấm mốc.

Cô nghĩ, *Đối xứng*.

Thật phấn khích, cô đi vội về phía cái hốc đặt nền kế tiếp. Những đường nét chạm trổ thể hiện hai chiếc lá nhỏ. Hốc tiếp theo: hai bàn tay chấp vào nhau cầu nguyện. Cô cứ thế đi khắp phòng, xem từng hốc một.

Chẳng cái nào có bàn chân hết.

Chris đang quét ngón chân thành những đường cong trên nền nhà, cọ lớp rêu khỏi mặt đá bên dưới. Anh đang lẩm nhẩm, “Chân lớn, chân lớn.”

Cô nhìn Chris và nói, “Tôi thấy thật ngớ ngẩn.”

“Tại sao?”

Cô chỉ về phía lối cửa sau lưng anh – lối cửa họ đã qua khi mới đi xuống cầu thang. Lối cửa một thời đã từng được chạm trổ rất cầu kỳ nhưng giờ đã mòn vẹt cả.

Thậm chí cả bây giờ vẫn có thể nhìn thấy được những họa tiết ban đầu là gì. Ở cả bên trái lẫn bên phải lối cửa được khắc một loạt những hình tròn nhỏ lồi lên. Năm hình nổi, cái lớn nhất ở trên đầu cửa và cái nhỏ nhất ở cuối. Hình tròn lớn nhất có một khoanh bệt khắc lên mặt, ai cũng hiểu những hình tròn ấy tượng trưng cho cái gì.

Năm ngón chân, ở mỗi bên cửa.

“Ôi Chúa ơi,” Chris nói. “Là cả cái cửa chết tiệt ấy.”

Cô gật đầu. “Bàn chân khổng lồ.”

“Sao họ lại làm thế?”

Cô nhún vai. “Đôi khi họ đặt những biểu tượng đáng sợ hoặc xấu xa lên lối vào hoặc lối ra. Để tượng trưng cho việc những linh hồn ác phải trốn chạy hoặc bị đày đi.”

Họ nhanh chóng đi ra chỗ cửa, và Kate bước năm bước, rồi bốn, rồi chín. Giờ cô đối mặt với một cái vòng sắt hoen gỉ được gắn trên tường. Cả hai người đều rất phấn khởi trước phát hiện này, nhưng khi họ giật, cái vòng vỡ ra trong tay họ, nát tan thành những mảnh vụn màu đỏ.

“Chắc là chúng ta đã làm sai gì rồi.”

“Bước lại nào.”

Cô quay lại và bước những bước ngắn hơn. Phải, trái, lại phải nữa. Giờ cô đứng trước một phần tường khác. Nhưng nó chỉ là tường thôi, những tảng đá chẳng có gì đặc biệt. Cô thở dài.

“Tôi không biết, Chris,” cô nói. “Chắc là chúng ta đã làm sai gì đó. Nhưng tôi chẳng biết là gì.” Thất vọng, cô bỏ tay ra, tựa vào tường.

“Có lẽ mấy bước chân vẫn còn quá dài,” Chris nói.

“Hoặc là quá ngắn.”

Chris đi lại chỗ bức tường, đứng cạnh cô. “Đi nào, chúng ta sẽ tìm ra thôi.”

“Anh có nghĩ thế thật không?”

“Có, tôi nghĩ thế đấy.”

Họ vừa bước khỏi chỗ bức tường và trở lại chỗ cửa thì nghe thấy một tiếng âm lớn đằng sau. Một tảng đá lớn trên nền nhà, ngay chỗ họ vừa đứng, giờ đã trượt ra. Họ thấy những bậc thang đá dẫn xuống dưới. Họ nghe thấy tiếng nước sông chảy đằng xa. Cái hố tối đen và đầy đe dọa.

“Tìm ra rồi,” anh nói.

### 03:10:12

Trong căn phòng điều khiển không cửa sổ ở phía trên phòng dịch chuyển, Gordon và Stern đang nhìn chăm chăm lên màn hình theo dõi. Nó hiện hình năm tấm kính, tượng trưng cho năm bể chứa thủy tinh đã có vết a xít. Họ nhìn thấy những chấm trắng nhỏ dần hiện ra trên những tấm kính.

“Đó là vị trí của những điểm rỗ,” Gordon nói.

Mỗi điểm được đi kèm với một tập hợp những con số, nhưng chúng quá nhỏ nên không đọc được.

“Đây là kích cỡ và độ sâu của mỗi điểm rỗ,” Gordon nói.

Stern không nói gì hết. Quá trình mô phỏng tiếp tục diễn ra. Những tấm kính bắt đầu được dẫn nước vào, thể hiện bằng một đường ngang màu xanh da trời càng lúc càng cao dần lên. Ở trên mỗi tấm kính là hai con số cỡ lớn: tổng khối lượng nước và áp lực trên mỗi xăng ti mét vuông của bề mặt tấm kính ở vị trí dưới đáy mỗi tấm kính, nơi phải chịu áp lực lớn nhất.

Dù quá trình mô phỏng có mang tính cách điệu cao nhưng Stern vẫn nín thở. Cột nước cứ dâng cao hơn, cao hơn.

Một bể chứa bắt đầu bị rò: một vệt đỏ sáng rực lên.

“Có một cái bị nứt,” Gordon nói.

Chiếc thứ hai cũng bắt đầu rò, và khi nước tiếp tục dâng cao, một đường dích dắc vệt hiện trên tấm kính, rồi nó biến mất khỏi màn hình.

“Một đã bị vỡ.”

Stern lắc đầu. “Anh nghĩ quá trình mô phỏng này được đến đâu?”

“Khá ầu và cầu thả đấy.”

Trên màn hình, chiếc bể thứ hai đã vỡ nát. Hai chiếc còn lại được đổ ngập mà không có chuyện gì xảy ra hết.

“Rồi,” Gordon nói. “Máy tính nói cho chúng ta là có ba chiếc thùng trong số này không chứa nước được.”

“Nếu anh tin là thế. Anh có tin không?”

“Cá nhân tôi thì không,” Gordon nói. “Dữ liệu nhập không đủ chính xác, và máy tính thì đưa ra đủ loại giả định về sức ép. Nhưng tôi nghĩ tốt hơn là chúng ta nên đợi đến phút cuối mới dẫn nước vào những cái bể ấy.”

Stern nói, “Không có cách nào để gia cố những cái bể kia thì tệ quá nhỉ.”

Gordon vội ngược nhìn. “Như thế nào?” anh nói. “Anh có ý tưởng gì à?”

“Tôi không biết. Có lẽ chúng ta có thể trám nhựa vào những chỗ bị ăn mòn kia, hoặc gắn mát tít gì đó. Hoặc có lẽ chúng ta có thể...”

Gordon lắc đầu. “Làm gì đi nữa thì cũng phải đồng bộ. Ta sẽ phải phủ kín toàn bộ bề mặt của bể nước. Phải thật đều.”

“Tôi chẳng thấy có cách nào làm được thế hết,” Stern nói.

“Không thể trong vòng ba tiếng nữa,” Gordon nói. “Và đó là toàn bộ thời gian chúng ta còn lại.”

Stern ngồi xuống một cái ghế, chau mày. Vì một lý do nào đó, anh lại đang nghĩ về những chiếc xe đua. Một loạt những hình ảnh vụt hiện ra trong óc anh. Ferrari. Steve McQueen. Xe đua Công thức Một. Michelin Man với thân hình ống cao su. Biển Shell màu vàng. Những cái lốp xe khổng lồ, rít lên trong mưa. B. F. Goodrich.

Anh nghĩ, mình thậm chí còn chẳng thích ô tô nữa. Khi còn ở New Haven, anh cũng có một chiếc VW Bug cổ. Rõ ràng là tâm trí đang cuống lên của anh đang cố tránh một sự thật chẳng mấy thú vị – một thứ anh không hề muốn đối mặt.

Mạo hiểm.

“Thế là chúng ta cứ đổ nước vào những cái thùng này vào phút cuối, và cầu nguyện?” Stern nói.

“Chính xác,” Gordon nói. “Đó là những gì chúng ta sẽ phải làm. Tôi nghĩ nó có hơi dựng tóc gáy một chút. Nhưng sẽ ổn thôi.”

“Thế còn lựa chọn thay thế?” Stern nói.

Gordon lắc đầu. “Chặn đường về của họ. Không để bạn của các anh quay lại. Mang những tấm kính mới xuống đây, những tấm kính không bị lỗi ấy, và làm lại.”

“Thế sẽ mất bao lâu?”

“Hai tuần.”

“Không,” Stern nói. “Chúng ta không thể làm thế được. Chúng ta phải làm đến cùng.”

“Đúng thế,” Gordon nói. “Chúng ta sẽ phải làm.”



**02:55:14**

Marek và Johnston trèo lên những bậc cầu thang xoắn ốc. Trên đầu cầu thang, họ gặp de Kere, trông đầy vẻ thỏa mãn. Họ đứng lại lần nữa trên bức tường thành bề thế của La Roque, Oliver đang ở đó, đi đi lại lại, mặt đỏ bừng vì tức giận.

“Các người có người thấy không?” hắn ta hét lên, chỉ tay về phía cánh đồng, nơi đội quân của Arnaut đang hành quân.

Giờ đã sẫm tối; mặt trời đã lặn, và Marek đoán là chắc đã sáu giờ tối. Nhưng trong ánh sáng chập choạng, họ thấy đội quân của Arnaut giờ có tới một tá máy bắn đá đã được lắp hoàn chỉnh và được xếp ra thành những hàng xen kẽ trên cánh đồng bên dưới. Sau mũi tên gây cháy làm mẫu đầu tiên, họ đã dịch những cỗ máy đó ra cách nhau xa hơn, để lửa không thể lan rộng ra từ một cỗ máy.

Sau những chiếc máy bắn đá là một khoảng đất có đặt những giàn gỗ, những nhóm lính túm tụm xung quanh mấy đống lửa nghi ngút khói. Và ở cuối khu đất là hàng trăm chiếc lều lính được dựng tựa vào lẫn ranh đen như mực của cánh rừng.

Marek nghĩ, thế này trông có vẻ cũng hoàn toàn bình thường. Mở màn một trận vây thành. Anh ta không thể hình dung nổi là Oliver lại buồn bực vì điều gì.

Một mùi khét rất đặc trưng từ phía những ngọn lửa kia bay dạt về chỗ họ. Nó làm Marek nhớ tới mùi những người sửa mái nhà tạo ra. Và lý do cũng dễ hiểu: cùng một chất thôi. “Tôi có thấy, thưa ngài,” Johnston nói. “Đấy là hắc ín.”

Nét mặt vô cảm của Johnston chứng tỏ rằng ông cũng chẳng hiểu vì sao Oliver lại bực mình. Trong những trận vây thành thì ném hắc ín đun sôi vào tường thành chỉ là một chiêu bình thường.

“Đúng, đúng,” Oliver nói, “là hắc ín. Dĩ nhiên đây là hắc ín. Nhưng không *chỉ có thể*. Ngài có nghĩ thấy không? Chúng đang trộn *thứ gì đó* với hắc ín.”

Marek hít hít không khí, nghĩ Oliver có vẻ đúng. Khi bị đốt cháy, hắc ín nguyên chất có xu hướng bị tắt nhanh. Thế nên hắc ín thường được trộn với các chất khác – dầu, xơ gai hoặc lưu huỳnh – để tạo ra hỗn hợp cháy tốt hơn.

“Có, thưa ngài,” Johnston nói. “Tôi có nghĩ thấy.”

“Và nó là gì vậy?” Oliver nói gần như buộc tội.

“*Ceraunia*, tôi nghĩ vậy.”

“Cũng còn được gọi là ‘đá sét’ nhỉ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Và chúng ta có dùng loại đá sét này không?”

“Không, thưa ngài...” Johnston đang định nói.

“A! Ta cũng nghĩ thế.”

Oliver giờ đang gật đầu với de Kere, như thể những nghi ngờ của chúng đã được chứng nhận. Rõ ràng là de Kere đứng đằng sau chuyện này.

“Thưa ngài,” Johnston nói, “chúng ta không cần đá sét. Chúng ta có loại đá tốt hơn. Chúng ta dó lưu huỳnh nguyên chất.”

“Nhưng lưu huỳnh thì không giống thế.” Hãn lại liếc thêm cái nữa về phía de Kere.

“Thưa ngài, đúng là thế. Đá sét là pyrite kerdonienne. Khi được giã kỹ nó sẽ trở thành lưu huỳnh.”

Oliver khịt mũi. Hãn đi đi lại lại. Mặt hằm hằm.

“Và làm thế nào mà,” cuối cùng hãn cũng nói, “Arnaut có được thứ đá sét này?”

“Tôi không rõ,” Johnston nói, “nhưng đá sét rất quen thuộc với binh lính. Nó thậm chí còn được nhắc tới trong sách của nhà sử học Pliny nữa.”

“Ngài dùng mách khoé trốn tránh ta, Học giả. Ta không nói gì tới Pliny hết. Ta nói về Arnaut. Tên đó là một con lợn vô học. Hẳn chẳng biết gì về *ceraunia* hay đá sét hết.”

“Thưa ngài...”

“*Trừ khi hẳn ta được giúp,*” Oliver nói với vẻ đầy nham hiểm. “Những trợ lý của ngài giờ ở đâu rồi?”

“Trợ lý của tôi?”

“Nào, nào, Học giả, đừng tránh né ta thêm nữa.”

“Một thì đang ở đây,” Johnston nói, chỉ về phía Marek. “Tôi nghĩ rằng người thứ hai đã chết, và tôi chẳng có tin tức gì về người thứ ba hết.”

“Và ta tin,” Oliver nói, “các người biết rất rõ là họ đang ở đâu. Cả hai người bọn họ đều đang ở chỗ trại của Arnaut, ngay khi chúng ta đang nói chuyện đây. Đó là lý do tại sao hẳn lại có được thứ đá thần bí này.”

Marek càng nghe càng cảm thấy không ổn. Thần kinh của Oliver chưa bao giờ có vẻ thực sự là ổn định, cả trong những thời điểm dễ chịu hơn. Giờ, phải đối mặt với cuộc tấn công đang đến gần, hẳn ta càng trở nên hoang tưởng nặng – lại còn được đổ thêm dầu nhờ de Kere, Oliver trở nên đồng bóng và đáng sợ.

“Thưa ngài...” Johnston cất tiếng.

“Và thêm nữa, ta tin điều ta đã nghi ngờ ngay từ đầu! Người là tay chân của Arnaut, vì người đã ở ba ngày trong tu viện Sainte-Mère, và tu viện trưởng cũng là tay sai của Arnaut.”

“Thưa ngài, mong ngài nghe...”

“Ta không nghe! Người mới phải nghe. Ta tin rằng người chống lại ta, rằng người, hoặc trợ lý của người, biết lối đi bí mật dẫn vào lâu đài của ta, dù người có phủ nhận thế nào đi nữa, và rằng người đang lập kế hoạch trốn vào lúc sớm nhất có thể – có thể là ngay tối nay, nhân đợt tấn công của Arnaut.”

Marek cố không tỏ thái độ gì. Đây dĩ nhiên chính là những gì họ định làm, nếu Kate có thể tìm được cửa vào đường hầm bí mật.

“A ha!” Oliver nói, chỉ vào Marek. “Thấy chưa? Cầm hẳn nghiêng lại kìa. Rõ ràng hẳn biết những gì ta nói là sự thật.”

Marek định nói, nhưng Johnston giơ tay ngăn lại. Giáo sư không nói gì hết, chỉ lắc đầu.

“Gì thế? Người lại ngăn hẳn thú tội à?”

“Không, thưa ngài, vì những giả thiết của ngài là không đúng.”

Oliver hăm hăm đi đi lại lại. “Thế đưa cho ta thứ vũ khí ta bảo người làm từ lúc trước đi.”

“Thưa ngài, chúng chưa xong.”

“A!” Thêm một cái gạt đầu nữa về phía de Kere.

“Thưa ngài, nghiên chỗ bột đó mất rất nhiều thời gian.”

“Tốn nhiều thời gian quá, sẽ quá muộn mất.”

“Thưa ngài, sẽ kịp thôi.”

“Người nói dối, người nói dối, người *nói dối*,” Oliver xoay người, giậm chân, nhìn chăm chăm về phía những chiếc máy công thành. “Nhìn ra khu đất kia đi. Nhìn xem bọn chúng bày trận thế nào. Giờ trả lời ta, Học giả. *Hẳn ta đâu?*”

Có một khoảng lặng. “Ai ở đâu cơ, thưa ngài?”

“Arnaut! *Arnaut ở đâu?* Đội quân của hẳn đang dàn trận để tấn công. Hẳn luôn dẫn đầu chúng. Nhưng giờ hẳn không ở đó. Hẳn ở đâu?”

“Thưa ngài, tôi không rõ...”

“Phù thủy xứ Eltham ở đằng kia – thấy cô ta chưa, đứng cạnh mấy cái máy? Người thấy chưa? Cô ta đang nhìn chúng ta kìa. Con đàn bà đáng nguyên rủa.”

Marek vội quay ra nhìn. Claire đúng là đang ở dưới chỗ đội quân kia, đi cùng với ngài Daniel. Marek thấy tim mình đập nhanh hơn, dù anh cũng không chắc tại sao cô lại đi gần chỗ quân vây thành như thế. Cô đang nhìn lên tường. Và thành linh cô đột ngột dừng lại. Và anh nghĩ, khá chắc chắn, rằng cô đã nhìn thấy mình. Anh suýt nữa vẫy tay chào, nhưng dĩ nhiên là anh không làm thế. Không thể làm thế trong khi Oliver khụt khịt và phun phì phì bên cạnh. Nhưng anh nghĩ, Mình sẽ rất nhớ cô ấy khi trở lại hiện tại đây.

“Phu nhân Claire,” Oliver găm gừ, “là gián điệp của Arnaut, ngay từ đầu đã thế rồi. Cô ta đã để người của hắn vào Castलगard. Tất cả đều đã được sắp đặt sẵn, không nghi ngờ gì nữa, với cái tay tu viện trưởng xảo quyệt kia. Nhưng cái tên khốn ấy đâu rồi? Con lợn Arnaut ấy đâu rồi? Không thấy đâu hết.”

Một sự im lặng thật khó chịu. Oliver mỉm cười đầy hắc ám.

“Thưa ngài,” Johnston cất tiếng nói. “Tôi có thể hiểu được nỗi lo của ngài...”

“Người chẳng hiểu cái gì hết!” Hắn giậm chân thành thịch và nhìn chăm chăm vào họ. Rồi, “Cả hai người các người. Đi cùng ta.”

\*

\*

Mặt nước tối đen và nhơm nhớp, và dù cách tới hơn mười mét bên trên, họ vẫn ngửi thấy mùi hôi thối. Họ đang đứng cạnh một cái hố tròn, sâu dưới tận đáy lâu đài. Khắp xung quanh họ, những bức tường tối đen và ẩm ướt, chỉ được chiếu sáng lờ mờ nhờ những ngọn đuốc lập lòe.

Được Oliver ra hiệu, một người lính đứng cạnh cái hố bắt đầu bẫy một cái tời sắt. Kêu leng keng, một sợi dây xích nặng nề bắt đầu trôi lên từ dưới nước.

“Họ gọi đây là Bồn tắm của Quý phu nhân,” Oliver nói. “Nó được François le Gros thiết kế, lão có sở thích với mấy thứ này. Người ta nói rằng Henri de Renaud bị giam ở đây mười năm trước khi lão chết. Họ ném chuột cống lên người lão, lão giết và ăn sống. Trong mười năm.”

Mặt nước gợn sóng, một chiếc lồng kim loại nặng nề trôi lên khỏi mặt nước và cứ thế được kéo lên không trung, nước nhỏ tong tong. Những thanh sắt có màu đen và trông thật bẩn thỉu. Mùi hôi thối không thể chịu được.

Nhìn nó trôi lên, Oliver nói, “Khi ở Castelgard ta đã hứa với ngài, Học giả, là nếu ngài lừa ta, ta sẽ giết ngài. Ngài sẽ được tắm trong Bồn tắm của Quý phu nhân đây.”

Hắn trân trối nhìn họ, mắt dại đi.

“Thú nhận đi.”

“Thưa ngài, chẳng có gì để thú nhận hết.”

“Thế thì người cũng chẳng có gì phải sợ. Nhưng nghe đây, Học giả. Nếu ta phát hiện ra rằng người, hoặc các trợ lý của người, biết lối vào lâu đài này, ta sẽ nhốt người vào đây, nơi người không bao giờ có thể thoát ra được, suốt cả đời, và ta sẽ để người ở đây, trong bóng tối, cho người chết đói và thối rữa mãi mãi.”

Cầm ngọn đuốc đứng trong góc, Robert de Kere cho phép mình nở một nụ cười.

## 02:22:13

Những bậc cầu thang dẫn xuống dưới thật dốc, tối thui. Kate đi trước, gió cao ngọn đuốc. Chris theo sau. Họ qua một lối đi hẹp, gần như là một đường hầm, có vẻ như là do con người tạo nên, và rồi đi vào một gian phòng rộng hơn nhiều. Đây là một cái hang tự nhiên. Chỗ nào đó phía trên bên trái, họ thấy một luồng sáng tự nhiên nhạt nhòa phát ra; chắc chắn phải có một cửa vào hang ở đằng đó.

Mặt đất phía trước họ vẫn thoải dần xuống. Trước mặt, cô thấy một cái hồ lớn nước đen ngòm và nghe thấy tiếng nước sông chảy. Trong hang bốc mùi chua chua, như mùi nước tiểu. Cô bò qua những tảng đá lớn đến khi tới được chỗ cái hồ nước đen. Có một dải cát nhỏ ở quanh mép nước.

Và trên bãi cát, cô thấy một dấu chân.

Vài dấu chân.

“Không mới,” Chris nói.

“Đường đâu rồi?” Cô nói. Giọng cô vang vọng trong hang. Rồi cô thấy, về phía tay trái, một khoảng tường đá đã được cắt gọt bằng tay, tạo thành một cái hõm để đi vòng quanh và vượt qua cái hồ.

Cô tiến về phía trước.

Hang động chẳng là gì với cô. Cô đã vào trong vài cái hang ở Colorado và New Mexico với nhóm bạn leo núi của mình rồi. Kate đi dọc con đường nhỏ, thấy dấu chân ở một vài chỗ, và những vết sọc mờ trên đá có thể là do vũ khí rạch vào.

“Anh biết đấy,” cô nói, “cái hang này không thể dài đến thế nếu người ta chỉ dùng nó để đưa nước vào lâu đài trong một cuộc vây thành.”

“Nhưng họ không làm thế,” Chris nói. “Lâu đài có một nguồn cung cấp nước khác. Họ có thể dùng để đưa thức ăn, hoặc những thứ khác.”

“Dù thế đi nữa. Họ có thể đi xa đến mức nào chứ?”

“Vào thế kỷ mười bốn,” Chris nói, “nông dân chẳng nghĩ ngợi gì về chuyện phải đi hai mươi dặm một ngày, và thỉnh thoảng còn hơn thế đâu. Thậm chí cả những người hành hương cũng đi mười hai hoặc mười lăm dặm một ngày, mà những nhóm đó gồm có cả phụ nữ và người già nữa”

“Đường hầm này có thể dài tới mười dặm,” anh nói. Rồi anh lại nói thêm, “Nhưng tôi hy vọng là không phải thế.”

Khi đi qua chỗ đá nhô ra, họ thấy một đoạn đường hầm queo khỏi cái hồ tối đen kia; Đường hầm cao gần hai mét và rộng khoảng một mét. Nhưng ở mép của cái hồ đen kia, có một cái thuyền gỗ được neo vào đó. Một cái thuyền nhỏ, giống kiểu thuyền chèo. Nó va nhẹ vào bãi đá.

Kate quay lại. “Anh nghĩ gì? Đi bộ hay lên thuyền?”

“Đi thuyền,” Chris nói.

Họ trèo lên thuyền. Có mấy cái mái chèo. Cô cầm đuốc còn anh chèo thuyền, và họ tiến về trước nhanh đến đáng ngạc nhiên, vì thuận dòng. Họ đang ở trên con sông ngầm.

Kate đang lo về chuyện thời gian. Cô đoán rằng có lẽ họ chỉ còn hai tiếng nữa. Có nghĩa là họ phải vào được trong lâu đài, nhập bọn với Giáo sư và Marek, và ra được khoảng trống nào đó đủ rộng để có thể gọi cỗ máy đến – tất cả mọi việc phải xong trong hai giờ đồng hồ.

Cô rất hài lòng vì dòng chảy nhanh, nó giúp họ lướt nhanh vào hang hơn. Ngọn đuốc trên tay cô bập bùng và nổ tí tách. Rồi họ nghe thấy một tiếng sột soạt nhẹ, như giấy bị cuốn trong gió. Tiếng động càng lúc càng lớn hơn. Họ nghe thấy một tiếng chít, như tiếng chuột kêu.

Nó đến từ chỗ nào đó ở sâu trong động.

Cô bối rối nhìn Chris.

“Tối rồi,” Chris nói, và rồi cô bắt đầu thấy chúng – lúc đầu chỉ có vài con, rồi cả một đàn dơi bay ra khỏi hang, một dòng sông màu nâu trôi giữa khoảng không phía trên chiếc thuyền của họ. Cô thấy gió thổi từ hàng trăm cánh dơi đang vun vút đập.



Đàn hơi tiếp tục xuất hiện trong vài phút và rồi không gian lại im lặng, chỉ còn tiếng đuốc cháy tanh tách.

Họ lướt về phía trước, xuôi theo dòng sông tối đen.

\*

\*

Ngọn đuốc của cô chập chờn, rồi tàn dần. Cô nhanh chóng châm một trong những ngọn đuốc Chris mang theo từ nhà nguyện. Anh đã mang theo bốn ngọn đuốc, và giờ họ còn lại ba. Liệu ba ngọn có đủ giúp họ lên được trên mặt đất không? Họ sẽ làm gì nếu ngọn đuốc cuối cùng tắt mà họ vẫn còn xa – có lẽ là tới hàng dặm nữa? Liệu họ có mất hàng ngày trời mò mẫm bò trong bóng tối, dò dẫm tìm đường hay không? Liệu họ có thể ra được không, hay họ sẽ chết ở đây, trong bóng tối.

“Thôi đi,” Chris nói

“Thôi cái gì?”

“Nghĩ về việc đó,” Chris nói.

“Nghĩ về cái gì?”

Chris mỉm cười với cô. “Chúng ta đang rất ổn. Chúng ta sẽ làm được thôi.”

Cô chẳng hỏi là tại sao anh lại biết. Nhưng cô thấy vui khi nghe những lời anh nói, dù đó chỉ là những lời bông quơ.

Họ đang đi qua một đoạn hầm ngoằn ngoèo, rất thấp, nhưng, giờ hang đã mở ra một khoảng không lớn, một cái hang mở rộng vào bên trong, với nhũ đá rủ xuống từ trên trần, ở vài nơi còn chạm cả xuống đất, và thậm chí nhúng cả xuống nước. Khắp mọi nơi ánh sáng chập choạng của ngọn đuốc cứ chìm vào bóng tối. Tuy thế cô vẫn nhìn thấy một lối đi dọc theo bờ sông. Rõ ràng có một lối đi chạy dọc theo toàn bộ chiều dài hang.

Sông hẹp dần lại, và chảy mạnh hơn, uốn mình qua nhũ đá. Nó làm cô nhớ tới đầm lầy ở Louisiana, trừ việc nó hoàn toàn nằm dưới lòng đất. Gì thì gì, họ cũng đang tiến lên một cách khá thuận lợi; cô bắt đầu thấy tự tin hơn. Với tốc độ này, họ thậm chí còn có thể đi được mười dặm trong vài phút. Họ có thể hoàn thành trước cái hạn chót hai giờ kia. Thực tế, họ có thể dễ dàng làm được thế.

Tai nạn xảy ra quá nhanh, cô gần như không nhận ra rằng nó đã xảy ra. Chris nói “Kate!”, và đúng lúc cô quay lại thì một cái nhũ đá sượt qua tai, đầu cô đập mạnh vào tảng đá, cây đuốc cũng đập vào theo – đầu mảnh vải đang cháy rực tuột khỏi thanh gỗ, và thật chậm đến đáng sợ, cô nhìn nó rơi xuống mặt nước, hòa cùng hình ảnh phản chiếu của nó. Nó chập chờn, rít lên rồi phụt tắt.

Họ ở trong bóng tối đen kịt.

Cô thờ hắt ra.

Cô chưa bao giờ phải ở trong bóng tối như thế. Chẳng có chút ánh sáng nào hết. Cô nghe tiếng nước nhỏ giọt, cảm nhận luồng gió lạnh lạnh, sự mênh mêng của không gian xung quanh. Chiếc thuyền vẫn đang trôi; họ thỉnh thoảng lại bị đập vào các nhũ đá. Cô nghe thấy một tiếng gầm gừ, chiếc thuyền rung điên đảo, và nghe thấy một tiếng tồm lớn từ phía đuôi thuyền.

“Chris?”

Cô cố chống lại sự hoảng loạn.

“Chris?” cô nói. “Chris, chúng ta làm gì bây giờ?”

Giọng cô vang vọng trong hang.

## 01:33:00

Giờ đã là sấm tối, bầu trời chuyển dần từ xanh đậm sang đen, những ngôi sao bắt đầu xuất hiện với số lượng lớn hơn. Những lời đe dọa và huênh hoang đã tạm lắng xuống, lãnh chúa Oliver giờ đã đi cùng de Kere vào đại sảnh để dùng bữa tối. Từ trong phòng, họ nghe thấy tiếng quát tháo và tiếng nốc ừng ực; các hiệp sĩ của Oliver đang uống rượu trước trận chiến.

Marek đi cùng với Johnston quay lại kho vũ khí. Anh liếc nhìn đồng hồ tính giờ. Nó chỉ 01:32:14. Giáo sư không hỏi anh xem còn bao nhiêu thời gian, và anh cũng chẳng định nói. Đó là lúc anh nghe thấy một tiếng vút. Những người lính trên tường thành hét lên khi một đồng lửa khổng lồ bay qua những bức tường, phần phật trong không khí, và bay xuống chỗ họ nơi góc sân trong.

“Đã bắt đầu rồi,” Giáo sư bình tĩnh nói.

Cách họ hai mươi mét, ngọn lửa đổ xuống đất. Marek thấy đó là một con ngựa chết, hai chân giơ ra cứng đờ trong ngọn lửa. Anh ngửi thấy mùi lông và thịt cháy. Mỡ nổ đôm đốp và bắn tung tóe.

“Chúa ơi,” Marek nói.

“Chết lâu rồi,” Johnston nói, chỉ vào mấy cái chân cứng đờ. “Họ hay ném xác động vật qua tường thành. Chúng ta sẽ còn thấy nhiều chuyện đáng sợ hơn thế trước khi hết đêm đây.”

Lính mang nước chạy ra để dập lửa. Johnston vào lại trong phòng chế bột. Năm mươi người đàn ông vẫn đang ở đó, nghiền bột. Một trong số họ đang trộn một chiếc bát lớn đầy nhựa cây và vôi sống, tạo ra một chất nhão nhão màu nâu.

Marek nhìn họ và lại nghe thấy một tiếng vút nữa ở bên ngoài. Cái gì đó nặng nề đập lên mái nhà; tất cả những ngọn nến trên những ô cửa sổ đều rung lên bần bật. Anh nghe thấy người quát gọi, tiếng chân chạy lên mái nhà.

Giáo sư thở dài. “Lần thứ hai thì họ ném trúng rồi,” ông ấy nói. “Đây chính là điều thầy đã sợ.”

“Gì ạ?”

“Arnaut biết ở đây có kho vũ khí, và ông ta biết đại khái nó ở đâu – em có thể thấy nếu em trèo lên đồi. Arnaut biết rằng căn phòng này sẽ chất đầy thuốc súng. Nếu ông ta có thể ném chất gây cháy trúng vị trí này, ông ta sẽ biết là mình có thể gây tổn thất lớn đấy.”

“Nó sẽ phát nổ,” Marek nói, nhìn quanh những bao thuốc súng. Dù hầu hết các loại thuốc súng thời Trung Cổ không phát nổ, họ đã chứng minh được rằng chỗ thuốc súng này của Oliver có thể làm nổ tung cả một khẩu thần công.

“Phải, nó sẽ nổ đấy,” Johnston nói. “Và rất nhiều người trong lâu đài sẽ phải chết; sẽ có lộn xộn, và một ngọn lửa lớn sẽ bùng lên ở sân chính. Có nghĩa là lính sẽ phải bỏ tường thành xuống dập lửa. Và nếu anh đưa người đi khỏi tường thành trong khi đang bị vây thành thì...”

“Arnaut sẽ trèo vào.”

“Ngay lập tức, đúng thế.”

Marek nói, “Nhưng liệu Arnaut có thể thực sự đưa chất phóng hỏa vào trong gian phòng này được không? Những bức tường đá kia phải dày đến hơn nửa mét ấy.”

“Ông ta sẽ không vào qua cửa đâu. Mái nhà kia.”

“Nhưng làm thế nào...”

“Ông ta có súng thần công,” Giáo sư nói. “Và đạn sắt. Ông ta sẽ đốt thật nóng những quả đạn, rồi bắn chúng qua tường thành, sao cho trúng kho đạn này. Một quả đạn hơn hai mươi cân có thể rạch nát trần nhà và rơi vào trong đây. Khi chuyện đó xảy ra, chúng ta sẽ không muốn ở đây đâu.” Ông cười gượng. “Kate ở chỗ quái nào rồi?”

## 01:22:12

Cô chìm trong bóng tối. Một cơn ác mộng, cô vừa nghĩ vừa khom người trên thuyền, cảm thấy nó trôi theo dòng và đập vào hết nhũ đá này đến nhũ đá khác. Dù có làn gió mát, cô vẫn bắt đầu đổ mồ hôi. Tim đập thình thịch. Hơi thở hỗn hển; cô thấy như mình không thể thở bình thường được.

Cô đang hoảng sợ. Cô chuyển trọng tâm, và chiếc thuyền chòng chành một cách đáng báo động. Cô dang cả hai tay ra để giữ nó ổn định lại. Cô gọi, “Chris?”

Cô nghe thấy có tiếng đập nước từ trong bóng tối đằng xa. Như là tiếng ai đó đang bơi vậ.

“Chris?”

Từ khoảng cách khá xa: “Đây.”

“Anh ở đâu?”

“Tôi bị ngã.”

Anh có vẻ đang ở rất xa. Dù Chris có ở đâu đi nữa, cô cũng đang càng lúc càng trôi xa anh hơn. Cô chỉ có một mình. Cô phải kiếm được ánh sáng. Bằng cách nào cô cũng phải kiếm được ánh sáng. Cô bắt đầu bò lại chỗ đuôi thuyền, đưa hai tay ra quờ quạng, mong rằng những ngón tay mình sẽ có thể chạm vào một trong những ngọn đuốc còn lại. Con thuyền lại chòng chành lần nữa.

*Chết tiệt.*

Cô dừng lại, chờ nó ổn định.

Những ngọn đuốc khác đâu hết rồi? Cô nghĩ chúng ở giữa thuyền. Nhưng cô chẳng thấy chúng đâu hết. Cô sờ thấy mấy cái mái chèo. Cô sờ thấy sàn thuyền. Nhưng không thấy bất kỳ ngọn đuốc nào.

Có phải chúng đã rơi ra khỏi thuyền cùng với Chris không?

Ánh sáng. Cô phải có ánh sáng.

Cô lục cái túi chỗ thắt lưng, quờ quạng mở ra, nhưng rồi cũng chẳng xác định được trong đó có gì. Có những viên con nhộng... cái bình... những ngón tay của cô chạm vào một khối lập phương, giống một cục đường. Nó là một trong những viên lập phương đỏ! Cô lấy nó ra và kẹp vào giữa hai hàm răng.

Rồi cô lấy con dao găm ra và cắt ống tay của chiếc áo chùng, xé một đoạn dài khoảng ba mươi xăng ti mét. Cô bọc chỗ vải này quanh cục màu đỏ và kéo sợi dây.

Cô chờ đợi.

Chẳng có gì xảy ra hết.

Có thể viên đó đã bị thấm nước khi cô rơi xuống sông ở chỗ cối xay. Những viên lập phương này có khả năng chống thấm nước, nhưng cô đã ở dưới nước một thời gian khá dài. Hoặc có lẽ nó bị hỏng. Cô phải thử một viên khác. Cô còn một viên nữa. Vừa định thò tay vào túi lần nữa, thì chỗ vải trong tay cô bốc cháy.

“Ôi!” Cô thét lên. Tay bỏng rát. Cô đã không suy xét kỹ lắm. Nhưng cô không chịu thả nó ra; nghiêng chặt răng, giơ nó lên qua đầu, ngay lập tức cô nhìn thấy mấy ngọn đuốc ở bên phải, bị đẩy ra chỗ mạn thuyền. Cô với lấy một ngọn, châm nó vào mảnh vải đang bốc cháy, và cây đuốc bắt lửa. Cô thả miếng vải xuống sông và nhúng vội tay xuống nước.

Tay cô rất đau. Cô nhìn kỹ hơn; da bị đỏ ửng lên nhưng cũng không có vẻ gì là tệ lắm. Lờ cơn đau ấy đi. Cô sẽ tính đến nó sau.

Cô quơ ngọn đuốc lên; Cô đang bị bao quanh bởi hàng loạt những cái nhũ đá màu trắng nhờ rủ xuống dòng sông. Giống như đang ở trong cái miệng khép hờ của một loài cá khổng lồ và di chuyển giữa hai hàm răng của nó. Chiếc thuyền đập hết qua cái răng này đến cái răng kia.

“Chris?”

Giọng nói từ đằng xa: “Đây.”

“Anh có thấy đuốc của tôi không?”

“Có.”

Cô với tay bám vào một cái nhũ đá, cảm nhận bề mặt trơn trượt, mịn như phấn của nó. Cô dừng thuyền lại được. Nhưng không thể chèo lại chỗ Chris, vì cô phải giữ đuốc.

“Anh có ra được chỗ tôi không?”

“Có.”

Cô nghe tiếng anh đập nước ở nơi nào đó xa phía sau.

\*

\*

Khi anh đã lên được thuyền, người ướt nhẹp nhưng tươi cười, cô bỏ tay ra khỏi cái nhũ đá và họ bắt đầu tiếp tục nương theo dòng. Họ mất thêm vài phút nữa trong rừng nhũ đá, và cuối cùng lại tiến vào một cái hang lớn nữa. Dòng chảy xiết hơn. Từ chỗ nào đó phía trước, họ nghe thấy có tiếng âm âm. Có vẻ đó là một thác nước.

Nhưng rồi cô thấy một thứ làm tim cô nhảy dựng lên. Nó là một tảng đá lớn chắn bên sông. Cạnh của nó bị mòn do vết buộc thừng. Nó rõ ràng được dùng để buộc thuyền.

“Chris...”

“Tôi thấy rồi.”

Cô thấy thứ giống như một con đường mòn phía sau tảng đá, nhưng không chắc chắn. Chris lái vào một bên, và họ neo thuyền lại rồi trèo ra. Có một con đường thật, dẫn vào một đường hầm có những bức tường phẳng phiu được đẽo gọt bằng tay. Họ đi vào đường hầm. Cô giơ ngọn đuốc ra phía trước.

Cô nín thở.

“Chris? Có bậc thang.”

“Gì cơ?”

“Bậc thang, cắt vào đá. Cách khoảng mười lăm mét.” Cô đi nhanh hơn. Cả hai cùng đi nhanh hơn. “Đúng ra,” cô nói, giọng cao ngạo hơn nữa, “hơn cả một bậc thang ấy. Đó là một cái cầu thang.”

Dưới ánh nến, chậm chạp, họ thấy có hơn chục bậc thang, dốc nghiêng lên trên, không có tay vịn, dừng lại trước một cái trần đá – một cánh cửa bí mật có năm cửa bằng sắt.

Cô đưa cây đuốc cho Chris, rồi đi vội lên cầu thang. Cô kéo cái nắm cửa, nhưng chẳng có gì xảy ra hết. Cô đẩy nó, lấy vai huých vào nó.

Cô nâng tảng đá lên được một phân.

Cô thấy một tia sáng màu vàng, chói đến nỗi cô phải nheo mắt lại. Cô nghe thấy tiếng bùng bùng của một ngọn lửa gần đó, và tiếng đàn ông cười. Rồi cô không thể giữ được thêm nữa, tảng đá lại trở về vị trí cũ.

Chris đã lên cầu thang và đứng đằng sau cô. “Bật tai nghe lên đi,” anh nói, chạm vào tai.

“Anh nghĩ thế thật à?”

“Chúng ta phải liều thôi.”

Cô chạm vào tai, nghe thấy tiếng cạch. Cô nghe thấy nhịp thở của Chris, được phóng đại lên vì anh đang đứng ngay bên cạnh trên cái gờ hẹp.

Cô nói, “Tôi sẽ đi trước.” Cô thò tay vào túi, lấy chip định vị ra, đưa nó cho anh. Anh cau mày. Cô nói, “Chỉ đề phòng thôi mà. Chúng ta không biết có chuyện gì đang xảy ra ở bên kia.”

“Được rồi.” Chris đặt cây đuốc xuống, rồi lại tựa vai vào cánh cửa. Hòn đá kêu rảng rặc và dịch lên trên. Cô chui qua khe hở, rồi giúp anh nhẹ nhàng mở cả cánh cửa ra và hạ nó xuống nền nhà.

Họ đã làm được.

Họ đã vào được trong La Roque.



## 01:13:52

Robert Doniger xoay người lại, cầm chiếc micro trong tay. “Tự hỏi chính bản thân mình xem,” gã nói trước khán phòng vắng lặng, tối tăm. “Phương thức trải nghiệm chủ yếu vào cuối thế kỷ hai mươi là gì? Con người nhìn mọi thứ bằng cách nào, và họ trông đợi được nhìn mọi thứ theo cách nào? Câu trả lời rất đơn giản. Trong tất cả các lĩnh vực, từ kinh doanh tới chính trị, từ tiếp thị cho tới giáo dục, phương thức trải nghiệm chủ yếu chính là qua giải trí.”

Ở phía bên kia sân khấu hẹp, ba buồng nhỏ đã được dựng sẵn, xếp thành hàng. Mỗi buồng có một chiếc bàn, một chiếc ghế, và một ly nước. Mỗi buồng được mở ra ở mặt trước, sao cho người trong đó chỉ có thể nhìn thấy mỗi Doniger, chứ không thấy những người trong các buồng khác.

Đây là cái cách Doniger áp dụng trong mọi lần thuyết trình. Đó là một mẹo gã học được nhờ những bài học tâm lý về áp lực ngang cấp. Mỗi người đều biết có người ở trong những chiếc buồng khác, nhưng không thể nhìn hay nghe thấy họ được. Và việc đó tạo một áp lực rất lớn lên người nghe. Vì họ phải bận tâm lo lắng xem những người kia đang định làm gì. Họ phải lo xem những người kia có đầu tư hay không.

Gã đi đi lại lại trên bục diễn thuyết. “Ngày nay, tất cả mọi người đều mong muốn được giải trí, và họ mong muốn được giải trí bất cứ lúc nào. Những buổi họp kinh doanh phải sôi động, với những đầu mục và những biểu đồ sống động, để các thành viên ban quản trị không thấy tẻ nhạt. Các cửa hiệu và trung tâm mua sắm cũng phải cuốn hút, để vừa có thể bán được hàng lại vừa làm chúng ta cảm thấy thoải mái. Những chính trị gia cũng phải thể hiện mình hấp dẫn trên băng hình và chỉ nói cho chúng ta nghe những gì chúng ta muốn nghe. Trường học phải cẩn thận không được để đầu óc trẻ thơ vốn luôn háo hức với tốc độ và sự tinh tế của truyền hình phải thấy buồn tẻ. Sinh viên phải thấy thích thú – tất cả mọi người phải thấy thích thú, nếu không họ sẽ chuyển: chuyển nhãn hiệu, chuyển kênh, chuyển đảng, chuyển

lòng trung thành. Đây chính là hiện thực trí tuệ của xã hội phương Tây vào cuối thế kỷ.

“Vào những thế kỷ trước, con người muốn được cứu rỗi, hoặc muốn được tiến bộ, hoặc muốn được giải phóng, hoặc muốn được giáo dục. Nhưng trong thế kỷ của chúng ta, họ muốn được tiêu khiển. Nỗi sợ hãi lớn nhất không phải là bệnh tật hay cái chết, mà là buồn tẻ. Cảm nhận được thời gian có trong tay, cảm nhận được việc chẳng có gì để làm. Cảm nhận rằng chúng ta không được giải trí.

“Nhưng sự cuồng nhiệt đòi các thú giải trí này sẽ kết thúc ở đâu? Người ta sẽ làm gì khi đã chán ghét ti vi? Khi chán ghét phim ảnh? Chúng ta đã có câu trả lời rồi – họ dẫn thân vào những hoạt động thúc đẩy sự tham gia của cá nhân: thể thao, đi công viên giải trí, đi tàu lượn. Những trò vui có tổ chức, những trò rùng rợn đã được hoạch định sẵn. Và họ sẽ làm gì khi đã chán các công viên giải trí và trò chơi được lập trình sẵn? Sớm muộn gì thì những kỹ xảo này cũng trở nên dễ nhận ra. Họ bắt đầu nhận thấy rằng công viên giải trí thực chất là một dạng nhà tù, nơi bạn phải trả tiền để được làm một tù nhân.

“Trò lừa gạt này sẽ làm họ phải đi tìm những giá trị chân thực. *Giá trị chân thực* sẽ là thuật ngữ thông dụng của thế kỷ hai mốt. Và chân thực là gì? Tất cả những gì được tạo ra và thiết kế không phải để thu lợi nhuận. Tất cả những gì không bị điều khiển bởi các tập đoàn. Tất cả những gì tồn tại chỉ vì bản thân nó, có hình dạng của chính nó. Nhưng dĩ nhiên, chẳng thứ gì trong thế giới hiện đại lại được phép giữ nguyên hình dạng của chính nó hết. Bản thân thế giới hiện đại có thể được coi là tương đương với một khu vườn cảnh, nơi tất cả mọi thứ đều được trồng và sắp xếp để đạt được một hiệu quả nào đó. Nơi không có gì là chưa bị đụng tới, nơi không có gì là thực hết.

“Vậy, con người sẽ phải tìm kiếm những trải nghiệm hiếm có và đáng khao khát về giá trị chân thực ở nơi nào đây? Họ sẽ quay về với quá khứ.

“Việc quá khứ mang giá trị chân thực là điều không phải bàn cãi. Quá khứ là một thế giới đã tồn tại trước cả khi Disney, Murdoch, Nissan, Sony,

IBM và tất cả những tổ chức đang định hình hiện tại này ra đời. Quá khứ đã ở đây trước khi họ tồn tại. Quá khứ đã thịnh suy mà không có sự xâm phạm, nhào nặn và buôn bán của họ. Quá khứ là thật. Nó là thứ đích thực. Và đây sẽ là điều làm quá khứ trở nên hấp dẫn đến không thể tin được. Đó là lý do tại sao tôi nói tương lai là quá khứ. Quá khứ là sự thay thế thực tế duy nhất cho – Gì? Diane, gì thế?” Gã quay lại nhìn cô bước vào phòng.

“Có vấn đề trong phòng dịch chuyển. Dường như vụ nổ đã làm hư hại những tấm chắn nước. Gordon đã làm một mô phỏng trên máy tính cho thấy có ba tấm chắn sẽ bị vỡ khi họ dẫn nước vào.”

“Diane, đây là một thứ cực kỳ vớ vẩn,” Doniger nói, giật giật cà vạt. “Cô định nói với tôi là họ có thể quay lại mà không có tấm chắn bảo vệ à?”

“Đúng thế.”

“Ồ, chúng ta không thể liệu thế được.”

“Chuyện không đơn giản như thế...”

“Ừ, đơn giản thế đấy,” Doniger nói. “Chúng ta không thể liệu được. Tôi thà không để họ quay lại còn hơn là để họ quay lại với những thương tổn nghiêm trọng”

“Nhưng...”

“Nhưng gì? Nếu Gordon đã có kết quả máy tính, sao anh ta còn cố bám làm gì?”

“Anh ta không tin vào máy tính. Anh ta nói nó làm ầu và cầu thả, và anh ta nghĩ việc dịch chuyển sẽ ổn.”

“Chúng ta không thể liệu được,” Doniger nói, lắc đầu. “Họ không thể trở lại mà không có màn chắn được. Chấm hết.”

Cô ngừng lại, cắn môi. “Bob, tôi nghĩ là những...”

“Này,” gã nói. “Trong chúng ta có ai đó bị mất trí nhớ ngắn hạn ở đây à? Cô là người không cho Stern trở lại quá khứ, vì sợ mạo hiểm xảy ra lỗi

dịch chuyển. Giờ cô muốn cả đám ấy quay lại mà không có tấm chắn? Không, Diane.”

“Được rồi,” cô nói, rõ ràng là rất ngần ngại. “Tôi sẽ đi nói với...”

“Không, Không nói gì hết. Ngăn lại đi. Rút dây điện ra nếu cô buộc phải làm thế. Nhưng không được để những người đó quay lại. Tôi nói đúng trong chuyện này đấy, và cô cũng biết thế.”

\*

\*

Trong phòng điều khiển, Gordon nói, “Anh ta nói cái gì cơ?”

“Họ không thể quay lại được. Tuyệt đối không. Bob rất cứng đấy.”

“Nhưng họ phải quay lại,” David Stern nói. “Cô phải cho họ quay lại.”

“Không, tôi sẽ không cho đâu,” Kramer nói.

“Nhưng...”

“John,” Kramer nói, quay sang Gordon. “Anh ta đã thấy Wellsey chưa? Anh đã cho anh ta xem Wellsey chưa?”

“Wellsey là ai?”

“Wellsey là một con mèo,” Gordon nói.

“Wellsey bị chia đôi,” Kramer nói với Stern. “Nó là một trong những động vật thí nghiệm đầu tiên chúng tôi gửi lại quá khứ. Trước khi chúng tôi biết là phải dùng tấm chắn trong những lần dịch chuyển. Và nó đã bị chia đôi rất nặng.”

“Chia đôi?”

Kramer quay sang Gordon. “Anh chưa nói gì với anh ta à?”

“Dĩ nhiên tôi đã nói với anh ta rồi,” Gordon nói. Anh nói với Stern, “Bị chia đôi nghĩa là nó phải chịu những lỗi dịch chuyển rất trầm trọng.” Anh

quay lại với Kramer. “Nhưng chuyện đó đã xảy ra nhiều năm trước rồi, Diane, lúc ấy chúng ta cũng gặp vấn đề với máy tính nữa...”

“Cho anh ta xem đi,” Kramer nói. “Và xem liệu anh ta có còn hăm dọa muốn đưa các bạn của mình quay lại không. Nhưng vấn đề của cuộc nói chuyện này là, Bob đã quyết định về chuyện này rồi, và câu trả lời của anh ta là không. Nếu chúng ta không có tấm chắn bảo hiểm, không ai có thể quay lại hết. Không được trong bất cứ trường hợp nào.”

Ở bàn điều khiển, một trong những kỹ thuật viên nói, “Chúng ta vừa có hiện tượng nhảy trường.”

Họ tụ lại trước màn hình, nhìn vào những cột sóng nhấp nhô và những gợn sóng trên bề mặt.

“Còn bao lâu nữa thì họ quay lại?” Stern nói.

“Xét từ tín hiệu, khoảng một tiếng.”

“Anh có thể đoán được là có bao nhiêu không?” Gordon nói.

“Chưa, nhưng... nhiều hơn một người. Có thể bốn, năm.”

“Là tất cả bọn họ,” Gordon nói. “Họ chắc chắn đã tìm được Giáo sư rồi, và tất cả bọn họ đang chuẩn bị trở về nhà. Họ đã làm những gì chúng ta yêu cầu, và họ đang quay trở lại.”

Anh quay sang Kramer.

“Xin lỗi,” cô nói. “Nếu không có tấm chắn, không ai được quay lại hết. Quyết định cuối cùng đấy.”

## 01:01:52

Khom người bên cạnh cánh cửa, Kate từ từ đứng dậy. Cô đang đứng trong một khoảng không khá hẹp, không đến một mét rưỡi, với những bức tường đá cao ngất ở hai bên. Ánh lửa rọi vào qua một khe hở ở bên trái cô. Dưới ánh sáng vàng rực, cô thấy một cánh cửa thẳng ngay trước mặt. Đằng sau lưng là cầu thang, dốc thẳng lên trần nhà, cách đất khoảng mười mét.

Nhưng cô đang ở đâu?

Chris hé mắt nhìn qua khe cửa, và chỉ tay về phía ánh lửa. Anh thì thầm; “Tôi nghĩ chúng ta biết tại sao họ không bao giờ tìm được cánh cửa dẫn tới đường hầm này.”

“Tại sao?”

“Nó ở đằng sau lò sưởi.”

“Đằng sau lò sưởi?” cô thì thầm. Và cô nhận ra rằng anh nói đúng. Khoảng không nhỏ hẹp này là một trong những đường hầm bí mật của La Roque: phía sau lò sưởi của đại sảnh.

Kate thận trọng tiến về phía trước, đi qua cánh cửa ở bên trái – và nhìn trần trần ra ngoài từ bức tường đằng sau lò sưởi trong đại sảnh. Lò sưởi cao tới gần ba mét. Qua những ngọn lửa bập bùng, cô thấy cái bàn cao của Oliver, những hiệp sĩ của hắn ta đang ngồi ăn, quay lưng lại với cô. Cô chẳng cách họ được đến năm mét.

Cô thì thầm, “Anh nói đúng. Nó ở đằng sau lò sưởi.”

Cô quay lại nhìn Chris, rồi ra hiệu cho anh tiến lại. Cô vừa định đi ra cánh cửa ngay phía trước thì Guy liếc về chỗ lò sưởi khi hắn ném một cái chân gà vào ngọn lửa. Hắn ta quay mặt lại chỗ bàn, tiếp tục ăn.

Cô nghĩ, *Ra khỏi đây ngay.*

Nhưng đã quá muộn. Vai của Guy giật lên; hắn đã quay lại lần nữa. Hắn ta đã nhìn thấy rõ cô, mắt hắn chạm mắt cô, và hắn hét lên, “Lãnh

chúa!” Hãn xô bàn đứng dậy và rút kiếm ra.

Kate chạy tới chỗ cánh cửa, giật nó ra, nhưng nó bị khóa, hoặc bị chặn, cô không mở ra được. Cô quay lại chỗ cầu thang hẹp phía sau. Cô thấy Guy đang đứng bên kia ngọn lửa, lưỡng lự. Hãn nhìn cô lần nữa, và phóng qua ngọn lửa xông vào cô. Cô thấy Chris đi qua cánh cửa bí mật và nói, “Năm xuống!” Anh chúí người xuống khi cô luống cuống chạy lên cầu thang.

Guy nhào người về phía chân cô, suýt nữa là tóm được cả người, thanh kiếm của hãn chém vào đá. Hãn chửi cô, rồi nhìn xuống cửa vào đường hầm bên dưới. Rõ ràng là hãn không nhìn thấy Chris, vì ngay sau đấy cô nghe thấy tiếng hãn chạy lên cầu thang đuổi theo mình.

Cô không có vũ khí; cô chẳng có gì hết.

Cô chạy.

\*

\*

Trên đầu cầu thang, cách mặt đất mười mét, có một chiếu nghỉ hẹp, và khi lên đến nơi, cô thấy một màn tơ nhện dày đặc, bám vào mặt mình. Cô vội vã gạt nó đi. Chiếu nghỉ không rộng hơn nửa mét là mấy. Nó khá chênh vênh, nhưng cô là một người leo núi nên nó cũng chẳng làm cô nao núng.

Nhưng nó làm Guy nao núng. Hãn tiến lên những bậc thang về phía cô một cách thật chậm chạp, tựa sát vai vào tường, tránh mép cầu thang càng xa càng tốt, bầu chặt lấy những gờ nhỏ nổi trên mặt tường. Hãn có vẻ mặt trông rất tuyệt vọng và hơi thở rất nặng nhọc. Vậy ra, hiệp sĩ quả cảm lại sợ độ cao. Nhưng không sợ đến mức phải dừng lại, cô đã thấy thế. Nếu có gì khác thì, cảm giác không thoải mái càng làm hãn tức giận hơn. Hãn hăm hăm nhìn cô với vẻ mặt đặng đặng sát khí.

Chiếu nghỉ đối diện với một cánh cửa gỗ hình chữ nhật, trên đó có một lỗ quan sát tròn cỡ bằng đồng xu. Cầu thang rõ ràng được xây để dẫn tới cái

lỗ này, cho phép một người có thể nhìn xuống đại sảnh và thấy tất cả mọi thứ đang diễn ra ở đó. Kate đẩy cửa, dồn lực vào nó, nhưng thay vì mở, cả cánh cửa hình chữ nhật lại văng ra, rơi xuống nền nhà bên dưới, và cô suýt nữa thì cũng rơi qua đó.

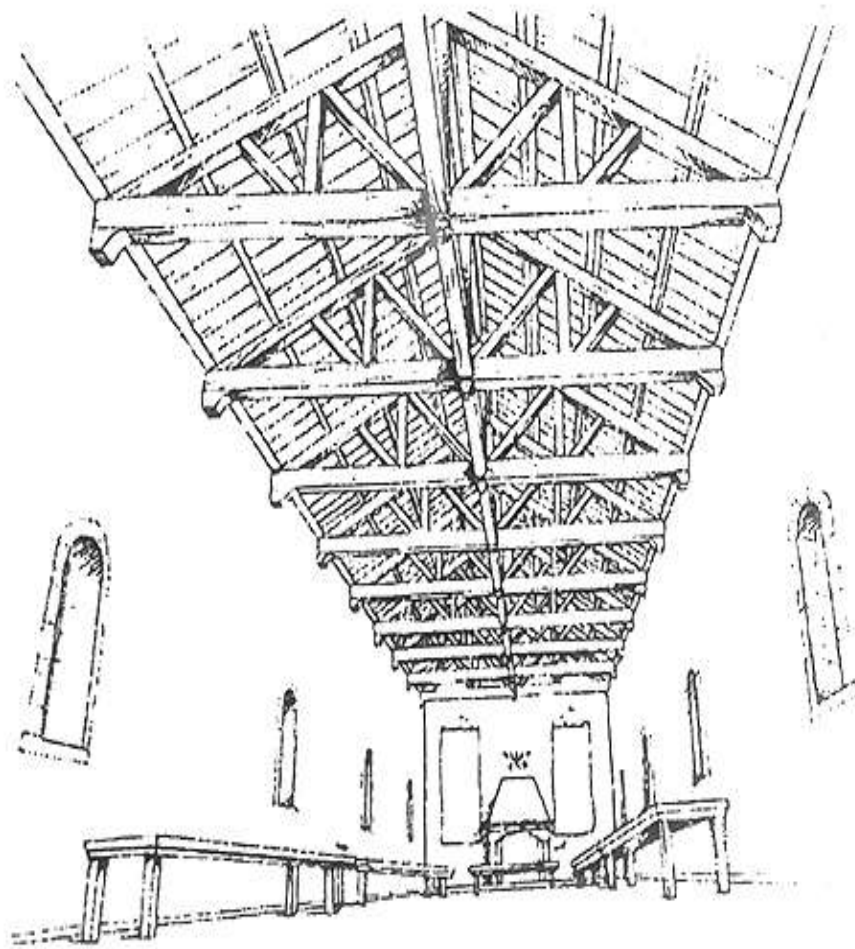
Cô đang ở phía trong đại sảnh.

Cô đang ở tít trên cao, giữa những xà gỗ nặng nề của trần nhà mở. Cô nhìn xuống cái bàn cách mình mười mét. Ngay trước mặt là thanh xà nhà chính, chạy dọc theo chiều dài của cả gian phòng. Thanh xà này cứ khoảng một mét rưỡi lại được bắc ngang bằng những thanh xà khác, chạy tới những bức tường ở cả hai bên. Tất cả xà nhà đều được trang trí cầu kỳ, và cứ cách đoạn lại được gia cố một thanh xà bắt chéo.

Không chút do dự, Kate bước lên thanh xà chính. Tất cả những người ở bên dưới đều ngược nhìn lên; họ há hốc ra khi thấy cô, chỉ tay lên trên. Cô nghe thấy tiếng Oliver gào lên, “Thánh George và lũ bị nguyên rủa! Đưa trợ lý! Chúng ta bị phản bội rồi! Học giả!”

Hắn ta đập bàn, đứng dậy, hăm hăm ngược nhìn cô.





Cô nói, “Chris, tìm Giáo sư đi.”

Cô nghe thấy một tiếng cạch “...Được.”

“Anh có nghe thấy tôi không? Chris?”

Chỉ có tiếng lạo xạo.

Kate đi vội theo thanh xà chính, bất chấp độ cao so với mặt đất, cô vẫn cảm thấy thoải mái. Thanh xà rộng hơn ba mươi xăng ti mét. Chẳng là gì hết. Nghe tiếng thở hắt nữa từ phía những người bên dưới, cô liếc lại đằng sau và thấy Guy cũng đã bước lên thanh xà chính. Hẳn có vẻ sợ sệt, nhưng sự hiện diện của đám đông khán giả đã làm hấn thêm phần bạo dạn. Hoặc là thế hoặc là hấn không dám để lộ nỗi sợ hãi ra trong khi đang ở chỗ đông

người. Guy dè dặt bước một bước, lấy được thăng bằng, và đi thẳng ra chỗ cô, thật nhanh. Hắn vung kiếm lỏng tay. Hắn đã đến trụ dọc đầu tiên, hít một hơi, và, bám chặt lấy cái cột thăng đứng, nghiêng người đi qua nó. Hắn tiếp tục đi trên thanh xà chính.

Kate lùi lại, nhận ra rằng thanh xà này quá rộng, quá dễ dàng cho hắn. Cô đi nghiêng theo một thanh xà ngang, hướng về phía bức tường bên. Thanh xà này chỉ rộng chưa tới mười lăm xăng ti mét; hắn sẽ gặp nhiều khó khăn đây. Cô leo qua một chỗ xà bắt chéo hơi khó đi, rồi tiếp tục tiến lên.

Chỉ khi đó cô mới nhận ra sai lầm của mình.

Thông thường thì, những trần nhà mở kiểu Trung cổ có một chi tiết thiết kế nơi chúng gặp tường – một thanh dầm khác, một thanh trang trí, một dạng xà nhà mà cô có thể đi dọc theo được. Nhưng trần nhà này là kiểu Pháp; xà nhà chạy thẳng vào bức tường bên, nơi nó khớp vào hốc cắt phía dưới gờ mái chừng nửa mét. Chẳng có chi tiết trang trí nào trên tường hết. Giờ cô đã nhớ rằng mình từng đứng giữa đồng hồ nát của La Roque và đã nhìn thấy những hốc cắt này. Cô đang nghĩ gì chứ?

Cô đã bị mắc kẹt trên thanh xà nhà rồi.

Cô không thể tiến lên, vì xà nhà đã dừng lại chỗ bức tường. Cô không thể quay ra giữa, vì Guy đang ở đó, đợi sẵn. Và cô cũng không thể đi ra chỗ thanh xà tiếp theo, vì nó cách tới gần hai mét, quá xa khó có thể nhảy tới được.

Không phải là không thể, nhưng mà quá xa. Đặc biệt là khi không có lưới bảo hiểm.

Nhìn lại, cô thấy Guy đang đi dọc theo thanh xà về phía mình, thận trọng giữ thăng bằng, từ từ vung thanh kiếm lên. Hắn vừa cười một cách thâm độc vừa tiến về phía trước. Hắn biết mình đã tóm được cô.

Giờ không còn sự lựa chọn nào khác. Cô nhìn về thanh xà gần đó, cách chừng hai mét. Cô phải làm thôi. Vấn đề là phải có đủ độ cao. Cô sẽ phải nhảy lên nếu muốn băng qua được.

Guy đang lặn qua chỗ cái thanh xà bắt chéo. Hắn chỉ còn cách cô vài giây nữa thôi. Cô khom người trên thanh gỗ, hít thật sâu, căng cơ ra – và giậm chân thật mạnh, đẩy cả người mình bay vào khoảng không.

\*

\*

Chris đi lên khỏi cánh cửa đá. Anh nhìn qua ngọn lửa và thấy tất cả mọi người trong phòng đang ngược lên trần nhà. Anh biết là Kate đang ở trên đó, nhưng anh chẳng làm được gì cho cô hết. Anh đi thẳng tới cánh cửa bên và cố mở ra. Thấy nó không chịu bật mở, anh thúc cả người lên, có vẻ dịch ra được vài phân. Anh huých lại lần nữa, cánh cửa kêu kệt, rồi mở tung ra.

Anh bước ra sân trong của La Roque. Lính đang chạy khắp mọi nơi. Một ngọn lửa đã bùng lên ở một trong những khu hàng rào, những ban công bằng gỗ chạy dọc theo mặt tường thành. Thứ gì đó đang cháy bùng như lửa trại ở chính giữa sân. Trong cơn hỗn loạn, chẳng ai thèm để ý gì đến anh.

Anh nói, “André. Anh có đấy không?”

Một tiếng cạch. Chẳng có gì hết.

Và rồi: “Đây.” Là giọng của André.

“André? Anh ở đâu?”

“Đang ở cùng với Giáo sư.”

“Ở đâu?” Chris hỏi.

“Kho vũ khí.”

“Nó ở đâu?”

**00:59:20**

Có hai tá thú nuôi trong những cái lồng ở nhà kho khu thí nghiệm; hầu như đều là mèo, nhưng cũng có cả chuột lang và chuột nhắt nữa. Căn phòng đầy mùi lông thú và mùi phân. Gordon dẫn anh đi xuống, nói, “Chúng tôi giữ những con bị chia đôi cách xa khỏi những con khác. Chúng tôi bắt buộc phải làm thế.”

Stern thấy có ba cái lồng dọc theo bức tường bên. Chấn song của những chiếc lồng này rất dày. Gordon dẫn anh tới cạnh một cái, anh thấy có một túm lông nhỏ đang cuộn lại trong đó. Nó là một con mèo đang say ngủ, một con mèo giống Ba Tư, lông màu xám nhạt.

“Đây là Wellsey,” Gordon nói, hất đầu.

Con mèo dường như hoàn toàn bình thường. Nó thở chậm, nhẹ nhàng trong giấc ngủ. Anh có thể thấy phần mặt trên của nó. Bộ móng vuốt có màu tối. Stern cúi lại sát hơn một chút, nhưng Gordon đặt tay lên ngực anh. “Đừng lại gần quá,” anh nói.

Gordon với lấy một cái que, lướt nó dọc theo những chấn song của chiếc lồng.

Mắt con mèo bật mở. Không hề chậm chạp hay uể oải – nó bật mở lớn, cảnh giác ngay lập tức. Con mèo không hề cử động, không hề vươn người. Chỉ có đôi mắt là mở.

Gordon lướt cái que dọc theo những chấn song lần nữa.

Với một tiếng rít đầy giận dữ, con mèo phóng người lại chỗ chấn song sắt, miệng há to, răng nhe ra. Nó đập vào chấn song, bật lùi lại, và tấn công lần nữa – và lần nữa, không ngừng nghỉ, không dừng lại, gầm gừ, nghiến răng.

Stern trợn tròn mắt kinh hãi.

Mặt con vật bị biến dạng thật khủng khiếp. Một bên mặt trông có vẻ bình thường, nhưng bên còn lại bị thấp một cách đáng kể, mắt, lỗ mũi, tất cả mọi thứ đều thấp hơn bên kia, với một đường thẳng đâm xuống chính giữa mặt, chia nó ra làm hai phần. Đó là lý do tại sao họ lại gọi nó là “bị chia đôi”, anh nghĩ.

Nhưng tệ hơn là phần sau đầu, chỗ anh đã không nhìn thấy lúc đầu, khi con mèo cứ nhảy chồm lên và đập người vào chấn song, nhưng giờ anh đã có thể thấy, phía sau cái tai dị dạng, có con mắt thứ ba, nhỏ hơn và chỉ có một phần. Và phía dưới con mắt đó là một mẫu mũi, và rồi một chút hàm nhô ra như một khối u trên mặt. Một đoạn răng trắng ớn trời ra khỏi lớp lông, dù chẳng có cái miệng nào hết.

Lỗi dịch chuyển. Giờ anh đã hiểu điều đó có nghĩa là gì.

Con mèo cứ đập đi đập lại; mặt nó bắt đầu chảy máu do va đập liên tục. Gordon nói, “Nó sẽ còn làm thế cho tới khi chúng ta rời đi.”

“Thế thì chúng ta nên đi thôi,” Stern nói.

Họ yên lặng quay lại. Rồi Gordon nói, “Không chỉ có những thứ anh nhìn thấy đâu. Còn cả những biến đổi về tâm lý nữa. Đó là những biến đổi được nhận ra đầu tiên, ở người bị chia đôi.”

“Đấy có phải là người anh định nói với tôi không? Người ở lại ấy?”

“Phải,” Gordon nói. “Deckard. Rob Deckard. Anh ta là một trong những lính thủy đánh bộ của chúng tôi. Từ trước khi chúng tôi thấy có những biến đổi trên cơ thể của anh ta, đã có những biến đổi về tâm lý rồi. Nhưng chỉ sau đó chúng tôi mới hiểu được rằng lỗi dịch chuyển là nguyên nhân.”

“Biến đổi tâm lý như thế nào?”

“Lúc đầu thì, Rob là một gã rất vui vẻ, là một vận động viên rất khá, cực kỳ có khiếu về ngôn ngữ. Anh ta có thể ngồi uống bia với một người ngoại quốc nào đó, và đến cuối bữa bia đã bắt đầu nói được thứ tiếng đó rồi. Cậu biết đấy, một cụm chỗ này, một câu chỗ nọ. Anh ta cứ thế là bắt đầu nói

thôi. Lúc nào cũng có giọng cực kỳ hoàn hảo. Sau vài tuần, anh ta đã có thể nói như một người bản xứ rồi. Những người lính thủy đánh bộ phát hiện ra chuyện này đầu tiên, và đã gửi anh ta đến một trong những trường ngôn ngữ của họ. Nhưng thời gian cứ trôi, và Rob càng lúc càng chịu nhiều tổn thương hơn, anh ta không còn hoạt náo nữa. Anh ta đã trở nên xấu tính,” Gordon nói. “Thực sự rất xấu tính.”

“Thế sao?”

“Anh ta đã đánh như tử một người bảo vệ công ở đây, vì người bảo vệ kiểm tra thẻ căn cước của anh ta quá lâu. Và anh ta suýt nữa thì đã giết chết một người ở quán bar ở Albuquerque. Đó là khi chúng tôi bắt đầu nhận ra rằng Deckard đã bị tổn thương não vĩnh viễn, và nó sẽ chẳng đỡ hơn, nếu không muốn nói là chỉ càng lúc càng xấu đi.”

\*

\*

Trở lại phòng điều khiển, họ thấy Kramer đang khom người bên bàn điều khiển, nhìn chăm chăm vào màn hình đang hiển thị những đường nhảy trường đích dắc. Giờ chúng đã trở nên mạnh hơn. Và những kỹ thuật viên nói rằng có ít nhất ba người sẽ quay trở lại, và có thể là bốn hoặc năm. Nhìn nét mặt, rõ ràng có thể thấy là Kramer đang cực kỳ khó xử; cô muốn tất cả bọn họ được quay trở lại.

“Tôi vẫn nghĩ là máy tính có vấn đề, và các tấm kính sẽ chịu được,” Gordon nói. “Chúng ta chắc chắn có thể cho nước vào các bể chứa bây giờ và xem xem chúng có chịu được không.”

Kramer gật đầu. “Phải, chúng ta có thể làm được. Nhưng dù chúng có không bị vỡ khi ta dẫn nước vào, chúng ta cũng chẳng chắc được là liệu sau đấy chúng có bị nổ tung ra không, khi đang giữa quá trình dịch chuyển. Và chuyện đó sẽ là cả một thảm họa đấy.”

Stern dịch người trên ghế. Anh đột ngột cảm thấy không thoải mái. Có gì đó đang không ngọt thúc giục anh, làm tâm trí anh ngứa ngáy. Khi Kramer nói “nổ tung”, một lần nữa anh lại thấy trong óc mình hiện ra những chiếc ô tô – cùng những chuỗi hình ảnh y như trước, lặp đi lặp lại. Những vòng đua xe. Những chiếc bánh xe khổng lồ. Michelin Man. Một cái đình lớn nằm giữa đường, và một cái lốp xe trượt lên nó.

*Nổ tung.*

Những bể chứa sẽ nổ tung. Những chiếc lốp xe sẽ nổ tung. Nổ tung thì làm sao chứ?

“Để làm được việc đó,” Kramer nói, “chúng ta phải tìm cách gia cố những chiếc bể này.”

“Phải, nhưng chúng tôi đã xét việc đó rồi,” Gordon nói. “Chẳng có cách nào làm được hết.”

Stern thở dài. “Còn bao nhiêu lâu nữa?”

Kỹ thuật viên nói, “Năm mươi một phút, và đang đếm ngược.”

**00:54:00**

Kate kinh ngạc khi nghe thấy tiếng vỗ tay âm âm từ phía bên dưới. Cô đã nhảy được; cô đang đưa người, lơ lửng bên dưới thanh xà. Và phía dưới sàn nhà, họ đang vỗ tay nhiệt liệt, cứ như đây là một trò biểu diễn xiếc vậy.

Cô nhanh chóng đá hai chân lên và trèo lên thanh xà.

Trên thanh xà phía sau, Guy Malegant đang chạy vội về phía thanh xà ở chính giữa. Hẳn ta rõ ràng là muốn chặn đường quay lại của cô.

Cô chạy theo thanh xà, quay trở lại chỗ giữa trần nhà. Cô nhanh nhẹn hơn Guy, và đến được chỗ thanh dầm chính trước Guy khá lâu. Cô có một chút thời gian để bình tĩnh lại, để từ từ tính xem sẽ làm gì.

Cô sẽ làm gì?

Cô đang đứng giữa cái trần mở, bám lấy một thanh chống dầy, dựng đứng lên, có đường kính gấp khoảng hai lần đường kính cột điện thoại. Thanh chống có những thanh giằng nằm nghiêng hỗ trợ ở cả hai phía, bắt đầu từ giữa trục chính rồi nối với trần nhà. Những thanh giằng này thấp đến nỗi nếu Guy có muốn bắt cô, hẳn cũng sẽ phải khom người xuống rồi cố vòng qua thanh chống kia.

Kate giờ cúi người xuống, nhìn xem đi vòng quanh bên dưới thanh giằng thì thế nào. Rất khó đi, và sẽ rất chậm. Cô đứng dậy. Khi làm thế, tay cô quệt vào con dao găm. Cô đã quên mình vẫn còn có nó. Cô rút nó ra, giơ nó lên trước mặt.

Guy nhìn cô, cười lớn. Tiếng cười của hẳn được đám đông bên dưới hưởng ứng. Guy quát gì đó với họ, càng làm họ cười lớn hơn.

Thấy hẳn tiến lại gần mình, cô lùi lại. Cô đang cho hẳn đủ chỗ để đi vòng quanh cây cột chống. Cô cố tỏ vẻ thật hoảng sợ – chẳng khó gì – và cô co người lại, con dao rung lên trên tay.

Chỉ là việc lựa đúng thời điểm thôi mà, cô nghĩ.



Guy dừng lại phía xa chỗ cây cột chống, nhìn cô một lát. Rồi hấn cúi người xuống và bắt đầu đi quanh cây cột. Tay hấn bám lấy thanh gỗ, thanh kiếm trong tay phải tạm thời bị ấn vào cây cột.

Cô chạy lên và dùng con dao găm đâm vào tay hấn, ghim chặt nó vào cây cột. Rồi cô quăng người qua mặt đối diện của cây cột và đá chân hấn tuột khỏi thanh xà chính. Guy ngã xuống, lơ lửng còn bàn tay bị ghim vào xà nhà. Hấn nghiến chặt răng nhưng không kêu rên gì hết. Chúa ơi, những tên này răn quá!

Vẫn nắm chặt lấy thanh gươm, hấn ta cố trèo trở lại thanh xà. Nhưng khi đó thì cô đã quăng người lại vị trí cũ rồi, lên phần bên kia của thanh xà. Mắt hấn chạm mắt cô.

Hấn biết cô sắp làm gì.

“Chết rữa dưới địa ngục đi,” hấn gầm gừ.

“Người trước đi,” cô nói.

Cô rút phẳng con dao găm ra khỏi miếng gỗ. Guy rơi xuống sàn nhà bên dưới mà không phát ra một tiếng động, người hấn càng lúc càng nhỏ dần. Được nửa đường, hấn ngã vào một cái cột có treo cờ hiệu; người hấn kẹt lại trên cái đầu sắt nhọn, và hấn bị treo trên đó trong vài giây rồi cây cột gãy và hấn rơi xuống một cái bàn, làm bát đĩa bay tứ tung. Thực khách nhảy bật lại. Guy nằm giữa đống bát đĩa vỡ. Hấn không hề nhúc nhích.

Oliver chỉ tay về phía Kate và gào lên, “Giết nó đi! Giết nó đi!” Tiếng gào được cả phòng hòa theo. Các cung thủ vội chạy đi lấy vũ khí.

Oliver không thềm đợi; trong cơn tức giận, hấn đã hùng hổ đi ra khỏi phòng, đưa vài người lính đi cùng.

Nghe thấy tiếng hầu gái, trẻ con, tất cả mọi người, hô hoán, “Giết nó đi!” cô bèn chạy vội trên thanh xà chính, hướng về bức tường ở phía cuối nhà lớn. Tên bay vùn vụt qua người cô, cắm vào những lớp gỗ. Nhưng đã trễ quá rồi; cô có thể thấy cánh cửa thứ hai trên bức tường kia, khớp với cái thứ

nhất, cô đẩy nó thật mạnh, làm nó bật mở, và bò ra khỏi phòng, chìm vào trong bóng tối.

Chỗ đó rất chật. Cô va đầu vào trần nhà, và nhận ra rằng đây là khu phía Bắc của phòng lớn, có nghĩa là nó đứng tách biệt và không gắn với tường thành. Thế nên...

Cô bật người lên, về phía trần nhà. Một phần trần bung ra. Cô bước lên mái nhà, và từ đó cô có thể dễ dàng trèo lên mặt của phần tường thành phía trong.

Từ đây, cô có thể nhìn thấy cuộc công thành đã thực sự vào đoạn cao trào. Những loạt tên lửa cứ rít liên tục thành những đường cung rất đẹp, rồi đáp xuống cái sân bên dưới. Cung thủ trên tường thành đáp trả không kém. Đại bác trên tường thành đang được lắp những mũi tên kim loại, trong khi de Kere đi đi lại lại, quát tháo ra lệnh. De Kere không để ý thấy cô.

Cô quay người đi, chạm vào tai và nói, “Chris?”

De Kere xoay người lại, tay đập vào tai. Đột ngột hắn xoay người, nhìn quanh, dọc theo chiều dài bức tường và xuống khoảnh sân bên dưới.

*Là de Kere.*

Và rồi de Kere nhìn thấy cô. Hắn nhận ra cô ngay lập tức.

Kate chạy.

\*

\*

Chris nói, “Kate? Tôi đang ở dưới này.” Những mũi tên lửa đang tỏa xuống khắp sân. Anh vẫy tay về phía bức tường cao chỗ cô đang đứng, nhưng anh không chắc là cô có thể nhìn thấy mình trong bóng tối dưới này.

Cô nói, “Là...” nhưng phần còn lại bị nhiễu không nghe được. Khi đó anh đã quay người đi, nhìn Oliver và bốn người lính băng qua sân, và đi vào

một tòa nhà lớn mà anh đoán là kho vũ khí.

Chris chực đi theo, thì bỗng có một quả đạn lửa bay xuống chỗ chân anh, nảy lên, lăn đi rồi dừng lại. Qua ngọn lửa anh có thể thấy đó là một cái đầu người, hai mắt mở trừng trừng, miệng nhếch ra. Da cháy khét lẹt, mỡ sôi lên. Một người lính đi ngang qua đá nó đi như đá một quả bóng.

Một trong những mũi tên đang bắn như mưa xuống sân quệt qua vai anh và để lại một vết lửa trên tay áo. Anh có thể ngửi thấy mùi hắc ín và thấy nóng rục trên tay và mặt, Chris quăng mình xuống dưới đất, nhưng ngọn lửa không chịu tắt. Nó dường như cứ âm ỉ mãi; càng lúc càng nóng hơn. Anh quỳ sụp xuống và, dùng con dao găm, rạch tung chiếc áo chèn ra. Anh cởi vớ và ném nó đi. Mu bàn tay vẫn đang cháy, do những giọt hắc ín nhỏ xíu. Anh dúi tay vào chỗ đất bụi trên sân.

Ngọn lửa cuối cùng cũng chịu tắt.

Vừa đứng dậy, anh vừa nói, “André? Tôi đang tới đây.” Nhưng chẳng có lời đáp. Hoảng sợ, anh đứng bật dậy, vừa kịp lúc thấy Oliver hiện ra từ chỗ kho vũ khí, hắt dẫn Giáo sư và Marek đi, hướng tới phía một cánh cửa xa phía tường thành. Lính lấy đầu mũi kiếm thúc họ đi. Chris không thích cảnh đó chút nào. Anh có cảm giác không hay rằng Oliver sắp sửa giết bọn họ.

“Kate?”

“Đây, Chris.”

“Tôi thấy họ rồi.”

“Ở đâu?”

“Đang đi về phía cái cửa chỗ góc kia.”

Anh bắt đầu đi theo sau, nhận thấy mình phải có vũ khí. Chỉ cách chỗ anh độ một mét, một mũi tên lửa cắm thẳng vào lưng một người lính, làm anh ta ngã úp mặt xuống đất. Chris cúi xuống, lấy thanh kiếm của người đó, rồi đứng dậy đi tiếp.

“Chris.”

Giọng một người đàn ông, trong tai nghe của anh. Một giọng nói lạ lẫm anh không thể nhận ra là của ai. Chris nhìn quanh, nhưng chỉ thấy những người lính đang chạy vội, những mũi tên lửa phóng vun vút trong không trung, cả khoảng sân chìm trong lửa.

“Chris.” Giọng nói rất nhẹ. “Ở đây này.”

Qua đám lửa anh nhìn thấy một bóng người tối sẫm đang đứng bất động như một bức tượng, nhìn chăm chăm về phía anh qua khoảng sân rộng lớn. Hình bóng tối tăm này chẳng quan tâm gì đến trận chiến đang quay cuồng xung quanh mình. Hắn cứ nhìn trân trân vào Chris. Là Robert de Kere.

“Chris. Cậu có biết tôi muốn gì không?” de Kere nói.

Chris không trả lời hắn. Một cách dè dặt, anh từ từ giương kiếm lên, cảm nhận sức nặng của nó. De Kere cứ đứng nhìn anh. Hắn cười khùng khục. “Cậu định đánh nhau với tôi đấy à, Chris?”

Rồi de Kere bắt đầu bước về phía anh.

Chris hít một hơi thật sâu, không chắc là nên đứng lại hay bỏ chạy. Và đột ngột một cánh cửa phía sau đại sảnh bật mở và một hiệp sĩ tiến ra, mặc giáp toàn thân trừ phần đầu, thét lớn, “Vì Chúa và vì Đại Tư tế Arnaut!” Anh nhận ra vị hiệp sĩ đẹp trai, Raimondo. Hàng tá lính mặc đồng phục xanh lá cây và đen đang đổ vào sân, dồn lính của Oliver vào trận chiến ác liệt.

De Kere vẫn đang dõi theo anh, nhưng giờ hắn ta đã dừng lại, không chắc chắn trước tình thế mới này. Thành lính Arnaut tóm lấy cổ Chris, giơ cao kiếm. Arnaut kéo anh lại gần, quát lên, “Oliver! *Oliver* đang ở đâu?”

Chris chỉ tay về cánh cửa ở phía xa.

“Đẫn ta đi!”

Anh đi cùng với Arnaut qua sân, qua cánh cửa. Đi theo những bậc cầu thang xoắn ốc dẫn xuống dưới, cuối cùng họ tới một dãy những căn phòng ngầm dưới đất. Chúng rộng và rất tối, với những trần nhà hình vòm.

Arnaut chen lên trước, thở hồng hộc, mặt đỏ bừng vì giận dữ. Chris vội vã chạy theo. Họ đi qua gian phòng thứ hai, cũng trống trơn như phòng đầu. Nhưng giờ Chris nghe thấy có tiếng nói ở phía trước. Một trong những giọng nói đó nghe có vẻ như là của Giáo sư.

**00:36:02**

Trên màn hình máy tính trong phòng điều khiển, trường sóng thể hiện trên máy tính đã bắt đầu có những nét gai. Căn môi, Kramer nhìn những đường gai càng lúc càng cao hơn và rộng hơn. Cô gõ ngón tay lên mặt bàn. Cuối cùng, cô nói, “Được rồi. ít nhất thì cứ đổ nước vào bể đi. Để xem chúng có thể chịu được đến đâu.”

“Tốt,” Gordon nói, có vẻ nhẹ cả người. Anh nhắc điện đàm lên, bắt đầu ra chỉ thị cho kỹ thuật viên ở dưới phòng dịch chuyển.

Trên màn hình vi tính, Stern nhìn những chiếc ống dẫn nặng nề được kéo vào chiếc bể trống đầu tiên. Mọi người trèo lên thang và chỉnh các đầu ống dẫn. “Tôi nghĩ đây là cách tốt nhất.” Gordon nói. “Ít nhất thì chúng ta cũng...”

Stern đứng bật dậy. “Không,” anh nói. “Đừng làm thế.”

“Gì cơ?”

“Đừng dẫn nước vào bể.”

Kramer nhìn anh chăm chăm. “Sao lại thế? Có thể làm gì...”

“Đừng làm thế!” Stern nói. Anh đang gào lên trong cái phòng điều khiển bé tẹo. Trên màn hình, các kỹ thuật viên đang giơ những cái ống dẫn nước lên trên miệng bể. “Nói họ dừng lại đi! Không được cho bất cứ giọt nước nào vào bể! Không một giọt nào hết!”

Gordon ra lệnh qua điện đàm. Những kỹ thuật viên ngạc nhiên ngược nhìn lên, nhưng họ cũng vẫn dừng việc đó lại, hạ những chiếc ống dẫn xuống nền nhà.

“David,” Gordon từ tốn nói, “Tôi nghĩ là chúng ta phải...”

“Không,” Stern nói, “Chúng ta không được đổ nước vào bể.”

“Sao lại không?”

“Vì nó sẽ làm hỏng keo.”

“Keo?”

“Phải,” anh nói, “Tôi đã biết cách gia cố những cái bệ đó rồi.”

Kramer nói, “Anh biết sao? Bằng cách nào vậy?”

Gordon quay về phía kỹ thuật viên. “Còn bao lâu?”

“Ba lăm phút.”

Anh quay lại phía Stern. “Chỉ còn ba lăm phút thôi, David. Chẳng còn thời gian làm gì nữa đâu.”

“Còn đây,” Stern nói. “Vẫn còn đủ thời gian. Nếu chúng ta làm cật lực.”

**00:33:09**

Kate đi ra sân chính của La Roque, cô đã nhìn thấy Chris lần cuối ở đây. Nhưng Chris chẳng còn ở đó nữa rồi.

“Chris?”

Cô chẳng nghe thấy tiếng đáp lại nào trong tai nghe hết.

Và anh đang giữ miếng sứ, cô nghĩ.

Khắp trên sân, xung quanh cô, la liệt những xác chết. Cô chạy hết cái xác này đến cái xác kia, nhìn xem liệu có Chris trong số đó không.

Cô thấy Raimondo, anh ta khẽ gật đầu và vẫy tay – và rồi anh ta rùng mình. Trong giây lát cô nghĩ đó là sức nóng từ ngọn lửa, nhưng rồi cô thấy Raimondo quay người lại, bên sườn chảy đầy máu. Có một người đàn ông đứng đằng sau anh ta, dùng kiếm đâm anh ta liên tiếp, chém vào tay, vai, bụng, chân của anh ta. Tất cả những nhát chém đều rất sâu, nhưng chỉ đủ làm bị thương chứ không chết. Raimondo loạng choạng lùi lại, máu chảy xối xả. người đàn ông đó tiến lên, vẫn tiếp tục đâm. Raimondo khụy xuống. Người đàn ông đứng phía trên anh ta và tiếp tục đâm liên tiếp. Raimondo đổ người ra sau, và giờ người đàn ông đó bắt đầu chém vào mặt Raimondo, chém xuyên chéo môi và mũi, khiến từng mảnh thịt văng ra xa. Mặt kẻ tấn công bị khuất trong lửa, nhưng cô nghe thấy tiếng hăn nói, “Khốn nạn, khốn nạn, khốn nạn,” trong từng nhát đâm. Cô nhận ra rằng hăn đang nói tiếng Anh, Và cô biết người đàn ông đó là ai.

Kẻ tấn công là de Kere.

\*

\*



Chris đi theo Arnaut vào sâu trong hầm. Họ nghe thấy tiếng người nói vọng lại từ nơi nào đó phía trước. Arnaut giờ di chuyển một cách cảnh giác hơn, đi sát vào bên tường. Cuối cùng họ cũng nhìn được vào trong căn phòng tiếp theo, một cái hố lớn choán gần hết phòng. Phía trên cái hố, một cái lồng kim loại nặng nề đang được treo trên những sợi xích. Giáo sư đứng đằng sau chấn song, nét mặt không biểu lộ chút cảm xúc nào cả khi chiếc lồng hạ dần xuống bởi hai người lính đang kéo hệ thống tay quay. Marek bị dúm về phía bức tường phía xa, hai tay bị trói chặt. Hai người lính đứng canh anh.

Lãnh chúa Oliver đứng cạnh cái hố, vừa cười vừa nhìn cái lồng hạ dần xuống. Hắn uống rượu từ một cái ly bằng vàng, lau cằm. “Ta đã hứa với ngài, Học giả,” hắn nói, “và ta sẽ giữ đúng lời hứa của mình.” Hướng về phía những tên lính chỗ cái tay quay, hắn nói, “Chậm hơn đi, chậm hơn đi.”

Nhìn chằm chằm vào Oliver, Arnaut gầm lên như một con chó giận dữ, rút kiếm ra. Ông ta quay về phía Chris và thì thầm, “Ta sẽ tấn công Oliver, cậu cứ đánh những tên còn lại.”

Chris nghĩ: Những tên còn lại? Có tới bốn tên lính đang ở trong phòng. Nhưng anh chẳng có thời gian mà cự nự, vì với một tiếng thét đầy căm phẫn, Arnaut phóng thẳng về phía trước, gầm lên, “Oliverrrrr!”

Lãnh chúa Oliver quay người lại, vẫn cầm chiếc ly. Cười khẩy khinh bỉ, hắn nói, “Vậ đây. Con lợn đã đến rồi đây.” Hắn ném chiếc ly sang một bên và rút kiếm ra. Trong phút chốc trận chiến đã bắt đầu.

Chris chạy tới chỗ mấy tên bên cái máy, không rõ là anh sẽ làm gì; mấy tên lính đứng cạnh Marek giờ đã giơ kiếm lên. Oliver và Arnaut đang điên cuồng đánh nhau; kiếm chạm chan chát, từng nhát kiếm chém xuống là từng câu chửi được tuôn ra không ngớt.

Lúc này tất cả mọi thứ đều diễn ra thật nhanh. Marek ngáng chân một tên lính bên cạnh, và đâm hắn bằng con dao nhỏ đến nỗi Chris không nhìn thấy nổi. Tên lính còn lại quay lại đối mặt với Marek, và Marek đá mạnh vào hắn, làm hắn loạng choạng ngã về phía cái tay quay, hất văng những tên kia đi.

Không được giữ, xích trên cái tay quay bắt đầu tuột xuống càng lúc càng nhanh. Có một thiết bị giống như bánh cóc, tạo ra những âm thanh đing tai, nhưng nó rõ ràng là đang quay nhanh hơn trước. Chris thấy cái lồng chứa Giáo sư đang rơi xuống dưới lòng đất, biến mất dưới cái hố.

Lúc này Chris đã tới được chỗ tên lính đầu tiên, hắn đang quay lưng lại anh. Hắn vừa định quay lại thì Chris vung kiếm lên chém, làm hắn bị thương nặng. Chris vung kiếm lên lần nữa, tên đó đổ sập xuống.

Giờ chỉ còn lại hai tên lính. Marek, tay vẫn bị trói, đang lùi khỏi một tên, né nhát chém rít lên trong không khí. Tên lính thứ hai đứng bên cạnh cái tay quay. Hắn đã rút kiếm ra và sẵn sàng tấn công. Chris vung kiếm; tên đó dễ dàng né. Rồi Marek, vẫn xoay người thoái lui, đâm sầm vào khiến hắn quay người lại. Marek quát lên, “Ngay đi!” và Chris đâm kiếm. Tên đó gục ngã.

Cái tay quay vẫn không ngừng lại. Chris chộp lấy nó, rồi nhảy tránh khi lưỡi kiếm của tên lính thứ tư chát chúa chém xuống. Chiếc lồng tuột xuống sâu hơn. Chris lùi lại. Marek đang giơ đôi tay bị trói ra cho Chris; nhưng Chris không chắc là anh có thể điều khiển được thanh kiếm của mình hay không. Marek hét lên, “Làm đi!” thế là Chris chém xuống; sợi thừng đứt tung ra; và rồi tên lính thứ tư xông vào anh. Tên lính ra đòn với sự thịnh nộ của một người đàn ông bị mắc kẹt; Chris bị chém vào cẳng tay khi giật lùi lại. Anh nhận ra rằng mình đang gặp rắc rối lớn, thì kẻ tấn công anh đột ngột nhìn xuống kinh hãi, đầu nhọn đầy máu của một lưỡi gươm nhô ra khỏi bụng hắn. Tên lính đổ gục xuống, và Chris thấy Marek đang cầm thanh kiếm.

Chris chạy về phía cái máy. Anh giật lấy cái tay quay và cố dừng nó lại. Giờ anh thấy cái lồng đã chìm sâu xuống lớp nước đầy váng, đầu Giáo sư chỉ còn trôi lên chút xíu. Chỉ một lần xoay nữa thôi là ông sẽ chìm hẳn.

Marek tiến lại, và cả hai người cùng nhau quay tay kéo ngược lên. Chris nói, “Còn bao lâu nữa?”

Marek nhìn vào đồng hồ. “Hai mươi sáu phút.”

Trong khi đó, Arnaut và Oliver vẫn tiếp tục đánh nhau; họ giờ đang ở trong góc tối của căn hầm, và Chris có thể thấy ánh lửa tóe lên từ hai thanh gươm kia.

Chiếc lồng tong tồng nước đã được kéo lên. Giáo sư mỉm cười với Chris. “Thầy nghĩ là em sẽ đến kịp mà,” ông nói.

Chấn song đen kịt của chiếc lồng trơn tuột trong tay Chris khi anh đu đưa nó trên đầu, kéo nó ra khỏi cái hố. Chất nhờn nhờn và nước đen nhỏ lên sàn đất của căn hầm, tạo ra những vũng nước nhỏ. Chris đi lại chỗ cái tay quay; anh và Marek kéo chiếc lồng xuống, hạ nó xuống nền nhà. Giáo sư ướm sững, nhưng ông có vẻ nhẹ cả người khi lại được đứng trên mặt đất. Chris đi ra mở cửa lồng, nhưng anh nhận ra rằng nó đã bị khóa. Có một cái ổ khóa bằng sắt to bằng cả nắm tay của một người đàn ông.

“Chìa khóa ở đâu?” Chris nói, quay sang Marek.

“Tôi không biết,” Marek nói. “Tôi đang nằm trên mặt đất lúc thầy bị đẩy vào, tôi không thấy.”

“Giáo sư?”

Johnston lắc đầu, “Thầy không rõ. Thầy lúc ấy đang nhìn ra chỗ kia.” Ông hất hàm về phía cái hố.

Marek chém mạnh vào ổ khóa. Lửa tóe lên nhưng ổ khóa vẫn trơ ra; thanh kiếm chỉ làm xước nó. “Cái đó chẳng giúp được gì đâu,” Chris nói. “Chúng ta phải có cái chìa cơ, André.”

André quay người nhìn quanh hầm. Chris nói, “Còn bao nhiêu thời gian nữa?”

“Hai lăm phút.”

Lắc đầu, Chris đi ra chỗ cái xác lính gần nhất, bắt đầu lục soát.

00:21:52

Trong phòng điều khiển, Stern quan sát những kỹ thuật viên nhúng lớp màng cao su màu nhạt vào một cái xô đầy keo dính, rồi đặt nó, vẫn đang chảy keo, vào thẳng miệng của tấm kính. Rồi họ gắn một cái ống cao áp vào và chỗ cao su bắt đầu nở ra. Trong giây lát, có thể thấy nó là một quả bóng khí tượng, nhưng rồi nó vẫn cứ nở ra; lớp cao su phình ra và mỏng dần, trở nên trong suốt, bao lấy những đường cong của tấm kính cho tới khi chạm tới mọi góc ngách của chiếc bể. Rồi những kỹ thuật viên đẩy lại, ấn một chiếc đồng hồ định giờ, và đợi chất kết dính cứng lại.

Stern nói, “Mất bao lâu?”

“Hai mươi một phút nữa,” Gordon chỉ tay vào những bong bóng khí. “Nó thật đơn giản, nhưng rất có hiệu quả đấy.”

Stern lắc đầu. “Nó đã lớn vồn trong đầu tôi suốt cả tiếng qua.”

“Cái gì cơ?”

“Nổ tung,” anh nói, “Tôi cứ nghĩ mãi, chúng ta đang cố tránh cái gì ở đây cơ chứ? Và câu trả lời là, nổ tung. Như một cái xe ô tô, khi những cái lốp bị nổ. Tôi cứ nghĩ về chuyện nổ lốp xe. Và có vẻ rất kỳ cục, vì giờ nổ lốp là chuyện rất hiếm. Những chiếc xe đời mới không hề gặp phải chuyện này. Vì lốp xe loại mới có một lớp màng trong có thể tự vá lại được.” Anh thở dài. “Tôi cứ băn khoăn không biết tại sao chuyện lạ lùng này lại hiện ra trong đầu mình, và rồi tôi nhận ra rằng nó chính là giải pháp: có cách tạo ra màng dính ở đây.”

“Đây không phải là chất tự vá,” Kramer nói.

“Đúng thế,” Gordon nói, “nhưng nó làm kính dày thêm và giúp trái đều áp lực ra.”

“Đúng thế,” Stern nói.

Những kỹ thuật viên đã cho hết bóng khí vào trong bể, rồi đập chúng lại. Giờ họ đang đợi keo cứng hết. Gordon liếc nhìn đồng hồ. “Còn ba phút nữa.”

“Thế mỗi bể thì mất bao lâu?”

“Sáu phút. Nhưng chúng ta có thể làm hai bể một lúc.”

Kramer thở dài. “mười tám phút. Chỉ vừa đủ thời gian thôi đấy.”

“Chúng ta sẽ làm được thôi,” Gordon nói. “Chúng ta có thể bơm nước vào với tốc độ lớn hơn.”

“Thế không làm tăng áp lực à?”

“Có. Nhưng chúng ta có thể làm được, nếu phải bắt buộc.”

Kramer nhìn lại lên màn hình điều khiển, trường tín hiệu vẫn đang chuyển động dạng sóng. Nhưng những đỉnh giờ đã rõ ràng hơn. Cô nói, “Tại sao trường từ lại thay đổi vậy?”

“Có thay đổi đâu,” Gordon nói mà không nhìn lại.

“Có mà,” cô nói. “Chúng có thay đổi đấy. Những đường gai càng lúc càng nhỏ hơn kia.”

“Nhỏ hơn?”

Gordon đi ra xem. Anh cau mày khi nhìn vào màn hình. Có bốn đỉnh, rồi ba, rồi hai. Rồi lại bốn, thật nhanh. “Nhớ nhé, những gì cô đang nhìn thấy thực ra là hàm phân phối xác suất,” anh nói. “Biên độ trường thể hiện xác suất các hiện tượng có thể xảy ra.”

“Nói tiếng Anh đi!”

Gordon nhìn chăm chăm vào màn hình. “Chắc chắn là ở đó đang có rắc rối. Và có là gì đi nữa, nó cũng đang thay đổi khả năng quay trở về của họ.”

**00:15:02**

Chris vã mồ hôi. Anh vừa lăm bằm vừa lật cái xác bất động của tên lính lại, tiếp tục tìm kiếm. Anh đã mất mấy phút điên cuồng lục lọi bộ quân phục nâu đỏ pha xám của hai tên lính, cố tìm cái chìa khóa. Chiếc áo ngoài rất dài và bên trong, là áo chần bông; toàn thấy quần với áo hết lớp này đến lớp nọ. Cái chìa không thể bị giấu dễ thế được; Chris biết là ổ khóa cửa cái lồng cần có chìa dài khoảng chục phân, và làm bằng sắt.

Chris không thấy nó. Trên người tên lính đầu tiên không có, trên người tên lính thứ hai cũng không. Chửi thềm, anh đứng dậy.

Trong góc hầm, Arnaut và Oliver vẫn đang đánh nhau, hai thanh kiếm cứ chạn chát không ngừng nghỉ. Marek đang đi dọc theo mấy bức tường, giơ một ngọn đuốc lên, tìm trong những góc tối của căn hầm. Nhưng anh cũng chẳng có vẻ gì là thành công.

Chris gần như có thể nghe thấy tiếng kim đồng hồ tích tắc trong đầu mình. Anh nhìn quanh, bản khoản không biết một cái chìa khóa thì có thể giấu ở đâu được. Thật không may, anh đã nhận ra rằng nó có thể bị giấu ở khắp mọi nơi: treo trên một bức tường, hoặc bị giắt vào bên trong một ngọn đuốc. Anh đi lại chỗ cái tay quay và nhìn quanh nó. Và anh đã tìm thấy – một chiếc chìa khóa bằng sắt thật lớn, ở dưới chân cái tay quay. “Thấy rồi!”

Marek ngược lên, liếc nhìn chiếc đồng hồ tính giờ trên cổ tay trong khi Chris chạy vội về phía cái lồng và tra chìa khóa vào. Chiếc chìa vào thẳng được luôn, nhưng không hề xoay. Lúc đầu anh nghĩ nó bị tắc, nhưng sau khi vật lộn tới ba mươi giây, anh bắt buộc phải nghĩ rằng đây không phải chìa đúng. Bất lực và tức giận, anh ném cái chìa xuống đất. Anh quay về phía Giáo sư, đang bị khóa đằng sau chấn song.

“Em xin lỗi,” Chris nói, “Em thực sự xin lỗi.”

Như mọi khi, Giáo sư không có vẻ gì nao núng. “Thầy đang nghĩ, Chris ạ,” ông nói, “xem chính xác là mọi chuyện đã xảy ra như thế nào.”

“Vâng vâng...”

“Và thầy nghĩ là Oliver giữ nó,” Giáo sư nói. “Hắn đã tự tay khóa thầy lại. Thầy nghĩ là hắn giữ chìa khóa.”

“Oliver?”

Ở góc phòng, Oliver vẫn đang đánh nhau, dù hắn giờ đã thất thế rõ. Arnaut là một kiếm sĩ giỏi hơn, còn Oliver đã say và đang mệt lử. Cười đầy hiểm độc, Arnaut dồn Oliver dần ra phía cái hố với những đòn tấn công nhịp nhàng. Thế là Oliver, thở hồng hộc và mồ hôi chảy ròng ròng, tựa vào song sắt, quá mệt không thể đánh tiếp được nữa.

Arnaut từ tốn chìa mũi kiếm vào cổ Oliver. “Nhân từ,” Oliver nói, thở hổn hển. “Tôi cầu xin lòng nhân từ.” Nhưng rõ ràng là hắn cũng chẳng mong chờ gì điều đó. Arnaut chậm chậm ấn thanh kiếm mạnh hơn. Oliver bật ho.

“Thưa ngài Arnaut,” Marek nói, tiến lên phía trước. “Chúng tôi cần chìa khóa mở lồng.”

“Gì? Chìa khóa nào? Lồng nào?”

Thở hổn hển, Oliver cười, “Ta biết nó đang ở đâu.”

Arnaut đâm gươm sâu hơn. “Nói ngay.”

Oliver lắc đầu. “Không bao giờ.”

“Nếu người nói cho chúng ta,” Arnaut nói, “ta sẽ tha mạng cho người.”

Nghe thế, Oliver quắc mắt nhìn lên. “Thật chứ?”

“Ta không phải thằng người Anh có thói phản bội, hai mặt,” Arnaut nói. “Đưa chúng ta chìa khóa, và ta thề với tư cách là một quý tộc Pháp thực thụ là ta sẽ không giết người.”

Thở hồng hộc, Oliver nhìn Arnaut trân trân vài giây. Cuối cùng hắn đứng lên lại và nói, “Được rồi.” Hắn ném kiếm đi, lần tay vào dưới lớp áo, lấy ra một chiếc chìa khóa bằng sắt nặng trĩu. Marek cầm lấy.

Oliver quay người về phía Arnaut. “Ta đã làm phần của ta rồi. Người có phải là một người biết giữ lời không?”

“Quả thật,” Arnaut nói, “ta sẽ không giết người...” Ông ta phóng vút về phía trước, tóm lấy đầu gối của Oliver. “Ta sẽ tắm cho người.”

Và ông ta quăng Oliver qua thanh chắn, xuống dưới hố. Oliver té nhào xuống làn nước đen bên dưới; hẫng trôi lên khạc nhổ. Vừa chửi, hẫng vừa bơi về góc hố và với tay tới chỗ những tảng đá để có điểm tựa. Nhưng chỗ đá quanh hố đen kịt những rêu nhờn. Tay của Oliver cứ trượt liên tục. Hẫng không có chỗ nào bám được hết. Hẫng bơi đứng, đập tay vô ích lên mặt nước. Hẫng ngược nhìn Arnaut, chửi thề.

Arnaut nói, “Người bơi có khá không?”

“Khá lắm, đồ con lợn Pháp.”

“Tốt,” Arnaut nói. “Thế thì người sẽ được tắm lâu đấy.”

Thế rồi ông ta quay người đi khỏi cái hố. Gật đầu với Chris và Marek, ông ta nói, “Ta nợ các người. Cầu Chúa mãi mãi ban phúc cho các người.” Nói xong ông ta chạy vội đi nhập vào trận chiến. Họ nghe thấy tiếng bước chân của ông ta xa dần.

Marek mở khóa, và cửa chiếc lồng bật ra. Giáo sư bước ra ngoài. Ông nói, “Thời gian?”

“Mười một phút,” Marek hỏi.

Họ chạy vội ra khỏi hầm. Marek đang khập khiễng, nhưng anh ta vẫn cố đi cho nhanh. Đằng sau, họ nghe tiếng Oliver đập nước ầm ỹ.

“Arnaut!” Oliver hét lên, giọng hẫng vang vọng giữa những bức tường đá. “Arnaut!”



**00:09:04**

Màn hình lớn ở cuối phòng điều khiển hiện cảnh những kỹ thuật viên đang dẫn nước vào các bể, Những tấm chắn đều chịu lực tốt. Nhưng chẳng ai trong phòng nhìn vào những tấm kính hết. Thay vào đó, họ lặng lẽ nhìn vào màn hình điều khiển, nhìn biên độ sóng nhấp nhô của trường được máy tính tạo ra. Trong vòng mười phút vừa qua, các đỉnh nhọn cứ thấp dần, cho đến bây giờ thì chúng gần như đã biến mất; nếu có hiện lên, chúng cũng chỉ là những gợn sóng bất chợt trên bề mặt mà thôi.

Nhưng họ vẫn tiếp tục quan sát.

Trong giây lát, gợn sóng dường như mạnh hơn, rõ rệt hơn. “Có phải thế là có biến động gì không?” Kramer nói với vẻ đầy hy vọng.

Gordon lắc đầu. “Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ đó chỉ là những chuyển động ngẫu nhiên mà thôi.”

“Tôi nghĩ là có lẽ nó sẽ mạnh hơn,” Kramer nói.

Nhưng Stern có thể thấy là không phải thế. Gordon nói đúng; những thay đổi chỉ là ngẫu nhiên. Những gợn sóng trên màn hình vẫn tiếp tục rời rạc, không ổn định.

“Dù ở đó có vấn đề gì đi nữa,” Gordon nói, “họ vẫn chưa giải quyết xong đâu.”

**00:05:30**

Qua đám lửa bùng lên giữa sân chính của La Roque, Kate thấy Giáo sư cùng những người còn lại đang tiến ra từ cánh cửa phía xa. Cô chạy lại nhập hội với họ. Tất cả đều có vẻ ổn. Giáo sư gật đầu với cô. Họ đều đang đi khá nhanh.

Kate nói với Chris, “Anh còn giữ miếng sứ chứ?”

“Có, đây.” Anh lấy nó ra khỏi túi, xoay để chuẩn bị ấn nút.

“Không đủ chỗ.”

“Có đủ chỗ mà...” Chris nói.

“Không. Chúng ta cần hai mét ở các phía, nhớ chứ?”

Họ bị vây trong lửa. “Ta không thể tìm được chỗ nào như thế trong cái sân này đâu,” Marek nói.

“Đúng thế,” Giáo sư nói. “Chúng ta phải đi sang sân khác thôi.”

Kate nhìn ra phía trước. Trạm gác dẫn tới sân ngoài cách đó chừng bốn mươi mét. Nhưng ở chỗ trạm gác, chiếc lưới sắt đã được kéo lên. Thực tế, chẳng có vẻ gì là cánh cổng đó được canh gác hết; lính canh đã bỏ nó, đi đánh nhau với những kẻ xâm nhập.

“Còn bao lâu?”

“Năm phút.”

“Được rồi,” Giáo sư nói. “Đi nào.”

\*

\*

Họ đi vội qua cái sân bùng cháy, lách qua những ngọn lửa và cuộc hỗn chiến của các binh sĩ. Giáo sư và Kate dẫn đầu. Marek, nhả mặt vì cơn đau ở chân, gắng theo sau. Và Chris, lo cho Marek, bọc hậu.

Kate tới chỗ cánh cổng đầu tiên. Chẳng có tên lính nào hết. Họ chạy qua cổng, đi dưới những thanh sắt sắc nhọn của cánh cổng. Họ bước vào sân giữa. “Ồi không,” Kate nói.

Tất cả lính của Oliver đều đang chặn ở sân giữa, và dường như có tới hàng trăm hiệp sĩ cùng lính hầu đang chạy qua lại, la hét về phía những người trên tường thành, mang theo vũ khí và đồ tiếp tế.

“Ở đây chẳng có chỗ,” Giáo sư nói. “Chúng ta phải đi ra chỗ cái cổng tiếp thôi. Ra khỏi thành.”

“Ra ngoài?” Kate nói. “Có khi chúng ta còn không băng qua được cái sân này kia.”

Marek khập khiễng tiến lên, thở hổn hển. Anh liếc nhìn cái sân và nói, “Hàng rào.”

Hàng rào là một lối đi kín bằng gỗ được xây dọc theo rìa ngoài của tường thành. Nó là chỗ ẩn nấp để lính bắn tên xuống kẻ thù bên dưới. Họ có thể đi dọc theo rào gỗ rồi đi ra chỗ sân phía xa, rồi đi ra chỗ trạm gác.

Marek nói, “Chris đâu rồi?”

Họ nhìn lại chỗ sân chính.

Chẳng thấy Chris đâu hết.

\*

\*

Chris đi theo Marek, anh đang nghĩ có nên công Marek và bắn khoản không biết liệu mình có làm được không, thì đột nhiên anh bị đẩy sang một bên, đập mạnh vào tường. Anh nghe thấy một giọng Anh cực chuẩn từ phía sau,

“Không phải cậu đâu, anh bạn. Cậu phải ở đây.” Và anh thấy đầu nhọn của một lưỡi kiếm chọc vào lưng mình.

Anh quay lại thì thấy Robert de Kere đang đứng trước mặt mình, kiếm giương lên. De Kere giật mạnh cổ áo anh, đẩy anh vào một bức tường khác. Chris hoảng hốt nhận thấy họ đang ở ngay ngoài kho vũ khí. Trong khi cả sân đang chìm trong lửa, đứng ở đây không phải một ý hay.

De Kere chẳng có vẻ gì là quan tâm hết. Hắn mỉm cười. “Thực tế là,” hắn nói, “chẳng tên khốn nào trong số các người được đi đâu hết.”

“Sao lại thế?” Chris nói, mắt vẫn nhìn xuống lưỡi gươm.

“Vì người cầm chip định vị, bạn ạ.”

“Không, tôi có cầm đâu.”

“Ta có thể nghe bọn người nói chuyện, nhớ chứ?” De Kere chìa tay ra. “Thôi nào, đưa nó đây.”

Hắn lại tóm lấy Chris, đẩy anh qua cửa. Chris lật đật chúi người vào trong kho vũ khí. Nó giờ đã vắng tanh, lính đều đã chạy hết. Khắp xung quanh họ là những bao thuốc súng. Những chiếc chấu máy người lính đang nghiền dờ vẫn đang nằm trên nền đất.

“Thằng Giáo sư khốn kiếp của người,” de Kere nói, nhìn mấy cái bát. “Nghĩ là các người biết nhiều lắm. Đưa nó cho ta.”

Chris lục dưới áo, tìm cái túi.

De Kere bẻ ngón tay đầy sốt ruột. “Nào, nào, nhanh lên.”

“Chờ chút,” Chris nói.

“Tất cả các người đều cùng một giuộc,” de Kere nói. “Y như Doniger. Người biết Doniger đã nói gì không? Đừng lo, Rob, chúng tôi đang nghiên cứu một công nghệ mới có thể chữa được cho anh. Lúc nào cũng bảo công nghệ mới sẽ chữa cho anh. Nhưng hắn chẳng bao giờ làm cái gì mới hết. Hắn chẳng bao giờ có cái ý định đó. Hắn chỉ nói dối thôi, lúc nào cũng vậ hết. Bộ mặt khốn khổ của ta.” Hắn ta chạm vào vết sẹo chạy dọc giữa mặt.

“Nó lúc nào cũng đau. Có gì đó không ổn trong xương. Nó *nhức buốt*. Và nội tạng của ta cứ lộn hết cả lên. Đau đớn.”

De Kere nắm chặt tay đầy bực tức. “Nào. Người mà cứ lờ đờ thế, ta giết ngay bây giờ.”

Chris thấy những ngón tay của mình đã chạm được vào cái bình xịt. Có thể xịt xa được đến đâu? Qua cả một lưỡi gươm thì không được rồi. Nhưng anh không có sự lựa chọn nào khác.

Chris hít một hơi thật sâu, và xịt bình khí. De Kere ho sù sụ, bực tức hơn là bất ngờ, tiến thẳng về trước. “Thằng khốn,” hăn nói. “Mày nghĩ đó là ý hay à? Giỏi lắm. Thằng lỏi.”

Hăn chọc kiếm vào Chris, đẩy anh lùi lại. Chris giật lùi về phía sau.

“Vì trò đó, tao sẽ mổ bụng mày ra và cho mày nhìn thấy ruột mình bắn tung tóe.” Và hăn vung kiếm lên, nhưng Chris tránh được dễ dàng, và anh nghĩ, nó cũng có chút tác dụng đấy. Anh lại xịt lần nữa, gần mặt de Kere hơn, rồi né tránh khi thanh kiếm vung lên rồi chém xuống cánh cửa, va đổ một cái chậu trộn hóa chất.

De Kere rùng mình, nhưng hăn vẫn cố đứng vững. Chris xịt lần thứ ba, nhưng de Kere thế nào đó vẫn đứng được. Hăn vung kiếm lên, lưỡi kiếm rít trong không khí; Chris né, nhưng lưỡi kiếm vẫn sượt qua phía trên khuỷu tay phải của anh. Máu rỉ ra từ vết thương, nhỏ xuống nền nhà. Chiếc bình tuột khỏi tay anh.

De Kere cười gằn. “Mẹo vặt không có hiệu quả ở đây đâu,” hăn nói. “Đây mới là thật này. Kiếm thật này. Nhìn nhé, anh bạn.”

Hăn chuẩn bị vung kiếm lần nữa. Hăn vẫn hơi loạng choạng, nhưng đang mạnh lên rất nhanh. Chris né khi thanh kiếm sượt qua đầu anh và xé tan những túi thuốc súng. Không khí ngập đầy những hạt bụi màu xám. Chris lùi lại lần nữa, và lần này chạm chân vào một chiếc chậu dưới nền nhà. Anh định đá nó qua một bên, rồi nhận thấy sức nặng của nó. Nó không phải là một trong những cái chậu thuốc súng bình thường, nó là một chất

keo dính đặc và nặng. Và nó có mùi rất khó chịu. Anh nhận ra ngay lập tức: đó là mùi vôi sống.

Có nghĩa là cái chậu dưới chân anh đầy chất gây cháy tự động.

Thật nhanh, Chris cúi người xuống và cầm cái chậu lên bằng cả hai tay.

De Kere ngừng lại.

Hắn biết nó là cái gì.

Lợi dụng thoáng do dự, Chris ném thẳng cái chậu vào mặt de Kere. Nó trúng vào ngực hắn, chất màu nâu bắn lên mặt, tay và khắp người hắn.

De Kere gầm lên.

Chris cần có nước. Nước ở đâu? Anh nhìn quanh, tuyệt vọng, nhưng anh đã có câu trả lời sẵn rồi: chẳng có chút nước nào trong phòng này hết. Giờ anh đã bị dồn vào góc nhà. De Kere mỉm cười, “Không có nước hả?” hắn nói. “Tệ quá, nhóc khôn lỏi.” Hắn giơ thẳng thanh kiếm lên trước mặt mình và tiến về phía trước. Chris tựa vào phần đá phía sau lưng, và biết rằng anh đã xong rồi. Ít nhất thì những người kia cũng có thể trốn được.

Anh nhìn de Kere tiến tới gần, thật chậm, đầy tự tin. Anh có thể người thấy hơi thở của de Kere; hắn ở gần đến nỗi anh có thể nhổ vào người hắn.

*Nhổ vào người hắn.*

Vừa nghĩ thế, Chris đã nhổ luôn vào de Kere – không vào mặt, mà vào ngực. De Kere khịt mũi, tỏ vẻ khinh bỉ: thẳng nhóc thậm chí còn không biết cách nhổ. Nước bọt bắn vào đầu, da chỗ đó bốc khói và cháy xèo xèo.

De Kere nhìn xuống, đầy kinh hoàng.

Chris nhổ lần nữa. Lại lần nữa.

Tiếng xèo xèo càng lúc càng lớn hơn. Rồi những tia lửa đầu tiên. Trong giây lát, de Kere sẽ bùng lên thành một ngọn đuốc sống. Hoảng hốt, de Kere lấy ngón tay quệt vào chỗ hỗn hợp, nhưng chỉ làm nó lan ra rộng hơn; giờ nó còn cháy dữ hơn và kêu tanh tách trên ngón tay của hắn, do hơi ẩm trên da.

“Nhìn nhé, anh bạn,” Chris nói.

Anh chạy ra cửa. Phía sau, anh nghe một tiếng, *bùm!* khi de Kere bùng lên trong lửa. Chris liếc lại thì thấy cả phần thân trên của tên hiệp sĩ đang chìm trong lửa. De Kere đang nhìn anh trân trối qua ánh lửa.

Rồi Chris chạy. Chạy trối chết. Khởi kho vũ khí.

\*

\*

Ở cánh cổng giữa, những người khác thấy anh chạy về phía họ. Anh đang vẫy tay. Họ không hiểu là tại sao. Họ đứng ở giữa cổng, đợi anh đuổi kịp.

Anh hét lên, “Chạy đi!” và ra dấu cho họ chạy qua cái góc queo. Marek nhìn lại, thấy lửa bắt đầu bùng lên qua những ô cửa sổ của kho vũ khí.

“Đi ngay!” anh nói. Anh đẩy những người khác qua cửa sang sân bên kia.

Chris chạy qua cổng và Marek giật lấy tay anh rồi dúm anh xuống đất đúng lúc kho vũ khí phát nổ. Một quả cầu lửa khổng lồ trùn lên bức tường; cả khoảng sân chìm trong ánh lửa. Lính cùng lều với ngựa đổ rạp dưới áp lực của vụ nổ. Khắp nơi ngập trong khói và hỗn loạn.

“Quên rào gỗ đi,” Giáo sư nói. “Đi thôi.” Và họ chạy luôn qua sân. Họ có thể thấy trạm gác cuối cùng đã ở ngay trước mặt.

00:02:22

Trong phòng điều khiển có những tiếng reo hò. Kramer đang nhảy lên nhảy xuống. Gordon đang đập thùm thụp vào lưng Stern. Màn hình lại hiển thị những dao động trường. Thật mạnh mẽ và đều đặn.

“Họ đang trở về nhà!” Kramer thét lên.

Stern nhìn vào mấy màn hình theo dõi, hiển thị những chiếc bể bên dưới. Những kỹ thuật viên đã dẫn nước đầy vào vài bể chứa, và chúng chịu được. Những chiếc bể còn lại vẫn đang được dẫn nước vào, dù mực nước đã gần đầy.

“Còn bao lâu nữa?” cô nói.

“Hai phút hai mươi.”

“Mất bao lâu thì đổ đầy bể?”

“Hai phút mười giây.”

Stern cắn môi. “Chúng ta có thể làm được chứ?”

“Chắc chắn là làm được,” Gordon nói.

Stern quay lại nhìn những dao động trường. Chúng càng lúc càng mạnh và rõ hơn, những mảng màu giả lấp lánh trên những đỉnh sóng nhọn. Đỉnh bấp bênh khi này giờ đã ổn định, trôi lên trên bề mặt, dần thành hình. “Có bao nhiêu người sẽ quay lại?” anh nói. Nhưng anh đã biết rõ câu trả lời rồi, vì đỉnh sóng giờ đang chia thành những đường rãnh khác nhau.

“Ba,” kỹ thuật viên nói. “Có vẻ như là sẽ có ba người quay trở lại.”



**00:01:44**

Trạm gác ngoài cùng đã bị đóng; khung cửa sắt nặng nề chặn cửa đã bị kéo xuống và dây cầu kéo đã được dựng lên. Năm người lính canh giờ đang nằm lăn ra trên đất, và Marek kéo khung cửa sắt lên vừa đủ để họ có thể đi qua. Nhưng dây cầu kéo vẫn đang bị đóng kín.

“Chúng ta mở nó ra thế nào đây?” Chris hỏi,

Marek nhìn vào chỗ dây xích, chạy thẳng vào trong trạm gác. “Trên đó,” anh nói, chỉ tay lên trên. Có một cơ cấu tay quay ở trên tầng hai.

“Cậu ở đây,” Marek nói. “Tôi sẽ làm.”

“Quay lại ngay nhé,” Kate nói.

“Đừng lo. Tôi sẽ quay lại mà.”

Khập khiễng chạy lên cái cầu thang xoắn ốc, Marek bước vào một căn phòng nhỏ bằng đá, chật và trống trải, bị choán gần hết bởi cơ cấu tay quay bằng sắt để kéo dây cầu lên. Ở đó anh thấy một ông lão; tóc bạc trắng, run rẩy: sợ hãi giữ lấy một thanh sắt găm vào những mắt xích. Thanh sắt này giữ dây cầu đóng lại. Marek đẩy ông lão qua một bên và giật thanh sắt ra. Dây xích kêu lách cách; dây cầu kéo bắt đầu hạ dần. Marek nhìn nó hạ xuống. Anh nhìn xuống đồng hồ, và giật mình khi thấy nó chỉ 00:01:19.

“André.” Anh nghe tiếng Chris trong tai nghe. “Xuống đi.”

“Xuống ngay đây.”

Marek quay người đi. Rồi anh nghe thấy có tiếng chân, và nhận ra rằng có lính trên mái tháp canh, đang đi xuống xem tại sao dây cầu kéo lại bị hạ xuống. Nếu anh rời phòng bây giờ, chúng sẽ ngay lập tức dừng hạ cầu.

Marek biết điều đó có nghĩa là gì. Anh sẽ phải ở lại lâu hơn.

\*

\*

Dưới mặt đất, Chris nhìn cây cầu hạ dần xuống, tiếng xích sắt kêu loảng xoảng. Qua khe hở, anh có thể nhìn thấy bầu trời đêm đầy sao. Chris nói, “André, xuống đi.”

“Có lính.”

“Thế thì sao?”

“Tôi phải giữ dây xích.”

“Anh nói thế là thế nào?” Chris nói.

Marek không trả lời. Chris nghe thấy tiếng gầm, rồi tiếng thét đau đớn. Marek đang đánh nhau ở trên đó. Chris nhìn cây cầu kéo cứ tiếp tục hạ dần. Anh nhìn Giáo sư. Nhưng nét mặt Giáo sư không biểu lộ một chút gì hết.

Đứng bên chiếc cầu thang dẫn xuống đất, Marek giơ cao kiếm. Anh đã giết được tên lính đầu tiên khi hắn xuất hiện. Anh ta cũng giết được tên thứ hai, đá mấy cái xác rơi qua một bên, cho sàn nhà được gọn. Những tên lính khác trên cầu thang đứng khựng lại vì kinh hãi, và anh nghe thấy tiếng rì rầm đầy lo ngại.

Xích nối với cây cầu vẫn tiếp tục kêu loảng xoảng. Cây cầu kéo vẫn đang hạ dần xuống.

“André. Xuống đi.”

Marek liếc nhìn đồng hồ. Nó chỉ 00:01:04. Giờ chỉ còn hơn một phút. Nhìn qua cửa sổ, anh thấy những người kia đã không chờ cho đến khi cây cầu được hạ xuống; họ đã chạy ra mép cầu, nhảy xuống cánh đồng bên ngoài lâu đài. Giờ anh chỉ lờ mờ thấy họ trong bóng tối.

“André.” Lại là Chris. “André.”

Một tên lính khác chạy xuống cầu thang, Marek vung kiếm lên, chém xuống cái máy, tóe lửa. Tên đó vội lùi lại, quát và đẩy những tên kia đi.

“André, chạy đi,” Chris nói. “Anh còn thời gian mà.”

Marek biết điều đó là sự thật. Anh có thể làm được. Nếu anh bỏ đi bây giờ, bọn lính không thể kéo cầu lên trước khi anh băng qua nó và chạy ra cánh đồng với những người kia. Anh biết là họ đang ở ngoài đó, đợi anh. Những người bạn của anh. Đợi để cùng quay trở về.

Khi quay người định đi xuống cầu thang, anh liếc nhìn ông lão, vẫn đang co rúm người trong góc. Marek băn khoăn không biết sẽ như thế nào nếu sống cả đời ở đây. Sống và yêu, luôn luôn cảnh giác, với tật bệnh và đôi kém cũng như chém giết. Sống thực sự trong thế giới này.

“André, anh có xuống không đây?”

“Không đủ thời gian đâu,” André nói.

“André.”

Anh nhìn xuống cánh đồng và thấy những luồng sáng liên tiếp hiện ra. Họ đang gọi cỗ máy tới. Đã sẵn sàng để quay trở về.

\*

\*

Những cỗ máy đã xuất hiện. Tất cả đều đã bước lên. Những luồng hơi lạnh lẽo đang tỏa ra bên dưới đế máy, cuộn lên quanh bãi cỏ tối.

Kate nói, “André, đi nào.”

Một khoảng lặng ngắn. Rồi: “Tôi không đi đâu,” Marek nói. “Tôi sẽ ở lại đây.”

“André, anh đang nghĩ không chín chắn rồi.”

“Có đấy.”

Cô nói, “Anh nghiêm túc đấy chứ?”

Kate nhìn Giáo sư. Ông chỉ chậm rãi gật đầu.

“Cả đời cậu ấy chỉ muốn điều này thôi.”

Chris đặt chip định vị vào khe dưới chân.

\*

\*

Marek nhìn từ ô cửa của tháp canh.

“Này, André.” Là giọng Chris.

“Hẹn gặp lại, Chris.”

“Bảo trọng nhé.”

“André.” Là giọng Kate. “Tôi chẳng biết phải nói gì hết.”

“Tạm biệt, Kate.”

Rồi anh nghe tiếng Giáo sư nói: “Tạm biệt, André.”

“Tạm biệt,” André nói.

Qua cái tai nghe, anh nghe thấy giọng nói ghi âm cất lên: “Đứng yên – mở mắt – hít thật sâu – giữ nguyên thế... *Rồi!*”

Trên cánh đồng, anh nhìn thấy một luồng sáng rực rỡ màu xanh da trời. Rồi một luồng sáng nữa, lại một luồng sáng nữa, dần tan biến, tới khi chẳng còn gì nữa.



Doniger đi đi lại lại trên cái sân khấu tối tăm. Trong phòng, ba thành viên quản trị tương lai lặng lẽ ngồi nhìn gã.

“Không sớm thì muộn,” gã nói, “những trò giải trí – những trò giải trí cứ lặp đi lặp lại mãi không ngừng – sẽ khiến con người phải bỏ đi tìm những giá trị chân thực. Giá trị chân thực sẽ là từ khóa của thế kỷ hai mốt. Và chân thực là gì? Bất cứ thứ gì không bị các tập đoàn điều khiển. Bất cứ thứ gì được tạo ra và thiết kế không nhằm mục đích thu lợi. Bất cứ thứ gì chỉ tồn tại vì bản thân nó, mang hình hài của chính nó. Và thứ gì mang những giá trị chân thực nhất? Quá khứ.

“Quá khứ là một thế giới đã tồn tại từ trước khi Disney và Murdoch cũng như British Telecom và Nissan cùng Sony với IBM và tất cả những tổ chức định hình hiện tại này được sinh ra. Quá khứ ở đây trước họ. Quá khứ thịnh suy mà không hề bị họ xâm phạm hay nhào nặn. Quá khứ là thật. Nó mang những giá trị thật. *Và điều này sẽ làm cho quá khứ trở nên quyến rũ đến không thể tin được.* Vì quá khứ là sự thay thế duy nhất cho hiện tại của các tập đoàn.

“Người ta sẽ làm gì? Họ đã tiến hành rồi đấy. Mảng phát triển nhất của ngành du lịch hiện nay là du lịch văn hóa. Người ta không chỉ muốn đến thăm những địa điểm khác nhau, họ còn muốn được đến những khoảng thời gian khác nhau nữa. Người ta muốn được đắm chìm trong những thành phố Trung Cổ, trong những ngôi chùa khổng lồ, trong những thành phố kim tự tháp của người Maya, khu dân cư cổ của người Ai Cập. người ta muốn được sống và tồn tại trong thế giới của quá khứ. Trong thế giới đã biến mất.

“Và họ không muốn nó chỉ là thứ giả dối. Họ không muốn chúng được làm cho đẹp, hay sửa cho sạch. Họ muốn chúng được chân thực. Ai sẽ bảo đảm cho sự chân thực đó? Ai sẽ trở thành thương hiệu cho quá khứ? ITC.

“Tôi sẽ cho các ngài thấy,” gã nói, “kế hoạch cho những điểm du lịch văn hóa trên khắp thế giới của chúng ta. Tôi sẽ tập trung vào một điểm ở Pháp, nhưng chúng tôi cũng có rất nhiều điểm khác nữa. Trong trường hợp nào cũng vậy, chúng tôi đều chuyển khu di tích đó cho chính quyền địa

phương. Nhưng chúng tôi sở hữu khu vực xung quanh, thế có nghĩa là chúng tôi sẽ sở hữu các khách sạn cùng nhà hàng cũng như các cửa hiệu, toàn bộ cơ sở của hệ thống du lịch. Chưa nói gì đến sách báo và phim ảnh hay dịch vụ hướng dẫn và trang phục cũng như đồ chơi và tất cả những thứ khác. Khách du lịch sẽ mất mười đô để được vào khu di tích. Nhưng họ sẽ tiêu năm trăm đô để sống ở ngay bên ngoài nó. Tất cả những thứ đó đều nằm dưới sự quản lý của chúng ta,” Gã mỉm cười. “Dĩ nhiên là để đảm bảo sao cho mọi trải nghiệm đều thật tuyệt vời.”

Một biểu đồ hiện lên đằng sau gã.

“Chúng tôi ước tính rằng mỗi khu di tích sẽ tạo ra khoảng hai tỷ đô mỗi năm, tính cả các hình thức ăn theo. Chúng tôi ước tính rằng tổng doanh thu của công ty sẽ vượt qua con số một trăm tỷ đô một năm trước thập kỷ thứ hai của thế kỷ tới. Đó là một lý do khiến các ngài nên ký hợp đồng với chúng tôi.

“Lý do khác quan trọng hơn. Dưới lớp vỏ du lịch, chúng ta có thể lợi dụng để gây dựng một thương hiệu trí tuệ. Những thương hiệu như thế giờ chỉ được dành cho các phần mềm. Chẳng có cái gì dành cho lịch sử hết. Nhưng lịch sử lại là công cụ trí tuệ hùng mạnh nhất xã hội từng sở hữu. Để tôi nói rõ hơn. Lịch sử không phải là một bản ghi chép hời hợt những sự kiện chết. Nó cũng không phải là một sân chơi cho các học giả thỏa mãn với mấy cuộc tranh luận vớ vẩn của họ.

“Mục đích của lịch sử là giải thích chính hiện tại – rằng tại sao thế giới xung quanh chúng ta lại như thế. Lịch sử cho chúng ta biết thứ gì là quan trọng trong thế giới của chúng ta, và nó đã xuất hiện theo cách nào. Nó nói cho chúng ta biết tại sao những gì chúng ta trân trọng lại đáng trân trọng đến thế. Và nó cho chúng ta biết rằng chúng ta cần lờ cái gì đi, hay vứt cái gì đi. Đó là sức mạnh thực sự – sức mạnh sâu xa nhất. Sức mạnh có khả năng định hình cả một xã hội.

“Tương lai nằm trong tay quá khứ – nằm trong tay ai có khả năng điều khiển quá khứ. Thứ khả năng đó từ trước cho tới nay chưa bao giờ có thể

thực hiện được. Nhưng giờ, đã có thể. Những người ở ITC chúng tôi muốn hỗ trợ các khách hàng trong công cuộc kiến tạo thế giới chúng ta đang sống, làm việc và tiêu dùng. Và trong việc đó, tôi tin rằng chúng tôi sẽ có được sự hỗ trợ chân thành và nhiệt huyết nhất của quý vị.”

Chẳng có tiếng vỗ tay nào, chỉ có sự im lặng băng giá. Lúc nào cũng thế mà. Bọn họ phải mất hồi lâu mới hiểu gã đang nói gì. “Cảm ơn sự chú ý của quý vị,” Doniger nói và bước khỏi sân khấu.

\*

\*

“Phải là chuyện quan trọng đấy,” Doniger nói. “Tôi không thích cắt ngắn bài diễn văn thế đâu.”

“Quan trọng lắm đấy,” Gordon nói. Họ đang đi xuống hành lang, về phía phòng máy.

“Họ về rồi à?”

“Phải. Chúng tôi đã sửa được mấy tấm chắn, và ba người bọn họ đã quay lại.”

“Lúc nào?”

“Khoảng mười lăm phút trước.”

“Và?”

“Họ đã phải trải qua rất nhiều chuyện. Một trong số họ đã bị thương khá nặng và cần được đưa vào viện. Hai người còn lại thì ổn.”

“Thế? Vấn đề là gì?”

Họ đi qua một cánh cửa.

“Họ muốn biết,” Gordon nói, “là tại sao không ai nói gì cho họ nghe về kế hoạch của ITC.”



“Vì nó chẳng liên quan gì đến họ hết,” Doniger nói.

“Họ đã mạo hiểm cả tính mạng...”

“Họ tự nguyện.”

“Nhưng họ...”

“Ô, kệ mẹ bọn họ đi,” Doniger nói. “Mấy mối lo bất chợt này là gì vậy? Ai quan tâm chứ? Họ chỉ là một lũ sử gia mà thôi – họ cũng sẽ chẳng có việc làm trừ khi họ làm cho tôi.”

Gordon không trả lời. Anh đang nhìn qua vai Doniger. Doniger chậm rãi quay người lại.

Johnston đang đứng đó, cùng cô gái, giờ tóc đã cắt ngắn, và một trong số những nam thanh niên. Họ trông thật bẩn thỉu, rách rưới, và đầy máu. Họ đang đứng cạnh một cái màn hình máy tính, hiển thị cảnh trong khán phòng. Những thành viên ban quản trị giờ đang rời phòng, khán đài đã trống trơn. Nhưng họ chắc chắn đã nghe bài diễn thuyết, hoặc ít nhất cũng là một phần.

“Ồ,” Doniger nói, đột nhiên mỉm cười, “tôi rất vui khi thấy mọi người đã quay trở lại.”

“Chúng tôi cũng vậy.” Johnston nói. Nhưng ông không hề mỉm cười.

Chẳng ai nói gì hết.

Họ chỉ nhìn chăm chăm vào gã.

“Ô, kệ mẹ mấy người,” gã nói. Gã quay về phía Gordon. “Sao anh lại đưa tôi tới đây? Vì những nhà sử học buồn lòng à? Đây là tương lai, dù họ có thích nó hay không. Tôi không có thời gian cho mấy thứ vớ vẩn này. Tôi có cả một cái công ty để điều hành đấy.”

Nhưng Gordon đang cầm một chiếc bình xịt nhỏ trong tay. “Đã có vài cuộc thảo luận, Bob,” anh nói. “Chúng tôi nghĩ là giờ công ty cần ai đó điềm đạm hơn.”

Có một tiếng xịt. Doniger ngửi thấy một mùi cay cay, như ê te.



Gã tỉnh lại, nghe thấy một tiếng rền vang, và cái gì đó giống tiếng kim loại bị cắt. Gã đang ở trong cỗ máy dịch chuyển. Gã thấy tất cả bọn họ đều đang nhìn mình chăm chăm từ sau lớp kính chắn. Gã biết là không nên bước ra, một khi nó đã bắt đầu khởi động. Gã nói to, “Chẳng ích gì đâu,” rồi luồng sáng laser màu tím chói nhòa trước mắt gã. Những luồng sáng giờ hiện ra càng lúc càng nhanh. Gã thấy phòng dịch chuyển lớn lên còn người mình càng lúc càng bị thu nhỏ lại – đám bọt sủi ầm khi gã nhỏ dần xuống – rồi tiếng rít vang lên trong tai, gã nhắm mắt lại, đợi cú rơi.

Bóng tối.

Gã nghe thấy tiếng chim riu rít và mở mắt ra. Việc đầu tiên gã làm là ngược nhìn bầu trời. Trời trong. Thế là không phải Vesuvius. Gã đang ở trong một khu rừng thời Trung cổ với những thân cây khổng lồ. Thế tức là chỗ này không phải Tokyo. Tiếng chim chiêm chiếp rất dễ chịu, không khí ấm áp. Không phải Tunguska.

Gã đang ở chỗ quái nào vậy?

Cỗ máy đang đậu lại trên một sườn dốc; rừng thoải xuống phía trái. Gã thấy ánh sáng giữa những hàng cây cách đó một đoạn. Gã đi ra khỏi cỗ máy và xuống sườn dốc. Chỗ nào đó phía xa, gã nghe thấy những nhịp chậm rãi từ một cái trống.

Gã đi tới nơi cây rẽ ra và nhìn xuống thị trấn kiên cố bên dưới. Nó bị che một phần trong khói lửa, nhưng gã vẫn nhận ra nó ngay lập tức. Ôi trời, gã nghĩ, chỉ là Castलगard thôi mà. Đưa mình quay về đây làm gì không biết?

Gordon, dĩ nhiên, là kẻ đã đứng đằng sau chuyện này. Hẳn đã nói với vấn gì đó về việc mấy học giả bị thất vọng. Là Gordon. Thằng khốn đó đã điều khiển công nghệ, và giờ hẳn nghĩ mình có thể điều khiển cả công ty nữa. Gordon đã đưa gã về đây, nghĩ rằng gã không thể quay trở lại.

Nhưng Doniger có thể quay lại, và gã chắc chắn sẽ làm thế. Gã chẳng có gì phải lo, vì gã vẫn luôn mang một miếng sứ bên mình. Gã cất nó dưới đế giày. Gã tháo giày ra, và nhìn xuống đế. Tốt, miếng sứ vẫn ở đó. Nhưng nó đã bị đẩy tít vào sâu bên trong, và dường như đã bị mắc kẹt trong đế. Khi

gã lắc lắc chiếc giày, nó cũng không chịu rơi ra. Gã thử lấy một cành cây, chọc vào đế, nhưng cành cây bị cong vẹo đi.

Thế là gã cố bẩy đế giày ra, nhưng gã không đủ lực; cái đế vẫn nguyên như cũ. Gã cần thứ gì đó bằng kim loại, một cái chêm hay một cái đục gì đó. Gã có thể tìm được chúng ở trong thị trấn, gã chắc chắn thế.

Gã xỏ giày lại, tháo áo khoác và cà vạt, rồi đi xuống sườn dốc. Nhìn thị trấn, gã nhận thấy có những chi tiết rất lạ. Gã mới ở ngay phía ngoài cánh cổng hướng Đông chỗ bức tường thành, nhưng cánh cổng lại mở rộng. Và chẳng có người lính nào dọc tường thành hết. Thật kỳ cục. Dù giờ có là năm nào đi nữa, đây cũng chắc chắn là thời bình – cũng có những thời điểm như thế, giữa những cuộc xâm lăng của người Anh. Nhưng gì thì gì, gã cũng vẫn nghĩ rằng cánh cổng phải được canh gác cẩn thận. Gã nhìn ra đồng và chẳng thấy ai trên đó hết: Chúng dường như đều bị bỏ băng, từng mảng cỏ dại vút lên.

Quái gì thế? Gã nghĩ.

Gã bước qua cổng và tiến vào thị trấn. Gã thấy cổng không được ai canh là vì người lính canh đã nằm chết trên mặt đất. Doniger cúi người xuống nhìn anh ta. Có những vệt máu đỏ rực chảy ra từ quanh mắt anh ta. Người lính gác chắc chắn đã bị đánh vào đầu, gã nghĩ vậy.

Gã quay ra phía thị trấn. Giờ gã thấy khói đang tỏa ra từ những cái lu nhỏ đặt ở khắp mọi nơi – trên mặt đất, trên tường, hoặc trên hàng rào. Và thành phố dường như bị bỏ hoang, vắng lặng giữa ánh nắng rực rỡ ban ngày. Gã bước vào chợ, nhưng chẳng có ai ở đó hết. Gã nghe thấy tiếng các thầy tu cầu nguyện; họ đang tiến về phía gã. Và gã nghe thấy có tiếng trống.

Gã thấy rùng mình.

Mười hai thầy tu, tất cả đều mặc đồ đen, nối nhau đi qua góc đường như đang hành lễ vừa cầu nguyện. Nửa số họ cỡi trần, tự quất vào người bằng những sợi roi da cổ gấn đầu kim loại. Vai và lưng họ chảy máu ròng ròng.

Những thầy tu hành xác.

Họ là thế, những người hành xác. Doniger rên nhẹ và lùi xa khỏi những thầy tu, những người vẫn đang tiếp tục nghiêm trang đi qua mà không chú ý gì đến gã hết. Gã tiếp tục bước đi, càng lúc càng xa hơn, cho tới khi lưng gã chạm vào một lớp gỗ.

Gã quay lại thì thấy một cỗ xe ngựa gỗ, nhưng chẳng có con ngựa nào hết. Gã thấy hàng bọc vải chất đầy trên xe. Rồi gã thấy một bàn chân trẻ em thò ra khỏi một bọc trong cái đồng đó. Một cánh tay phụ nữ từ một bó vải khác. Ruồi vo ve âm ỉ. Một bầy ruồi, bu đầy lên những cái xác.

Doniger bắt đầu rùng mình.

Cánh tay có những cục u màu đen kỳ quái.

Cái Chết Đen.

Gã đã biết đây là năm nào. Năm 1348. Năm dịch hạch lần đầu tấn công Castलगard và giết đi một phần ba dân số. Và gã biết nó lan ra như thế nào – theo vết cắn của bọ chét, qua tiếp xúc và không khí. Chỉ hít thở không khí thôi cũng đủ chết. Gã biết là nó tác động rất nhanh, rằng mọi người cứ thế là ngã lăn ra đường. Một phút trước bạn còn cực kỳ khỏe mạnh. Rồi bạn sẽ bắt đầu ho, rồi đau đầu. Một tiếng sau bạn sẽ chết.

Gã đã đứng rất gần người lính ở chỗ cổng. Gã đã cúi rất sát mặt của người đó.

Rất sát.

Doniger tựa vào một bức tường, thấy sự kinh hoàng đến tê dại bắt đầu trùn lên người mình.

Khi ngồi đó, gã bắt đầu ho.

## PHẦN KẾT

Mưa quất ngang vùng đất nhạt nhòa xám xịt của nước Anh. Hai chiếc cần gạt nước cứ quật qua lại liên tục. Trên ghế lái, Edward Johnston cúi người về trước và nheo mắt cố nhìn qua làn mưa. Bên ngoài là những ngọn đồi màu xanh thấp lùn, được phân cách bởi những đường viền đen, tất cả mọi thứ đều mờ ảo trong cơn mưa. Nông trại cuối cùng đã cách họ tới vài dặm phía sau rồi.

Johnston nói: “Elsie, em có chắc là đúng đường không đấy?”

“Chắc chắn mà,” Elsie Kastner nói, tấm bản đồ mở ra trên đùi. Cô lướt tay trên lộ trình. “Bốn dặm từ Cheatham Cross tới thung lũng Bishop, rồi một dặm nữa, nó sẽ ở phía kia, bên phải.”

Cô chỉ tay về phía một ngọn đồi lác đác những cây sồi.

“Tôi chẳng thấy gì hết,” Chris nói vọng lên từ hàng ghế sau.

Kate nói “Điều hòa có bật không vậy? Nóng quá.” Cô đang mang thai tháng thứ bảy, và lúc nào cũng thấy nóng.

“Có, có bật đấy,” Johnston nói.

“Hết cỡ đấy chứ?”

Chris vỗ nhẹ lên đùi cô đầy an ủi.

Johnston lái xe chậm lại, tìm một cột mốc ở bên vệ đường. Mưa ngớt dần. Họ đã có thể thấy đường rõ hơn. Và rồi Elsie nói, “Đằng kia!”

Trên đỉnh ngọn đồi là bóng một khu nhà hình chữ nhật với những bức tường đổ nát.

“Là nó đấy à?”

“Là lâu đài Eltham,” cô nói. Những gì còn lại của nó.”

Johnston đánh xe sang bên lề đường, rồi tắt máy. Elsie đọc trong cuốn sách hướng dẫn du lịch. “Đầu tiên được xây dựng bởi John d’Eltham vào thế

kỷ thứ mười một, sau đó có vài bổ sung. Đáng chú ý là phế tích pháo đài có từ thế kỷ mười hai, và một nhà nguyện theo kiến trúc kiểu Gothic Anh, có từ thế kỷ mười bốn. Không liên quan gì đến lâu đài Eltham ở London, nó thuộc một thời kỳ tiếp sau đó.”

Mưa dần tạnh, giờ chỉ còn những giọt lất phất bay trong gió. Johnston mở cửa xe và đi ra ngoài, mặc áo mưa vào. Elsie ra ngoài từ hàng ghế sau, chỗ tài liệu được để trong cặp nhựa. Chris đi vòng qua xe để mở cửa cho Kate, giúp cô bước ra ngoài. Họ trèo qua một bức tường đá thấp, và bắt đầu tiến về phía lâu đài.

Phế tích trông khá hơn so với khi nhìn từ ngoài đường; những bức tường đá cao ngất, tối đen lại vì mưa. Chẳng có trần nhà; những căn phòng mở toang hướng lên bầu trời. Không ai nói gì khi đi qua khu phế tích hết. Họ không thấy một dấu hiệu gì, chẳng có chút cổ vật nào, chẳng có gì cho thấy đây là nơi nào, cả tên nó là gì cũng không. Cuối cùng Kate nói, “Nó ở đâu chứ?”

“Nhà nguyện á? Ở đằng kia.”

Đi vòng quanh một bức tường khá cao, họ nhìn thấy nhà nguyện, còn nguyện vẹn đến đáng ngạc nhiên, mái đã được sửa lại lúc nào đó trong quá khứ. Những cánh cửa chỉ là những mái vòm trổ vào đá, không có kính. Chẳng có cửa ra vào.

Bên trong nhà nguyện, gió lùa qua những khe nứt và các ô cửa sổ. Nước nhỏ xuống từ trên trần nhà. Johnston lấy một chiếc đèn pin lớn ra, chiếu lên tường.

Chris nói, “Cô làm sao mà tìm được chỗ này vậy hả, Elsie?”

“Dĩ nhiên là từ chỗ tài liệu rồi,” cô nói. “Trong những lưu trữ về Troyes, có một đoạn đề cập tới việc một tên cướp giàu có người Anh tên là Andrew d’Eltham đã đến thăm tu viện Sainte-Mère vào những năm cuối đời. Ông ta đã đưa cả gia đình từ Anh tới, gồm vợ và những người con trai đã trưởng thành. Điều đó đã khiến tôi bắt đầu tìm kiếm.”

“Ở đây,” Johnston nói, chiếu đèn xuống nền nhà.

Tất cả họ đều đi tới xem.

Những cành cây gãy và một lớp lá ướt phủ dày trên nền nhà. Johnston nhào người xuống, phải hết chúng đi để làm lộ ra những phiến đá được đặt trên nền nhà đã bị bào mòn qua năm tháng. Chris thở hắt ra khi thấy bức tượng đầu tiên. Đó là một người phụ nữ, mặc một chiếc váy dài rất đoan trang, đang nằm ngửa. Những đường nét không nghi ngờ gì là của phu nhân Claire. Không như những bức tượng khác, Claire được tạc với hai mắt mở to, nhìn thẳng vào người xem.

“Vẫn rất đẹp,” Kate nói, đứng ngả lưng về sau, tay chống vào mạng sườn.

“Phải,” Johnston nói. “vẫn rất đẹp.”

Giờ tới bức tượng thứ hai được lau sạch. Nằm bên cạnh Claire là André Marek. Anh cũng có đôi mắt mở to. Marek trông già hơn, và một vết nhăn bên má có thể là do tuổi tác, hoặc có thể là một vết sẹo.

Elsie nói, “Theo những tài liệu đó, Andrew đã hộ tống phu nhân Claire từ Pháp trở lại Anh, và rồi kết hôn với cô ấy. Anh ta chẳng quan tâm gì đến những lời đồn thổi rằng Claire đã giết người chồng trước. Người ta nói rằng anh ta cực kỳ yêu vợ mình. Họ có năm người con trai, và cả đời không thể rời xa nhau.

“Khi tuổi già tới,” Elsie nói, “tay lính đánh thuê già ấy đã yên bề con cháu. Lời trần trối của Andrew là ‘Ta đã chọn sống một cuộc sống tốt.’ Ông ta được chôn cất ở nhà nguyện của dòng họ Eltham, vào tháng Sáu năm 1382.”

“1382,” Chris nói. “Anh ấy năm mươi tư tuổi.”

Johnston lau phần còn lại của bức tượng. Họ thấy khiên của Marek: một con sư tử Anh đang chồm trên cánh đồng hoa ly của Pháp. Phía trên tấm khiên là một dòng chữ bằng tiếng Pháp.

Elsie nói, “Phương châm của dòng họ anh ta, noi theo Richard Dũng Cảm, xuất hiện ở phía trên gia huy: *Mes compagnons cui j’amoie cui*



*j'aim,... Me di, chanson.*” Cô ngừng lại. “ ‘Những người bạn tôi đã yêu, và vẫn luôn yêu,... kể cho họ nghe, bài ca của tôi’ .”

Họ chăm chú nhìn André hồi lâu.

Johnston chạm đầu ngón tay vào những đường nét trên gương mặt của Marek, “Ừm,” ông nói, “ít nhất thì chúng ta cũng biết được chuyện gì đã xảy ra.”

“Thầy có nghĩ là anh ấy hạnh phúc không?” Chris nói.

“Có,” Johnston nói. Nhưng ông đang nghĩ rằng dù Marek có yêu nơi ấy đến thế nào đi nữa, nó cũng không bao giờ có thể là thế giới thuộc về anh. Không thực sự là thế. Anh chắc chắn luôn cảm thấy xa lạ với nó, một con người bị chia cắt khỏi mọi thứ xung quanh, vì anh đã đến từ một nơi khác.

Gió gào thét. Vài chiếc lá bị thổi bay, lướt trên nền nhà. Không khí lạnh và ẩm. Họ lặng lẽ đứng đó.

“Con bản khoán không biết anh ấy có bao giờ nghĩ tới chúng ta không,” Chris nói, nhìn vào khuôn mặt bằng đá. “Con bản khoán không biết anh ấy có nhớ chúng ta không.”

“Dĩ nhiên là cậu ta nhớ chứ,” Giáo sư nói. “Con có nhớ cậu ấy không?”

Chris gật đầu. Kate khịt khịt mũi.

“Ta có nhớ,” Johnston nói.

Họ đi ra ngoài. Họ đi về phía chiếc xe ô tô dưới chân đồi. Giờ cơn mưa đã tạnh hẳn, nhưng mây mù dày đặc vẫn sà xuống thấp trên những ngọn đồi phía xa.

## LỜI CẢM ƠN

Những hiểu biết của chúng ta về thời kỳ Trung Cổ đã thay đổi một cách chóng mặt trong năm mươi năm trở lại đây. Mặc dù người ta đôi khi vẫn nghe thấy một nhà khoa học tự cao tự đại nói về Đêm trường Trung Cổ, nhưng những quan điểm hiện đại từ lâu đã bác bỏ sự giản lược này. Một thời kỳ vốn được cho là trì trệ, dã man và tăm tối thì nay được hiểu như một thời kỳ đổi mới mạnh mẽ: đó là thời kỳ mà tri thức được tìm kiếm và trọng vọng; nơi những trường đại học lớn ra đời, và giáo dục được thúc đẩy; nơi công nghệ có những bước nhảy vọt; nơi các quan hệ xã hội liên tục thay đổi; nơi giao thương được mở rộng giữa các quốc gia; nơi bạo lực nói chung lại thường ít dẫn đến chết chóc hơn so với ngày nay. Nếu trước đây thời kỳ Trung Cổ thường được người ta gắn với một thời điểm đen tối của chủ nghĩa địa phương hẹp hòi, định kiến tôn giáo và thám sát trên diện rộng, thì rõ ràng những ghi nhận về thế kỷ hai mươi cũng sẽ khiến các nhà quan sát tinh ý đi đến kết luận rằng chúng ta hiện nay chẳng hề vượt trội gì so với thời kỳ đó cả.

Trong thực tế, quan niệm cho rằng thời kỳ Trung Cổ vốn đầy rẫy bạo tàn là một sự bịa đặt của thời Phục Hưng, khi mà ưu tiên hàng đầu là nhấn mạnh vào một tinh thần đổi mới, kể cả có phải trả giá bằng sự thật. Nếu một thế giới Trung Cổ tăm tối đã trở thành một quan niệm bị hiểu sai trong thời gian dài, thì lý do có thể là vì điều đó khẳng định một niềm tin đương đại vốn được ủng hộ cho rằng loài người chúng ta luôn tiến tới những thứ tốt đẹp và luôn được khai sáng hơn. Niềm tin này hoàn toàn là ảo tưởng, nhưng rất khó biến mất. Và đặc biệt khó khăn để con người trong thế giới hiện đại chấp nhận rằng thời kỳ khoa học, hiện đại của chúng ta có thể không phải là một sự tiến bộ so với thời kỳ tiền khoa học kia.

Vài lời về du hành thời gian. Trong khi dịch chuyển tức thời lượng tử thật sự đã được chứng minh trong các phòng thí nghiệm trên khắp thế giới, thì ứng dụng thực tiễn của hiện tượng này vẫn nằm ở thì tương lai. Những ý

tưởng được nói đến trong cuốn sách này được bắt nguồn từ những nghiên cứu của David Deutsch, Kip Thorne, Paul Nahin và Charles Bennett cùng những người khác. Những gì xuất hiện trong cuốn sách có thể làm họ thích thú nhưng chắc chắn họ sẽ không xem xét nó một cách nghiêm túc. Đây là một cuốn tiểu thuyết: du hành thời gian vẫn chỉ hoàn toàn tồn tại trong thế giới giả tưởng.

Nhưng những miêu tả về thế giới Trung Cổ có những cơ sở chắc chắn hơn, và về điều đó thì tôi mắc nợ những công trình nghiên cứu của rất nhiều học giả. Những lỗi mắc phải trong cuốn sách, nếu có, đều là do tôi, không phải xuất phát từ họ.

Tôi cũng biết ơn Catherine Kanner đã vẽ minh họa cho cuốn sách này, và Brant Gordon với những mô phỏng kiến trúc thực hiện trên máy tính.

Cuối cùng tôi xin đặc biệt gửi lời cảm ơn đến nhà sử học Bart Vranken với những hiểu biết vô giá của ông, và sự đồng hành của ông trong suốt quá trình thám hiểm những khu di tích đổ nát, ít được biết đến ở Périgord.

## Notes

[←1]

Nguyên văn: “Beam me up, Scotty.” – câu nói quen thuộc trong bộ phim nổi tiếng *Star Trek*.

[←2]

Los Alamos là Phòng thí nghiệm Quốc gia của Hoa Kỳ tọa lạc tại tiểu bang New Mexico. Đây cũng là một trong hai phòng thí nghiệm thực hiện những nghiên cứu bí mật về thiết kế bom nguyên tử của nước này.

[← 3](#)

Cách viết ngắn gọn của California Institute of Technology – Viện Công nghệ California.

[←4]

Nguyễn văn: “Quondam phone, make me roam, to the place I belong, old Black Rocky, country byway, quondam phone, it’s on roam.” Nhái bài “Take me home, country road” của John Denver.

[← 5]

Third base: chốt ba trong môn bóng chày trong đó cầu thủ tấn công phải chạy qua chốt này trước khi về chốt nhà để ghi điểm.



[←6]

Tiếng Anh nghĩa là “tu viện”.

[←7]

Nhiễm xeton (ketosis) là hiện tượng các thể xeton gia tăng quá nhiều trong máu khi con người nhịn ăn hoặc bị bỏ đói quá lâu.

[←8]

Nguyên văn: Quondam phone makes me roam

[←9]

Bọt lượng tử.

[← 10](#)

Nguyên văn: International Technology Corporation.

[[← 11](#)]

Một qubit, hay bit lượng tử, là một đơn vị của thông tin lượng tử. Thông tin đó miêu tả một hệ cơ học lượng tử có 2 trạng thái cơ bản, thường được kí hiệu  $|0\rangle$  và  $|1\rangle$  (đọc là két 0 và két 1). Một trạng thái qubit thuần túy, theo nguyên lý chồng chập, là một tổ hợp tuyến tính của hai trạng thái cơ bản trên. Điều này khác với bit của thông tin cổ điển, chỉ nhận một trong hai giá trị 0 và 1.

[← 12]

Chỉ dấu khảo cổ bao gồm chỉ dấu mùa màng, chỉ dấu đất và chỉ dấu băng giá. Những chỉ dấu này giúp quan sát đặc trưng khảo cổ, những đặc điểm tự nhiên và những gì xảy ra gần đây từ trên máy bay hoặc từ một địa điểm cao trên mặt đất mà từ dưới mặt đất không nhìn thấy được.

[← 13](#)

Nhân vật quý thần trong văn học dân gian Đức, xuất hiện lần đầu trong huyền thoại Faust.



[← 14]

Luân canh trên ba cánh đồng là kỹ thuật canh tác nổi tiếng trong thời kì Trung Cổ. Diện tích đất canh tác sẽ được chia ra làm ba cánh đồng. Vào mùa thu hằng năm, cánh đồng thứ nhất sẽ trồng lúa mì, lúa mạch cho mùa đông; cánh đồng thứ hai trồng các loại đậu, đỗ; cánh đồng thứ ba được để trống. Cánh đồng thứ ba sẽ được “nghỉ” để tăng dưỡng chất trong đất. Việc canh tác tại  $\frac{1}{3}$  cánh đồng sẽ được luân phiên sau mỗi năm.

[← 15](#)

Nguyên văn: Broadsword – Loại kiếm to bản thường được sử dụng vào thời Trung cổ ở Châu Âu.

[← 16](#)

Tiếng Occitan là một ngôn ngữ thuộc nhóm Rô man, là hậu thân của tiếng Latin bình dân được cả cư dân bản địa ở miền Nam nước Pháp và một số nơi sử dụng sau khi đế chế La Mã sụp đổ.

[← 17](#)

Giống ngựa kéo có nguồn gốc ở phía Tây nước Pháp, nổi tiếng về sức mạnh và sự nghe lời.

[← 18]

Theo cách phân chia hai giai đoạn của những nước nói tiếng Rô man, thời kỳ Trung Cổ chia thành High Middle Ages (Thời kỳ Trung cổ thịnh vượng) và Low Middle Ages (Thời kỳ Trung cổ suy thoái). Còn theo cách phân chia hiện đại của những nước nói tiếng Anh, thời kỳ Trung cổ chia làm ba giai đoạn Sơ kỳ (Early), Trung kỳ (High) và Hậu kỳ (Late).

[← 19](#)

Yale Arts and Architecture – Tòa nhà Nghệ thuật và Kiến trúc Yale.

[← 20](#)

Nguyên văn: HELP ME.

[← 21](#)

Nguyên văn: PLS CHK THIS CHARGE.



[← 22]

Viết tắt của Before Present – một khái niệm trong địa chất học và một ngành khoa học khác để xác định thời điểm một sự kiện xảy ra. Vì thời điểm “hiện tại” luôn thay đổi nên người ta chọn 1/1/1950 làm cột mốc hiện tại để tính toán niên đại của sự kiện.

[← 23](#)

John Wheeler, nhà khoa học đưa ra khái niệm bọt lượng tử.

[← 24]

Đường cong thời gian đóng.

[← 25](#)

Electron Magnetic Resonance – Cộng hưởng từ electron.

[← 26](#)

Nguyên văn: Gentle – từ này cũng có nghĩa là lịch thiệp.

[← 27](#)

Nguyên văn: squire – một từ để chỉ các hiệp sĩ tập sự thời Trung Cổ.

[← 28](#)

Nguyên văn: Gentle man, gentle woman.

[← 29](#)

Đồng tiền của Pháp thời Trung Cổ.



[← 30](#)

Triết gia thời La Mã.

[← 31](#)

Tiếng Latin: “Lạy Cha chúng con người ngự trên thiên đường/ Vinh danh là tên Cha/  
Vương quốc của Cha đã xuất hiện/ Ý nguyện của Cha sẽ được thực hiện.”

[← 32](#)

Tiếng Latin: “Trao cho chúng con/ Lương thực hằng ngày/ Và tha thứ cho những hành động mạo phạm của chúng con.”

[← 33](#)

Edgar Allan Poe (1809-1849) – nhà văn, nhà thơ nổi tiếng người Mỹ. Trong số các tác phẩm của mình, Edgar Allan Poe còn nổi tiếng với các truyện kinh dị, một trong số đó là *Mặt nạ của tử thần đỏ*.

[← 34](#)

Tiếng Pháp: Lại đây!

[← 35](#)

Tiếng Pháp: Thật duyên dáng.

[← 36](#)

Tiếng Pháp: Đúng thể.

[← 37](#)

Tiếng Pháp: Không.



[← 38](#)

Tiếng Latin: Lại đây, lại đây!

[← 39](#)

Tiếng Latin: Nước. Đưa nước cho tôi.

[← 40](#)

Nữ nhân vật hoạt hình nổi tiếng của Mỹ.

# Table of Contents

[GIỚI THIỆU: Khoa học cuối thế kỷ](#)

[CORAZÓN](#)

[DORDOGNE](#)

[BLACK ROCK](#)

[CASTELGARD](#)

[37:00:00](#)

[36:50:22](#)

[36:49:19](#)

[36:30:42](#)

[36:30:00](#)

[36:28:04](#)

[36:13:17](#)

[35:31:11](#)

[35:25:18](#)

[34:25:54](#)

[33:12:51](#)

[32:16:01](#)

[36:02:00](#)

[31:40:44](#)

[31:15:58](#)

[30:51:09](#)

[30:40:39](#)

[30:21:02](#)

[30:10:55](#)

[29:10:24](#)

[29:10:00](#)

[28:57:32](#)

[28:12:39](#)

[27:27:22](#)

[26:12:01](#)  
[26:12:01](#)  
[16:12:23](#)  
[15:12:09](#)  
[14:52:07](#)  
[11:01:59](#)  
[09:57:02](#)  
[09:57:02](#)  
[09:27:33](#)  
[09:25:12](#)  
[09:10:23](#)  
[09:04:01](#)  
[07:34:49](#)  
[07:34:49](#)  
[07:24:33](#)  
[06:40:27](#)  
[06:40:22](#)  
[05:19:55](#)  
[03:10:12](#)  
[02:55:14](#)  
[02:22:13](#)  
[01:33:00](#)  
[01:22:12](#)  
[01:13:52](#)  
[01:01:52](#)  
[00:59:20](#)  
[00:54:00](#)  
[00:36:02](#)  
[00:33:09](#)  
[00:21:52](#)  
[00:15:02](#)  
[00:09:04](#)

00:05:30

00:01:44

PHẦN KẾT

LỜI CẢM ƠN